

LUẬT TỬ PHÂN
Quyển 6

VIỆN CAO ĐẲNG PHẬT HỌC HẢI ĐỨC

TỨ PHẦN LUẬT

四分律

PHẦN THỨ TƯ
Quyển 6

Hán dịch:

Tam tạng Phật-đà Đa-xá và Trúc-phật-niệm

Việt dịch:

Tỳ-kheo Thích Đồng Minh

Tỳ-kheo Thích Đức Thắng

Hiệu chính và chú thích:

Tỳ-kheo Thích Nguyên Chứng

BAN TU THƯ PHẬT HỌC

Pl. 2550 - 2006

PHẦN THỨ TƯ

TẠP PHÁP

CHƯƠNG I : PHÒNG XÁ

CHƯƠNG II : TẠP SỰ

CHƯƠNG III : NGŨ BÁCH TẠP PHÁP

CHƯƠNG IV : THẤT BÁCH TẠP PHÁP
TỶ-NI

CHƯƠNG V : ĐIỀU BỘ

CHƯƠNG VI : TỶ-NI TĂNG NHẤT

CHƯƠNG I PHÒNG XÁ

1. Ca-lan-đà Trúc viên

[936b25] Thế Tôn ở tại nước Ba-la-nại.

Bấy giờ có năm người¹ từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chầm đất, chắp tay thưa đức Thế Tôn:

“Chúng con nên ở những loại phòng ốc nào, và sử dụng loại ngọa cụ nào?”

Phật nói: “Cho phép, ở nơi a-lan-nhã hoặc dưới gốc cây hay nơi phòng trống, nơi hang cốc, trong hốc núi, chỗ đất trống, bên đồng cỏ khô, hay đụn cỏ, trong rừng, bên bãi tha ma, bên mé nước. Trái cỏ hay lá để ngồi.”

[936c] Các tỳ-kheo năm không có gối nên bị đau. Đức Phật cho phép, dùng đá, ngói, cây, cánh tay, hay một trong mười loại y để gối.

Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Vua Bình-sa nước Ma-kiệt có ý nghĩ: “Nếu đức Thế Tôn đến đây, trước hết vào khu vườn nào, ta sẽ dâng cúng khu vườn ấy để làm tăng-già-lam. Trong thành Vương-xá, Ca-lan-đà Trúc viên² này là vườn đứng vào hàng tuiệt hảo.”³

Đức Thế Tôn biết tâm niệm nhà vua như vậy nên đến Ca-lan-đà Trúc viên trước tiên. Từ xa vua thấy đức Thế Tôn liền xuống voi, lấy chiếc nệm trên lưng voi xếp làm bốn lớp trải ra và cung kính thỉnh đức Thế Tôn ngồi. Đức Thế Tôn an tọa nơi chỗ ngồi, vua Bình-sa cầm bình nước rửa bằng vàng, dâng nước cho đức Phật và bạch:

¹ Năm tỳ-kheo đầu tiên.

² Xem Phần III, Ch.i, Thọ giới.

³ Xem Phần III, Ch.i, Thọ giới, Phần III. mục 1.5 Vua Bình-sa.

“Trong thành Vương-xá này, khu Ca-lan-đà trong Trúc viên này là đẹp hơn tất cả. Nay con xin dâng cúng đức Thế Tôn. Xin Thế Tôn từ miễn nạp thọ.”

Đức Phật bảo vua: “Đại vương nên đem vườn này dâng cúng cho Phật và Tăng bốn phương. Tại sao vậy? Nếu tăng-già-lam, vườn hay vật trong vườn, phòng xá hay vật trong phòng xá, y bát, tọa cụ, ống đựng kim, tất cả sở hữu của Phật thì chư Thiên, người đời, ma vương, phạm vương, sa-môn, bà-la-môn, đều không thể dùng được, mà cung kính như bảo tháp.”

Vua liền bạch Phật:

“Bạch Đại đức, con xin dâng cúng Ca-lan-đà Trúc viên này lên đức Phật và Tăng bốn phương. Xin Thế Tôn và bốn phương Tăng dù lòng thương vì con mà thu nhận.”

Đức Thế Tôn khuyến dụ bằng bài kệ sau đây:

*Cúng vườn và cây trái,
Cầu đồ đưa rước người.
Đường dài thí giếng nước,
Và phòng nhà để ở.
Nhưng người cúng như vậy,
Ngày đêm phước càng thêm.
Người trì giới vui pháp,
Sẽ được sanh đường lành.*

Vua Bình-sa đầu mặt kính lễ sát chân đức Phật rồi ngồi lui qua một bên. Đức Thế Tôn vì vua phương tiện nói các pháp khiến vua được hoan hỷ. Vua nghe đức Phật nói pháp được hoan hỷ rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, kính lễ Phật rồi cáo lui.

2. Tinh xá

Bấy giờ, các tỳ-kheo, vào buổi sáng sớm, từ núi Kỳ-xà-quật đến thành Vương-xá. Trong thành có ông đại trưởng giả gặp các tỳ-kheo, bèn hỏi: “Ban đêm Đại đức nghỉ ở đâu?”

Quý vị trả lời: “Nghỉ trong hang núi, bên mé nước, dưới gốc cây, nghỉ bên hòn đá, nghỉ trên bãi cỏ.”

Ông trưởng giả hỏi: “Không có phòng xá hay sao?”

“Không có.”

Ông trưởng giả hỏi tiếp: “Nếu làm phòng xá có được hay không?”

“Đức Thế Tôn chưa cho phép làm phòng xá.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Cho phép, làm phòng xá.”¹

Ông trưởng [937a1] giả nghe đức Phật đã cho phép các tỳ-kheo làm phòng xá, liền làm sáu mươi biệt phòng² tại núi Kỳ-xà-quật. Đầy đủ tất cả những thứ cần dùng. Rồi ông thỉnh Phật và Tăng sáng ngày mai đến thọ thực và cúng dường phòng xá. Trong đêm ấy, ông chuẩn bị các thức ăn ngon bổ. Sáng ngày, đi báo giờ. Đức Thế Tôn, vào lúc tảng sáng, cùng đại tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, khoác y, bung bát, đến nhà ông trưởng giả, an tọa nơi chỗ ngồi. Ông trưởng giả tự tay châm chước đầy đủ các thức ăn tinh khiết ngon lành dâng lên Phật và Tăng. Các vị ăn xong, ông trưởng giả lấy bình bằng vàng đựng nước dâng lên đức Thế Tôn, rồi thưa:

“Con cất sáu mươi phòng xá tại núi Kỳ-xà-quật. Đầy đủ tất cả những thứ cần thiết, vì phước đức, vì đại tế tự, để sanh đường lành. Nay con xin dâng cúng đức Phật và bốn phương Tăng. Cúi xin Thế Tôn từ mẫn thấu nhận.”

Đức Thế Tôn nhận rồi, dùng những lời khuyên dụ sau đây để khuyên dụ:

*Để ngăn sự lạnh nóng,
Và các loài ác thú,*

¹ Pāli, Cullavagga vi. Senāsanakkhandhakaṃ, Vin.ii. 246: Thế tôn cho phép năm loại phòng xá (*pañca leṇānī*): *vihāraṃ*: tinh xá, *aḍḍhayogaṃ*: nhà mái bằng, *pāsādaṃ*: nhà lầu, *hammiyaṃ*: tầng gác, *guhaṃ*: hang cốc.

² Biệt phòng 別房. *Ngũ phần* 25: 60 phòng xá 房舍. Pāli (Vin.ii. 148): *vihāra*, tinh xá.

*Mòng, muối, các độc trùng,
 Và ngăn che mưa nắng,
 Bạo bệnh, cùng ác phong;
 Tất cả đều ngăn che.
 Trì giới không hủy phạm,
 Siêng tu trong Phật pháp,
 Bền chí và an vui,
 Thiên định phân biệt quán.
 Cúng phòng xá cho Tăng
 Thế Tôn nói, bậc nhất.*

Bảy giờ, trưởng giả thành Vương-xá lấy cái ghé thấp ngồi trước đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện thuyết pháp, khai hóa, khiến trưởng giả được hoan hỷ. Sau khi nói pháp cho ông trưởng giả, khai hóa, khiến cho hoan hỷ rồi, đức Thế Tôn từ chỗ ngồi ra về.

Khi vua Bình-sa nghe đức Thế Tôn đã cho phép chúng Tăng làm phòng xá, ông muốn phát nguyện xây cất đại giảng đường tại Ca-lan-đà Trúc viên, như cung điện của vua ngự, cung cấp đầy đủ tất cả những vật cần thiết. Đức Phật cho phép làm.

Có đàn-việt muốn xây lầu các¹ cho Tăng. Phật cho phép. Có đàn-việt muốn làm phòng tỳ-ma-na² cho Tăng. Phật cho phép. Có đàn-việt muốn làm phòng hình con voi³ cho Tăng. Phật cho phép. Có đàn-việt muốn làm các loại phòng xá cho Tăng. Phật cho phép.

Các tỳ-kheo muốn làm phòng, Phật cho phép. Tùy theo phương pháp làm phòng, tất cả những gì cần cũng đều cho phép. Làm phòng rồi, nếu đất bị bụi bấn nên dùng bùn để trét. **[937b]** Không

¹ Lầu các 樓閣, thực chất là nhà sàn. Pāli: *pāsāda*. Xem cht. 4 trước. Cf. Vin. ii. 146

² Tỳ-ma-na phòng 毘摩那房. Pāli: *vimāna*, thiên cung. Có lẽ chính xác là *hammiya*: tầng gác. Xem cht. 4 trước.

³ Tượng hình phòng 象形房, chưa rõ hình dáng thế nào. Có lẽ chính xác là *aḍḍhayoga*: nhà mái bằng; Hán đọc là *hattharūpa*? Xem cht. 4 trên.

có đồ trải để nằm nên sanh bệnh, đức Phật cho phép, dùng y lê-diên-đà, mao-la, mao-mao-la, mao-lâu,¹ hay một trong mười loại y để trải dưới đất. Nếu vẫn còn mắc bệnh, đức Phật cho phép làm giường.

Có năm loại giường, như trên.² Có vị muốn giường bện,³ đức Phật cho phép bện nhưng trừ hai loại dây không được bện là da và tóc. Ngoài ra các loại dây khác được dùng để bện. Nếu dây không đủ thì khâu xuyên qua lỗ mộng để bện thưa.

Giường của vị kia không có đồ trải để nằm nên sanh bệnh. Phật cho phép làm nệm để trải nằm. Có vị không biết dùng vật gì để làm, Phật cho phép dùng rơm, cỏ, lông, hay kiếp-bối để độn vào trong. Nếu nệm nhỏ thì trương ra may dính vào bốn phía giường. Nếu đường viền của nệm bị hỏng thì nên vá lại. Nếu đồ độn bị dòn một chỗ thì khâu chập lại. Nếu nệm cáu ghét thì nên may chùng lên một lớp. Nếu may chùng lên mà vẫn cáu ghét thì nên làm tấm dạ nằm phủ lên trên.

Các tỳ-kheo không có gối, Phật cho phép làm gối. Các vị không biết làm như thế nào, Phật bảo may vuông hay tròn hoặc ba góc.

3. Giường nằm

1. Bấy giờ, tại thành Vương-xá, chúng Tăng nhận được nhiều gai xá-nậu.⁴ Các tỳ-kheo nghi không dám nhận. Đức Phật dạy:

“Cho phép, thọ dụng để làm giường dây, giường cây hoặc dệt làm nệm, áo lót, hay làm đồ trải dưới đất, hoặc làm dây, làm nệm độn.

Các tỳ-kheo nhận được giường bện bằng dây cỏ bạt-ma,⁵ Phật cho phép dùng.

¹ Mao lâu 毛毳. Các phần trước đọc là cù-lâu. Xem Phần III, Ch. v, da thuộc.

² Xem Phần I, Ch.v Ba-dật-đề 14, cht. 99-101.

³ Chức sàng 織床.

⁴ Xá-nậu ma 舍[少/(兔-、)]麻; vải bố bằng gai thô. Pāli: *sāna*.

⁵ Bạt-ma thảo 跋磨草.

Rắn, bò cạp, rít, độc trùng vào trong phòng. Các tỳ-kheo chưa ly dục, thấy sợ. Phạt cho phép làm chân giường. Nhóm sáu tỳ-kheo làm chân giường cao, đức Phật dạy:

“Không nên làm chân giường cao. Cao nhất là một thước năm hay một gang tay.”¹

2. Có tỳ-kheo cất y chỗ không bảo đảm. Phạt bảo nên để bên đầu nằm. Hoặc để y sau lưng, nằm nghiêng, trở mình, đè lên y. Phạt cho phép máng trên dây, hoặc trên cọc ngà voi, trên cột móc, trên giá y. Có vị để y thường mặc với y không thường mặc chung một chỗ, khi lấy y thường mặc để mặc, bị lộn. Đức Phật dạy:

“Không nên để y thường mặc chung một chỗ với y không thường mặc.”

3. Có vị đem bình bát để chung trong dẫy với dép, ống đựng kim và đầu. Tỳ-kheo khác thấy, gớm. Đức Phật dạy:

“Đầy đựng bát, ống đựng kim để một chỗ. Đầy đựng dép, đồ đựng đầu để một chỗ.”

4. Các tỳ-kheo ở trong phòng bị tối. Đức Phật cho thắp đèn. Cần dầu thì xin dầu. Cần đèn thì xin đèn. Cần đồ đựng dầu thì xin đồ đựng dầu. Tỳ-kheo không biết để cây đèn chỗ nào. Đức Phật dạy: Đe bên góc của giường dây, giường cây, hoặc trên cái bình. Nếu để trên khám nơi vách, sợ kiên uống dầu, [937c] thì nên đặt lại. Nếu đèn không đủ sáng thì kéo tim cho cao lên. Dầu bắn tay, cho phép làm đôi đũa. Đũa cây sợ cháy nên làm bằng sắt.

5. Phòng của tỳ-kheo kia, không có cánh cửa nên không chắc chắn, bị kẻ trộm, chần bò, chần dê vào lấy bình bát, ống đựng kim, tọa cụ. Đức Phật cho phép làm cánh cửa. Cần làm khung cửa. Phạt cho phép. Nếu sợ đóng cửa, trong phòng có mùi hôi; đức Phật cho phép làm lỗ trên cánh cửa. Rắn, bò cạp theo lỗ vào phòng. Đức Phật cho phép lấy tấm ván, rèm ngăn lại.

¹ Tỳ-kheo, ba-dật-đề 84: không được làm chân giường cao quá 8 ngón tay Phật.

Cửa không có khóa, kẻ trộm, chặn bò, chặn dê vào lấy y bát, ống đựng kim, tọa cụ của tỳ-kheo. Đức Phật cho phép làm khóa. Tỳ-kheo không biết gắn khóa vào chỗ nào. Đức Phật bảo gắn một bên, hoặc phía trên hay phía dưới. Không biết mở bằng cách nào. Đức Phật bảo để cái lỗ, làm một cái lưỡi gà cong, làm một cái móc.

Nếu sợ tối, Phật cho phép trở cửa sổ. Cửa sổ không được ngăn, bị kẻ trộm, chặn bò, chặn dê vào lấy y bát, ống đựng kim, tọa cụ. Đức Phật cho phép làm cánh cửa sổ bằng ván ngăn lại. Các vị ấy không biết làm bằng cách nào. Đức Phật dạy làm hình vuông hay hình tròn, hoặc như lỗ tai voi. Ban đêm sợ dơi bay vào, ban ngày sợ chim én bay vào. Đức Phật cho phép bện lưới lông¹ để ngăn. Hoặc làm song cửa sổ. Cửa sổ không có chốt, bị kẻ trộm, chặn bò, chặn dê vào lấy y bát, ống đựng kim, tọa cụ của tỳ-kheo. Đức Phật bảo cho phép làm chốt cửa. Tỳ-kheo phạm giới kéo cái dây mở cửa sổ lấy trộm y bát, ống đựng kim, tọa cụ của tỳ-kheo khác bỏ đi mất. Phật nói, cho phép làm cái chốt cài ngang qua.

4. Chặn màn

1. Nhóm sáu tỳ-kheo lấy ngọa cụ của chúng Tăng dùng riêng. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: không nên lấy ngọa cụ của chúng Tăng dùng riêng. Đức Phật cho phép làm dấu để biết. Các vị ấy không biết làm dấu như thế nào. Đức Phật dạy: cho phép làm cái hình ma-hê-đà-la,² hay làm hình cái chén, hay hình dây nho, hay làm ngũ sắc, hay làm bông sen, hay ghi tên.

Nhóm sáu tỳ-kheo làm dấu hiệu của Tăng trên vật dụng riêng của mình. Các tỳ-kheo thấy, nói:

“Trưởng lão, đức Thế Tôn không nói như vậy sao, vật của chúng Tăng không nên dùng riêng?”

¹ Lung sơ 籠疏. Vin.ii. 148: *vātapāna-bhasikā* (túi, bao cửa sổ). Bản dịch Anh cho là giống như bao cát chắn gió.

² Ma-hê-đà-la 摩醯陀羅. Thần Mahīdhara, hay hình ngọn núi?

Nhóm sáu trả lời: “Đây không phải là vật của chúng Tăng mà là vật của tôi.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không nên làm dấu hiệu của chúng Tăng trên vật riêng của mình. Cho phép nhuộm làm dấu riêng của mình.”

Nhóm sáu tỳ-kheo làm dấu hiệu riêng bằng hình tượng nửa mặt trăng, hoặc dấu hiệu tròn, làm dấu hiệu tia nắng, làm hình cây lúa, làm dấu hiệu một miếng gừng, làm dấu hiệu con bò. Đức Phật [938a1] dạy:

“Không nên làm như vậy. Cho phép làm như giọt nước rơi trên mặt đất, hay làm như viên phân bò, hoặc làm cái bánh xe.”

Có vị di chuyển ngọa cụ cố định trong phòng đến chỗ khác. Đức Phật dạy:

“Không nên di chuyển. Nên ghi rõ ràng ngọa cụ của phòng nào.”

2. Có tỳ-kheo, có sa-di nhỏ nên muốn trong phòng có bức phen ngăn.¹ Đức Phật cho phép làm.

Có Tỳ-kheo muốn mở ngõ tắt qua khúc ngăn trước phòng, đức Phật cho phép làm.

Muốn làm cái phòng trong ở phía sau, Phật cho phép làm. Cần cánh cửa, Phật cho làm cánh cửa. Cần vách, Phật cho làm vách. Cần vách phân nửa, Phật cũng cho làm. Cần làm giường lớn, Phật cho làm. Cần giường dây nhỏ, Phật cho làm. Cần giường đơn, Phật cho làm. Cần tấm phản, Phật cho làm. Cần đồ trải dưới đất cũng cho trải đất.

Có tỳ-kheo muốn làm cái phòng có bốn mái hiên thò ra, trên đó đặt lan can, Phật cho phép làm.

¹ Ba-dật-đề 5: tỳ-kheo không được ngủ chung buồng với người chưa thọ đại giới.

5. Sảnh đường

1. Ngày Bó-tát, chúng tập đông, sảnh đường¹ nhỏ không thể dung hết. Các tỳ-kheo bạch Phật, Phật cho phép làm lớn ra. Các vị ấy không biết làm thế nào. Đức Phật dạy:

“Hoặc vuông, hoặc tròn, hoặc dài, có hai phòng, ba phòng, bốn phòng; đều cho phép làm. Tất cả những thứ cần để làm nhà lớn, đều cho phép.”

Bấy giờ, ở trong sảnh đường, mỗi người đều chiếm một giường nên không đủ chỗ. Đức Phật dạy:

“Nếu xấp xỉ ba tuổi hạ, ngồi chung một giường.² Nếu vẫn không đủ thì nên làm giường dài, phản dài. Nếu vẫn không đủ thì bện cỏ làm chỗ ngồi.” Bện cỏ làm chỗ ngồi, y bị rách. Phật dạy: “Nên dùng cỏ mềm quấn mép giường.” Nếu vẫn không đủ dùng thì dùng nước bùn tưới lên đất, rồi rải cát hay cỏ, lá cây lên trên để ngồi.

Có vị cùng người nữ ngồi trên cỏ, lá. Phật dạy: “Không nên ngồi như vậy.” Có vị cùng người nữ trải y. Phật dạy: “Không nên trải như vậy.” Có vị cùng người nữ ngồi trên y. Đức Phật dạy: “Không nên ngồi như vậy.” Có vị cùng người nữ ngồi trên đá. Phật dạy: “Không nên ngồi như vậy. Nếu một người leo lên mà đá không lung lay thì cho phép leo lên.” Có vị cùng với người nữ lên thuyền,³ nghỉ. Phật dạy: “Cho phép đi đò ngang, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc nằm.”

2. Các tỳ-kheo đi kinh hành nơi đất trống, bị nắng, gió và mưa nên bệnh. Đức Phật cho phép làm nhà đi kinh hành.⁴ Các vị ấy không

¹ Tập đường 集堂; nhà tập họp, hay hội trường của Tăng. Cũng gọi là giảng đường, thị giả đường, cúng đường. Pāli: *upaṭṭhanasāla*, Vin.ii. 153.

² Vin.ii. 169: *tivassantarena saha nisīditum*.

³ Tỳ-kheo, ba-dật-đề 28: không đi chung thuyền với tỳ-kheo-ni. Trừ qua đò ngang.

⁴ Kinh hành đường 經行堂. Pāli: *caṅkamanasālā*.

biết cách làm. Đức Phật cho phép làm nhà dài theo đường đi. Những vật cần dùng làm nhà đều được cho phép.

Có vị Thượng tọa già bệnh, ốm yếu, khi đi kinh hành bị té xuống đất. Đức Phật cho phép **[938b]** buộc sợi dây hai đầu đường¹ để khi đi vịn tay vào đó. Khi nắm để đi, tay mềm nên bị rách. Phật dạy: Cho phép làm ống tròn như ống trúc rồi luồn sợi dây vào giữa ống. Khi kinh hành, nắm ống mà đi. Đi kinh hành mỗi mệ. Đức Phật cho phép đặt giường ở hai đầu.

3. Tỳ-kheo rửa chân ngoài trời mưa. Nước mưa làm cho y bị hư màu. Phật nói, nên làm chỗ rửa chân riêng. Cần bồn đựng nước thì cho bồn đựng nước. Cần bình đựng nước thì cho bình đựng nước. Cần đá rửa chân thì cho đá rửa chân. Cần tọa cụ thì cho tọa cụ. Có vị rửa chân khi trời mưa, bùn bắn chân, bắn y, ngọa cụ. Đức Phật cho phép dùng hòn đá hoặc gạch hay cây lót đường đi.

4. Trong núi Kỳ-xà-quật, cách xa chỗ có nước. Phật cho phép đào mương để đem nước vào. Sợ mương bị sạt lở, Phật cho phép dùng đá hay gạch hoặc cây chận hai bên bờ. Nếu trong chùa, nên đào ao. Sợ bờ ao lở, đức Phật cũng cho phép dùng đá hay gạch hoặc cây chận xung quanh, bên trên làm nhà che. Sợ bên bờ ao bị bùn lầy, nên trấn bằng đá, gạch ván, đá vụn. Sợ con nít rơi xuống nước, Phật cho phép làm lan can.

Nước trong ao bị nóng. Phật cho phép đựng trong bình, ban ngày đem vô trong nhà, ban đêm đem ra để bên ngoài. Nếu để trong nhà bị bùn bắn thì cho phép cất nhà riêng để nước. Nếu đất bị bùn bắn chân thì cho phép lót đá hay gạch hoặc đá dăm.

Có vị cần đồ đựng nước, Phật cho phép sắm. Có vị dùng vật báu làm đồ đựng nước. Phật nói, không nên dùng vật báu làm đồ đựng nước mà nên dùng sắt hay đồng hoặc sành để làm. Đồ đựng nước không có chỗ để, bị vỡ. Phật nói: Trong nhà đựng nước nên làm cái giá để để.

¹ Buộc dây vào hai cột ở đầu và cuối đường kinh hành.

Chúng Tăng nhận được vò sò.¹ Phật cho phép chứa. Lại không biết để đâu. Phật cho phép để chung trong nhà để nước.

6. Cấp Cô Độc

Thế Tôn ở nơi thành Vương-xá.

Tại nước Xá-vệ, có cư sĩ tên là Tu-đạt-đa,² thường ra cung cấp bố thí cho những người cùng cực, khổ sở; nhân việc làm như vậy nên có cái tên là Cấp Cô Độc Thực.³

Cư sĩ có điền nghiệp nơi thành Vương-xá. Năm nào ông cũng từ nước Xá-vệ đến thành Vương-xá để trông coi điền nghiệp.

Trong thành Vương-xá có ông trưởng giả là bạn thân.⁴ Ông trưởng giả này đang tự trang hoàng nhà cửa để thỉnh Phật và Tăng sáng ngày thọ thực. Nhằm lúc ấy, ông Cấp Cô Độc Thực đến nhà ông trưởng giả. Theo thường lệ, ông trưởng giả thấy ông Cấp Cô Độc Thực đến thì liền ra ngoài nhà nghinh đón, rước vào và mời ngồi. Ngày hôm ấy không đứng dậy đón, không rước vào và mời ngồi, mà cứ cặm cùi tự trang hoàng nhà cửa để rước Phật và Tăng. Ông Cấp Cô Độc Thực đến, thấy vậy, hỏi ông trưởng giả rằng: “Ông bạn trang hoàng nhà cửa để làm việc gì? [938c] Muốn cưới hỏi cho cháu chắt? Muốn thỉnh vua chắt? Muốn tổ chức đại tế đàn⁵ chắt?”

Ông trưởng giả trả lời: “Tôi không có tổ chức cưới hỏi, cũng không thỉnh vua. Mà tôi đang tổ chức đại tế đàn là thỉnh Phật và Tăng gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị. Sa-môn Cù-đàm có đại danh xưng, hiệu là Như Lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác, Minh hạnh

¹ Bối 貝.

² Tu-đạt-đa 須達多. Phiên âm, tên thật của ông Cấp-cô-độc. Pāli: Sudatta.

³ Cấp Cô Độc Thực 給孤獨食; tức Cấp cô độc. Trên kia, phiên âm là A-na-bân-đê. Pāli: Anāthapiṇḍika (Skt. Anāthapiṇḍada). Truyện kể, Vin. ii. 154.

⁴ Pāli, nt., Cấp-cô-độc là em rể của ông trưởng giả thành Xá-vệ.

⁵ Đại tự 大祠; một đại lễ tôn giáo quan trọng của Bà-la-môn; xem *Trường A-hàm 15*, kinh số 23 “Cứu-la-đàn-đầu”. Pāli, *mahāyañña*, cf. D. 5. Kūṭadanta-sutta.

túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.”

Ông Cấp Cô Độc Thực hỏi: “Có thật là Phật hay chăng?”

Ông trưởng giả trả lời: “Thật là Phật.”

Ba lần hỏi cũng ba lần trả lời: “Thật là Phật.” Cấp Cô Độc Thực hỏi ba lần rồi, lại hỏi: “Hiện nay đức Phật ở đâu? Nay tôi muốn đến thăm hỏi Ngài.”

Ông trưởng giả trả lời: “Hiện nay đức Phật ở trong Ca-lan-đà Trúc viên.”

Bấy giờ, Cấp Cô Độc Thực xem mặt trời, rồi nghĩ: “Bây giờ đến gặp đức Thế Tôn là không phải lúc. Sáng ngày ta sẽ đi.”

Cấp Cô Độc Thực liền về nhà với tâm niệm hướng về đức Phật mà ngủ.

Bấy giờ, có một thiên thần nọ, trước kia là tôn thân của Cấp Cô Độc Thực, vì lòng từ mẫn muốn điều lợi ích đối với Cấp Cô Độc Thực nên nghĩ như sau: “Cấp Cô Độc Thực, ông muốn gặp đức Thế Tôn thì không nên trì hoãn mà không gặp.” Vị thiên thần nọ liền dùng thần lực diệt trừ bóng tối, ánh sáng bỗng nhiên xuất hiện. Cấp Cô Độc Thực thấy ánh sáng, liền thức dậy, cho là trời đã sáng, liền đến cửa thành Thi-ha.¹ Vị thần giữ cửa từ xa thấy Cấp Cô Độc Thực muốn diện kiến đức Thế Tôn liền chừ không trì hoãn, nên mở cửa liền. Cấp Cô Độc Thực ra khỏi cửa rồi, vị thần liền thu hồi thần lực nên ánh sáng liền tiêu mất, bỗng nhiên tối trở lại. Cấp Cô Độc Thực đâm ra sợ sệt, lông trong người dựng ngược, nghĩ rằng có kẻ oan gia muốn hại mình. Vị thần kia thấy Cấp Cô Độc Thực hoảng sợ liền an ủi: “Đừng nên sợ! Đừng nên sợ!” Vị thần nói kệ:

*Dầu dùng trăm con ngựa,
Và lại trăm kim anh,
Ngựa xe cả trăm cỗ,*

¹ Thi ha thành môn 尸呵城門. Vin. ii. *Sīvakadvāra*.

*Đông nữ có trăm người,
 Bảy báu là anh lạc,
 Trăm voi trắng Tuyết Sơn,
 Voi đều có sáu ngà,
 Và dùng đồng lớn vàng,
 Cùng tử ma kim sa,
 Vua, nghi vệ của vua,
 Con voi thuần của vua:
 Bằng như trên bố thí,
[939a1] Không bằng phần mười sáu,
 Phước của một bước đi.*

“Trưởng giả cứ đi tới, cứ đi tới, sẽ có lợi ích!”

Cấp Cô Độc Thực hỏi: “Ông là ai?”

Vị thần trả lời: “Tôi là thần Thi-ha.”

Cấp Cô Độc Thực khởi lên ý nghĩ: “Thật chưa từng có! Ta được thiên thần khích lệ.” Cấp Cô Độc Thực liền đến trong Ca-lan-đa Trúc viên.

Bấy giờ, đức Thế Tôn đang đi kinh hành nơi đất trống, từ xa thấy Cấp Cô Độc Thực đến, Ngài trở lại chỗ ngồi, trái chỗ ngồi mà ngồi.

Theo thường pháp của các đức Phật, có một vàng sáng tròn tỏa khắp thân. Cấp Cô Độc Thực từ xa thấy đức Thế Tôn tướng mạo đoan chánh, các căn tịch tịnh, tối thượng điều phục, các căn kiên cố, như con đại long, như vực nước lóng trong, không có chút bọt nơ. Thấy vậy, Cấp Cô Độc Thực phát sinh lòng kính tín. Với lòng tín kính hướng về đức Phật, ông bạch rằng:

“Thế Tôn ngủ có ngon không?”

Đức Phật trả lời: “Nhu người đòi đều ngủ yên. Nhưng ta thì khác.”
 Liền khi ấy Phật nói kệ:

*Tất cả đều ngủ yên.
 Phạm hạnh đạt Niết-bàn.
 Nếu không phạm các dục,*

*Được giải thoát các phược.
Tất cả ái đã đoạn,
Điều phục các nhiệt não.
Tĩnh chỉ, nằm nghỉ yên,
Thân tâm đều tịch diệt.*

Bấy giờ Cấp Cô Độc Thục đến trước đức Phật kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Thế Tôn vì Cấp Cô Độc Thục phương tiện nói các pháp khai hóa, khiến được hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đặt được con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đặc pháp, đặc quả tăng thượng, tâm yểm ly phát sanh, ông bạch đức Thế Tôn rằng: “Nay con xin quy y Phật, Pháp, Tăng làm người ưu-bà-tắc của đức Phật. Từ nay về sau trọn đời không sát sanh, *cho đến* không uống rượu. Cúi xin đức Thế Tôn cùng chúng Tăng nhận lời thỉnh mời của con, an cư chín mươi ngày trong mùa hạ này.”

Đức Phật nói: “Nhu Lai đã nhận sự mời thỉnh của vua Bình-sa rồi.”

Cấp Cô Độc Thục lại thưa: “Cúi xin nhận sự mời thỉnh vào năm đến.”

Đức Phật lại nói: “Năm đến Nhu Lai cũng đã nhận sự mời thỉnh của vua Bình-sa.”

Cấp Cô Độc Thục lại thưa: “Xin Đại đức nhận sự mời thỉnh của con vào năm sau nữa.”

Đức Phật trả lời: “Nếu có trú xứ thanh tịnh như vậy, như vậy, không có ồn ào, không có ác thú, nơi rừng vắng người, có thể tọa thiền, thì Nhu Lai sẽ an trụ nơi như vậy.”¹

Cấp Cô Độc Thục liền bạch Phật: “Kính bạch đức Thế Tôn, điều đó con đã biết. Con sẽ biết thời.”

Cấp Cô Độc Thục thưa tiếp: “Cúi xin đức Thế Tôn cùng chúng

¹ Pāli, Vin.ii. 158: *suññāgāre kho, gahapati, tathāgatā abhiramanti*, “Gia chủ, các Nhu Lai hoan hỷ trong các nhà trống (không thất).”

Tăng nhận sự mời thỉnh thọ thực của con vào ngày mai.”

Đức Thế Tôn nhận lời bằng cách im lặng. Cấp Cô Độc Thực từ chỗ ngồi đứng dậy, kính lễ sát chân Phật, nhiễu quanh rồi cáo lui.

[939b] vua Bình-sa nghe Cấp Cô Độc Thực thỉnh Phật và Tăng thọ thực vào ngày mai liền sai người đến nói: “Ông là khách trọ ở xứ này. Chúng Tăng thì nhiều đến 1250 người. Ông có thể khỏi phải dọn lễ. Tôi sẽ thiết lễ giùm ông.” Cấp Cô Độc Thực liền sai người đến trả lời với vua rằng: “Như thế đã là đã giúp tôi rồi. Không cần thiết nữa. Tôi sẽ tự mình chuẩn bị lấy.”

Bấy giờ, đại trưởng giả Ma-kiệt nghe Cấp Cô Độc Thực thỉnh Phật và Tăng thọ thực vào ngày mai, liền đến nói: “Ông là khách trọ ở xứ này. Chúng Tăng thì nhiều đến 1250 người. Ông có thể khỏi phải dọn lễ. Tôi sẽ thiết lễ giùm ông.” Cấp Cô Độc Thực liền trả lời với ông trưởng giả: “Như thế đã là đã giúp tôi rồi. Không cần thiết nữa. Tôi sẽ tự mình chuẩn bị lấy.”

Cấp Cô Độc Thực trở về nhà, trong đêm đó sửa soạn các thức ăn ngon bổ. Khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, cho người đến báo giờ. Đức Thế Tôn khoác y, bưng bát, cùng một ngàn hai trăm năm mươi tỳ-kheo Tăng đến nhà ông Cấp Cô Độc Thực an tọa nơi chỗ ngồi. Ông Cấp Cô Độc Thực tự tay châm chước các thức ăn ngon bổ cúng dường Phật và chúng Tăng một cách đầy đủ. Ăn xong, dẹp bát rồi, ông lấy một chiếc ghế thấp hơn ngồi trước đức Phật. Đức Phật dùng vô số phương tiện vì Cấp Cô Độc Thực nói pháp khai hóa khiến được hoan hỷ. Thuyết pháp xong, đức Phật liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Bấy giờ, Cấp Cô Độc Thực từ thành Vương-xá trở về nước Xá-vệ. Ông đi đến các thôn xóm, thành ấp, nơi nơi đều ra lệnh như sau: “Nơi nào đất trống, hãy lập vườn trồng cây trái, đào ao, bắt cầu đò. Đức Phật đã ra đời. Ngài đã nhận sự mời thỉnh của tôi, hạ an cư tại nước Xá-vệ. Ngài sẽ đi qua con đường này để đến nước Xá-vệ. Cầu mong các người được phước vô lượng.”

Khi đến nước Xá-vệ rồi, Cấp Cô Độc Thực suy nghĩ: “Nơi đây có

khu đất nào không xa lắm, không gần lắm, tiện lui tới; đất rộng, bằng phẳng, ban ngày không ồn ào, ban đêm không có tiếng động, không có mòng muỗi, ruồi, ong, loài có nọc độc, ta sẽ mua, lập Tăng-già-lam cho Phật?” Cấp Cô Độc Thực lại nghĩ: “Vương tử Kỳ-đà¹ có vườn rất tốt ở nước Xá-vệ, không gần không xa, tiện lui tới; đất rộng bằng phẳng, ban ngày không có các sự ồn ào, ban đêm không có tiếng động, cũng không có mòng muỗi, rắn độc, nay ta hãy đến chỗ vương tử Kỳ-đà để hỏi mua.”

Cấp Cô Độc Thực liền đến chỗ vương tử nói: “Đức Phật đã xuất thế, Ngài có biết chăng? Đức Phật đã nhận lời mời của tôi [939c] an cư mùa hạ tại nước Xá-vệ. Ngõi vườn này ngài có thể bán cho tôi với giá trăm ngàn tiền vàng?”

Vương tử nói: “Không bán.”

Cấp Cô Độc Thực lại trình bày như trên: “Tôi xin mua khu vườn với giá hai trăm, ba trăm, bốn trăm ngàn tiền vàng.”

Vương tử nói: “Nếu ông đem tiền vàng trải hết mặt đất, không trống một chỗ nào, tôi cũng không bán.”

Cấp Cô Độc Thực liền nói: “Như thế là ngài đã quyết giá, xin ngài nhận cho.”

Vương tử nói: “Tại sao nói tôi quyết giá?”

Cấp Cô Độc Thực thưa: “Vừa rồi ngài nói, nếu đem tiền vàng trải khắp mặt đất, không có khoảng trống, há không phải là quyết giá? Xin vương tử xem lại cựu chế của vua.”²

Vương tử liền xem lại cựu chế của vua, theo đó, đã nói như vậy tức là đã quyết định giá. Vương tử liền nói: “Tùy ý trưởng giá.”

Bấy giờ, Cấp Cô Độc Thực trở về nhà, ra lệnh cho gia nhân xuất tiền vàng đem đến trải hết mặt đất khu vườn ông Kỳ-đà vương tử;

¹ Kỳ-đà vương tử 祇陀王子. Pāli: Jeta-kumāra.

² Vin.ii. 159: Cấp Cô Độc nhờ pháp quan phân xử. Pháp quan phán: Khu vườn như vậy đã được ngã giá.

còn một ít đất chưa trải hết. Kỳ Đà vương tử thấy vậy, liền nghĩ: “Có lẽ đây là một người phi thường, cũng là phước điền phi thường nên mới khiến cho Cấp Cô Độc Thực không tiếc trần bảo như vậy.” vương tử liền nói với trưởng giả Cấp Cô Độc Thực: “Thôi, đừng trải vàng nữa. Khoảnh đất còn lại, tôi muốn dâng cúng đức Thế Tôn.”

Cấp Cô Độc Thực nói: “Điều đó tùy ý ngài.”

7. Thứ bậc Tăng trong già-lam

Đức Thế Tôn từ thành Vương-xá cùng với một ngàn hai trăm năm mươi tỳ-kheo du hành trong nhân gian, đến nước Bạt-xà rồi mới quay trở lại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo đi trước đức Phật, để lấy phòng xá cho Hòa thượng, đồng Hòa thượng; A-xà-lê, đồng A-xà-lê; cho tri thức thân hậu của họ. Xá-lợi-phất và Mục-liên đến sau. Đức Phật hỏi: “Phòng này của ai?”

Nhóm sáu tỳ-kheo nói: “Phòng của Hòa thượng, đồng Hòa thượng, A-xà-lê, đồng A-xà-lê, tri thức thân tình của con.”

Vì Xá-lợi-phất và Mục-liên không nhận được phòng để ngủ nên phải ngủ bên ngoài bờ đất. Sáng ngày, Xá-lợi-phất và Mục-liên đến chỗ đức Thế Tôn, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi Xá-lợi-phất và Mục-liên:

“Trong đêm ngủ có an lạc không?”

Thưa: “Bạch Thế Tôn, an lạc.”

Đức Thế Tôn hỏi: “Ngủ ở chỗ nào?”

Thưa: “Ngủ bên ngoài bờ đất.”

Hỏi: “Tại sao vậy?”

Hai tôn giả đem nhân duyên trên bạch đầy đủ lên đức Phật. Bấy giờ đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp tỳ-kheo Tăng và bảo rằng: “Theo ý các người, ai xứng đáng ngồi chỗ thứ nhất, nhận nước trước, thọ thực trước; được đứng dậy nghinh đón, lễ bái, cung kính, tôn trọng, hỏi chào?”

Có vị trả lời, người đại tánh xuất gia; có vị trả lời, người tướng mạo đoan chánh; có vị trả lời, [940a1] người sống a-lan-nhã; có vị trả lời, vị nào trì khát thực; có vị trả lời, người trì y phần tảo; có vị trả lời, vị làm pháp dư thực không ăn; có vị trả lời, vị nhất tọa thực; có vị trả lời, vị nhất đoàn thực; có vị trả lời, người sống nơi bãi tha ma; có vị trả lời, người ngồi nơi đất trống; có vị trả lời, người sống dưới gốc cây; có vị trả lời, vị thường ngồi; có vị trả lời, vị tùy tọa; có vị trả lời, vị tri ba y; có vị trả lời, vị có khả năng tụng kinh; có vị trả lời, vị đa văn; có vị trả lời, vị pháp sư; có vị trả lời, vị trì luật; có vị trả lời vị ngồi thiền... Đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo, hãy lắng nghe câu chuyện nên cho hay không nên cho.

“Thuở quá khứ, có ba con vật bạn: voi, khỉ và con tu hú,¹ cùng sống trên cây Ni-câu-luật. Một hôm, ba con vật này suy nghĩ: ‘Chúng ta sống chung, sao không cung kính nhau mà lại khinh mạn nhau? Chúng ta nên tìm hiểu tuổi lớn nhỏ để rồi theo thứ tự lớn nhỏ mà cung kính lẫn nhau. Nếu ai lớn tuổi, thì sẽ được tôn trọng cung kính cúng dường. Lập ra phép tắc như vậy rồi, chúng ta sống chung trong rừng.’ Khi và tu hú hỏi con voi: ‘Bạn nhớ có mặt nơi đây bao lâu rồi?’ Voi nói: ‘Tôi nhớ lúc tôi còn nhỏ, khi tôi đi, cây ni-câu-luật này mới đưng ngang rốn.’ Voi và tu hú hỏi con khỉ: ‘Bạn nhớ có mặt nơi đây bao lâu rồi?’ Vượn trả lời: ‘Tôi nhớ lúc còn nhỏ, đưa tay thì cây ni-câu-luật này mới ngang đầu.’ Voi nói với con khỉ rằng: ‘Như vậy là bạn lớn hơn tôi.’ Voi và con khỉ hỏi con tu hú: ‘Bạn nhớ có mặt nơi đây bao lâu rồi?’ Tu hú trả lời: ‘Tôi nhớ ở bên hữu núi chúa Tuyết sơn có cây ni-câu-luật rất lớn. Tôi ăn trái nơi cây đó, rồi đến đây đại tiện ra hột nên mọc lên cây ni-câu-luật này.’ Hai con kia đều nghĩ: ‘Con chim này lớn tuổi hơn mình.’ Bấy giờ, voi cũng khỉ trên đầu. Khỉ lại cũng tu hú trên vai. Rồi cùng nhau du hành trong nhân gian. Từ thôn này đến thôn kia, từ thành này đến

¹ Đoạt điều 鷓鴣. Không rõ chim gì. *Từ nguyên*: Một loại chim sẻ lớn bằng con le le, đen như quạ, bay rất nhanh; thành bầy đến cả nghìn con. Cũng gọi là “sẻ Đột quyết.” Vin.ii. 161: *tittirika*, chim chác cô. Anh dịch là con gà gô (partridge).

thành nọ, và tuyên bố: ‘Người nào có sự kính trọng bậc trưởng lão thì người ấy có thể an trú nơi pháp này, đời này có danh dự, đời sau sanh nơi đường lành.’ Bấy giờ, tu hú nói pháp như vậy, mọi người đều tùy thuận, và sự giáo huấn này cũng được truyền khắp.

“Các người là những người xuất gia trong giáo pháp của Ta, cũng nên cung kính với nhau như vậy thì Phật pháp mới được truyền khắp. Từ nay về sau cho phép tùy theo lớn nhỏ mà cung kính lễ bái, nghinh đón hỏi chào bậc Thượng tọa.”

Khi các tỳ-kheo nghe đức Phật dạy là các tỳ-kheo nên tùy theo lớn nhỏ cùng nhau cung kính bậc thượng tọa, các vị lại lễ bái người bạch y, và nói rằng: “Ông lớn tuổi hơn tôi.”

Đức Phật dạy: “Không nên lễ bái người bạch y. Các người đối với người nào [940b] nên lễ, và không nên lễ như sau: “Không nên lễ là tất cả những người nữ. Người thọ đại giới trước không lễ người thọ đại giới sau. Những người nói phạm biên tội, phạm tỳ-kheo-ni, tặc tâm thọ giới, phá nội ngoại đạo, huynh môn, giết cha mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu, phi nhân, súc sanh, hai căn, bị cử, diệt tận, đáng diệt tận, và tất cả những người nói phi pháp, đều không nên lễ.”

“Những người nào nên lễ? Sa-di-ni nhỏ nên lễ sa-di-ni lớn, lễ sa-di, thức-xoa-ma-na, tỳ-kheo-ni, tỳ-kheo, và tháp của những vị, tất cả đều nên lễ. Hoặc sa-di niên thiếu nên lễ sa-di lớn, lễ sa-di-ni, thức-xoa-ma-na, cho đến tỳ-kheo và tháp, tất cả đều nên lễ. Thức xoa-ma-na nhỏ nên lễ thức xoa-ma-na lớn, lễ tỳ-kheo-ni, tỳ-kheo và tháp; thấy đều nên lễ. Tỳ-kheo-ni tuổi nhỏ nên lễ tỳ-kheo-ni lớn, tỳ-kheo và tháp; thấy đều nên lễ. Tỳ-kheo nhỏ nên lễ tỳ-kheo lớn, và tháp của tỳ-kheo, cũng nên lễ. Tất cả chư Thiên, người đời, chư ma, phạm vương, Sa-môn, bà-la-môn đều nên kính lễ Như Lai Thế Tôn, và tháp.”

Khi Đức Thế Tôn dạy kính lễ tháp như vậy, các vị lại lễ tháp miếu của bạch y.

Đức Phật dạy: “Không nên lễ tháp miếu của bạch y.”

Có vị đã không lễ tháp miếu của bạch y, lại đi quanh phía bên tả.¹ Vị thần bảo hộ tháp miếu giận. Đức Phật dạy: “Tùy theo hướng đi đến mà đi. Không nên cố ý đi quanh phía bên tả.”

Các tỳ-kheo nghĩ, “sa-di nên lấy tuổi đời làm lớn nhỏ hay lấy năm xuất gia làm lớn nhỏ?” Đức Phật dạy: “Nên lấy tuổi đời làm lớn nhỏ. Nếu tuổi đời bằng nhau thì nên lấy tuổi xuất gia làm lớn nhỏ.”

Có vị tỳ-kheo nọ đến trước. Tỳ-kheo đến sau lớn hơn một đêm.² Vị đến sau bèn dời tỳ-kheo đến trước đi. Đức Phật dạy: “Không nên dời, cũng không nên đứng dậy. Cho phép ngồi vào giữa.”³ Khi ngồi vào giữa, lại có sự xô dịch với nhau khiến cho chúng bị náo loạn. Đức Phật dạy: “Cho phép vị đến sau thì ngồi sau.”

Khi cho ngồi sau, họ lại ngồi sau bạch y. Đức Phật dạy: “Không nên ngồi như vậy.”

Có vị lại ngồi sau sa-di. Đức Phật dạy: “Không nên ngồi như vậy. Nên ngồi dưới đại tỳ-kheo.”

Có vị không kịp hậu an cư. Lấy số thọ đại giới mà tính tuổi. Đức Phật dạy: “Không nên như vậy.”

Hòa thượng A-xà-lê nên giáo thọ về thời tiết như sau: Mùa đông, mùa xuân, mùa hạ, ông được chừng ấy ngày. Hoặc một tháng, hoặc nửa tháng, hay một ngày; hoặc trước bữa ăn, [940c] sau bữa ăn, cho đến theo bóng của mặt trời mà tính.

Nhóm sáu tỳ-kheo ở trong nhà bạch y, thấy Thượng tọa đến, không đứng dậy chào, lại nói: “Đây không phải là Tăng địa.”

Phật nói: “Không nên nói như vậy. Nên đứng dậy chào.”

Nơi mé nước, dưới gốc cây, bên hòn đá, trên bãi cỏ, trên thuyền, có vị không đứng dậy tránh Thượng tọa, lại nói: “Đây không phải là Tăng địa.” Đức Phật dạy: “Nên đứng dậy.”

¹ Đi quanh phía hữu, sợ phạm tội kính lễ tháp miếu quý thần.

² Đại nhất dạ 大一夜; đây chỉ thọ đại giới trước một ngày.

³ Người lớn, đến sau, được ngồi vào giữa chúng.

8. Trú trì

Có cư sĩ làm phòng cho Tăng mà không vị nào đến ở, cư sĩ kia nói: “Đại phú trưởng giả nhiều của nhiều tiền, làm phòng cho Tăng, Sa-môn Thích tử đến ở. Còn tôi nghèo khổ, đâu có vị nào đến ở!” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

Chúng Tăng nên sai một tỳ-kheo đến ở¹ bằng bạch nhị yết-ma, theo pháp thức sau: trong chúng nên sai một vị có thể tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng đem phòng²... này cho tỳ-kheo tên là... liệu lý. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận.³ Đây là lời tác bạch.

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Phòng... này giao cho tỳ-kheo... liệu lý.⁴ Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng đem phòng... này giao cho tỳ-kheo tên... liệu lý thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

“Tăng đã chấp thuận giao phòng... này cho tỳ-kheo... liệu lý rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

¹ Ngũ phần 25 (tr.167b29): Trú xứ không có tỳ-kheo ở. Phật cho phép cư sĩ thỉnh một tỳ-kheo làm Ma-ma-đế 摩摩諦, thường trú để trông coi. Cư sĩ cung cấp các nhu cầu nhật dụng. Tham chiếu Pāli, Vin. ii. 159: một người thợ may nghèo, muốn dựng chùa cho Tăng. Nhưng không tự làm nổi. Ông than: “Mình nghèo, nên không tỳ-kheo nào ngó ngang đến.” Phật khiến Tăng cử tỳ-kheo doanh sự (*navakamma*) để giúp cư sĩ dựng chùa.

² Pāli: *vihāra*: tinh xá. Trong bản Hán, phòng và tinh xá được hiểu lẫn lộn, đều dịch từ *vihāra*, cũng gọi là chùa.

³ Bản Hán có thể nhảy sót một đoạn.

⁴ Pāli: *bhikkhuno navakammaṃ*, giao cho tỳ-kheo làm doanh sự.

9. Phòng ốc

Bấy giờ, các tỳ-kheo muốn làm phòng.¹ Đức Phật cho phép. Có vị muốn ban đất cho bằng. Phật cho phép. Nếu có đá, gốc cây, gai, nên dọn dẹp. Nếu có hầm, có kênh, chỗ cao chỗ thấp thì nên làm cho bằng. Nếu cần đề phòng nạn nước lũ thì nên đắp bờ ngăn. Nếu sợ đất có chủ, hoặc nói lời thô thì nên giải quyết cho phân minh. Nếu có gốc cây lớn hoặc đá thì nên bứng đi. Không bứng được thì nên đốt. Nếu vẫn không đi,² thì sau khi đốt, chế nước hay giấm³ vào, rồi kê đá mà bẫy đi. Nếu khó phá thì nên dùng chùy sắt để phá ra. Nếu không thể được thì đào cái hầm một bên rồi chôn xuống.

Có vị cần ban đất cho bằng. Sau khi cày, cần ban cho phẳng. Không biết ai có thể ban. Phật nói, hoặc tỳ-kheo, hoặc sa-di, hay người coi Tăng-già-lam, hoặc ưu-bà-tắc.

Có vị cần ngói. Phật cho phép làm, hoặc tự làm hay bảo người làm đều được. Có vị cần khuôn làm ngói. Phật cho phép sắm. Có vị lấy bùn trét vào khuôn ngói. Phật dạy nên dùng vải xấu, nhúng vào nước, lau chung quanh. Chỗ làm ngói có cỏ. Phật dạy nên làm chỗ không có cỏ. Nếu ngói không khô thì nên lật lại. Khi lật, bị đứt cỏ, không phạm. Ngói không [941a1] bằng thì nên gọt cho bằng. Nếu ngói khô thì nên chất đống lại. Nếu trời mưa thì nên che phủ. Nếu gió thổi thì nên lấy cây hay đá đè lên trên. Nếu sợ trâu, dê, hay các loài súc sanh ăn cỏ phủ ở trên thì nên lấy bùn bôi lên trên cỏ.

Có vị cần cánh cửa, cho làm cánh cửa. Có vị làm hình rồng rắn nơi cửa cánh cửa. Phật dạy, không được làm hình tượng như vậy. Cho phép vẽ hình dây nho hay hình bông sen. Có vị muốn làm hình lá cây nơi cánh cửa. Phật cho phép làm. Có vị muốn làm hình bình mã. Đức Phật dạy, không nên làm như vậy. Nên dùng màu tía hay màu chu, hay năm màu để làm. Có vị dựa vào nên màu bị mất. Phật

¹ Xem cht. 37 trước.

² Các bản TNM: *nhược thạch bất khả khứ* 若石不可去: nếu đá không thể xeo đi. Để bản, không có chữ *thạch*.

³ Để bản: *khô tửu* 苦酒. TNM, không có chữ *khô*.

dạy, không được dựa như vậy. Có vị Thượng tọa kia già bệnh, và tỳ-kheo từ đường xa mới đến. Tỳ-kheo nếu không dựa thì thân không an ổn. Đức Phật dạy, cho phép dùng cỏ, lá, vỏ cây hay một trong mười loại y lót sau lưng để dựa.

Có tỳ-kheo kia ban ngày, chỗ đông người, nằm sát đất mà ngủ. Các cư sĩ thấy đều cơ hiểm, nói Sa-môn Thích tử tự xưng là giác ngộ mà ban ngày nằm sát đất ngủ hay sao? Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy, không được nằm như vậy.

Có Thượng tọa kia già bệnh, và tỳ-kheo từ đường xa đến, vì ban ngày không ngủ, nên rất mỏi mệt. Đức Phật cho phép vào trong phòng đóng cửa lại rồi ngủ. Có vị đuổi người bệnh. Phật dạy, không được đuổi người bệnh. Người bệnh cũng không nên đi.

Nhóm sáu tỳ-kheo lấy cơ bệnh không tránh Thượng tọa. Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy, không được lấy cơ như vậy. Tỳ-kheo bệnh ở trên lầu gác, nơi phòng lớn, đại tiểu tiện, khạc nhổ, như bản hôi thối, không sạch. Đức Phật dạy tỳ-kheo bệnh không nên ở trên lầu gác, nơi phòng lớn. Nên ở nơi phòng nhỏ, hoặc làm nhà riêng biệt.

Tỳ-kheo bệnh không thể đến chỗ đại tiểu tiện. Đức Phật dạy cho phép làm nơi đại tiểu tiện gần chỗ ở nhất. Nếu không thể ra khỏi phòng, cho phép để đồ đại tiểu tiện trong phòng, hay không thể đứng dậy ra khỏi giường đức Phật cho phép đục cái lỗ nơi giường, bên dưới để cái bô.

Có bệnh nhân khạc nhổ trong phòng, bắn đất. Đức Phật dạy, không nên nhổ như vậy. Có tỳ-kheo già yếu, là bậc Thượng tọa, dạy nhiều lần, mệt. Đức Phật cho phép làm đồ để nhổ.

Trú xứ nọ đông người, vị kia bắt rắn bỏ dưới đất. Đức Phật dạy, không nên bỏ như vậy. Có tỳ-kheo già bệnh, là bậc Thượng tọa, phải dạy nhiều lần để vắt rắn, nhọc mệt. Đức Phật dạy, cho phép bỏ trong đồ đựng, hoặc lông, hoặc kíp bôi, hoặc vật xấu rách hay bông. Nếu rắn bò ra, thì nên dùng cái ống để đựng. Có vị dùng vật

báu làm ống đựng. Phật dạy, không được dùng vật quý báu làm [941b] ống. Cho phép dùng xương, răng, sừng, sắt, đồng, thiếc, chì, ống tre, trúc cây... để làm ống đựng rắn. Nếu rắn bò ra ngoài thì dùng đồ đập lại. Có vị dùng vật báu làm đồ đập. Đức Phật dạy, không nên dùng vật báu làm đồ đập. Nên dùng xương, răng, cho đến cây để làm. Để chỗ không ổn định, Phật bảo nên dùng dây cột vào trong chân giường.

Bấy giờ, tỳ-kheo phân phòng. Có tỳ-kheo nhận được phòng hư đổ. Vị đó nghĩ như vậy: “Chắc muốn khiến ta tu bỏ phòng?” Nên không nhận. Đức Phật dạy nên nhận rồi tùy theo khả năng mà tu bỏ. Có tỳ-kheo muốn tu bỏ phòng, đức Phật cho phép tu bỏ. Tất cả vật cần thiết, đều cho phép cung cấp.

10. Tường rào chùa

Thế Tôn từ Tỳ-xá-ly du hành trong nhân gian, qua nước Bạt-xà, đến nước Xá-vệ, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi tỳ-kheo. Bấy giờ Cấp Cô Độc Thực nghe đức Thế Tôn đến nước Xá-vệ, liền đánh xe đi nghinh đón. Từ xa thấy đức Phật, ông liền xuống xe, đi bộ đến trước mặt đức Phật, đầu diện kính lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện vì Cấp Cô Độc Thực nói pháp, khai hóa, khiến được hoan hỷ. Hoan hỷ rồi, Cấp Cô Độc Thực bạch đức Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn nghỉ nơi Kỳ-hoàn. Sáng mai con thỉnh thọ thực.”

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Cấp Cô Độc Thực biết đức Phật nhận lời rồi, kính lễ cáo lui. Về nhà, trong đêm Cấp Cô Độc Thực chuẩn bị các thức ăn ngon bỏ rồi, sáng ngày đến thỉnh Phật thọ thực. Đức Thế Tôn khoác y, bưng bát, đến nhà ăn, an tọa nơi chỗ ngồi. Cấp Cô Độc Thực tự tay châm chước các thức ăn ngon bỏ cúng dường Phật và chúng Tăng một cách đầy đủ. Ăn xong, cất bát, ông dùng bình bằng vàng dâng nước rồi bạch Phật:

“Con xin dâng cúng ngôi vườn Kỳ-hoàn lên đức Thế Tôn. Cúi xin Thế Tôn thu nhận.”

Đức Phật dạy: “Này cư sĩ, ông nên đem ngôi vườn này dâng cúng cho Phật và Tăng bốn phương. Tại sao vậy? Này cư sĩ, nếu là vườn hay vật trong vườn, phòng hay vật trong phòng, nhà hay vật trong nhà, y bát, tọa cụ, ống đựng kim, cửa Thế Tôn, thì tất cả chư thiên, người đời, sa-môn, bà-la-môn, ma phạm không thể sử dụng được.”

Theo lời dạy, cư sĩ liền dâng cúng ngôi vườn lên đức Phật và bốn phương Tăng. Đức Thế Tôn đủ lòng thương thọ nhận và nói kệ khuyến dụ:

*Trồng cây trái lập vườn,
Hoặc lập cầu và đò,
Đào giếng nơi hoang vắng,
Và bố thí phòng xá.
Những hạng người như vậy,
Ngày đêm phước tăng ích.*

[941c] *Nên giữ giới như pháp
Sau được sanh đường lành.*

Bấy giờ, Cấp Cô Độc Thực đầu diện kính lễ sát chân rồi ngôi qua một bên. Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói pháp, khai hóa, khiến được hoan hỷ. Cấp Cô Độc Thực nghe pháp hoan hỷ rồi, kính lễ sát chân, cáo lui.

Bấy giờ trong vườn Kỳ-hoàn, bò, dê ra vào tự do không có giới hạn ngăn cấm. Đức Phật bảo đào hào xung quanh cho chúng khỏi vào. Các tỳ-kheo già bệnh là bậc Thượng tọa không thể bước qua được. Phật cho phép làm cầu để đi. Các vị ấy không biết làm thế nào. Phật bảo dùng ván hay gỗ để làm, hoặc dùng dây buộc nối liền. Các tỳ-kheo Thượng tọa già bệnh khi đi qua cầu, trượt chân bị ngã xuống. Đức Phật cho phép buộc dây hai bên để vịn. Nếu nắm sợi dây bị té thì nên làm lan can hai bên. Nếu hào không bảo đảm thì nên làm hàng rào.

Không có cửa ngõ thì cho phép làm cửa ngõ. Nếu hàng rào không bảo đảm thì nên xây tường. Khi xây tường, cần thứ gì đều cho phép sắm để xây. Nếu không bảo đảm thì nên làm cổng có lầu. Vương tử

Kỳ-đà muốn làm công lều quý giá tại Kỳ-hoàn¹ được đức Phật đồng ý.

Cây nơi vườn Kỳ-hoàn không được tốt. Phật bảo trồng ba thứ cây, cây bông, cây có trái và cây nhiều lá.

Bấy giờ, có vị tỳ-kheo Thượng tọa, nổi tiếng nhiều người biết, thọ thực nơi Xá-vệ rồi trở về Kỳ-hoàn bị bệnh nhiệt. Đức Phật cho phép dùng cỏ hay lá cây để che, hay lấy một trong mười loại y để che. Nếu vẫn cứ nóng thì nên trồng hai bên đường bằng ba thứ cây trên.

Kỳ-hoàn cách dòng nước xa, Phật cho phép đào mương dẫn nước vào. Mương sạt lở, Phật cho phép dùng cỏ để chặn. Nếu cỏ bị rã nát, thì nên dùng gạch, đá hay cây để chặn.

Nếu cần đào giếng thì đào giếng, tất cả những thứ cần dùng đều cho sấm. Khi xách nước, bị bùn làm vỡ gàu xách, cho phép dùng cây gỗ lót xung quanh, để gàu vào giữa. Nếu đồ múc vẫn bị vỡ, cho phép dùng túi bằng lông² để đựng. Nếu vẫn bị vỡ, cho phép dùng da thuộc để làm. Nếu dây kéo bị đứt thì nên dùng da.

Tỳ-kheo không quen xách, bị đau tay, cho phép dùng bánh xe để quay. Nếu lỗ bánh xe bị hư thì cho phép dùng sắt để làm. Nếu bị nước chảy ngược vào trong giếng thì nên dùng đá, gạch hay cây gỗ ngăn bốn bên. Nếu sợ chỗ rửa nước đọng lại thành bùn bần thì dùng gạch, đá để lót. Nếu sợ trẻ nít rơi xuống giếng thì nên dùng cây hay gạch đá làm lan can ngăn. Nếu xách nước, gàu bị đứt dây rút xuống giếng, thì nên dùng móc để móc lên. Cái gàu không có chỗ để ổn định. Đức Phật [942a1] cho làm cái giá gần bên giếng để móc cái gàu lên.

¹ Vin. ii. 159: khoảng đất trước công chưa trải vàng, vương tử Kỳ-đà không bán, mà cúng luôn cho Phật. Tại đó, ông xây một ngôi nhà nhỏ (*koṭṭhaka*), một kiểu vọng lâu.

² Mao lâu nang 毛毳囊.

11. Nhà tắm

Kỳ-hoàn chưa có nhà tắm. Phật cho phép làm. Các vị ấy không biết cách làm. Phật bảo làm vuông hay tròn hoặc tám cạnh. Các vị ấy làm phía trước nhà. Đức Phật nói không nên làm trước nhà mà nên làm một bên, nơi chỗ khuất.

Nhà tắm bị gió lạnh. Phật cho làm cửa để đóng lại. Bị khói, cho làm lỗ thông hơi. Bị tối, cho làm cửa sổ. Bị bùn, cho dùng gạch, đá, cây làm cái ghé ngồi tắm. Bị bùn bắn chân, cho dùng đá hay gạch lót nền. Nếu đầu cây trật khớp, nên đục thành răng chó, ép lại với nhau.

Bấy giờ, khi Thượng tọa muốn mát, nhóm sáu tỳ-kheo đóng cửa. Khi Thượng tọa muốn ấm, nhóm sáu tỳ-kheo lại mở cửa. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Phải theo yêu cầu của chúng mà đáp ứng.”

Nhóm sáu tỳ-kheo vào nhà tắm trước, chiếm lấy chỗ tốt. Thượng tọa đến sau không có chỗ. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy nên tùy theo thứ tự mà ngồi. Vị Thượng tọa không vào, bỏ chỗ trống. Đức Phật dạy, vị thứ tọa nên ngồi. Khói xông lên mặt, Phật cho phép dùng vật để ngăn. Đầu bị nóng, cho phép trùm lại. Lưng nóng, cho phép che. Thân hôi thối, cho phép dùng bùn để tắm. Có tỳ-kheo nọ nghi, không dám dùng hương trộn với bùn. Đức Phật cho phép dùng hương để tắm. Trong nhà tắm, đất bị nóng, cho phép tưới nước cho mát.

Có vị cùng bạch y tắm, xem “đuôi” của nhau, rồi nói, “đuôi” người này dài, cái “đuôi” người kia to. Phật dạy, không được tắm chung với bạch y. Nếu người nào xưng tán Phật, Pháp, Tăng thì cho phép tắm chung.

Các tỳ-kheo dùng y trải dưới đất trống, trời mưa ướt. Đức Phật cho phép xếp lại rồi máng trên vách, trên móc ngà voi, trên trụ cột hoặc trên giá y. Có vị lo ngại khói xông bắn y. Đức Phật cho phép làm nhà để y riêng.

Có vị khóa thân chà mình cho người khóa thân. Phật dạy, không

được làm như vậy. Có vị khỏa thân chà mình cho người không khỏa thân. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị không khỏa thân, nghi, e ngại không dám chà mình cho người khỏa thân. Đức Phật cho phép. Có vị khỏa thân cạo tóc cho người khỏa thân. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân cạo tóc cho người không khỏa thân. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị không khỏa thân cạo tóc cho người khỏa thân. Phật dạy, không được làm như vậy.

Có vị khỏa thân xia răng. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân rửa tay, rửa chân, rửa mặt. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân ăn. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân đại tiểu tiện. [942b] Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân kính lễ người khỏa thân. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân kính lễ người không khỏa thân. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị không khỏa thân kính lễ người khỏa thân. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân đi đường. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân đi kinh hành. Phật dạy, không được làm như vậy.

12. Dùng nước

Bấy giờ, nhà tắm nơi Kỳ-hoàn cách xa nước. Phật cho phép đào nương hay đào giếng đem nước vào, như trên. Nếu nước ít thì nên đào nương cho lớn.

Có vị xách nước đau tay. Phật cho phép làm con quay để quay. Không biết chứa nước chỗ nào. Phật cho phép đựng trong cái ghè. Khi xách nước, lúc trời mưa, có vị lo y bị ướt. Phật cho phép làm cái nhà trên cái giếng.

Tỳ-kheo khỏa thân xách nước, thấy phụ nữ đến, hỏ thẹn bèn ngồi xuống. Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy, không được làm như vậy.

Các tỳ-kheo tắm nơi suối, nơi kên, nơi ao, long nữ giận cơ hiềm. Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy, không được tắm như vậy. Cho phép dùng bốn loại tắm được che kín: hoặc chỗ có vách che; hoặc chỗ có lá cây, cỏ che; hoặc lấy nước che thân; hoặc dùng y để che

thân.¹ Nếu tắm tại ba chỗ trên, cần dùng thứ gì cho phép được trao đổi lẫn nhau. Dùng y che thân, tất cả đều như pháp.

Người xây cát, được phép tắm. Nếu nước ít thì nên mở rộng chỗ nước. Nếu sợ nước rò rỉ xuống nhiều, thì nên làm chỗ rò nhỏ ở mé.

Các tỳ-kheo tắm nơi đất trống, mắc bệnh. Đức Phật dạy cho phép làm cái nhà tắm nhỏ để tắm. Nếu đất nơi nhà tắm bị bùn, cho phép dùng gạch đá hay cây hoặc đá dăm, cát để lót. Nước đọng lại, cho phép mở đường tháo nước ra ngoài.

13. Đất trống

1. Các tỳ-kheo nấu nước nơi đất trống, trời mưa, y bị ướt. Đức Phật cho phép làm nhà để nấu nước.

Các tỳ-kheo để củi tươi nơi chỗ đất trống, trời mưa bị ướt. Đức Phật cho phép làm nhà để củi. Có tỳ-kheo coi nấu thức ăn nơi chỗ đất trống, trời mưa y bị ướt làm bản vật đựng thức ăn của tịnh nhân. Đức Phật dạy cho phép làm tịnh trụ để nấu thức ăn.

Bấy giờ, các tỳ-kheo được nhà bạch y mời thọ thực, trên đường đi bị mưa ướt y. Đức Phật dạy cho phép nơi khoảng không gian xóm làng nên thiết lập Tăng-già-lam.

2. Tỳ-kheo đại tiểu tiện nơi đất trống, người nữ thấy, tỳ-kheo vội vàng đứng dậy. Đại tiện chưa xong nên sanh bệnh. Đức Phật cho phép làm nhà vệ sinh. Kia chỉ làm một chỗ đại tiện, gặp lúc nhiều người đi phải đứng chờ. Phật cho phép làm nhiều chỗ, nên làm cửa, nên ngăn [942c] đừng cho thấy nhau.

Tỳ-kheo Thượng tọa già bệnh, đại tiểu tiện xong bị té. Phật cho phép làm lan can hai bên. Có vị đại tiện xong chùi trét lưng tung,

¹ Tham chiếu Pāli, Vin. ii. 122, Phật cho phép ba loại che tắm: che bằng nhà tắm, che bằng nước, che bằng y (vải). Tắm trong ba chỗ này, các tỳ-kheo khóa thân nhưng được phép giúp đỡ nhau hay trao nhau những vật dụng cần thiết. Tỳ-kheo khóa thân phục vụ nhau, hay trao vật cho nhau, phạm đột-kiết-la.

hoặc nơi góc tường hoặc nơi hòn đá, hoặc trên cỏ. Phật dạy, không được chùi trét như vậy. Nên làm chỗ rửa riêng biệt.

Có vị tiểu tiện lung tung bần đất. Phật dạy, không được tiểu như vậy. Nên tiểu tiện một chỗ ở mé. Nếu vẫn lo ngại bị bần thì làm riêng chỗ tiểu tiện. Các vị ấy không biết làm cách nào. Phật dạy đào một cái hầm, bên dưới để hòn đá, đặt một cái ghè lên. Chọc thủng đáy ghè để chỗ rút nước, hai bên lót cây. Nếu sợ hôi thối thì nên đập lại.

3. Các tỳ-kheo kinh hành nơi đất trống, có rấn, bò cạp, rít. Tỳ-kheo chưa ly dục, thấy sợ. Đức Phật cho phép làm chỗ kinh hành treo. Các thầy không biết cách làm. Đức Phật bảo đào đất trống trụ rồi lót ván lên trên để đi. Sợ mưa gió, thì làm nhà che bên trên.

14. Lò sưởi

Phật ở tại Câu-thiểm-di.

Nhóm sáu tỳ-kheo dùng tơ lụa vẽ vờn trang sức trong phòng, đốt lửa hơi ấm, khói xông bần phòng, bần ngọa cụ. Phật dạy, không được làm như vậy.

Các tỳ-kheo mùa đông bị lạnh. Phật cho phép nhúm lửa nơi đất trống để hơi cho ấm. Nhúm lửa nơi đất trống ngò, bị lạnh sau lưng. Đức Phật cho phép nhen lửa bên ngoài, để cho hết khói rồi bung vào trong phòng để hơi. Nếu có nhiều người không chấp nhận thì làm riêng nhà sưởi ấm.¹ Các thầy không biết làm sao. Đức Phật cho phép làm vuông, tròn hoặc dài.

Có vị nhúm bếp lung tung. Phật dạy, không được làm như vậy, nên để chính giữa một cái hỏa lò. Các tỳ-kheo nhận được cái lò bánh xe.² Đức Phật cho phép chứa dùng. Các thầy không biết cho ai đẩy

¹ Nhiên hòa đường 燃火堂, nhà đốt lửa. *Ngũ phần 25* (tr.168a19): Mùa lạnh, các tỳ-kheo tập họp, sợ lạnh. Phật cho làm ôn thất 温室. Pāli: aggisālā, nhà lửa; cf. Vin.ii. 154. Các trường hợp khác, ôn thất cũng chỉ nhà tắm có nước nóng.

² Luân hỏa lô 輪火爐, lò lửa có bánh xe để di chuyển.

đi. Đức Phật dạy nên giao cho sa-di hoặc tỳ-kheo hay người giữ Tăng-già-lam.

Tỳ-kheo kia không quen thổi lửa, nên thổi lửa mà sinh bệnh. Đức Phật cho phép làm cái ống để thổi. Có vị dùng vật bấu để làm ống thổi. Phật dạy, không được dùng vật bấu làm mà nên dùng xương, đồng, thiếc hay cỏ xá la, tre, trúc, cây để làm. Nếu sợ miệng ống thổi bị cháy thì cho phép dùng miếng sắt bao ngoài, đừng để củi lửa trong bếp rót lên trên. Nếu sợ nóng tay nên làm cái kẹp. Có vị dùng vật bấu làm cái kẹp. Phật dạy, không được dùng như vậy. Nên dùng xương, răng, đồng, thiếc hay cây để làm. Nếu sợ cái đầu ống bị cháy, cho dùng miếng sắt để bao lại. Có vị muốn gom lửa lại, cho làm cái cào để cào. Muốn giữ lửa lại, cho moi cái hầm cho lửa xuống. Nếu sợ lửa tắt thì dùng tro phủ lên trên.

Các tỳ-kheo dùng nước lạnh rửa mặt, rửa tay, rửa chân nên bị lạnh. Đức Phật [943a1] cho phép nấu nước nóng để rửa. Các thầy không biết cách nấu. Đức Phật bảo dùng ghè tắm đựng đầy nước để bên lửa. Nếu ghè nhiều để bên lửa không đủ chỗ, làm ba cái nặng chống. Đổ nước đầy cái vò lớn rồi đặt lên đó mà hâm nóng. Nếu cái vò đun lớn khiến cho lửa bị ngộp, thì nên dùng dây treo lên. Nếu dây bị cháy thì dùng ống tre bao cái dây. Nếu ống tre bị cháy thì dùng bùn trét bên ngoài. Khi rót nước, ống bị gãy. Đức Phật bảo nên lấy vật khác kẹp lấy. Khi rót nước sợ chảy ra ngoài nên dùng ống để rót. Nếu cái dây treo bị đứt nên lấy sắt làm cái khâu để móc.

Mùa đông, các tỳ-kheo rửa chân bị lạnh. Đức Phật dạy nên để thau rửa mặt, nước rửa chân trong nhà mà rửa. Khi rửa, cần thứ gì nên cung cấp thứ ấy.

Buổi sáng, tỳ-kheo thức dậy xoa dầu nơi chân, vào xóm khát thực, người nữ kính lễ sát chân, dầu đầy nơi tay rồi cầm bình bát tỳ-kheo. Các tỳ-kheo khác thấy gớm. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy, sáng sớm thức dậy không nên thoa dầu nơi chân rồi đi vào xóm khát thực. Các tỳ-kheo chân bị nứt, cho phép thoa dầu từ gót chân cho đến ngón chân. Bấy giờ, chúng Tăng nhận được phòng một tầng. Đức Phật cho phép ở.

15. Thọ nhận phi pháp

Thế Tôn từ nước Ma-kiệt đến thành Khoáng dã. Bảy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo dùng các thứ có thù vẽ hình tượng nam nữ trang hoàng phòng ốc, nhà cửa cho đức Thế Tôn. Phật dạy, không được làm như vậy. Cho phép dùng hình vẽ của cầm thú có nhiều màu để trang hoàng. Chúng Tăng nhận được hai phòng một cửa. Đức Phật cho phép ở.

Thế Tôn ở nước Xá-vệ. Bảy giờ tôn giả A-nan nhận được phòng riêng. Đức Phật cho phép sử dụng.

Bảy giờ, La-hầu-la ở trong rừng Na-lê. Tại đây, có cư sĩ không quyên góp ai mà tự mình làm phòng xá cúng cho La-hầu-la. La-hầu-la ở phòng này một thời gian, rồi du hành trong nhân gian. Cư sĩ nghe La-hầu-la du hành nhân gian lại đem phòng xá cúng cho chúng Tăng.

Khi đức Thế Tôn từ Ma-kiệt-đề du hành trong nhân gian, đến trong rừng Na-lê trải chỗ ngồi an tọa, lúc này La-hầu-la nghe cư sĩ đã đem phòng cúng cho chúng Tăng, liền đến chỗ đức Thế Tôn, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

“Tại Na-lê, có cư sĩ không quyên góp ai mà tự mình làm phòng cúng cho con. Con ở nơi phòng đó một thời gian rồi du hành trong nhân gian. Sau đó, cư sĩ kia lại đem phòng ấy cúng cho chúng Tăng.”

Đức Phật bảo La-hầu-la:

“Ngươi đến chỗ cư sĩ hỏi thế này: Chẳng lẽ ông thấy tôi có điều gì đáng trách, không thanh tịnh, chẳng phải pháp sa-môn, [943b] hoặc do miệng nói ra, hay do thân làm tà vậy?”

La-hầu-la vâng lời dạy của đức Thế Tôn, đến chỗ cư sĩ kia nói như trên.

Cư sĩ trả lời: “Con không thấy Tôn giả có điều chi đáng trách, và chẳng phải pháp Sa-môn, hoặc do miệng nói, hay do thân làm không thanh tịnh cả.”

Bấy giờ, La-hầu-la đến chỗ đức Thế Tôn, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, bạch với đức Thế Tôn:

“Vừa rồi theo lời dạy của Như Lai, con đến chỗ cư sĩ hỏi, cư sĩ kia trả lời: con không thấy Tôn giả có điều chi đáng trách đối với pháp Sa-môn, cũng không có việc chi là không thanh tịnh, hoặc do miệng nói, hay do thân làm.”

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp tỳ-kheo Tăng, bảo rằng:

“Các người khéo lắng nghe: Bồ thí phi pháp, thọ nhận phi pháp, ở phi pháp; bồ thí như pháp, thọ nhận như pháp, ở như pháp.”

Thế nào là bồ thí phi pháp, thọ nhận phi pháp, ở phi pháp?

Hoặc có người tự tâm hỷ lạc, làm phòng đem dâng cúng cho một người; rồi lại đem cúng cho nhiều người. Như vậy là bồ thí phi pháp, thọ nhận phi pháp, ở phi pháp. Cúng cho một người; rồi lại đem cúng cho chúng Tăng, cũng như vậy. Cúng cho một người rồi; khi Tăng bị phá làm hai bộ, cúng cho đồng bộ của mình, cũng như vậy. Cúng cho một người rồi, cúng cho khác bộ cũng như vậy.

Hoặc có người tự tâm hỷ lạc, làm phòng dâng cúng cho số đông người; rồi lại đem dâng cúng cho chúng Tăng. Tức là bồ thí phi pháp, thọ nhận phi pháp, ở phi pháp. Cúng cho số đông người rồi, khi Tăng bị phá làm hai bộ, cúng cho đồng bộ của mình cũng như vậy. Cúng cho số đông người rồi, cúng cho khác bộ cũng như vậy. Cúng cho số đông người rồi cúng cho một người cũng như vậy.

Làm phòng cúng cho Tăng rồi chuyển cúng cho người khác cũng như vậy. Làm phòng rồi cúng cho đồng bộ của mình cũng như vậy. Làm phòng rồi cúng cho khác bộ cũng như vậy. Đó gọi là bồ thí phi pháp, thọ nhận phi pháp, ở phi pháp.

Thế nào là bồ thí như pháp, thọ nhận như pháp, ở như pháp?

Hoặc có người hỷ lạc tự làm phòng cúng cho một người là cúng như pháp, nhận như pháp, ở như pháp. Cúng cho số đông người, cúng cho Tăng, cúng cho hai bộ Tăng cũng như vậy. Đó gọi là cúng như pháp, nhận như pháp, ở như pháp.

16. Tứ phương Tăng vật

Thế Tôn cùng năm trăm tỳ-kheo du hành nhân gian tại nước Ca-thi. Bấy giờ tại nước Ki-liên¹ có bốn cựu tỳ-kheo A-thấp-tì, Bất-na-bà-sa, Ban-đà, Lâu-hê-na.² Bốn tỳ-kheo này nghe đức Thế Tôn cùng năm trăm tỳ-kheo du hành nhân gian sẽ đến Ki-liên. Hai đệ tử của đức Thế Tôn [943c] là Xá-lợi-phất và Mục-liên cũng sẽ đến đây đuổi chúng ta ra khỏi trú xứ này. Chúng ta có thể chọn lựa một thượng phòng dành cho đức Thế Tôn, ngoài ra chia làm bốn phần tư hữu. Tăng-già-lam, vật của Tăng-già-lam, phòng xá, vật của phòng xá làm phần của tỳ-kheo thứ nhất. Hũ, ghè, nồi, vạc, búa, đục, chân đèn, các vật nặng linh tinh làm phần của tỳ-kheo thứ hai. Giường dây, giường cây, nệm lớn, nệm nhỏ, ngoạ cụ tạp vật làm phần của tỳ-kheo thứ ba. Cây, gỗ, tre, cỏ, bông trái làm phần của tỳ-kheo thứ tư. Bốn cựu tỳ-kheo chọn lựa thượng phòng dành cho đức Thế Tôn, ngoài ra phân chia làm bốn phần như trên.

Đức Thế Tôn từ nước Ca-thi du hành trong nhân gian, đến Kỳ-liên, trải chỗ ngồi an tọa, rồi bảo Xá-lợi-phất và Mục-liên đến nói với cựu tỳ-kheo kia: “Thế Tôn cùng năm trăm tỳ-kheo đến Ca-thi. Các thầy cần phải dọn chỗ nằm cho các tỳ-kheo.”

Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên vâng lời dạy của đức Thế Tôn đến chỗ cựu tỳ-kheo bảo họ trải năm trăm chỗ nằm. Cựu tỳ-kheo trả lời: “Đức Thế Tôn là Pháp chủ, có thể tùy ý đi hay ở. Chúng tôi đã chọn lựa một thượng phòng dành cho đức Thế Tôn. Ngoài ra, chúng tôi đã chia làm bốn phần *như trên*. Không còn ngoạ cụ nào cho Tỳ-kheo khách.”

Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên đến chỗ đức Thế Tôn đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên này bạch

¹ Xem Phần III, Ch. xi, cht. 13.

² A-thấp-tì 阿濕鞞, Bất-na-bà-sa 不那婆婆, Ban-đà 般陀, Lâu-hê-na 樓醯那. *Ngũ phần* 25 (tr.168c09): Năm tỳ-kheo ở ấp Ngật-la-ngật-liệt, chia tứ phương Tăng vật thành 5 phần cho 5 người làm tư hữu. Vin. ii. 171, nhóm tỳ-kheo Assaji-Punabbasu ở Kīṭāgiri.

lên đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp tỳ-kheo Tăng rồi bảo rằng:

“Bốn phần đây là vật của Tăng bốn phương, không nên chia, không nên đem về cho mình, không nên mua bán, cũng chẳng phải vật mà Tăng được bán, chẳng phải của nhiều người cho đến một người được quyền bán. Nếu Tăng hay số đông người hoặc một người tự nhập vào của mình, hoặc chia, hoặc mua bán thì không thành, tự nhập không thành, chia không thành, mua bán không thành, phạm *thâu-lan-giá*.”

Thế nào là vật của Tăng bốn phương?¹

Tăng-già-lam và vật của Tăng-già-lam; phòng và vật của phòng. Đây là phần thứ nhất. Vật của bốn phương Tăng không nên chia, không nên nhập vào của mình, không nên mua bán. Cho dù là Tăng hay số đông người, hay một người cũng không được chia, không được nhập vào của mình, không được mua bán. Nếu Tăng hay số đông người hoặc một người, đem chia, đem về cho mình hay số đông người hoặc một người, đem chia, đem về cho mình hay mua bán, thì không thành phần, không thành của mình, không thành mua bán, phạm *thâu-lan-giá*. Phần thứ hai, phần thứ ba cũng như vậy. Trong phần thứ tư, bông trái cho phép chia, hoặc bông hoa dâng lên đức Phật, ngoài ra cũng như trên.²

[944a9] Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có tỳ-kheo làm phòng riêng trong đất của Tăng. Có vị Thượng tọa tỳ-kheo khách đến, bảo: “Dậy, nhường chỗ Thượng tọa!” Tỳ-kheo kia trả lời: “Không

¹ Bốn vật dụng thuộc Tứ phương Tăng. Vin. ii. 170: Năm thứ là Tứ phương Tăng vật không được chia cho cá nhân: 1. *ārāmo ārāmatvatthu* (Tăng-già-lam, và vật thuộc Tăng-già-lam: đất vườn chùa và cây trái các thứ trong vườn), 2. *vihāro vihāravatthu* (tinh xá và vật dụng thuộc tinh xá: chùa và phòng ốc các thứ của chùa), 3. *mañño pūṭhaṃ bhisi bibbohanaṃ* (giường, ghế, đệm, gối các thứ), 4. *lohakumbhī...* (ghè, lu, nồi,... các thứ), 5. *valli, veḷu, muñjaṃ*, (dây leo, tre, cỏ muñja,...)

² Bản Hán, hết quyển 50.

dậy.” Thượng tọa hỏi: “Tại sao?” Tỳ-kheo kia nói: “Đây là phòng riêng của tôi.” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Bảo vị ấy nên dậy đi thì tốt. Nếu không dậy, bảo trả đất lại cho Tăng. Không có lý gì lấy đất của Tăng làm của mình.”

17. Tỳ-kheo tri sự

1. Có tỳ-kheo cất cái thất quá vội nên không chắc chắn. Đức Phật dạy: “Không nên như vậy.” Có vị lại kinh dinh một cái phòng thất mà suốt đời không xong. Đức Phật dạy: “Không nên như vậy. Nếu làm cái nhà lâu tốt nhất, lâu lắm cũng trong vòng mười hai năm mà thôi.¹ Ngoài ra, tùy theo lớn nhỏ mà quy định.”

Có vị làm người xây dựng² cho nên tất cả thời xuân, hạ, đông, chiếm dụng phòng tri sự thường xuyên của Tăng. Phật dạy:

“Không nên làm như vậy. Cho phép, sau ba tháng hạ, chia lại từ Thượng tọa.”

Có tỳ-kheo làm người xây dựng chung cho các Tăng-già-lam, nên chỗ nào cũng nhận phần phòng của mình. Đức Phật dạy, không nên nhận như vậy. Nên nhận một nơi chín mươi ngày để ở.

Tại trú xứ đông người, vị làm việc xây cất kia trú ở nhà ăn, nhà ẩm, nhà kinh hành, khiến cho khách tỳ-kheo không có chỗ ở. Đức Phật dạy, “Không nên ở như vậy. Nếu tầng dưới sảnh đường là chỗ ở của số đông người thì nên ở tầng trên. Nếu tầng trên sảnh đường là chỗ ở của số đông người thì nên ở tầng dưới.”

¹ *Ngũ phần 25* (tr.169a12): Tỳ-kheo làm doanh sự (kinh doanh chủ 經營主), chiếm dụng phòng tri sự quá lâu, Phật quy định, làm doanh sự, được cấp phòng tỳ-kheo doanh sự (tri sự), tối đa 12 năm. Nhưng phải chờ Tăng làm bạch nhị yết-ma cho phép.

² Kinh doanh nhân 經營人, hay doanh sự tỳ-kheo 營事比丘, hay tỳ-kheo tri sự của Tăng. Xem đoạn sau, yết-ma Tăng sai tỳ-kheo doanh sự. Cf. Vin.ii. 160: Cư sĩ cất Già-lam cho Tăng, cần người giám đốc xây dựng. Phật cho phép Tăng bạch nhị yết-ma cử người làm quản đốc, tức doanh sự tỳ-kheo, hay Tri sự Tăng. Pāli: *navakammika*.

Có vị chỉ làm việc xây dựng nhỏ như đắp vách bùn, hoặc vá lại, hoặc san bằng đất, nhưng lại đòi hỏi làm tri sự. Đức Phật dạy, không được như vậy.¹

Có vị sai khiến sa-di, sai khiến người Tăng-già-lam, bèn tự xem mình là tri sự. Phật dạy, không được như vậy.

Có vị làm cái phòng nhỏ, đòi hỏi cấp phòng tri sự. Đức Phật dạy, không được như vậy. Nếu phòng được làm có nhận giường đây, giường cây, cho phép cấp cho phòng tri sự.

Có vị làm phòng xấu,² đòi được cấp phòng tri sự. [944b] Đức Phật dạy, không được như vậy. Nếu phòng được làm có đủ các thứ trang hoàng và xông hương, cho phép cho cấp phòng tri sự.

Có tỳ-kheo tri sự, nhận phòng rồi qua đời. Các tỳ-kheo không biết phòng ấy thuộc về của ai, bạch Phật. Đức Phật dạy, tùy ý của Tăng.

Có tỳ-kheo tri sự sai người bạch Tăng để được cấp phòng. Tỳ-kheo kia đến trong Tăng bạch. Tăng cấp phòng rồi, tỳ-kheo xây cất kia qua đời. Các tỳ-kheo không biết phòng này nên giao cho ai. Đức Phật dạy, tùy ý của Tăng.

Tỳ-kheo tri sự sai người đến trong Tăng xin cấp phòng. Tăng cấp rồi, tỳ-kheo sai (sứ giả) kia qua đời. Các tỳ-kheo không biết phòng này nên giao cho ai. Đức Phật bảo, cho thầy tri sự đó.

Tỳ-kheo tri sự qua đời trong mùa hạ an cư. Các tỳ-kheo không biết phòng này nên giao cho ai. Đức Phật dạy, tùy ý của Tăng.

Có tỳ-kheo làm phòng chưa lợp, bỏ đi. Tỳ-kheo khách nói với cựu tỳ-kheo rằng, hãy lợp cái phòng này. Cựu tỳ-kheo nói: “Ai cất thì

¹ Quy định chức danh doanh sự. Vin. ii. 172: các tỳ-kheo Ājavaka cho những việc sau đây là doanh sự (*navakammaṃ denti*): dọn một đồng đất, trét một bức vách... doanh sự tinh xá cho đến khi trà-tri. Phật quy định: thời hạn làm doanh sự để dựng tinh xá nhỏ (*khuddake vihāre*), thời hạn 5 hoặc 6 năm; nhà mái bằng (*aḍḍhayoge*), 7 hoặc 8 năm; tinh xá lớn (*mahallake vihāre*), nhà lâu (*pāsāde*), 10 hay 12 năm. Xem cht. 52 trước.

² Ác phòng 惡房.

người đó lợp.” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy, cho phép làm phòng có gác lớn và đẹp nhất cũng trong vòng sáu năm là lợp thành. Còn loại phòng nhỏ hơn tùy theo đó mà lượng định.

Có một tỳ-kheo làm phòng, tỳ-kheo khác lợp, hai tỳ-kheo tranh nhau ai sửa trước, ai sau. Các tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật dạy ai làm trước thì sửa trước. Có hai tỳ-kheo cùng nhau làm phòng, cùng nhau tranh kể làm trước người làm sau. Đức Phật cho phép, cùng nhau làm thì Thượng tọa ở trước.

Tỳ-kheo tri sự, hạ an cư, nhận phòng do mình sửa (để ở), rồi lại nhận phòng khác (để ở). Phật dạy, không được làm như vậy. Nên an cư nơi phòng mình đã sửa chữa.

2. Thế Tôn ở tại Câu-thiểm-di. Bảy giờ vua Ưu-điền là bạn thân hậu của Bạt-nan-đà, thỉnh Bạt-nan-đà hạ an cư tại Câu-thiểm-di.

Bạt-nan-đà nhận lời an cư rồi, nghe trú xứ an cư nọ, Tăng nhận được nhiều y vật, liền đến nơi trú xứ đó một thời gian ngắn, rồi trở lại Câu-thiểm-di. Vua Ưu-điền nghe, cơ hiềm rằng: “Bạt-nan-đà nhận lời mời của tôi an cư rồi. Nghe trú xứ nọ Tăng an cư nhận được nhiều y vật, lại đến nơi đó. Rồi trở lại đây.”

Các tỳ-kheo nghe, đến chỗ đức Thế Tôn, đầu diện lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên này trình bày đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp tỳ-kheo Tăng, quở trách Bạt Nan Đà Thích tử rằng:

“Tại sao ông nhận lời thỉnh an cư tại Câu-thiểm-di rồi nghe trú xứ nọ, Tăng hạ an cư nhận được nhiều y vật, lại đến đó ở một thời gian rồi về lại nơi đây?”

[944c] Dùng vô số phương tiện quở trách rồi, Phật bảo các tỳ-kheo: “Nếu tỳ-kheo nào an cư nơi đây, nghe trú xứ nọ Tăng an cư nhận được nhiều y vật mà đến đó ở, tức là mất trú xứ này. Ở nơi đó một thời gian, trở về trú xứ này, lại mất nơi trú xứ kia.”¹

¹ Xem Phần III, Ch. An cư.

3. Bấy giờ, phòng xá của chúng Tăng cũ hư, có cư sĩ thưa: “Nếu cho phép, con sẽ tu bổ.” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Cho phép bằng bạch nhị yết-ma.”

Pháp thức như sau: Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma,¹ dựa theo sự việc trên tác bạch:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng đem phòng này giao cho cư sĩ tên... tu bổ, tỳ-kheo... làm người doanh sự.² Đây là lời tác bạch.

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng đem phòng này giao cho cư sĩ tên... tu bổ, tỳ-kheo... làm doanh sự. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng đem phòng này giao cho cư sĩ tên... tu bổ, tỳ-kheo... làm người doanh sự thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

“Tăng đã đồng ý đem phòng này giao cho cư sĩ... tu bổ, tỳ-kheo... làm người doanh sự rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

4. Bấy giờ tỳ-kheo doanh sự (tri sự) chưa chia phòng, có việc cần đi. Sau đó các tỳ-kheo chia phòng. Tỳ-kheo doanh sự kia khi trở về hỏi: “Có để phòng doanh sự cho tôi không?” Có vị trả lời: “Không.” Tỳ-kheo doanh sự liền cơ hiềm, trách các tỳ-kheo rằng: “Tôi chưa chia phòng, có việc cần đi. Các vị sau đó lại chia phòng. Tôi có công quả trong này, sao không chia phòng cho tôi?” Các tỳ-kheo không biết như vậy có thành chia hay không? Đức Phật dạy, thành. Nhưng nên đợi người kia về. Vị kia cũng nên dặn người nhận phòng cho mình.

Tỳ-kheo doanh sự chưa chia phòng, có việc cần ra ngoài, dặn tỳ-kheo khác lấy phòng cho mình mà không nói rõ phòng nào. Tỳ-

¹ Yết-ma Tăng sai, cử tỳ-kheo doanh sự, hay tri sự Tăng. Xem cht. 33 trước.

² Kinh doanh giả 經營者, tức doanh sự tỳ-kheo, hay tri sự Tăng. Xem cht. 33 trước. Pāli: *navakammika*.

kheo kia xây cất nhiều chỗ, tỳ-kheo này không biết lấy phòng nào. Các tỳ-kheo chia phòng rồi, vị kia về hỏi các tỳ-kheo: “Chia phòng chưa?” “Chia rồi.” “Có để phòng cho tôi không?” “Không.” Vị kia liền cơ hiềm, trách rằng: “Chưa chia phòng, tôi có việc cần đi; dặn tỳ-kheo khác nhận phòng cho tôi. Tôi có đóng góp trong việc này, sao không cho tôi phòng?” Các tỳ-kheo không biết như vậy có thành chia hay không? Đức Phật dạy, thành chia. Nhưng nên đợi người kia về. Người kia cũng nên chỉ rõ phòng nào cần nhận.

Tỳ-kheo doanh sự kia lấy phòng rồi, sau đó khi chia phòng theo thứ tự thì được phòng tốt hơn, liền bỏ phòng trước. Các tỳ-kheo bạch [945a1] Phật. Đức Phật dạy:

“Không nên làm như vậy. Nên từ Thượng tọa phân chia, nếu không có người lấy thì mới cho.”

Tỳ-kheo kia nghi, không dám bóc vào chìa khóa cửa của chúng Tăng, hay cây gậy, cái khoen, cái cọc, cái chuỗi bằng xương, bằng đồng, ghế ngồi tắm. Đức Phật dạy cho phép cầm nắm.

Có vị không dám từ trú xứ này đi chuyển các vật đến trú xứ kia. Đức Phật dạy cho phép di chuyển.

18. Chia cháo¹

Theo có năm pháp không nên sai vì Tăng chia cháo; dù đã sai cũng không được chia: có thiên vị, hay giận hờn, có khiếp sợ, ngu si, không biết đã chia hay chưa. Tỳ-kheo có năm pháp như vậy không nên sai vì Tăng chia cháo. Đã sai, cũng không được chia.

Tỳ-kheo có năm pháp nên sai vì Tăng chia cháo: không có thiên vị, không hay giận hờn, không có khiếp sợ, không ngu si, biết đã chia hay chưa chia. Tỳ-kheo có năm pháp như vậy nên sai vì Tăng chia cháo. Nếu đã sai thì khiến vì Tăng chia cháo, chia tiểu thực, chia

¹ Quy định dùng cháo, xem Phần I, Ch.VI. Ba-dật-đề 32. *Tăng kỳ 29* (Tập tụng, chúc pháp), tr.4625; *Thập tụng 14* (tr.100a28): các loại cháo và những ích lợi của cháo.

khư-xà-ni,¹ thỉnh phiên đi thọ thực, trải ngọa cụ, chia ngọa cụ, chia y tắm, chia y, cái nào cần lấy, cái nào cần cho. Sai tỷ-kheo sứ, sai sa-di sứ, tất cả cũng như vậy.

Người có năm pháp vì Tăng chia cháo vào địa ngục nhanh như tên bắn: có ái, có nhuế, có bố, có si, không biết đã chia chưa. Có năm pháp như vậy mà chia cháo thì vào địa ngục như tên bắn.

Người có năm pháp chia cháo được sanh lên cõi trời như tên bắn: Không ái, không nhuế, không bố, không si, biết đã chia hay chưa. Có năm pháp như vậy vì Tăng chia cháo thì sanh lên cõi trời nhanh như tên bắn, cho đến sai sa-di sứ cũng như vậy.

¹ Thức ăn loại cứng.

CHƯƠNG II

TẬP SỰ

1. Bát

Thế Tôn ở tại Ba-la-nại, thì bấy giờ có năm tỳ-kheo đến chỗ đức Phật, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật chúng con nên thọ trì loại bát nào? Đức Phật dạy:

“Cho phép thọ trì bát ca-la, bát xá-la.”¹

Bấy giờ, có tỳ-kheo vào trong Tăng thọ thực mà không có bình bát. Đức Phật dạy:

“Vị ngồi cạnh nên cho. Nếu trong Tăng có hai loại bát này thì nên cho mượn.”

Bấy giờ, có tỳ-kheo bị rắn phun nọc độc trong bát, không rửa mà dùng để ăn. Ăn xong bị bệnh. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không nên không rửa bát mà đựng thức ăn để ăn. Cho phép rửa bát rồi mới đựng đồ ăn.”

2. Dao

Các tỳ-kheo tóc dài. Phật cho phép cạo. Hoặc tự cạo, hoặc nhờ người cạo. Cần dao cạo, cho phép sắm. Có vị dùng vật báu làm cán dao. Đức Phật dạy, không được dùng vật báu. [945b] Cho phép dùng đồng, thiếc để làm.

Có vị để dao trần, khó cất giữ. Đức Phật cho phép làm bao dao. Có vị dùng vật báu để làm. Đức Phật dạy không được dùng vật báu để

¹ Hai loại bát: ca-la 迦羅; xá-la 舍羅; xem cht. 59 đoạn sau. *Ngũ phần* 26 (tr.170a2): Cho phép ba loại bát: bát sắt 鐵鉢, bát sành 瓦鉢, bát tô-ma 蘇摩鉢. Pāli, Vin. iii. 243, hai loại bát: bát sắt và bát sành (*dve pattā ayopatto mattikāpatta*). Các loại bát, xem Phần I, ch. IV. ni-tát-kỳ 21.

làm. Cho phép dùng xương, ngà voi, đồng, sắt, bạch lạp, chì, thiếc, cỏ xá-la, trúc, tre, cây để làm.

Có vị sợ khua động bao dao làm hư lưỡi dao, Phật cho dùng vật mịn để ngăn, như lông, như kíp bôi, như da chó. Nếu sợ rơi, nên dùng sợi dây buộc dính lại. Nếu cầm nơi tay, khó giữ; nên dùng cái dây để đưng. Đưng trong dây bị rơi ra, nên dùng cái dây buộc miệng dây lại. Nếu cầm đi, sợ rơi mất, nên dùng sợi dây buộc nơi vai.

Bấy giờ, các tỳ-kheo dùng dao. Dao bị cuốn lại. Cho phép mài¹ trên tay. Nếu vẫn cuốn, thì nên mài trên đá. Tay cầm đá, sợ mất; nên đưng trong túi dao. Nếu dao lứt, nên gọt.² Hoặc mình tự gọt hay nhờ người gọt. Có vị cần dao để gọt.³ Đức Phật cho phép.

3. Râu-tóc-móng

1. Tỳ-kheo cạo tóc sợ tóc rơi trên y. Đức Phật cho phép sấm đồ để hứng tóc. Các tỳ-kheo không biết làm như thế nào? Đức Phật cho phép bện bằng tre; hoặc uốn gỗ làm cái vành rồi cẳng lá cây lên. Hoặc dùng một trong mười loại y để làm đồ hứng tóc.

Có vị để đồ hứng tóc dưới đất nên khi để lên đầu gói để hứng, bùn, đất lan bẩn y. Phật dạy, không được làm như vậy. Cho phép dùng sợi dây buộc trên đầu cây trụ.

2. Tỳ-kheo lông mũi dài. Phật cho phép nhổ. Hoặc tự mình nhổ hay nhờ người nhổ. Có vị cần nhíp, đức Phật cho phép sấm. Có vị dùng vật báu làm. Phật dạy, không được dùng vật báu làm mà nên dùng xương, ngà voi, đồng, sắt, bạch lạp, chì, thiếc để làm. Đầu nhíp bị sứt, nên bao bằng sắt. Cầm tay, khó giữ gìn, cho phép để trong bao của dao cạo tóc.

¹ Ma 磨; mài, ở đây hiểu là vuốt cho thẳng.

² Quát 刮, gọt; ở đây hiểu là mài.

³ Dùng hai dao “gọt” nhau, liếc hay mài vào nhau.

3. Móng tay của các tỳ-kheo dài. Phật cho phép cắt. Hoặc tự mình cắt hay nhờ người cắt. Có vị cần dao để cắt móng tay, Phật cho phép sắm. Có vị dùng vật quý báu để làm. Phật dạy, không được dùng vật quý báu để làm. Cho phép dùng đồng hay sắt để làm. Cầm nơi tay, khó giữ. Phật cho phép dùng ống nhựa để đựng. Có vị dùng vật quý báu để làm ống. Phật dạy, không được dùng vật quý báu để làm mà nên dùng đồng, sắt, bạch lạp, chì, thiếc, tre hay cây để làm. Sợ trong ống rơi ra nên nhét miệng ống lại. Có vị dùng đồ quý báu để nhét. Phật dạy, không được dùng đồ quý mà nên dùng đồng, thiếc, bạch lạp, chì, kềm, tre, cây để làm. Nếu sợ để riêng một chỗ bị rơi mất thì nên để chung trong đẫy của dao.

Bấy giờ, có tỳ-kheo móng tay dài, đến nhà bạch y. Tỳ-kheo này tướng mạo xinh đẹp, phụ nữ bạch y thấy liền để ý và nói với tỳ-kheo rằng: [945c] tôi cùng thầy làm việc như vậy, như vậy. Tỳ-kheo nói: “Chị chớ nói như vậy. Pháp của chúng tôi không có việc ấy.”

Người phụ nữ nói: “Nếu thầy không làm theo lời của tôi, tôi sẽ tự lấy móng tay cào nơi mắt, nơi thân có thương tích, rồi khi chồng tôi về tôi nói là thầy bảo tôi làm việc như vậy, như vậy, tôi không chịu làm, thầy liền lấy móng tay cào nơi mắt, nơi thân tôi, thương tích đến như vậy.”

Tỳ-kheo nghe nói như vậy liền hoảng sợ, chạy vội vàng ra khỏi nhà. Trong khi tỳ-kheo vừa chạy ra khỏi nhà thì người chồng cũng vừa từ ngoài về lại nhà. Người phụ nữ kia liền tự lấy móng tay cào vào thân vào mặt nói với người chồng rằng: “Tỳ-kheo bảo em làm việc như vậy, như vậy, em không đồng ý. Tỳ-kheo liền cào vào mặt vào thân em nên có thương tích như vậy.”

Người chồng liền đuổi theo bắt tỳ-kheo và nói: “Ông muốn phạm vợ tôi. Vợ tôi không đồng ý, ông cào vào mặt vào mình vợ tôi có thương tích, là sao?”

Tỳ-kheo trả lời: “Này cư sĩ, ông đừng nói như vậy. Pháp của chúng tôi không có làm việc ấy.”

Người chồng liền nói: “Tại sao ông bảo tôi đừng nói như vậy? Móng tay của ông dài như vậy kia mà!”

Nói xong, người chồng liền đánh tỳ-kheo gần chết. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không nên để móng tay dài.”¹

Nhóm sáu tỳ-kheo cắt móng tay quá sát, khiến cho chảy máu. Phật dạy, không được cắt như vậy. Có vị cắt móng tay như hình bán nguyệt. Phật dạy, không được cắt như vậy. Có vị cắt móng tay nhọn trên đầu. Phật dạy, không được cắt như vậy. Có vị mài móng tay cho sáng. Phật dạy, không được mài như vậy. Có vị nhuộm móng tay thành màu sắc. Phật dạy, không được nhuộm như vậy. Đức Phật lại nói với các tỳ-kheo: “Các ông là những người ngu si, tránh những điều ta chế cấm này, để rồi làm bao nhiêu điều khác. Cho phép các tỳ-kheo cắt móng tay vừa gần ngoài da.”

Phật nói, dài nhất bằng hạt lúa là nên cắt.

4. Nhóm sáu tỳ-kheo dùng kéo xén râu tóc. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị cạo tóc mà không cạo râu. Đức Phật dạy nên cạo cả râu tóc. Có vị cạo râu mà không cạo tóc. Đức Phật dạy nên cạo cả râu tóc. Có vị nhổ tóc, Phật dạy, không được nhổ. Có vị chừa tóc. Phật dạy, không được để [946a1] như vậy. Có vị vuốt râu mép cho cong lên. Phật dạy, không được vuốt như vậy.

“Các ông là những người ngu si, tránh những điều ta đã chế cấm này, để rồi làm bao nhiêu việc khác. Từ nay về sau, râu tóc nên cạo hết.”

Các tỳ-kheo không biết tóc dài bao nhiêu thì nên cạo. Đức Phật dạy dài nhất là hai ngón tay, hoặc hai tháng cạo một lần, đó gọi là dài nhất.

Nhóm sáu tỳ-kheo chải râu tóc. Đức Phật dạy không nên chải như vậy. Có vị dùng dầu thoa vào tóc. Phật dạy, không được thoa như vậy.

¹ Vin. ii. 133.

5. Nhóm sáu tỳ-kheo kẻ mí con mắt. Các cư sĩ thấy, cơ hiem nói, “Sa-môn Thích tử muốn nhiều không nhằm chán, mà tự xưng mình biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Giống như người bạch y!” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không được kẻ mí mắt như vậy.”

Các tỳ-kheo bị bệnh mắt, đức Phật cho phép nhỏ các loại thuốc.

4. Trang sức

1. Nhóm sáu tỳ-kheo dùng gương soi mặt hoặc soi mặt dưới nước, hay dùng vật mài cho có ánh sáng để soi mặt. Các cư sĩ thấy cơ hiem, nói: “Sa-môn Thích tử nhiều lòng ham muốn không biết nhằm chán, mà tự xưng là mình biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi soi gương giống như người bạch y?” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không nên làm như vậy.”

2. Có tỳ-kheo bị mọc mụn nơi mặt, đức Phật cho phép các tỳ-kheo khác xức thuốc giùm. Nếu một mình ở trong phòng, đức Phật cho phép dùng kiếng soi mặt để xức thuốc.

3. Có tỳ-kheo trau chuốt thân, trau chuốt tóc. Phật dạy, không được làm như vậy. Có tỳ-kheo nhổ nước bọt vào mình rồi chà xát. Đức Phật dạy, không được làm như vậy.

4. Có vị tắm rửa nơi chỗ đất trống, các cư sĩ thấy, cơ hiem nói: “Sa-môn Thích tử ham muốn nhiều không nhằm chán, mà tự xưng là mình biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi tắm rửa nơi chỗ đất trống như bạch y!” Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy, Không được tắm như vậy.

5. Có tỳ-kheo nghĩ, tự đâm vào vai, vào cánh tay, cho nó nở to đẹp. Phật dạy, không được làm như vậy. Có tỳ-kheo bôi hương vào mình cho thơm. Phật bảo, không được như vậy. Tỳ-kheo lo ngại thân mình hôi hám vì mồ hôi, đức Phật cho phép dùng dao để nạo mồ hôi. Có vị dùng vật bấu làm. Phật dạy, không được dùng vật bấu để làm mà nên dùng xương, ngà voi, đồng, thiếc, sắt, kẽm, cỏ xá-la, tre, cây để làm. Nhóm sáu tỳ-kheo làm dao nạo mồ hôi, cái

đầu giống như dao cạo tóc, khi nạo mồ hôi, lông trong người cũng đứt luôn. Phật dạy, không được làm như vậy, cũng không nên cắt chứa dao như vậy.

6. Có tỳ-kheo bị bệnh ghê lở, dùng thuốc bột thô [946b] để rửa nên bị đau. Đức Phật dạy, cho phép dùng thuốc bột thứ mịn, hoặc là bùn mịn, hoặc lụa là, hoặc bông hay trái, tùy theo sự thích hợp với thân người bệnh, cho phép người rửa ghê dùng để trị các loại ghê, cho đến bệnh hôi mồ hôi.

7. Nhóm sáu tỳ-kheo đeo hoa tai. Phật dạy, không được làm như vậy. Nhóm sáu tỳ-kheo gắn hạt châu trên vành tai. Phật bảo, không được như vậy. Nhóm sáu tỳ-kheo đeo khoen tai. Phật bảo, không được như vậy. Nhóm sáu tỳ-kheo dùng lá đa-la, hoặc chì hoặc thiếc làm cái vòng căng lớn lỗ tai. Phật dạy, không được làm như vậy. Nhóm sáu tỳ-kheo quấn thùy tai lại. Phật dạy, không được làm như vậy.¹

Có vị làm dây lưng bằng chì. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị đeo anh lạc quanh cổ. Phật dạy, không được đeo như vậy. Có vị đeo xuyên nơi tay chân. Phật dạy, không được đeo như vậy. Các vị kia đeo khoen² nơi ngón tay. Phật dạy, không được đeo như vậy. Có vị dùng chỉ năm màu buộc nơi nách, nơi lưng, nơi cánh tay. Phật dạy, không được buộc như vậy. Có vị đeo nhẫn.³ Phật dạy, không được đeo như vậy.

5. Thần biến thị đạo

Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Lục sư ngoại đạo cùng đệ tử ở chung với nhau. Bất-lan Ca-diếp⁴ cùng chín vạn đệ tử. Mặt-

¹ Vin. ii. 106.

² Hoàn 環, khoen hay khâu, khác với nhẫn. Xem dưới.

³ Chỉ ấn; Pāli: *aṅgulimuddikā*, như khâu hay khoen đeo nơi ngón tay, nhưng có hình tượng trưng làm tín vật.

⁴ Bất-lan Ca-diếp. Xem Phần III Ch. I.

khur-la Cù-xa-la¹ cùng tám vạn đệ tử. Cứ như vậy giảm dần cho đến Ni-kiền Tử² cùng bốn vạn người. Khi ấy tại thành Vương-xá, có trưởng giả là đệ tử của Lục sư nhận được một khúc gỗ chiên-đàn, dùng làm cái bình bát đựng trong cái đũa bằng vật báu, treo lên cây trụ biểu cao trước sân, cùng với lời công bố: “Nếu trong thành Vương-xá này có Sa-môn, Bà-la-môn là A-la-hán có đại thần lực, thì cứ lấy chiếc bát này đi.”³ Khi ấy Phú-lan⁴ Ca-diếp đến chỗ ông trưởng giả nói: “Tôi là A-la-hán có đại thần lực. Xứng đáng thọ trì chiếc bát cùng với đũa. Hãy lấy cho tôi.”

Ông trưởng giả nói: “Nếu ông là A-la-hán có đại thần lực thì tôi cho ông. Ông hãy lên mà lấy.”

Vị kia muốn lấy nhưng không cách nào lấy được. Bấy giờ, Mạt-khur-la Cù-xa-la, A-di-đầu Xí-xá-khâm-bà-la, Ba-cù Ca-chiên-diên, San-đâu Tỳ-la-tra Tử, Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử, đều đến chỗ trưởng giả nói: “Tôi là A-la-hán có đại thần lực. Xứng đáng thọ trì chiếc bát cùng với đũa. Hãy lấy cho tôi.”

Ông trưởng giả nói: “Nếu ông là A-la-hán có đại thần lực thì tôi cho ông. Ông hãy lên mà lấy.”

Các vị kia muốn lấy mà không cách nào lấy được.

Bấy giờ, Tân-đầu-lô,⁵ Đại Mục-liên, [946c] cùng ngồi trên một hòn đá lớn. Tân-đầu-lô nói với Mục-liên: “Thầy là A-la-hán có thần túc, đã được đức Thế Tôn thọ ký vào hạng nhất. Thầy có thể đến đó để lấy.”

Mục-liên nói: “Tôi chưa từng hiện thần túc trước người bạch y. Thầy cũng là A-la-hán có đại thần lực, đã được đức Thế Tôn thọ ký

¹ Mạt-khur-la Cù-xa-la 末佉羅瞿奢羅. Các đoạn trước phiên âm là Mạt-khur-lê Cù-xa-li. Xem Phần III Ch. I

² Danh sách sáu tông sư ngoại đạo. Xem Phần III Ch. I.

³ Cf. Vin. ii. 110. *Ngũ phần 26* (tr.170a12): bát bằng gỗ ngru đầu chiên đàn.

⁴ Phú-lan 富蘭, trên kia âm là Bát-lan.

⁵ Tân-đầu-lô 賓頭盧; Pāli, Vin. ii. 111, Piṇḍola-Bhāradvāja.

cho là sư tử hống vào hàng tối thượng bậc nhất.¹ Thầy có thể đến đó lấy.”

Khi Tân-đầu-lô nghe Mục-liên nói vậy, liền cùng với hòn đá vụn mình lên hư không, bay quanh thành Vương-xá bảy vòng. Người trong nước thấy, sợ đá rơi nên chen lấn nhau chạy trốn. Bấy giờ, ông trưởng giả kia từ trên lầu gác, nhìn thấy Tân-đầu-lô ở trên hư không, liền chấp tay kính lễ, thưa rằng:

“Lấy chiếc bát đi, Tân-đầu-lô!”

Tân-đầu-lô liền lấy chiếc bát. Ông trưởng giả lại nói:

“Xin dừng lại một chút, Tân-đầu-lô!”

Tân-đầu-lô liền dừng lại một chút. Ông trưởng giả tự tay lấy bát và đựng đầy thức ăn ngon bổ dâng cho Tân-đầu-lô. Tân-đầu-lô nhận lại chiếc bát, trở lại dùng thần túc lực nương nơi hư không mà đi.

Các tỳ-kheo nghe chuyện, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Tân-đầu-lô rằng: “Sao lại hiện thân thông trước người bạch y?” Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp tỳ-kheo Tăng, biết mà vẫn hỏi Tân-đầu-lô: “Ông có hiện thân túc trước người bạch y không?”

“Bạch Thế Tôn, thật có.”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Tân-đầu-lô:

“Ông làm việc sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao ông lại hiện thân túc trước người bạch y? Giống như dâm nữ vì nửa đồng tiền mà trình diện trước mọi người. Ông cũng như vậy, vì chiếc bát bằng gỗ không đáng gì mà hiện thân túc trước bạch y.”

¹ Cf. A. ii. 23. Cf. *A-la-hán cụ đức kinh*, T02, tr. 831.

Phật dạy: “Không nên đối trước bạch y hiện thần túc. Nếu hiện, phạm đột-kiết-la. Tỳ-kheo không nên chứa cất bát bằng chiêm-đàn. Nếu chứa thì sẽ trị như pháp.¹ Nếu nhận được bát đã làm thành thì nên phá ra chia cho các tỳ-kheo làm thuốc trị mắt.”

Các ngoại đạo nghe Sa-môn Cù-đàm cấm các tỳ-kheo không được hiện thần túc trước người bạch y, họ bèn nghĩ, “Điều mà Sa-môn ấy cấm chế thì trọn đời không ai phạm. Nay chúng ta có thể đến chỗ họ nói rằng: ‘Này Sa-môn Cù-đàm, các ông tự xưng là đấng A-la-hán, chúng tôi cũng là A-la-hán. Các ông tự xưng là có thần túc, chúng tôi cũng có thần túc. Các ông tự xưng là đại trí [947a1] tuệ, chúng tôi cũng có đại trí tuệ. Nay chúng ta có thể cùng hiện thần lực, pháp thượng nhân. Nếu Sa-môn Cù-đàm hiện một pháp thượng nhân, thì chúng tôi sẽ hiện hai. Nếu hiện hai chúng tôi sẽ hiện bốn. Sa-môn Cù-đàm hiện bốn pháp thượng nhân, thì chúng tôi sẽ hiện tám. Nếu hiện tám thì chúng tôi sẽ hiện mười sáu. Nếu hiện mười sáu chúng tôi sẽ hiện ba mươi hai. Nếu hiện ba mươi hai chúng tôi sẽ hiện sáu mươi bốn. Nếu Sa-môn hiện tăng lên, chúng tôi cũng sẽ hiện tăng gấp đôi.’”

Các ngoại đạo đi khắp mọi nơi ở trong thành, tuyên truyền nói rằng: “Sa-môn Cù-đàm tự xưng là có thần lực, thì chúng tôi cũng có thần lực. Tự xưng có đại trí tuệ, thì chúng tôi cũng có đại trí tuệ. Nay chúng tôi muốn cùng Sa-môn Cù-đàm thi đấu hiện thần lực, pháp thượng nhân. Nếu Sa-môn Cù-đàm hiện một, chúng tôi sẽ hiện hai, tùy theo Sa-môn Cù-đàm hiện nhiều hay ít, chúng tôi cũng sẽ hiện gấp bội.”²

Trong thành Vương-xá có một chỗ đất bằng phẳng và rất rộng. Các trưởng giả đem nhiều hoa hương, anh lạc, kỹ nhạc, tràng phan, thức

¹ Pāli, Vin.ii. 112: *na...dārupatto dhāretabbo. Yo dhāreyya, āpatti dukkaṭassa*, “không được thọ trì bát gỗ. Ai thọ trì, phạm đột-kiết-la.”

² Xem *Trường A-hàm 11*, kinh 15 “A-nậu-đi” (T01, tr.67c). Cf. D. 24. *Pāṭikasutta*.

ăn, y phục, thuốc men, ngoạn cụ đến cúng dường cho Bà-già-bà¹ của ngoại đạo tại đây. Bấy giờ, có trưởng giả nọ muốn lấy hoa để cúng dường ngoại đạo, đưa tay vào để lấy thì lại không lấy được. Muốn lấy hương anh lạc, tràng phan, kỹ nhạc, ẩm thực, y phục, thuốc men, ngoạn cụ để cúng, bàn tay vừa đưa vào để lấy thì cũng không lấy được. Trong khi ấy, có vị trưởng giả kia muốn lấy hoa để cúng dường Phật thì đưa tay vào lấy không có gì trở ngại. Như vậy, tùy ý ông trưởng giả muốn lấy bất cứ thứ gì, cho đến thuốc men, ngoạn cụ để cúng cũng đều không trở ngại. Ông trưởng giả liền khởi lên ý nghĩ: “Hy hữu thay! Thế Tôn có đại thần lực như vậy.” Ông liền bạch Phật: “Cúi xin đức Thế Tôn cùng đại tỳ-kheo Tăng nhận lời mời thọ thực của con vào ngày mai.”

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Ông trưởng giả biết đức Thế Tôn im lặng nhận lời rồi, liền đến trước kính lễ sát chân Phật rồi cáo lui. Về đến nhà, trong đêm, chuẩn bị mọi thức ăn ngon bổ rồi, sáng ngày ông trưởng giả đến báo giờ. Đức Thế Tôn đắp y bung bát cùng đại tỳ-kheo Tăng một ngàn hai trăm năm mươi vị đến nhà ông trưởng giả.

Khi đức Thế Tôn bước đi, nơi dấu chân có đại thần lực khiến chư thiên trên hư không dùng hoa trời mạn-đà-la, hương chiên-đàn, mặt hương, hoa ưu-bát-la, hoa bát-đầu-ma, hoa câu-mâu-đầu, hoa phân-đà-lợi rải nơi dấu chân đức Phật và trỗi kỹ nhạc cõi trời ca tụng tán thán Phật. Vị trưởng giả [947b] đi theo sau đức Thế Tôn, suy nghĩ như vậy: “Âm thanh này là từ dưới đất phát ra hay từ trên trời đưa lại?” Trưởng giả ngửa nhìn lên hư không, từ xa thấy hoa trời mạn-đà-la cho đến hoa phân-đà-lợi, và kỹ nhạc cõi trời cũng từ trong hư không, bèn nghĩ: “Âm thanh này không phải từ dưới đất mà là từ trên không đưa lại.” Đức Thế Tôn đến nhà ông trưởng giả, an tọa nơi chỗ ngồi.

Bấy giờ, các ngoại đạo nghe việc này, liền nghĩ: “Ông trưởng giả

¹ Bà-già-bà 婆伽婆, phiên âm (Pāli: *Bhagavā*), Thế Tôn.

này xưa nay thường cúng dường cho chúng ta, nay tại sao lại thỉnh Phật và Tăng đến cúng dường? Chúng ta hãy đến đó để khiến cho ông ta không đủ chỗ và thức ăn để thết đãi!” Nghĩ xong các ngoại đạo liền cùng quyền thuộc đến nhà ông trưởng giả. Người giữ cửa thấy các ngoại đạo cùng quyền thuộc đến, liền vào thưa với ông trưởng giả rằng:

“Thưa ông chủ, các ngoại đạo cùng quyền thuộc đến, cho vào hay không?”

Ông trưởng giả nói: “Đừng cho vào.”

Đức Phật bảo ông trưởng giả: “Nên cho họ vào.”

Ông trưởng giả bạch Phật: “Ngoại đạo đông người. Chỗ nơi chật hẹp, sợ không dung hết.”

Đức Phật dạy: “Cứ mời vào, nhường nhau thì đủ.”

Ông trưởng giả lại nói: “Ngoại đạo đông người, chỗ ngồi có hạn, thức ăn có hạn, chỉ đủ cúng Phật và một ngàn hai trăm năm mươi vị Tăng, sợ không đủ.”

Đức Phật nói với ông trưởng giả: “Cứ mời vào. Đủ để chứa hết.”

Đức Thế Tôn dùng thần túc lực khiến cho mặt đất trở thành bằng phẳng, rộng lớn. Nhìn về phương đông, vô số trăm ngàn toà cao tự nhiên xuất hiện. Phương nam, tây, bắc cũng lại như vậy. Bấy giờ, đức Thế Tôn cùng một ngàn hai trăm năm mươi tỳ-kheo Tăng, cùng các ngoại đạo đều đủ chỗ ngồi. Ông trưởng giả trưng bày các thức ăn ngon bổ cúng dường đức Phật, tỳ-kheo Tăng và các ngoại đạo, tất cả đều đầy đủ. Phật ăn xong, cất bát. Ông trưởng giả lấy chiếc ghế thấp, ngồi trước đức Phật. Đức Thế Tôn vì ông trưởng giả dùng vô số phương tiện nói pháp, giáo hóa, khiến được hoan hỷ. Nói pháp xong, đức Phật từ chỗ ngồi cáo lui.

Bấy giờ, các ngoại đạo cùng quyền thuộc đều đến chỗ vua Bình-sa, chấp tay trên đầu, nói: “Cầu nguyện cho vua thường thắng.”

Rồi tâu: “Sa-môn Cù-đàm tự nói là A-la-hán, chúng tôi cũng là A-la-hán. Sa-môn Cù-đàm tự nói có thần thông, chúng tôi cũng có

thần thông. Sa-môn Cù-đàm tự xưng có đại trí tuệ, chúng tôi cũng có đại trí tuệ. Nay chúng tôi muốn cùng Sa-môn Cù-đàm thi đua thần lực và pháp thượng nhân xem thử ai hơn. Nếu Sa-môn Cù-đàm hiện một, chúng tôi sẽ hiện hai, cứ như vậy tùy Sa-môn Cù-đàm hiện nhiều hay ít, thì chúng tôi [947c] sẽ hiện gấp bội. Thưa Đại vương, nay chúng tôi muốn cùng Sa-môn Cù-đàm thi đua hiện thần lực và pháp thượng nhân.”

Bấy giờ, vua Bình-sa đến chỗ đức Phật, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc vừa rồi bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn và thưa: “Cúi xin đức Thế Tôn cùng ngoại đạo thi đua hiện thần lực và pháp thượng nhân.” Đức Thế Tôn nói với vua rằng: “Thôi, đủ rồi! Như Lai tự biết thời, khi nào cần hiện thì sẽ hiện. Hãy làm theo điều vua muốn. Sáng mai Như Lai sẽ ra đi.”

Sáng ngày, đức Thế Tôn cùng đại chúng tỳ-kheo rời thành Vương-xá ra đi. Vua Bình-sa dùng năm trăm cỗ xe chở các thức ăn ngon bỏ theo sau đức Thế Tôn.

Các ngoại đạo nghe đức Thế Tôn sáng sớm rời thành Vương-xá ra đi, liền nói: “Sa-môn Cù-đàm không có thể cùng chúng ta thi đua thần thông nên đã rời đi. Vua Bình-sa dùng năm trăm chiếc xe chở thức ăn ngon bỏ là cho chúng ta chứ không phải là cho Sa-môn Cù-đàm. Nay chúng ta có thể đến chỗ mà Cù-đàm đi đến để nói với Cù-đàm hãy cùng chúng ta thi thố thần lực và pháp thượng nhân.”

Các ngoại đạo liền đi theo sau đức Thế Tôn. Vua Bình-sa nghe đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi tỳ-kheo sớm đã rời thành Vương-xá ra đi, vua cùng tám mươi bốn ngàn tùy tùng cũng đi theo sau đức Thế Tôn. Phạm thiên vương, Thích Đề-hoàn Nhân, Tứ thiên vương, vô số chư thiên, trăm ngàn đại chúng cũng tùy tùng đức Thế Tôn.

Bấy giờ, đức Thế Tôn đến thành Ưu-thiền. Vua thành Ưu-thiền tên là Ba-la-thù-đề.¹ Các ngoại đạo nước Ma-kiệt, và các ngoại đạo

¹ Xem Phần III Ch. VI: Y, truyện Kỳ-bà.

thành Ưu-thiền, đều cùng đến chỗ vua Ba-la-thù-đề, chấp tay lên đầu, nói lời khen ngợi:

“Nguyện vua thường thắng.” Nguyện xong nói: “Sa-môn Cù-đàm tự xưng mình là A-la-hán, chúng tôi cũng là A-la-hán. Ông ấy tự xưng có thần lực, chúng tôi cũng có thần lực; tự xưng có đại trí tuệ, chúng tôi cũng có đại trí tuệ. Chúng tôi ở trong thành Vương-xá yêu cầu Cù-đàm cùng chúng tôi biểu diễn thần lực và pháp thượng nhân, mà Sa-môn Cù-đàm không thể cùng chúng tôi thi thố thần lực và pháp thượng nhân. Nay chúng tôi muốn cùng Cù-đàm thi thố thần lực và pháp thượng nhân. Nếu Sa-môn Cù-đàm hiện một, thì chúng tôi sẽ hiện hai. Cứ như vậy tùy Sa-môn Cù-đàm hiện nhiều hay ít, thì chúng tôi đều hiện gấp bội.”

Vua Ba-la-thù-đề liền đến chỗ đức Phật, đầu diện kính lễ sát chân rồi đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn: “Lành thay! Mong đức Thế Tôn cùng các ngoại đạo hiện thần lực và pháp thượng nhân?”

Đức Thế Tôn nói với vua Ba-la-thù-đề: “Thôi, đủ rồi! Như Lai [948a1] tự biết thời, khi nào cần hiện thì Như Lai sẽ hiện. Hãy làm theo điều vua muốn. Sáng mai Như Lai sẽ ra đi.”

Sáng ngày, đức Thế Tôn rời khỏi thành Ưu-thiền. Vua Ba-la-thù-đề dùng năm trăm cỗ xe chở các thức ăn ngon bỏ theo sau đức Thế Tôn. Các ngoại đạo nghe đức Thế Tôn ra đi, tuyên bố rằng: “Sa-môn Cù-đàm không thể cùng chúng ta biểu diễn thần lực và pháp thượng nhân nên mới bỏ đi. Vua dùng năm trăm chiếc xe để chở thức ăn cho chúng ta chứ không phải cho Cù-đàm. Chúng ta sẽ đến chỗ Cù-đàm định đến để cùng Cù-đàm biểu diễn thần lực và pháp thượng nhân.” Họ liền đi theo sau đức Thế Tôn.

Bấy giờ, vua Bình-sa nghe đức Thế Tôn đã đi, liền cùng tám mươi bốn ngàn người; vua Ba-la-thù-đề cùng bảy mươi ngàn người; Thích, Phạm, Tứ thiên vương, chư thiên, đại chúng vô số trăm ngàn quyến thuộc vây quanh, tùy tùng đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đến

an trú trong vườn Cù-sư-la, nước Câu-thiểm-di.

Bấy giờ, Ưu-đà-diên là vua. Các ngoại đạo nước Ma-kiệt, các ngoại đạo nước Ưu-thiền, và các ngoại đạo Câu-thiểm-di cùng đến chỗ vua Ưu-đà-diên chấp tay tới đầu khen rằng:

“Nguyện vua thường thắng.” Nguyện như vậy rồi nói: “Sa-môn Cù-đàm tự xưng là A-la-hán, chúng tôi cũng là A-la-hán; tự xưng là có đại thần lực, chúng tôi cũng có thần lực; tự xưng là có đại trí tuệ, chúng tôi cũng có đại trí tuệ. Khi Cù-đàm ở nước Ma-kiệt, nước Ưu-thiền, chúng tôi có yêu cầu cùng biểu diễn thần lực và pháp thượng nhân, mà Sa-môn Cù-đàm không thể cùng chúng tôi biểu diễn thần lực và pháp thượng nhân nên bỏ đi. Nay chúng tôi muốn cùng Sa-môn Cù-đàm biểu diễn thần lực và pháp thượng nhân. Nếu Sa-môn Cù-đàm hiện một, thì chúng tôi sẽ hiện hai, cứ như vậy tùy theo Sa-môn Cù-đàm hiện nhiều ít thì chúng tôi cũng hiện gấp bội.”

Vua Ưu-đà-diên đến chỗ đức Thế Tôn, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên trên bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn: “Lành thay! Đức Thế Tôn hãy cùng các ngoại đạo hiển hiện thần lực và pháp thượng nhân.”

Đức Thế Tôn nói với vua: “Thôi, đủ rồi! Như Lai tự biết thời. Khi nào cần hiện thì Như Lai sẽ hiện. Hãy làm theo điều vua muốn. Sáng mai Như Lai sẽ ra đi.”

Sáng sớm hôm sau đức Như Lai ra đi. Bấy giờ, vua Ưu-đà-diên cùng năm trăm chiếc xe chở các thức ăn ngon bỏ theo sau đức Thế Tôn. Các ngoại đạo nghe đức Thế Tôn đi liền nói: “Sa-môn Cù-đàm không thể cùng chúng ta biểu diễn thần lực và pháp thượng nhân nên mới bỏ đi. Vua Ưu-đà-diên chở thức ăn trên năm mươi cỗ xe là vì chúng ta chứ không phải vì Cù-đàm. Nay chúng ta [948b] hãy đến chỗ mà Cù-đàm sẽ đến để biểu diễn thần lực và pháp thượng nhân.” Họ liền đi theo sau đức Như Lai.

Bấy giờ, vua Bình-sa cùng tám mươi bốn ngàn tùy tùng; vua Ưu-thiền cùng bảy mươi ngàn tùy tùng; vua Ưu-đà-diên cùng sáu mươi

ngàn tùy tùng tiến bước sau đức Thế Tôn; Thích, Phạm, Tứ thiên vương, vô số trăm ngàn chư thiên đại chúng tùy tùng sau đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đến an trụ trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-duy-la-vệ.

Vua Phạm Thí nước Ca-duy-la-vệ là em khác mẹ với đức Phật.¹ Các ngoại đạo nước Ma-kiệt, các ngoại đạo nước Ưu-thiên, các ngoại đạo nước Câu-thiểm-di, và các ngoại đạo nước Ca-duy-la-vệ cùng đến chỗ vua Phạm Thí, chấp tay lên đầu, nguyện vua thường thắng, rồi bạch với vua Phạm Thí rằng:

“Sa-môn Cù-đàm tự xưng là A-la-hán, chúng tôi cũng là A-la-hán; tự xưng có đại thần lực, chúng tôi cũng có đại thần lực; tự xưng có đại trí tuệ, chúng tôi cũng có đại trí tuệ. Khi ở nước Ma-kiệt, nước Ưu-thiên, nước Câu-thiểm-di, chúng tôi cùng Sa-môn Cù-đàm thi thố thần lực và pháp thượng nhân. Sa-môn Cù-đàm không thể cùng chúng tôi thi thố thần lực và pháp thượng nhân nên bỏ đi. Nay chúng tôi muốn cùng Sa-môn Cù-đàm biểu hiện thần lực và pháp thượng nhân. Nếu Sa-môn Cù-đàm biểu hiện một thì chúng tôi sẽ biểu hiện hai. Cứ như thế tùy theo Sa-môn Cù-đàm biểu hiện nhiều hay ít thì chúng tôi cũng sẽ biểu hiện gấp bội.”

Vua Phạm Thí đến chỗ đức Phật, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, bạch Phật rằng: “Cúi xin đức Thế Tôn biểu hiện thần lực và pháp thượng nhân.”

Đức Phật nói với vua: “Thôi, đủ rồi! Như Lai tự biết thời, khi nào cần hiện thì Như Lai sẽ hiện. Hãy làm theo điều vua muốn. Sáng mai Như Lai sẽ ra đi khỏi Ca-duy-la-vệ.”

Sáng sớm hôm sau, đức Thế Tôn ra đi. Vua Phạm Thí liền dùng năm trăm cỗ xe chở các thức ăn đi theo đức Thế Tôn. Các ngoại đạo nghe đức Thế Tôn ra đi, bèn nói: “Sa-môn Cù-đàm không thể cùng chúng ta biểu hiện thần lực và pháp thượng nhân nên mới bỏ

¹ Phạm Thí 梵施. Không thấy chỗ nào nói ông này là em khác mẹ của Phật 佛異母弟.

chúng ta ra đi. Vua Phạm Thí chở năm trăm chiếc xe thức ăn là vì chúng ta chứ không phải vì Sa-môn Cù-đàm. Nay chúng ta nên đến chỗ Cù-đàm sẽ đến nói với Cù-đàm cùng chúng ta biểu hiện thần lực và pháp thượng nhân.” Các ngoại đạo liền cùng quyến thuộc đi theo sau đức Thế Tôn.

Vua Bình-sa nghe đức Phật đã đi liền cùng tám mươi bốn ngàn tùy tùng; vua Ba-la-thù-đề cùng bảy mươi ngàn tùy tùng; vua Ưu-đà-diên cùng sáu mươi ngàn tùy tùng; vua Phạm Thí cùng năm vạn tùy tùng theo [948c] sau đức Thế Tôn. Thích, Phạm, Tứ thiên vương cùng các quyến thuộc vô số trăm ngàn người theo sau đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn từ nước Ca-duy-la-vệ du hành nhân gian đến an trụ trong vườn Kỳ-hoàn nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vua nước Xá-vệ là Ba-tur-nặc. Các ngoại đạo nước Ma-kiệt-đà, các ngoại đạo nước Ưu-thiên, các ngoại đạo Câu-thiểm-di, các ngoại đạo Ca-duy-la-vệ, và các ngoại đạo nước Xá-vệ cùng đến chỗ vua Ba-tur-nặc chấp tay lên đầu, bạch rằng:

“Cầu nguyện vua thường thắng.” Cầu nguyện xong, nói:

“Sa-môn Cù-đàm tự xưng là A-la-hán, chúng tôi cũng là A-la-hán; tự xưng là có đại thần lực, chúng tôi cũng có đại thần lực; tự xưng có đại trí tuệ, chúng tôi cũng có đại trí tuệ. Khi Cù-đàm ở nước Ma-kiệt, thành Ưu-thiên, Câu-thiểm-di, nước Ca-duy-la-vệ chúng tôi muốn cùng Cù-đàm biểu hiện thần lực và pháp thượng nhân, mà Cù-đàm không thể cùng chúng tôi biểu hiện thần lực và pháp thượng nhân nên bỏ đi. Nay chúng tôi muốn cùng Sa-môn Cù-đàm biểu hiện thần lực và pháp thượng nhân. Nếu Sa-môn Cù-đàm biểu hiện một thì chúng tôi biểu hiện hai. Cứ như vậy tùy theo sự biểu hiện nhiều hay ít của Sa-môn Cù-đàm mà chúng tôi biểu hiện gấp bội.”

Vua Ba-tur-nặc đến chỗ đức Thế Tôn, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên trên bạch đầy đủ với đức Thế Tôn: “Lành thay, đức Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn biểu hiện thần lực và pháp thượng nhân.”

Đức Phật bảo vua: “Thôi, đủ rồi! Như Lai tự biết thời, khi nào cần hiện thì Như Lai sẽ hiện. Vào tháng chạp, trong mười lăm ngày, từ mồng một cho đến rằm, Như Lai sẽ hiện thần lực và pháp thượng nhân. Đại vương nếu muốn xem Như Lai hiện thần lực và pháp thượng nhân thì đến xem.”¹

Bấy giờ, tại nước Xá-vệ có một khu đất đặc biệt bằng phẳng rộng rãi, đức Thế Tôn đến đó trải chỗ ngồi an tọa.² Phạm thiên vương đề trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chầm đất, chấp tay bạch đức Thế Tôn: “Con sẽ trải một toà cao cho Thế Tôn.”

Đức Phật bảo Phạm vương: “Thôi, được rồi. Như Lai tự biết thời.”

Trời Đế Thích, Tứ thiên vương, vua Bình-sa, vua Ba-la-thù-đề, vua Ưu-đà-diên, vua Phạm Thí, vua Ba-tư-nặc, Mạt-lợi phu nhân, trưởng giả Lê-sur-đạt-đa, Phú-la-na, tất cả đều nói: “Con sẽ trải một toà cao cho Thế Tôn.”

Đức Phật bảo: “Thôi, được rồi. Như Lai tự biết thời.”

Bấy giờ, các cư sĩ có tín tâm đối với ngoại đạo thiết lập trăm ngàn chỗ ngồi cao có giá trị cho các ngoại đạo. Những người có tín tâm, cung kính [949a1] cúng dường đức Thế Tôn theo thứ tự, từ ngày một cho đến ngày thứ mười lăm.

Bấy giờ, đức Thế Tôn xoay mặt nhìn về phương đông, tức thì có vô số trăm ngàn chỗ toà cao tự nhiên xuất hiện. Phương nam, phương tây, phương bắc cũng lại như vậy. Ngay chính giữa có toà sư tử cao bằng bảy báu tự nhiên xuất hiện. Như Lai an tọa trên đó. Bấy giờ các đại chúng đều an tọa nơi chỗ ngồi. Theo thứ tự, vị đàn-việt cúng dường ngày hôm ấy dâng cây dương chi lên đức Phật. Thế Tôn nhận và xĩa răng xong, bỏ cây tằm phía sau lưng; nó liền thành

¹ Chi tiết toàn câu chuyện gắn với truyện Yamaka-pāṭihāriya trong số giải Pháp cú, Pāli, DhA. iii. 204; cũng được kể trong số giải Trường bộ DA. i. 57.

² Truyện kể Pāli: gốc xoài Gaṇḍamba tại công thành Xá-vệ.

cây đại thọ,¹ gốc nhánh cành lá sum suê. Đại chúng thấy thần lực của đức Thế Tôn như vậy rất hoan hỷ, được pháp vị tăng hữu, tâm yếm ly phát sanh. Đức Thế Tôn biết đại chúng được pháp vị tăng hữu, sanh tâm yếm ly liền vì họ dùng vô số phương tiện nói các pháp, khiến cho được hoan hỷ. Bấy giờ, ngay trên chỗ ngồi, trăm ngàn người xa lìa trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch. Đây là ngày đầu đức Thế Tôn thị hiện thần lực biến hóa.

Ngày thứ hai, cây kia trở hoa, sắc hương đầy đủ. Hoa của cây rơi xuống khắp nơi. Đại chúng gom lại cao đến đầu gối. Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di và cả đại chúng đều ngửi được mùi hương của hoa này. Đại chúng thấy thần lực biến hóa của Thế Tôn như vậy đều rất hoan hỷ, được pháp vị tăng hữu, tâm yếm ly phát sanh. Đức Thế Tôn biết đại chúng được pháp vị tăng hữu, tâm yếm ly phát sanh, liền vì họ dùng vô số phương tiện nói các bài pháp khiến họ được hoan hỷ. Bấy giờ, trên chỗ ngồi, vô số trăm ngàn người lìa xa trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch. Đây là ngày thứ hai đức Thế Tôn thị hiện thần lực biến hóa.

Ngày thứ ba, trái của cây chín và tiết ra mùi thơm. Trái của cây không rơi rụng, tự rơi xuống đất mà không bị hư. Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di và đại chúng đều cùng thọ thực. Dân chúng thấy thần lực biến hóa của đức Thế Tôn như vậy rất hoan hỷ, được pháp vị tăng hữu, tâm yếm ly phát sanh. Đức Thế Tôn quán sát biết đại chúng được pháp vị tăng hữu, tâm yếm ly phát sanh, liền vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch như trên. Đây là ngày thứ ba đức Thế Tôn thị hiện thần lực biến hóa.

Bấy giờ, có đàn-việt theo thứ tự cúng dường, vào ngày thứ tư dâng nước cho đức Thế Tôn. Thế Tôn lấy một vốc nước đổ xuống chỗ đất phía trước. Do thần lực của Phật, nước ấy liền thành một cái ao lớn. Nước trong sạch không có bọt nhơ. Người uống trừ được

¹ Truyện kể Pāli: vì Phật cho biết trước sẽ ngồi dưới gốc xoài Gaṇḍamba, nên ngoại đạo đã cho đốn mất.

bệnh. Có các tạp hoa ưu-bát-la, bát-đầu-ma, câu-mâu-đầu, [949b] phân-đà-lợi; các loài chim khác lạ: chim le le, nhạn, uyên ương, các loài ba ba, rùa, cá trạnh, các loài thủy tộc làm vật trang nghiêm cho cái ao lớn ấy. Đại chúng thấy thần lực biến hóa của đức Thế Tôn như vậy rất hoan hỷ, được pháp vị tăng hữu, tâm yểm ly phát sanh. Đức Thế Tôn quán sát biết đại chúng được pháp vị tăng hữu, tâm yểm ly phát sanh, liền vì họ nói pháp, cho đến được con mắt pháp trong sạch như trên. Đây là ngày thứ tư đức Như Lai thị hiện biến hóa như vậy.

Đến ngày thứ năm, từ bốn phía của cái ao, mỗi phía đều chảy ra một con sông. Dòng nước chảy thẳng không uốn cong, êm đềm không có sóng. Các loại hoa kỳ lạ đều trang nghiêm cho các con sông. Dòng nước của bốn con sông tạo thành tiếng nói pháp rằng:

“Tất cả các hành đều là vô thường, khổ, không. Tất cả các pháp đều vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh.” Đại chúng thấy thần lực biến hóa của đức Thế Tôn như vậy rất hoan hỷ, được pháp vị tăng hữu, tâm yểm ly phát sanh. Đức Thế Tôn quán sát biết đại chúng nhận được pháp vị tăng hữu, tâm yểm ly phát sanh, liền vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch, như trên. Đây là ngày thứ năm đức Thế Tôn thị hiện biến hóa thần lực.

Ngày thứ sáu, đức Thế Tôn hóa đại chúng đều như nhau không có sự sai khác. Đại chúng thấy đức Thế Tôn dùng thần lực biến hóa như vậy đều rất hoan hỷ, được pháp vị tăng hữu, tâm yểm ly phát sanh. Đức Thế Tôn quán sát biết đại chúng được pháp vị tăng hữu, tâm yểm ly phát sanh liền vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch như trên. Đây là ngày thứ sáu đức Thế Tôn thị hiện biến hóa như vậy.

Ngày thứ bảy, đức Thế Tôn ở trên không trung vì đại chúng nói pháp, chỉ nghe tiếng nói của đức Như Lai mà không thấy hình Như Lai. Đại chúng thấy thần lực biến hóa của đức Thế Tôn như vậy rất hoan hỷ, thấy được những việc chưa từng có, tâm yểm ly phát sanh. Đức Thế Tôn quán sát biết đại chúng coi việc đó là chưa từng có,

tâm yểm ly phát sanh, liền vì họ nói pháp cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch như trên.

Ngày thứ tám, các cư sĩ tin theo ngoại đạo sai người thưa với các ngoại đạo: “Các Ngài có biết chăng, Sa-môn Cù-đàm đã hiện thần lực, nay đã tám ngày, sao các Ngài không đến?”

Thật sự họ muốn đến mà không đến được. Đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo: “Giả sử dùng sợi dây da thật bền chần buộc thân của Bất-lan Ca-diếp vào con bò cho nó kéo, khiến dây đứt, cả thân thể rã; nếu ông ấy không bỏ kiến giải của mình mà cố chấp luận nghị, thì không thể đến chỗ Ta được. *Cho đến Ni-kiền Tử v.v... cũng như vậy.*”

Bấy giờ, Phạm Thiên vương bảo Thiên đế Thích [949c] rằng: “Các ngoại đạo tự nói họ bằng với đức Thế Tôn, mà nay họ không thể đến để cùng đức Thế Tôn giao đầu thần lực được. Chúng ta hãy phá các tòa cao kia.”

Thiên đế Thích bảo Tứ thiên vương: “Các ngoại đạo tự nói họ bằng với đức Thế Tôn, mà nay họ không thể đến để cùng đức Thế Tôn giao đầu thần lực được. Chúng ta hãy phá các tòa cao kia.”

Tứ Thiên vương liền gọi thần gió, thần làm mây, thần làm mưa, thần sấm sét đến bảo rằng: “Các ngoại đạo tự nói họ bằng với đức Thế Tôn, mà nay họ không thể đến để cùng đức Thế Tôn giao đầu thần lực được. Chúng ta hãy phá các tòa cao kia, khiến cho tiêu tan, không còn dấu vết gì nữa.”

Bấy giờ, thần gió v.v... nghe Tứ Thiên vương dạy như vậy rồi, liền phá các tòa cao của ngoại đạo khiến không còn bất cứ dấu vết nào. Khi ấy các ngoại đạo bị mưa to gió lớn thổi ướt dầm dề, liền trốn vào trong hang động, cây cỏ rừng rú. Có ngoại đạo loã hình, ngoại đạo Tư-ni,¹ Ba-lê Tử Ba-tur-bà-xà-già,¹ lấy một cục đá lớn buộc vào

¹ Tư-ni 斯尼. Chi loã hình Seniya được đề cập trong kinh *Kukkuravatika*, M. 387, Pāli. Theo đó, ông này sau theo Phật xuất gia và chứng quả A-la-hán. Hán tạng không có kinh tương đương.

cổ, tự trầm mình xuống hồ sâu. Đại chúng thấy thần lực biến hóa của đức Thế Tôn đều rất vui mừng, đắc pháp vị tăng hữu, tâm yểm ly phát sanh. Đức Thế Tôn liền vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch như trước. Đây là ngày thứ tám đức Thế Tôn thị hiện biến hóa như vậy.

Ngày thứ chín, đức Thế Tôn ở trên đỉnh Tu-di vì đại chúng nói pháp mà chỉ nghe tiếng chứ không thấy hình. Đại chúng thấy sự biến hóa của đức Thế Tôn như vậy rất hoan hỷ, đắc pháp vị tăng hữu, tâm yểm ly của họ phát sanh. Đức Thế Tôn liền vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch như trên. Đây là ngày thứ chín đức Thế Tôn thị hiện biến hóa.

Ngày thứ mười, đức Thế Tôn nói pháp ở trên cõi Phạm thiên, đại chúng chỉ nghe tiếng nói mà không thấy hình. Đại chúng thấy đức Thế Tôn biến hóa như vậy đều rất hoan hỷ, đắc pháp vị tăng hữu, tâm yểm ly phát sanh. Đức Thế Tôn vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch, như trên. Đây là ngày thứ mười đức Thế Tôn thị hiện biến hóa.

Ngày thứ mười một, đức Thế Tôn ở trong đại chúng thị hiện thần túc biến hóa² một thân thành nhiều thân, nhiều thân thành một thân, lúc thì ở sát bên, lúc thì ở xa không thấy, hoặc tuy chướng ngại do tường đá ngăn che ở gần núi, nhưng thân Phật xuyên qua không có gì trở ngại; du hành nơi không trung như con chim liệng quanh; ra vào nơi đất như nước; đi trên sóng nước như đi trên đất liền; thân tuôn ra khỏi lửa bốc cháy như đồng lửa lớn; tay sờ mặt trời, mặt trăng; thân cao cho đến Phạm Thiên.³ Đại chúng thấy đức Thế Tôn

¹ Ba-lê Tử Ba-tư-bà-xà-già 波梨子波私婆闍伽. Có lẽ phiên âm từ Skt. *parivrājaka* (Pāli: *paribbājaka*), chỉ ngoại đạo xuất gia, hay ngoại đạo phở hành, du sĩ ngoại đạo.

² Đây chỉ thân biến thị đạo. Xem Phần III Ch.I, truyện Uất-ti-la & cht. 139-143.

³ Pāli gọi đây là *yamaka-pāṭihāriya*, thân biến thị hiện song đối. Tức hiện từng cặp hiện tượng đối lập. Như vừa bốc lửa vừa trào nước. Duy chỉ Phật, không có Đại Thanh văn nào hiện được thần biến này.

biến hóa như vậy [950a1] rất hoan hỷ, đạt được pháp chưa từng có, tâm yếm ly phát sanh.

Đức Thế Tôn liền vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch như trên. Đây là ngày thứ mười một đức Thế Tôn thị hiện thần túc biến hóa như vậy.

Ngày thứ mười hai, đức Thế Tôn ở trong đại chúng tâm niệm nói pháp:¹ nên nghĩ như thế này, không nên nghĩ như thế này; nên tư duy thế này, không nên tư duy như thế này; nên đoạn cái này, nên tu hành pháp môn này. Đại chúng thấy đức Thế Tôn dùng thần túc biến hóa như vậy, rất vui mừng, đạt được những việc chưa từng có, phát sanh tâm yếm ly. Đức Thế Tôn liền vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch như trên. Đây là ngày thứ mười hai đức Phật thị hiện thần túc biến hóa như vậy.

Ngày thứ mười ba, đức Thế Tôn vì đại chúng nói pháp giáo thọ. Ngài dạy:² “Tất cả đang bị bốc cháy. Cái gì mà nói là tất cả đang bị bốc cháy? Mắt đang bị bốc cháy. Sắc đang bị bốc cháy. Thức của mắt đang bị bốc cháy. Xúc của mắt đang bị bốc cháy. Các cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc phát sinh do nhân duyên xúc của mắt, đang bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bởi lửa dục, lửa nhuế, lửa si. Sao gọi là đang bốc cháy? Đang bốc cháy vì sanh, già, bệnh, chết, sầu ưu, khổ não đều đang bốc cháy. Ta nói đây là chỗ sanh ra khổ. Cho đến ý cũng vậy. Tất cả đều đang bốc cháy.”

Đại chúng nghe đức Thế Tôn nói pháp giáo hóa như vậy đều rất hoan hỷ, cho là việc chưa từng có. Đức Phật liền vì họ nói pháp cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch, như trên. Đây là ngày thứ mười ba đức Như Lai biến hóa như vậy.

¹ Ở đây Phật hiện ký tâm thị đạo. Xem Phần II Ch.i truyện Uất-tì-la & cht. 139-143. Skt. *ādeśanā* (Pāli: *ādesanā*): đọc ý nghĩ của người khác (Hán: ký tâm). Bản Hán hiểu là “thuyết pháp.”

² Phật hiện giáo giới thị đạo, thứ ba trong ba thị đạo. Xem Phần III Ch.I truyện Uất-tì-la & 139-143.

Ngày thứ mười bốn, theo thứ tự, người đàn-việt cúng dường, rút một đóa hoa dâng lên đức Thế Tôn. Thế Tôn ngửi xong, ném vào hư không. Do thần lực của đức Phật, hoa liền biến thành một vạn bốn ngàn lầu các đài hoa. Trong những lầu các đài hoa này, tất cả đều có tòa Phật ngồi, hai bên đức Phật có Thiên đế Thích và Phạm thiên vương chấp tay kính lễ, nói kệ:

*Kính lễ đáng Nhân vương¹
 Bạc Đại nhân vô thượng.
 Tất cả không thể biết
 Thế Tôn trú thiên nào.*

Đại chúng thấy thần lực đức Thế Tôn biến hóa như vậy đều rất vui mừng, được pháp chưa từng có. Đức Thế Tôn liền vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch như trên.

Bấy giờ vua Bình-sa nước Ma-kiệt, theo thứ tự, ngày thứ mười lăm thiết lễ cúng dường. Trong đêm, vua cho sửa soạn các thức ăn. Sáng ngày, vua đem các thức ăn ngon bỏ cúng dường đức Phật và chúng Tăng. Vua Ba-la-thù-đề, Ưu-đà-diên, Phạm Thí, Ba-tư-nặc, Mạt-lợi phu nhân, trưởng giả Lê-sư-đạt-đa, [950b] Phú-lan-na, tất cả đại chúng đều cúng dường đầy đủ. Phật dùng xong, cất bát, xả bát. Vua Bình-sa lấy một chiếc ghế thấp ngồi trước đức Phật. Khi đức Thế Tôn buông bàn chân ra không ngồi kiết-già nữa, chân vừa đụng nơi bàn thì quả đất sáu lần rung động với mười tám hiện tượng rung động. Dưới bàn chân của đức Thế Tôn có luân tướng xuất hiện. Dầu bánh xe nghìn cãm dưới bàn chân của Thế Tôn hiện lên, ánh sáng chiếu soi, từ bánh xe tỏa ra ánh sáng khắp ba ngàn đại thiên quốc độ.

6. Thiên bức luân

Vua Ma-kiệt thấy dầu bánh xe dưới chân đức Thế Tôn như vậy liền từ chỗ ngồi đứng dậy để trống vai bên hữu, chân bên hữu chấm đất, bạch đức Thế Tôn:

¹ Nguyên Hán: trọng phu vương 丈夫王.

“Kính bạch đức Thế Tôn, trước kia do làm phước đức gì mà dưới bàn chân có tướng bánh xe ngàn cánh hoa, có ánh sáng chiếu soi khắp ba ngàn đại thiên quốc độ như vậy?”

Đức Phật bảo vua Bình-sa: “Xa xưa về đời quá khứ, có vua tên là Lợi ích Chúng Sanh, làm vua cõi Diêm-phù-đề. Bấy giờ, quốc độ Diêm-phù-đề phong phú, nhân dân no ấm khoái lạc. Có tám mươi bốn ngàn thành ấp, xóm làng có năm mươi lăm ức cơ sở. Vua Lợi ích Chúng Sanh ngự tại thành tên là Huệ quang, đông tây mười hai do-diên, nam bắc bảy do-diên. Thành kia rộng lớn, nhân dân no ấm, của cải dồi dào, trang sức khoái lạc.

Đệ nhất phu nhân tự là Huệ Sự, không có con. Vì để cầu con, phu nhân kính lễ các loại trời thần, thần sông, thần ao, trời Mãn thiện, trời Bảo thiện, thần Mặt trời, thần Mặt trăng, Đế Thích, Phạm Thiên vương, thần đất, nước, gió, lửa, thần Ma-hê-thù-la thiên tử, thần vườn, thần rừng, thần đường sá, thần quỷ tử mẫu, các thần của xóm làng. Cúng dường khắp nơi để cầu nguyện cho có con. Sau đó một thời gian, đệ nhất phu nhân có thai. Người nữ có ba món trí tuệ: biết người nam có dục ý, biết được khi có thai, biết từ đâu mà có được thọ thai. Khi ấy phu nhân liền đến chỗ vua thưa:

“Vua biết chăng, nay thiếp đã có thai.”

Vua nói: “Lành thay!”

Vua liền cung cấp cho phu nhân thêm đồ ăn thức uống, y phục, thuốc men, ngọc cụ thuộc loại tối thượng, tất cả các thứ cần dùng đều gia tăng gấp bội. Mười tháng trôi qua, phu nhân sanh một bé trai, tướng mạo xinh đẹp. Ngày hài nhi chào đời, cũng là ngày tám mươi bốn ngàn thành có tám mươi bốn ngàn mỏ quý tự nhiên xuất hiện. Nơi mỏ bạc thì cây bằng bạc xuất hiện, gốc nhánh cành lá đều bằng bạc ngàn. Chỗ nào mỏ vàng thì cây bằng vàng xuất hiện, gốc nhánh cành lá đều bằng vàng. Chỗ nào mỏ lưu ly, pha lê, xích, chân châu, mã não, xa cừ cũng đều [950c] như vậy.

Bấy giờ theo pháp luật của nước, trẻ nít mới sanh hoặc cha mẹ đặt tên, hoặc sa-môn, bà-la-môn đặt tên. Vua Lợi ích Chúng Sanh nghĩ:

Khởi phải nhờ sa-môn, bà-la-môn đặt tên. Mẹ của hài nhi này tên là Huệ SỰ. Nay ta nên đặt tên cho hài nhi là Huệ ĐĂNG. Vua đặt tên hài nhi là Huệ ĐĂNG.

Rồi vua giao hài nhi cho bốn bà mẹ chăm nuôi. Một bà lo về thân thể, bà thứ hai lo về tắm giặt, bà thứ ba lo về bú sữa, bà thứ tư lo về vui chơi. Bà lo về thân thể là lo việc chăm nom hình vóc tất cả các việc. Bà lo về tắm giặt thì lo tắm gội và giặt y phục cho hài nhi. Bà lo về việc bú sữa thì lo về việc bú sữa. Bà lo về việc vui chơi thì khi vương tử ở chỗ voi, ngựa, xe cộ du hí hay hoa hương bảo vật, thì các loại vui chơi phải phục vụ đầy đủ, cầm cây lọng không tước đi sau, giúp vui cho vương tử, khiến cho được khoái lạc.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Tất cả phải tiêu vong,
Ở cao, rồi phải rụng,
Đã sanh tất phải chết;
Có mạng đều vô thường.*

*Chúng sanh chìm cõi Hữu,
Tất cả đều hữu vi.
Tất cả các thế gian,
Nào ai không già chết.*

*Đây lẽ thường ở đời:
Sanh, sanh, đều phải chết.
Tùy theo nghiệp đã tạo,
Tội phước có quả báo.*

*Ác nghiệp đọa địa ngục,
Thiện nghiệp sanh lên trời.
Cao hành sanh thiện đạo,
Đặng vô lậu Niết-bàn.*

Khi vua Lợi ích Chúng Sanh mạng chung, vương tử tám, chín tuổi. Bà mẹ cho học các kỹ nghệ, thư họa, toán số, hí tiếu, ca vũ, kỹ nhạc, cỡi voi, ngựa, xe cộ, bắn cung một cách dững kiện, và nhanh chóng. Đối với tất cả các kỹ nghệ, vương tử đều tinh thông lão

luyện. Đến tuổi mười bốn, mười lăm, quần thần đến chỗ vương tử thưa: “Vương tử có biết chăng, vua đã mệnh chung. Nay vương tử nên đăng vương vị, làm vua, thi hành giáo lệnh.”

Vương tử trả lời: “Nay tôi không thể làm vua và thi hành giáo lệnh của vua được. Tại sao vậy? Đời trước tôi đã từng làm vua sáu năm. Do nhân duyên ấy mà tôi đã phải đọa vào địa ngục sáu ngàn năm. Cho nên nay tôi không thể làm vua, và thi hành giáo lệnh của vua được.”

Quần thần nói: “Có phương tiện nào để vương tử có thể làm vua, thi hành giáo lệnh của vua hay không?”

Vương tử trả lời: “Có.”

Quần thần hỏi, **[951a1]** phương tiện đó là gì? vương tử nói: “Nếu có thể nói với kẻ nam người nữ trong cõi Diêm-phù-đề này phụng hành thập thiện, không sát sanh, cho đến không tà kiến, thì tôi có thể làm vua.”

Quần thần nghe vương tử dạy như vậy rồi, liền sai sứ công bố rao truyền khắp bốn phương như sau: “Nhân dân biết chăng? vua Lợi ích Chúng Sanh đã mệnh chung. Vương tử Huệ Đăng theo thứ tự là phải làm vua. Nhưng vương tử nói: Ta không làm vua. Cho đến khi nào kẻ nam người nữ trong Diêm-phù-đề đều phụng hành thập thiện không sát sanh, cho đến không tà kiến, khi ấy ta sẽ làm vua.” Quốc dân nghe công bố như vậy, tất cả đều tu hành thập thiện không sát sanh, cho đến không tà kiến. Quần thần liền đến chỗ vương tử Huệ Đăng thưa: “Vương tử biết chăng? Kẻ nam người nữ trong Diêm-phù-đề này họ đều tự nói rằng: sẽ phụng hành thập thiện không sát sanh, cho đến không tà kiến. Nay vương tử có thể đăng vương vị thi hành giáo lệnh của vua.” vương tử nói: “Lấy lụa đem đến đây!”

Quần thần liền đem lụa bạch tốt nhất đến. Vương tử tự quấn trên đánh và tuyên bố: “Thời gian như vậy, có vị quốc chủ như vậy, có tốt đẹp không?”

Quần thần trả lời: “Rất tốt.”

Khi ấy quần thần tâu với vua rằng:

“Khi vua mới sanh, có tám mươi bốn ngàn mỏ quý tự nhiên xuất hiện. Nay hãy đem nhập vào kho của vua.”

Vua nói:

“Cần gì phải nhập vào kho. Hãy đem đến đầu các ngã tư mà bố thí cho sa-môn, bà-la-môn, người nghèo thiếu, cô đơn, già cả. Họ cần gì đều bố thí cho một cách đầy đủ.”

Các đại thần nghe vua Huệ Đăng dạy như vậy rồi, liền ngày nơi tám mươi bốn ngàn thành, chỗ nào có mỏ quý, đều lấy mang đến các đầu ngã tư trong các cửa thành, sự bố thí cho sa-môn, bà-la-môn, người nghèo khổ, cô đơn, già nua. Họ cần gì đều bố thí cho đầy đủ.

Bấy giờ, Thiên đế Thích có ý nghĩ, vua Huệ Đăng ngày nơi tám mươi bốn ngàn thành, chỗ nào có mỏ quý, đều lấy mang đến các đầu ngã tư trong các cửa thành, bố thí cho sa-môn, bà-la-môn, người nghèo khổ, cô đơn, già nua. Họ cần gì đều bố thí cho đầy đủ. Có thể do việc làm này mà y sẽ chiếm đoạt ngôi vị của ta. Nhưng nay ta có thể đến thử xem vua Huệ Đăng vì Vô thượng đạo làm việc bố thí có thói chuyên hay không?”

Thiên đế Thích liền hóa làm một người đàn ông, nói với mọi người rằng: “Vua Huệ Đăng dạy chúng ta phụng hành thập ác, sát sanh cho đến tà kiến.” Bấy giờ, các đại thần liền đến chỗ vua thưa:

“Sự thật vua có dạy quốc dân phụng hành thập ác, sát sanh cho đến tà kiến hay không?”

Vua trả lời: “Không! Tại sao vậy? **[951b]** Trước đây ta đã nói, ta không làm vua nếu quốc dân không phụng hành thập thiện, không sát sanh, cho đến không tà kiến. Do đó nay ta đã làm vua thì ta đâu có nói những lời như vậy. Nay các khanh cần trang nghiêm xa giá, ta muốn tự mình đi giáo hóa quốc dân.”¹

¹ Bản Hán, hết quyển 51.

Khi ấy, Thiên đế Thích nghĩ: “Ta không nên để vua đi bằng chiếc xe thường của thế gian.” Ông bèn thắng cỗ xe voi trời. Voi trời có sáu ngà. Ngà nào cũng vạm vỡ. Xe đề ngay bên ngoài cửa. Vua Huệ Đăng thấy xa giá bằng voi như vậy, hỏi các đại thần rằng:

“Voi này của ai?”

Các đại thần thưa: “Không biết là voi của ai. Đây chắc là loại voi của vua, chứ chẳng phải là người thường có được. Vua có thể sử dụng.”

Vua liền sử dụng. Vua bảo: “Hãy đi chỉ cho ta người nào nói: Ta dạy nhân dân phụng hành thập ác.” Người kia liền chỉ vua. Vua liền hỏi:

“Vua Huệ Đăng có dạy người hành thập ác không?”

Người ấy trả lời: “Có.”

Vua lại hỏi: “Có phương tiện nào để người hành thập thiện không?”

Người kia nói: “Có.”

Vua hỏi: “Đó là gì?”

Người kia nói: “Nếu có ai đã thành tựu Bồ-tát, cho tôi được ăn sống người ấy, ăn thịt, uống máu người ấy; tôi mới hành thập thiện.”

Bấy giờ, vua Huệ Đăng khởi lên ý nghĩ: “Từ đời vô thủy đến nay, ta đã trải qua các khổ luân chuyển trong năm đường; hoặc bị chặt tay, chặt chân, xẻo mũi tai, móc mắt, chặt đầu, rốt cuộc nào có lợi ích gì?”

Nghĩ như vậy xong, vua liền lấy dao bén tự xẻo thịt nơi đùi về mình, dùng đồ đựng máu đưa cho người kia và nói: “Này nam tử, người hãy ăn thịt và uống máu này, rồi phụng hành thập thiện.”

Người đàn ông kia không kham nổi oai đức của vua Huệ Đăng, nên liền biến mất, bỗng nhiên Thiên đế Thích đứng trước mặt, hỏi vua: “Nay vua [951c] bỏ thí vì một thiên hạ, hay vì hai, ba bốn thiên hạ?”

Vì Mặt Trời, Mặt Trăng, Thiên đế Thích, Ma vương, Phạm vương hay chăng?”

Vua trả lời:

“Tôi bố thí không vì một thiên hạ, hay hai, ba, bốn thiên hạ, cho đến Ma, Phạm vương. Tôi làm việc bố thí với ý nghĩ như vậy: Muốn cầu Vô thượng chánh chân Nhất thiết trí, độ người chưa độ, giải thoát người chưa giải thoát, người chưa được Niết-bàn khiến được Niết-bàn, độ sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não. Vì tất cả như vậy.”

Bấy giờ, Thiên đế Thích liền nghĩ: “Nay ta đê vua Huệ Đăng phải chết vì vết thương này thì thật không thích đáng.”

Thiên đế Thích liền dùng nước cam lồ của trời nhều vào nơi vết thương. Vết thương liền bình phục lại như cũ.

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Vua Lợi ích Chúng Sinh đâu phải ai khác, mà là phụ vương Bạch Tịnh vậy. Đệ nhất phu nhân, nay là mẹ Ma-da. Vua Huệ Đăng, chính là thân Ta đây. Đời trước, Ta đã giáo hóa vô số kẻ nam người nữ nơi cõi Diêm-phù-đề này phụng hành thập thiện, không sát sanh, cho đến không tà kiến. Do nhân duyên như vậy, cho nên dưới bàn chân của ta có dấu bánh xe nghìn căm, ánh sáng chiếu soi ba ngàn đại thiên quốc độ.”

Đại chúng thấy đức Thế Tôn có thần lực biến hóa như vậy, đều rất vui mừng, được pháp chưa từng có, tâm yểm ly phát sanh. Đức Thế Tôn quán sát đại chúng đều hoan hỷ, tâm yểm ly phát sanh, nên dùng vô số phương tiện nói pháp, khiến cho trăm ngàn người, ngay nơi chỗ ngồi xa trần cấu, đạt được con mắt pháp trong sạch.

Đây là ngày thứ mười lăm đức Thế Tôn biến hóa.

7. Các loại bát cấm

1. Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ vua Bình-sa cho phép các tỳ-kheo tự do ra vào trong cung. Vua đặt người nơi chỗ khuất để nghe các tỳ-kheo có nói gì thì bẩm báo lại. Nơi cung vua cho

làm các cửa hông, dùng gỗ thi-xa-bà¹ quý giá làm cây trụ. Các tỳ-kheo thấy vậy, nói:

“Gỗ quý giá này thay vì dùng làm cây trụ, nếu dùng làm bình bát cho tỳ-kheo thì hay biết mấy.”

Cung nhân ở chỗ khuất nghe như vậy, liền đến tâu với vua. Vua liền ra lệnh thay cây trụ mới, lấy gỗ ấy làm bình bát, đem cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo không dám nhận, nói: “Đức Phật chưa cho phép chúng tôi nhận bình bát bằng gỗ thi-xa-bà.” Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

“Không được [952a1] chứa bình bát bằng gỗ. Đây là pháp của ngoại đạo. Nếu chứa, sẽ như pháp trị.

Vua Bình-sa dùng bình bát bằng đá, dâng cúng các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo không nhận và nói:

“Đức Phật chưa cho phép chúng tôi dùng bình bát bằng đá.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không được dùng loại bát này. Đây là bát theo pháp của Như Lai. Nếu dùng thì phạm thâu-lan-giá.”

Vua Bình-sa làm bát bằng vàng cúng cho tỳ-kheo. Tỳ-kheo không nhận và nói:

“Đức Thế Tôn chưa cho chúng tôi sử dụng bát bằng vàng.”

Các vị ấy bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Tỳ-kheo không nên cất chứa bát bằng vàng. Đây là pháp của bạch y. Nếu cất chứa sẽ như pháp trị.”

Vua Bình-sa lại làm bình bát bằng bạc, bằng lưu ly, bằng vật báu, bằng tạp bảo để cúng cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo không nhận và

¹ Thi-xa-bà 尸睺婆. Pāli: *simsapā*, cũng phiên âm là thân-thứ. Không có từ điển nào chỉ rõ là cây gì. Skt; *simsapā*: cây Dalbergia Sissoo; một loại cây aśoka (Monier-Williams); một loại cây có lõi rất chắc (Wogihara). Cây thường mọc thành rừng. Nhiều kinh được Phật giảng trong các rừng *simsapā*.

nói: “Đức Phật chưa cho chúng tôi chứa cất các loại bình bát như vậy.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không nên chứa các loại bát đó. Đây là pháp của bạch y. Nếu chứa sẽ trị phạt như pháp.”

2. Thế Tôn ở tại nước Bà-già-đê. Tỳ-kheo người Bạt-xà ở Tỳ-xá-ly¹ dùng chiếc bình bát bằng vàng. Đức Phật dạy: “Không được dùng.”

Có vị lại dùng bát bằng bạc, bằng lưu ly, bằng vật báu, bằng tạp bảo. Đức Phật dạy: “Không được dùng.”

Đức Phật quở: “Các ông là những người ngu si, tránh dùng cái Ta chế cấm lại dùng các thứ khác. Từ nay về sau, tất cả các loại bát làm bằng vật báu không nên dùng. Nếu dùng sẽ như pháp trị.”

3. Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Các Lê-xa² nhận được chiếc bát ma-ni rất có giá trị, dùng bột hương chiên-đàn đựng đầy bát, đem dâng cúng đức Thế Tôn, thưa: “Bạch Đại Đức, xin từ miễn nhận chiếc bát ma-ni này.”

Đức Phật nói với các Lê-xa: “Ta không dùng chiếc bát này.”

Lê-xa lại bạch: “Cúi xin Thế Tôn từ miễn nhận bột hương chiên-đàn.”

Đức Thế Tôn thọ nhận.

Các Lê-xa nghĩ: “Nên đem chiếc bát này cúng cho ai?” Có người nói nên cho Bất-lan Ca-diếp. Có người nói nên cho Mạt-khu-la Cù-xá-la, A-di-đâu Sí-xá-khâm-bà-la. Có người nói nên cho Ba-huru Ca-chiên-diên. Có người nói nên cho San-nhã Tỳ-la-tra Tử. Có

¹ Tỳ-xá-ly Bạt-xà từ 毘舍離跋闍子. Bạt-xà (Pāli: Vajjī) đương thời là một bộ tộc lớn có nhiều nhánh, trong đó hai nhánh chính là Li(Lê)-xa (Pāli: Licchavī) và Tỳ-đê-ha (Pāli: Vedehā). Tỳ-xá-ly (Pāli: Vesālī) là thủ phủ của nhánh Licchavī. Trong tạng Pāli, có một tỳ-kheo tên là Vajjiputta (Bạt-xà Tử). Sau khi Phật Niết-bàn, chính nhờ nghe một bài kệ từ tỳ-kheo này mà A-nan chứng quả A-la-hán.

² Lê-xa 梨奢, những người Licchavī. Xem cht. 33 trên.

người nói nên cho Ni-kiền Na-da Tử.¹ Có người nói nên cho Tát-giá Ni-kiền Tử.² Vị kia liền đem bát cho Tát-giá Ni-kiền Tử.

Bấy giờ, Tát-giá Ni-kiền Tử nghe các Lê-xa Tỳ-xá-ly đem các bát ma-ni rất quý giá này cúng cho Sa-môn Cù-đàm mà Cù-đàm không nhận, sau đó mới đem cúng cho mình; do lòng kiêu mạn, cống cao, tật đố, giận dữ không hài lòng, không tự kềm chế, nên ông thốt lên lời hung dữ:

“Giả sử các người cất lưỡi của các Lê-xa đựng đầy bát, rồi tôi sẽ nhận.”

Các Lê-xa nghĩ: “Tát-giá Ni-kiền Tử muốn làm tổn hại đến dòng họ chúng ta.”

[952b] Họ liền lấy một hòn đá đánh cho chết. Tát-giá muốn tự liệu lý để rút lại lời nói dữ trước đó, nhưng các Lê-xa không chịu nghe, vẫn đánh chết. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Nếu biết cách nói, thì sự việc được cởi mở.”

Đức Phật dạy: “Có năm pháp khiến cho lời nói có thể tự nêu rõ lý, không bị chê trách, khiến cho người kia hoan hỷ, sau khỏi hối hận. Năm pháp ấy là gì? Nói điều thiện chứ không nói điều bất thiện. Nói như pháp chứ không nói điều không như pháp. Nói lời êm dịu chứ không nói lời không êm dịu. Nói lời chân thật chứ không nói điều hư dối. Nói điều lợi ích chứ không nói điều không lợi ích. Có năm pháp này thì khiến cho lời nói có thể tự nêu rõ lý, không bị chê trách, khiến cho người kia hoan hỷ, sau khỏi hối hận.”

Phật liền nói kệ:

¹ Ni-kiền Na-da Tử 尼犍那耶子. Các đoạn trên cũng phiên âm là Ni-kiền(-đà) Nhã-đê Tử. Cũng gọi là Ni-kiền Tử.

² Tát-giá Ni-kiền Tử 薩遮尼犍子. Tên một người theo phái Ni-kiền Tử. Có hai kinh quan trọng nói về vô ngã Phật giảng cho ông này. Xem, *Trung A-hàm* 5, kinh 110 “Tát-giá”, *Tăng Nhất* 30, No 125(37.10), và một kinh thuộc Đại thừa, Đại Tát-giá Ni-kiền Tử sở thuyết kinh, No. 272. Pāli, có hai kinh, M. 35. *Mahā-Saccaka-sutta*, M. 34. *Cūḷa-Saccaka-sutta*.

*Ai nói thiện thì thắng;
Nói pháp không phi pháp;
Ai ngữ; chân thật ngữ;
Lợi ích không tổn hại.*

*Đối với người khéo nói
Khiến mình không nhiệt nã,
Không xâm phạm người khác.
Như vậy là khéo nói.*

*Khéo nói với ái ngữ
Không bị người kia trách
Khi nói, lời thân thương,
Các ác không tập hợp.*

*Chỉ thành nói cam lồ,
Nói thật là tối thượng
Chân thật như Phật pháp
Thì trụ nơi Niết-bàn.*

*Pháp do đức Phật nói
An ổn đến Niết-bàn
Dứt hết các gốc khổ.
Khéo nói, đây là nhất.*

4. Vua Bình-sa cúng bát sắt cho tỳ-kheo, tỳ-kheo không nhận và nói: “Đức Phật chưa cho phép chúng tôi dùng bát bằng sắt.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Cho phép dùng bát bằng sắt.”¹

¹ *Thập tụng* 56 (tr.416a8): Phật quy định 2 loại bát: bát sành và bát sắt. Tám loại bát không được phép chứa: bát vàng, bát bạc, bát lưu ly, bát ma-ni, bát đồng, bát bạch lapis, bát gỗ, bát đá. *Ngũ phần* 5 (tr. 134a22), 26 (tr.170a3): 3 loại bát: bát sắt, bát sành, và bát Tô-ma. *Tăng kỳ* 10 (tr.314c22): các loại bát: 1. tham-bà 參婆; 2. ô-ca-tư-ma 烏迦斯魔; 3. uru-ca-tra-da 優迦吒耶; 4. đa-kỳ-da 多祇耶; 5. thiết bát 鐵鉢; 6. tri-diệp-ni 綴葉尼; 7. tất-lệ-thâu 畢荔偷.

8. Xông bát - Nung bát

1. Bây giờ, có người làm đồ sắt¹ xuất gia, muốn làm bình bát cho các tỳ-kheo. Bạch Phật. Phật cho phép làm. Người ấy cần lò, đức Phật cho phép xây lò. Người ấy cần búa và kềm, đức Phật cho phép. Người ấy cần ống bễ. Phật cho phép. Người đó cần hòn đá mài, Phật cho phép. Vị đó cần con lăn, đức Phật cho phép. Sở con lăn, và các vật dụng khác rơi rớt, đức Phật cho phép làm cái đũa để đựng, rồi treo trên cây trụ, trên móc ngà voi.

Có Tỳ-kheo kia cất chứa bát không xông nên bị bẩn và hôi. Phật cho phép xông.² Vị đó không biết xông bằng cách nào. Phật cho phép dùng cái chõ, hay cái ghè để làm lò. Dùng các loại bùn để thoa. Dùng hột hạnh nhân, hột gai thoa bên trong. Lấy tro trải lên đất cho bằng, làm chõ xông bát [952c]. Đặt chân chống, rồi để bát lên. Rồi úp lò lên bát. Lấy tro phủ bốn bên, lấy tay ém cho chắc. Lấy củi hoặc phân bò chất xung quanh đốt. Nên xông bát như vậy.

2. Thế Tôn du hành nhân gian tại nước Tô-ma.³ Khi ấy có người thợ lò gốm có tín tâm. Đức Thế Tôn chỉ chõ đất bùn và nói: “Lấy đất chõ này mà làm. Nhồi như vậy. Phoi như vậy. Làm bùn như vậy. Trộn đều như vậy. Làm thành cái bát như vậy. Xoa chà như vậy. phoi khô như vậy rồi, làm cái lò cho chắc, để cái bát vào trong. Đậy nắp lại, thoa bùn phủ lên trên. Dùng cây khu-la-đa,⁴ hoặc cây táo, hoặc dùng cây thi-xa-bà,⁵ cây a-ma-lặc,⁶ chất xung quanh rồi đốt. Người kia theo thứ tự làm theo lời Phật dạy, thành

¹ Thiết tác giả 鐵作者, tức thợ rèn.

² *Thiện kiến* 15 (778b20): huân bát 薰鉢, bát sắt 5 lần xông, bát đất 2 lần xông thì có thể dùng.

³ Tô-ma 蘇摩. *Trường A-hàm* 15 nói là một trong các dòng họ lớn. *Trung A-hàm* 55 liệt kê vào một trong 16 đại quốc thời Phật. *Ngũ phần* 26 (169c14), địa phương sản xuất bát sành nổi tiếng.

⁴ Khu-la-đa 佉羅陀; có lẽ phiên âm từ *khadira* (Pāli, Skt.), một loại cây cho gỗ cứng (Acacia Catechu).

⁵ Xem cht. 32 trước.

⁶ A-ma-lặc 阿摩勒; phiên âm từ Skt. *āmra* (Pāli: *amba*): cây xoài.

loại bát Tô-ma khác lạ, quý giá, rất tốt, đem cúng cho các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo không nhận và nói:

“Đức Phật chưa cho phép chúng tôi sử dụng loại bát như vậy.”

Các vị ấy bạch Phật. Đức Phật dạy: “Cho phép chứa dùng.”

9. Trì bát

1. Thế Tôn ở tại thôn Ưu-già-la.¹ Khi ấy có các tỳ-kheo nhận được bát Ưu-già-la,² không dám thọ trì và nói:

“Đức Phật chưa cho phép chúng ta sử dụng loại bát như vậy.”

Các vị ấy bạch Phật. Đức Phật cho phép thọ trì.

Thế Tôn ở tại Ưu-già-xa.³ Các tỳ-kheo nhận được loại bát Ưu-già-xa, không dám thọ trì và nói:

“Đức Phật chưa cho phép chúng ta thọ trì loại bát này.”

Bạch Phật. Đức Phật dạy: “Cho phép thọ trì.”

Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Các tỳ-kheo nhận được bát đen, không dám thọ trì và nói:

“Đức Phật chưa cho chúng ta thọ trì loại bát này.”

Bạch Phật. Đức Phật dạy: “Cho phép thọ trì.”

Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Có các tỳ-kheo nhận được loại bát đỏ, không dám thọ trì, nói:

“Đức Thế Tôn chưa cho chúng ta dùng loại bát như vậy.”

Các vị ấy bạch Phật. Đức Phật dạy: “Cho phép thọ trì.”

2. Có sáu loại bát: bát bằng sắt, bát tô-ma, bát ưu-già-la, bát ưu-già-xa, bát đen, bát đỏ. Các thứ bát này chia thành hai loại: bát bằng sắt

¹ Ưu-già-la 優伽羅. Pāli: Uggā (Skr. Ugra), thị trấn trong nước Kosala.

² Ưu-già-la bát 優伽羅鉢; bát sản xuất tại Ưu-già-la, xem cht. 43 trên.

³ Ưu-già-xa 優伽舍; chưa rõ địa danh này.

và bát bằng sành.¹ Một thứ đựng được một đầu rươi, một thứ đựng ba đầu. Hai loại bát này nên thọ trì.²

3. Có vị máng bát nơi viên ngói sắp rơi. Đức Phật dạy: “Không nên để như vậy.”

Có vị để bình bát trên hòn đá sắp rơi. Đức Phật dạy: “Không nên để như vậy.”

Có vị để bát trên dàn gác. Đức Phật dạy: “Không nên để như vậy.”

Có vị để bát giữa đường. Đức Phật dạy: “Không nên để như vậy.”

Có vị để bát trên đá. Đức Phật dạy: “Không nên để như vậy.”

Có vị để bát dưới gốc cây có trái. Đức Phật dạy: “Không nên để như vậy.”

Có vị để bát nơi chỗ đất không bằng, đức Phật bảo: “Không nên để như vậy.”

Có vị một tay cầm hai cái bát. Đức Phật dạy: “Không nên cầm như vậy. Trừ phi để ngón tay ở giữa.

[953a1] Có vị một tay cầm hai cái bát mà mở cửa. Đức Phật dạy: “Không nên như vậy. Trừ có dụng tâm.”

Có vị để bát sau cánh cửa. Đức Phật dạy: “Không nên để như vậy.”

Có vị để bát trước cánh cửa. Đức Phật dạy: “Không nên để như vậy.”

Có vị để bát ở dưới giường dây, giường cây. Đức Phật dạy: “Không nên để như vậy.”

¹ Xem cht. 37 trước.

² *Thập tụng 43* (tr.313b17): ba lượng bát, bát thượng đựng 3 bát-tha com, 1 bát-tha canh; loại hạ, đựng 1 bát-tha com, nửa bát-tha canh; loại trung, giữa hai lượng trên. Một bát-tha 鉢他 ước lượng một thăng (Trung Quốc). *Tăng kỳ 10* (tr.314c25): 2 loại dung lượng; hạng nhất, 1 a-la gạo và canh; hạng nhì, nửa a-la gạo và canh; hạng chót, 1 bát-tha com và canh. Một a-la (*alhaka*) ước 1 đầu 6 thăng (Trung Quốc).

Có vị để bát ở giữa các giường cây, giường dây. Đức Phật dạy: “Không nên để như vậy. Trừ trường hợp để tạm trong chốc lát.”

Có vị để bát đầu góc giường dây, giường cây. Đức Phật dạy: “Không nên để như vậy, trừ để tạm trong chốc lát.”

Có vị đứng rửa bát; bát rơi vỡ. Đức Phật dạy: “Không nên đứng rửa như vậy.”

Có vị cố ý làm cho bát bị vỡ để xin bát mới. Đức Phật dạy: “Không nên làm như vậy.”

Có vị để đồ dư trong bát. Đức Phật dạy: “Trong bát không được để bất cứ vật gì.”

Có vị vẽ giầy nho, hình bông sen trong bát. Đức Phật dạy: “Không nên vẽ như vậy.”

Có vị làm chữ vạn¹ trong bát. Đức Phật dạy: “Không nên làm như vậy.”

Có vị viết tên của mình trong bát. Đức Phật dạy: “Không nên viết như vậy.”

Có vị quán bốn phía bát, chừa miệng. Đức Phật dạy: “Không nên làm như vậy.”

Có vị quán hết cả cái bát. Đức Phật dạy: “Không nên bao như vậy. Nên bao quán hai phần, chừa lại một phần. Nếu có thùng lỗ nhỏ mà nhiều chỗ thì nên bao hết.

Có vị để bát dưới đất, bị hư xông. Đức Phật dạy: “Không nên để như vậy, nên dùng nước bùn rưới đất rồi mới để. Nếu vẫn bị hư xông, nên để trên lá, trên cỏ. Nếu vẫn bị hư xông, nên làm cái chân bát. Nếu vẫn bị hư xông,² dùng vật bao dưới đáy.”³

¹ Vạn tự 萬字.

² Hoại huân 壞熏, bị rỉ sét, hay bị ăn mòn. Vin.ii. 112: *pattamūlaṃ ghaṃsiyati*, đáy bát bị ăn mòn.

³ Pāli, *ibid.*, *pattamaṇḍalaṃ*, đế tròn của bát.

Có vị dùng vật báu bao dưới đáy. Đức Phật dạy: “Không được dùng vật quý, mà nên dùng chì hay thiếc để làm.”

Vị kia sợ bát rơi đổ. Đức Phật dạy: “Nếu sợ rơi đổ, nên dùng nhựa cây hay sáp (gắn vào đế).”

Có vị không rửa bát mà đem cát, tỳ-kheo khác thấy gớm. Đức Phật dạy: “Không nên như vậy. Nên rửa rồi mới cất.”

Có vị không dùng thảo đậu để rửa nên không sạch. Đức Phật dạy: “Không nên rửa như vậy. Nên dùng thảo đậu, hoặc đất, hoặc tro, hay phân bò, hoặc bùn để rửa.”

Có vị dùng phân bò có trộn cát để rửa nên bát bị hỏng. Đức Phật dạy: “Không nên rửa như vậy. Nên dùng đồ đựng nước ngâm phân bò, để lóng cát, rồi dùng để rửa. Hoặc dùng bột mịn, bùn mịn, hoặc lá, hoặc bông hay trái để rửa cho sạch. Nếu bát có lỗ, bị thức ăn nhét vào trong đó, thì nên cạy ra. Nếu cạy ra bát bị vỡ, chỗ nào cạy được thì cạy, chỗ nào không cạy được thì thôi, không sao.”

Có vị rửa bát chưa khô mà đem cất, sanh ra cáu bẩn. Đức Phật dạy: “Không nên như vậy. Nên để cho khô rồi mới cất.”

Cầm bát nơi tay, khó giữ. Phật cho phép may cái dây để đựng. Miệng dây không buộc, bát rơi ra. Phật cho phép buộc lại. Xách dây đựng bát trên tay, [953b] khó giữ. Phật bảo nên dùng cái dây đai mang trên vai. Có tỳ-kheo kẹp bát dưới nách, miệng bát úp vào hông. Trên đường đi, gặp mưa, bị trượt chân té xuống đất, bình bát cần hông, bị đau. Đức Phật dạy: “Không nên mang bát như vậy. Nên để miệng bát hướng ra ngoài.”

Bát Tô-ma trong đây, lấy ra để vô khó khăn, bị vỡ. Đức Phật dạy: “Nên làm cái hòm hay cái rương để đựng.”

Có vị dùng vật quý báu làm cái hòm cái rương. Đức Phật dạy: “Không được dùng vật quý báu mà làm. Nên dùng cỏ xá-la, hoặc cây tre để làm. Nếu bát bị đựng nhau thì dùng cỏ hay lá cây, hoặc một trong mười loại y để lót. Nếu bát rơi ra miệng hòm; Phật bảo, nên làm cái nắp đậy lại. Có vị dùng vật quý báu làm cái nắp. Đức Phật dạy, không được dùng vật quý báu làm nắp. Nên dùng cỏ xá-

la, hoặc tre hay cây mà làm. Nếu nơi để bát không chắc thì nên dùng dây đai máng vào móc long nha.

10. Tịnh quả

Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Vua Bình-sa cho phép các tỳ-kheo tự do ra vào trong vườn xoài.¹ Nhóm sáu tỳ-kheo đến chỗ người giữ vườn nói: “Tôi cần xoài.”

Người giữ vườn liền hái xoài cho. Nhóm sáu tỳ-kheo lại đòi hỏi nữa. Người giữ vườn lại cũng hái xoài cho. Nhóm sáu tỳ-kheo cứ đòi hỏi như vậy cho đến vườn xoài hết cả trái. Sau đó, vua cần xoài, ra lệnh quan tả hữu hái xoài. Các quan thừa lệnh đến chỗ người giữ vườn bảo hái xoài. Người giữ vườn báo cáo là xoài hết rồi. Các quan hỏi tại sao hết? Người giữ vườn thưa là:

“Sa-môn Thích tử ăn hết.”

Đại thần liền hiềm trách: “Sa-môn Thích tử không biết yếm túc, nhiều ham muốn mà tự nói mình biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Người thí tuy không nhằm chán, người nhận phải biết đủ chứ. Tại sao ăn hết vườn xoài của vua?” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không nên ăn xoài.”²

Các tỳ-kheo khát thực nhận được nước xoài. Phật cho phép dùng. Có vị nhận được trái xoài nẫu chín, Phật cho phép dùng. Có vị nhận được nước quả xoài,³ đức Phật cho phép. Nếu chưa thành rượu thì cho phép uống vào lúc phi thời. Thành rượu rồi, không được uống. Nếu uống sẽ như pháp trị.

¹ Am-bà-la viên 菴婆羅園. Cf. *Ngũ phần* 26 (tr.170c24). *Tăng kỳ* 31 (tr.478a20).

² Pāli, Vin.ii. 109: Phật nói, các tỳ-kheo không được ăn quả xoài (*amba*). Ai ăn, phạm đột-kiết-la. Sau đó quy định thêm: chỉ được phép ăn sau khi đã tác tịnh bằng một trong năm cách. Xem thêm cht. 55 dưới.

³ Am-bà-la quả tương 菴婆羅果漿; nước tương xoài hay ngâm xoài, để lâu có thể lên men thành rượu. Pāli: *sūpe ambapesika*, vỏ xoài bỏ trong nước thịt (súp thịt).

Sau đó một thời gian, xoài chín mùi, tôn giả A-nan muốn ăn, đến chỗ đức Phật, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng: “Xoài trên cây đã chín mùi.”

Đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp tỳ-kheo Tăng, vì các tỳ-kheo tùy thuận nói pháp, Ngài dùng vô số phương tiện khen ngợi hạnh đầu-đà, đoan nghiêm, thiếu dục tri túc, có trí huệ và bảo các tỳ-kheo: [953c]“Từ nay về sau cho phép ăn xoài.”¹

11. Câu-chấp

Thế Tôn ở tại Câu-thiền-di, thì khi ấy nhóm sáu tỳ-kheo khoác trái câu-chấp² để dọa nhau, chọc gheo nhau. Các cư sĩ thấy cơ hiềm: “Sa-môn Thích tử không biết yếm túc, mà tự xưng là tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi khoác trái câu-chấp để dọa nhau, chọc gheo nhau, như đại thần của vua?” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không được khoác lộn trái câu-chấp, cũng không được dọa nhau,³ chọc gheo nhau.”

Tỳ-kheo bệnh, đắp câu-chấp, mặt có lông vào trong. Lông bên trong dính nơi mụn ghẻ, bị đau. Phật dạy: “Nên mặc cái áo lót. Nếu sợ nóng thì nên lộn trái câu-chấp rồi quàng cà-sa phủ lên trên.”

12. Khâu y

Có tỳ-kheo y bị rách. Phật bảo, nên vá lại. Vị ấy không biết vá như thế nào. Đức Phật dạy: “Lấy chỉ khâu lại, hay may chập lại. Nếu có lỗ, lấy đồ đắp lên.” Lỗ rách lớn, miếng đắp nhỏ, khiến y bị chum lại. Đức Phật dạy: “Không nên vá như vậy. Lớn, nhỏ, tùy theo lỗ rách, rộng ra hai ngón tay, rồi vá. Khi vá sợ y bị chum lại, nên dùng

¹ *Ngũ phần 26* (tr.171a12), Vin. ii. 109, ăn được sau khi đã tác tịnh, một trong năm cách. Xem, Phần III, Ch. VII Thuộc.

² Câu chấp 拘執. *Ngũ phần 26* (tr.171b16): câu nhiếp 拘攝. “Bạt-nan-đà khoác lộn trái câu-nhiếp, đi 4 chân trong tối, dọa các tỳ-kheo.” Pāli, Vin. i. 281, *kojava* áo choàng hay chăn bằng lông dê.

³ Tỳ-kheo, ba-đạt-đề 55: không được dọa tỳ-kheo khác.

đá đè bốn góc. Nếu vẫn bị chún, cắm cọc bốn góc để căng ra. Nếu nó vẫn co lại thì nên làm cái khung để căng ra.” Các vị ấy không biết cách làm. Đức Phật dạy: “Nên dùng gỗ mà làm.”

Có vị cần dây để căng. Phật cho phép dùng dây căng ra để vá.

Các vị ấy không biết dùng cái gì để vá. Phật cho phép dùng lông chim, hoặc cái trâm để vá. Nếu y mỏng, nhuộm bị rách thì dùng kim để vá. Có vị dùng vật quý báu làm kim. Đức Phật dạy: “Không được dùng như vậy. Nên dùng đồng hay thép để làm.”

Khi vá y, tay bị đau, đức Phật cho phép làm cái đê. Có vị dùng vật quý báu làm đê. Đức Phật dạy: “Không nên làm như vậy. Nên dùng đồng, sắt, xương, ngà, sừng, chì, thiếc, bạch lạp, cây, hồ giao để làm.” Khi vị kia vá y, sợ cong, Phật cho phép dùng dây mực khiến cho thẳng. Có vị cần chỉ tơ, Phật cho phép dùng. Có vị muốn nhuộm chỉ để may y, cần đá vôi, đất đỏ, đất trắng, màu huỳnh, tất cả đều được Phật cho phép dùng. Nếu không định được điểm giữa, nên dùng thước để đo. Có vị dùng vật quý báu làm thước đo. Đức Phật dạy: “Không được dùng vật quý báu để làm. Nên dùng đồng sắt cho đến cây để làm.”

Có vị trương y chắm đất. Khi vá, y dính bụi bẩn. Phật dạy: “Cho phép dùng nước tưới đất cho hết bụi rồi mới trương ra.”

Có vị khi vá y kim bị đụng đất, hư kim. Đức Phật dạy: “Không nên làm như vậy.”

Có vị trải y trên cỏ xa-bà-la¹ để vá, cỏ dính vào y. Đức Phật dạy: “Không nên làm như vậy.” Có vị trải y trên cỏ, trên lá để vá. Cỏ lá dính vào y. Đức Phật [954a1] dạy: “Không nên trải như vậy. Nên dùng một trong mười loại y hoặc y-lê-điên-đà, mào-la, mào-mào-la, mào-lâu, trải lên trên đó để vá.”

Tỳ-kheo kia sợ dây, chỉ, kim, dao... các dụng cụ để vá y lạc mất, Phật cho phép làm cái dây để đựng.

¹ Xa-bà-la thảo 賒婆羅草. Skt. *sabala*?

Có vị không tháo y ra khỏi cái khung căng, bị mưa ướt. Đức Phật dạy: “Nên tháo ra.” Các vị ấy không biết tháo ra rồi để khung đâu. Đức Phật dạy: “Cho phép để nơi nhà kinh hành hoặc nơi nhà ẩm, nhà ăn. Nếu đem vào nhà không lọt vì cửa hẹp thì để bên ngoài, chỗ không bị mưa ướt, bị gió. Nên treo lên chỗ cao ráo.”

Có vị vá y rồi, tháo ra, không dẹp dọn cây gỗ. Đức Phật dạy: “Nên dọn dẹp.” Các vị ấy không biết dọn dẹp để vào chỗ nào. Đức Phật dạy: “Nên để dưới gác, hoặc trên giường.”

Có vị không dọn dẹp dây. Đức Phật dạy: “Nên cuộn dây lại, để trên chỗ khung căng y.”

Các tỳ-kheo sợ kim rơi mắt. Phật cho phép làm cái miếng bằng da để ghim. Nếu vẫn sợ mắt thì nên làm cái ống để đựng. Có vị dùng vật quý báu làm cái ống. Đức Phật dạy: “Không được dùng vật quý báu làm. Nên dùng đồng, sắt cho đến tre, cây để làm.” Sợ kim rơi ra, đức Phật cho phép làm nắp đậy lại.

Có vị dùng vật quý báu để làm nắp. Đức Phật dạy: “Không được dùng vật quý báu làm mà nên dùng đồng, sắt, cho đến tre, cây để làm.” Nếu kim bị rỉ sét thì nên để trong bột miến. Nếu vẫn sợ sét, tụy để chỗ nào khiến cho không rỉ sét.

Các tỳ-kheo lo ngại ống đựng kim, dao con, chỉ, và các vật vụn vặt bị lạc mất. Phật cho phép đựng trong cái dĩa. Nếu các vật ấy rơi ra, dùng dây cột cái miệng dĩa lại. Nếu cầm tay, khó giữ gìn; nên buộc trên vai.

13. Vá bát

Bình bát bằng sắt của tỳ-kheo bị thủng, đức Phật cho phép vá lại, hoặc trám đinh, hoặc trét bùn, hay dán nhựa cây.

Bát tô-ma bị lủng, đức Phật cho phép dùng hồ giao nhét, hoặc dùng đá vôi, hoặc dùng đất trắng. Bát ca-la đen¹ bị thủng nên dùi cái lỗ,

¹ Ca-la hắc bát 迦羅黑鉢; ca-la, phiên âm (Skt. Pāli: *kāla*, đen); hắc, dịch nghĩa. Từ âm nghĩa hỗn hợp.

rồi lấy kim chỉ ràng lại. Có vị cần cái dùi khoan, đức Phật cho phép. Có vị dùng vật quý để làm. Đức Phật dạy: “Không được dùng vật quý để làm mà nên dùng đồng sắt.” Nếu sợ chỉ bằng tơ sợi đứt thì nên dùng bằng sợi dây cước, hoặc dùng lông đuôi của bò, ngựa. Nếu sợ trùng cắn cái dây gân thì nên dùng hồ giao trét lên trên. Nếu sợ thức ăn hay nước thấm vào thì cũng nên dùng hồ giao trét lên trên. Nếu cũng lại sợ hư thì dát lá sắt dán vào.

14. Lấy lửa

Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Các tỳ-kheo ở nơi a-lan-nhã dùng hỏa châu để lấy lửa, bọn giặc thấy ngọc châu nên đến quấy phá tỳ-kheo.¹ Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: **[954b]** “Ở nơi a-lan-nhã, không nên dùng hỏa châu lấy lửa.”

Các tỳ-kheo cần lửa, đức Phật cho phép tỳ-kheo ở nơi a-lan-nhã dùng thuật lấy lửa. Cần bùi nhùi mồi lửa,² cho phép. Cần dùi để dùi lửa,³ cho phép. Cần các thứ để làm dây, đều được cho phép. Dụng cụ lấy lửa bị rơi rớt. Phật cho phép dùng cái dây để đựng. Dụng cụ dùi lửa để chỗ bị ẩm, Phật cho phép treo dưới giường hay trên móc long nha. Có vị không biết dùng cái gì để nhen lửa, Phật bảo nên dùng cỏ, lá, hoặc sô-ma, hoặc cỏ ma-sí-xa, hoặc phân bò, phân ngựa để lấy lửa. Tỳ-kheo thường xuyên dùi lửa, bị rách tay, đức Phật cho phép nên dùng hỏa châu chỗ khuất để lấy lửa.

15. Lọc nước

Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu tỳ-kheo dùng nước có lẫn trùng. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: “Sa-môn Thích tử không có lòng từ, đoạn mạng chúng sanh, mà tự xưng là tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp?” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không được dùng nước có lẫn trùng. Cho phép làm cái dây lọc nước.” Các vị ấy không biết làm cách nào. Đức Phật dạy:

¹ Quy định về đốt lửa, *Tăng kỳ 33* (tr.494c26): hỏa pháp 火法.

² Hỏa mẫu mộc 火母木.

³ Toàn hỏa tử 鑽火子.

“Làm như cái thìa, hoặc ba góc, hoặc làm như cái toi, hoặc làm cái bình lọc. Nếu sợ trùng nhỏ lọt qua thì cho cát vào trong cái dĩa lọc. Có vị đồ loại cát lọc lẫn trùng nơi đất khô. Đức Phật dạy: “Không nên đổ như vậy. Nên đổ lại dưới nước.”

Bấy giờ, có hai tỳ-kheo cãi lộn nhau, cùng từ nước Câu-tát-la du hành. Một tỳ-kheo có mang dĩa lọc nước đi, nên có nước uống. Vị kia không đem dĩa lọc nước theo. Hỏi mượn vị kia, nhưng vị kia không cho. Không có nước để uống, nên khát nước quá độ. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Tỳ-kheo này phải cho tỳ-kheo kia mượn. Không nên không có dĩa lọc nước mà đi, cho đến nửa do-tuần. Nếu không có dĩa lọc nước nên dùng cái chéo y Tăng-già-lê để lọc.”¹

16. Ăn ngủ chung

1. Thế Tôn ở tại nước Bà-kỳ-đề.² Hai tỳ-kheo nhóm sáu năm ngủ chung một giường. Tỳ-kheo khác thấy, tưởng là cùng năm với người nữ. Sau khi họ đứng dậy mới biết không phải người nữ. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không được hai người năm ngủ chung một giường.”³

Có vị nghi không dám cùng người bệnh nằm một giường, đức Phật cho phép cùng người bệnh nằm một giường.

Phật ở tại nước Bà-kỳ-đề. Hai vị trong nhóm sáu tỳ-kheo đồng đắp chung một cái chăn. Tỳ-kheo khác thấy, tưởng là cùng với người nữ nằm. Sau khi họ đứng dậy mới biết chẳng phải là người nữ. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không được hai người nằm đắp chung một cái chăn.”⁴

Các tỳ-kheo chỉ có một cái khăn trải [954c] bằng cỏ hay bằng lá.

¹ Vin. ii. 118.

² Bà-kỳ-đề 婆祇提. Các đoạn trên phiên âm là Bà-kỳ-đà.

³ Xem Phần II, Ch. IV, Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 90.

⁴ Xem, Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 91.

Đức Phật cho phép trên khăn trải này mỗi người riêng một cái khăn trải nằm bằng dạ. Khi thời tiết lạnh chỉ có một cái chăn, Phật cho phép bên trong mỗi người nên mặc áo lót, bên ngoài đắp chung một cái chăn.

2. Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu tỳ-kheo ăn chung một chiếc bát. Các cư sĩ thấy đều cơ hiem nói: “Sa-môn Thích tử không biết tầm quý, mà tự xưng là tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi hai người ăn chung một cái bát, giống như Đại thần của vua?” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không được hai người ăn chung một bát.”

Có tỳ-kheo đựng cơm chung một cái đồ đựng để ăn. Đức Phật dạy: “Nên chia ra và đựng riêng để ăn. Nếu không có bát riêng thì nên ăn phân nửa, còn phân nửa để lại cho người kia ăn. Nếu gần quá giữa ngày thì nên lấy một vắt để ăn rồi đưa cho người kia ăn. Thay nhau ăn như vậy cho kịp giờ.”

3. Nhóm sáu tỳ-kheo nằm dựa gối vào bàn để ăn, các cư sĩ thấy cơ hiem nói: “Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, mà tự xưng là ta biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi nằm nghiêng dựa vào bàn để ăn giống như đại thần của vua?” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không được ăn như vậy.”

Bấy giờ có các Thượng tọa già bệnh không thể tự tay bưng bát để ăn, Phật cho phép buộc nơi đầu góc của giường dây, giường cây, hoặc để trên cái bình.

4. Nhóm sáu tỳ-kheo đứng trên giường dây, giường cây, nên dây giường bị đứt, khiến cho chân đắp bị rách. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không được đứng như vậy. Nếu tỳ-kheo muốn đưa cái gì hay với nhận cái gì, thì cho phép đứng trên bề giường.”

Bấy giờ, có các ngoại đạo, đem cái giường dây lớn làm cái giường dây nhỏ để chứa dùm. Nhóm sáu tỳ-kheo bắt chước ngoại đạo cất chứa giường dây như vậy. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không được làm như vậy.”

Ca-luu-đà-di, vì thân hình lớn, mà cái giường trong nhà tắm lại nhỏ nên ngồi không vừa, nghỉ không dám lấy cái giường lớn bên ngoài để ngồi tắm, chỉ ngồi cái giường nhỏ. Đức Phật dạy: “Trong nhà tắm nên để cả giường lớn và giường nhỏ.”

Nhóm sáu tỳ-kheo chứa cất dụng cụ cày bừa và đồ mò lặn của bạch y. Đức Phật dạy: “Không được cất chứa như vậy.”

Có vị cất chứa cái mâm cái gáo đồ tắm rửa quý báu. Đức Phật dạy: “Không được chứa như vậy.”

5. Có tỳ-kheo tên là Da-ba-đồ phụng thờ các ngoại đạo, như lửa, như nhật nguyệt, như đạo không nói, pháp của ngoại đạo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không được thờ các pháp của ngoại đạo.”

6. Có tỳ-kheo ở tại a-lan-nhã ăn xong ựa ra nhơi lại.¹ Tỳ-kheo khác nói: “Thầy phạm tội ăn phi thời.” Vị kia nói: “Tôi không phạm tội ăn phi thời, tôi chỉ ựa ra nhơi lại thôi.” Các tỳ-kheo [955a1] bạch Phật. Đức Phật dạy: “Tỳ-kheo này vừa từ loài bò đầu thai, nếu không ựa nhơi lại thì không thể sống lâu được. Nếu có tỳ-kheo nào có bệnh như vậy, làm như thế mới dễ chịu, thân không bệnh. Thức ăn chưa ra khỏi miệng được nuốt vô lại.”

7. Trong Kỳ-hoàn có quạ, có két, kêu inh ỏi, làm loạn các tỳ-kheo ngồi thiền. Đức Phật dạy: “Nên khua tiếng cho chúng sợ bay đi. Hoặc giả làm tiếng của dây cung, hay đập vỗ vào cây để cho chúng bay đi.”

8. Các tỳ-kheo ban đêm tập hợp đến chỗ bó-tát, trời tối. Đức Phật cho phép cầm đuốc. Nếu chỗ ngồi bị tối thì cho phép thắp đèn. Có vị cần đồ đốt đèn, Phật cho phép sắm; cần dầu, cần đèn, cũng cho phép sắm. Nếu đèn không được sáng thì kéo tim cao lên. Nếu bị dầu dính bẩn tay thì cho phép làm đũa để gắp. Nếu sợ cháy đũa thì

¹ Vin. ii. 132.

cho phép làm đũa bằng sắt. Nếu sợ cái tim đèn nằm xuống thì chính giữa nên để cái tim bằng sắt. Nếu vẫn không sáng, thì cho phép làm cái tim cho lớn. Nếu vẫn còn tối thì nên để bốn góc nhà bốn cây đèn. Nếu lại không sáng thì nên làm cây đèn xoay tròn. Nếu vẫn không sáng thì trong nhà, xung quanh đều để đèn, hoặc để đèn giá đứng. Hoặc lấy cái bình, đổ nước vào rồi đổ dầu lên trên, lấy vải bọc hạt cải làm cái tim để thấp.

8. Bây giờ, Tỳ-xá-khư Vô-di-la Mẫu sai người mang đến sáu thứ: giường dây một người, lò lửa, lồng đèn, chổi quét, quạt, và cái đấu.¹ Các tỳ-kheo không dám nhận, bạch Phật. Đức Phật cho phép nhận, ngoại trừ cái đấu² không nên nhận.

17. Chuyện thể Phật ngôn

Có tỳ-kheo Dũng Mãnh³ là bà-la-môn xuất gia, đến chỗ đức Thế Tôn, đầu diện kính lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên bạch đức Thế Tôn:

“Bạch Đại Đức! Các tỳ-kheo thuộc nhiều dòng họ xuất gia, tên gọi cũng khác, phá hoại nghĩa của kinh Phật. Cúi xin đức Thế Tôn cho phép chúng con vì đức Thế Tôn dùng ngôn luận hoàn hảo của thể gian tu lý kinh Phật.”⁴ Đức Phật dạy:

“Các ông là những người ngu si. Đó là sự huỷ hoại bằng cách đem ngôn luận của ngoại đạo mà pha trộn vào trong kinh Phật.”

¹ Vin. ii. 129: Bà Visākhā sai mang ba thứ: ghè nhỏ (*ghaṭaka*), đồ kỳ chân khi tắm (*kataka*) và chổi (*sammajja*).

² Đấu 斗. Phật không cho nhận *kataka*. Bản Anh dịch là “đồ cọ chân bằng sành” (earthenware foot-scrubber).

³ Dũng Mãnh 勇猛. Vin. ii. 139: *Yameḷakekuṭā nāma bhikkhū dve bhātikā*, hai tỳ-kheo anh em tên là Yameḷa và Kekuṭā, giỏi ngôn ngữ, âm vận.

⁴ Pāli, *ibid.*, biên tập lại lời Phật thành thơ (*buddhavanam chandaso āropemā*). *Chandasa*, được hiểu là *chandasi* mà Paṇini thường dùng, chỉ phương ngữ Vệ-đà. Buddhaghosa giải thích, hai vị này nuốn chuyển tải thành ngôn ngữ hoàn chỉnh của Vệ-đà, tức Saṃskrit (*sakkaṭa-bhāsāya*).

Đức Phật dạy: “Cho phép, tùy theo ngôn ngữ, phong tục của từng nước mà giải thích, tụng đọc kinh Phật.”¹

18. Sinh nghi

1. Có tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la, trên đường đi, đến chỗ khuất đại tiểu tiện. Bấy giờ, có người nữ cũng đến chỗ khuất đại tiểu tiện. Cách đó không xa có một cái ao nước, tỳ-kheo đến ao để rửa, người nữ kia cũng đến ao để rửa. Các cư sĩ thấy tỳ-kheo này từ chỗ đó đi ra rửa, người nữ này cũng vậy. Họ bảo chắc tỳ-kheo này xâm phạm người nữ kia. Các tỳ-kheo nghe, bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không nên đại tiểu tiện chỗ như vậy, làm cho người ta [955b] sanh nghi. Cũng không nên ở trên ao nước mà rửa.”

2. Bạt-nan-đà Thích tử gần tối đến nhà bạch y, ngồi trong nhà giây lát rồi ra đi không nói với chủ nhà. Trong khi ấy có bọn cướp suốt ngày rình nhà kia. Chiều hôm đó gặp lúc cửa mở nên liền vào. Chúng thu gom đồ đạc tẩu thoát. Người chủ hỏi ai mở cửa đi ra mà không đóng. Gia nhân trả lời: “Bạt-nan-đà Thích tử.” Các cư sĩ cơ hiềm nói: “Sa-môn Thích tử không biết xấu hổ thẹn, mà tự xưng là mình biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi cùng bọn giặc hẹn nhau để đến cướp đoạt của nhà tôi?” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không nên đến nhà bạch y lúc chiều tối.”

Bấy giờ, có các tỳ-kheo vì việc Phật, việc Pháp, việc Tăng, việc Thập, việc tỳ-kheo bệnh, hoặc đàn-việt mời vào lúc xâm tối, tỳ-kheo nghi không dám đến. Đức Phật dạy:

“Nếu có những trường hợp như vậy thì nên đến.”

¹ *Ngũ phần 26* (tr.174b20); chuyển thể Phật ngữ sang ngoại thư ngữ, phạm thâu-lan-giá.

3. Bạt-nan-đà Thích tử với ý dục mà nói pháp cho người nữ. Người nữ kia quan sát biết, liền nói:

“Tại sao thầy không nói pháp cho chính thầy?”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không nên vì ý dục mà nói pháp.”

Nhóm sáu tỳ-kheo bói toán cho người nữ. Đức Phật dạy: “Không được làm như vậy.” Nhóm sáu tỳ-kheo lại đi nhờ người bói toán. Đức Phật dạy: “Không được làm như vậy.”

4. Nhóm sáu tỳ-kheo cá cược¹ với người khác. Đức Phật dạy: “Không được làm như vậy.”

Người kia được vật liền lấy luôn. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy.”

5. Nhóm sáu tỳ-kheo nắm tay nhau đi ngoài đường, lấn người khác té xuống đất. Các cư sĩ thấy cơ hiềm nói: “Sa-môn Thích tử không có yễm túc, mà tự nói ta biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi cùng nắm tay nhau đi ngoài đường như đại thần của vua?” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không được đi như vậy.”

Các tỳ-kheo đi trên đường, có người cho đôi guốc, bình hoa đựng dầu. Tỳ-kheo nghi không dám nhận. Đức Phật dạy:

“Cho phép nhận.”

6. Nhóm sáu tỳ-kheo đem đồ vật cho thuê.² Đức Phật dạy: “Không được như vậy.”

¹ Nguyên Hán: quy vật 贖物. Khang Hy, quy 贖 : đồng với tư 資 (giúp vốn), với đồ 賭 (bài bạc). Có bản chép là hoá vật 貨物. Tham chiếu *Tạp sự 19* (tr.296a14): Lục quân tỳ-kheo mỗi khi có sự việc xảy ra, bèn đem y, bát, dây lưng các thứ ra cá cược (Hán: đồ quy 賭*, có bản chép là đồ hoá 賭貨).

² Xuất tức vật 出息物; chưa rõ nghĩa. Xem cht. 75 dưới.

Nhóm sáu tỳ-kheo giữ vật cho thuê của người khác.¹

Đức Phật dạy: “Không được làm như vậy.”

7. Nhóm sáu tỳ-kheo gây gỗ với người khác.

Nói chuyện với Thượng tọa mà lật ngược y, y quấn cổ, y phủ đầu, y choàng cả hai vai, mang guốc dép. Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: “Không được như vậy. Nên để trống vai bên hữu, cởi bỏ dép, đến trước Thượng tọa, cúi mình, chấp tay thưa: ‘Con có việc cần thưa với Thượng tọa.’ Vị thượng tọa nên nói: ‘Như pháp như luật thì nói.’”

19. Dù - gậy - quạt - phát trần

1. Bạt-nan-đà [955c] đi đường, cầm cây lọng tròn lớn và đẹp. Các cư sĩ từ xa thấy tưởng là vua hay đại thần nên sợ sệt tránh đường. Khi đến gần, nhìn rõ mới biết là Bạt-nan-đà, mới cơ hiềm nói: “Sa-môn Thích tử ham muốn nhiều không nhằm chán, mà tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi cầm cây lọng tròn lớn và đẹp đi ngoài đường như đại thần của vua, khiến cho chúng tôi sợ phải tránh đường?” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Tỳ-kheo không nên cầm cây lọng tròn đi ngoài đường, cũng không được cất chứa.”

Khi trời mưa, các tỳ-kheo đến nhà ăn, hoặc ban đêm tập họp, lúc bố-tát, y mới nhuộm bị ướt hư màu. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Vi bảo vệ y, khi ở trong chùa, nên dùng vỏ cây, lá, hoặc tre làm dù để che mưa.”

Có vị cần cán lọng, đức Phật cho phép làm. Vị kia dùng vật quý báu để làm. Đức Phật dạy: “Không được dùng vật quý báu để làm. Nên dùng xương, ngà, bạch lạp, chì, thiếc, hay cây để làm.”

¹ Tụng tha cử tức vật 從他舉息物; chưa rõ nghĩa (tức vật: vật sinh lời?). Có lẽ một hình thức cầm đồ. Đề bản: tụng tha 從他. TNM: *tùng đạ*.

Có vị cần chóp lọng, Phật cho phép làm. Vị kia dùng vật quý báu để làm. Đức Phật dạy: “Không được dùng vật quý báu làm. Cho phép dùng xương, cho đến cây để làm.”

Có vị cần tán lọng, đức Phật cho phép làm. Vị kia dùng vật quý báu để làm. Đức Phật dạy: “Không được dùng vật quý báu để làm. Nên dùng xương cho đến cây để làm.”

Có vị muốn phủ tàn lọng. Phật cho phép dùng lá cây đa-la, lá cây ma-lâu,¹ vỏ cây để phủ. Nếu sợ bốn phía bị hư, cho phép phủ nhiều lớp.”

Có vị làm cái cán lọng dài, nhưng đem vô đem ra cửa không lọt. Đức Phật dạy: “Nên tháo ra.” Nếu sợ cán sút ra, nên đục cái lỗ để đóng vào. Nếu bị gãy hay cong, cho phép làm bằng sắt, trên đầu làm miếng sắt buộc vào.

2. Bạt-nan-đà Thích tử bỏ bát vào trong đẫy, xô vào đầu cây gậy quảy đi. Các cư sĩ thấy tưởng là gia nhân của vua nên sợ tránh đường. Khi đến gần mới biết là Bạt-nan-đà, nên cơ hiềm nói: “Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, mà tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp?” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không được làm như vậy. Cũng không nên cắt chừa cây gậy để quảy bát như vậy.”

Bấy giờ, có tỳ-kheo già bệnh đi đường bị té. Đức Phật dạy: “Già bệnh cho phép cầm gậy.² Nếu sợ đầu dưới cây gậy bị cùn, cho phép làm cái khâu bịt lại.” Vị kia dùng vật quý giá làm cái khâu. Đức Phật dạy: “Không được dùng vật quý giá làm mà [956a] cho phép làm bằng xương, răng, bạch Lạp, chì, thiếc.” Nếu trên đầu cây gậy bị hư hoại, cũng cho phép dùng vật như vậy để làm.

¹ Ma-lâu 摩樓; Skt. *mālu*, một loại man thảo, dây leo; đấng thảo.

² Tỳ-kheo bệnh cần gậy để quảy bát đi đường, phải được Tăng yết-ma cho phép. Xem đoạn sau, mục 28 (Yết-ma trì gậy).

Nhóm sáu tỳ-kheo cất chứa gậy không trung,¹ các cư sĩ cơ hiềm nói: “Sa-môn Thích tử không biết yểm túc, không có hổ thẹn, mà tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi cầm cây gậy không trung như đại thần của vua” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không được làm như vậy.”

Các tỳ-kheo đi đường thấy rắn rít, bò cạp. Những tỳ-kheo chưa ly dục sợ, bạch Phật. Đức Phật dạy: “Cho phép cầm cây tích trượng² để khua động. Hoặc khua ống đồng đựng đá vụn, hoặc đập tre làm cho có tiếng để chúng nó tránh đi.”

3. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo cầm cây quạt tròn lớn. Các cư sĩ thấy cơ hiềm nói: “Sa-môn Thích tử không biết yểm túc, không có hổ thẹn, mà tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp trong khi cầm cây quạt tròn lớn như đại thần của vua?” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không được cầm như vậy.” Có vị nhận được vật đã làm thành, nghi không dám thọ trì, bạch Phật. Phật dạy: “Cho phép nhận cho tháp.” Tỳ-kheo trên đường đi bị nóng, bạch Phật. Đức Phật cho phép dùng lá cây hoặc nhánh cây hoặc cỏ hay một trong mười loại y làm cây quạt để quạt. Nhóm sáu tỳ-kheo cầm cây quạt bằng da. Đức Phật dạy: “Không được dùng.” Nhóm sáu tỳ-kheo ghép ngang dọc mười thanh gỗ rồi phết da lên trên để làm cây quạt. Đức Phật dạy: “Không được làm như vậy.” Cây quạt của tỳ-kheo bị hư, đức Phật cho phép dùng vỏ cây hay lá cây vá lại. Nếu vá bằng da mà bị hư hỏng thì nên dùng chỉ may lại.

¹ Không trung trượng 空中杖; chưa rõ gậy gì. Có bản chép: *thất trung trượng* 室中杖, gậy chống trong nhà. Xem cht. 136 (mục 36, Ưu-đà-diên).

² Tích trượng. Skt. *khakkhara*, gậy ăn mày (Monier). Tham chiếu *Thập tụng* 56 (tr.417a18), chế pháp về gậy; *Tap sự* 34 (tr.375a21). Xem thêm *Ngũ phân* 27 (tr.180b25), tỳ-kheo a-lan-nhã còn thêm loại “gậy phá sương” (phác lộ trượng 撲露杖)

Nếu dùng chỉ may bị đứt thì nên dùng dây gân để may. Nếu bên lề bị hư thì nên dùng da để buộc.

Khi các tỳ-kheo dùng bữa ăn chính, bữa ăn phụ, hoặc ban đêm nhóm họp, hay lúc thuyết giới bị nóng, đức Phật cho phép làm cây quạt lớn như cỗ xe có cơ quan chuyển động. Các vị ấy không biết bảo ai đây. Đức Phật dạy: “Cho phép tỳ-kheo hay sa-di, hoặc người giữ vườn, hay ru-bà-tắc kéo.”

Nhóm sáu tỳ-kheo dặt cây quạt bằng lông, giết nhiều loại trùng nhỏ, các cư sĩ thấy cơ hiem nói: “Sa-môn thích tử không biết hổ thẹn, hại nhiều sinh mạng mà tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi sử dụng cây quạt bằng lông, làm tổn hại nhiều mạng chúng sanh?” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không được sử dụng cây quạt bằng lông như vậy.”

4. Các tỳ-kheo bị trùng nơi cỏ, hay bụi bay làm bẩn thân, đức Phật cho phép làm cái phất trần. Các vị ấy không biết cách làm. Đức Phật cho phép dùng cỏ, hoặc vỏ cây lá cây dùng chỉ may lại, [956b] hoặc dùng lụa vụn cắt may. Có tỳ-kheo nhận được cái đuôi súc vật để phủ bụi. Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật cho phép dùng.

20. Chỗ ngồi

1. Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Ưu-ba-ly cùng các tỳ-kheo bàn luận pháp luật. Các tỳ-kheo cùng đến nghe giới, chỗ ngồi chật hẹp không đủ dung chứa. Đức Phật dạy:

“Hơn kém nhau ba tuổi hạ ngồi chung trên giường cây.¹ Hơn kém nhau hai tuổi hạ ngồi chung trên giường dây nhỏ.”

2. Tỳ-kheo niên thiếu tân học chưa rõ việc, các con số lẫn lộn nhau. Phật cho phép dùng con toán để ghi số. Có vị dùng vật quý báu để làm. Phật dạy: “Không được dùng vật quý báu làm. Nên dùng xương, nha, sừng, đồng, sắt, chì, thiếc, bạch lạp, cây để làm.” Có vị để trên đất nhóp tay. Đức Phật dạy: “Không được để trên đất. Nên

¹ Xem Ch.I Phòng xá - Sân đường.

để trên ván.” Có vị để tấm ván trên đất rồi để trên đầu gối, bần y. Đức Phật dạy: “Không được để như vậy. Nên lấy gót chân làm cái ghế.” Có vị sợ con toán rơi rớt, Phật cho phép may cái dây để đựng. Miệng dây không buộc lại, nên bị rơi ra. Phật cho phép dùng dây buộc lại, rồi treo trên cây móc long nha, hay trên cây nhọn.

21. Tỏi

Thế Tôn ở tại vườn Kỳ-hoàn, thuyết pháp cho vô số trăm ngàn chúng vây quanh. Bấy giờ có tỳ-kheo ăn tỏi nên đứng xa đức Phật. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi tôn giả A-nan:

“Tại sao tỳ-kheo kia đứng xa Như Lai?”

Tôn giả thưa: “Tỳ-kheo ấy ăn tỏi.”

Đức Phật nói với tôn giả A-nan:

“Đâu có thể vì tham ăn mùi vị như vậy mà không nghe pháp sao? Từ nay về sau, tất cả không nên ăn tỏi.”¹

Bấy giờ, tôn giả Xá-lợi-phất bị chứng thống phong,² thầy thuốc bảo phải ăn tỏi, đức Phật cho phép ăn.

22. Khuân vác

Có tỳ-kheo vác đồ trên lưng mà đi, cư sĩ thấy cơ hiềm: “Sa-môn Thích tử giống như bạch y, vác đồ trên lưng mà đi.” Họ sanh tâm khinh mạn. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không được vác đồ vạt trên lưng mà đi.”³

¹ Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 70. Vin. ii. 140.

² Bệnh phong 病風. Pāli: *udaravātābādho*, đau bụng gió. Xem Phần III, Ch. VII. Thuốc.

³ Tham chiếu Vin.ii. 137: Thế Tôn không cho phép tỳ-kheo quây gây hai đầu (*na ubhatokājaṃ haratabbāṃ*). Cho phép quây gây một đầu (*ekatokāja*), gây hai người khiêng (đề đồ ở giữa, Pāli: *antarākāja*), đội đầu (*sīrasabhāra*), vác trên vai (*khandhabhāra*), ôm bên hông (*kaṭṭibhāra*), đeo sau lưng (*olambaka*).

Các tỳ-kheo cần củi để nhuộm như cỏ, phân bò, lông, gai, tự mình vác đi. Đức Phật dạy: “Chỗ không có người thì nên vác. Nếu thấy bạch y thì nên để xuống đất, hoặc di chuyển để trên đầu hay trên vai.”

Có tỳ-kheo Y-lê-a-nhã quần y quá chặt.¹ Cư sĩ thấy cơ hiềm: “Tỳ-kheo như chúng ta, quần y khuôn vác.”² Họ sanh tâm khinh mạn, bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không được quần y như vậy, cũng không nên vác như vậy.”

Các tỳ-kheo ở trong chùa, tập trung ngói đá cây củi, e ngại không dám gánh vác dọn dẹp, bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Cho phép ở trong chùa thì được [956c] gánh vác.”

23. Tháp Thanh văn

Sau khi Xá-lợi-phất, Mục-liên nhập Bát-niết-bàn, có đàn-việt nói: “Nếu đức Thế Tôn cho chúng ta xây tháp thì chúng ta sẽ xây.” Các tỳ-kheo bạch Phật, được đức Phật cho phép. Vị kia không biết xây như thế nào. Đức Phật dạy:

“Xây vuông hay tròn hoặc bát giác.”

Các vị ấy không biết xây bằng thứ gì, đức Phật bảo dùng đá, gạch hoặc cây để xây. Xây rồi nên trét. Các vị ấy không biết dùng thứ gì để trét. Phật cho phép dùng bùn đen. Bùn tro, hoặc bùn phân bò, hay bùn trắng, hoặc dùng đá vôi, hay đất thó. Có vị muốn làm nền tháp, đức Phật cho phép làm. Có vị muốn cúng dường bằng hương hoa. Phật cho phép cúng dường bằng cách xây lan can xung quanh rồi để hương hoa lên trên. Có vị muốn treo tràng phan bảo cái. Phật

¹ Hán: trước y 著衣. Từ này tương đương với 2 từ Pāli nên khó phân biệt: *pārupati*, khoác y, hay quấn y; *nivāseti*: quần y (nội y). Đoạn này tương đương Pāli, Vin.ii. 137: *saṃvelliyaṃ nivāseti... seyyathāpi rañño muṇḍavaṭṭīti* quần (nội y), quần khổ, bị chỉ trích giống như người khuôn vác của vua.

² Hán: trước y đảm vật 著衣擔物.

cho phép treo tràng phan bảo cái. Có vị leo trên tháp, vị thần hộ tháp giận. Đức Phật dạy:

“Không được leo. Nếu cần leo để lấy vật gì thì cho leo.”

Có vị leo lên trên lan can, vị thần hộ tháp giận. Đức Phật dạy:

“Không được leo. Cần lấy cái gì thì cho phép leo.”

Có vị leo lên móc ngà voi, trên cây cọc. Đức Phật dạy:

“Không được leo. Cần lấy vật gì thì nên leo.”

Có vị leo lên trên tượng để treo bảo cái cúng dường. Đức Phật dạy:

“Không được leo như vậy, nên tạo phương tiện, dùng ghế để leo và treo.”

Tháp kia ở giữa đất trống, bông hoa, đèn dầu, tràng phan bảo cái, kỹ nhạc cúng dường, bị mưa, bị gió, nắng, bụi bặm nhớp nhúa, chim quạ làm bất tịnh. Đức Phật dạy:

“Cho phép làm các loại nhà để che lên trên.”

Khi cất nhà, cần dùng thứ gì, đều cho phép sử dụng. Đất có bụi nên trét bằng bùn đen, bùn phân bò. Nếu cần màu trắng thì dùng đá vôi hay đất thó.

Có vị cần đồ rửa chân nên cho sử dụng. Cần đá lót đường đi, đức Phật cho phép dùng. Có vị cần đất trái, Phật cho phép làm.

Bấy giờ, bên ngoài không có tường để ngăn bò ngựa ra vô, Phật cho phép xây tường. Nếu cần cửa ngõ, cho phép làm.

Khi ấy, có đàn-việt nghĩ như sau đối với Xá-lợi-phất và Mục-liên: “Hai vị này lúc còn sanh tiền ta thường cúng dường thức ăn. Nay đã Niết-bàn, nếu đức Thế Tôn cho phép chúng ta sẽ dâng cúng.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Cho phép cúng dường.”

Các vị ấy không biết dùng cái gì đựng vật cúng dường. Đức Phật dạy:

“Cho phép dùng cái bát bằng vàng bạc, đồ quý báu, đồ tạp bảo.”

Các vị ấy không biết đem đi bằng cách nào. Đức Phật dạy:

“Cho phép dùng voi, ngựa, xe cộ để chở, hoặc đội hay gánh.”

Các vị tỳ-kheo tự mình làm kỹ nhạc, hoặc thổi [957a1] tù và để cúng dường. Đức Phật dạy:

“Không được làm như vậy.”

Có vị e ngại không dám khiến bạch y làm kỹ nhạc cúng dường. Đức Phật dạy:

“Cho phép làm.”

Có vị không biết thức ăn cúng dường nơi tháp rồi, ai thọ dụng. Đức Phật dạy:

“Tỳ-kheo, sa-di, ưu-bà-tắc, hay người xây dựng ăn thức ăn cúng dường ấy.”

Bấy giờ, có đàn-việt khởi lên ý nghĩ như sau đối với Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên: “Nếu đức Phật cho chúng ta trang nghiêm cúng dường tháp của hai Ngài thì chúng ta sẽ làm.” Đức Phật cho phép làm.

Có vị cần hương hoa, anh lạc, tràng phan, đèn dầu, đài cao, xe. Phật cho phép dùng. Có vị muốn làm hình tượng, đức Phật cho phép làm. Có vị không biết an trí xá-lợi trong tháp bằng vàng, trong tháp bằng bạc, hoặc bảo tháp, hoặc tạp bảo tháp, hoặc dùng lụa gói lại, hoặc dùng y bát-tứ-đam-lam-bà,¹ hay dùng y đầu-đâu-la² gói lại. Vị kia lại không biết đem đi bằng cách nào, đức Phật cho phép dùng voi, ngựa, xe cộ... chở, hoặc gánh, hoặc đội để đem đi. Nếu nó nghiêng đổ thì nên vịn giữ. Có vị tự mình làm kỹ nhạc để cúng dường. Đức Phật dạy: “Không được làm như vậy.” Có vị lại e ngại không dám khiến bạch y làm kỹ nhạc để cúng dường, đức Phật cho phép làm. Có vị muốn lau quét tháp Thanh văn.

¹ Bát-tứ-đam-lam-bà y 鉢肆耽嵐婆衣.

² Đầu-đâu-la y 頭頭羅衣. Skt. *dukūla*, loại vải rất mịn làm bằng vỏ trong của cây *dukūla*.

Đức Phật dạy: “Nên dùng lá cây đa-la, lá cây ma-lâu,¹ hoặc đuôi con công để lau quét. Có vị có nhiều hoa, Phật cho phép để trên nền tháp, trên lan can, trên cây trụ, trên móc long nha, hoặc để bên trong, hoặc dùng dây xâu lại treo trước mái hiên nhà. Nếu có nhiều bùa thơm, đức Phật cho phép làm hình bàn tay, hình vòng tròn, hình ma-hê-đà-la, hình bụi cây, hình dây nhỏ, hình bông sen, nếu còn dư thì trét dưới đất.

24. Cạo tóc

Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Vì cung kính đức Thế Tôn nên không vị nào dám cạo tóc cho đức Phật. Chỉ có một thiếu nhi vì còn nhỏ nên chưa biết sợ, mới cạo tóc cho đức Phật. Thiếu nhi tên là Ưu-ba-ly cạo tóc cho đức Phật. Cha mẹ của thiếu nhi chấp tay thưa với đức Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, thiếu nhi Ưu-ba-ly cạo tóc cho Thế Tôn có được tốt hay không?”

Đức Phật dạy: “Tốt, nhưng đứng cho thông thả chứ đừng cúi xuống quá!”

Cha mẹ thiếu nhi lại bạch Phật: “Thiếu nhi thế phát có tốt không?”
“Tốt, nhưng đứng thẳng quá!”

Cha mẹ liền bảo: “Con đừng đứng thẳng quá, khiến đức Thế Tôn không thoải mái.”

Cha mẹ thiếu nhi bạch Phật: “Cháu thế phát có được tốt không?”

Đức Phật nói: “Tốt, nhưng thờ vào thô quá!”

Cha mẹ [957b] Ưu-ba-ly liền bảo: “Con thờ vô mạnh quá, đức Thế Tôn không thoải mái.”

Cha mẹ cháu lại bạch Phật: “Ưu-ba-ly thế phát có được tốt không?”

Đức Phật dạy: “Tốt, nhưng thờ ra thô quá!”

Cha mẹ Ưu-ba-ly liền bảo: “Con đừng thờ ra mạnh quá, khiến đức Thế Tôn không thoải mái.”

¹ Ma-lâu thọ 摩樓樹. Xem cht. trước.

Bấy giờ, thiếu nhi Ưu-ba-ly thở ra thở vào, rồi không thở, vào đệ tứ thiên.¹

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo A-nan: “Ưu-ba-ly đã vào đệ tứ thiên. Ông lấy con dao nơi tay của thiếu nhi.” A-nan vâng lời Phật dạy, liền lấy con dao.

Khi ấy, A-nan lấy đồ cũ đựng tóc đức Thế Tôn. Phật dạy: “Không được dùng đồ cũ đựng tóc đức Như Lai. Nên dùng đồ mới để đựng, hay dùng y mới, hoặc tơ lụa, hoặc y bát-tứ-đam-lam-bà, hoặc y đầu-đầu-la để gói lại.”

25. Tháp Phật

Bấy giờ, có Cù-ba-ly² tướng quân muốn đến phương tây để chinh phạt, đến xin râu tóc của đức Thế Tôn. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật đồng ý cho. Vị kia nhận được tóc rồi, không biết cung trí chỗ nào. Đức Phật cho phép để trong tháp bằng vàng, tháp bằng bạc, tháp bằng vật báu, tháp bằng tạp bảo, hay dùng tơ lụa, hoặc y bát-tứ-đam-lam-bà, y đầu-đầu-la để gói lại. Người ấy không biết đem đi bằng cách nào, đức Phật cho phép dùng voi, ngựa, xe cộ để chở, hoặc đội trên đầu hoặc vác trên vai. Vương tử đem tóc của Phật đến chỗ chinh phạt, được đắc thắng. Khi vương tử kia trở về nước vì đức Thế Tôn xây tháp để thờ tóc. Đây là ngôi tháp của đức Thế Tôn lúc Ngài còn tại thế.

Các tỳ-kheo thưa: “Nếu đức Thế Tôn cho phép, chúng ta gánh tóc³ đức Thế Tôn đi thì chúng ta sẽ gánh đi.” Các tỳ-kheo bạch Phật, được đức Phật cho phép. Các vị ấy không biết cung trí nơi chỗ nào, đức Phật cho phép cung trí nơi tháp bằng vàng, bằng bạc, tháp bằng châu báu, tháp bằng tạp bảo, hay dùng y bát-tứ-đam-lam-bà, y đầu-đầu-la gói lại. Các vị ấy không biết mang đi bằng phương tiện nào, đức Phật cho phép chở bằng voi, ngựa, xe cộ, hoặc vác trên vai hay

¹ Đệ tứ thiên không có hơi thở.

² Cù-ba-ly 瞿婆離.

³ Hiểu là “tháp thờ tóc.” Loại tháp nhỏ, di chuyển được

đội trên đầu. Có vị kẹp cái tháp Thế Tôn dưới nách. Đức Phật dạy: “Không được làm như vậy.”

Có vị lật ngược y, y quần cổ, y trùm đầu, y choàng cả hai vai hoặc mang guốc dép gánh tháp của đức Thế Tôn. Đức Phật dạy:

“Không được làm như vậy. Nên để trống vai bên hữu, cởi bỏ dép để vác trên vai hay đội trên đầu tháp đức Thế Tôn mà đi.”

Có vị mang tháp đức Thế Tôn đến chỗ đại tiểu tiện. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy. Nên để chỗ thanh tịnh.”

Có vị không rửa chỗ đại tiểu tiện, bung tháp đức Thế Tôn. Đức Phật dạy: “Không được như vậy. Nên rửa cho sạch rồi mới bung.”

Có vị cung trí tháp đức Như Lai nơi phòng không tốt, mình ở phòng tốt. [957c] Đức Phật dạy:

“Không được làm như vậy. Nên cung trí tháp đức Như Lai nơi phòng tốt, mình ở nơi phòng không tốt.”

Có vị cung trí tháp đức Như Lai nơi phòng dưới, mình ở phòng trên. Đức Phật dạy: “Không được làm như vậy. Nên cung trí tháp đức Như Lai nơi phòng trên, mình ở phòng dưới.”

Có vị cùng ngủ một nhà với tháp đức Như Lai. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy.”

Có vị vì muốn giữ gìn cho chắc, nhưng e ngại không dám cùng ngủ, đức Phật cho phép cung trí nơi đầu cây trụ, hay đầu móc ngà voi, hoặc một bên đầu để ngủ.

Các ưu-bà-tắc nghĩ như vậy: “Nếu đức Thế Tôn cho phép chúng ta, ngay bây giờ, lúc đức Thế Tôn còn hiện tại, xây tháp thờ Thế Tôn, thì chúng ta sẽ xây.”

Các tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật cho phép làm. Các vị ấy không biết làm thế nào. Đức Phật dạy: “Nên làm vuông hay tám cạnh hoặc làm tròn.”

Các vị ấy lại không biết dùng vật gì để xây. Đức Phật dạy: “Nên dùng gạch đá hoặc cây để làm.”

Tất cả như trên đã nói, cho đến cách trải dưới đất cũng như trên đã nói.

Có vị cần tràng phan, đức Phật cho phép làm tràng phan, hoặc tràng sư tử, hay tràng rồng, hoặc tràng trâu rừng.

Trường hợp xung quanh tháp không có hàng rào nên trâu dê ra vào, Phật cho phép làm hàng rào để ngăn, như trên.

Bấy giờ, tháp miếu của các ngoại đạo thường dùng thức ăn thức uống cúng dường. Các ưu-bà-tắc nghĩ: “Nếu đức Thế Tôn cho phép chúng ta dâng cúng những thức ăn hảo hạng thì chúng ta sẽ dâng.”

Các tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật cho phép, như trên. Các vị ấy không biết ai sẽ thọ hưởng thức ăn này. Đức Phật dạy: Vị làm tháp thọ hưởng.

Khi ấy, tháp miếu của các ngoại đạo, được họ trang nghiêm cúng dường, các ưu-bà-tắc nghĩ: “Nếu đức Thế Tôn cho phép chúng ta trang nghiêm cúng dường tháp của Thế Tôn thì chúng ta sẽ làm.” Các tỳ-kheo bạch Phật, được đức Phật cho phép làm, như trên.

Có vị ngủ trong tháp đức Thế Tôn. Đức Phật dạy:

“Không được ngủ như vậy.”¹

Có vị vì bảo vệ tháp mà e ngại không dám ngủ trong tháp. Đức Phật dạy: “Vì thủ hộ thì cho phép ngủ.”

Có vị cất chứa vật trong tháp Phật. Đức Phật dạy:

“Không được cất chứa như vậy.”²

Có vị vì muốn bảo đảm nên cất chứa vật trong tháp mà e ngại, không dám, nhưng được đức Phật cho phép.

Có vị mang dép vào trong tháp. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy.”³

¹ Tỳ-kheo, pháp chúng học 60.

² Tỳ-kheo, pháp chúng học 60.

³ Tỳ-kheo, pháp chúng học 60.

Có vị xách dép vào trong tháp Phật. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy.”

Có vị mang phú-la vào trong tháp. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy.”¹

Có vị xách phú-la vào trong tháp. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy.”

Có vị e ngại không dám mang phú-la đi quanh [958a1] ngoài tháp.

Đức Phật dạy:

“Cho phép mang.”

Có vị ăn dưới tháp làm nhớp. Đức Phật dạy:

“Không được ăn dưới tháp.”²

Khi các tỳ-kheo đi quanh nơi tháp, khi ở nơi phòng xá, khi tắm nơi ao, tập hợp số đông Tăng, chỗ chật không đủ dung, có vị e ngại không dám ngồi dưới tháp để ăn, họ bảo đức Thế Tôn không cho phép ngồi ăn dưới tháp. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Cho phép ăn dưới tháp. Nhưng đừng làm như nhớp không sạch.”

Các tỳ-kheo không biết làm cách nào cho khỏi nhớp. Đức Phật dạy:

“Cho phép gom những thứ bất tịnh gần bên chân. Khi ăn xong đem ra ngoài bỏ.”

Có vị khiêng tử thi đi qua dưới tháp. Đức Phật dạy:

“Không được làm như vậy.”³

Có vị chôn thầy chết dưới tháp. Đức Phật dạy:

“Không được chôn như vậy.”⁴

¹ Tỳ-kheo, pháp chúng học 65.

² Tỳ-kheo, pháp chúng học 67

³ Tỳ-kheo, pháp chúng học 68.

⁴ Tỳ-kheo, pháp chúng học 69.

Có vị đốt tử thi dưới tháp. Đức Phật dạy:

“Không được đốt như vậy.”

Có vị đốt tử thi trước tháp. Đức Phật dạy:

“Không được làm như vậy.”

Có vị đốt tử thi xung quanh tháp, khiến cho mùi hôi bay vào tháp, vị thần hộ tháp giận. Đức Phật dạy: “Không được đốt tử thi xung quanh tháp khiến mùi hôi bay vào tháp.”

Có vị mang y, giường nằm của người chết đi qua dưới tháp, khiến vị thần hộ tháp giận. Đức Phật dạy: “Không được làm như vậy.”

Có tỳ-kheo mặc y phần tảo, e ngại không dám mang y phần tảo đi qua dưới tháp và nói đức Thế Tôn có dạy:

“Không cho phép mang y người chết đi qua dưới tháp.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Nếu giặt nhuộm cho sạch và xông mùi thơm thì được mang đi qua.”

Có vị đại tiểu tiện nơi tháp. Đức Phật dạy:

“Không được làm như vậy.”

Có vị đại tiểu tiện trước tháp. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy.”

Có vị đại tiểu tiện xung quanh tháp, khiến mùi hôi bay vào, vị thần hộ tháp giận. Đức Phật dạy:

“Không được làm như vậy.”

Có vị xỉa răng dưới tháp. Đức Phật dạy:

“Không được xỉa như vậy.”¹

Có vị xỉa răng trước tháp. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy.”

¹ Tỳ-kheo, pháp chúng học 78.

Có vị xia răng xung quanh tháp. Đức Phật dạy:

“Không được làm như vậy.”

Có vị khắc nhỏ dưới tháp. Đức Phật dạy:

“Không được làm như vậy.”

Có vị hi mũi trước tháp. Đức Phật dạy:

“Không được làm như vậy.”

Có vị ngồi duỗi chân trước tháp. Đức Phật dạy:

“Không được duỗi chân như vậy.”¹

Nếu trong Tăng-già-lam đầy cả tháp, thì cho phép giữa khoảng cách hai tháp ngồi duỗi chân.

Bấy giờ, đức Thế Tôn ở tại nước Câu-tát-la, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi tỳ-kheo du hành trong nhân gian, đến nơi thôn Đô-tử bà-la-môn, một trú xứ nọ, đức Thế Tôn mỉm cười. Lúc đó, tôn giả A-nan liền nghĩ: “Do nhân duyên gì, hôm nay đức Thế Tôn mỉm cười? Không bao giờ đức Thế Tôn không có nhân duyên gì mà mỉm cười.” Tôn giả liền để trống vai bên hữu, cởi bỏ dép, đầu gối bên hữu [958b] chắm đất, chấp tay thưa:

“Bạch đức Thế Tôn, không bao giờ Thế Tôn không có nhân duyên mà mỉm cười. Vừa rồi, do nhân duyên gì mà Thế Tôn mỉm cười? Chúng con nguyện muốn biết điều đó.”

Đức Phật bảo tôn giả A-nan: “Thuở đời quá khứ, khi đức Phật Ca-diếp niết-bàn rồi. Bấy giờ vua nước Sí-tỳ-già-thi,² tại địa điểm này bảy năm bảy tháng bảy ngày, sau khi xây dựng một tháp lớn rồi, bảy năm, bảy tháng bảy ngày thiết lập đại lễ cúng dường. Vua ngồi dưới bóng mát nơi hai bộ Tăng cúng bữa cơm thứ nhất.”

Bấy giờ cách chỗ đó không xa có một nông phu đang cày ruộng, đức Phật đến nơi đó, lấy một nắm bùn đem lại, nói kệ:

¹ Tỳ-kheo, pháp chúng học 84.

² Sí-tỳ-già-thi 翅毘伽尸.

*Dầu dùng trăm ngàn anh lạc
 Đều là vàng diêm-phù-đàn,
 Không bằng dùng một nắm bùn
 Xây dựng bảo tháp thờ Phật.*

*Dầu dùng trăm ngàn năm vàng
 Đều là vàng diêm-phù-đàn,
 Không bằng dùng một nắm bùn
 Xây dựng bảo tháp thờ Phật.*

*Dầu dùng trăm ngàn gánh vàng
 Đều là vàng diêm-phù-đàn,
 Không bằng dùng một nắm bùn
 Xây dựng bảo tháp thờ Phật.*

*Dầu dùng trăm ngàn ôm vàng
 Đều là vàng diêm-phù-đàn,
 Không bằng dùng một nắm bùn
 Xây dựng bảo tháp thờ Phật.*

*Dầu dùng trăm ngàn vách vàng
 Đều là vàng diêm-phù-đàn
 Không bằng dùng một nắm bùn
 Xây dựng bảo tháp thờ Phật.*

*Dầu dùng trăm ngàn núi vàng
 Đều là vàng diêm-phù-đàn,
 Không bằng dùng một nắm bùn
 Xây dựng bảo tháp thờ Phật.*

*Dầu dùng trăm ngàn núi vàng
 Đều là vàng diêm-phù-đàn,
 Không bằng dùng một nắm bùn
 Xây dựng bảo tháp thờ Phật.*

Bấy giờ, các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đều lấy một nắm bùn để nơi chỗ đó, tức thì dựng thành một bảo tháp lớn. Khi ấy, các tỳ-kheo lo trong phòng nhà có mùi hôi. Đức Phật dạy: “Nên

rưới nước quét. Nếu vẫn còn hôi thì dùng bột hương thoa. Nếu vẫn còn hôi thì treo hương thơm bốn góc phòng nhà.”

26. Nhà tắm

Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Khi ấy, chúng Tăng nhận được nhiều thức ăn cúng dường. Các tỳ-kheo không tự chế nên sanh bệnh. Đức Phật bảo nên uống thuốc. Có vị cần thổ hạ thì nên cho thổ hạ, có vị cần cháo thì nên cho cháo, cần thịt chim rừng thì cho thịt chim rừng. Bấy giờ, Kỳ-bà Đồng tử trị bệnh cho chúng Tăng, [958c] làm thuốc thổ hạ cho Phật và Tăng, nấu cháo và nấu canh thịt chim rừng, nhưng không đủ cung cấp. Ông đến chỗ đức Thế Tôn đầu diện đánh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên, bạch đức Phật: “Kính bạch Đại đức, các tỳ-kheo mắc bệnh. Nếu các vị ấy được phép tắm thì bệnh tình sẽ thuyên giảm.”

Đức Thế Tôn chấp thuận bằng cách im lặng. Kỳ-bà Đồng tử biết đức Phật cho phép rồi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, kính lễ sát chân đức Phật, nhiễu quanh và cáo lui.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp tỳ-kheo Tăng, dùng phương tiện tùy thuận thuyết pháp, khen ngợi hạnh đầu-đà, đoan nghiêm thiểu dục tri túc, ưa xuất ly và bảo các tỳ-kheo:

“Cho phép các tỳ-kheo làm nhà tắm để tắm.”¹

27. Úp bát

Bấy giờ, tỳ-kheo Từ Địa² đến nước Tỳ-xá-ly. Từ Địa cùng các Ly-xa³ là thân tình tri thức. Các Đại Ly-xa⁴ nghe tỳ-kheo Từ Địa đến

¹ Bản Hán, hết quyển 52.

² Xem Phần I, Ch. II. Tăng-già-bà-thi-sa 8 & 9.

³ Các đoạn trước phiên âm là Lê-xa.

⁴ Hán: chư đại Ly-xa 諸大離奢; bản Hán hiểu đại là danh từ chung. Nhưng, đại cũng có thể coi là dịch nghĩa tương đương Pāli *Vaḍḍha* (thịnh vượng, hay tăng trưởng). Do đó, Đại là tên người, một người Ly-xa tên là Đại, không phải hình dung từ. Pāli: Vaḍḍha-Licchavī.

Tỳ-xá-ly, liền đến thăm hỏi tỳ-kheo Từ Địa, nhưng Từ Địa không trả lời. Các Ly-xa thấy vậy hỏi: “Thưa Trưởng lão, chúng tôi có điều gì xúc phạm ngài hay sao, mà ngài không ứng đáp những điều chúng tôi thăm hỏi?”

Từ Địa nói: “Tôi bị Đạp-bà-ma-la Tử khinh mạn quấy nhiễu, mà các ông không hỗ trợ cho tôi, thì làm sao tôi ứng đáp những lời thăm hỏi của ông được.”

Các Ly-xa nói: “Chúng tôi yểm trợ bằng cách nào để Đạp-bà-ma-la Tử khỏi phải xúc phạm ngài?”

Từ Địa nói: “Các ông chờ khi nào Phật và chúng Tăng tập họp đông đủ, đến thưa như thế này: ‘Bạch Đại Đức, có việc như vậy, không thiện, không tùy thuận, chẳng phải oai nghi, không thích thời. Chúng tôi tưởng nơi đây là thanh tịnh an lạc không có sự khùng bố, mà ngược lại nơi đây lại sanh ưu não, như nước sanh ra lửa. Vì sao vậy? Đạp-bà-ma-la Tử xâm phạm vợ chúng tôi. Chúng Tăng nên hòa hợp để tẩn xuất.’ Như vậy sẽ không còn [959a1] quấy nhiễu tôi nữa.”

Các Ly-xa nói: “Việc đó đâu có gì khó.”

Đại Ly-xa này¹ đến chỗ đức Phật và đại chúng nói như trên.

Bấy giờ, Đạp-bà-ma-la Tử ngồi cách đức Phật không xa. Đức Phật biết mà vẫn hỏi Đạp-bà-ma-la Tử: “Ông có nghe Ly-xa này nói không?”

Thưa: “Bạch Thế Tôn, con có nghe. Thế Tôn biết rõ việc đó.”

Đức Phật nói với Đạp-bà-ma-la Tử: “Ông không nên trả lời như vậy. Thật thì nói là thật. Dối thì nói là dối.”

Đạp-bà-ma-la Tử nghe đức Phật nói vậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy,

¹ Hán: chư đại Ly-xa 諸大離奢; bản Hán hiểu đại là danh từ chung. Nhưng, đại cũng có thể coi là dịch nghĩa tương đương Pāli *Vaḍḍha*: (thịnh vượng, hay tăng trưởng). Do đó, Đại là tên người, một người Ly-xa tên là Đại, không phải hình dung từ. Pāli: Vaḍḍha-Licchavī.

để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chắm đất, chấp tay bạch Phật rằng: “Từ khi con sanh ra đến bây giờ, trong mộng cũng chưa từng phạm dâm, hưởng nữa là khi thức.”

Đức Phật dạy: “Lành thay! Lành thay! Đạp-bà-ma-la Tử. Đây là câu trả lời hay.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo: “Các thầy hỏi Đại Ly-xa kia, phải chăng đã vu khống tỳ-kheo thanh tịnh Đạp-bà-ma-la Tử bằng pháp bất tịnh hạnh không căn cứ?¹ Dùng pháp bất tịnh hạnh không cứ để vu khống tỳ-kheo thanh tịnh thì mắc tội nặng lớn.”

Các tỳ-kheo vâng lời Thế Tôn, liền gạn hỏi Đại Ly-xa: “Ông hãy nói thật, việc này là thế nào? Dùng pháp bất tịnh hạnh không căn cứ để vu khống Đạp-bà-ma-la Tử. Dùng pháp bất tịnh hạnh không căn cứ để vu khống tỳ-kheo thanh tịnh thì mắc tội nặng lớn.”

Đại Ly-xa bị các tỳ-kheo cật vấn liền nói như sau: “Đạp-bà-ma-la Tử thanh tịnh, không có sự bất tịnh hạnh. Việc này do tỳ-kheo Từ Địa bảo tôi nói như vậy.”

Các tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Đại Ly-xa rằng: “Đạp-bà-ma-la Tử thật không làm bất tịnh hạnh, sao ông lại dùng vô căn bất tịnh hạnh để vu khống?”

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn tập họp tỳ-kheo Tăng dùng vô số phương tiện quở trách Đại Ly-xa rằng: “Ông làm điều sai quấy, không phải hạnh tùy thuận, chẳng phải hạnh thanh tịnh.² Tại sao dùng pháp vô căn bất tịnh hạnh để vu khống Đạp-bà-ma-la Tử?”

¹ Vô căn bất tịnh pháp 無根不淨法; ở đây được hiểu là pháp phi tịnh hạnh không căn cứ. Tội danh chính xác là “vu khống bằng ba-la-di không căn cứ.”

² Văn thuật theo quán tính truyền khẩu. Không thể khiển trách cư sĩ bằng những lời không phù hợp như vậy.

Dùng vô số phương tiện quở trách rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Từ nay về sau, kết cho Đại Ly-xa pháp phúc bát,¹ không tới lui nói chuyện, bằng pháp bạch nhị yết-ma.”

Nhà bạch y có năm pháp² nên³ trao cho pháp phúc bát: Không hiểu thuận cha, không hiểu thuận mẹ, không kính sa-môn, không kính Bà-la-môn, không cung sự tỳ-kheo. Nếu ai phạm vào năm pháp như vậy thì nên trao cho pháp [959b] phúc bát.

Và có năm pháp không nên trao cho pháp phúc bát: hiểu thuận cha, hiểu thuận mẹ, cung kính sa-môn, cung kính bà-la-môn, kính sự tỳ-kheo. Nếu ai có năm pháp như vậy thì không trao cho pháp phúc bát.

Lại có mười pháp chúng Tăng nên trao cho pháp phúc bát: mắng chửi tỳ-kheo, làm cho tỳ-kheo bị tổn giảm, làm cho không lợi ích, phương tiện khiến cho không có trú xứ, gây xáo trộn cho tỳ-kheo, trước tỳ-kheo nói xấu Phật Pháp Tăng, dùng pháp vô căn bất tịnh vu khống tỳ-kheo, phạm tỳ-kheo-ni. Ai phạm vào mười pháp như vậy, thì Tăng nên trao cho pháp phúc bát.

Như vậy, có chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai, một pháp⁴ là mắng chửi tỳ-kheo, nếu phạm vào một trong mười pháp, Tăng cần phải tác pháp phúc bát. Theo thể thức sau: Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc xảy ra như trên mà tác bạch:

¹ Phúc bát 覆鉢; úp bát. Pāli: *pattam nikkujjatam*.

² Luật Pāli, Vin. ii. 125, có tám điều: khiến tỳ-kheo mất lợi dưỡng (*bhikkhūnaṃ alābhāya*), khiến tỳ-kheo mất lợi ích (*anattthāya*), khiến tỳ-kheo mất chỗ ở (*avāsāya*), mắng chửi tỳ-kheo (*bhikkhū akkosati paribhāsati*), gây chia rẽ tỳ-kheo (*bhikkhū bhikkhūhi bhedeti*), huỷ báng Phật (*buddhassa avaññam bhāsati*), huỷ báng Pháp, huỷ báng Tăng.

³ Đoạn trên, Phần III, Ch. XI. 4 (Hạ ý yết-ma), tỳ-kheo có 5 pháp giống như đây, Tăng không được tác yết-ma hạ ý. Người có 5 pháp như vậy, ngoan cố, khó chịu phục tùng nên yết-ma không hiệu lực. Trên đây, bản Hán có thể chép sót.

⁴ Từ phạm cả 10 điều cho đến chỉ phạm 1 điều.

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Đạp-bà-ma-la Tử thanh tịnh, mà Đại Ly-xa dùng pháp ba-la-di không căn cứ để vu khống. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Nay Tăng vì Đại Ly-xa tác pháp phúc bát, không lui tới quan hệ nữa. Đây là lời tác bạch.

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Đạp-bà-ma-la Tử thanh tịnh, mà Đại Ly-xa dùng pháp ba-la-di không căn cứ để vu khống. Nay Tăng tác pháp phúc bát, không lui tới quan hệ nữa. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng vì Đại Ly-xa tác pháp phúc bát, không quan hệ nữa, thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói.

“Tăng đã đồng ý vì Đại Ly-xa tác yết-ma phúc bát, không lui tới quan hệ nữa. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

Cho phép, sai sứ giả đến chỗ Đại Ly-xa nói: “Tăng vì ông tác pháp phúc bát, không tới lui quan hệ,¹ bằng pháp bạch nhị yết-ma rồi.”

Người có đủ tám pháp này nên sai đến: Có khả năng nghe, có khả năng nói, tự mình hiểu rõ, có khả năng khiến người khác hiểu rõ, có khả năng thọ giáo, có khả năng ghi nhớ, không nhầm lẫn, phân biệt được nghĩa tốt xấu. Người nào có tám pháp như vậy nên sai làm sứ giả cho Tăng.

Phật nói kệ:

*Nếu ở trong đại chúng
Tâm không có khiếp nhược,
Lời nói cũng không thêm,
Thọ giáo không thêm bớt,
Nói không có lẫn lộn,
Bị hỏi không dao động:
Tỳ-kheo có như vậy,
Có thể được Tăng sai.*

¹ Pāli: *asambhogam saṅghena*, không cộng sự với Tăng.

Tôn giả A-nan có tám pháp như vậy. Cho phép bạch nhị yết-ma Tăng sai làm sứ giả, đến nói với [959c] Đại Ly-xa: “Nay Tăng đã trao cho ông pháp phúc bát, không tới lui quan hệ.” Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Nay Tăng sai A-nan vì Tăng làm sứ giả, đến chỗ Đại Ly-xa nói: ‘Nay Tăng đã trao cho ông pháp phúc bát, không tới lui quan hệ.’ [960a1] Đây là lời tác bạch.

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng sai A-nan vì Tăng làm sứ giả đến chỗ Đại Ly-xa nói: ‘Nay Tăng đã trao cho ông pháp phúc bát, không tới lui quan hệ.’ Các Trưởng lão nào chấp thuận Tăng sai A-nan vì Tăng làm sứ giả thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Tăng đã đồng ý sai A-nan vì Tăng làm sứ giả, đến chỗ Đại Ly-xa nói: ‘Nay Tăng đã trao cho ông pháp phúc bát, không tới lui quan hệ.’

Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan khoác y bùng bát đến nhà Đại Ly-xa. Khi ấy Đại Ly-xa đang đứng dưới cửa chải tóc. Từ xa ông thấy A-nan đến, nên vội vàng thu dọn dụng cụ chải tóc, nghinh đón A-nan, bạch rằng: “Lành thay Đại đức! Mời Đại đức vào nhà.”

Tôn giả A-nan trả lời: “Tôi không được vào nhà ông, nhận chỗ ngồi và thức ăn cúng dường.”

Ly-xa thưa: “Tại sao vậy, thưa Đại đức A-nan?”

Đáp: “Tăng đã vì ông tác pháp phúc bát, không tới lui quan hệ.”

Ly-xa hỏi: “Vì lý do gì?”

Tôn giả A-nan liền đem sự việc trình bày lại. Ly-xa liền thốt lên:

“Đại đức A-nan ơi, như vậy là giết con rồi!”

Ly-xa liền ngắt xiu, té xuống đất. Một hồi lâu mới tỉnh lại, lấy tay chùi nước mắt, bạch với tôn giả A-nan rằng:

“Con phải làm sao để được giải yết-ma, được tới lui quan hệ?”

Tôn giả A-nan nói: “Ông nên đến sám hối chúng Tăng.”

Đại Ly-xa tùy thuận chúng Tăng, không dám trái nghịch, đến Tăng xin giải yết-ma phúc bát, để được tới lui. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Nếu Đại Ly-xa đã tùy thuận chúng Tăng không dám trái nghịch, đến Tăng xin giải yết-ma phúc bát, để chư Tăng tới lui quan hệ, thì nên xả bằng pháp bạch nhị yết-ma.” Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng vì Đại Ly-xa giải pháp phúc bát không tới lui quan hệ, vì đã tùy thuận chúng Tăng không dám trái nghịch, đến Tăng xin giải yết-ma phúc bát không tới lui quan hệ. Đây là lời tác bạch.

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng đã vì Đại Ly-xa tác yết-ma phúc bát không tới lui quan hệ. Nay người ấy đã tùy thuận chúng Tăng không dám trái nghịch, đến Tăng xin giải yết-ma phúc bát không tới lui quan hệ. Nay Tăng vì Đại Ly-xa giải yết-ma phúc bát để tới lui quan hệ. Các Trưởng lão nào đồng ý, Tăng vì Đại Ly-xa giải pháp yết-ma phúc bát để tới lui quan hệ thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

“Tăng đã chấp thuận vì Đại Ly-xa giải yết-ma phúc bát để tới lui quan hệ rồi nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

28. Yết-ma trì gậy

Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di ở tại a-lan-nhã, đốt cỏ nơi đường đi, ngọn lửa cháy mạnh lan ra cháy luôn cả khu vườn Lộc Uyển của vua Batur-nặc, khiến cư sĩ cơ hiềm: “Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, đoạn mạng chúng sanh, mà tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi đốt vườn Lộc uyển của vua?” Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không được đốt như vậy.”

Bấy giờ, có các tỳ-kheo trên đường đi có cỏ, các ngài đề phòng và e ngại, đức Phật cho phép dùng tre đề lên cỏ, hoặc đá hay cây đề lên trên.

Khi ấy, bên ngoài Kỳ-hoàn lửa cháy rừng tràn lan. Các tỳ-kheo không biết làm cách nào, liền bạch Phật. Đức Phật cho phép dọn trống một khoảng cỏ, hoặc đào hầm làm cho gián đoạn, hay dùng đất dập cho tắt ngọn lửa. Trong khi lo toan lửa đốt có một tỳ-kheo già yếu không có cây gậy để đi, không có dây đựng bát, vị ấy tự nghĩ ta phải làm thế nào đây? Vị ấy liền bạch với các tỳ-kheo.

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Cho phép Tăng vì tỳ-kheo già yếu kia cho sử dụng gậy và dây đựng bát,¹ bằng pháp bạch nhị yết-ma như sau: Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là... già yếu, không thể đi đâu nếu không có dây đựng bát, không có gậy. Vị kia đến xin Tăng được sử dụng gậy và dây đựng bát. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho phép tỳ-kheo già yếu tên... này sử dụng gậy và dây đựng bát. Đây là lời tác bạch.

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là... già yếu, không thể không đi đâu nếu không có gậy và dây đựng bát. Nay đến Tăng xin sử dụng gậy và dây đựng bát. Nay Tăng cho tỳ-kheo này sử dụng gậy và dây đựng bát. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho tỳ-kheo già yếu tên... sử dụng gậy và dây đựng bát thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói.

¹ Đoạn này liên hệ với việc Bạt-nan-đà treo bát vào gậy rồi quảy đi, ở trước, mục 19 (dù, gậy, quạt...).

“Tăng đã chấp thuận cho tỳ-kheo... sử dụng gậy và dây đưng bát rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

29. Mặc nhiên

Bấy giờ, Xá-lợi-phất thấy khi chúng Tăng tác phi pháp yết-ma, có người không đồng ý, nhưng muốn im lặng [960b] để cho qua. Đức Phật dạy: “Cho phép im lặng.”

Có năm pháp không nên im lặng: Như pháp yết-ma mà không đồng ý, im lặng cho qua. Có bạn tán thành sự đồng ý, cũng im lặng cho qua. Thấy tội nhỏ mà im lặng. Người tác biệt trụ mà im lặng. Trên giới trường mà im lặng. Năm pháp như vậy mà im lặng là phi pháp.

Có năm pháp nên im lặng: Thấy người khác phi pháp nên im lặng. Không có đồng bạn nên im lặng. Phạm trọng nên im lặng. Đồng trú nên im lặng. Tại phạm vi đồng trú nên im lặng. Năm pháp như vậy nên im lặng.

Có năm pháp nên hòa hợp: Nếu như pháp nên hòa hợp. Nếu im lặng cho qua. Nếu dữ dục. Nếu nghe từ người đáng tin cậy. Nếu trước đã ở trong im lặng mà ngồi. Năm việc như vậy nên hòa hợp.

30. Chúc lành - Thê thốt

1. Bấy giờ, đức Thế Tôn tại Kỳ-hoàn đang nói pháp cho vô số tỳ-kheo, bỗng nhiên Ngài nhảy mũi. Các tỳ-kheo liền chú nguyện: “Cầu cho trường thọ!”¹

Các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cũng đồng nói, “Cầu cho trường thọ!” Đại chúng trở thành náo nhiệt. Phật nói:

“Không được chúc như vậy.”²

¹ Một tập quán mê tín phổ biến, khi có chuyện bất thường, người ta cầu nguyện và chúc lành.

² Cf. Vin.ii. 140: Phật nói, “Các người chúc sống lâu, có ai chết hay sống vì vậy chăng?”

Bấy giờ, có cư sĩ nhảy mũi, các tỳ-kheo e ngại không dám chúc lành “sống lâu.” Các cư sĩ đều cơ hiềm nói: “Chúng tôi nhảy mũi mà các tỳ-kheo không chú nguyện cho sống lâu.” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Cho phép chú nguyện sống lâu.”¹

Bấy giờ, các cư sĩ kính lễ tỳ-kheo. Tỳ-kheo e ngại không nói lời chúc lành sống lâu, vì đức Thế Tôn không cho phép tỳ-kheo chú nguyện. Các cư sĩ cơ hiềm nói: “Chúng tôi kính lễ tỳ-kheo, tỳ-kheo không chú nguyện cho chúng tôi sống lâu.” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Cho phép nói lên lời chú nguyện sống lâu.”

2. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo vì một việc nhỏ mà thề rằng: “Nếu tôi làm như vậy sẽ đọa vào địa ngục, nga quỷ, súc sanh; không sanh trong Phật pháp. Nếu người khác làm như vậy, cũng sẽ đọa vào địa ngục, nga quỷ, súc sanh, không sanh trong Phật pháp.”² Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

“Không được thề như vậy. Cho phép nói như vậy: Nếu tôi có làm việc như vậy thì Nam-mô Phật. Nếu người kia có làm việc như vậy thì cũng Nam-mô Phật.”

31. Dây nịt

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo chứa cát dây lưng mà ở đầu đặt tai nấp.³ Đức Phật dạy:

“Không được như vậy.”

¹ Vin.ii. 140: *gihī bhikkhave maṅgalikā*, Đây các tỳ-kheo, đó là sự chúc lành của người thế tục.

² Xem tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 88.

³ Cf. Vin. ii. 136, quy định về dây thắt lưng (*kāyabandha*): tỳ-kheo vào tụ lạc khát thực mà không có thắt lưng, phạm đột-kiết-la. Lục quân tỳ-kheo làm dây nịt bện (*kalābuka*), có hình đầu rắn nước (*deḍḍubhaka*), có hình cái trống (*muraja*), gắn các khoen tai.

Có vị chứa cát dây giày. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy.”

Nhóm sáu tỳ-kheo lại chứa cát dây đai xà-đề-na.¹ Đức Phật dạy:

“Không được như vậy.”

Có vị chứa cát dây đai tán diên.² Đức Phật dạy:

“Không được như vậy. Các ông là những người ngu si, tránh những điều ta cấm chế, lại đi làm các việc khác. Từ nay về sau, [960c] tất cả các loại dây như vậy không được sử dụng.”³

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo lại cất chứa loại dây vừa dài vừa rộng. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy, cho phép làm dây lưng rộng ba ngón tay, dài đủ quấn ba vòng vào lưng.”

Nhóm sáu tỳ-kheo lại nhuộm dây lưng màu thật. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy.”

Vị kia làm dây đai gấm. Phật nói:

“Không được như vậy.”

Có vị làm dây lưng màu trắng. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy. Cho phép làm dây lưng bằng màu ca-sa.”

32. Gồm

Bấy giờ, có người thợ gồm sùng tín Phật pháp, làm các thứ đồ dùng cúng cho các tỳ-kheo. Tỳ-kheo không dám nhận, bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Cho phép nhận.”

¹ Xà-đề-na 闍提那帶. Skt. *jaṭila*: đai bện? Xem cht. 121 dưới.

² Tán diên đai 散縵帶: đai có tua rêu?

³ Tham chiếu, Pāli, Vin.ii. 136: Phật cho phép hai loại đai, *paṭṭika*: đai bằng giải dài; *sūkaranta*: đai hình đuôi heo? Hoa dịch Nam truyền dịch là *biên đai* 編帶: đai bện. Bản Anh, bỏ trống, nói là không dịch được.

Có ba loại đồ không nên cất chứa: giường ngồi bằng sành, hộp bằng sành; thưng, đầu, khay bằng sành.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử đến nhà thợ đồ gốm, ngồi trên đồ sành, bị trượt té, làm vỡ đồ, và nằm ngửa lộ hình. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không được ngồi trên đồ sành. Cũng không nên ngồi gập đùi nơi nhà bạch y.”

33. Chú thuật

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo tụng thư chú, bùa kiết hung của ngoại đạo để an trí nhà, chú chi tiết, chú sát-lợi, chú thi-bà-la, chú biết người sống chết tốt xấu, chú hiểu rõ các thứ âm thanh.¹ Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật bảo:

“Không được tụng như vậy.”

Có vị dạy người khác. Phật bảo:

“Không được dạy như vậy.”

Vị kia dùng nghề này để nuôi sống. Đức Phật dạy:

“Không được sống như vậy.”²

34. Răng-lưỡi-tai

1. Bấy giờ, các tỳ-kheo bị hôi miệng, đức Phật bảo nên xia răng. Không xia răng có năm điều lỗi: Miệng hôi, không phân biệt mùi vị, tăng thêm sức nóng, không dẫn thực, mắt không sáng. Đó là năm điều lỗi của không xia răng.

Xia răng có năm điều lợi ích: Miệng không hôi, phân biệt được mùi vị, tiêu sức nóng, dẫn thực, mắt sáng. Đó là năm điều lợi của việc xia răng.³

¹ Xem, Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 107 & 108.

² Xem, Tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề 169 & 170.

³ Vin. ii. 137, *dantakattḥam khādanti*, nhấm cây tằm xia răng.

Đức Thế Tôn cho phép xia răng. Vị kia dùng cây dài xia răng. Đức Phật dạy: “Không được như vậy, dài nhất là một gang tay.”¹

Có vị xia bằng tấm lụa.² Đức Phật dạy:

“Không được xia như vậy.”

Có vị xia bằng loại lá tạp. Đức Phật dạy:

“Không được xia như vậy.”

Có vị xia toàn bằng vỏ. Đức Phật dạy: “Không được như vậy.”

Có tỳ-kheo xia bằng cây tằm ngắn, khi thấy đức Phật, vì cung kính nên nuốt vào, bị bệnh. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy. Ngắn nhất là bốn ngón tay. Có vị xia nơi chỗ nhiều người, hoặc nơi nhà mát, nơi nhà ăn, nơi nhà kinh hành, các tỳ-kheo thấy gớm bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy. Có ba việc nên làm nơi chỗ khuất: Đại tiện, tiểu tiện và xia răng. Ba việc này nên làm chỗ khuất.”

2. Bảy giờ, [961a1] có các tỳ-kheo trên lưỡi có nhiều chất bẩn, đức Phật cho phép dùng cây nạo lưỡi để nạo. Có vị dùng cây quý báu làm cây nạo lưỡi. Đức Phật dạy:

“Không được làm như vậy, cho phép dùng sừng, xương, đồng, sắt, bạch lap, thiết, kẽm, cỏ xá la, tre, trúc, cây để làm.”

Có vị không rửa mà nạo, tỳ-kheo khác thấy gớm. Đức Phật dạy:

“Không được làm như vậy.”

Có vị rửa rồi không để khô, đem dùng nên bị hư. Đức Phật dạy:

“Không được làm như vậy.”

¹ Pāli, Vin.ii. 138: dài nhất là 8 ngón tay. Ngắn nhất là 4 ngón tay. *Thập tụng* 38: dài nhất 12 lóng tay; ngắn nhất, 6 lóng. Xem thêm, *Thập tụng* 40, tr.289b26.

² Tước dương chi kỳ 嚼楊枝奇. Chưa rõ nghĩa. *Ngũ phần* 27: 5 loại cây không được dùng làm tấm: cây sơn 漆樹, cây độc 毒樹, cây xá-di 舍夷樹, cây ma-đầu 摩頭樹, cây bồ-đề 菩提樹.

Các tỳ-kheo khi ăn, thức ăn nhét vào kẽ răng. Phật cho phép dùng vật gì để móc ra. Có vị dùng đồ quý để làm. Đức Phật dạy:

“Không được dùng vật quý báu để làm, nên dùng xương, sừng cho đến tre, trúc cây để làm.”

Có vị dùng rồi mà không rửa đem cất, các tỳ-kheo thấy gớm. Đức Phật dạy: “Không được như vậy. Nên rửa rồi mới cất.”

Có vị rửa rồi không để khô, đem cất bị hư. Đức Phật dạy:

“Không được làm như vậy. Phải để khô rồi mới cất.”

3. Các tỳ-kheo lỗ tai bị bẩn. Phật cho phép dùng cái móc tai để móc. Có vị dùng vật quý báu để làm. Đức Phật dạy:

“Không được làm như vậy. Nên dùng xương, sừng, cho đến trúc, tre, cây để làm.” Có vị dùng rồi không rửa đem cất, các tỳ-kheo khác thấy gớm. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy, nên rửa rồi mới cất.” Có vị không để khô mà đem cất bị hư. Đức Phật dạy:

“Không được như vậy. Nên để khô rồi mới cất.”

35. Nuôi cầm thú

1. Phật ở tại nước Xá-vệ. Khi ấy, các tỳ-kheo nuôi nhiều chim, kết, sáo; đầu đêm, cuối đêm kêu la inh ỏi, náo loạn các tỳ-kheo ngồi thiền. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không được nuôi các loài chim như vậy.”

2. Thế Tôn ở tại Câu-thiểm-di. Bạt-nan-đà Thích tử nuôi chó. Thấy các tỳ-kheo, nó sủa. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không được nuôi.”

3. Thế Tôn ở tại nước Bà-kỳ-đề. Tỳ-kheo Tỳ-xá-ly Bà-xà Tử¹ nuôi một con gấu. Nó xé y, làm bể bát, rách tọa cụ, hư ống đựng kim,

¹ Bà-xà Tử 婆闍子. Trước kia, phiên âm là Bạt-xà Tử.

thậm chí làm cho tỳ-kheo bị thương nơi thân thể. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không được nuôi.”

4. Thế Tôn ở tại nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có các Ly-xa cỡi voi, ngựa, xe cộ, cầm đao kiếm để ngoài cửa chùa, vào trong thăm hỏi đức Thế Tôn. Nhóm sáu tỳ-kheo ra ngoài chùa, cỡi voi, ngựa, xe cộ và lấy gương đao của họ cùng nhau vui đùa. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: “Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, không biết yếm túc nên mới cỡi voi, ngựa, xe cộ và cầm đao kiếm [961b] đùa giỡn như quốc vương đại thần.” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Tỳ-kheo không được cỡi voi, ngựa, xe cộ để đùa giỡn. Tỳ-kheo cũng không được cầm đao kiếm như vậy.”

Bấy giờ, có các tỳ-kheo bậc thượng tọa già bệnh không thể từ trú xứ này đến trú xứ kia, nhưng vì e ngại không dám cỡi ngựa. Đức Phật dạy: “Cho phép đi bằng loại xe kéo, hoặc do đàn ông kéo hay do súc sanh loài đực kéo.”

Vị kia bị mạng nạn, phạm hạnh nạn, e ngại không dám cỡi ngựa chạy trốn. Đức Phật dạy: “Nếu có những trường hợp như vậy, cho phép cỡi voi, ngựa để trốn.”

5. Bấy giờ, có bạch y đem đao kiếm đến gởi nhờ các tỳ-kheo cất. Các tỳ-kheo e ngại không dám nhận vì đức Thế Tôn không cho phép cầm đao kiếm, bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Cho phép, vì đàn-việt cần sự kiên cố nên nhận cất.”

36. Ưu-đà-diên

Thế Tôn ở tại nước Câu-thiểm-di. Bấy giờ vua Ưu-đà-diên¹ là bạn thân quen với Tân-đầu-lô.² Sớm chiều vua thường hay đến thăm viếng.

Khi ấy, có một vị đại thần bà-la-môn bất tín, đến vua tâu:

¹ Ưu-đà-diên 憂陀延. Pāli: Udena, vua nước Kosambī. Truyện kể trong Pháp cú truyện Pāli, Dhp. 21 (Dhp.A.1. 161).

² Pāli, Piṇḍola-Bhāradvāja, con trai của vị bà-la-môn tư tế của vua Udena.

“Tại sao Đại vương sớm chiều đến thăm viếng con người làm nghề hạ tiện ấy? Thấy vua không đứng dậy chào.”

Vua trả lời:

“Sáng sớm ngày mai ta sẽ đến. Nếu vẫn không đứng dậy, ta sẽ giết.”

Sáng sớm ngày hôm sau, vua đến chỗ Tân-đầu-lô. Từ xa Tân-đầu-lô thấy vua đến, liền nghĩ: “Hôm nay vua đến với ác tâm, nếu ta không đứng dậy thì vua sẽ giết. Nếu ta đứng dậy thì vua sẽ mất vương vị. Không đứng dậy, ta bị mất mạng, vua đọa địa ngục. Ta có nên làm cho vua đọa vào địa ngục chăng? Ta chỉ làm cho vua mất cương vị thôi chăng? Ta quyết định thà làm cho vua mất vương vị, còn hơn là làm cho vua phải đọa địa ngục.” Nghĩ xong, Tân-đầu-lô liền đứng dậy, ra ngoài xa đón chào và lên tiếng thăm hỏi trước:

“Lành thay, Đại vương!”

Vua liền hỏi:

“Hôm nay sao thầy lại đứng dậy đón chào?”

Tân-đầu-lô trả lời:

“Tôi vì vua nên đứng dậy chào hỏi.”

Vua hỏi:

“Hôm qua, sao thầy lại không đứng dậy chào?”

Tân-đầu-lô trả lời:

“Hôm qua, tôi cũng vì vua nên không đứng dậy chào.”

Vua hỏi tiếp:

“Tại sao vì trẫm?”

Tân-đầu-lô nói:

“Hôm qua, vua đến với thiện tâm. Ngày nay, vua đến với ác tâm. Nếu tôi không đứng dậy chào thì vua sẽ giết. Nếu vua giết tôi thì vua chắc chắn phải đọa vào địa ngục. Tôi nghĩ: Với ác tâm, vua

đến. Nếu tôi không đứng dậy, vua sẽ giết tôi. Nếu tôi đứng dậy, vua ắt mất vương vị. Nếu để cho vua giết tôi thì ắt vua đọa vào địa ngục. Thà để vua mất vương vị, chứ không để vua phải đọa địa ngục. Tôi nghĩ như vậy nên đứng dậy.”

Vua [961c] hỏi: “Trẫm sẽ mất vương vị phải không?”

Tân-đầu-lô trả lời: “Vua sẽ mất.”

Vua lại hỏi: “ Bao lâu sẽ mất?”

Đáp: “Trong vòng bảy ngày sẽ mất.”

Vua liền trở về Câu-thiểm-di sửa chữa thành trì, tích trữ lương thực, củi đuốc; tập trung binh tướng, cảnh giác và đếm từng ngày. Nói, “Nay là ngày thứ nhất.” Như thế cho đến ngày thứ bảy. Vua nói: “Lời nói của sa-môn hư dối rồi!” vua liền cùng các thê nữ cỡi thuyền du hý trên Hằng thủy.

Khi ấy, vương quốc Ủy-thiên¹ bảy năm không mưa. Vua nghe nước vua Bình-sa nước Ma-kiệt có ngọc xuất thủy. Nếu ngọc ấy được đưa ra thì trời sẽ mưa liền. Vua nước Ủy-thiên liền khởi bốn bộ binh đến bao vây thành Vương-xá. Nhưng thành kia kiên cố, không cách nào tấn công được, trừ khi gạo nước trong thành hết, mới có thể tấn công được.

Bảy giờ, trong thành có vị đại thần có nhiều phương tiện trí tuệ, dùng cọng lau cắm dưới ao, đặt các bông sen vào trên ống lau. Rồi vị đại thần kia đến chỗ vua Bình-sa tâu:

“Nay Đại vương có biết chăng? Thành Vương-xá rất kiên cố, không có phương tiện nào có thể tấn công được, chỉ có cách chờ khi lương thực hết thì mới có thể tấn công. Nay chúng ta nên cho sứ giả nói với vua Ba-la-thù-đề rằng: Hiện tại, chúng ta có thể đình chỉ không dùng đến voi ngựa, xe cộ, đao kiếm để đánh nhau. Ngài có thể dùng các loại hoa ưu-bát-la, bát-đầu-ma, câu-đầu-ma, phân-

¹ Ủy-thiên 慰禪. Pāli: Ujjenī. Xem chuyện Kỳ-bà chữa bệnh cho vua Ủy-thiên. Phần III, Ch. VI. Y.

đà-lợi để giao đấu. Tôi cũng sẽ dùng các thứ hoa như vậy để giao đấu, phân định thắng bại. Ngài có thể dùng vắt cơm để cùng đấu tranh, tôi cũng dùng vắt cơm đánh nhau.”

Vua chấp thuận và cho sứ thần đến nói với vua Ba-la-thù-đề như trên. Vua nghĩ: “Thành Vương-xá kiên cố. Chỉ có khi nào lương thực khô cạn thì mới có thể tấn công. Mà trong thành lương thực hết sức phong phú.” vua kia liền trả lời với sứ thần rằng:

“Tôi không vì chiếm thành mà đến đây. Vì trong nước ta, bảy năm nay không mưa. Tôi nghe nói trong nước của ông có ngọc thủy châu, nếu đưa ngọc ấy ra thì trời liền mưa, do vậy cho nên tôi đến đây.”

Sứ thần nói: “Sao ngay lúc đầu Đại vương không nói cần ngọc châu? Nếu Đại vương nói cần ngọc châu thì chúng tôi trao cho liền. Nay vua có thể rút binh. Chúng tôi sẽ đưa ngọc châu đến.”

Vua liền rút quân hướng về nước Câu-thiểm-di. Trên đường vua kia nghe tiếng cười giỡn của vua Ưu-đà-diên cùng thế nữ, liền hỏi người bên cạnh rằng: “Tiếng vui đùa của ai đó?”

Quan cận thần trả lời:

“Đại vương biết chăng? Tiếng vui đùa đó là của vua Ưu-đà-diên cùng thế nữ vui chơi trên ghe thuyền nơi sông Hằng thủy.”

Vua liền ra lệnh cho vị cận thần:

“Đừng khua động! Thả con voi đến bờ Hằng thủy.”

Người ấy [962a1] liền thả một con bạch tượng đệ nhất. Người nài núp theo voi. Vị đại thần vua Ưu-đà-diên đi ra, thấy con bạch tượng, tâu với vua: “Có một con voi rừng.”

Vua liền ra lệnh: “Đừng làm khua động. Cặp thuyền vào bờ!”

Thuyền vừa cặp sát bờ, vua Ưu-đà-diên rành về nghề huấn luyện voi, liền tung chú thuật, gậy đàn cầm, đến trước con voi để bắt nó. Người nài liền bắt vua. Vua rất hoảng sợ. Người kia hỏi vua:

“Vua sợ lắm phải không?”

Vua đáp: “Sợ.”

Người kia nói: “Vua chớ nên sợ. Vua Ba-la-thù-đề cần gặp vua.”

Vua lại càng sợ: “Ba-la-thù-đề sẽ giết ta và tùy tùng của ta!”

Vua liền bị trói, được hộ tống đến chỗ vua Ba-la-thù-đề. Vua được hỏi: “Ngài có sợ không?”

Đáp: “Sợ.”

Nói: “Ngài chớ nên sợ! Ngài hãy dạy thuật điều phục voi cho con trai tôi là Câu-ba-la, và dạy đàn cầm cho con gái của tôi.”

Vua được đưa về nước Uy-thiên, bị xích chân trong thời gian bảy năm.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử từ nước Câu-thiểm-di, chỗ của Xà-di-bạt-đề¹ phu nhân đến nước Uy-thiên chỗ Ưu-đà-diên. Rồi ông mang tin của Ưu-đà-diên đến chỗ phu nhân. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Tỳ-kheo không nên làm sứ giả cho người bạch y. Nếu làm thì phạm độn-kiết-la.”²

Khi ấy, vua kia dạy nghệ thuật điều khiển voi cho con trai, và dạy đàn cho con gái của vua Ba-la-thù-đề. Sau đó một thời gian vua kia (Ưu-đà-diên) lại cùng vương nữ tư thông với nhau. Vương tử Câu-ba-la biết, nhưng lại nghĩ: “Nếu ta tâu với vua cha thì chắc chắn vua kia bị giết. Vua kia là thầy dạy ta một cách khổ cực. Đây là vương nữ. Kia là vua. Cũng thích hợp thôi.” Bèn che dấu không cho ai biết.

Sau đó, vua Ưu-đà-diên muốn tẩu thoát, nên tự trang bị cho mình một con voi cái chạy nhanh nhất. Câu-ba-la cũng biết điều đó, nhưng lại nghĩ: “Vua kia trang bị cho mình một con voi chạy nhanh nhất là muốn trốn thoát. Nếu ta báo cáo với vua cha thì chắc chắn

¹ Xà-di-bạt-đề 奢彌跋提. Pāli: Sāmāvati, con gái của Ghosita, người đã cúng tinh xá Ghositārāma (Cù-su-la viên).

² Xem, Tỳ-kheo, tăng-già-bà-thi-sa 5.

vua này bị giết. Vua kia là thầy dạy ta một cách khổ sở.” Bèn dấu không cho ai biết. Vua kia để vương nữ lên trên voi, với thời gian nhanh nhất, như thời gian chén lưu ly trên lưng voi rơi xuống chưa tới đất, đã từ nước Ủy-thiên đến nước Câu-thiểm-di. Vua kia đi thẳng đến chỗ Xa-di-bạt-đề phu nhân, nói như sau:

“Trong khi ta bị bắt, có nguyện sẽ cúng dường cho tám bà-la-môn tất cả những thứ cần dùng, một cách đầy đủ. Nay ta muốn làm điều đó. Phu nhân hãy sắm sửa cho đủ.”

Phu nhân trả lời:

“Nếu như vậy thì cả voi ngựa, xe cộ, vàng bạc, bảy báu của vua và bản thân của thân thiếp, tất cả đều đem dâng hết cho một vị thôi. Vị ấy thọ nhận mà không bao giờ thấy đủ. (Nói chi đến tám)”

Vua nói:

“Vậy [962b] nên làm thế thế nào ?”

Phu nhân trả lời:

“Ma-ha Ca-chiên-diên¹ này là đại Sa-môn. Nay ta có thể thỉnh ngài và thỉnh thêm bảy vị tỳ-kheo nguyên thuộc dòng dõi Bà-la-môn, như vua đã nguyện để cúng dường. Pháp của tám vị này là không thọ nhận những thứ đó. Dâng cho, cũng không nhận.”

Vua nói: “Như vậy là được.”

Vua Ưu-đà-diên liền đến chỗ Ca-chiên-diên, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Ca-chiên-diên dùng mọi phương tiện nói pháp cho vua, khiến vua được hoan hỷ. Vua nghe pháp hoan hỷ rồi, bạch:

“Xin thỉnh ngài và bảy vị nữa nhận lời mời thọ thực của tôi vào ngày mai.”

¹ Ma-ha Ca-chiên-diên 摩訶迦旃延. Pāli: Mahā-Kaccāyana. Sinh quán tại Ujjena, con trai một người Bà-la-môn, đại thần của vua Ujjena. Ngài nhận chỉ giáo của Phật, cùng 7 tỳ-kheo, đồng là bạn cũ, về hoàng pháp tại bản địa.

Ca-chiên-diên im lặng nhận lời. Vua biết Ca-chiên-diên nhận lời bằng cách im lặng rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt kính lễ sát chân, hoan hỷ cáo lui.

Vua trở về cung, chuẩn bị các thức ăn ngon bổ, sáng sớm ngày mai đến thỉnh Ca-chiên-diên và bày vị đến thọ thực.

Sáng sớm hôm ấy, Ca-chiên-diên khoác y, bung bát và bày vị kia đến cung của vua Ưu-đà-diên, trải chỗ ngồi an tọa.

Vua Ưu-đà-diên tự tay châm chước các thức ăn ngon bổ cúng dường các vị cho được no đủ rồi; sau khi ăn xong, cất bát, lấy bình bằng vàng đựng nước dâng, vua đem voi ra hiến. Ca-chiên-diên nói: “Thôi, đủ rồi, Đại vương. Như thế là đã cúng dường. Chúng tôi không thích hợp để thọ nhận những vật cúng dường như vậy.”

Vua lại đem xe, ngựa, người, huỳnh kim, vàng bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, xa cừ, mã não, bảy báu dâng cúng. Ca-chiên-diên nói:

“Thôi, đủ rồi, Đại vương. Như thế là đã cúng dường. Chúng tôi không thích hợp để thọ nhận những vật cúng dường như vậy.”

Vua Ưu-đà-diên liền đánh lễ Ca-chiên-diên rồi, lấy một chiếc ghế thấp để ngồi. Ca-chiên-diên bằng nhiều phương tiện nói pháp cho vua nghe, khiến vua được hoan hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Khi về đến chùa, Ca-chiên-diên bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp tỳ-kheo Tăng, vì các tỳ-kheo nói giới uẩn, gồm đủ chi tiết lớn nhỏ:¹

“Nhu Lai xuất thế, là vị Ứng cúng, Chánh biết tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên

¹ Đại tiêu trì giới kiên-độ 大小持戒捷度. Chi tiết quá trình tu tập giới của tỳ-kheo, từ khi mới xuất gia cho đến khi chứng quả A-la-hán. Tất cả những điều này tập hợp lại dưới một bộ môn gọi là giới thân, giới uẩn, hay giới kiên độ, hay gọi là Thánh giới tụ. Diễn hình đầy đủ về quá trình tu tập Thánh giới này, có thể xem *Trung A-hàm* 36, kinh 146 “Trượng tích dụ.” Tương đương Pāli, M. 27. *Cūḷa-Hatthipadopama-sutta*. Tham chiếu các kinh, *Trường A-hàm* 14 (21. kinh

nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ở giữa các chúng hội gồm chư thiên, nhân loại, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên ma, Phạm vương, Ngài đã tự giác ngộ chứng tri pháp, rồi nói pháp ấy cho mọi người. Pháp ấy, khoảng đầu thiện, khoảng giữa thiện, khoảng cuối cũng thiện; có đầy đủ văn nghĩa, phạm hạnh hiển hiện.

“Nếu cư sĩ hay con cư sĩ nghe, hoặc người sanh trong chủng tánh khác, sau khi nghe chánh pháp ấy, liền sanh tịnh tín; do tâm tín lạc, người ấy nghĩ như vậy: ‘Nay ta sống trong gia đình vợ con [962c] trôi buộc, không thể thuần tu phạm hạnh. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, do tín tâm, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

“Rồi một thời gian sau, người ấy từ bỏ tiền tài, dù ít hay nhiều; từ giã thân thuộc, dù ít hay nhiều; cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, bỏ nhà vào nơi không nhà.

“Người ấy, cũng đồng với những người xuất gia khác, xả bỏ sự trang sức tốt đẹp, cùng các tỳ-kheo đồng giới, không sát sanh, buông bỏ dao gậy, thường có hổ thẹn, từ niệm đối với chúng sanh. Đó gọi là không sát sanh.

Xả bỏ trộm cắp, của cho thì lấy, không cho không lấy, tâm vị ấy thanh tịnh, không có tâm ý trộm cắp. Đó gọi là không trộm cắp.

Xả bỏ dâm dục, bất tịnh hạnh, tu phạm hạnh, siêng năng tinh tấn, không đắm dục ái, sống trong sạch hương khiết. Đó gọi là xả dâm dục, bất tịnh hạnh.

Xả bỏ nói dối, nói như thật, không khi trá dối với đời. Đó gọi là không vọng ngữ.

Xả bỏ hai lưỡi, nghe lời nói người này không chuyển đến người kia, nghe lời nói người kia không chuyển đến người này, không gây chia rẽ. Với những ai ly biệt thì khéo làm việc hòa hợp; những ai đã hòa hợp thân ái thì thường khiến cho hoan hỷ, nói ra lời hòa hợp, nói đúng lúc. Đó gọi là không hai lưỡi. Xả lìa lời thô ác.

Những lời nói nào là thô cộc, gây khổ não cho người khác, khiến họ sanh sân nhuế, không hỷ lạc; người ấy trừ bỏ lời thô ác như vậy.

Những lời nói nào mà nhẹ nhàng, không sanh oán hại, hay làm việc lợi ích, mọi người ái lạc, ưa nghe; người ấy thường nói ra lời khéo nói lợi ích như vậy. Đó gọi là lời nói không thô ác.

Xa lia lời nói không lợi ích, biết nói đúng lúc, lời nói thật, lời nói lợi ích, lời nói như pháp, lời nói như luật, lời nói chấm dứt tranh cãi, có nhân duyên mới nói, nói lời đúng lúc. Đó gọi là xa lia lời nói không lợi ích. Không uống rượu, xa lia chỗ phóng dật. Không đốt hương hoa, anh lạc. Không ca múa xướng hát, cũng không đến xem nghe. Không ngồi trên giường cao rộng. Không ăn phi thời; mà ăn một bữa. Không cần năm vàng bạc bảy báu.

“Người ấy không nuôi chứa thê thiếp, đồng nữ; không nuôi chứa tôi tớ, voi ngựa, xe cộ, gà chó, heo dê, ruộng đất vườn tược, tích trữ đôn chứa các vật. Không lường gạt, cân giã cân non. Không hòa hợp vật ác. Không buôn bán sinh lợi, chặt tay chân người, giết hại mạng sống, bắt nhốt người khác, xâm phạm tiền tài của người; làm người dịch sứ, làm các nghề nghiệp, lời nói hư trá, phát khởi kiện tụng, vất bỏ người khác. Người ấy đoạn trừ các việc bất thiện như vậy.

“Người ấy, khi đi thì biết đúng lúc. Chẳng phải lúc, thì không đi. Ăn vừa đủ no, mặc vừa đủ ấm, biết [963a1] đủ mà thôi. Y bát tùy thân. Như chim bay, mang theo hai cánh; tỳ-kheo cũng vậy, đi đến chỗ nào, y bát tùy thân.

“Không như sa-môn, bà-la-môn khác, ăn của tín thí, mà còn mong cầu tích chứa đủ các thứ, ẩm thực, y phục, hương liệu, mỹ vị, xúc chạm, pháp. Người ấy xa lia sự không biết chán đủ như vậy.

“Không như các sa-môn, bà-la-môn khác, tuy ăn của tín thí, mà vẫn tụ tập các hạt giống, trồng trọt cây cối, gieo hạt mầm sống.¹ Người ấy tránh xa những việc như vậy.

¹ Nguyên Hán: quý thần thôn 鬼神村.

“Không như sa-môn, bà-la-môn khác, ăn của tín thí, mà còn phương tiện tìm cầu các lợi dưỡng, ngà voi, tạp bảo, giường cao rộng lớn, các thứ chăn đệm thù thuà, và vác loại da thú nhiều màu sắc. Người ấy xa lia các lợi dưỡng như vậy.

“Không như sa-môn, bà-la-môn khác ăn của tín thí, mà còn phương tiện tìm cầu sự nghiêm sức thân mình, chà xát thân mình bằng dầu bơ, tắm rửa bằng nước thơm, xoa bột thơm vào mình, chải đầu thơm bóng, đeo tràng hoa, nhuộm con mắt xanh, trang điểm đầu và mặt bằng đủ các thứ, buộc dây tơ màu vào cánh tay, cầm gậy,¹ nắm cầm đao kiếm, cây lọng khổng tước, dùng ngọc châu làm quạt, soi gương, mang dép nhiều màu, mặc y màu trắng. Người ấy xa lia những sự trang sức như vậy.

“Không như sa-môn, bà-la-môn khác, ăn của tín thí, còn chuyên làm những việc vui đùa, đánh cờ bạc, cờ tám đường, cờ mười đường, các thứ ăn thua với nhau. Người ấy đoạn trừ các thứ vui chơi như vậy.

“Không như sa-môn, bà-la-môn khác, ăn của tín thí, mà còn nói những câu chuyện chướng ngại đạo pháp,² chuyện vua chúa, chuyện giặc cướp, chuyện chiến trận quân mã, chuyện đại thần, chuyện cỡi ngựa đánh xe, chuyện vườn cảnh, chuyện nằm ngò,³ chuyện nam nữ, chuyện y phục ăn uống, chuyện thôn xóm, chuyện quốc độ, chuyện nhớ thương, chuyện thế gian, chuyện đi biển. Người ấy đoạn trừ những câu chuyện chướng ngại đạo như vậy.

“Không như sa-môn, bà-la-môn khác, ăn của tín thí, mà còn dùng vô số phương tiện nịnh hót, chải chuốt mỹ từ, hiện tướng đối trá,

¹ Thông trung trượng 通中杖; trên kia dịch là không trung trượng (Xem ch.II, mục 19: Về gậy quạt). Dịch từ *daṇḍa(ka)*, Skt. & Pāli: gậy, biểu hiện quyền uy.

² Những câu chuyện chướng ngại đạo, Pāli: *tiracchāna-kathā*, súc sanh luận, chỉ những câu chuyện vô ích, ngu si.

³ Ngoạ khởi sự 臥起事 (?). Có lẽ Pāli *senā-katham*, chuyện tướng quân, nhưng bản Hán đọc là *senāsana-katham*.

khen chê dèm pha, lấy lợi cầu lợi. Người ấy xả bỏ những việc tà mạng siểm khúc như vậy.

“Không như sa-môn bà-la-môn khác, ăn của tín thí, còn tranh cãi luận nghị với nhau, hoặc ở công viên, hoặc nơi ao tắm, hoặc tại giảng đường; nói rằng, ‘Tôi biết pháp luật như vậy. Ông không biết gì. Ông đi theo tà đạo, tôi đi về chánh đạo. Lời nói trước thì ông đặt ra sau. Lời nói sau thì ông đặt ra trước. Tôi có thể nhẫn. Ông không thể nhẫn. Tôi thắng ông. Ông chỉ nói cuồng mà thôi. Cùng ông luận nghị, nay tôi đắc thắng. Hỏi được thì cứ hỏi.’ Người ấy đoạn trừ tất cả những việc tranh cãi như vậy.

“Không như sa-môn, bà-la-môn khác, ăn của tín thí, chỉ **[963b]** tìm cầu phương tiện làm sứ mạng cho vua, đại thần của vua, bà-la-môn, cư sĩ, đưa tin từ chỗ này đến chỗ kia, từ chỗ kia lại chỗ này, đem tin người này đến người kia, đem tin người kia đến chỗ này, tự mình làm hay bảo người làm. Vì ấy xa lìa những việc làm sứ mạng như vậy.

“Không như sa-môn bà-la-môn khác, ăn của tín thí, chỉ làm những việc đấu tranh hý luận, hoặc đấu bằng cung, hoặc đấu bằng đao, hoặc đấu bằng trượng, hoặc đấu bằng gà, hoặc đấu bằng chó, hoặc đấu bằng heo, hoặc đấu bằng dê đen, hoặc đấu bằng dê đực, hoặc đấu bằng nai, hoặc đấu bằng voi, hoặc đấu bằng ngựa, hoặc đấu bằng lạc đà, hoặc đấu bằng bò, hoặc đấu bằng bò rừng, hoặc đấu bằng trâu, hoặc đấu bằng người nữ, hoặc đấu bằng người nam, hoặc đấu bằng đồng tử, hoặc đấu bằng đồng nữ. Vì ấy đoạn trừ các việc đấu tranh vui đùa như vậy.

“Không như sa-môn, bà-la-môn khác ăn của tín thí mà làm những pháp tà mạng trở ngại đạo; tự mình xem tướng nam nữ tốt xấu, hay các loài súc sanh, tìm cầu lợi dưỡng. Vì ấy đoạn trừ các pháp trở ngại đạo như vậy.

“Không như sa-môn bà-la-môn khác, ăn của tín thí mà làm các pháp tà mạng trở ngại đạo, tự mình nuôi sống như triệu gọi quý

thần, hoặc sai khiến, thur ếm các loại. Vị ấy đoạn trừ các pháp làm trở ngại đạo như vậy.

“Không như sa-môn, bà-la-môn khác, ăn của tín thí mà làm những pháp tà mạng, trở ngại đạo pháp, sống tà mạng, hoặc vì người mà chú thuật bệnh, hoặc tụng ác thuật, hoặc tụng chú cầu may, hoặc trị bệnh đau lưng, hoặc làm cho xuất mồ hôi, hoặc trị bệnh bằng châm chích, hoặc trị lỗ mũi, hoặc trị hạ bộ. Vị ấy đoạn trừ các thứ tà mạng trở ngại đạo pháp như vậy.

“Không như sa-môn, bà-la-môn khác, ăn của tín thí, làm những việc trở ngại đạo, sống tà mạng, làm thuốc trị bệnh, hoặc cho thổ, hoặc cho hạ, trị nam, trị nữ. Vị ấy đoạn trừ các pháp trở ngại đạo pháp như vậy.

“Không như các sa-môn, bà-la-môn khác, ăn của tín thí, làm pháp trở ngại đạo, sống tà mạng, hoặc tụng chú lửa,¹ hoặc tụng chú tới lui, khiến cho may mắn, hoặc tụng chú sát-lợi,² hoặc tụng chú chim, hoặc tụng chú chi tiết,³ hoặc dán bùa an trí nhà cửa, hoặc tụng chú trừ chuột cắn, lửa cháy các vật, hoặc tụng sách phân biệt sống chết, hoặc tụng sách phân biệt giải mộng, hoặc coi tướng tay, tướng lưng, hoặc tụng thiên nhân vấn,⁴ hoặc tụng sách phân biệt âm thanh của loại cầm thú, chim quạ. Vị ấy đoạn trừ các pháp trở ngại đạo như vậy.

“Không như sa-môn bà-la-môn khác, ăn của tín thí, sống tà mạng, coi tướng thiên thời, hoặc nói sẽ mưa, hoặc nói không mưa, hoặc nói mất mùa, hoặc nói [963c] được mùa, hoặc nói bệnh nhiều, hoặc nói bệnh ít, hoặc nói khùng bó, hoặc nói an ổn, hoặc nói đất động,

¹ Chú hỏa 咒火. Pāli: *aggi-homa*, thờ cúng lửa.

² Sát-lợi chú 刹利咒. Pāli: *khatta-vijjā*, chú thuật về quyền lực của vua chúa, tức khoa học chính trị.

³ Chi tiết chú, chú về tay chân; khoa xem tướng tay chân.

⁴ Tụng thiên nhân vấn 誦天人問. Tham chiếu Pāli, đoạn liên hệ (D. i. 9, 67): *pakkajjhānam* (dự báo vận mạng), *saraparittānam* (chú thuật phòng ngừa tên bắn).

hoặc nói sao chổi hiện, hoặc nói nguyệt thực, hoặc nói không nguyệt thực, hoặc nói nhật thực, hoặc nói không nhật thực, hoặc nói tinh thực, hoặc nói tinh không thực, hoặc nói nguyệt thực có báo ứng tốt như vậy, có báo ứng xấu như vậy. Nhật thực, tinh thực cũng như vậy. Vị ấy đoạn trừ các pháp tà mạng như vậy.

“Không như sa-môn bà-la-môn khác, ăn của tín thí, hành pháp trở ngại đạo, sống tà mạng, hoặc nói nước này sẽ thắng, nước kia thua; hoặc nói nước kia thắng, nước này thua; hoặc nói người này hơn, người kia không bằng; hoặc nói người kia hơn, người này không bằng; xem coi những việc tốt xấu lành dữ như vậy. Vị ấy đoạn trừ các pháp trở ngại đạo như trên.

“Vị ấy ở trong đây mà tu tập Thánh giới. Bên trong không có tham đắm, tự tâm an lạc.¹

“Mắt² tuy thấy sắc mà không thủ tướng, không bị nhãn sắc cướp đoạt.³ Vị ấy an trú với nhãn căn kiên cố, tịch nhiên; không có gì để tham dục, không có ưu lo, không bị chầy lợt bởi các pháp ác bất

¹ Kết luận các đoạn trên, tỳ-kheo sau khi thành tựu Thánh giới uẩn, đoạn tiếp theo nói về tỳ-kheo tu tập phòng hộ căn môn. Nhưng bản Hán ở đây lược bỏ đoạn nói về việc tỳ-kheo thành tựu giới uẩn bằng sự chấp trì ba-la-đề-mộc-xoa. Tham chiếu Pāli đoạn liên hệ, Sāmaññaphala-sutta, D. i. 70: *so iminā ariyena silakkhandhena samannāgato ajjhataṃ anavajja-sukhaṃ paṭisaṃvedeti. evaṃ kho... bhikkhu sīlasampanno hoti*, “vị ấy do thành tựu Thánh giới uẩn này mà nội tâm cảm thọ sự an lạc không cấu uế. Như vậy, tỳ-kheo thành tựu giới.” Kinh Tượng tích dụ (*Trung A-hàm* 146), sau Thánh giới uẩn là tri túc. Tiếp sau đó, thủ hộ căn môn.

² Từ đây trở xuống, tỳ-kheo tu tập bằng sự thủ hộ căn môn. Bản Hán lược bỏ đoạn giới thiệu. Tham chiếu đoạn Pāli liên hệ: *kathañ ca... bhikkhu indriyesu guttadvāro hoti? idha...*, “Thế nào là tỳ-kheo thủ hộ căn môn? Ở đây...”

³ Tham chiếu Pāli (D. i. 70): *cakkhunā rūpaṃ disvā na nimmittaggāhī hoti nānuyyañjanaggāhī*, “sau khi mắt thấy sắc, vị ấy không chấp thủ tổng tướng, không chấp thủ biệt tướng (của sắc).”

thiện, kiên trì giới phẩm, khéo hộ trì căn con mắt.¹ Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy.

“Như vậy, ở nơi sáu xúc xứ,² vị ấy khéo léo học hộ trì điều phục, khiến đạt đến tịch tĩnh. Cũng như nơi đất bằng, chỗ đầu đường ngã tư, mà cỡi voi, ngựa, xe cộ, người khéo điều khiển, tay bên tả cầm cương, tay bên hữu cầm roi, khéo léo học hộ trì, khéo léo học chế ngự, khéo léo học tịch tĩnh. Tỷ-kheo cũng như vậy, ở nơi sáu xúc xứ, khéo léo học hộ trì điều phục, khiến đạt đến tịch tĩnh.

“Vị ấy sau khi thành tựu Thánh giới, đắc Thánh nhân căn như vậy, ăn biết vừa đủ,³ cũng không tham mùi vị; chỉ để nuôi thân, chứ không vì cống cao kiêu mạn; chỉ ăn vì mục đích duy trì thân, khiến không lo bệnh khổ, để có thể tu tịnh hạnh; khổ trước được tiêu trừ, khổ mới không phát sanh, không có tăng giảm, có đủ sức lực, vô sự, khiến thân an lạc. Cũng như con trai, con gái, trong thân bị nhọt, dùng thuốc xoa trị, khiến cho nhọt đặng lành. Tỷ-kheo ăn biết tri túc, chỉ cốt thân an, cũng lại như vậy. Ví như có người dùng mỡ dầu bôi nơi chiếc xe vì để chuyên chở đồ vật đến chỗ nào đó; tỷ-kheo khi ăn biết chỉ túc, chỉ để nuôi thân, cũng lại như vậy.

¹ Tham chiếu đoạn Pāli (nt.) liên hệ: *yatvādhikaraṇaṃ enaṃ cakkhundriyaṃ asaṃvutaṃ viharantaṃ abhijjhā-domanassā pāpakā akusalā dhammā anvāssaveyyuṃ, tassa saṃvarāya paṭipajjati...* “Nguyên nhân gì mà vị ấy sống với căn con mắt không được phòng hộ khiến cho những tham và ưu, cùng những pháp ác bất thiện chày lọt vào, vị ấy tu tập để chế ngự nguyên nhân ấy...” Tham chiếu, Hán, các *A-hàm*, định cú tổng hợp: “Do nguyên nhân gì mà khi nhãn căn không được thủ hộ thì trong tâm sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, hãy hướng đến kia mà thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân; khi ý biết pháp, không chấp thủ tướng của pháp, không đắm nhiễm vị của pháp.”

² Nguyên Hán: xúc nhập 觸入.

³ Trở xuống, tỷ-kheo sống tri túc. Đoạn Pāli (nt.) liên hệ, tiếp theo phòng hộ căn môn là tỷ-kheo tu tập chánh niệm chánh tri (*sati-sampajañña*). Bản Hán nhảy qua đoạn này mà đưa xuống sau. Từ đây trở xuống, tỷ-kheo tu tập chánh niệm chánh tri. Thứ tự tu tập trong bản dịch này có đảo lộn. Trong các kinh, tu tập bốn niệm xứ sau khi tỷ-kheo đã có chánh niệm.

“Tỳ-kheo đã có Thánh giới, đạt được các căn của Thánh như vậy, trong sự ăn, biết vừa đủ như vậy, đầu đêm cuối đêm, tinh tấn tinh giác, hoặc lúc ban ngày, khi đi, khi đứng, thường như vậy nhất tâm chuyên niệm, [964a1] đoạn trừ các triền cái.

“Vị ấy, đầu đêm, khi đi khi ngồi, thường như vậy nhất tâm chuyên niệm, đoạn trừ các triền cái. Giữa đêm, vị ấy nằm nghiêng bên hữu, hai chân chồng lên nhau, nghĩ tưởng sẽ chỗi dậy ngay, buộc tư tưởng vào ánh sáng, tâm không rối loạn. Cho đến cuối đêm, vị ấy liền thức dậy tư duy, hoặc đi hoặc ngồi, thường như vậy nhất tâm chuyên niệm, đoạn trừ các triền cái.

“Tỳ-kheo như vậy thành tựu Thánh giới, thành tựu các căn của Thánh, ăn biết vừa đủ, đầu đêm cuối đêm tinh tấn tinh giác, thường như vậy nhất tâm chuyên niệm, không tán loạn.

“Thế nào là tỳ-kheo chuyên niệm không tán loạn?

“Tỳ-kheo tu tập niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh tấn không biếng nhác, niệm không tán loạn, điều phục xan tham, ưu não của thế gian. Tu tập thân niệm xứ quán thân trên ngoại thân, tinh tấn, không biếng nhác, niệm không tán loạn, điều phục xan tham, ưu não của thế gian. Quán thân niệm xứ trên nội ngoại thân, tinh tấn, không biếng nhác, niệm không tán loạn, điều phục xan tham, ưu não của thế gian. Thọ, tâm, pháp cũng như vậy. Đó là tỳ-kheo chánh niệm không tán loạn.

“Thế nào là tỳ-kheo nhất tâm?¹

“Đi đứng ra vào, nhìn ngó bên tả bên hữu, khom mình, cúi ngược, cầm nắm y bát, nhận lấy thức ăn, đại tiểu tiện lợi, ngủ nghỉ thức dậy, khi ngồi lúc đứng, nói năng im lặng, tất cả như vậy đều thường chuyên niệm nhất tâm. Đó gọi là nhất tâm. Thí như có người cùng đại chúng cùng đi, hoặc trước hoặc sau hay chính giữa,

¹ Đây nên hiểu là chánh niệm. Từ đây trở xuống, tỳ-kheo tu tập chánh niệm chánh tri. Thứ tự tu tập trong bản dịch này có đảo lộn. Trong các kinh, bốn niệm xứ được nói sau chánh niệm.

thường được an lạc,¹ không hề có sợ sệt. Tỳ-kheo cũng lại như vậy, đi đứng ra vào, cho đến im lặng, thường chuyên niệm nhất tâm.

“Tỳ-kheo như vậy thành tựu Thánh giới, đạt được căn của Thánh, ăn biết vừa đủ, đầu đêm sau đêm tinh tấn tỉnh giấc, thường nhất tâm chuyên niệm, không có tán loạn, vui thú nơi a-lan-nhã, dưới gốc cây, trong hang núi, chỗ đất trống, bên đồng phân, tại bãi tha ma, nơi bờ sông, bên nước. Vị kia khất thực rồi, trở về, rửa chân, dọn cất y bát, kiết già phu tọa, ngay mình thẳng ý, buộc niệm trước mặt, đoạn trừ tâm xan tham, không cùng tương ưng; đoạn trừ sân nhuế, không có oán hận tật đố, tâm an trụ vô sân, thanh tịnh, không nhuế, thường có lòng từ mẫn; dứt bỏ ngủ nghỉ, không cùng tương ưng; buộc tư tưởng nơi ánh sáng, chánh niệm không tán loạn, đoạn trừ trạo hối, không cùng nó tương ưng; nội tâm tịch diệt, tâm trạo hối đã tịnh, đoạn trừ nghi hối, đã vượt qua nghi, tâm một mực ở trong pháp thiện.²

“Thí như có người tôi tớ được chủ nhà ban cho tộc họ,³ an ổn thoát khỏi nô lệ. Người tớ kia tự [964b] nghĩ rằng: Trước kia ta là tôi tớ, nay được giải thoát an ổn, đã được tự tại, không còn bị lệ thuộc người. Do nhân duyên như vậy nên được hoan hỷ, trong tâm an lạc.

“Lại như có người mượn vốn của người để mưu sinh, thu lợi tức trả lại vốn xong rồi, lại còn dư đủ để nuôi sống vợ con. Người kia tự nghĩ: Trước đây ta mượn vốn của người để mưu sinh, thu lợi tức trả lại vốn xong rồi, lại còn thừa để nuôi vợ con. Nay ta được tự tại, không sợ ai nữa. Do nhân duyên ấy mà được hoan hỷ, tâm an lạc.

“Như người mắc bệnh từ lâu, nay được chữa lành, ăn uống tiêu hóa, cơ thể hồng hào. Vị kia tự nghĩ: Trước đây ta bệnh, nay được

¹ Biết rõ vị trí của mình giữa đoàn người trong lúc đang đi.

² Quá trình đoạn năm triền cái (Pāli: *pañca nīvaraṇāni*): tham dục (*kāmacchanda*), sân nhuế (*abhijjhāvyāpāda*), hôn trầm-thụy miên (*thīna-middha*), trạo hối (*uddhacca-kukkucca*), nghi (*vicikicchā*).

³ Dữ tánh 與姓, cho trở thành người tự do trong bốn giai cấp hay chủng tánh.

lành rồi, ăn uống tiêu hóa cơ thể hồng hào. Do nhân duyên ấy ta được hoan hỷ, tâm an lạc.

“Như có người bị tù đầy lâu ngày, được thoát khỏi lao ngục. Người kia tự nghĩ: trước đây ta bị trói nhốt, nay được giải thoát, không còn lo sợ. Do nhân duyên ấy ta được hoan hỷ, tâm an ổn.

“Lại như có người mang nhiều tiền của vượt qua hoang mạc không bị giặc cướp, an toàn tới nơi. Vị kia nghĩ: Trước đây ta mang nhiều tiền của châu báu vượt qua sa mạc được an toàn, nay không còn sợ sệt. Do nhân duyên ấy ta được hoan hỷ, tâm an lạc.

“Tỳ-kheo có năm triền cái cũng lại như vậy, như kẻ tội tở, người mắc nợ, kẻ bệnh trầm kha, người bị tù đầy, kẻ qua hoang mạc, tự thấy mình chưa đoạn được triền cái, khiến tâm nhiễm ô, huệ lực không sáng tỏ.

“Vị kia liền ly dục, xả pháp ác bất thiện, có giác có quán,¹ cảm thọ hỷ lạc,² đắc sơ thiền. Vị kia do hỷ lạc thấm nhuần khắp thân một cách tràn đầy, không chỗ nào không cùng khắp. Như người khéo tắm, dùng đồ đựng đầy nước, bỏ thuốc bột mịn vào, ngâm nước cho hòa tan, nước ấy thấm nhuần thân, không chỗ nào không thấm nhuần, cũng không bị rơi vãi. Tỳ-kheo chứng nhập sơ thiền cũng lại như vậy; hỷ lạc tràn khắp cả thân, không chỗ nào trống không. Đây là hiện pháp lạc trú³ thứ nhất. Vì sao vậy? Do tâm không phóng dật, tinh tấn không giải đãi, chuyên niệm không tán loạn, ưa ở chỗ tịch tĩnh vậy.

¹ Nguyên Hán: dữ giác quán câu 與覺觀俱; chính xác phải nói: hữu giác hữu quán, tức hữu tầm hữu tứ hai chi đầu của sơ thiền. Pāli: *savitakkam, savicāram*.

² Hán dịch thiếu nghĩa: “có hỷ lạc phát sanh do sự viễn ly. Pāli: *vivekajam pitisukham*.

³ Nguyên Hán: hiện thân đắc lạc 現身得樂. Bốn thiền sắc giới được gọi là bốn hiện pháp lạc trú, an lạc ngay trong hiện tại. Pāli: *ditṭhadhammasukhavihāra*.

“Vị kia xả giác quán, phát sinh nội tín,¹ tâm chuyên nhất cảnh,² không giác không quán, tâm định với hỷ lạc,³ nhập đệ nhị thiền. Vị kia do tâm định hỷ lạc, thấm nhuần nơi thân, tràn đầy khắp, không chỗ nào không biến mãn. Cũng như suối nước từ trên đỉnh cao tuôn ra, cũng không từ đông tây nam bắc hay từ [964c] trên đổ xuống, mà nước phát xuất từ chính trong ao này, trong sạch mát mẻ, thấm nhuần cả ao, biến mãn tràn đầy, không có chỗ nào trống không. Tỳ-kheo chứng nhập đệ nhị thiền cũng lại như vậy, tâm định hỷ lạc, biến mãn tràn đầy. Đây là hiện pháp lạc trú bậc thứ hai.

“Vị kia dứt bỏ tâm hỷ, an trú xả,⁴ chánh niệm, chánh trí, thân thọ khoái lạc, như điều mà Thánh nói là, xả, chánh niệm, an trú lạc,⁵ nhập đệ tam thiền. Vị kia với thân không hỷ, mà lạc thấm nhuần tràn đầy khắp cả, không có chỗ nào không có. Thí như hoa ưu-bát-la, hoa câu-đâu-ma, phân-đà-lợi, tuy sanh trong ao mà chưa ra khỏi nước; gốc, cọng, bông, lá, lịm mình trong nước, không có chỗ nào không thấm nước. Tỳ-kheo chứng nhập đệ tam thiền cũng lại như vậy, lìa hỷ, an trú lạc, thấm nhuần cả thân, không chỗ nào không có. Đây là thành tựu hiện pháp lạc trú với đệ tam thiền.

“Vị kia xả bỏ khô lạc, ưu hỷ đã đoạn từ trước, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh,⁶ chứng nhập đệ tứ thiền, thân tâm thanh

¹ Nội tín 內信. Huyền Trang: nội đẳng tịnh, trạng thái bình lặng, quân bình của nội tâm khi nhập đệ nhị thiền. Pāli: *ajjhataṃ sampasādanam*.

² Hán: tâm tại nhất xứ 心在一處. Pāli: *cetaso ekodibhāvam*

³ Trú hộ niệm lạc 住護念樂. Hán hiểu từ nguyên của Skt. *upekṣa* (Pāli: *upekkha*) là “nhìn bên trên” (do *upa-ikṣa/upa-ikkha*) nên dịch là “hộ” thay vì dịch là “xả”. Pāli: *pūṭiyā ca virāgā ca upekkhako ca viharati*, “vị ấy ly hỷ, an trú xả.”

⁴ Trú hộ niệm lạc 住護念樂. Hán hiểu từ nguyên của Skt. *upekṣa* (Pāli: *upekkha*) là “nhìn bên trên” (do *upa-ikṣa/upa-ikkha*) nên dịch là “hộ” thay vì dịch là “xả”. Pāli: *pūṭiyā ca virāgā ca upekkhako ca viharati*, “vị ấy ly hỷ, an trú xả.”

⁵ Hán: hộ niệm khoái lạc 護念快樂. Xem cht. 159 trên. Pāli: *upekkhako satimā sukhaviharī*, an trú lạc cùng với xả và niệm.

⁶ Hán: hộ niệm thanh tịnh 護念清淨. Pāli: *upekkha-sati-parisuddhiṃ*, xả và niệm thanh tịnh, trạng thái thuần tịnh, trong suốt, do chỉ còn xả và niệm.

tịnh tràn ngập khắp cả, không chỗ nào không có. Cũng như người nam hay người nữ tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới trắng sạch tinh, không chỗ nào không trùm kín. Tỳ-kheo vào đệ tứ thiên cũng lại như vậy, tâm vị kia thanh tịnh biến mãn khắp cả thân, không chỗ nào không giáp khắp. Vị kia vào đệ tứ thiên tâm không trạo động, cũng không giải đãi, không tương ưng với ái nhuế, trụ vô động địa. Thí như ngôi nhà kín, trong ngoài đều trét bùn, đóng cửa kỹ, gió bụi không vào được, bên trong thấp ngọn đèn, không có nhân hay phi nhân thổi, hoặc chim bay khua động, thì ngọn đèn kia cháy thẳng, không có chao động, lặng lẽ chiếu soi. Tỳ-kheo vào đệ tứ thiên cũng lại như vậy, không có xao động, tâm không giải đãi, không cùng ái nhuế tương ưng, trụ vô động địa. Đây là sự thành tựu hiện pháp lạc trú với đệ tứ thiên. Vì sao vậy? Do không phóng dật, tinh tấn không biếng nhác, chuyên niệm không thác loạn, ưa ở chỗ tịch tĩnh.

“Vị kia được định tâm thanh tịnh, không có cấu uế, nhu nhuyễn điều phục, trụ vô động địa, chính trong tự thân, sinh khởi tâm có thể biến hóa làm thân khác, đầy đủ tay chân, các căn không thiếu. Khi ấy quán sát sắc của thân này, do bốn đại hiệp thành; sắc của thân kia do sự biến hoá mà có. Sắc của thân do bốn đại này khác với sắc gồm bốn đại của thân được biến hoá kia. Từ trong sắc của thân do bốn đại này, được biến hoá bởi tâm, thân kia đầy đủ các căn, cùng với tay chân.

“Thí như có người rút con dao từ trong bao dao ra, nghĩ rằng: đây là [965a1] cái bao, đây là dao; dao khác bao khác; con dao được rút ra từ bao này. Cũng như có người từ trong giỏ tre lôi ra một con rắn, nghĩ rằng: Đây là cái giỏ, đây là con rắn; giỏ khác rắn khác; từ nơi giỏ con rắn được lôi ra từ giỏ. Thí như có người từ cái hòm mây lấy ra chiếc áo, nghĩ rằng: đây là cái hòm, đây là áo; áo khác hòm khác; áo từ hòm lấy ra. Tỳ-kheo lại cũng như vậy. Đây là thắng pháp tối sơ của tỳ-kheo.

Vì sao vậy? Do không phóng dật, tinh tấn không giải đãi, chuyên niệm không thác loạn, ưa ở chỗ tịch tĩnh.

“Vị kia do định tâm thanh tịnh, cho đến nhập bất động địa. Từ trong đại thân do bởi sắc gồm bốn đại của mình sanh khởi tâm biến hóa thành một hóa thân, đầy đủ tất cả các căn, cùng với tay chân. Vị kia nghĩ: Thân này là bốn đại hiệp thành, thân kia từ biến hóa mà có. Thân do bởi sắc gồm bốn đại này khác với thân do bởi sắc gồm bốn đại được biến hoá kia. Tâm này ở nơi thân này, trên thân này, được buộc vào thân này. Thí như hạt châu ma-ni, lưu ly, được đánh bóng, thật trong sáng không cấu uế. Rồi dùng một dây tơ xanh vàng đỏ xâu qua. Có người đàn ông với đôi mắt sáng, để nó trên lòng bàn tay mà nhìn, thấy rõ đây là ngọc, đây là sợi tơ. Tơ khác ngọc khác, hạt châu này được xâu bởi dây tơ. Tỳ-kheo cũng như vậy, thân này là bốn đại hiệp thành, thân kia từ biến hóa mà có. Thân do bởi sắc gồm bốn đại này khác với thân do bởi sắc gồm bốn đại được biến hoá kia. Tâm này ở nơi thân này, trên thân này, được buộc vào thân này. Đây là thắng pháp thứ hai của tỳ-kheo. Tại sao vậy?

“Do không phóng dật, tinh tấn không biếng nhác, chuyên niệm không thác loạn, ưa ở chỗ tịch tĩnh.

“Vị kia do định tâm thanh tịnh, cho đến nhập vô động địa, tâm chuyên nhất tu tập thần thông trí chứng. Vị kia có thể làm các thứ biến hóa, do một thân làm thành vô số thân, từ vô số thân trở lại một thân; thân có thể bay đi, xuyên qua tường đá không có gì trở ngại như đi vào chỗ hư không; đi đứng trong hư không như loài chim không khác; ra vào trong đất, như nước thấm thấu; hoặc biến thành khói hoặc biến thành lửa, hay thành đồng lửa to; tay có thể sờ chạm mặt trời, mặt trăng, thân cao đến Phạm thiên. Thí như người thợ đồ gốm, khéo điều hòa bùn đất, tùy ý làm ra đồ dùng, tất cả đều thành tựu, mà có lợi ích. Thí như người thợ mộc, khéo hay bào miếng gỗ, để rồi làm các đồ dùng theo ý mình, đều thành tựu và lợi ích. Thí như thợ ngà voi khéo hay trau chuốt ngà voi [965b] theo ý muốn của mình, đều thành tựu và đem lại lợi ích. Thí như người thợ vàng khéo hay luyện chân kim để rồi làm thành các dụng cụ theo ý muốn của mình, đều thành tựu, đem lại lợi ích. Tỳ-kheo

cũng như vậy, định tâm thanh tịnh, đạt đến vô động địa, biến hóa theo ý muốn, *cho đến* Phạm thiên. Đây là thắng pháp thứ ba của tỳ-kheo.

“Vị kia do định tâm thanh tịnh, cho đến nhập vô động địa, tâm chuyên nhất tu tập, chứng thiên nhĩ trí. Thiên nhĩ của vị kia thanh tịnh vượt hẳn tai của người thường, nghe được hai loại âm thanh của nhân và phi nhân. Thí như trong thành đô quốc ấp có giảng đường cao rộng khoảng khoát, người vói tai thông tỏ ở tại nơi đó, khỏi phải dùng sức để nghe một cách nhọc mệt mà có thể nghe được các thứ âm thanh. Tỳ-kheo cũng như vậy, do tâm định nên thiên nhĩ thanh tịnh, nghe được tiếng nói của nhân và phi nhân. Đây là thắng pháp thứ tư của tỳ-kheo.

“Vị kia do định tâm thanh tịnh, cho đến nhập vô động địa, nhất tâm tu tập chứng tha tâm trí. Vị kia biết được tâm của chúng sanh ngoài mình, tâm ấy có dục không có dục, có cấu không có cấu, có si không có si, tâm rộng hay tâm hẹp, tâm nhỏ hay tâm lớn, tâm định hay tâm loạn, tâm bị trói buộc hay tâm được giải thoát, tâm cao thượng hay tâm không cao thượng, tất cả đều biết hết. Thí như kẻ nam người nữ tự làm cho mình vui, dùng gương soi mặt, đâu có bộ phận nào nơi mặt mà không thấy. Tỳ-kheo cũng như vậy, do định tâm thanh tịnh nên biết được ý nghĩ của tất cả chúng sinh bên ngoài. Đây là thắng pháp thứ năm.

“Vị kia do định tâm thanh tịnh, cho đến nhập vô động địa, tâm chuyên nhất tu tập chứng túc mạng trí, bèn có thể nhớ biết vô số đời sống trước, với nhiều sự việc khác nhau; có thể nhớ một đời, mười đời, một trăm đời, một ngàn đời, vô số một trăm, ngàn đời, cho đến thời kiếp tận hỏa thiêu, quốc độ bị đốt cháy toàn bộ rồi sanh trở lại. Ta sanh nơi đây tên họ như vậy, chủng loại như vậy, tộc tánh như vậy, ăn uống như vậy, thọ mạng như vậy, ở đời như vậy, tuổi thọ hết như vậy, thọ khổ vui như vậy. Từ nơi kia mạng chung lại sanh nơi kia, lần lượt như vậy thọ sanh. Nơi đây hình sắc tướng mạo vô số các thứ sai khác như vậy, đều nhớ biết rõ ràng. Thí như có người từ nơi thôn xóm của mình lưu lạc đến nước khác,

thời gian ở tại đó, đi đứng, nói năng, im lặng như thế nào; rồi từ nước đó lại đến nước khác, đi đứng, nói năng, im lặng như thế nào; lần lượt trở lại nước kia, khỏi phải dụng lực một cách nhọc nhằn mà có thể nhớ biết hành trình các nước. Ta từ nước này đến nước kia, khi ở nước kia, đi như vậy, đứng như vậy, [965c] nói năng như vậy, im lặng như vậy; từ nước kia đến nước kế tiếp, khi ở nước đó, đi như vậy, đứng như vậy, nói năng như vậy, im lặng như vậy, lần lượt trở lại bản quốc. Tỳ-kheo cũng như vậy, với định tâm thanh tịnh, cho đến nhập vô động địa, bằng trí túc mạng đã chứng có thể nhớ vô số trăm ngàn kiếp tất cả các sự việc. Đây là tỳ-kheo chứng đắc minh thứ nhất, vô minh diệt, minh pháp sanh, bóng tối tiêu mất, pháp sáng tỏ hiện. Đây là tỳ-kheo chứng đắc túc mạng trí minh. Tại sao vậy? Do tâm không phóng dật, siêng năng không biếng nhác, tâm không thác loạn, ưa ở chỗ tịch tĩnh.

“Vị kia do định tâm thanh tịnh, cho đến nhập vô động địa, nhất tâm tu tập, chứng sanh tử trí, trí chứng thiên nhãn kia thanh tịnh, thấy chúng sanh chết nơi đây sanh nơi kia, hình sắc đẹp xấu, các nẻo lành dữ, tôn quý ti tiện, tùy theo nghiệp chúng sanh tạo, tất cả nhân duyên nghiệp báo đều biết hết. Như người này, thân tạo ác hành, khẩu tạo ác hành, tâm tạo ác hành, phi báng Hiền Thánh, tà mạng. Do quả báo tà kiến, nên đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như chúng sanh này thân hành thiện, khẩu hành thiện, tâm niệm thiện, không phi báng Hiền Thánh, chánh kiến, tu tập chánh nghiệp, khi chết được sanh trong cõi trời người. Thiên nhãn thanh tịnh như vậy, thấy chúng sanh chết nơi đây sanh nơi kia, tùy theo nghiệp đã tạo, tất cả nghiệp nhân đều biết. Thí như nơi chỗ đất rộng lớn bằng phẳng tại đầu đường ngã tư, có một chỗ ngôi nhà cao vút, một người với đôi mắt sáng ở nơi đó. Thấy chúng sanh từ phương đông đến phương tây, từ phương tây đến phương đông, từ phương nam đến phương bắc, từ phương bắc đến phương nam. Cũng như vậy, tỳ-kheo dùng định tâm thanh tịnh, cho đến vô động địa, thấy chúng sanh chết nơi đây sanh nơi kia, cho đến tùy theo chỗ tạo nghiệp của chúng sanh, tất cả nhân duyên nghiệp báo đều biết. Đây là tỳ-kheo chứng được minh thứ hai, vô minh đoạn, minh pháp sanh, bóng tối

tiêu mất, ánh sáng xuất hiện. Đây là chứng sanh tử trí minh, thấy chúng sanh chết nơi này sinh nơi kia. Tại sao vậy? Do không phóng dật, siêng năng không biếng nhác, tâm không thác loạn, ưa sống chỗ tịch tĩnh.

“Vị kia do định tâm thanh tịnh, cho đến vô động địa, nhất tâm tu tập chứng vô lậu trí. Vị kia như thật biết Khổ thánh đế, Tập-Tận-Đạo đế; như thật biết hữu lậu, lậu tập, lậu tận, như thật biết con đường đưa đến lậu tận Đạo thánh đế. Vị kia biết như vậy, thấy như vậy, [966a1] tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu; sau khi đã giải thoát, biết rằng, ‘sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần đã làm xong, không còn tái sanh.’ Thí như trong ao nước trong có cây, đá, cá trạnh, các loài thủy tộc, đông tây du hành; người có mắt sáng thấy rõ cây, đá, cá trạnh: đây là cây đá, đây là cá trạnh du hành đây đó. Tỳ-kheo cũng như vậy, do định tâm thanh tịnh, cho đến vô động địa, đặng vô lậu trí chứng, *cho đến* không trở lại tái sanh. Đây là tỳ-kheo chứng đắc minh thứ ba, vô minh đoạn, minh pháp sanh, bóng tối tiêu mất, ánh sáng hiện, gọi là vô lậu trí minh. Tại sao vậy? Do không phóng dật, tinh tấn không biếng nhác, niệm không thác loạn, ưa ở chỗ tịch tĩnh.”¹

¹ Bản Hán, hết quyển 53.

CHƯƠNG III

NGŨ BÁCH KẾT TẬP

I. DUYÊN KHỞI

[966a19] Sau khi đức Thế Tôn Bát-niết-bàn giữa rừng Sa-la,¹ trong khu vườn của người Mạt-la,² thành Câu-thi,³ những người Mạt-la rửa xá-lợi⁴ của Phật xong, dùng kiếp-bôi sạch gói lại, lấy năm trăm trương điệp theo thứ tự quấn lại, để trong kim quan bằng sắt, rồi đổ đầy dầu thơm vào; sau đó để xá-lợi vào giữa và đậy nắp lại. Rồi lại làm cái quách bằng gỗ, đặt kim quan vào giữa. Bên dưới chắt một đồng củi bằng loại gỗ thơm. Khi ấy, thủ lĩnh của người Mạt-la cầm lửa đốt. Bấy giờ, chư Thiên liền làm cho lửa tắt. Các Đại Mạt-la Tử khác lần lượt cầm cây đuốc lớn để đốt. Chư Thiên cũng đều dập tắt ngọn lửa. A-na-luật nói với những người Mạt-la rằng:

“Không cần phải khổ nhọc như vậy. Chư Thiên dập tắt lửa của các ông.”

Họ hỏi A-na-luật:

“Thưa Đại đức, vì sao chư Thiên lại dập tắt lửa?”

¹ Sa-la lâm 娑羅林. *Tăng kỳ* 32: kiên cố lâm 堅固林. *Thập tụng* 60: sa-la song thọ 娑羅雙樹. Pāli: *sālavana*. Khu rừng của những cây sa-la, chỗ Phật nhập niết-bàn. Cây mọc từng cặp, nên gọi là sa-la song thọ 娑羅雙樹; Pāli: *yamaka-sālā*.

² Mạt-la 末羅. Tên của một bộ tộc lớn thời Phật. *Tăng kỳ*, *Thập tụng*: Lục sỹ 力士. Pāli: *malla*. Bộ tộc này chia làm hai nhánh. Một đóng thủ phủ ở Pāvā (Ba-hòa hay Ba-bà) và một ở Kusināra (Câu-thi-na).

³ Câu-thi thành 拘尸城. *Ngũ phần*: Câu-di thành 拘夷城. *Tăng-kỳ*: Câu-thi-na thành 拘尸那城. Pāli: Kusināra (Skt. *Kuśinagara*/*Kuśinagarī*/*Kuśigrāmaka*, 拘尸那竭: Câu-thi-na-kiệt). Thủ phủ của người Mạt-la.

⁴ Xá-lợi 舍利; Pāli: *sarīra*, thân thể, nhục thể. Đây nói nhục thân của Phật trước khi hòa thiêu; không phải xá-lợi sau khi hòa thiêu.

A-na-luật trả lời:

“Vị Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp cùng đại tỳ-kheo gồm năm trăm vị hiện trên lộ trình đến đây, còn đang ở giữa hai nước Ba-bà và Câu-thi. [966b] Trưởng lão nghĩ rằng, ‘Ta có thể thấy được xá-lợi Phật, khi chưa thiêu hay chăng?’ Chư Thiên biết tâm niệm của Ca-diếp như vậy, cho nên đã dập tắt lửa.”

Những người Mạt-la nói:

“Đại đức A-na-luật, nay tạm đình hoãn, chiều theo ý chư Thiên vậy.”

Bấy giờ, Ma-ha Ca-diếp cùng đại tỳ-kheo Tăng gồm năm trăm vị đang trên đường đi giữa hai nước kia, gặp một người Ni-kiên¹ cầm cành hoa mạn-đà-la² từ chỗ đức Thế Tôn Niết-bàn ngược chiều đi đến. Ca-diếp thấy, bèn hỏi:

“Ông từ đâu đến đây?”

Người ấy trả lời: “Tôi từ thành Câu-thi đến.”

Ca-diếp lại hỏi: “Có biết đức Thế Tôn của chúng tôi không?”

Trả lời: “Biết.”

Lại hỏi: “Nay Ngài còn tại thế chăng?”

Trả lời: “Không còn tại thế. Nhập Niết-bàn trước đây bảy ngày rồi. Tôi từ đó cầm nhánh hoa này đến đây.”

Ca-diếp nghe rồi, không vui. Trong số đó, có những tỳ-kheo chưa ly dục, nghe đức Thế Tôn đã Niết-bàn, liền gieo mình xuống đất. Cũng như cây bị chặt gốc ngã xuống; các vị chưa ly dục này cũng lại như vậy. Khóc than rằng: “Ôi! Đức Thiện thế Niết-bàn sao quá sớm vậy? Ôi! Con mắt sáng của thế gian sao tắt nhanh vậy? Ôi! Chánh pháp mà chúng ta tuân thừa sao có thể diệt tận?”

¹ Cf. Vin. ii. 184: một người *ājīvaka*, tà mạng ngoại đạo.

² Mạn-đà-la hoa 曼陀羅華; Pāli: *mandāra*, loại hoa được coi là chỉ có ở trên Trời, không có trong thế gian này.

Có vị lăn tròn dưới đất. Cũng như khúc cây, các tỳ-kheo chưa ly dục này cũng lại như vậy. Than khóc sầu não rằng:

“Ôi! Đức Thiên thế sao Niết-bàn quá sớm vậy?”

Khi ấy Bạt-nan-đà Thích tử¹ cũng ở trong chúng, nói với các tỳ-kheo:

“Thôi đủ rồi! Các Trưởng lão, đừng khóc nữa, đừng quá ưu sầu. Chúng ta nay đã thoát khỏi vị Ma-ha-la² ấy rồi. Lão ấy khi còn sống thường dạy chúng ta: ‘Cái này nên; cái này không nên. Phải làm điều này, không được làm điều này.’ Nay chúng ta được tự do làm theo ý muốn của mình. Muốn làm thì làm, không muốn làm thì thôi.”

Đại Ca-diếp nghe như vậy không vui, liền bảo các tỳ-kheo rằng:

“Hãy đứng lên! Nhanh chóng cầm y bát để kịp thời thấy xá-lợi của đức Thế Tôn trước khi chưa thiêu.”

Các tỳ-kheo nghe Ca-diếp nói liền vội vã ôm cầm y bát để đi. Đại Ca-diếp cùng năm trăm vị đến thành Câu-thi rồi, ra khỏi thành, vượt qua sông Hê-lan-nhã,³ đến chùa Thiên quan,⁴ chỗ tôn giả A-nan, nói:

“Này A-nan, tôi muốn kịp thấy xá-lợi Thế Tôn khi chưa thiêu.”

¹ Bạt-nan-đà Thích tử, người được đề cập rất nhiều trong các nhân duyên Phật chế giới. Nhưng, Vin.ii. 184 nói: Subhadda, một tỳ-kheo xuất gia khi tuổi đã già, nói lên điều này. Đây không phải là Subhadda (Tu-bạt), người Bà-la-môn được Phật độ cuối cùng, mà nguyên là một người thợ hót tóc. Một số điều luật Phật chế do việc làm sai trái của ông này.

² Ma-ha-la 摩訶羅; *Phiên dịch danh nghĩa 5* (tr.1137c16): “Đây gọi là vô tri 無知.” Phiên âm từ Skt. *mahāla*: người già yếu, già lão, vô tri.

³ Hê-lan-nhã 醯蘭若. Pāli: Hiraññavatī (Skt. Hiraṇyavatī). *Tăng-kỳ*: Hi-liên-thiền 熙連禪 (Kim hà). Con sông ở bìa rừng Sa-la, chỗ Phật nhập niết-bàn.

⁴ Thiên quan tự 天觀寺. *Trường A-hàm*, đã dẫn: 天冠寺. “Sau khi qua sông Hi-liên-thiền, đến chùa Thiên quan thì hoá thiêu.” Pl.: Makuṭa-(bandhana)-cetiya, đền thờ phía đông ngoài thị trấn Kusinagara.

Tôn giả A-nan trả lời: “Muốn kịp thấy xá-lợi của đức Thế Tôn khi chưa thiêu, thật là khó. Vì sao vậy? Xá-lợi đức Thế Tôn đã được tắm rửa, được bọc bằng kiếp-bối mới, rồi dùng năm trăm [966c] trương điệp tuần tự quấn lại, để trong kim quan bằng sắt, đổ đầy bằng dầu thơm, rồi để vào trong một cái quách bằng gỗ. Dưới cái quách chắt một đồng củi bằng cây thơm. Nay sắp sửa đốt. Cho nên khó có thể thấy được.”

Bấy giờ, Đại Ca-diếp từ từ bước đến chỗ kim quan đựng xá-lợi của Phật. Khi ấy cái quan và cái quách liền tự mở ra, chân đức Thế Tôn hiện ra. Đại Ca-diếp thấy dấu bánh xe dưới bàn chân Thế Tôn có vết bần, liền hỏi Tôn giả A-nan: “Nhan dung của đức Thế Tôn đoạn chánh, thân thể bằng sắc vàng, ai làm bần dấu bánh xe dưới chân?”

Tôn giả A-nan trả lời với Đại Ca-diếp:

“Bạch Đại đức Ca-diếp, tâm người nữ¹ mềm yếu. Khi kính lễ đức Thế Tôn, người ấy khóc. Nước mắt rớt xuống đó, rồi lấy tay nắm nên làm bần chân đức Thế Tôn.”

Đại Ca-diếp nghe nói, không vui, rồi kính lễ dưới chân đức Thế Tôn. Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, chư Thiên, đại chúng cũng đều kính lễ chân đức Thế Tôn. Bấy giờ, chân đức Thế Tôn hoàn lại trong kim quan, không còn hiện nữa. Đại Ca-diếp buồn than, nói kệ, nhiễu quanh kim quan bảy vòng, rồi lửa không châm mà tự nhiên cháy.

Đại Ca-diếp, sau khi lễ hỏa thiêu xá-lợi rồi, vì nhân duyên này tập hợp tỳ-kheo Tăng, kể lại rằng:

“Trên đường đi về đây, tôi nghe Bạt-nan-đà nói với các tỳ-kheo như sau: ‘Thôi đủ rồi! Các Trưởng lão, đừng khóc nữa, đừng quá ưu sầu. Chúng ta nay đã thoát khỏi vị Ma-ha-la ấy rồi. Lão ấy khi còn sống thường dạy chúng ta: Cái này nên, cái này không nên; phải làm điều này, không được làm điều này. Nay chúng ta được tự

¹ *Trường A-hàm*, đđ., “có một lão mẫu.”

do làm theo ý muốn của mình. Muốn làm thì làm, không muốn làm thì thôi.”

Đại Ca-diếp nói: “Nay, chúng ta hãy cùng nhau luận Pháp, Tỳ-ni. Chớ để cho ngoại đạo nói thêm nhiều điều, biếm nhẽ rằng, ‘Pháp và Luật của Sa-môn Cù-đàm như khói. Khi Thế Tôn ấy còn sống, mọi người cùng học giới. Nay người ấy mất rồi, không còn ai học giới nữa.’ Các Trưởng lão, nay hãy lựa chọn các tỳ-kheo đa văn, trí tuệ, là những vị A-la-hán.”

II. A-NAN

Bấy giờ, chọn được bốn trăm chín mươi chín vị đều là A-la-hán, đa văn trí tuệ. Các tỳ-kheo đề nghị:

“Nên chọn tôn giả A-nan ở trong số này.”

Đại Ca-diếp nói: “Chớ chọn A-nan vào trong số đó.”

Hỏi: “Vì sao vậy?”

Đáp: “Vì A-nan còn có ái, nhuế, bố, si. Người có ái nhuế bố si thì không nên chọn vào trong số đó.”

Khi ấy, các tỳ-kheo lại nói: “Tôn giả A-nan là người cúng dường¹ Phật, thường đi theo Phật, đích thân thọ nhận giáo pháp từ đức Thế Tôn. Đây đó, những chỗ nghi vấn, chắc chắn tôn giả đã thưa hỏi đức Thế Tôn. Vậy nên cần được chọn vào trong số đó.”

Rồi Tôn giả được chọn vào trong số.

Các tỳ-kheo đều nghĩ, “Chúng ta nên chọn chỗ nào mà tập hội để luận [967a1]Pháp và Tỳ-ni, chỗ mà ẩm thực và ngọa cụ được đầy đủ không thiếu?” Tất cả đều nói, “Chỉ có thành Vương-xá là nơi mà phòng xá, ẩm thực và ngọa cụ được đầy đủ dồi dào. Nay chúng ta nên đến đó tập hợp để luận Pháp và Tỳ-ni.”

¹ Cúng dường 供養; chi (người) phục vụ, hay thị giả. Pāli: *upaṭṭhāka*; xem Phần III, Ch.III, An cư.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp liền tác bạch:

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Các tỳ-kheo này được Tăng sai. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng đến thành Vương-xá tập hội để luận Pháp và Tỳ-ni. Đây là lời tác bạch.”

Tác bạch rồi, tất cả đều đến Tỳ-xá-ly.

Khi ấy, A-nan đang trên đường đi, nơi chỗ thanh vắng, tâm tự suy nghĩ rằng, “Vị như con nghé mới sanh còn bú sữa, cùng năm trăm con bò lớn đồng đi. Nay ta cũng như vậy. Là hàng hữu học, còn có việc phải làm,¹ mà cùng đi với năm trăm vị A-la-hán!”

Bấy giờ, các Trưởng lão đều đến Tỳ-xá-ly. A-nan cũng đang trụ tại Tỳ-xá-ly. Các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, uru-bà-tắc, uru-bà-di, quốc vương, đại thần, các bà-la-môn, ngoại đạo đều đến thăm hỏi. Mọi người tụ hội đông đảo.

Bấy giờ, có tỳ-kheo Bạt-xà Tử² có đại thần lực, đã đặng thiên nhãn, biết được tâm trí của người khác, suy nghĩ: “Hiện nay, A-nan cũng đang ở tại Tỳ-xá-ly. Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, uru-bà-tắc, uru-bà-di, quốc vương đại thần, các bà-la-môn ngoại đạo đều đến thăm hỏi. Mọi người tụ hội đông đảo. Nay ta nên quán sát xem A-nan là người hữu dục hay vô dục?” Sau khi quán sát biết A-nan là người hữu dục chứ chẳng phải vô dục. Tỳ-kheo lại nghĩ, “Nay ta nên khiến cho A-nan sanh tâm yểm ly.” Vì muốn khiến tôn giả A-nan sanh tâm yểm ly, nên Bạt-xà Tử liền nói bài kệ:

*Dưới gốc cây chỗ khuất,
Tâm tư hướng Niết-bàn.
Tọa thiền đừng buông lung.
Nói nhiều để làm gì?*

¹ Hữu tác 有作. Vì còn phải tu tập. Khi một vị chứng quả A-la-hán, vị ấy được nói là “Đã làm những điều cần làm” (Pāli: *katam karaniyam*: sở tác dĩ biện).

² Bạt-xà Tử 跋闍子; Pāli: Vajjiputta. Vị tỳ-kheo này thuộc vương tộc Licchavī, dòng họ Vajjī.

Tôn giả A-nan nghe tỳ-kheo Bạt-xà Tử nói pháp yếm ly rồi, liền ở riêng một mình, tinh tấn không buông lung, tịch nhiên, không loạn động.

Đây là pháp vị tăng hữu¹ của A-nan: Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở chỗ đất trống, trải giường dây, hầu hết suốt đêm đi kinh hành, đến lúc gần sáng, khi tướng bình minh sắp xuất hiện, thân mỗi mệt, nghĩ rằng, “Nay ta quá mỗi mệt, cần ngồi một chút.” Nghĩ xong, liền ngồi; rồi nghiêng mình muốn nằm. Trong khoảnh khắc, khi đầu chưa đến gối, bỗng nhiên tâm đắc vô lậu giải thoát. Đây là pháp vị tăng hữu của tôn giả A-nan.

A-nan đắc A-la-hán rồi, liền nói kệ:

Đa văn, nói rất nhiều.

Thường hầu hạ Thế Tôn.

[967b] *Đã đoạn sanh tử xong*

Nay Cù-đàm² muốn nằm.

III. TẬP TĂNG

Các tỳ-kheo từ Tỳ-xá-ly đến thành Vương-xá, nói:

“Trước khi luận Pháp và Tỳ-ni, chúng ta cần làm việc gì? Sửa soạn phòng xá, ngọa cụ trước, hay luận Pháp, Tỳ-ni trước?”

Tất cả đều nói, tu bổ phòng xá, ngọa cụ trước.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp vì nhân duyên này tập hợp tỳ-kheo Tăng. Trong số này, Đà-hê-la Ca-diếp làm Thượng tọa. Trưởng lão Bà-bà-na là Thượng tọa thứ hai.³ Đại Ca-diếp là Thượng tọa thứ ba. Trưởng lão Đại Châu-na là Thượng tọa thứ tư.

¹ Pháp đặc biệt duy chỉ A-nan có. Xem *Trung A-hàm* 8, kinh 33 “Thị giả”. *Trường A-hàm* 4, (tr.25c21): Phật nói 4 pháp kỳ đặc của A-nan. Cf. D.ii. 145: *cattārome bhikkhave acchariyā abbhutā dhammā ānande*.

² A-nan thuộc Vương tộc họ Thích, nên tự gọi mình là Cù-đàm.

³ Đà-hê-la Ca-diếp 陀醯羅迦葉, Bà-bà-na 婆婆那, và Đại Châu-na 大周那. *Tăng kỳ* 32 (tr.490c21): ba vị Thượng thủ, thứ tự: Đại Ca-diếp 大迦葉, Na-đầu-

Bấy giờ, Đại Ca-diếp biết rành Tăng sự, liền tác bạch:

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng tập hợp để luận Pháp Tỳ-ni. Đây là lời tác bạch.”

Khi ấy, tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chầm đất, chấp tay, bạch Đại Ca-diếp:

“Tôi trực tiếp nghe từ đức Phật, ghi nhớ lời Phật có dạy rằng, ‘Từ nay về sau, vì các tỳ-kheo bỏ các giới nhỏ tiểu tiết.’”¹

Ca-diếp hỏi A-nan:

“Ông có hỏi đức Thế Tôn, giới nào là giới nhỏ tiểu tiết hay không?”

Tôn giả A-nan trả lời:

“Lúc ấy tôi sầu ưu nên quên, không hỏi điều đó.”

Các tỳ-kheo đều nói:

“Đến đây. Tôi sẽ nói với ông, trong giới nhỏ tiểu tiết.”

Hoặc có vị nói, trừ bốn ba-la-di, ngoài ra là giới nhỏ tiểu tiết. Hoặc nói, trừ bốn ba-la-di và mười ba sự, ngoài ra là giới nhỏ tiểu tiết. Hoặc nói, trừ bốn ba-la-di, mười ba sự, và hai bất định, ngoài ra là giới nhỏ tiểu tiết. Hoặc nói, trừ bốn ba-la-di, mười ba sự, hai bất định, và ba mươi sự, ngoài ra là giới nhỏ tiểu tiết. Hoặc nói, trừ bốn ba-la-di, cho đến chín mươi sự, ngoài ra là giới nhỏ tiểu tiết. Đại Ca-diếp bảo các tỳ-kheo:

lô 那頭盧, Ưu-ba-na-đầu-lô 優波那頭盧. *Thập tụng 60* (tr. 446a4), bốn vị Thượng thủ của Diêm-phù-đề: đệ nhất Thượng tọa, trưởng lão A-nhã Kiều-trần-như; đệ nhị Thượng tọa, trưởng lão Quân-đà; đệ tam Thượng tọa, trưởng lão Thập Lực Ca-diếp; đệ tứ Thượng tọa, trưởng lão Ma-ha Ca-diếp.

¹ Tập toái giới 雜碎戒. *Trưởng A-hàm 4* (tr.26a 29): tiểu tiểu giới. Pāli: *khudā-nukhudakāni sikhāpadāni*, các học xứ nhỏ, và không quan trọng.

“Các Trưởng lão! Nay, trong chúng mỗi vị nói một cách, không biết giới nào là giới nhỏ tiểu tiết. Từ nay về sau, nên cùng nhau lập ước chế: ‘Nếu trước đây, những gì đức Phật chế cấm thì nay không nên chế cấm. Trước đây những gì đức Phật chế cấm thì nay không nên hủy bỏ. Nên tùy thuận học tập những gì mà đức Phật đã quy định.’”

Đại chúng đều lập chế hạn như vậy.

Đại Ca-diếp¹ nói với A-nan:

“Ông là người đầu tiên thỉnh cầu Phật độ người nữ xuất gia ở trong Phật Pháp, mắc tội đột-kiết-la. Nay nên sám hối.”

Tôn giả A-nan trả lời:

“Bạch Đại đức, điều này tôi không cố ý làm. Ma-ha Ba-xà-ba-đề có đại ân đối với đức Phật. [967c] Phật mẫu qua đời, nuôi nấng Thế Tôn. Bạch Đại đức, nay tôi đối với việc này, không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên xin sám hối.”²

Đại đức Ca-diếp lại nói:

“Ông khiến Thế Tôn phải ba lần yêu cầu ông làm thị giả, mà ông nói không làm, phạm đột-kiết-la tội. Nay ông nên sám hối.”

Tôn giả A-nan trả lời với Đại Ca-diếp:

“Điều này, tôi không cố ý làm. Bởi vì làm thị giả Phật là việc rất khó, nên tôi nói là tôi không thể. Nay, tôi đối với việc này, không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên xin sám hối.”

Đại đức Ca-diếp lại nói:

“Ông vá y tăng-già-lê cho đức Phật, dùng chân đạp để vá, mắc tội đột-kiết-la. Nay phải sám hối.”

¹ Luật Pāli, Vin. ii. 189, các tỷ-kheo trưởng lão nêu tội, không phải chỉ một mình Đại Ca-diếp. Trong đây, chỉ luận 5 tội đột-kiết-la của A-nan. *Thập tụng 60*, đã dẫn, 6 đột-kiết-la.

² *Thập tụng 60*: A-nan trả lời: “Quá khứ chư Phật đều có đủ bốn chúng. Thế Tôn của chúng ta hiện tại sao lại không? Vì vậy tôi ba lần thỉnh cầu.”

A-nan trả lời Đại đức Ca-diếp:

“Điều này, tôi không cố ý làm. Chẳng phải tôi có tâm khinh mạn mà làm như vậy. Vì không có ai cầm nên tôi phải làm như vậy. Nay, tôi đối với việc này, không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên xin sám hối.”

Ca-diếp nói:

“Đức Thế Tôn muốn Niết-bàn, ba phen nói với ông. Ông không thỉnh đức Thế Tôn ở lại thế gian một kiếp hay hơn một kiếp, để cho vô số người được lợi ích, vì thương tưởng thế gian, vì sự an lạc cho chư thiên, nhân loại. Ông mắc tội đột-kiết-la. Nay phải sám hối.”

Tôn giả A-nan thưa:

“Bách Đại đức Ca-diếp, điều này không phải tôi cố làm, mà do Ma ám tâm tôi, khiến tôi không thỉnh Phật ở đời thêm nữa. Trong đây, tôi không tự thấy có tội, nhưng vì kính tín Đại đức, nên xin sám hối.”

Ca-diếp lại nói: “Đức Thế Tôn bảo ông lấy nước, ông không lấy, mắc tội đột-kiết-la. Nay phải sám hối.”

A-nan thưa:

“Điều này không phải tôi cố ý làm. Nhưng vì lúc ấy có năm trăm chiếc xe đi ngang qua phía trên dòng nước, nên nước bị đục. Sợ đức Thế Tôn uống bị bệnh, nên tôi không lấy.”

Ca-diếp nói:

“Khi ấy ông lấy thì hoặc do oai thần của Phật, hoặc chư Thiên khiến cho nước được trong.”

A-nan nói:

“Trong đây, tôi không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên xin sám hối.”

Ca-diếp lại nói:

“Ông không thưa hỏi đức Thế Tôn, giới nhỏ tiểu tiết, là những giới nào, mắc tội đột-kiết-la. Nay nên sám hối.”

Ông A-nan thưa:

“Điều này, chẳng phải tôi cố ý làm, mà vì lúc ấy tôi sầu ưu, không nhớ để thưa hỏi đức Thế Tôn giới nào là giới nhỏ, tiểu tiết. Trong đây, tôi không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên xin sám hối.”

Ca-diếp lại nói:

“Ông không ngăn người nữ, để cho họ làm bần chân đức Phật. Mắc tội đột-kiết-la. Nay phải sám hối.”

Tôn giả A-nan thưa:

“Điều này chẳng phải tôi cố làm, mà là do người nữ tâm mềm yếu nên khi kính lễ chân Phật, [968a1] khóc chảy nước mắt, lấy tay lau, làm bần chân đức Phật. Trong đây tôi không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên nay xin sám hối.”

IV. TẬP LUẬT TẠNG

Khi ấy, Đại Ca-diếp liền tác bạch:

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng hỏi Ưu-ba-ly pháp Tỳ-ni. Đây là lời tác bạch.”

Khi ấy Ưu-ba-ly liền tác bạch:

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng khiến Thượng tọa Ca-diếp hỏi, tôi đáp. Đây là lời tác bạch.”

Đại Ca-diếp liền đặt câu hỏi:

“Giới ba-la-di thứ nhất, duyên khởi tại chỗ nào? Ai là người phạm đầu tiên?”

Ưu-ba-ly trả lời:

“Duyên khởi, đầu tiên tại Tỳ-xá-ly. Tu-đề-na Ca-lan-đa Tử là người phạm đầu tiên.”

“Giới thứ hai, duyên khởi đầu tiên ở đâu?”

“Tại thành Vương-xá. Tỳ-kheo Đà-ni-già,¹ con ông thợ đồ gốm, phạm đầu tiên.”

Lại hỏi: “Giới thứ ba, duyên khởi đầu tiên ở đâu?”

“Tại Tỳ-xá-ly. Tỳ-kheo bên sông Bà-cầu phạm đầu tiên.”

Lại hỏi: “Giới thứ tư, duyên khởi đầu tiên ở đâu?”

“Tại Tỳ-xá-ly. Tỳ-kheo bên sông Bà-cầu phạm đầu tiên.”

Lại hỏi: “Giới thứ nhất của tăng tàn, duyên khởi đầu tiên ở đâu?”

“Tại nước Xá-vệ. Ca-lưu-đà-di là người phạm đầu tiên.”

Như vậy, lần lượt tùy theo chỗ phát khởi đầu tiên như phần đầu đã nói.

Lại hỏi: “Giới thứ nhất, bất định pháp, duyên khởi đầu tiên ở đâu?”

“Tại nước Xá-vệ. Người phạm đầu tiên là Ca-lưu-đà-di.”

Giới thứ hai cũng vậy.

Lại hỏi: “Ni-tát-kỳ ba-dật-đề, duyên khởi đầu tiên ở đâu?”

“Tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu tỳ-kheo phạm đầu tiên.”

Như vậy, lần lượt, như phần đầu đã nói.

Lại hỏi: “Ba-dật-đề, duyên khởi đầu tiên ở đâu?”

“Tại Thích-sí-sâu. Tỳ-kheo Tượng Lực Thích tử là người phạm đầu tiên.”

Như vậy, lần lượt, như phần đầu đã nói.

Lại hỏi: “Ba-la-đề-đề-xá-ni duyên khởi đầu tiên ở đâu?”

“Tại nước Xá-vệ. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc là duyên khởi.”

Thứ hai, thứ ba, thứ tư, như phần đầu đã nói.

Lại hỏi: “Thứ nhất, chúng học pháp, duyên khởi đầu tiên ở đâu?”

¹ Đà-ni-già 陀尼伽. Trên kia, phiên âm là Đàn-nị-ca.

“Tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu tỳ-kheo phạm đầu tiên.”

Như vậy, lần lượt, như phần đầu đã nói.

Giới riêng của tỳ-kheo-ni, như luật đã nói.

Lại hỏi: “Đầu tiên cho phép thọ đại giới, duyên khởi ở chỗ nào?”

“Tại Ba-la-nại, năm tỳ-kheo.”

Lại hỏi: “Đầu tiên cho phép thuyết giới ở đâu?”

“Tại thành Vương-xá, vì các niên thiếu tỳ-kheo.”

Lại hỏi: “Đầu tiên cho phép an cư ở đâu?”

“Tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu tỳ-kheo là duyên khởi.”

Lại hỏi: “Ban đầu duyên khởi tự tứ ở đâu?”

[968b] “Tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu tỳ-kheo là duyên khởi.”

Như vậy, lần lượt hỏi cho đến Tỳ-ni tăng nhất.¹

Bấy giờ, các vị tập hợp tất cả phần việc của tỳ-kheo thành một nhóm gọi là “Luật tỳ-kheo.” Phần việc của tỳ-kheo-ni thành một nhóm gọi là “Luật tỳ-kheo-ni.”

Tất cả các pháp liên hệ thọ giới thành một nhóm gọi là “Kiền độ Thọ giới.” Tất cả các pháp bỏ-tát thành một nhóm gọi là “Kiền độ Bỏ-tát.”

Tất cả các pháp an cư thành một nhóm gọi là “Kiền-độ An cư.” Tất cả các pháp tự tứ thành một nhóm gọi là “Kiền độ Tự tứ.”

Tất cả các pháp liên hệ sử dụng da thuộc thành một nhóm gọi là “Kiền-độ Da thuộc.” Tất cả các pháp liên hệ y phục thành một nhóm gọi là “Kiền độ Y.”

Tất cả các pháp liên hệ sự dùng thuốc thành một nhóm gọi là “Kiền độ Dược.” Tất cả các pháp liên hệ Ca-thi-na y thành một nhóm gọi là “Kiền độ Ca-thi-na y.” Hai bộ luật, tất cả những Kiền độ, Điều bộ, Tỳ-ni Tăng nhất, tập hợp lại gọi là “Tỳ-ni tạng.”

¹ Tỳ-ni tăng nhất, chương VI, phần IV, luật Tứ phần.

V. TẬP KINH TĂNG

Bấy giờ, Đại Ca-diếp liền tác bạch:

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng hỏi A-nan pháp Tỳ-ni. Đây là lời tác bạch.”

Khi ấy, Tôn giả A-nan liền tác bạch:

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng khiến Đại Ca-diếp hỏi, tôi trả lời. Đây là lời tác bạch.”

Đại đức Ca-diếp liền hỏi A-nan:

“Kinh Phạm động¹ được nói ở chỗ nào? Tăng nhất,² nói ở đâu? Tăng thập,³ nói tại chỗ nào? Kinh nói về việc thế giới thành bại,⁴ nói ở đâu? Kinh Tăng-kỳ-đà,⁵ nói ở chỗ nào? Kinh Đại nhân duyên,⁶ nói ở đâu? Kinh Thiên đế Thích hỏi,⁷ nói ở đâu?”

Tôn giả A-nan đều trả lời như được nói trong Kinh Trường A-hàm.

Các vị liền tập hợp tất cả các kinh dài lại gọi là “Trường A-hàm”, tất cả kinh trung gọi là “Trung A-hàm.” Từ một sự, cho đến mười

¹ Kinh Phạm động 梵動經. Trường A-hàm 14, kinh số 21, Phạm động, No 1(21). Tương đương Pāli, D.1. Brahmajāla-suttanta.

² Kinh Tăng nhất 增一經. Trường A-hàm 9, kinh số 11, Tăng nhất, No (11). Tương đương Pāli, không có. Như kinh Thập thượng, No 1(10)

³ Kinh Tăng thập 增十經. Trường A-hàm 9, kinh số 10, Thập thượng, No 1(10). Tương đương Pāli, D. 34. Dasuttara-suttanta.

⁴ Kinh Thế giới thành bại 世界成敗經. Trường A-hàm 18-22, kinh số 30, Thế ký, No 1(30). Không có Pāli tương đương.

⁵ Kinh Tăng-kỳ-đà 僧祇陀經. Trường A-hàm 8, kinh số 9, Chúng tập, No 1(9). Tương đương Pāli, D. 33. Saṅgīti-suttanta.

⁶ Kinh Đại nhân duyên 大因緣經. Trường A-hàm 10, kinh số 13, Đại duyên phương tiện, No 1(13). Tương đương Pāli, D. 15. MahāNidāna-suttanta.

⁷ Kinh Thiên đế Thích vấn 天帝釋問經. Trường A-hàm 10, kinh số 14, Thích Đề-hoàn Nhân vấn, No (14). Tương đương Pāli, D. 21. Sakkapañha-suttanta.

sự; từ mười sự cho đến mười một sự gọi là “Tăng nhất.” Nhật lược¹ những điều liên quan đến tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, chư Thiên, Đế Thích, Ma, Phạm vương, tập lại gọi là “Tập A-hàm.”

Như thị sanh kinh,² Bốn kinh,³ Thiện nhân duyên kinh,⁴ Phương đẳng kinh,⁵ Vị tăng hữu kinh,⁶ Thí dụ kinh,⁷ Ưu-bà-đề-xá kinh,⁸ Cú nghĩa kinh,⁹ Pháp cú kinh,¹⁰ Ba-la-diên kinh,¹¹ Tập nan kinh,¹² Thánh kệ kinh¹³: các kinh như vậy tập hợp lại thành Tập tạng. Có nạn không nạn ràng buộc tương ưng với nhau, tập hợp lại thành A-

¹ Tập 雜; được hiểu là “nhật lược những điều tạp toái, linh tinh”, sát nghĩa Skt. *samykta* (Pāli: *samyutta*): liên kết những sự kiện có liên hệ nhau: tương ưng.

² Như thị sanh kinh 如是生經. Skt. *itivṛttaka/ityukta*, Pāli: *itivutka*, 1 trong 9 hay 12 phần giáo; phiên âm là y-đế-mục-đa-già, cũng dịch là bản sự, gồm những chuyện cổ không thuộc bản sanh.

³ Bốn kinh 本經. Skt. Pāli: *jātaka*, chỉ bản sanh truyện, những chuyện về tiền thân của Phật.

⁴ Thiện nhân duyên kinh 善因緣經. Skt. *nidāna*, tập hợp những giải đáp của Phật do các đệ tử hỏi trong nhiều nhân duyên khác nhau.

⁵ Phương đẳng kinh 方等經. Skt. *vaipulya*, âm là tỳ-phật-lược, dịch là phương đẳng hay phương quảng, xiển dương nghĩa lý quảng đại bình đẳng, tức diễn rộng nhưng ẩn ý vi mật trong các lời dạy của Phật.

⁶ Vị tăng hữu kinh 未曾有經. Skt. *adbhuta-dharma*, âm a-phù-đa-đạt-ma, tập hợp những điều ly kỳ, hiếm có trên đời.

⁷ Thí dụ kinh 譬喻經. Skt. *avadāna*, âm a-ba-đà-na, gồm những chuyện ngụ ngôn để răn dạy đạo đức.

⁸ Ưu-bà-đề-xá kinh 優婆提舍經. Skt. *upadeśa*, dịch là luận nghị, giải thích và biện luận ý nghĩa lời Phật.

⁹ Cú nghĩa kinh 句義經. Skt. *padārtha*, không có Hán.

¹⁰ Pháp cú kinh 法句經. Skt. *dharmapada*, tuyển tập những bài kệ của Phật.

¹¹ Ba-la-diên kinh 波羅延經. Tương đương Pāli: *Pārāyana-vagga* (phẩm đao bị ngan), phẩm thứ năm của Suttanipāta, Tiểu bộ Pāli (Khuddaka-Nikāya).

¹² Tập nan kinh 雜難經. Không có Hán.

¹³ Thánh kệ kinh 聖偈經. Tương đương Pāli: *Theragathā* (Trường lão kệ) và *Therīgathā* (Trường lão ni kệ), tuyển tập những bài kệ của các Thánh đệ tử, thuộc Tiểu bộ Pāli (Khuddaka-Nikāya).

tỳ-dàm tạng. Bảy giờ, những lời dạy của đức Phật được tập hợp lại thành Ba tạng.

VI. PHÚ-LÂU-NA

Bảy giờ, Trưởng lão Phú-la-na¹ nghe tại thành Vương-xá, có năm trăm vị A-la-hán cùng nhau tập hợp Pháp Tỳ-ni, liền cùng năm trăm vị tỳ-kheo, đến thành Vương-xá, chỗ Đại Ca-diếp nói:

“Tôi nghe Đại đức cùng năm trăm vị A-la-hán cùng nhau tập hợp [968c] Pháp Tỳ-ni, tôi cũng muốn dự nghe pháp.”

Đại Ca-diếp, vì nhân duyên này tập hợp tỳ-kheo Tăng vì số tỳ-kheo này hỏi lại Ưu-ba-ly, cho đến tập hợp thành ba Tạng như trên đã nói.

Phú-la-na thưa Đại đức Ca-diếp rằng:

“Tôi nhất trí tất cả, chỉ trừ tám việc. Thưa Đại đức, chính tôi nghe từ đức Phật và nhớ kỹ không quên, đức Phật cho phép: ngủ với thức ăn, nấu thức ăn trong giới, tự mình nấu thức ăn, tự mình lấy thức ăn, thọ thực lúc sáng sớm, từ người kia mang thức ăn đến, nếu có tạp quả hoặc nước trong ao chảy ra mà có vật có thể ăn được thì được ăn.² Tám trường hợp trên Phật đều cho phép không làm pháp dư thực mà được ăn.”

Đại Ca-diếp trả lời:

“Thật đúng như lời thầy nói. Đức Thế Tôn vì lúc mất mùa, lúc gạo khan hiếm, nhân dân đói khổ, khát thực khó, đã từ miễn đối với tỳ-kheo nên cho phép tám việc như vậy. Khi nào được mùa lúa gạo

¹ Phú-la-na 富羅那. Vin. ii. 289: bảy giờ, Trưởng lão Purāṇa cùng với 500 tỳ-kheo từ Nam sơn (Dakkhiṇāgiri) về Vương-xá để tham dự kết tập. Vị Trưởng lão này không được đồng nhất với Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, cũng gọi là Mãn Tử Tử (Skt. Pūrṇa-maitrāyani-putra, Pāli: Puṇṇa-Mantāni-putta), 1 trong 10 Đại đệ tử. *Ngũ phần 30* (tr.191c19).

² Xem Phần III, ch. VII. Thuộc, 9. Tám sự cho phép. Xem đoạn sau, phần IV, chương VI. Tỳ-ni tăng nhất, mục bốn pháp.

đầy đủ thức ăn nhiều thì Phật liền chế cấm, không cho phép làm như vậy.”

Phú-la-na lại nói:

“Thưa Đại đức Ca-diếp, đức Thế Tôn là bậc Nhất thiết trí kiến, không bao giờ cấm rồi lại mở; mở rồi lại cấm.”

Đại Ca-diếp trả lời:

“Vì đức Thế Tôn là bậc Nhất thiết trí kiến nên mới cấm rồi lại mở, mở rồi lại cấm. Nay Phú-la-na, chúng ta nên lập chế ước như vậy: Những gì đức Phật không cấm thì không nên cấm. Những gì đức Phật chế cấm thì không nên hủy bỏ. Nên tùy thuận học tập những chế giới của đức Phật.”¹

Tại thành Vương-xá, năm trăm vị A-la-hán, cùng nhau kiết tập Pháp Tỳ-ni, cho nên gọi là: “Tập Pháp Tỳ-ni ngũ bách nhân.”

¹ *Ngũ phần*, và Cūlavagga còn kết thêm pháp phạm-đàn (*brahmadāṇḍa*).

CHƯƠNG IV

THẤT BÁCH KẾT TẬP

I. DUYÊN KHỞI

[968c19] Sau khi đức Thế Tôn Bát-Niết-bàn một trăm năm, tại Tỳ-xá-ly, các tỳ-kheo người Bạt-xà Tử¹ thi hành mười việc, nói là pháp thanh tịnh, được đức Phật cho phép: được phép dùng hai ngón tay lấy thức ăn, được phép giữa xóm làng, được phép trong chùa, được phép về sau hứa khả, được phép thường pháp, được hòa, được phép muối ngũ chung, được phép uống rượu xà-lâu-la, được phép chứa ngọạ cụ không cất rọc, được nhận vàng bạc.² Ngày bố-tát, đàn-việt cúng vàng bạc, họ chia cho nhau.

Bấy giờ, có Da-xá Ca-na Tử³ nghe tỳ-kheo Tỳ-xá-ly làm việc như vậy, liền đến chỗ tỳ-kheo người Bạt-xà, thì thấy họ khuyên đàn-việt khi bố-tát cúng dường vàng bạc cho chúng Tăng. Giữa Tăng, họ xướng, chia phân cho tỳ-kheo Già-na Tử. Tỳ-kheo liền nói:

“Tôi không nhận.”

“Tai sao vậy?”

“Sa-môn Thích tử không được thọ nhận và cất giữ vàng bạc. Sa-môn Thích tử xả bỏ châu báu, không đắm nơi sự trang sức đẹp.”

Vào một ngày khác, họ phân chia xong, mang đến cho tỳ-kheo [969a1] Già-na Tử. Già-na Tử nói:

¹ Bạt-xà Tử 跋闍子. *Ngũ phần 30*: Bạt-kỳ 跋耆. *Tăng kỳ 33*: các tỳ-kheo Trưởng lão tại Tăng-già-lam Sa đôi, Tỳ-xá-ly 長老比丘在毘舍離沙堆僧伽藍. Pāli: *vesālikā vajjiputtakā*.

² *Ngũ phần 30* (tr.192a28). *Thập tụng 60* (tr. 450a30). Vin.ii. 294. Xem giải thích ở đoạn sau.

³ Da-xá ca(già)-na Tử 耶舍迦(伽)那子. *Ngũ phần*: Da-xá Ca-lan-đà Tử 耶舍迦蘭陀子. *Tăng kỳ*: Trì luật Da-xá 持律耶舍. *Thập tụng*: Da-xá-đà-ca-lan-đê Tử 耶舍陀迦蘭提子 Pāli: Yasa-Kākaṇḍakaputta, đệ tử của A-nan.

“Tôi không cần. Trước đây tôi đã nói Sa-môn Thích tử xả bỏ châu báu, không trang sức đẹp đẽ.”

Họ liền nói:

“Ưu-bà-tắc nơi Tỳ-xá-ly giận. Thầy đến giáo hóa khiến cho họ hoan hỷ.”

Rồi sai người cùng đi. Tỳ-kheo Da-xá Già-na Tử đến Tỳ-xá-ly, chỗ ưu-bà-tắc, nói:

“Thật sự các người giận lời nói của tôi phải không? Tôi nói: Sa-môn Thích tử không được nhận lấy vàng bạc, xả bỏ trân bảo, không trang sức đẹp đẽ. Nay ưu-bà-tắc, khi đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá, bấy giờ trong cung, quần thần của vua tập họp nói: Sa-môn Thích tử được nhận vàng bạc, không xả bỏ châu báu, trang sức đẹp. Bấy giờ, trong nhóm quần thần kia có đại trưởng giả Châu Kế¹ nói với các đại thần rằng: ‘Không được nói Sa-môn Thích tử được nhận lấy vàng bạc, không xả bỏ châu báu, đắm say vào việc trang sức cho đẹp. Tại sao vậy? Vì Sa-môn Thích tử không những không được phép nhận vàng bạc, mà còn xả bỏ châu báu, không đắm say vào việc trang sức đẹp.’ Bấy giờ, trưởng giả Châu Kế vì các đại thần giải thích nói rõ ràng, khiến họ hiểu và hoan hỷ. Sau đó, một thời gian Trưởng giả Châu Kế đến chỗ đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên trước kia bạch lên đức Thế Tôn một cách đầy đủ, rồi thưa: ‘Con giải thích rõ ràng, khiến họ hoan hỷ. Bạch đức Thế Tôn, con nói như vậy có trái với Thánh chỉ, không như pháp đã dạy sao?’ Đức Phật dạy ông trưởng giả: ‘Như lời ông nói là đúng pháp, đúng sự thật, không trái với giáo pháp đức Thế Tôn. Tại sao vậy? Vì Sa-môn Thích tử không được phép nhận lấy vàng bạc; xả bỏ châu báu,

¹ Châu Kế 珠髻. Thập tụng 60: Ma-ni Châu-la tụ lạc chủ 摩尼周羅聚落主. Xem, Phần I, Ch. iv. Ni-tát-kỳ ba-dật-đề 18. Pāli: Mañicūlaka, một người thôn trưởng. Vin.ii. 296; S. iv. 325.

không trang sức cho đẹp. Người nào nhận lấy vàng bạc tức là thụ hưởng ngũ dục. Thọ ngũ dục thì không phải Sa-môn Thích tử. Nay ông Trưởng giả, nếu thấy Sa-môn Thích tử nào cầm nắm vàng bạc, quyết định người ấy không phải là sa-môn Thích tử. Ta có nói, cho phép, ai cần tre, lau, cỏ, cây, được phép cầu xin; nhưng không bao giờ được phép tự mình nhận lấy vàng bạc.’ Nay Li-xa,¹ vì nhân duyên trên nên sa-môn Thích tử không được phép nhận lấy vàng bạc, xả bỏ châu báu, không trang sức cho đẹp.

“Này Lê-xa, lại có một hôm, khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ-hoàn. Thế Tôn nói với các tỳ-kheo, có bốn trường hợp khiến cho mặt trời, mặt trăng không sáng tỏ, đó là A-tu-la, khói mây, sương và bụi. Bốn trường hợp này khiến cho mặt trời, mặt trăng không sáng tỏ. Sa-môn, bà-la-môn cũng có bốn việc ô nhiễm bụi bần [969b] khiến cho sa-môn bà-la-môn không chói sáng. Đó là, nếu sa-môn, bà-la-môn nào không thể trừ bỏ việc uống rượu, thì đây là bụi bần thứ nhất. Hoặc có sa-môn bà-la-môn nào làm pháp ái dục, không thể xả ly, thì đây là bụi bần thứ hai. Hoặc có sa-môn bà-la-môn nào nhận lấy vàng bạc, không xả bỏ sự trang sức cho đẹp, thì đây là bụi bần thứ ba. Hay có sa-môn, bà-la-môn nào dùng tà mạng để nuôi sống, không thể đoạn trừ, thì đây là bụi bần thứ tư, đó gọi là bốn việc. Vì bốn việc này cho nên khiến sa-môn bà-la-môn ô uế không sáng tỏ, không có sự sáng chói. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Sa-môn, bà-la-môn
Cáu bần bởi tham dục,
Bị ngu si che lấp
Ái trước nơi sắc đẹp.
Uống rượu, tâm tán loạn;
Rồi làm pháp ái dục;
Nhận lấy vật quý báu;*

¹ Những người Li-xa (Licchavi), tức các cư sĩ ở Tỳ-xá-ly.

*Đây là kẻ vô trí.
 Sa-môn bà-la-môn
 Nuôi sống bằng tà mạng.
 Phật nói đây là xấu.
 Như mặt trời bị che,
 Ánh sáng không chiếu soi,
 Ô uế không tinh sạch.
 Bị che bởi bóng tối,
 Người bị ái dục sử,
 Tạo ác, không thiện nghiệp,
 Người si đâu hành đạo?
 Oán tăng lại càng thêm
 Lại thọ thân đời sau.*

“Này Li-xa, vì những nhân duyên như vậy, các người nên biết, Sa-môn Thích tử không được thọ nhận vàng bạc, trừ bỏ sự trang sức. Các người không tin lời nói của tôi hay sao?”

Li-xa nói:

“Không phải tôi không tin. Tôi rất kính tín Ngài. Ngài có thể cư trú tại Tỳ-xá-ly này. Chúng tôi sẽ cung cấp y phục ẩm thực y dược, và tất cả thứ cần dùng.”

Bấy giờ, tỳ-kheo Già-na tử giải bày cho các Li-xa khiến họ được hoan hỷ rồi, cùng tỳ-kheo sứ giả kia trở về chỗ tỳ-kheo Bà-xà Tử.¹ Từ xa thấy tỳ-kheo Già-na Tử đến, Bà-xà Tử liền hỏi tỳ-kheo sứ giả rằng:

“Tỳ-kheo Già-na Tử đã giải thích khuyến dụ các Li-xa khiến họ tin tưởng rồi phải không?”

Tỳ-kheo sứ giả trả lời: “Vâng. Họ đã kính tín Già-na Tử. Chúng ta chẳng phải Sa-môn Thích tử.”

¹ Bà-xà Tử; trên kia, âm là Bạt-xà Tử.

Tỳ-kheo Bà-xà Tử hỏi: “Tại sao vậy?”

Sứ giả liền đem nhân duyên trước trình bày đầy đủ. Tỳ-kheo Tỳ-xá-ly nói với tỳ-kheo Già-na tử rằng:

[969c] “Thầy mắng chửi chúng Tăng trước. Thầy có thấy tội hay chẳng?”

Già-na Tử trả lời: “Tôi không mắng chửi chúng Tăng.”

Vị kia liền tập chúng để cử tội.

II. LY-BÀ-ĐA

Tỳ-kheo Già-na Tử liền nghĩ: “Tránh sự này nếu được Trưởng lão Ly-bà-đa¹ trợ bạn ta thì có thể chấm dứt như pháp.”

Già-na tử liền hỏi thăm người khác để biết Ly-bà-đa hiện ở đâu. Người được hỏi trả lời: “Nghe nói ở bên bờ sông Bà-kha.”² Già-na Tử liền đến bên Sông Bà-kha. Ly-bà-đa lúc ấy không có ở đó. Già-na Tử hỏi: “Ly-bà-đa hiện ở đâu?” Người ở tại đó trả lời: “Nghe nói hiện ở nước Già-na-ùy-xà.³ Già-na Tử liền đến nước đó, nhưng cũng không gặp Ly-bà-đa. Hỏi, được biết Ly-bà-đa hiện ở tại nước A-già-lâu-la.⁴ Già-na Tử đến nước đó, lại cũng không có Ly-bà-đa, và hỏi tiếp được biết Ly-bà-đa hiện ở nước Tăng-già-xa.⁵ Già-na Tử liền đến đó, gặp được Ly-bà-đa hiện đang ở tại đó.

Bấy giờ, chúng đang tập hợp, Già-na Tử hỏi vị đệ tử thị giả của Ly-bà-đa rằng:

¹ Ly-bà-đa 離婆多. Pāli: Revata, vị trưởng lão này sống ở Soreyya, “thông bác, tinh thông A-hàm, Luật, Mattika...”, Vin.ii. 299. Trùng tên với Revata, vị trưởng lão em út của ngài Xá-lợi-phất.

² Bà-kha 婆呵. Pāli: Payāga. Lộ trình từ Payāga đến Soreyya của Revata, phỏng lại lộ trình Phật đi từ Verañja (Ti-lan-nhã, chỗ Xá-lợi-phất thỉnh Phật chế giới cho tỳ-kheo) đến Bārāṇasī, ngang qua Soreyya, Saṅkassa và Kaṇṇakujja.

³ Già-na-ùy-xà 伽那慰闍. Pāli: Kaṇṇakujja. Xem cht. 8 trên.

⁴ A-già-lâu-la 阿伽樓羅. Pāli: Aggaḷapura, Vin.ii. 299.

⁵ Tăng-già-xa 僧伽睺. Pāli: Saṅkassa. Xem cht. 8 trên.

“Đại đức Trưởng lão Ly-bà-đa của thầy có đến trong chúng không?”

Vị thị giả trả lời: “Ngài sẽ đến.”

Khi ấy, Ly-bà-đa đến thuyết pháp cho chúng nghe xong, quá nửa đêm, cầm ni-su-đàn trở về lại thất.

Da-xá Già-na Tử cũng ở trong chúng nghe pháp, sau đó quá nửa đêm cầm ni-su-đàn đến chỗ Ly-bà-đa, nghĩ rằng: “Bây giờ là thời gian thích hợp. Ta sẽ trình bày đầy đủ nhân duyên để Ly-bà-đa nghe.”

Già-na tử liền hỏi Ly-bà-đa: “Kính thưa Đại đức Thượng tọa, được phép hai ngón tay lấy thức ăn¹ hay không?”

Ly-bà-đa hỏi lại: “Hai ngón tay lấy thức ăn là thế nào?”

Già-na Tử thưa: “Bạch Đại đức Trưởng lão, ăn đủ rồi, xả oai nghi, không làm pháp dư thực, được dùng hai ngón tay lấy thức ăn để ăn không?”

Ly-bà-đa nói: “Không được làm như vậy.”

Già-na tử hỏi: “Điều này đức Phật chế cấm tại chỗ nào?”²

Ly-bà-đa trả lời: “Tại nước Xá-vệ. Nhân có vị không làm phép dư thực mà ăn, cho nên Phật chế cấm. Già-na Tử lại hỏi:

“Thưa Đại đức Trưởng lão, được giữa xóm làng³ hay không?”

Ly-bà-đa hỏi lại: “Được giữa xóm làng là thế nào?”

Già-na Tử nói: “Thưa Đại đức Trưởng lão, ăn đủ rồi, xả oai nghi, không làm pháp dư thực, đi đến khoảng giữa hai thôn, được ăn.”

¹ Đắc nhị chỉ sao 得二指抄. Pāli: *dvaṅgulakappa*, nhị chỉ tịnh, được giải thích: *dvaṅgulāya chāyāya vītivattāya*, (được phép ăn quá trưa) khi bóng chưa quá hai ngón tay. Liên hệ điều luật phi thời thực. Vin.ii. 230.

² Xem Phần I, Ch. V. Ba-dật-đề 35.

³ Đắc thôn gian 得村間. Pāli, ibid. : *gāmantarakappo*. thôn gian tịnh; như *Tứ phần*.

Ly-bà-đa nói: “Không được làm như vậy.”

Già-na Tử hỏi: “Điều này đức Phật chế cấm ở chỗ nào?”

“Tại nước Xá-vệ. Nhân có vị không làm pháp dư thực mà ăn, cho nên đức Phật chế cấm.”

Già-na Tử hỏi: “Bạch Đại đức Trưởng lão, được trong chùa¹ hay không?”

Ly-bà-đa hỏi: “Được trong chùa là thế nào?”

Già-na Tử trả lời: “Bạch Đại đức Trưởng lão, nghĩa là ở trong chùa được biệt chúng yết-ma.”

Ly-bà-đa nói: “Không [970a1] được làm như vậy.”

Già-na Tử hỏi: “Đức Phật chế cấm điều này ở đâu?”

“Tại thành Vương-xá. Chế cấm trong Kiền độ Bồ-tát.”

Già-na Tử hỏi: “Kính Đại đức Trưởng lão, được phép hứa khả sau² hay không?”

Ly-bà-đa hỏi lại: “Thế nào là được phép hứa khả sau?”

Già-na Tử thưa: “Bạch Đại đức Trưởng lão, tại nội giới, được phép biệt chúng yết-ma nếu sau đó được hứa khả.”

Ly-bà-đa nói: “Không được làm như vậy.”

Già-na Tử hỏi: “Điều này đức Phật chế cấm ở chỗ nào?”

“Tại thành Vương-xá. Cấm chế thuộc trong Kiền độ Bồ-tát.”

Già-na Tử lại hỏi: “Được thường pháp³ hay không?”

¹ Đắc tự nội 得寺內. Pāli: *āvāsakappo*, trú xứ tịnh.

² Đắc hậu thính khả 得後聽可. Pāli: *anumatikappo*, tùy hỷ tịnh; giải thích: *kappati bhante vaggena saṅghena kammaṃ kātuṃ, āgate bhikkhū anumesāmāti*, được phép tác yết-ma biệt chúng, nếu các tỷ-kheo đến sau nói, “chúng tôi tùy hỷ.”

³ Đắc thường pháp 得常法. Pāli: *āciṇṇakappo*, thường hành tịnh, “Được phép làm, vì Hoà thượng của tôi, A-xà-lê của tôi đã làm như thế.” Vin.ii. 301.

Ly-bà-đa lại hỏi: “Thế nào gọi là được thường pháp?”

Già-na Tử thưa: “Bạch Đại đức Trưởng lão, việc này làm như vậy rồi, nói như vậy, xưa nay làm như vậy.”

Ly-bà-đa nói: “Tỳ-kheo biết chăng? Nên quán sát Tu-đa-la, Tỳ-ni, nghiệm xét Pháp Luật. Nếu không quán sát Tỳ-ni, không nghiệm xét Pháp Luật, mà trái nghịch Pháp thì, nếu đã làm không nên làm, chưa làm cũng không nên làm. Nếu quán sát Tu-đa-la, Tỳ-ni, kiểm xét Pháp Luật, cùng Tu-đa-la mà cùng pháp luật tương ưng, không trái với pháp sẵn có, thì những điều đã làm hay chưa làm đều nên làm.”

Già-na tử hỏi: “Bạch Đại đức Trưởng lão, được hòa¹ hay không?”

Ly-bà-đa hỏi: “Thế nào là được hòa?”

“Bạch Đại đức Trưởng lão, ăn đủ rồi, xả oai nghi, dùng tô du, mật, sanh tô, thạch mật, tô, hòa chung lại, được ăn không?”

Ly-bà-đa nói: “Không được làm như vậy.”

Già-na Tử lại hỏi: “Điều này được đức Phật chế cấm ở đâu?”

“Tại nước Xá-vệ. Nhân có vị không tác pháp dư thực mà ăn, nên Phật đã chế cấm.”

Già-na tử lại hỏi: “Bạch Đại đức Trưởng lão, muối ngũ chung² được phép không?”

Ly-bà-đa hỏi lại: “Muối ngũ chung được phép là thế nào?”

“Bạch Đại đức Trưởng lão, dùng muối ngũ chung nêm trong thức ăn rồi ăn.”

Ly-bà-đa nói: “Không được làm như vậy.”

¹ Đắc hoà 得和. Pāli: *amathitakappa*, được phép nếu chưa ngưng kết: đã ăn xong (túc thực), được phép uống sữa (*khīra*), nếu sữa chưa thành sữa đông (lạc). Vin. ii. 301.

² Diêm cộng túc 鹽共宿, chỉ muối để dành cách đêm. Pāli: *siṅgilonakappa*, giác diêm tịnh, được phép mang muối theo trong cái sùng, khi ăn, lấy ra dùng.

Già-na Tử hỏi: “Điều này được đức Phật chế ở đâu?”

“Tại nước Xá-vệ. Trong Kiền độ Dục đã chế cấm.”

Già-na Tử lại hỏi:

“Bach Trưởng lão Đại đức, được uống rượu xà-lâu-la¹ hay không?”

Ly-bà-đa nói:

“Không được uống như vậy.”

Già-na Tử hỏi:

“Điều này được đức Phật chế cấm ở đâu?”

“Tại nước Câu-thiểm-di. Vì Trưởng lão tỳ-kheo Sa-già-đà² nên Phật đã chế cấm.”

Già-na Tử lại hỏi:

“Bach Đại đức Trưởng lão, được phép cất chứa tọa cụ không cất rộc³ hay không?”

Ly-bà-đa nói:

“Không được cất chứa như vậy.”

Già-na tử hỏi:

“Điều này đức Phật chế cấm tại chỗ nào?”

“Tại nước Xá-vệ. Vì nhóm sáu tỳ-kheo nên chế cấm.”

Già-na Tử lại hỏi:

“Bach Đại đức Trưởng lão, được phép nhận vàng bạc⁴ hay không?”

Ly-bà-đa nói: “Không được thọ nhận như vậy.”

¹ Xà-lâu-la từ 闍樓羅酒. Pāli: *kappati jalogim pātum*, được phép uống rượu pha. Rượu *jalogi* (xà-lâu-la), chỉ rượu loãng, hay nước trái cây để lâu mà chưa lên men thành rượu. *Ngũ phần 30* (tr.192b01): rượu cất mà chưa chín.

² Xem Phần I, Ch. V, Ba-dật-đề 51.

³ Bất cất tiết tọa cụ 不割截坐具. *Ngũ phần 30* (tr.192b01): làm tọa cụ tùy ý lớn nhỏ. Pāli: *adasakam nisīdanam*, tọa cụ không làm viên.

⁴ Pāli: *kappati jātarūparajam*. Như *Tứ phần*.

Già-na Tử hỏi: “Điều này được đức Phật chế cấm ở đâu?”

“Tại thành Vương-xá, vì Bạt-nan-đà Thích Tử nên đã chế cấm.”

Già-na tử thưa: “Bạch Đại đức Trưởng lão, tại Tỳ-xá-ly, tỳ-kheo Bà-xà Tử thi hành mười điều này [970b] mà nói là như pháp thanh tịnh, là Phật cho phép. Ngày bố-tát họ khuyến khích đàn-việt cúng dường vàng bạc cho chúng Tăng, rồi sai người phân chia.”

Ly-bà-đa nói: “Thầy đừng nói với người khác.”

“Tại sao vậy?”

“Sợ các tỳ-kheo chỗ hiểu biết không đồng nhau, đưa đến tỳ-kheo không hòa hợp. Tỳ-kheo, thầy có thể đến trong núi A-vu-hằng hà,¹ nơi đó có tỳ-kheo Tam-phù-đà² là đồng Hoà thượng với tôi, cùng với sáu mươi tỳ-kheo Ba-la-ly Tử³ chung sống. Các vị ấy đều là những người dũng mãnh tinh tấn, không hề có sự sợ sệt. Thầy đem nhân duyên ấy trình bày đầy đủ với các vị ấy đó, rồi cùng hẹn đến bên bờ sông Bà-kha, tôi cũng sẽ đến đó.”

Khi ấy tỳ-kheo Da-xá Già-na Tử liền đến núi kia, chỗ ở của Tam-phù-đà và đem nhân duyên ấy trình bày đầy đủ với các vị ấy, và hẹn đến bờ sông Bà-kha, sẽ gặp Đại đức Ly-bà-đa cũng đến đó.

III. VẬN ĐỘNG

Bấy giờ, tỳ-kheo Bà-xà Tử ở Tỳ-xá-ly nghe tỳ-kheo Da-xá Già-na Tử đi các nơi tìm trợ bạn, liền đem chiếc y tốt nhất ở Tỳ-xá-ly đến chỗ người đệ tử của Ly-bà-đa⁴ nói:

¹ A-vu-hằng hà sơn 阿呼恒河山. Ngũ phần: A-phù sơn 阿呼山. Pāli: Ahogaṅgā, tên một ngọn núi ở Bắc Ấn, nằm bên thượng lưu sông Hằng (*uddham Gaṅgāya*).

² Tam-phù-đà 三浮陀. Ngũ phần: Tam-phù-đà 三浮陀. *Thập tụng*: Tam-bồ-già 三菩伽. Pāli: Sambhūta.

³ Ba-la-ly Tử 波羅離子. Pāli: Pāṭheyyakā (Pāveyyakā), các tỳ-kheo người Pāva (Bà-ba hay Ba-hòa, xem trước), một thủ phủ của người Vajjī. Trong kết tập này, họ đứng về phía Revata. Họ được gọi là những người phương Tây.

⁴ Ngũ phần: tỳ-kheo thị giả tên Đạt-ma 達磨.

“Tôi đem chiếc y tốt nhất này đến đây để cúng cho Đại đức Ly-bà-đa. Nhưng thôi, nay không cúng nữa mà xin cúng cho Thầy. Thầy nhận cho.”

Vị đệ tử của Ly-bà-đa nói: “Thôi! thôi! Tôi không nhận.”

Tỳ-kheo Bà-xà Tử ân cần khuyên, có tánh cách bắt ép khiến cho vị kia nhận. Khi vị kia nhận rồi Bà-xà Tử nói:

“Thưa Trưởng lão, tỳ-kheo hai nước Ba-di-na¹ và Ba-lê² cùng nhau tranh cãi. Đức Thế Tôn xuất thế tại Ba-di-na. Lành thay! Trưởng lão bạch giùm tôi lên Đại đức Thượng tọa rằng, ‘Tỳ-kheo hai nước Ba-di-na và Ba-lê cùng nhau tranh cãi. Đức Thế Tôn xuất thế tại Ba-di-na. Lành thay! Đại đức hãy trợ tỳ-kheo Ba-di-na.’”

Vị kia liền trả lời: “Đại đức Trưởng lão Ly-bà-đa được nhiều người tôn kính. Tôi không dám thưa.”

Vị kia bị cưỡng bức quá, liền đến chỗ Ly-bà-đa bạch:

“Kính bạch Đại đức, tỳ-kheo hai nước Ba-di-na và Ba-lê cùng nhau tranh cãi. Đức Thế Tôn xuất thế tại Ba-di-na. Nguyện xin Đại đức hãy trợ tỳ-kheo Ba-di-na.”

Ly-bà-đa liền trả lời: “Ngươi ngu si, muốn kéo ta vào trong bộ chúng bất tịnh chăng? Ngươi hãy đi! Ta không cần ngươi.”

Vị kia bị đuổi rồi liền đến Tỳ-xá-ly, chỗ tỳ-kheo Bà-xà Tử thưa:

“Trưởng lão, trước đây tôi nói với thầy, Đại đức Ly-bà-đa được nhiều người tôn kính. Tôi không dám nói. Nay tôi bị khiển trách.”

Vị kia hỏi, bị khiển trách thế nào?

“Ngài khiển trách, đuổi tôi đi.”

Vị kia lại hỏi: “Thầy bao nhiêu hạ?”

“Tôi mười hai hạ.”

¹ Ba-di-na 波夷那. Pāṇinā, các tỳ-kheo phương Đông, những người ủng hộ 10 điểm của Vajjiputtaka.

² Ba-lê 波梨. Trước phiên âm là Ba-la-ly Tử; xem cht. 26.

“Thầy đã mười hai hạ mà còn sợ [970c] bị đuổi hay sao?”

“Ngài ấy không chịu tôi làm thị giả, làm sao không sợ?”

IV. CÁC THƯỢNG TỌA

Bấy giờ, Ly-bà-đa cùng các tỳ-kheo nói:

“Nay chúng ta hãy đến ngay chỗ đã phát sinh tránh sự.”

Các vị ấy đi bằng thuyền theo sông Hằng đến đó. Gặp lúc trời nóng, mệt mỏi, nên ghé thuyền vào bờ để nghỉ khỏe nơi bóng mát.

Lúc ấy, tại thôn Bà-suru¹ có Trưởng lão đang trên đường đi, suy nghĩ: “Trong việc tranh cãi này, nay ta nên xem xét Tu-đa-la, Tỳ-ni để biết ai là pháp ngữ, ai là phi pháp ngữ.” Vị kia liền xem xét Tu-đa-la, Tỳ-ni; nghiêm xét Pháp Luật, nên biết tỳ-kheo nước Ba-lê là pháp ngữ; tỳ-kheo nước Ba-di-na là phi pháp ngữ.

Bấy giờ, có vị trời không hiện hình, khen ngợi:

“Lành thay, thiện nam tử, như người quan sát biết tỳ-kheo Ba-lê là như pháp ngữ, tỳ-kheo Ba-di-na là phi pháp ngữ.”

Bấy giờ, các Trưởng lão liền cùng nhau đến Tỳ-xá-ly. Tại Tỳ-xá-ly có Trưởng lão là Nhất Thiết Khứ² là bậc tối thượng tọa trong Diêm-phù-đề. Khi ấy, Tam-phù-đà nói với Ly-bà-đa rằng:

“Nay, ta nên đến trong thất thượng tọa Nhất Thiết Khứ nghỉ đêm, để nói việc này cho Thương tọa nghe.”

Hai người cùng đến đó. Ban đêm Trưởng lão Nhất Thiết Khứ tọa thiền tư duy đã trải qua một thời gian lâu, Ly-bà-đa suy nghĩ: “Thượng tọa này, tuổi đã già, khí lực suy yếu, mà còn tọa thiền lâu thế này huống là ta, tại sao không ngồi như vậy?” Ly-bà-đa liền cũng ngồi tư duy trong một thời gian lâu. Trưởng lão Nhất Thiết

¹ Bà-suru thôn 婆搜村. Pāli: Sahajāti, tên một thị trấn, chỗ của Sāḷha. *Ngũ phần 30*: Sa-lan 沙蘭.

² Nhất Thiết Khứ 一切去. Pāli: Sabbakāmi.

Khứ lại nghĩ: “Tỳ-kheo khách này đi đường xa mỗi mệt còn tọa thiền tư duy như thế này, huống là ta mà không ngồi lâu.” Vì vậy Trưởng lão kia lại ngồi tư duy một thời gian lâu nữa. Khi trời đã sáng hẳn, Trưởng lão Nhất Thiết Khứ nói với Ly-bà-đa rằng:

“Thưa Trưởng lão, đêm nay ngài tư duy pháp gì?”

Ly-bà-đa trả lời: “Trước kia tôi còn là bạch y, thường tập từ tâm. Đêm nay tôi tư duy và nhập vào tam muội từ.”

Vị kia liền nói: “Như vậy là đêm nay ngài nhập tiểu định.”

“Tại sao vậy?”

“Từ tâm tam muội là tiểu định.”

Ly-bà-đa hỏi lại Đại đức Nhất Thiết Khứ:

“Đêm nay Ngài tư duy pháp gì?”

Nhất Thiết Khứ nói: “Trước đây, khi tôi còn là bạch y, tập pháp Không. Đêm nay phần nhiều tôi nhập vào tam muội Không.”

Ly-bà-đa nói: “Như thế là đêm nay Đại đức tư duy pháp đại nhân.”

“Tại sao vậy?”

“Pháp đại nhân là nhập tam muội Không.”

Ly-bà-đa liền nghĩ: “Bây giờ, chính là lúc ta có thể đem nhân duyên trước đây nói cho Đại đức Nhất Thiết Khứ biết.”

Vị kia hỏi: “Kính thưa Đại đức Trưởng lão, được phép dùng hai ngón tay để lấy thức ăn hay không?”

“Thế nào là dùng hai ngón tay lấy thức ăn?”

“Thưa Đại đức, ăn đủ rồi, [971a1] xả oai nghi, không làm pháp dư thực, được phép dùng hai ngón tay để lấy thức ăn?”

Đáp: “Không được làm như vậy.”

“Điều này được đức Phật chế chỗ nào?”

“Tại nước Xá-vệ. Nhân có vị không làm pháp dư thực mà ăn nên đức Phật đã chế cấm.”

Trình bày từng điều một như trên, cho đến ngày bố-tát thọ nhận vàng bạc rồi sai người phân chia, như trên.

Vị kia liền nói: “Đừng nên nói với người khác. Sợ nhân tâm không đồng, đưa đến việc không hòa hợp.”

V. TẬP TẶNG

Thượng tọa Nhất Thiết Khứ là đệ nhất Thượng tọa. Tam-phù-đà là đệ nhị Thượng tọa. Ly-bà-đa là đệ tam Thượng tọa. Bà-suru Thôn là đệ tứ Thượng tọa. Tôn giả A-nan là Hòa thượng của các vị đó.

Trưởng lão Nhất Thiết Khứ là người hiểu biết Tăng sự, nên bấy giờ Thượng tọa liền tác bạch:

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng luận Pháp Tỳ-ni. Đây là lời tác bạch.”

Khi ấy, tỳ-kheo Ba-di-na nói tỳ-kheo Ba-lê rằng:

“Các thầy có thể mời người bình đáng.¹”

Tỳ-kheo Ba-lê liền nói:

“Thượng tọa Nhất Thiết Khứ, Ly-bà-đa, Da-xá, Tô-mạn-na² là người bình đáng của chúng tôi.”

Tỳ-kheo Ba-lê nói với tỳ-kheo Ba-di-na rằng:

“Các thầy cũng nên mời người bình đáng.”

Tỳ-kheo kia liền nói:

“Trưởng lão Tam-phù-đà, Bà-suru Thôn, Trưởng lão Sa-lưu,³ Bất-xà-tô-ma⁴ là người bình đáng của chúng tôi.”

¹ Bình đáng nhân 平當人. *Ngũ phần* (tr.193c21): đoán sự chủ 斷事主. Pāli: *ubbāhikāya*, bồi thẩm đoàn.

² Tô-mạn-na 蘇曼那. Pāli: Sumana.

³ Sa-lưu 沙留. Pāli: Sālha. Tức trên kia nói Trưởng lão người Bà-suru thôn.

⁴ Bất-xà-tô-ma 不闍蘇摩. *Ngũ phần*: Bất-xà-tông 不闍宗. Pāli: Khujjasobhita.

Trong số đó có tỳ-kheo A-di-đầu¹ có khả năng làm người khuyến hoá.² Các tỳ-kheo kia nói: “Nên ghi tên tỳ-kheo này vào trong túc số. Tại sao vậy? Ở tại chỗ này, vị kia khuyến hóa cho chúng ta.”

Do vậy, vị kia được ghi vào túc số.

Các Thượng tọa liền nghĩ: “Nếu chúng ta hỏi sự việc này ở trong chúng thì sợ sanh ra tránh sự khác, không biết ai nói đúng, ai nói sai. Nay chúng ta nên lựa chọn, rồi bình luận nơi chỗ riêng biệt.”

Rồi các Trưởng lão lại nghĩ, “Chúng ta nên bình nghị sự việc nơi nào cho thích hợp?” Sau cùng quyết định, “Trong rừng Bà-lê³.”

Bấy giờ, Trưởng lão Nhất Thiết Khứ liền tác bạch:

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Đây là tỳ-kheo đã được Tăng cử. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận trong rừng Bà-lê, luận Pháp Tỳ-ni. Các tỳ-kheo khác không được có mặt. Đây là lời tác bạch.”

Tác bạch như vậy rồi nên yết-ma Tăng sai hai, ba tỳ-kheo lấy dục của các tỳ-kheo khác đến trong rừng Bà-lê.

VI. BÌNH NGHỊ

Khi ấy, Thượng tọa Nhất Thiết Khứ vì nhân duyên này tập hợp tỳ-kheo Tăng. Các Thượng tọa đều tập hợp. Thượng tọa Nhất Thiết Khứ liền tác bạch:

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng luận Pháp Tỳ-ni. [971b] Đây là lời tác bạch.”

Khi ấy, Ly-bà-đa liền tác bạch:

¹ A-di-đầu 阿夷頭. Pāli: Ajita, bấy giờ mới 10 hạ, nhưng được tham dự, làm người phu toà (*āsana-paññāpaka*) sắp chỗ cho bồi thẩm đoàn.

² Khuyến hóa 勸化. *Ngũ phân*: phu toà 敷座. Pāli: *āsana-paññāpaka*, xem cht. 36 trên.

³ Bà-lê lâm 婆梨林. Pāli: Vālikārāma, Tăng viện Vālika ở Vesālī.

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng hỏi Thượng tọa Nhất Thiết Khứ Pháp Tỳ-ni. Đây là lời tác bạch.”

Thượng tọa Nhất Thiết Khứ lại liền tác bạch:

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng khiến Ly-bà-đa hỏi, tôi trả lời Pháp Tỳ-ni. Đây là lời tác bạch.”

Ly-bà-đa hỏi:

“Thưa Đại đức Thượng tọa, được dùng hai ngón tay tịnh hay không?”

Vị được hỏi liền hỏi lại:

“Hai ngón tay tịnh là thế nào?”

“Thưa đại Trưởng lão, ăn đủ rồi, xả oai nghi, được dùng hai ngón tay lấy thức ăn để ăn?”

Vị được hỏi trả lời:

“Không được làm như vậy.”

“Điều này được đức Phật chế cấm ở đâu?”

“Tại nước Xá-vệ. Vì có vị không tác pháp dư thực mà ăn, cho nên Phật đã chế cấm.”

Đây là việc thứ nhất phi pháp, phi Tỳ-ni, phi lời Phật dạy.

Sau khi đồng thuận nơi chỗ riêng rồi, liền bỏ xuống một xá-la. Kiểm xét như vậy từng việc một, cho đến việc thứ mười, tất cả đều là phi pháp, phi tỳ-ni, phi lời Phật dạy. Cứ một việc như vậy là bỏ xuống một xá-la. Sau đó, các Trưởng lão kia nói như vậy:

“Nay chúng ta đã đồng thuận nơi chỗ riêng biệt bình nghị mười việc này rồi, bây giờ chúng ta ở giữa Tăng kiểm nghiệm như vậy. Vì sao? Để mọi người đều được biết.”

Các Trưởng lão đều đến Tỳ-xá-ly.

Thượng tọa Nhất Thiết Khứ tập hợp tỳ-kheo Tăng rồi tác bạch:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng luận Pháp Tỳ-ni. Đây là lời tác bạch.”

Trưởng lão Ly-bà-đa liền tác bạch:

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng hỏi Thượng tọa Nhất Thiết Khứ pháp này. Đây là lời tác bạch.”

Khi ấy, Thượng tọa Nhất Thiết Khứ liền tác bạch:

“Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng khiến Ly-bà-đa hỏi Pháp Tỳ-ni, tôi trả lời. Đây là lời tác bạch.”

Ly-bà-đa liền hỏi: “Bạch Đại đức Trưởng lão, dùng hai ngón tay, tịnh hay không?”

Nhất Thiết Khứ hỏi lại: “Hai ngón tay tịnh, là thế nào?”

“Thưa Đại đức Trưởng lão, ăn đủ rồi, xả oai nghi, không làm pháp dư thực, dùng hai ngón tay lấy thức ăn để ăn.”

Thượng tọa Nhất Thiết Khứ nói: “Không được làm như vậy.”

“Điều này được đức Phật chế cấm ở đâu?”

“Tại nước Xá-vệ. Nhân có vị không làm pháp dư thực mà ăn nên Phật đã chế cấm.”

Đây là việc thứ nhất phi pháp, phi tỳ-ni, phi lời Phật dạy.

Kiểm nghiệm giữa Tăng xong, bỏ xuống một xá-la. Như vậy tuần tự kiểm xét cho đến việc thứ mười, tất cả đều phi pháp, phi tỳ-ni, phi lời Phật dạy.

Mỗi việc kiểm nghiệm giữa Tăng xong, đều bỏ xuống một xá-la. Tại Tỳ-xá-ly, bảy trăm vị A-la-hán tập hợp để luận Pháp Tỳ-ni, cho nên gọi là “Thất bách tập Pháp Tỳ-ni.”¹

¹ Bản Hán, hết quyển 54.

CHƯƠNG V ĐIỀU BỒ

A. BA-LA-DI

I. BẤT TỊNH HẠNH

1. Ưu-ba-ly thỉnh vấn

[971c11] 1. Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

“Bạch đức Thế Tôn, Tu-đề-na Ca-lan-đà Tử¹ cùng vợ cũ làm bất tịnh hạnh, như vậy có phạm Ba-la-di hay không?”

Đức Phật dạy:

“Ưu-ba-ly, lúc ban đầu chưa chế giới, nên không phạm.”

Tỳ-kheo Bà-xà Tử² ưu sầu không vui, không thích sống đời tịnh hạnh liền trở về nhà cùng vợ cũ làm bất tịnh hạnh. Tỳ-kheo ấy nghĩ: “Đức Thế Tôn vì các tỳ-kheo chế giới: ‘Nếu tỳ-kheo phạm bất tịnh hạnh, làm pháp dâm dục, phạm Ba-la-di, không được sống chung.’ Ta sầu ưu không vui, không thích sống đời tịnh hạnh, cùng vợ cũ làm bất tịnh hạnh, như vậy có phạm ba-la-di chăng?” Không biết việc này thế nào, ông liền nói với tỳ-kheo đồng bạn như sau:

“Đức Thế Tôn vì các tỳ-kheo chế giới: ‘Nếu tỳ-kheo phạm bất tịnh hạnh, làm pháp dâm dục, phạm ba-la-di, không được sống chung.’ Tôi sầu ưu không vui, không thích sống tịnh hạnh, trở về nhà cùng với vợ cũ làm bất tịnh hạnh. Tôi có phạm ba-la-di? Lành thay, Trưởng lão có thể vì tôi bạch với Phật. Tùy theo lời Phật dạy, tôi sẽ

¹ Xem Phần I Chương I, Ba-la-di 1, cht. 30.

² Bà-xà Tử 婆闍子. Trên kia dịch là Bạt-xà Tử. Xem Phần I. Chương I, Ba-la-di 1.

phụng hành. Nếu tôi còn được phép ở trong Phật pháp tu phạm hạnh thì tôi sẽ tiếp tục tu.”

Tỳ-kheo kia liền đến chỗ đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên trên bạch đầy đủ lên đức Phật. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Ty kheo Tăng, dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo Bà-xà Tử:

“Người làm điều phi pháp, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, [972a1] chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Người ngu si, vì sao không vui sống với tịnh hạnh, lại trở về nhà cùng với vợ cũ làm bất tịnh hạnh? Nếu đã vào thì phạm ba-la-di, không được sống chung. Nếu các tỳ-kheo khác sầu ưu không vui, không thích sống tịnh hạnh, cho phép xả giới để về nhà. Nếu sau đó muốn trở lại trong Phật pháp tu hạnh thanh tịnh thì cho phép xuất gia, thọ đại giới lại.”

2. Bấy giờ Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chাম đất, chấp tay bạch Phật:

“Là đạo,¹ tưởng là đạo. Có phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

Ưu-ba-ly lại hỏi: “Là đạo, nghi là đạo. Có phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

Ưu-ba-ly lại hỏi: “Là đạo, tưởng phi đạo có bị phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

Ưu-ba-ly lại hỏi: “Chẳng phải đạo, tưởng là đạo. Có phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm thâm-lan-giá.”

Ưu-ba-ly lại hỏi: “Chẳng phải đạo mà nghi. Có phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm thâm-lan-giá.”

¹ Chỉ sinh dục đạo.

Ưu-ba-ly lại hỏi: “Là nam mà tướng là nữ, làm bất tịnh hạnh. Có phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

Ưu-ba-ly lại hỏi: “Là nữ mà tướng là nam, làm bất tịnh hạnh. Có phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

Ưu-ba-ly lại hỏi: “Với người nữ này tướng cũng đồng như người nữ kia, cùng làm bất tịnh hạnh. Có phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

“Đối với người nam này tướng là người nam kia, cùng làm bất tịnh hạnh. Có phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di “

2. Cộng súc sanh

1. Khi ấy có tỳ-kheo cùng với con voi cái làm bất tịnh hạnh, nghi không biết có phạm ba-la-di hay không?

Đức Phật dạy: “Phạm.”

Cũng vậy, các loài cái như bò, ngựa, lạc đà, nai, lừa, dê, heo, chó, chim nhạn, khổng tước, gà ... Tất cả đều phạm ba-la-di.

2. Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có một tỳ-kheo khát thực trú ở trong rừng. Có một con khỉ cái sống trong khu rừng ấy. Tỳ-kheo này vào trong nhân gian khát thực đem về rừng ăn, thức ăn còn dư cho con khỉ cái ấy. Do đó, con khỉ cái kia ngày càng thân cận, thường đi theo tỳ-kheo, cho đến tỳ-kheo dùng tay bắt nó, nó vẫn không chạy. Khi ấy, tỳ-kheo cùng nó làm bất tịnh hạnh.

Bấy giờ chúng tỳ-kheo đi xem xét phòng xá, ngọa cụ, lần lượt đến trong rừng kia. Con khỉ cái đến chỗ các tỳ-kheo đứng đưa cái đuôi lên, hiện tướng. Các tỳ-kheo kia nghĩ: “Con khỉ cái này trước mặt ta hiện tướng như vậy, đâu không phải có tỳ-kheo khác đã phạm đến con khỉ cái này?” Các tỳ-kheo liền ẩn trong chỗ khuất để rình. Khi tỳ-kheo khát thực kia trở về lại trong rừng, ăn xong, cho khỉ

ăn, khi ăn xong, cùng nó làm bất tịnh hạnh. Các tỳ-kheo thấy sự việc như vậy, [972b] bèn hỏi:

“Này Trưởng lão, há không phải đức Phật không chế cấm tỳ-kheo không được làm bất tịnh hạnh hay sao?”

Vị ấy trả lời: “Đức Phật cấm đối với người nữ chứ đâu cấm đối với súc sanh.”

Các tỳ-kheo về lại chỗ đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên đức Phật. Đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp tỳ-kheo Tăng, quở trách tỳ-kheo khất thực rằng: “Người làm việc sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao người cùng con khi cái làm bất tịnh hạnh. Nếu vào, tức là phạm ba-la-di. Người là người si, không được sống chung.”

3. Bấy giờ Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa đức Thế Tôn:

“Bạch Đại đức, nếu tỳ-kheo cùng với loài súc sanh khác làm bất tịnh hạnh. Có phạm ba-la-di hay không? Đức Phật dạy: “Phạm.”

3. Dữ học giới

1. Bấy giờ đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Tỳ-kheo Nan-đề¹ ngồi thiền, đạt được tâm giải thoát thuộc thế tục, từ đệ tứ thiền giác tỉnh. Khi ấy có Ma thiên nữ đứng trước mặt. Tỳ-kheo nắm lấy muốn phạm Ma nữ. Ma nữ bèn ra ngoài, tỳ-kheo cũng theo ra ngoài. Ma ra ngoài hành lang của thất, tỳ-kheo cũng theo ra ngoài hành lang của thất. Ma ra giữa sân, tỳ-kheo cũng ra giữa sân. Ma ra ngoài chùa, tỳ-kheo cũng ra ngoài chùa. Bên ngoài chùa, lúc ấy có một con ngựa cái đã chết. Nơi xác chết của con ngựa Ma nữ ẩn hình, biến mất. Khi ấy tỳ-kheo Nan-đề bèn làm bất tịnh hạnh với con ngựa chết. Làm bất tịnh hạnh xong, tỳ-kheo hoàn toàn không

¹ Xem Phần III, ch. I: Thọ giới, dữ học giới. *Ngũ phần 34* (tr.809a14).

có tâm che giấu, tức thì suy nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn vì các tỳ-kheo chế giới không được làm bất tịnh hạnh, nếu làm bất tịnh hạnh phạm ba-la-di, không được sống chung. Nay ta làm bất tịnh hạnh hoàn toàn không có tâm che dấu. Ta há không phạm ba-la-di, ta nên làm thế nào?” Nan-đề liền nói với tỳ-kheo đồng bạn: “Đức Thế Tôn vì các tỳ-kheo chế giới, nếu tỳ-kheo làm bất tịnh hạnh, phạm ba-la-di, không được sống chung. Nay tôi phạm bất tịnh, hoàn toàn không có tâm che dấu, há không phạm ba-la-di? Lành thay, Trưởng lão vì tôi bạch Phật. Tùy theo lời dạy của đức Phật, tôi sẽ phụng hành.”

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Phật, đầu mặt đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này tập hợp tỳ-kheo Tăng, bảo rằng: “Nay Tăng nên trao cho tỳ-kheo Nan-đề giới ba-la-di bằng pháp bạch tứ yết-ma.”

Pháp thức như sau: tỳ-kheo phạm nên đến trong Tăng, [972c] cúi bả dấp, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chầm đất, chấp tay bạch:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi là tỳ-kheo Nan-đề phạm pháp dâm, hoàn toàn không có tâm che dấu. Nay đến trong Tăng xin Tăng giới ba-la-di. Nguyện Tăng từ miễn trao cho tôi giới ba-la-di.”

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa xin như vậy.

Trong Tăng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Nan-đề này phạm pháp dâm, hoàn toàn không có tâm che dấu. Nay đến trong Tăng xin giới ba-la-di. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho tỳ-kheo Nan-đề giới ba-la-di. Đây là lời tác bạch.

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Nan-đề này phạm pháp dâm, hoàn toàn không có tâm che dấu. Nay đến trong

Tăng xin giới ba-la-di, nay Tăng trao cho tỳ-kheo Nan-đề này giới ba-la-di. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng trao cho tỳ-kheo Nan-đề giới ba-la-di thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

“Tăng đã trao cho tỳ-kheo Nan-đề giới ba-la-di rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

Tỳ-kheo phạm được trao cho giới ba-la-di rồi, nên làm hạnh tùy thuận. Tùy thuận pháp gồm có: không được trao đại giới cho người và cho người y chi; không được nuôi sa-di; không được nhận giáo thọ tỳ-kheo-ni, dù có sai cũng không được đến giáo thọ; không được vì Tăng nói giới; không được giữa Tăng vấn đáp Tỳ-ni; không được nhận Tăng sai làm người tri sự; không được nhận Tăng sai làm bình đoán sự; không được nhận Tăng sai làm sứ mạng; không được vào xóm làng sớm đến sớm tối mới về; nên gần gũi tỳ-kheo, không được gần gũi ngoại đạo, bạch y; nên tùy thuận pháp của tỳ-kheo; không nói lời của thế tục; không được phạm trở lại tội này; tội khác cũng không được, hoặc tương tự, hoặc từ tội này sanh, hoặc nặng hơn đối với tội này; không được ngăn yết-ma, ngăn người làm yết-ma; không được đề cho tỳ-kheo thanh tịnh trải chỗ ngồi ngồi, rửa chân, lấy đồ đựng nước, lau dếp, xoa bóp thân thể, lễ bái, nghinh đón, hỏi chào; không được đề cho tỳ-kheo thanh tịnh cầm y bát; không được cử tội tỳ-kheo thanh tịnh, tác ức niệm, tác tự ngôn; không được tán trợ thuyết của người khác; không được ngăn thuyết giới, tự tứ; không được cùng tỳ-kheo thanh tịnh tranh cãi.

Tỳ-kheo được trao giới ba-la-di rồi, khi Tăng thuyết giới và yết-ma, [973a1] đến hay không đến, Tăng không phạm.

Các tỳ-kheo thưa:

“Tỳ-kheo được trao giới ba-la-di rồi, phạm trở lại, được trao giới ba-la-di nữa hay không?”

Đức Phật dạy: “Không được trao mà nên diệt tận.”

4. Phi đạo

1. Bấy giờ, có tỳ-kheo cơ thể mềm mại, dùng nam căn để vào miệng. Vị ấy nghi không biết có phạm ba-la-di hay không.

Đức Phật dạy: “Phạm.”

2. Có tỳ-kheo tên là Lam-bà-na, nam căn dài, nắm để vào đường đại tiện. Vị ấy nghi không biết có phạm ba-la-di hay không?

Đức Phật dạy: “Phạm.”

3. Khi ấy có tỳ-kheo nam căn khởi. Tỳ-kheo khác liền nắm, để vào trong miệng mình. Tỳ-kheo này không cảm thấy khoái lạc, bỏ đi, không thọ. Nhưng sanh nghi: như vậy mình có phạm ba-la-di?

Đức Phật dạy: “Không phạm. Tỳ-kheo kia phạm.”

4. Có tỳ-kheo khát thực buổi sáng, khoác y, bưng bát đến nhà bạch y. Nhà bạch y có đứa nhỏ nam căn khởi. Tỳ-kheo liền cầm, để vào trong miệng mình; rồi nghi: mình có phạm ba-la-di? Đức Phật dạy:

“Phạm.”

5. Cường dâm

1. Có tỳ-kheo bắt ép tỳ-kheo khác cùng hành dâm. Vị kia nghi: Ta có phạm ba-la-di? đức Phật hỏi: “Người có thọ lạc không?”

Vị kia trả lời: “Có.”

Đức Phật dạy: “Cả hai đều phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo cùng với sa-di hành dâm, rồi nghi, ta có phạm?

Đức Phật : “Người sa-di có thọ lạc không?”

Sa-di thưa: “ Có.”

Đức Phật dạy: “Cả hai đều phạm.”

Có sa-di bắt ép đại tỳ-kheo cùng hành dâm, rồi nghi, đức Phật hỏi tỳ-kheo: “Tỳ-kheo, người có thọ lạc không?”

Tỳ-kheo thưa: “Có.”

Đức Phật dạy: “Cả hai đều phạm.”

Có sa-di cùng với sa-di hành dâm, rồi nghi, đức Phật hỏi:

“Người có thọ lạc không?”

Sa-di thưa: “Có.”

Đức Phật dạy: “Cả hai đều phạm.”

Có tỳ-kheo bị cưỡng bức cùng tỳ-kheo hành dâm, không thọ lạc; lấy ra rồi nghi. Đức Phật hỏi: “Người có thọ lạc không?”

Tỳ-kheo kia thưa: “Không thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Người không phạm. Người nào để vào thì phạm.”

Có tỳ-kheo cưỡng bức bắt ép sa-di hành dâm, không thọ lạc; lấy ra, vị kia nghi. Đức Phật hỏi ông sa-di:

“Người có thọ lạc không?”

Sa-di thưa: “Không thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Người không phạm. Người để vào thì phạm.”

Có sa-di cưỡng bức bắt ép tỳ-kheo hành dâm, không thọ lạc; lấy ra rồi nghi. Đức Phật hỏi: “Người có thọ lạc không?”

Sa-di thưa: “Không thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Người không phạm. Người nào để vào thì phạm.”

Có sa-di cưỡng bức bắt sa-di hành dâm, không thọ lạc. Lấy ra rồi nghi. Đức Phật hỏi: “Người có thọ lạc không?”

Sa-di thưa: “Không thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Người không phạm. Người nào để vào thì phạm.”

Có tỳ-kheo [973b] thân căn bị hư hoại, không có cảm giác. Vị ấy có ý nghĩ: “Ta không có cảm giác, hành dâm không phạm.”

Vị ấy hành dâm rồi nghi. Đức Phật dạy:

“Người phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo nam căn không khởi, nghĩ rằng mình hành dâm không phạm. Vị ấy bèn hành dâm, rồi nghi. Đức Phật dạy:

“Người phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo có ý nghĩ: “Ta cùng với người nữ đang ngủ hành dâm. Nó không biết khoái lạc. Ta không phạm.” Vị kia bèn hành dâm, rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Ngươi phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo có ý nghĩ: “Cùng với người nữ say hành dâm. Người kia không biết khoái lạc. Ta không phạm.” Vị kia bèn hành dâm, rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Ngươi phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo có ý nghĩ: “Ta cùng người nữ điên cuồng hành dâm. Người kia không biết cảm giác lạc. Ta không phạm.” Vị kia bèn hành dâm, rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Ngươi phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo có ý nghĩ: “Ta cùng người nữ đang sân hận hành dâm. Người kia không thọ lạc, không phạm.” Vị kia hành dâm, rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Ngươi phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo có ý nghĩ: “Ta cùng người nữ đang đau nhức khổ hành dâm. Người kia không thọ lạc. Ta không phạm.” Vị kia hành dâm rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Ngươi phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo có ý nghĩ: “Ta cùng người nữ thân căn bị hư hoại hành dâm. Người kia không biết lạc. Ta không phạm.” Vị kia hành dâm rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Ngươi phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo có ý nghĩ: “Ta cưỡng bức bắt buộc người nữ hành dâm. Người kia không thọ lạc. Ta không phạm.” Vị kia bèn hành dâm, rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Ngươi phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo có ý nghĩ: “Ta cưỡng bức bắt buộc huỳnh môn hành dâm. Nó không thọ lạc. Ta không phạm.” Vị kia liền hành dâm rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Ngươi phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo có ý nghĩ: “Ta cưỡng bức bắt buộc nam tử hành dâm. Nó không thọ lạc. Ta không phạm.” Vị kia liền hành dâm, rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Ngươi phạm ba-la-di.”

Bấy giờ, có người nữ cưỡng bức bắt tỳ-kheo hành dâm. Tỳ-kheo không thọ lạc; lấy ra rồi nghỉ. Phật hỏi tỳ-kheo: “Ngươi có thọ lạc không?”

Vị đó thưa: “Không thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Ngươi không phạm.”

Có huỳnh môn cưỡng bức bắt tỳ-kheo hành dâm, nghi. Đức Phật hỏi tỳ-kheo: “Ngươi có thọ lạc không?”

Vị kia thưa: “Không thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Ngươi không phạm.”

Có nam tử cưỡng bức bắt tỳ-kheo cùng hành dâm. Tỳ-kheo không thọ lạc, lấy ra, rồi nghi, đức Phật hỏi tỳ-kheo: “Ngươi có thọ lạc không?”

Tỳ-kheo trả lời: “Không thọ lạc.”

[973c] Đức Phật dạy: “Ngươi không phạm.”

Bấy giờ, có ác tỳ-kheo, ác sa-di, ác a-lan-nhã bắt ép tỳ-kheo để vào đường đại tiện, hoặc nơi miệng hành dâm. Thân vị kia thọ lạc. Khi lấy ra, nghi. Đức Phật hỏi: “Ngươi có thọ lạc không?”

Vị kia trả lời: “Có thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Cả hai đều phạm ba-la-di.”

Có ác tỳ-kheo, ác sa-di, ác a-lan-nhã bắt ép tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di ni, thức-xoa-ma-na để vào đường đại tiểu tiện hoặc trong miệng hành dâm. Vị kia thọ lạc. Khi lấy ra, nghi. Đức Phật hỏi:

“Ngươi có thọ lạc không?”

Vị kia trả lời: “Có thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Cả hai đều phạm.”

Có ác tỳ-kheo, ác sa-di, ác a-lan-nhã bắt ép tỳ-kheo để vào đường đại tiện, trong miệng hành dâm. Vị kia không thọ lạc, nghi. Đức Phật hỏi tỳ-kheo: “Ngươi tỳ-kheo có thọ lạc không?”

Vị kia thưa: “Không thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Ngươi không phạm. Người kia phạm.”

Có ác tỳ-kheo, ác sa-di, ác a-lan-nhã bắt ép tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di ni để vào đường đại tiểu tiện, trong miệng hành dâm. Vị kia không thọ lạc. Khi lấy ra, nghi. Đức Phật hỏi sa-di ni:

“Có thọ lạc không?”

Vị kia thưa: “Không thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Ngươi không phạm. Người kia phạm.”

Có ác tỳ-kheo, ác sa-di, ác a-lan-nhã bắt ép tỳ-kheo đang ngủ đẽ vào đường đại tiểu tiện, trong miệng hành dâm. Vị đang ngủ kia không biết, khi thức dậy cũng không biết. Vị kia nghĩ. Đức Phật hỏi: “Người có biết hay không?”

Vị kia thưa: “Không biết.”

Đức Phật dạy: “Ngươi không phạm. Người kia phạm.”

Có ác tỳ-kheo, ác sa-di, ác a-lan-nhã bắt ép tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni đang ngủ đẽ vào đường đại tiểu tiện, trong miệng hành dâm. Vị đang ngủ kia không biết, khi thức dậy cũng không biết. Vị kia nghĩ. Đức Phật hỏi: “Ngươi có biết không?”

Vị kia trả lời: “Không biết.”

Đức Phật dạy: “Ngươi sa-di-ni¹ không phạm. Người kia phạm.”

Có ác tỳ-kheo, ác sa-di, ác a-lan-nhã đối với tỳ-kheo đang ngủ đẽ vào nơi đại tiện, trong miệng hành dâm. Vị ngủ kia tỉnh giấc, nhưng không thọ lạc. Khi lấy ra, vị kia nghĩ. Đức Phật hỏi:

“Ngươi có thọ lạc không?”

Vị kia thưa: “Không thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Ngươi sa-di-ni không phạm. Người đẽ vào phạm.”

Có ác tỳ-kheo, ác sa-di, ác a-lan-nhã với tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di ni đang ngủ đẽ vào đường đại tiểu tiện, trong miệng hành dâm. Vị đang ngủ kia không biết. Khi tỉnh giấc, không thọ lạc, nghĩ. Đức Phật hỏi: “Ngươi có thọ lạc không?”

Vị kia trả lời: “Không thọ lạc.”

¹ Đẽ bản: “Ngươi sa-di-ni...” Các bản TNM lược bỏ. Đây kể luôn cả tỳ-kheo v.v...

Đức Phật dạy: “Ngươi không phạm. Người để vào kia phạm.”

Có ác tỳ-kheo, ác sa-di, ác a-lan-nhã với tỳ-kheo đang ngủ để vào đường đại tiện, trong miệng hành dâm. Vị ngủ kia không biết, [974a1] khi tỉnh giấc thì biết, thọ lạc. Khi lấy ra, nghi. Đức Phật hỏi: “Ngươi có thọ lạc không?”

Vị kia nói: “Có thọ.”

Đức Phật dạy: “Cả hai đều phạm.”

Có ác tỳ-kheo, ác sa-di, ác a-lan-nhã, với tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di ni đang ngủ, để vào trong đường đại tiểu tiện, trong miệng hành dâm. Vị ngủ kia không biết, tỉnh giấc mới biết, thọ lạc. Đức Phật hỏi:

“Ngươi có thọ lạc hay không?”

Vị kia thưa: “Có thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Cả hai đều phạm.”

2. Bảy giờ, tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc, ban ngày không đóng cửa mà ngủ. Giấc vào nhà hành dâm, rồi đi. Tỳ-kheo-ni không biết. Thức dậy rồi, thấy đồ bất tịnh bản người, bèn nghĩ: “Thân ta có đồ bất tịnh dơ dáy thế này, có người phạm dâm ta sao?” Nghi. Đức Phật nói: “Không phạm. Nhưng tỳ-kheo-ni ban ngày không được không đóng cửa mà ngủ.”

Tỳ-kheo-ni Nan-đà, ban ngày ngồi dưới gốc cây hoa, chỗ nhiều người vui đùa, bọn cướp bắt ép phạm dâm. Tỳ-kheo-ni nghi. Đức Phật hỏi: “Này Nan-đà, ngươi có thọ lạc hay không?”

Tỳ-kheo-ni thưa: “Bạch Đại đức, cảm thọ như bị sắt nóng áp vào người con.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng tỳ-kheo-ni không được ở chỗ như vậy.”

3. Có tỳ-kheo trì khát thực. Buổi sáng, khoác y, bung bát, đến nhà bạch y, bên dưới cửa của nhà kia có cột một con chó. Thấy tỳ-kheo nó sủa, tỳ-kheo rủ lòng thương đối với nó nên mở thả nó ra. Tỳ-

kheo lại đến chỗ khác. Vợ cũ thấy, gọi vào làm bất tịnh hạnh. Vị kia tự nghĩ: “Ta mở thả con chó của người khác, đã phạm ba-la-di rồi.” Bèn cùng vợ cũ làm bất tịnh hạnh. Các tỳ-kheo nghĩ: “Tỳ-kheo này, việc làm trước phạm, hay việc làm sau phạm?”

Đức Phật dạy: “Việc trước không phạm, việc sau phạm. Nhưng không được thả chó của người ta.”

Có tỳ-kheo, buổi sáng, khoác y, bung bát đến nhà bạch y, thấy con heo con bị chìm xuống nước. Thấy tỳ-kheo, nó kêu. Tỳ-kheo thương xót, vớt nó lên và thả nó đi. Tỳ-kheo đến chỗ khác thấy người nữ tư thông trước kia, rủ làm bất tịnh hạnh. Tỳ-kheo nghĩ: “Ta thả con heo của người đi, đã phạm ba-la-di rồi.” Bèn làm bất tịnh hạnh. Tỳ-kheo khác nghĩ: “Tỳ-kheo này, việc làm trước phạm hay việc làm sau phạm?” Đức Phật dạy:

“Việc làm trước không phạm. Việc làm sau phạm. Nhưng không được làm việc như vậy.”

Có một người đàn bà đến chỗ bán thịt bò, mua thịt mang đi. Có con quạ đớp lấy miếng thịt bay đi. Nhưng sợ ý, rơi xuống trong bình bát của tỳ-kheo khất thực. Người đàn bà kia thấy vậy kêu:

“Đại đức, miếng thịt đó của tôi, đừng mang đi!”

Tỳ-kheo trả lời:

“Nó rơi vào bát của tôi, [974b] chẳng phải thịt của bà.”

Tỳ-kheo nói như vậy rồi cứ mang đi.

Trên đường đi, sau đó, có dâm nữ rủ tỳ-kheo cùng hành bất tịnh hạnh. Vị kia có ý nghĩ: “Vừa rồi ta lấy thịt của người, đã phạm ba-la-di rồi.” Bèn cùng người nữ làm bất tịnh hạnh. Các tỳ-kheo nghĩ: “Tỳ-kheo kia, việc làm trước phạm, hay việc làm sau phạm?” Đức Phật dạy:

“Việc làm trước không phạm. Việc làm sau phạm. Nhưng không được lấy thịt như vậy.”

Có tỳ-kheo hành dâm vào miệng con chó rồi nghỉ. Đức Phật nói: “Phạm ba-la-di.”

4. Có tỳ-kheo vén y tiểu tiện, có con chó đến liếm nước tiểu, rồi lại ngậm nam căn của tỳ-kheo. Vị kia không thọ lạc; lấy ra, nghi. Đức Phật hỏi tỳ-kheo: “Ngươi có thọ lạc không?”

Tỳ-kheo thưa: “Không thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Không phạm.”

Có tỳ-kheo vén y để tiểu tiện, con chó liếm nước tiểu rồi lại ngậm nam căn của tỳ-kheo, tỳ-kheo thọ lạc; lấy ra, nghi. Đức Phật hỏi:

“Ngươi có thọ lạc hay chẳng?”

Tỳ-kheo thưa: “Có thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Ngươi phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo vén y lội qua sông Y-la-bà-đề. Cá ngậm nam căn tỳ-kheo. Tỳ-kheo không thọ lạc; lấy ra, nghi. Đức Phật hỏi tỳ-kheo:

“Ngươi có thọ lạc không?”

Vị kia thưa: “Không thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Không phạm.”

Có tỳ-kheo vén y lội qua sông Y-la-bà-đề. Cá ngậm nam căn. Tỳ-kheo thọ lạc; lấy ra, nghi. Đức Phật hỏi tỳ-kheo:

“Ngươi có thọ lạc hay không?”

Vị kia thưa: “Thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Ngươi phạm ba-la-di.”

5. Có tỳ-kheo hành dâm giữa đường đại tiện và tiểu tiện rồi nghi. Đức Phật nói: “Phạm thâm-lan-giá.”

Nơi khuỷu chân, nách, lỗ tai, nơi mụn ghẻ lở, giữa giường dây, giường cây, nơi nệm lớn nệm nhỏ, nơi gối, nơi lỗ bùn, nơi miệng bình, hoặc tường đạo, hoặc nghi, tất cả đều phạm thâm-lan-giá.

Có tỳ-kheo khát thực, sáng sớm, khoác y, bung bát đến nhà bạch y. Có bé gái nằm ngựa ngủ bên trong cửa. Tỳ-kheo nghĩ: “Nếu ta dùng nam căn để vào thì phạm tội ba-la-di.” Tỳ-kheo lấy ngón chân cái để vào nữ căn, rồi nghi. Đức Phật dạy: “Phạm tăng-tàn.”

Có tỳ-kheo đang ngáp. Tỳ-kheo khác dùng nam căn để vào trong miệng. Tỳ-kheo ngáp không thọ lạc. Sau khi được lấy ra, Tỳ-kheo ngáp nghỉ. Đức Phật hỏi: “Người có thọ lạc không?”

Vị ấy trả lời: “Không thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Người không phạm. Người nào để vào thì phạm. Từ nay về sau khi ngáp, nên dùng tay che miệng lại.”

Có tỳ-kheo ở trong nhà tắm, xoa mình cho vị tỳ-kheo khác. Tỳ-kheo xoa thân hình mềm mại, nên Tỳ-kheo được xoa liền khởi tâm dâm, [974c] bèn làm bất tịnh hạnh. Tỳ-kheo xoa không thọ lạc.

Sau khi Tỳ-kheo kia lấy ấy ra, Tỳ-kheo xoa nghỉ. Đức Phật hỏi: “Người có thọ lạc không?”

Vị kia thưa: “Không thọ lạc.”

Đức Phật dạy: “Người không phạm. Người kia để vào là phạm.”

6. Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tỳ-kheo, ban ngày không đóng cửa mà ngủ, nam căn khởi. Lúc đó có một số đông người nữ đến tham quan nơi Tăng phòng, chỗ tỳ-kheo kia ngủ. Thấy tỳ-kheo nằm giữa ngủ, nam căn khởi, họ hổ thẹn đi ra gấp. Trong số đó có một tặc nữ cùng đi. Tặc nữ vào trong nhà, hành dâm bên trên thân của tỳ-kheo. Hành dâm xong, lấy tràng hoa quàng lên đầu nam căn, rồi đi. Tỳ-kheo kia ngủ không biết. Khi thức dậy, thấy đồ bất tịnh bản thân; nam căn lại có quàng tràng hoa; bèn nghĩ: “Có vật bất tịnh bản thân, nam căn lại có quàng tràng hoa. Có người nữ hành dâm ta ư?” Sinh nghi. Đức Phật hỏi: “Người có biết hay không?”

Vị kia thưa: “Không biết.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được ban ngày không đóng cửa mà ngủ.”

7. Bấy giờ tại nước Xá-vệ có tỳ-kheo cùng tỳ-kheo-ni, là mẹ con, an cư mùa hạ. Mẹ con thường gặp nhau. Vì việc thường thấy nhau nên đều sanh dục tâm. Người mẹ nói với con:

“Ông từ nơi đây mà ra, nay trở lại vào nơi đây, có thể được, không phạm.”

Người con liền làm theo lời của mẹ, rồi nghỉ. Đức Phật dạy:

“Phạm ba-la-di.”

8. Có tỳ-kheo hành dâm trên xác chết của người nữ rồi nghỉ. Đức Phật dạy:

“Ngươi phạm ba-la-di.”

Nếu xác chết kia đa phần không hư hoại thì phạm ba-la-di. Nếu hư hoại phân nửa thì phạm thâm-lan-giá. Đa phần hư hoại, hoặc tất cả đều bị hư hoại, cũng phạm thâm-lan-giá. Nếu là bộ xương, cũng phạm thâm-lan-giá.

9. Bấy giờ ưu-bà-di Tô-tỳ nói với tỳ-kheo: “Nam căn, nữ căn đều có vật ngăn che, hành dâm có thể được, không phạm.”

Tỳ-kheo liền như lời nói đó hành dâm, rồi nghỉ. Đức Phật nói:

“Phạm ba-la-di.”

Ưu-bà-di Tô-tỳ nói với tỳ-kheo, “Thầy cùng tôi hành dâm, nhưng để tinh xuất ra ngoài, có thể được, không phạm.”

Tỳ-kheo liền như lời nói đó, hành dâm; rồi nghỉ. Đức Phật nói:

“Ngươi phạm ba-la-di.”

Có dâm nữ nói với tỳ-kheo, “Thầy dùng lá cây bao nam căn, hành dâm có thể được, không phạm.” Tỳ-kheo như lời nói kia hành dâm; rồi nghỉ. Đức Phật dạy:

“Ngươi phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo đi nơi bãi thây ma, thấy thân người nữ chết, y phục còn trang nghiêm, hành dâm rồi nghỉ. Đức Phật dạy:

“Ngươi phạm ba-la-di.”

Tỳ-kheo giữ phòng, có bé gái đến báo giờ ăn. Tỳ-kheo liền bắt ép hành [975a1]dâm. Nữ căn của đứa nhỏ bị vỡ, cùng đường đại tiện thông qua, đứa nhỏ mạng chung. Vị kia nghỉ. Đức Phật hỏi:

Người với tâm niệm thế nào? Vị đó thưa:

“Con không có tâm giết nó.”

Đức phật dạy: “Không phạm sát mà phạm dâm, ba-la-di.”

10. Có Tỳ-kheo hành dâm nơi tượng gỗ của người nữ rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Phạm thấu-lan-giá.”

Hành dâm với hình tượng nữ nơi vách. Đức Phật dạy:

“Phạm thấu-lan-giá.”

Có tỳ-kheo cùng thiên nữ hành dâm rồi nghỉ. Đức Phật dạy:

“Phạm ba-la-di.”

Hành dâm cùng a-tu-la nữ, long nữ, dạ-xoa nữ, ngọc nữ hoặc súc sanh cái có thể biến hóa, tất cả đều phạm ba-la-di.

Có tỳ-kheo, buổi sáng khoác y, bưng bát đến nhà bạch y khát thực. Gặp lúc trời mưa lớn, có người nữ cúi người xuống để khơi thông nước ngập nên lộ hình. Vị kia nghĩ: “Ta không xúc chạm nơi thân người nữ, mà chỉ dùng nam căn để vào, có lẽ không phạm.” Nghĩ rồi hành dâm, và nghỉ. Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

11. Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Có tỳ-kheo đến nơi a-lan-nhã, ngủ ngày. Bấy giờ, có người nữ hái củi hành dâm bên trên thân của tỳ-kheo, rồi bỏ đi. Cách tỳ-kheo không xa, đứng lại. Tỳ-kheo thức dậy, thấy thân mình bất tịnh dơ bẩn, nghĩ: “Chắc người nữ này hành dâm bên trên thân của ta.” Sanh nghĩ. Đức Phật hỏi:

“Người có biết không?”

Vị kia thưa: “Không biết.”

Đức Phật dạy không phạm. Nhưng tỳ-kheo không được ban ngày mà ngủ chỗ khuất như vậy.

Thế Tôn ở tại nước Bà-kỳ-đề. Bấy giờ có tỳ-kheo trụ nơi a-lan-nhã, ngủ ngày. Có người nữ gánh củi, hành dâm bên trên thân của tỳ-kheo. Tỳ-kheo bất ngờ biết, nhưng không thọ lạc; liền đuổi đánh người nữ. Tỳ-kheo nghĩ, đức phật hỏi:

“Người có thọ lạc hay không?”

Vị kia thưa: “Không thọ lạc.”

Đức Phật dạy:

“Người không phạm. Nhưng đánh người nữ, phạm đột-kiết-la.”

12. Thế Tôn ở tại nước Chiêm-bà. Có tỳ-kheo đến chỗ a-lan-nhã, ban ngày tư duy, buộc niệm trước mặt. Tỳ-kheo này là bậc A-la-hán. Bị gió gắt, nam căn khởi. Bấy giờ, có tặc nữ cưỡng bức tỳ-kheo hành dâm. Các tỳ-kheo nói như vậy: “A la hán còn có dục, nên nam căn khởi chẳng?” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Có năm nhân duyên khiến cho nam căn khởi: đại tiện thúc bách, tiểu tiện thúc bách, gió gắt, trùng ùy-châu-lăng-già¹ cắn, có dục tâm. Đó là năm nhân duyên khiến cho nam căn khởi. Không có trường hợp A-la-hán nam căn khởi do có dục tâm.”

13. [975b] Thế Tôn ở tại thành Vương-xá.

Bấy giờ nam căn của vương tử Vô Úy bị bệnh, khiến người nữ ngưng, sau đó được lành. Được lành rồi, vương tử lại hành dâm nơi miệng người nữ này. Người nữ này ưu sầu không vui nên nghĩ: “Nếu khi nào vua Bình-sa đến, ta sẽ trùm đầu, để lộ hình, đứng trước mặt người. Nếu vua hỏi: ‘Người điên hay sao? Tại sao làm như vậy?’ Khi ấy ta sẽ trả lời: ‘Tôi không điên. Nhưng vì vương tử cần nên tôi phải trùm đầu lại để giữ. Tại sao vậy? vương tử thường hành dâm nơi miệng tôi, nên tôi phải trùm đầu lại để giữ miệng.’”

Sau đó vua Bình-sa đến chỗ Vô Úy. Người nữ kia làm như đã nghĩ trước mặt vua. Vua hỏi:

“Người điên phải không? Tại sao làm như vậy?”

Người nữ trả lời: “Tôi không điên. Nhưng vì vương tử cần nên tôi phải trùm đầu lại để giữ.”

¹ ùy-châu-lăng-già trùng 慰周陵伽虫. Pāli. Vin.iii. 58: *uccāliga*, “sâu gặm.”

Vua liền gọi Vô Úy đến hỏi:

“Tại sao con lại hành dâm nơi miệng của thị nữ?”

Vô Úy nghe như vậy rất hổ thẹn. Sau đó vương tử Vô Úy nói người nữ này có tội, cho mặc áo đen, để đứng bên ngoài cửa thành, với lời rao: “Nếu ai có mắc bệnh như vậy thì hành dâm nơi miệng người nữ này sẽ được lành bệnh.”

Các tỳ-kheo nghĩ: “Nếu cần trị bệnh thì nên đem nam căn để vào trong miệng người nữ bảo họ ngậm lại thì không phạm phải không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

14. Bấy giờ có một thị trấn tên là Bà-lâu-việt-xa,¹ vua tự là Hải. Có một dâm nữ bị tội, vua truyền lệnh: “Lóc thịt hai bên nữ căn của người ấy để trị phạt.” Lệnh ấy được thi hành. Các tỳ-kheo nói: “Nếu đối với người còn sống mà hành dâm giữa hai đốt xương, có bị phạm hay không?” Đức Phật dạy:

“Phạm thâm-lan-giá.”

II. BÁT DỮ THỦ

1. Ưu-ba-ly thỉnh vấn

Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chầm đất, chấp tay thưa:

“Kính bạch đức Thế Tôn, Đại đức Đà-ni-già, con ông thợ gôm, lấy cây gỗ của vua. Không cho mà lấy như vậy có phạm không?”

Đức Phật dạy:

“Mới ban đầu chưa chế giới, không phạm.”

Ưu-ba-ly lại bạch Phật:

¹ Bà-lâu-việt-xa 婆樓越奢. Pāli: Bharukaccha (?), Vin.iii. 39.

“Bách Đại đức, nếu chỗ rừng vắng, lấy vật có người thủ hộ, giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền. Có phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

“Vật của người khác tưởng là vật của người khác, giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, không được cho mà lấy, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

“Vật của người khác mà nghi, giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, không cho mà lấy. Có phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm thâm-lan-giá.”

[975c] “Chẳng phải vật của người khác, tưởng là vật của người khác, giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, lấy, phạm thâm-lan-giá. Chẳng phải vật của người khác, nghi, giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, không cho mà lấy, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm thâm-lan-giá.”

“Vật của người tưởng là vật của người, giá trị dưới năm tiền, không cho mà lấy, phạm hay chẳng?”

Đức Phật dạy: “Phạm thâm-lan-giá.”

“Vật của người, nghi, dưới năm tiền, không cho mà lấy phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm đột-kiết-la.”

Chẳng phải vật của người, tưởng là vật của người, dưới năm tiền, không cho mà lấy, phạm hay không? Đức Phật dạy:

“Phạm đột-kiết-la.”

“Chẳng phải vật của người mà nghi, dưới năm tiền, không cho mà lấy, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm đột-kiết-la.”

“Nếu lấy vật của người nam mà tưởng là người nữ, năm tiền hay hơn năm tiền, không cho mà lấy, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

“Nếu lấy vật của người nữ mà tưởng là người nam, năm tiền hoặc trên năm tiền, không cho mà lấy, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

“Nếu lấy vật của người nữ kia mà tưởng là người nữ này, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

“Nếu lấy vật của người nam này mà tưởng là người nam kia, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

2. Vật gia dụng

1. Thế Tôn ở tại Ba-la-nại. Gặp lúc mất mùa nhân dân đói khát, khát thực khó được. Bấy giờ, có tỳ-kheo khát thực, buổi sáng khoác y, bung bát đến nhà bạch y. Nơi đó có người nữ dùng đồ đựng đầy thức ăn để dưới đất rồi vào nhà trong. Tỳ-kheo kia nhìn quanh thấy không có ai, bèn nghĩ: “Ta lấy thức ăn này. Có ích cho ta.” Nghĩ như vậy rồi lấy đi. Vị kia nghi, đức Phật hỏi:

“Với tâm niệm như thế nào khi lấy?”

Vị kia thưa: “Lấy với tâm ăn trộm.”

Đức Phật dạy:

“Nếu trị giá đủ năm tiền, lấy khỏi chỗ cũ, phạm ba-la-di. Bột bánh, cơm, cá, thịt, khư-xà-ni, tất cả các thứ như trên mà trị giá năm tiền, lấy khỏi chỗ cũ, phạm ba-la-di.”

2. Có tỳ-kheo khát thực, buổi sáng khoác y, bung bát đến nhà bạch y, thấy có cái bồn bằng đồng. Nhìn chung quanh không thấy ai, tự nghĩ: “Cái này đối với ta có ích.” Nghĩ như vậy rồi lấy đi, nhưng nghi. Đức Phật hỏi: “Với tâm niệm thế nào khi người lấy?”

Vị đó thưa: “Với tâm trộm cắp.”

Đức Phật dạy:

“Nếu trị giá năm tiền, lấy khỏi chỗ cũ, phạm ba-la-di.”

3. Có tỳ-kheo khát thực, sáng sớm khoác y, bưng bát đến nhà cư sĩ thấy có chiếc ghế đơn.¹ Tỳ-kheo nhìn chung quanh không thấy ai, liền nghĩ: “Chiếc ghế này có ích cho ta.” Nghĩ như vậy rồi lấy đi, nhưng nghi. Đức Phật hỏi:

“Người lấy với tâm như thế nào?”

Vị đó thưa:

“Với tâm trộm cắp.”

Đức Phật dạy:

“Nếu trị giá đủ năm tiền, lấy khỏi chỗ cũ, phạm ba-la-di.”

3. Y phục

1. Có tỳ-kheo đến chỗ giặt y, lấy y của người khác đi, nhưng nghi. Đức Phật hỏi:

“Người lấy với ý nghĩ như thế nào?”

Vị đó nói: “Lấy với tâm trộm cắp.”

[976a1]Đức Phật dạy:

“Nếu trị giá đủ năm tiền, lấy khỏi chỗ cũ, phạm ba-la-di.”

2. Có tỳ-kheo đi cách chỗ giặt y không xa, thấy có chiếc y quý giá phơi, để ý, với ý nghĩ sẽ trở lại lấy, sanh nghi. Đức Phật hỏi:

“Khi người muốn lấy với tâm niệm như thế nào?”

Vị đó thưa: “Với tâm ăn trộm.”

Đức Phật dạy:

“Phương tiện tìm cầu năm tiền, chưa lấy khỏi chỗ cũ, phạm thâu-lan-giá.”

3. Có tỳ-kheo khát thực, sáng sớm đắp y mang bát đến nhà bạch y, thấy bên dưới cửa có phơi một chiếc y quý giá, lấy chân lật qua để xem, rồi nghi. Đức Phật hỏi:

¹ Độc tọa sập đấng 獨座榻蹬.

“Vớ ý nghĩ như thế nào trong khi làm như vậy?”

Vị đó thưa: “Vớ tâm niệm kẻ trộm.”

Đức Phật dạy: “Phương tiện tìm cầu năm tiền, chưa rời khỏi chỗ cũ, phạm thâu-lan-giá.”

4. Có tỳ-kheo khát thực, sáng sớm khoác y, bưng bát đến nhà bạch y, thấy có cái giường đơn. Nhìn chung quanh không thấy ai, tự nghĩ: “Cái này đối với ta có ích.” Bèn lấy đi; rồi nghỉ. Đức Phật hỏi: “Vớ ý nghĩ như thế nào khi người lấy?”

Vị đó thưa: “Vớ tâm ăn trộm.”

Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

5. Có tỳ-kheo khát thực, sáng sớm khoác y, bưng bát đến nhà thế gian, thấy có cái giường ngồi một người và y. Nhìn chung quanh không thấy ai, tự nghĩ: “Đối với ta cái này có ích.” Bèn lấy đi; rồi nghỉ. Đức Phật hỏi:

“Khi người lấy vớ ý nghĩ thế nào?”

Vị đó thưa: “Vớ tâm của kẻ trộm.”

Đức Phật dạy: “Trị giá năm tiền, lấy khỏi chỗ cũ, phạm ba-la-di.”

6. Có tỳ-kheo khát thực, sáng sớm khoác y, bưng bát đến nhà bạch y, thấy chiếc ghế ngồi một người, tạm lấy để dùng, nhưng nghỉ.

Đức Phật hỏi: “Vớ ý nghĩ thế nào khi người lấy?”

Vị đó thưa: “Vớ ý nghĩ lấy tạm chứ không có tâm trộm cắp.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được không hỏi chủ mà lấy như vậy.”

7. Có tỳ-kheo lấy y trong tháp miếu của người khác rồi nghỉ. Đức Phật hỏi: “Vớ tâm niệm thế nào khi người lấy nó?”

Vị đó thưa: “Nghĩ là y phần tảo nên con lấy.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được lấy y trang sức trong tháp miếu của người.”

4. Trốn thuế

Có tỳ-kheo cùng đi với người bán tơ lụa. Vị đó nói với tỳ-kheo:

“Thưa Trưởng lão, các ngài đi qua chỗ quan thuế, khỏi phải đóng thuế. Tôi muốn gởi tơ lụa này cho các ngài mang qua khỏi chỗ quan thuế.”

Tỳ-kheo liền vì họ mang qua, nhưng nghi. Đức Phật hỏi:

“Vớ ý nghĩ thế nào khi thầy làm việc ấy?”

Vị đó thưa: “Vớ tâm trộm cắp.”

Đức Phật dạy:

“Trị giá thuế đủ năm tiền thì phạm ba-la-di.”

5. Trộm có tổ chức

1. Có số đông tỳ-kheo phương tiện sai một người lấy vật của người khác đáng giá năm tiền hay hơn năm tiền, rồi nghi. Đức Phật nói:

“Tất cả đều phạm ba-la-di.”

2. Có số đông tỳ-kheo phương tiện sai một người lấy vật của người. Trong số đó có người nghi mà [976b] không ngăn. Vật ấy đáng năm tiền hoặc hơn năm tiền được lấy. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy:

“Tất cả đều phạm ba-la-di.”

3. Có số đông tỳ-kheo phương tiện sai một người lấy vật của người. Trong số đó có người nghi liền ngăn. Nhưng người kia vẫn cố đi lấy được năm tiền hoặc hơn năm tiền. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy:

“Người ngăn phạm thâu-lan-giá. Người không ngăn phạm ba-la-di.”

4. Có số đông tỳ-kheo phương tiện sai một người lấy trộm vật của người khác. Người kia đến tìm cầu năm tiền hay hơn năm tiền, nhưng lấy được dưới năm tiền. Vị kia nghĩ, “Chúng ta được dưới năm tiền, không phạm ba-la-di.”

Đức Phật dạy: “Căn cứ theo chỗ vật vốn định lấy, đủ năm tiền thì phạm ba-la-di.”

5. Có số đông tỳ-kheo phương tiện khiến một người lấy năm tiền hoặc hơn năm tiền, trở về cùng nhau chia, mỗi phần đều dưới năm tiền. Vị kia nghĩ: “Chúng ta được dưới năm tiền không phạm ba-la-di.”

Đức Phật dạy: “Chung lại thành một phần, đều phạm ba-la-di.”

6. Có số đông tỳ-kheo phương tiện khiến một người lấy vật của kẻ khác, đi lấy vật dưới năm tiền. Nhưng đem về vật giá trị năm tiền. Vị kia nghĩ: “Chúng ta lấy được năm tiền, phạm ba-la-di.”

Đức Phật dạy: “Căn cứ theo chỗ vật vốn định lấy, phạm thân-lan-giá.”

6. Sở hữu tỳ lạc

Bấy giờ, có tỳ-kheo lấy vật của tỳ lạc kia, rồi mang vào thành. Vị ấy nghĩ. Đức Phật dạy: “Khi người lấy, với tâm ý thế nào?”

Vị kia thưa: “Với tâm ăn trộm.”

Đức Phật dạy: “Lấy năm tiền rời khỏi chỗ, phạm ba-la-di.”

7. Trộm kinh

Có tỳ-kheo lấy trộm kinh của người khác với ý nghĩ: “Lời của đức Phật thì vô giá. Chỉ nên căn cứ giá trị để định giá trị.”

Vị kia nghĩ. Đức Phật dạy: “Người lấy với tâm thế nào?”

Vị kia thưa: “Với tâm kẻ trộm.”

Đức Phật dạy: “Lấy năm tiền, rời khỏi chỗ, phạm ba-la-di.”

8. Đồng lã

Bấy giờ, có người lính¹ của vương thất, do tín lạc nên theo Phật xuất gia. Có tỳ-kheo phá giới khác đến dụ dỗ dối gạt rằng: “Trưởng lão nơi thôn kia, trong đó có nhiều của cải, cũng có người khỏe nhưng không khỏe hơn ngài. Bấy giờ chúng ta cùng đi lấy.” Vị kia

¹ Hán: dũng kiện nhân 勇健人.

đồng ý. Tỳ-kheo kia nói xong rồi đi. Đi một đoạn đường không xa, tỳ-kheo này khởi lên ý nghĩ: “Vớ tin tâm, ta xuất gia, không được làm việc ác thế này.”

Một thời gian sau, tỳ-kheo phá giới kia lại đến nói: “Bây giờ chúng ta hãy cùng đi lấy tài vật đó.” Vị kia nói: “Tôi không đi.” “Tại sao vậy?” Vị kia trả lời: “Sau khi thầy đi, tôi suy nghĩ: ‘Ta vì tin tâm xuất gia không được làm việc ác như vậy.’ Vì vậy tôi không đi.”

Sau đó một thời gian, tỳ-kheo phá giới kia đến thôn đó lấy trộm [976c] của cải của người, chia cho nhau rồi, còn một phần đem đến cho tỳ-kheo này. Tỳ-kheo này nói: “Tôi không nhận phần này. Trước đây tôi đã nói, ‘Ta vì tin tâm xuất gia không được làm việc ác như vậy.’” Nhưng vị ấy lại nghĩ. Đức Phật hỏi:

“Ý nghĩ của ngươi như thế nào?”

Vị kia liền đem nhân duyên trình bày rõ ràng với đức Phật. Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng trước có hứa khả nên mắc đột-kiết-la.”

9. Trộm nhàm

1. Có tỳ-kheo muốn ăn trộm y của người khác mà nhàm lấy y của mình, rồi nghĩ. Đức Phật dạy:

“Ngươi phạm thâm-lan-giá.”

2. Có tỳ-kheo lấy trộm y của người luôn cả y của mình, rồi nghĩ. Đức Phật dạy:

“Y của mình phạm thâm-lan-giá. Y của người phạm ba-la-di.”

3. Có tỳ-kheo trộm đồ vật vốn là đồ ăn trộm của người khác; rồi nghĩ. Đức Phật dạy:

“Phạm ba-la-di.”

4. Có số đồng bạch y, tại bãi tha ma, cõi y để một chỗ để chôn người chết. Có tỳ-kheo trì y phần tảo tưởng là y phần tảo nên mang đi. Các bạch y thấy, nói: “Đại đức, chớ lấy y của chúng tôi đi.” Vị kia trả lời: “Tôi tưởng là y phần tảo.” Nói như vậy rồi để y xuống

mà đi. Nhưng nghi. Đức Phật hỏi: “Người lấy với ý nghĩ như thế nào?”

Vị kia thưa: “Con tưởng là y phần tảo chứ không có tâm ăn trộm.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng nếu có đồng y như vậy, không được gọi là y phần tảo để lấy.”

5. Có tỳ-kheo đi cách bãi tha ma không xa, thấy có nhiều y phần tảo, liền tập trung lại rồi đi, nghĩ rằng để trở về lại sẽ lấy. Sau đó có tỳ-kheo trì y phần tảo thấy, tưởng là y phần tảo liền mang đi. Tỳ-kheo kia khi trở lại không thấy y, về đến chùa lại thấy có tỳ-kheo đang giặt y, liền nói:

“Thầy lấy y của tôi, phạm tội ăn trộm.”

Vị kia trả lời: “Tôi không lấy trộm mà chỉ lấy y phần tảo.”

Vị kia nghi. Đức Phật hỏi:

“Người lấy với ý nghĩ thế nào?”

Vị kia trả lời: “Con nghĩ là y phần tảo nên lấy.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được lấy y phần tảo mà tập trung thành đồng như vậy.”

6. Có cư sĩ đi cách bãi tha ma không xa, thấy có y phần tảo rất quý giá, liền lấy để trong đám cỏ rồi đi, với ý định trở lại sẽ lấy để cúng cho tỳ-kheo. Vào lúc đó có tỳ-kheo trì y phần tảo thấy, liền lấy đem đi. Cư sĩ kia khi trở lại không thấy chiếc y, lúc đến chùa thấy tỳ-kheo đang giặt, nói: “Thầy lấy trộm y của tôi.”

Tỳ-kheo trả lời: “Tôi không lấy trộm y của người. Tôi chỉ lượm y phần tảo.” Nhưng rồi nghi. Đức Phật hỏi:

“Người với ý nghĩ thế nào khi lấy?”

Tỳ-kheo kia thưa: “Con nghĩ là y phần tảo nên lấy.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được lấy y phần tảo để chổ như vậy.”

7. Có người chẵn bò cỡi y để trên đầu nằm ngủ. Có tỳ-kheo trì y phân tảo thấy tưởng là người chết, [977a1] nên nghĩ: “Đức Thế Tôn không cho phép tỳ-kheo lấy y của người chết còn nguyên hình.” Bèn lấy tay người chết đánh vào đầu người chết. Đứa chẵn bò hoảng hốt thức dậy hỏi: “Tại sao Đại đức lại đánh tôi?” Tỳ-kheo trả lời: “Tôi tưởng ngươi là người chết.” Đứa chẵn bò kia giận nói:

“Ông không thể phân biệt được người chết với người sống hay sao?” Nói xong liền đánh tỳ-kheo như tử. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không được đánh người chết khiến cho rã thân để lấy y.”

8. Có số đồng trẻ nhỏ cỡi y để một chỗ rồi cùng nhau nô đùa. Tỳ-kheo trì y phân tảo thấy, liền muốn lấy y. Mấy đứa nhỏ thấy, nói:

“Đừng lấy y của chúng tôi đi.” Tỳ-kheo nói: “Tôi tưởng là y phân tảo.” Tỳ-kheo để y lại rồi đi, nhưng nghĩ. Đức Phật hỏi:

“Ngươi nghĩ thế nào khi lấy?”

Tỳ-kheo thưa: “Con nghĩ là y phân tảo nên lấy.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được lấy y phân tảo tập trung thành đồng như vậy.”

10. Di chuyển vật

1. Nhóm sáu tỳ-kheo dùng mật mía khuyến dụ con nít để dẫn đi bán. Cha mẹ nó thấy, hỏi tỳ-kheo: “Đại đức nói gì với nó vậy?” Tỳ-kheo nhóm sáu nói: “Có nói gì đâu.” Nhóm sáu để trẻ nít lại rồi đi; nhưng nghĩ. Đức Phật hỏi:

“Ngươi dẫn chúng nó đi với ý nghĩ thế nào?”

Nhóm sáu thưa: “Dẫn đi với tâm trộm.”

Đức Phật dạy: “Trị giá năm tiền đời khỏi chỗ, phạm ba-la-di.”

2. Có tỳ-kheo với tâm ăn trộm, đảo ngược và dời chỗ để chia phần của người khác, rồi nghĩ. Đức Phật dạy:

“Khi dời liền thành ba-la-di.”

3. Có tỳ-kheo ăn trộm thê chia vật của người khác, rồi nghỉ. Đức Phật dạy:

“Trị giá năm tiền, lia khỏi chỗ cũ phạm ba-la-di.”

4. Có tỳ-kheo lật nghiêng thê chia phần của người khác, rồi nghỉ. Đức Phật dạy:

“Phương tiện lấy năm tiền, chưa rời khỏi chỗ cũ, phạm thâu-lan-giá.”

5. Có tỳ-kheo ăn trộm lần thứ hai, lấy vật không đủ năm tiền, nghĩ rằng: “Ta lấy hai lần, trước sau (mỗi lần) không đủ năm tiền, không phạm ba-la-di.” Đức Phật dạy:

“Trước sau (cộng lại) đủ năm tiền, phạm ba-la-di.”

6. Cách Kỳ-hoàn không xa có cư sĩ cày đất. Tỳ-kheo khách thấy, nói rằng, “Đất này của Tăng. Chớ cày.” Cư sĩ nói, “Chẳng phải đất của Tăng mà là đất của tôi.” Tỳ-kheo lại nói, “Đây là đất của Tăng. Chớ cày.” Cư sĩ liền thả bò đi, và nói rằng, “Đất của ta mà không được cày!” Tỳ-kheo khách kia vào trong Kỳ-hoàn hỏi cụ tỳ-kheo:

“Có cư sĩ cày khoảnh đất cách đây không xa. Vậy đất đó của ai?”

Cụ tỳ-kheo nói: “Đó là đất của cư sĩ.”

Vị cụ tỳ-kheo hỏi vị khách tỳ-kheo:

“Tại sao thầy hỏi điều đó?”

Khách tỳ-kheo đem nhân duyên kia nói lại đầy đủ, rồi nghỉ. Đức Phật hỏi: “Người nghĩ như thế nào?”

Vị đó trình bày đầy đủ nhân duyên, đức Phật dạy:

“Người không phạm. Nhưng không được nói như vậy.”

7. [977b] Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chắm đất, bạch Phật:

“Nếu tác ý làm hao hụt, lấy năm tiền hoặc hơn năm tiền, tự mình lấy hoặc dạy người lấy, tự đoạn hoại hoặc dạy người đoạn hoại, tự

phá hoặc dạy người phá, hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc làm hoại sắc, như vậy có phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Tất cả đều phạm ba-la-di.”

8. Có tỳ-kheo chia đất, dòi cột mốc của người khác; rồi nghi. Đức Phật hỏi:

“Người nghi thế nào khi dòi?”

Vị kia thưa: “Vớ tâm ăn trộm.”

Đức Phật dạy: “Dòi cột mốc, nếu trị giá năm tiền,¹ phạm ba-la-di.”

11. Nguồn nước

1. Bấy giờ trong vườn của chúng Tăng không có nước nên bị cản cỗi. Nhóm sáu tỳ-kheo tháo nước từ ruộng của người khác vào trong vườn của Tăng, rồi nghi. Đức Phật hỏi:

“Người tháo nước với ý nghĩ thế nào?”

Vị kia thưa: “Vớ tâm của kẻ trộm.”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

Ruộng của nhà đàn-việt không có nước nên bị cản cỗi. Tỳ-kheo kia tháo nước của người khác vào ruộng của đàn-việt, rồi nghi. Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

2. Có tỳ-kheo cùng nhà bạch y oán cừu nhau, bèn tháo nước ruộng của người đó rồi bỏ đó, khiến cho ruộng bị phé. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

3. Có tỳ-kheo ăn trộm nước của người khác, rồi nghi. Đức Phật dạy: “Tính đủ năm tiền phạm ba-la-di.”

Các tỳ-kheo nghi, không dám lấy nước nơi kênh, nơi suối, nơi ao hồ. Đức Phật dạy: “Không phải sở hữu của người nào đó thì không phạm.”

¹ Giá trị của phần điền thổ thêm hay bớt sau khi dòi cột mốc. Không phải giá trị bản thân cột mốc.

12. Chiếm dụng

1. Tỳ-kheo Chiên-đà-la có việc tranh chấp. Vị ấy có chiếc bát quý giá của nước Tô-ma. Vì việc tranh chấp nên vị kia thường ôm lòng ưu sầu, nói, “Nếu ai có thể chấm dứt việc tranh chấp của tôi thì sẽ lấy chiếc bát này.” Bấy giờ, có tỳ-kheo A-di-đầu thông minh, chuyên môn giải quyết việc tránh sự, liền vì vị kia giải quyết việc đấu tranh rồi lấy chiếc bát đi. Tỳ-kheo này nghĩ rằng chiếc bát bị mất nên đi tìm. Thấy tỳ-kheo A-di-đầu bưng nơi tay liền nói, “Thầy lấy trộm chiếc bát của tôi.” Vị kia liền trả lời, “Tôi không lấy trộm bát của thầy. Thầy đã có giao ước, nếu người nào có thể chấm dứt việc tranh đấu của tôi thì sẽ lấy chiếc bát này. Vì vậy nên tôi lấy chiếc bát.” Vị kia nghi. Đức Phật hỏi:

“Ngươi lấy với ý nghĩ thế nào?” Vị kia trình bày đầy đủ nhân duyên. Đức Phật dạy: “Ngươi không phạm. Nhưng không được nhận vật như vậy.”

2. Tỳ-kheo tên Da-thâu-già có y tăng-già-lê. Tỳ-kheo tên Bà-tu-đạt-đa không nói mà lấy mặc vào trong xóm khát thực. Vị kia tưởng là y bị mất đi tìm. Thấy Bà-tu-đạt-đa mặc, liền nắm lấy nói, “Thầy phạm tội ăn trộm.” Vị kia trả lời, “Tôi không trộm y của thầy, tôi lấy mặc với ý thân tình.” Nói xong, nghi. Đức Phật hỏi:

“Ngươi lấy với [977c] tâm thế nào?”

Vị kia thưa: “Lấy với ý thân tình chứ không lấy với tâm ăn trộm.”

Đức Phật nói: “Không phạm. Nhưng không được không phải thân tình mà tác ý thân tình để lấy.”

3. Tỳ-kheo tự Thanh Tịnh có y tăng-già-lê. Tỳ-kheo Tu-đà-di không hỏi chủ mà tự tiện lấy mặc rồi vào tụ lạc khát thực. Người chủ tưởng y bị mất nên đi tìm. Thấy Tu-đà-di mặc, liền nắm lấy và nói, “Thầy lấy y tôi, phạm giới trộm.” Tỳ-kheo kia trả lời, “Tôi không ăn trộm mà mượn để dùng.” Vị kia nghi. Đức Phật hỏi:

“Ngươi lấy y với tâm nghĩ thế nào?”

Vị kia thưa: “Với tâm mượn chứ không phải với tâm ăn trộm.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Không được không hỏi chủ mà vội lấy mặc vào tụt lạc như vậy.”

13. Hoa quả

1. Có tỳ-kheo lấy trái lê của người khác, nghi. Đức Phật dạy:

“Tính đủ năm tiền, dòi khỏi chỗ cũ phạm ba-la-di.”

Trái diêm-bà, trái ba-lê-bà, các loại trái bồ đào, nếu trị giá năm tiền, tất cả đều phạm ba-la-di.

2. Có tỳ-kheo rung trái lê của người khác cho rụng, với ý muốn làm cho ít bớt. Đức Phật dạy: “Tính đủ năm tiền, ba-la-di.”

Nếu rung cho rụng trái diêm-bà, trái ba-lê-bà, các loại trái bồ đào, cũng với ý muốn khiến cho ít bớt, tất cả đều ba-la-di.

3. Có tỳ-kheo ăn trộm dưa của người. Đức Phật dạy:

“Tính đủ năm tiền phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo ăn trộm mía, nghi. Đức Phật dạy:

“Tính đủ năm tiền, phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo lấy rau của người, nghi. Đức Phật dạy:

“Tính đủ năm tiền ba-la-di.”

Có tỳ-kheo lấy bông sen của người, nghi. Đức Phật dạy:

“Tính đủ năm tiền ba-la-di.”

Hoa bát-đầu-ma, câu-đầu-ma, phân-đà-lợi, tính đủ năm tiền, tất cả đều ba-la-di. Nếu bẻ phá, làm hư hoại, hao hụt của người khác, tính đủ năm tiền tất cả đều ba-la-di.

Có người canh giữ cho kẻ khác, và cho giặc. Người ấy mang thức ăn khu-đà-ni cho tỳ-kheo. Tỳ-kheo nghĩ đây không phải là của người này nên không nhận.¹ Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

¹ Cf. Pāli, Vin. iii. 66: Người giữ vườn (cho người khác) mang trái cây cho tỳ-kheo. Tỳ-kheo không dám nhận, vì không phải của người mang cho.

“Đây tức là thức ăn của đàn-việt, cho phép tác tịnh,¹ rửa tay, rồi thọ nhận và ăn.”

Có tỳ-kheo lấy gỗ sen của người, nghi. Đức Phật dạy:

“Tính đủ năm tiền, ba-la-di.”

Có tỳ-kheo lấy gỗ trong rừng do người khác bảo vệ, nghi. Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

Có tỳ-kheo với tâm trộm cắp, không duyên có lấy thức ăn của người, rồi nghi. Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

Có tỳ-kheo không duyên có lấy thức ăn của người, rồi nghi, đức Phật hỏi: “Người với tâm niệm như thế nào khi lấy?”

Vị kia nói: “Không có tâm trộm.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng vì vọng ngữ nên phạm ba-dật-đề.”

Có tỳ-kheo sai tỳ-kheo lấy trộm giường dây, giường cây. Tỳ-kheo được sai tưởng là không phải ăn trộm nên lấy đem đến, rồi nghi. [978a1] Đức Phật dạy:

“Phương tiện dạy người phạm ba-la-di. Vị bị sai không phạm.”

Có tỳ-kheo sai tỳ-kheo lấy giường dây. Vị được sai kia tưởng là bảo lấy trộm liền lấy đem đến, rồi nghi, đức Phật nói:

“Người lấy phạm ba-la-di. Người bảo không phạm.”

14. Xe - thuyền

1. Số đông tỳ-kheo có chiếc xe, cho nhóm sáu tỳ-kheo cùng đi. Nhóm sáu tỳ-kheo có ý muốn, trước khi đến trú xứ đó, sẽ lấy chiếc xe này. Đức Phật dạy:

“Nếu lấy trộm tại đây, phạm ba-la-di. Nếu lấy giữa đường hay đến trú xứ đó cũng phạm ba-la-di.”

¹ Năm cách tác tịnh đối với trái cây. Phần III, Ch. VII “Thuốc”.

2. Nhóm sáu tỳ-kheo thấy trên sông Hằng có chiếc thuyền, bèn nghĩ, “Chúng ta có thể trộm lấy chiếc thuyền này mà không lao nhọc chi cả.” Nhưng nghĩ. Đức Phật hỏi:

“Người nghĩ như thế nào?”

Nhóm sáu liền trình bày đầy đủ nhân duyên. Đức Phật dạy:

“Chỉ có ý nghĩ thì không phạm. Nhưng không được sanh ý nghĩ như vậy.”

3. Có tỳ-kheo trộm lấy thuyền của người từ bờ này đem đến bờ kia, nghĩ. Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

Từ bờ kia qua bờ này, xuôi dòng nước, ngược dòng nước, nhận chìm hay kéo đi đem lên bờ, dời địa điểm, tất cả đều phạm ba-la-di. Nếu phương tiện muốn mở ra mà chưa rời khỏi chỗ cũ thì phạm thâm-lan-giá.

4. Có hai tỳ-kheo đến sông A-di-la-bạt-đề tắm, thấy cái giỏ tre đựng y quý giá trôi theo dòng nước. Một tỳ-kheo thấy bèn nói: “Cái giỏ tre này thuộc về của tôi.” Tỳ-kheo thứ hai nói: “Vật dụng trong giỏ tre thuộc về của tôi.” Hai vị cùng lấy được y quý giá, bèn nghĩ. Đức Phật dạy: “Người nghĩ thế nào?”

Vị kia thưa: “Tuông là y phần tảo.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được lấy y phần tảo trong nước.”

15. Vật từ thú vật

1. Có tỳ-kheo trộm tràng hoa bằng vàng, rồi nghĩ. Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

2. Trong Kỳ-hoàn có nhiều tổ chim. Cuối đêm¹ chúng kêu inh ỏi, náo loạn các tỳ-kheo ngồi thiền. Tỳ-kheo cự trú sai người giữ

¹ Khuya, cho đến trước khi mặt trời mọc, được gọi là cuối đêm.

vườn đuổi chúng đi. Người giữ vườn thấy trong tổ chim có vàng và lụa vụn, lấy đem đưa cho cụ tỳ-kheo, Vị kia nghi. Đức Phật dạy:

“Các thứ đó vô dụng đối với loài chim nên không phạm. Nhưng không được nhận vật như vậy.”

3. Trong Kỳ-hoàn có ổ chuột. Tỳ-kheo sai người giữ vườn phá ổ chuột. Trong ổ chuột có thuốc uống và lụa vụn, người giữ vườn lấy đem đưa tỳ-kheo, tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy:

“Các thứ đó vô dụng đối với súc sanh nên không phạm. Nhưng không được nhận vật như vậy.”

4. Cách chùa không xa, có những con chuột tha trái bồ đào từ thôn đem đến trong chùa, dồn lán thành một đống lớn. Nhóm sáu tỳ-kheo với tâm trộm lấy ăn, rồi nghi. Đức Phật dạy:

“Phạm ba-la-di.”

5. Cách Kỳ-hoàn không xa có người thợ săn [978b] gài bẫy để bắt nai, trong bẫy có con nai chết. Nhóm sáu tỳ-kheo với tâm trộm lấy ăn, rồi nghi. Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

16. Giải phóng súc vật

1. Có tỳ-kheo ban ngày đi vào chỗ a-lan-nhã, nơi đó có cướp, buộc con bò dưới gốc cây. Thấy tỳ-kheo nó khóc. Tỳ-kheo từ niệm nên mở thả, rồi nghi, đức Phật hỏi: “Khi mở thả nó, ngươi nghĩ thế nào?”

Vị kia thưa: “Vì lòng thương chứ không phải với tâm trộm.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được làm việc như vậy.”

2. Có tỳ-kheo ban ngày đến chỗ a-lan-nhã, nơi đó kẻ cướp cột con bò trong nhà trạm. Tỳ-kheo nhìn quanh không thấy ai, có ý nghĩ: “Con vật này có ích cho ta.” Bèn mở con bò dắt đi. Dắt đi không xa, tỳ-kheo lại nghĩ: “Ta cần gì con bò này?” Vì vậy thả nó đi. Rồi tỳ-kheo nghi, Đức Phật hỏi: “Khi dắt đi ngươi nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo trả lời: “Khi dắt với tâm trộm.”

Đức Phật dạy: “Tính đủ năm tiền dòi khỏi chỗ cũ, phạm ba-la-di.”

3. Con beo rượt bắt con nai. Nai bị thương chạy vào chùa, rồi chết. Các tỳ-kheo đem làm thịt ăn; rồi nghỉ. Đức Phật dạy:

“Không phạm.”

Ông thợ săn, săn con nai. Nai chạy vào chùa. Thợ săn tìm nai, đến hỏi các tỳ-kheo: “Thấy có con nai như vậy, như vậy hay không?”

Các tỳ-kheo không thấy nên trả lời là không thấy. Người thợ săn tìm khắp nơi trong chùa, bắt gặp được con nai, nổi giận cơ hiềm nói các tỳ-kheo rằng:

“Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, nói dối không thật, tự xưng là tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi thấy con nai mà nói là không thấy?”

Các tỳ-kheo nghỉ, bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Không phạm.”

17. Vật dụng của tỳ-kheo

Có tỳ-kheo ăn trộm lấy y ba-lị-ca-la, nghỉ, rời khỏi chỗ cũ. Đức Phật dạy:

“Ba-la-di.”

Có tỳ-kheo với tâm trộm lấy y ba-lị-ca-la của người, đem đến chỗ khác rồi nghỉ. Đức Phật nói:

“Phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo với tâm trộm di chuyển y ba-lị-ca-la sang một bên rồi nghỉ. Đức Phật dạy:

“Phương tiện tìm cầu năm tiền, chưa dòi khỏi chỗ cũ phạm thâu-lan-giá.”

Có tỳ-kheo với tâm trộm lấy giường dây, giường cây, nệm lớn, nệm nhỏ, gối, mền gạ, bình nước, bình tưới, gậy, quạt. Đức Phật dạy: “Tính đủ năm tiền, tất cả đều phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo trao đổi giường dây, giường cây, nói dây cũng là Tăng, kia cũng là Tăng. Đức Phật dạy: “Không được trao đổi như vậy.”

Có tỳ-kheo trao đổi giường cây, nệm lớn, nệm nhỏ, hoặc gối, nói dây cũng là Tăng kia cũng là Tăng. Và mền giặt, bình tưới nước, gậy, quạt, cũng nói dây là Tăng, kia cũng là Tăng. Đức Phật dạy:

“Không được làm như vậy.”

Có tỳ-kheo ăn trộm đá của người, rồi nghi. Đức Phật dạy:

“Tính đủ năm tiền, [978c] thành ba-la-di.”

Trộm ao, hào, cây gỗ, tre trúc, cỏ văn-nhã,¹ cỏ bà-bà, vỏ cây, hoặc cây lá, hoa trái có người bảo vệ, rồi nghi. Đức Phật dạy:

“Tính đủ năm tiền, tất cả đều ba-la-di.”

Có tỳ-kheo từ trên giá y của người khác lấy trộm y rồi nghi. Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

Có tỳ-kheo với tâm trộm lấy chiếc y trên giá, lia khỏi giá rồi nghi. Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

Có tỳ-kheo với tâm trộm, chuyển đổi y của người từ trên giá, rồi nghi. Đức Phật dạy:

“Phương tiện tìm cầu năm tiền, chưa dời khỏi chỗ, phạm thâm-lan-giá.”

Có tỳ-kheo lấy cái dây lưng trên giá y của người khác, và lấy luôn cái giá, rồi nghi, đức Phật hỏi: “Người nghĩ thế nào khi lấy?”

Vị kia thưa: “Với tâm trộm.”

Đức Phật dạy: “Tính đủ năm tiền, dời khỏi chỗ cũ, thành ba-la-di.”

Khi ấy có số đông tỳ-kheo cùng nhóm sáu tỳ-kheo ngồi ăn trong nhà bạch y. Bạch y dùng chiếc y đại giá trải làm chỗ ngồi. Một trong nhóm sáu tỳ-kheo với tâm trộm dùng chân cuốn lại, rồi nghi. Đức Phật hỏi: “Với ý nghĩ thế nào khi người cuốn?”

¹ Văn-nhã . Pāli, Skt. *muñja* 文若, một loại cỏ, loại dây leo.

Vị kia thưa: “Vớĩ tâm trộm.”

Đức Phật dạy: “Phương tiện cầu năm tiền, chưa đời khỏi chổ, phạm thâu-lan-giá.”¹

18. Phần của người khác

[978c22] 1. Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Sai-ma có nhà đàn-việt. Đệ tử của tỳ-kheo-ni đến nhà người đàn-việt đó nói:

“A-di Sai-ma cần năm đấu vừng.”

Người đàn-việt kia nói: “Có thể được.”

Người đàn-việt đưa cho. Cô đệ tử kia nhận được vừng rồi, ăn hết.

Sau đó vào một buổi sáng, tỳ-kheo-ni Sai-ma khoác y, bưng bát đến nhà đàn-việt kia, trải chổ ngồi mà ngồi, người đàn-việt hỏi:

“Vừng có tốt hay không?”

Sai-ma hỏi lại: “Vừng gì?”

Người đàn-việt thuật lại đầu đuôi. Tỳ-kheo-ni Sai-ma khi về chùa nói với người đệ tử rằng:

“Cô ăn trộm của tôi năm đấu vừng (mè).”

Người đệ tử trả lời:

“Con không ăn trộm. Con nghĩ thân tình nên ăn.”

[979a] Sau đó ngñi. Đức Phật hỏi: “Cô dùng với ý gì?”

Cô đệ tử thưa: “Con dùng với ý thân tình.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được không phải thân tình mà tác ý thân hậu để lấy dùng. Vì nói dối nên mắc tội ba-dật-đề.”

2. Tỳ-kheo-ni Sai-ma có nhà đàn-việt. Đệ tử của cô đến nhà đàn-việt đó nói: “A-di Sai-ma cần cháo ba món thuốc.”

¹ Bản Hán, hết quyển 55.

Người đàn-việt nói: “Có thể được.”

Rồi đưa cho. Cô đệ tử nhận được, ăn hết.

Sau đó, vào buổi sáng sớm, tỳ-kheo-ni Sai-ma khoác y, bưng bát đến nhà đàn-việt kia, trải chỗ ngồi an tọa. Người đàn-việt thưa hỏi:

“Thưa A di, cháo ba món thuốc có khá hay không?”

Sai-ma hỏi lại: “Cháo ba món thuốc gì?”

Người đàn-việt liền thuật lại đầu đuôi. Khi trở về chùa, Sai-ma nói với người đệ tử rằng: “Cô lấy trộm của tôi cháo ba món thuốc.”

Người đệ tử trả lời: “Con không lấy trộm. Con lấy với ý thân tình.”

Cô đệ tử nói như vậy rồi nghỉ. Đức Phật hỏi: “Cô lấy với ý gì?”

“Con lấy với ý thân tình.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được chẳng phải thân tình mà tác ý thân tình để lấy. Vì nói dối nên phạm ba-dật-đề.”

3. Có tỳ-kheo lấy phần khur-xà-ni của Hòa thượng. Hòa thượng nói:

“Ông ăn phần của tôi, phạm tội trộm.”

Tỳ-kheo thưa: “Con không ăn trộm. Con lấy với ý thân tình.”

Vị kia nghỉ, đức Phật hỏi: “Ông lấy với tâm gì?”

“Con lấy với ý nghĩ là thân tình.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được, chẳng phải thân tình mà tác ý thân tình để lấy.”

19. Cầm nhầm

1. Có người thợ gốm là đàn-việt của một tỳ-kheo. Người đàn-việt nói: “Đại đức cần đồ gốm cứ nói.”

Tỳ-kheo nói: “Lành thay!”

Người đàn-việt nói xong, đứng dậy đi vào nhà. Có một người khác đến chỗ bán hàng để bán. Sau đó, tỳ-kheo cầm (nhầm) cái bình của người bán hàng đi. Người ấy nói với tỳ-kheo:

“Thưa Đại đức, chớ lấy cái bình của tôi đi.”

Tỳ-kheo nói: “Cái bình này là cái bình của ai? Ông thợ gốm trước đây có nói với tôi, nếu cần đồ gì thì cứ lấy, cho nên tôi lấy.”

Người bán hàng nói: “Cái đó không phải là đồ của người ấy.”

Tỳ-kheo liền để cái bình xuống mà đi. Nhưng rồi nghĩ. Đức Phật hỏi: “Người lấy với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo kia thuật lại đầy đủ nhân duyên với đức Phật. Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được không hỏi chủ mà lấy.”

2. Có nhà bán rượu là đàn-việt của một tỳ-kheo. Người đàn-việt nói với tỳ-kheo: “Đại đức cần cái vò thì cứ lấy.”

Tỳ-kheo nói: “Lành thay!”

Người đàn-việt nói xong trở về nhà. Có một người khác đến đứng chỗ bán rượu. Sau đó, tỳ-kheo cần cái vò nên đến lấy (nhằm) đi. Người kia nói: “Đại đức đừng lấy cái vò của tôi đi.”

Tỳ-kheo nói: “Cái vò này của ai? Người bán rượu trước đây có nói với tôi, cần [979b] cái vò thì cứ lấy. Cho nên tôi lấy.”

“Đó không phải cái vò của người ấy.”

Tỳ-kheo để cái vò xuống rồi đi. Nhưng rồi nghĩ, đức Phật hỏi: “Người lấy với ý gì?”

Tỳ-kheo trình bày rõ nhân duyên với đức Phật. Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được không nói với chủ mà lấy vật của người.”

3. Có người lái buôn là đàn-việt của tỳ-kheo. Người đàn-việt nói:

“Đại đức cần gì cứ lấy.”

Tỳ-kheo nói: “Lành thay!”

Lái buôn kia trở về nhà. Có một người khác đến chỗ bán hàng. Sau đó, tỳ-kheo cần gạo, bèn đến lấy (nhằm) gạo đi. Người kia nói:

“Đại đức đừng lấy gạo của tôi đi.”

Tỳ-kheo nói: “Gạo này là của ai? Người lái buôn trước đây có nói với tôi là cần gì thì cứ lấy, nên tôi mới lấy.”

Người kia nói: “Đây không phải là gạo của ông lái buôn.”

Tỳ-kheo liền để gạo xuống mà đi. Nhưng nghi. Đức Phật nói: “Ngươi lấy với tâm gì?”

Tỳ-kheo trả lời thuật lại đầy đủ nhân duyên với đức Phật. Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được không hỏi chủ mà lấy.”

4. Bấy giờ, có người bán y là đàn-việt. Đàn-việt thưa:

“Đại đức cần gì thì cứ lấy.”

Tỳ-kheo nói: “Lành thay!”

Người đàn-việt kia qua đời. Còn một đứa con nhỏ. Tỳ-kheo cần y, liền lấy y đi. Đứa nhỏ nói: “Đại đức đừng lấy y của con đi.”

Tỳ-kheo nói: “Y này của ai? Người bán y trước đây có nói với tôi cần y cứ lấy.”

Đứa nhỏ nói: “Người bán y ấy chết rồi.”

Tỳ-kheo liền bỏ y mà đi, nhưng nghi. Đức Phật nói:

“Ngươi lấy với ý gì?”

Tỳ-kheo trình bày đầy đủ nhân duyên. Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được không hỏi chủ mà lấy.”

20. Vật vô chủ

1. Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Có một Ly-xa không có tín tâm, dùng một miếng giẻ rách gói năm tiền, để trong đồng rác, sai người rình, nếu thấy ai lấy thì bắt. Bấy giờ có tỳ-kheo tri y phần tảo tưởng là y phần tảo, liền lấy bỏ trong đây. Sứ giả kia thấy, nói:

“Ông Ly-xa gọi tỳ-kheo.”

Tỳ-kheo nói: “Gọi đi đâu?”

Khi tỳ-kheo đi đến chỗ Ly-xa, Ly-xa hỏi:

“Đại đức được phép cầm tiền bạc của báu chăng?”

Tỳ-kheo nói: “Điều đó không được.”

Ly-xa nói: “Không được, sao thầy lấy?”

Tỳ-kheo nói: “Tôi đâu có lấy.”

Ly-xa bảo đưa chiếc đũa xem. Ly-xa liền lấy gói tiền từ trong đũa của tỳ-kheo ra. Tỳ-kheo này hổ thẹn, và tỳ-kheo khác cũng vậy. Các tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói với các tỳ-kheo:

“Các người lắng nghe. Nếu có tỳ-kheo nào muốn lấy y phần tảo như vậy, thì nên dùng ngón chân bên tả kẹp, ngón chân bên hữu kéo ra để xem. Cái gì bất tịnh thì gỡ nó ra, cái gì tịnh thì lấy mang đi.”

2. Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Ca-luru-đà-di cùng nhóm sáu tỳ-kheo tắm [979c] tại sông A-di-bà-đề. Ca-luru-đà-di tắm xong lên bờ trước, mặc lộn y của nhóm sáu tỳ-kheo, rồi đi. Nhóm sáu tỳ-kheo tắm rồi sau lên bờ không thấy y của mình mà lại thấy y của Ca-luru-đà-di, bèn nói:

“Ca-luru-đà-di ăn trộm y của chúng ta.” Liền tác pháp diệt tẩn, trong lúc vắng mặt Ca-luru-đà-di.

Ca-luru-đà-di nghe như vậy sanh nghi, đến chỗ đức Thế Tôn đầu mặt đánh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên trên trình bày đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn hỏi:

“Vớ ý nghĩ thế nào, khi người lấy?”

Ca-luru-đà-di thưa:

“Con tưởng là y của mình nên lấy, chứ không có tâm ăn trộm.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được không xem kỹ y mà vội lấy. Cũng không được không có mặt người mà tác pháp ha trách, tẩn, y chỉ, ngăn không cho đến nhà bạch y,¹ cử tội, hay yết-ma diệt tẩn. Nếu làm thì không thành lại mắc tội đột-kiết-la.”

¹ Hạ ý yết-ma.

3. Có tỳ-kheo lượm được cái y do gió thổi bay, nghi. Đức Phật hỏi:
“Ngươi lấy với tâm gì?”

Vị ấy thưa: “Vói ý nghĩ là y phẩn tảo, chứ không có tâm ăn trộm.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được lấy y phẩn tảo do gió thổi bay.”

4. Có cư sĩ giặt y rồi phơi trên tường. Khi ấy, có tỳ-kheo trì y phẩn tảo thấy, tưởng là y phẩn tảo, nên lấy đi. Cư sĩ kia thấy, nói:

“Đại đức đừng mang y của tôi đi.”

Tỳ-kheo nói: “Tôi tưởng là y phẩn tảo.”

Nói rồi liền bỏ y mà đi; rồi nghi. Đức Phật hỏi:

“Ngươi lấy với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo thưa: “Con lấy với ý nghĩ là y phẩn tảo.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được lấy y phẩn tảo từ trên tường, trên rào, hay trong hào.”

Có cư sĩ giặt y rồi phơi trên nia. Một vị trong nhóm sáu tỳ-kheo, vói tâm trộm lấy đi, rồi nghi. Đức Phật dạy:

“Phạm ba-la-di.”

5. Có số đồng bọn cướp đi ra khỏi thành Xá-vệ, cách Kỳ-hoàn không xa, ban ngày uống rượu xong, còn dư, chúng để giữa gốc cây, rồi vào thành Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo ra ngoài Kỳ-hoàn, vói tâm trộm, lấy uống. Đức Phật nói:

“Phạm ba-la-di.”

6. Có tỳ-kheo khát thực, sáng sớm khoác y, bưng bát đến nhà đàn-việt, gặp lúc trời mưa to, nước trôi các loại mỡ lạng. Vị kia nghĩ đây là vật không cầu mà được, có thể dùng làm thuốc, liền lấy uống, rồi nghi. Đức Phật hỏi:

“Ngươi lấy, với ý nghĩ thế nào?”

Vị kia thưa: “Tưởng là vật phần tảo, cho nên lấy, chứ không với tâm trộm.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được lấy vật phần tảo trong nước. Không thọ mà dùng phạm ba-dật-đề.”¹

21. Mượn tiếng lấy

Tỳ-kheo có nhà đàn-việt. Tỳ-kheo khác hỏi tỳ-kheo này rằng:

“Tôi muốn đến nhà đàn-việt của thầy. [980a1] Thầy có muốn nói gì?” Vị kia nói: “Tùy ý thầy. Nói gì cũng được.”

Tỳ-kheo này cần năm mươi lượng mật mía, nên khi đến nhà đàn-việt nói: “Tỳ-kheo kia cần năm mươi lượng mật mía.”

Người đàn-việt thưa: “Có thể được.”

Nói xong, liền lấy cho. Tỳ-kheo này nhận được mật mía rồi dùng hết không đưa cho tỳ-kheo kia. Một thời gian sau, tỳ-kheo kia đến nhà đàn-việt. Người đàn-việt ấy hỏi:

“Thưa Đại đức, mật mía có khá không?”

Tỳ-kheo kia hỏi lại: “Mật mía gì? Cho ai?”

Người đàn-việt thuật rõ đầu đuôi. Tỳ-kheo kia khi về chùa nói với tỳ-kheo này rằng: “Thầy lấy mật mía của tôi, phạm giới trộm.”

Tỳ-kheo này nói: “Tôi không phạm giới trộm. Vì thầy bảo tôi tùy ý muốn nói gì thì nói.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không được nói như vậy. Phải bảo, ‘Nên nói như vậy. Nên bảo như vậy.’”

Có tỳ-kheo trộm xe của người khác, rồi nghi. Đức Phật nói:

“Phạm ba-la-di.”

Có tỳ-kheo trộm củi của người khác, rồi nghi. Đức Phật dạy:

“Tính đủ năm tiền, phạm ba-la-di.”

¹ Tỳ-kheo, ba-dật-đề 40.

22. Bắt cóc trẻ

Người đàn-việt của Tất-lăng-già-bà-ta¹ có hai đứa nhỏ, thông tuệ sáng sủa, không sợ người. Mỗi lần Tất-lăng-già-bà-ta đến nhà, chúng nó liền ôm chân và chạy quanh vui chơi. Sau đó một thời gian, hai đứa nhỏ này bị cướp bắt. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm Tất-lăng-già-bà-ta khoác y, bung bát đến nhà đàn-việt, trải chỗ ngồi an tọa, cha mẹ tiểu nhi đến khóc sụt mướt nói: “Con của con cướp bắt mất rồi. Nếu chúng nó còn ở nhà thì đã đến ôm chân Đại đức, vui vẻ biết bao!”

Tất-lăng-già-bà-ta nói:

“Nên tìm khắp trong nhà, xem thử chúng nó ở đâu?”

Cha mẹ tiểu nhi nói: “Tìm khắp rồi mà không có.”

Tất-lăng-già-bà-ta trở về chùa, vào trong phòng, tư duy nhập định, đặt niệm trên thân, dùng thiên nhãn thanh tịnh vượt hẳn người thường, thấy tiểu nhi bị giặc bắt, để trong chiếc thuyền nơi dòng sông Hằng. Thấy rồi, trong khoảnh khắc bằng khi người lực sĩ co duỗi cánh tay, Tất-lăng-già-bà-ta biến mất khỏi chùa, xuất hiện đứng trong chiếc thuyền của cướp trên dòng sông Hằng. Tiểu nhi thấy liền vui vẻ đến ôm chân. Tất-lăng-già-bà-ta dùng thần túc khiến tiểu nhi trở về, và đem chúng để trên phòng gác, rồi đến nhà chỗ đàn-việt, trải chỗ ngồi an tọa. Bấy giờ, cha mẹ chúng cũng khóc kể và nói: “Con của con nếu còn chúng sẽ đến ôm chân Đại đức thì vui biết bao!”

Tất-lăng-già-bà-ta nói: “Có thể tìm các phòng trên gác xem sao!”

Cha mẹ nó nói: “Đã tìm rồi mà không có.”

Tất-lăng-già-bà-ta nói: “Nên tìm lại.”

Cha mẹ chúng nó tìm lại ở trên phòng gác thì bắt gặp hai đứa nhỏ. Cha mẹ nó rất vui mừng nói:

¹ Tất-lăng-già-bà-ta 畢陵伽婆蹉. Pāli, Pilindavaccha. Truyện kể, Vin.iii. 67.

“Con của tôi bị giặc bắt mất, Tát-lăng-già-bà-ta vì tôi bắt nó đem về.”

Các tỳ-kheo nghe, [980b] trong số đó có vị thiếu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Tát-lăng-già-bà-ta: “Tại sao giặc bắt con người ta rồi đoạt lại?”

Tát-lăng-già-bà-ta nghe rồi nghi, đến chỗ đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên này bạch đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi:

“Vớ ý nghĩ thế nào khi ông bắt thiếu nhi lại?”

“Bạch Thế Tôn với lòng từ con bắt thiếu nhi lại, chứ không có tâm trộm.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được làm việc như vậy.”¹

23. Nhận di chúc

Có tỳ-kheo tự là Cao Thắng,² có người đàn-việt. Người đàn-việt bệnh, tỳ-kheo đến thăm. Đàn-việt có hai tiểu nhi thông tuệ sáng sủa. Bấy giờ, người đàn-việt chỉ chỗ chôn của quý cho tỳ-kheo và nói:

“Hai đứa con của con, khi nó lớn lên, đứa nào giỏi hơn³ thì chỉ chỗ chôn của quý này cho nó.”

Sau khi người đàn-việt qua đời, tỳ-kheo Cao Thắng chỉ chỗ chôn của quý cho đứa tốt hơn. Tiểu nhi kia khóc kể, đến trong chùa nói với A-nan:

¹ Pāli, ibid., Phật nói: “Không phạm, hiện thần thông đối với ai khi cần hiện thần thông.” (*anāpatti bhikkhave iddhipadamassa iddhavisaye*).

² Cao Thắng 高勝. *Ngũ phần* 28: A-thù. *Thập tụng* 58: Trục Tín, đệ tử cộng hành của A-nan. Pāli, Vin.iii. 66: Ajjū.

³ Pāli, ibid., “cho đứa nào có tín tâm.”

“Thưa Đại đức, tài sản cha con để lại cho hai đứa con. Tỳ-kheo Cao Thắng này lại giao hết cho một người.”

A-nan nói với tỳ-kheo Cao Thắng:

“Tại sao tài sản cha mẹ người ta để lại cho hai người, thầy lại đem giao hết cho một người? Nay Cao Thắng, ông hãy đi đi. Tôi không đồng bố-tát với ông.”

Trải qua sáu lần bố-tát, A-nan không bố-tát chung.

Tỳ-kheo Cao Thắng là bạn hữu với La-hầu-la.¹ Bấy giờ, La-hầu-la vào buổi sáng, khoác y, bung bát đến nước Ca-duy-la-vệ chỗ các bà Xá-di, bảo các bà Câu-lê:

“Các bà hãy bồng con của các bà đến để trước Ngài A-nan. Con của các bà khóc. Ngài A-nan sẽ bảo các bà bồng nó lên. Các bà sẽ nói như vậy: ‘Chúng con sẽ không bồng con của chúng con lên, đến khi nào Tôn giả A-nan chịu nghe tỳ-kheo Cao Thắng nói.’”

Các bà nghe theo lời La-hầu-la, đem con mình để trước mặt Tôn giả A-nan. Khi ấy, các thiếu nhi khóc; Tôn giả A-nan bảo các bà:

“Bồng các con lên.”

Bấy giờ, các bà nói:

“Chúng con không bồng chúng nó lên, cho đến khi nào Tôn giả chịu nghe tỳ-kheo Cao Thắng nói.”

Tôn giả A-nan động lòng từ liên nói với Cao Thắng:

“Sự việc của thầy thế nào?”

Cao Thắng liền trình bày đầy đủ nhân duyên với A-nan. Tôn giả A-nan nói:

“Như thế là thầy không phạm, dù chỉ là tội đột-kiết-la.”²

¹ *Ngũ phần 28*, Tăng chia thành hai bộ, tán trợ A-thù (Cao Thắng) và A-nan; sáu năm không bố-tát. Do đó, La-hầu-la phải can thiệp, vận động các bà họ Thích yêu cầu A-nan hoà hiệp với A-thù.

² Pāli, *ibid.*, do chính Upāli can thiệp.

III. ĐOẠN NHÂN MẠNG

1. Ưu-ba-ly thỉnh hỏi

Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chầm đất, chấp tay thưa:

“Kính bạch đức Thế Tôn, các tỳ-kheo [980c] ở bên sông Bà-câu, quán bất tịnh, nhằm chán thân, tự sát, như vậy có phạm hay không?”

Đức Phật dạy:

“Ban đầu chưa chế giới không phạm.”

“Người, tưởng là người, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

“Là người mà nghi, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Thâu-lan-giá.”

“Người mà tưởng là phi nhân, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Thâu-lan-giá.”

“Phi nhân, mà tưởng là người, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Thâu-lan-giá.”

“Phi nhân mà nghi, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Thâu-lan-giá.”

“Bạch Đại đức, nếu đoạn mạng người nam mà tưởng đó là người nữ, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

“Bạch Đại đức, nếu đoạn mạng người nữ mà tưởng là người nam, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

“Nếu đoạn mạng người nữ kia mà tưởng là người nữ này, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

“Bạch Đại đức, nếu đoạn mạng người nam kia mà tưởng là người nam này, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

“Nếu tìm kiếm người cầm dao, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Nếu mạng bị đứt thì phạm.”

2. Khuyến khích chết

Có tỳ-kheo đến thăm đàn-việt bệnh. Vợ của người đàn-việt nhan sắc xinh đẹp. Tỳ-kheo thấy, tâm dục đắm trước. Tỳ-kheo nói với người vợ của đàn-việt:

“Cùng tôi làm việc như vậy, như vậy.”

Người vợ đàn-việt nói:

“Đại đức đừng nói như vậy! Chồng của con còn sống, con không muốn làm việc ác như vậy.”

Tỳ-kheo liền đến nơi người chồng khen ngợi sự chết. Người chồng liền chết. Tỳ-kheo nghĩ. Đức Phật hỏi:

Người khen với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

“Con khen với tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Người phạm ba-la-di.”

3. Phương tiện giết

1. Có tỳ-kheo đến thăm đàn-việt bệnh. Vợ của đàn-việt xinh đẹp.

Tỳ-kheo thấy, tâm dục mê đắm, nói:

“Cùng tôi làm việc như vậy, như vậy.”

Vợ của đàn-việt nói:

“Chồng con còn sống, con không muốn làm việc như vậy.”

Tỳ-kheo liền cho người chồng uống thuốc khiến cho chết. Tỳ-kheo nghĩ. Đức Phật hỏi:

“Người cho uống thuốc, với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo thưa: “Với tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Ngươi phạm ba-la-di.”

2. Có tỳ-kheo đến thăm đàn-việt bệnh. Vợ của đàn-việt xinh đẹp. Tỳ-kheo thấy, tâm dục mê đắm, nói:

“Cùng tôi làm việc như vậy, như vậy.”

Vợ của đàn-việt nói:

“Chồng của con còn sống, con không muốn làm việc như vậy.”

Tỳ-kheo liền cho người chồng thuốc xổ khiến cho đứt mạng. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi:

“Ngươi với ý nghĩ thế nào khi cho uống thuốc?”

Tỳ-kheo thưa: “Vớ tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Ngươi phạm ba-la-di.”

3. Có tỳ-kheo tới thăm đàn-việt bệnh. Vợ của đàn-việt xinh đẹp. Tỳ-kheo thấy, dục tâm tham đắm, nói:

“Cùng tôi làm việc như vậy.”

Vợ đàn-việt nói:

“Chồng con còn sống, con không muốn làm việc như vậy.”

Tỳ-kheo liền cho người chồng ăn thức ăn không được phép ăn, khiến cho chết; rồi nghi. Đức Phật hỏi:

“Ngươi với ý nghĩ thế nào [981a1] khi cho ăn thức ăn đó?”

Tỳ-kheo thưa: “Vớ tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Ngươi phạm ba-la-di.”

4. Có tỳ-kheo đến thăm đàn-việt bệnh. Vợ của đàn-việt xinh đẹp. Tỳ-kheo thấy, dục tâm mê đắm, nói:

“Cùng tôi làm việc như vậy.”

Vợ của đàn-việt nói:

“Chồng con còn sống, con không muốn làm việc như vậy.”

Tỳ-kheo liền cho người chồng uống thuốc độc, khiến cho đứt mạng, rồi nghi. Đức Phật hỏi:

“Vớ ý nghĩ thế nào, khi thầy cho uống thuốc ấy?”

Tỳ-kheo thưa:

“Vớ tâm sát.”

Đức Phật dạy:

“Ngươi phạm ba-la-di.”

5. Có tỳ-kheo đến thăm đàn-việt bệnh. Hình mạo của tỳ-kheo đoan chánh. Vợ của đàn-việt thấy, tâm dục tham đắm, ngộ ý vớ tỳ-kheo:

“Đại đức có thể cùng tôi làm việc như vậy.”

Tỳ-kheo nói:

“Này chị, không được nói như vậy. Việc đó tôi không được làm. Chồng của chị còn, tại sao làm việc xấu như vậy?”

Vợ của đàn-việt nói:

“Khi mà chồng tôi chưa chết, thì không thể hòa hiệp vớ thầy được.”

Người vợ liền cho chồng uống thuốc cho chết. Chồng chết rồi, người vợ nói vớ tỳ-kheo:

“Chồng tôi đã chết, có thể cùng tôi làm việc như vậy.”

Tỳ-kheo nói:

“Đại tỷ chớ nên nói như vậy. Việc đó, tôi không được làm.”

Vợ của đàn-việt nói:

“Tôi vì thầy nên đã giết chồng tôi rồi, tại sao thầy không chịu làm việc như vậy?”

Tỳ-kheo nghe sanh nghi, bạch Phật, Phật hỏi:

“Ngươi nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo liền thuật lại đầy đủ nhân duyên vớ đức Phật. Đức Phật dạy:

“Không phạm.”

Thuốc xô, thức ăn không đúng, thuốc không đúng, cũng như vậy.

4. Phá thai

1. Bây giờ, có người đàn bà chồng đi vắng, người đàn ông bên cạnh làm cho có thai. Cô liền đến vị tỳ-kheo mà gia đình thường cúng dường thưa:

“Chồng con đi vắng, người đàn ông bên cạnh làm cho con có mang. Thầy cho con thuốc trụ thai.”

Tỳ-kheo liền chú nguyện nơi thức ăn rồi cho ăn, khiến cho người kia thai bị sảy. Tỳ-kheo nghĩ, đức Phật hỏi:

“Ngươi với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo thưa: “Vớ tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Ngươi phạm ba-la-di.”

2. Có người đàn bà chồng đi vắng, bèn có thai với người khác. Cô liền đến vị tỳ-kheo mà gia đình thường cúng dường, nói:

“Thưa Đại đức! Chồng con đi vắng, con có thai với người khác. Thầy cho con thuốc để cho thai sảy.”

Tỳ-kheo liền chú nguyện nơi thuốc, đưa cho uống, khiến cho thai bị sảy. Tỳ-kheo nghĩ, đức Phật hỏi:

“Ngươi với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo thưa: “Vớ tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

Chú thuật nơi thuốc bột mịn, chú thuật nơi tràng hoa, chú thuật nơi hương xông y phục, chú thuật nơi thai cũng như vậy. Tất cả đều phạm ba-la-di.

3. Bây giờ, có người phụ nữ, chồng đi vắng, bèn có thai với người khác. Cô liền đến vị tỳ-kheo-ni mà gia đình thường cúng dường, thưa: “Kính thưa A-di, chồng con đi vắng, người đàn ông bên cạnh làm con mang thai. Sư cô cho con thuốc làm sảy thai.”

Tỳ-kheo-ni **[981b]** nói: “Này chị, tôi không rành về thuốc. Chị đến đây, tôi sẽ đè nơi bụng của chị.”

Tỳ-kheo-ni đề nơi bụng, khiến cho thai bị sảy; rồi nghi. Đức Phật hỏi: “Cô làm với ý nghĩ như thế nào?”

Tỳ-kheo-ni thưa: “Với tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

4. Có người phụ nữ, chồng đi vắng, bèn có thai với người khác. Cô liền đến vị tỳ-kheo-ni mà gia đình thường cúng dường, thưa:

“Kính thưa A-di, chồng con đi vắng, người đàn ông bên cạnh làm cho con có mang. Sư cô cho con thuốc uống thai sảy.”

Tỳ-kheo-ni nói: “Tôi không rành về thuốc, đại tỳ đến đây, tôi sẽ vì đại tỳ cắn nơi đó.”

Cô ni liền cắn nơi bụng, chổ có thai, khiến cho thai bị đọa, rồi nghi. Đức Phật hỏi:

“Cô làm với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo-ni thưa: “Với tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

5. Có người phụ nữ chồng đi vắng, bèn có thai với người khác. Cô liền đến chỗ tỳ-kheo mà cô thường cúng dường thưa:

“Đại đức, chồng con đi vắng, người bên cạnh làm cho con có mang. Thầy cho con thuốc để phá thai.”

Tỳ-kheo cho thuốc thổ hạ quá độ làm cho bà mẹ chết mà con còn sống. Vị kia nghi. Đức Phật dạy:

“Bà mẹ chết không phạm. Phương tiện muốn đọa thai mà thai không chết, phạm đầu-lan-giá.”

6. Có tỳ-kheo đỡ người bệnh đứng dậy. Người bệnh qua đời, nghi. Đức Phật dạy:

“Không phạm.”

Nếu đỡ người dậy mà qua đời, không phạm.

Nếu vì bệnh nhân tằm mà họ qua đời, không phạm.

Nếu khi uống thuốc mà họ qua đời, không phạm.

5. Cho bệnh chết sớm

1. Bấy giờ, có tỳ-kheo bệnh lâu ngày. Người nuôi bệnh mỗi mệ, cho ăn thức ăn không thích hợp, khiến cho bệnh nhân đoạn mạng; rồi nghỉ. Đức Phật hỏi: “Người với ý nghĩ thế nào?”

Vị nuôi bệnh thưa: “Vớ tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

2. Có tỳ-kheo bệnh lâu ngày. Người nuôi bệnh mỗi mệ, cho uống phi dược¹, khiến cho bệnh nhân đoạn mạng; rồi nghỉ. Đức Phật hỏi: “Người với ý nghĩ thế nào?”

Vị nuôi bệnh thưa: “Vớ tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

3. Có tỳ-kheo bị bệnh lâu ngày, mà tỳ-kheo này có nhiều vật sở hữu. Vị nuôi bệnh với tâm tham của lợi, liền cho ăn thức ăn không thích hợp, khiến cho qua đời; rồi nghỉ. Đức Phật hỏi:

“Người với ý nghĩ thế nào?”

Vị nuôi bệnh thưa: “Vớ tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

4. Có tỳ-kheo bệnh lâu ngày, mà tỳ-kheo này có nhiều tài vật. Vị nuôi bệnh với tâm tham lợi, cho uống phi dược, khiến cho qua đời; rồi nghỉ. Đức Phật hỏi: “Người với ý nghĩ thế nào?”

Vị nuôi bệnh thưa: “Vớ tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

5. Có tỳ-kheo dưới nách có mụn nhọt, một tỳ-kheo nặn giùm. Tỳ-kheo kia nói: “Đừng nặn, đừng nặn nữa!” Tỳ-kheo này vẫn cứ nặn, không chịu thôi. Tỳ-kheo kia chết. Tỳ-kheo này nghỉ, Đức Phật hỏi:

“Người với ý nghĩ thế nào?”

¹ Thuốc không trúng bệnh.

Tỳ-kheo thưa: “Không có tâm sát.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được nặn mạnh như vậy.”

6. Có tỳ-kheo bị sưng cả mình, một tỳ-kheo dùng thuốc cấp tháo¹ thoa. Tỳ-kheo kia nói: “Thôi, thôi đừng thoa nữa. Đau nhức và nóng quá.” Tỳ-kheo này nói, “Gắng chịu đau một chút đi, [981c] sẽ khỏi.” Tỳ-kheo này không chịu ngưng thoa thuốc. Tỳ-kheo kia chết. Tỳ-kheo này nghi, đức Phật hỏi:

“Người làm với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo thưa: “Không có tâm sát.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được cưỡng ép xoa như vậy.”

7. Có tỳ-kheo dời tỳ-kheo bệnh từ chỗ bóng mát đến chỗ nắng. Tỳ-kheo bệnh qua đời. Tỳ-kheo kia nghi. Đức Phật dạy:

“Không phạm.”

Dời từ chỗ nắng đến chỗ bóng mát cũng như vậy, không phạm.

Tỳ-kheo bệnh tự ý muốn dời từ chỗ bóng mát đến chỗ nắng, từ chỗ nắng đến chỗ bóng mát. Người bệnh qua đời; người diu nghi. Đức Phật nói: “Không phạm.”

Điu người bệnh ra khỏi nhà hoặc vào nhà, rồi người bệnh qua đời. Người diu nghi. Đức Phật dạy: “Không phạm.”

Người bệnh tự ý muốn ra khỏi phòng, diu ra khỏi phòng; muốn vào phòng, diu vào phòng, rồi qua đời. Người diu không phạm. Diu người bệnh đến chỗ đại tiện, rồi qua đời, hoặc diu trở lại trong phòng rồi qua đời, người diu đều không phạm. Diu người bệnh đến chỗ tiểu tiện, rồi qua đời, hoặc diu trở lại phòng, rồi qua đời, đều không phạm.

¹ Cấp tháo dược 急躁藥; không hiểu thuốc gì.

8. Có tỳ-kheo bị sốt rét. Một tỳ-kheo cưỡng bức đè xuống. Tỳ-kheo bệnh nói: “Chớ đè, chớ đè!” Tỳ-kheo kia cứ đè không thôi. Tỳ-kheo bệnh chết. Tỳ-kheo kia nghi, đức Phật hỏi:

“Ngươi làm với ý gì?”

Tỳ-kheo kia thưa: “Không có tâm sát.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được cưỡng bức đè như vậy.”

9. Có tỳ-kheo bệnh, tỳ-kheo khác đến thăm, lật ngược cái khăn để xem mặt và hỏi: “Trưởng lão có bớt chút nào không?”

Tỳ-kheo bệnh nói:

“Đừng lật, đừng lật!” Vị kia cứ lật, không nghe. Tỳ-kheo bệnh chết. Tỳ-kheo kia nghi, đức Phật hỏi:

“Ngươi làm với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo thưa: “Không có tâm sát.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được cưỡng mà lật như vậy.”

6. Sai bảo giết

1. Có số đông tỳ-kheo, phương tiện sai một người đi giết người kia. Người được sai bèn đi giết; rồi nghi. Đức Phật dạy:

“Tất cả đều phạm ba-la-di.”

2. Có số đông tỳ-kheo phương tiện sai một người đi giết người khác. Trong số đó có một người nghi, mà không ngăn.

Người được sai liền đi giết. Người kia nghi. Đức Phật dạy:

“Tất cả đều phạm ba-la-di.”

3. Có số đông tỳ-kheo, phương tiện cùng giết người khác. Trong số đó có một người nghi, liền ngăn. Nhưng người được sai kia vẫn đi giết. Người kia nghi. Đức Phật dạy: “Người ngăn phạm thân-lan-giá. Người không ngăn phạm ba-la-di.”

7. Ngộ sát và cố sát

1. Có kẻ trộm lấy y bát, ống đựng kim, tọa cụ của tỳ-kheo. Tỳ-kheo bắt kẻ trộm đem xuống trị. Kẻ trộm chết. Tỳ-kheo nghi, đức Phật hỏi: “Ngươi với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo thưa: “Không có tâm sát.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được đem xuống để trị như vậy.”

2. Có kẻ trộm lấy y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của tỳ-kheo. Tỳ-kheo bắt kẻ trộm bỏ dưới cái hầm. [982a1] Kẻ trộm chết, tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi: “Ngươi làm với tâm gì?”

Tỳ-kheo thưa: “Không có tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được làm như vậy.”

3. Có ác tỳ-kheo lấy trộm y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của tỳ-kheo. Tỳ-kheo khác nói: “Ác tỳ-kheo này trộm lấy y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của tỳ-kheo. Cần phải bắt mà dạy cho biết pháp.” Bèn bắt đánh một trận quá tay. Sau đó, tỳ-kheo kia qua đời. Tỳ-kheo kia nghi, đức Phật hỏi:

“Ngươi đánh với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo thưa: “Không có tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng đánh người thọ đại giới, phạm tội ba-dật-đề.”¹

4. Có tỳ-kheo cùng bạch y cãi nhau. Tỳ-kheo đến quan kiện. Vị đại thần ra lệnh bắt nhốt bạch y vào ngục. Bạch y qua đời. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi: “Ngươi với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo thưa: “Không có tâm sát.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng kiện người mắc tội đột-kiết-la.”

¹ Tỳ-kheo, ba-dật-đề 78.

5. Có tỳ-kheo giết con khi; rồi nghĩ rằng: “Mình đã đoạn mạng người, phạm ba-la-di.” Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Không phạm. Đoạn mạng súc sanh, phạm ba-dật-đề.”

6. Có tỳ-kheo cùng với tỳ-kheo kia tranh cãi. Tỳ-kheo kia bệnh, tỳ-kheo này đến thăm. Tỳ-kheo khác xét thấy, tỳ-kheo này cùng tỳ-kheo bệnh trước có sự oán thù nhau, nay đến thăm ắt có việc gì khác. Tỳ-kheo này liền cho người bệnh dùng phi dược. Tỳ-kheo bệnh qua đời. Tỳ-kheo này nghĩ, đức Phật hỏi:

“Người làm với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo thưa: “Với tâm sát.”

Đức Phật dạy:

“Phạm ba-la-di.”

7. Có tỳ-kheo cùng tỳ-kheo tranh cãi. Tỳ-kheo kia du hành trong nhân gian, rồi mắc bệnh. Tỳ-kheo này nói: “Dù người có đi đâu, cũng không thoát.” Liền đến thăm hỏi. Tỳ-kheo khác xét thấy, tỳ-kheo này trước đây cùng tỳ-kheo bệnh có sự oán thù, nay đến thăm hỏi, chắc có việc gì khác. Tỳ-kheo này liền cho tỳ-kheo bệnh phi dược. Tỳ-kheo bệnh qua đời. Tỳ-kheo này nghĩ, đức Phật hỏi:

“Người với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo thưa: “Với tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

Cho phi thực, có hai loại, cũng như vậy.

8. Bấy giờ, vào buổi sáng, tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, khoác y, bụng bát đến nhà bạch y. Có một đứa bé đang ngủ trong nhà giã gạo. Thâu-la-nan-đà đến mó vào cái chày giã. Chày rơi nhằm đứa nhỏ, nó chết. Thâu-la-nan-đà nghĩ, đức Phật hỏi:

“Cô làm với tâm niệm thế nào?”

Tỳ-kheo-ni thưa: “Không có tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được sờ mó chày giã của người ta.”

9. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, vào buổi sáng, khoác y, bưng bát đến nhà bạch y. Có một đũa nhỏ nằm ngủ bên cái cối giã gạo. Thâu-la-nan-đà đụng cái cối. **[982b]** Cái cối bị lật, đè chết đũa nhỏ. Thâu-la-nan-đà nghi. Đức Phật hỏi: “Cô làm với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo-ni thưa: “Không có tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được đụng chạm cái cối của người ta như vậy.”

10. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, vào buổi sáng, khoác y, bưng bát đến nhà bạch y. Trên giường có đũa nhỏ đang ngủ. Thâu-la-nan-đà không nhìn mà ngồi lên. Vợ người đàn-việt nói:

“A-di chớ ngồi lên đũa nhỏ!”

Cô không nghe nên ngồi lên. Đũa nhỏ liền chết. Cô ni nghi, đức Phật hỏi: “Cô với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo-ni thưa: “Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được, nơi nhà bạch y không xem nơi chỗ ngồi mà ngồi.”

11. Bảy giờ, nước Xá-vệ có đàn-việt thỉnh Phật và Tăng thọ thực vào sáng hôm sau. Đêm đó, sửa soạn các thức ăn ngon bổ xong, sáng sớm đến thỉnh Thế Tôn thọ thực. Đức Thế Tôn khoác y, bưng bát cùng một ngàn hai trăm năm mươi tỳ-kheo đều đến nhà đàn-việt, an tọa nơi chỗ ngồi. Theo thường pháp của chư Phật là, chúng chưa tập hợp đủ thì không thọ thực.

Bảy giờ, có một tỳ-kheo xuất gia khi tuổi muộn, dẫn theo đứa con cho xuất gia luôn. Tỳ-kheo, cha của đứa bé, khi tiểu thực, đi đến nhà bạch y khác. Các tỳ-kheo hỏi đứa bé:

“Bố chú đi đâu, để đức Thế Tôn đợi mà không ăn?”

Đứa bé thưa: “Con không biết.”

Các tỳ-kheo bảo đứa bé đi tìm. Nó đi tìm gặp được tỳ-kheo bố. Nó nói: “Bố đi đâu mà để đức Phật và chúng Tăng phải chờ bố, không thọ thực?”

Tỳ-kheo giận, nắm lấy đứa con. Đứa nhỏ vì tìm cách để chạy thoát khỏi nên xô tỳ-kheo cha té xuống đất. Bố nó bị chết, nó nghi. Đức Phật hỏi: “Người làm với ý nghĩ thế nào, khi xô bố người?”

Nó thưa: “Con không có tâm sát.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được xô như vậy.”

12. Có bà mẹ bắt tỳ-kheo. Tỳ-kheo tìm cách thoát, nên xô bà mẹ té xuống đất chết. Vị kia nghi. Đức Phật hỏi:

“Người làm với ý nghĩ thế nào?”

Vị kia thưa: “Không có tâm sát.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được xô đẩy mẹ như vậy.”

13. Có người cha bắt tỳ-kheo. Tỳ-kheo tìm cách thoát, nên xô cha té xuống đất chết, rồi nghi. Đức Phật hỏi:

“Người làm với ý nghĩ thế nào?”

Vị kia thưa: “Không với tâm sát.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được xô cha như vậy.”

Anh bắt tỳ-kheo, chị bắt tỳ-kheo, vợ cũ bắt tỳ-kheo cũng như vậy.

14. Bấy giờ, có chị của vợ cũ nói với người em mình rằng:

“Sao em không đến tỳ-kheo đòi y thực?”

Người em nói:

“Vi ông ấy đã xuất gia, em không muốn đòi cái gì cả.”

Người chị nói:

“Chỉ chỗ của tỳ-kheo cho chị. Chị sẽ đòi cho.”

Cô em liền chỉ chỗ. Người chị đến nói với [982c] tỳ-kheo rằng:

“Sao ông không cấp dưỡng y thực cho em gái tôi?”

Cô chị này nắm tỳ-kheo. Tỳ-kheo xô để thoát. Cô té xuống đất, chết. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi:

“Người với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo thưa: “Không có tâm sát.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được xô như vậy.”

15. Có nam nữ bắt tỳ-kheo, tỳ-kheo xô để thoát, nam nữ bị té xuống đất chết. Tỳ-kheo nghi, đức Phật hỏi:

“Người với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo thưa: “Không có tâm sát.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được xô như vậy.”

16. Bấy giờ, cách chùa ni không xa có người đàn ông bị chặt tay chặt chân. Tỳ-kheo-ni bung nước tô-tỳ-la¹ đi qua, cách nam tử không xa. Nam tử thấy, hỏi xin:

“A-di cho con nước uống.”

Tỳ-kheo-ni đưa cho người đàn ông uống. Uống rồi, người ấy chết. Tỳ-kheo-ni nghi. Đức Phật hỏi:

“Cô cho với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo-ni thưa: “Con không có ý nghĩ sát sanh.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm.”

17. Cách chùa tỳ-kheo-ni không xa, có người bị chặt tay, chặt chân. Tỳ-kheo-ni bung nước đi qua cách người đó không xa. Người đó thấy cô, hỏi xin: “A-di cho con uống nước.”

¹ Tô-tỳ-la tương 蘇毘羅漿. Pāli: *suvīra*, cháo chua. Cf. Vin. iii. 86: cho uống *takka*, sữa bò tinh luyện, sữa bơ. Tham chiếu *Thập tụng 58* (tr.436a23): có phạm chí bệnh ghê ngứa, xin thuốc nước tô-tỳ-la 蘇毘羅漿. Người ấy uống và chết.

Tỳ-kheo-ni cho người đó uống. Uống rồi, người ấy chết. Tỳ-kheo-ni nghĩ. Đức Phật hỏi: “Cô cho với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo-ni thưa: “Con không có tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Không phạm.”

18. Cách chùa tỳ-kheo-ni không xa, có người bị chặt tay, chặt chân. Tỳ-kheo-ni bưng nước tô-tỳ-la đi qua cách người đó không xa. Người đó thấy cô, nói: “A-di, tôi cần tô-tỳ-la để rửa vết thương cho bớt nhức.”

Tỳ-kheo-ni liền cho để rửa. Rửa rồi, người ấy chết. Tỳ-kheo-ni nghĩ. Đức Phật hỏi: “Cô cho với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo-ni thưa: “Con không có tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được cho rửa như vậy.”

Bưng nước đi cũng thế.

19. Cách chùa tỳ-kheo-ni không xa, có người bị chặt chân, chặt tay. Tỳ-kheo-ni bưng nước tô-tỳ-la đi qua cách đó không xa. Tỳ-kheo-ni nghĩ: “Nếu cho tô-tỳ-la để rửa vết thương, may ra có thể chết sớm.” Nghĩ rồi liền cho. Người đó rửa xong thì chết. Tỳ-kheo-ni nghĩ. Đức Phật hỏi: “Cô cho với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo-ni thưa: “Con cho với tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

Bưng nước cho để rửa cũng như vậy.

20. Có số đông tỳ-kheo cùng nhóm sáu tỳ-kheo ở tại núi Kỳ-xà-quật, cùng nhau xẻ cây để lợp nhà. Một vị trong nhóm sáu tỳ-kheo cầm một khúc cây nhọn, ném thẳng trúng nhằm một người. Khúc cây xuyên qua mình, người kia chết liền. Vị này nghĩ. Đức Phật hỏi: “Người làm với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo thưa: “Không có tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Không phạm. Nhưng không được ném thẳng như vậy mà nên liệng ngang.”

21. Tỳ-kheo tri sự [983a1] làm phòng mới. Đá rơi, trúng tỳ-kheo chết. Vị kia nghi. Đức Phật hỏi:

“Ngươi làm với ý nghĩ thế nào?”

Vị kia thưa: “Con không có tâm sát.”

Đức Phật dạy: “Không phạm.”

Ngói rơi, cây rơi, kè rơi, xà rơi, đòn dông rơi, gỗ rơi, trúng người; cũng như vậy.

22. Bấy giờ, tại núi Kỳ-xà-quật, có người chăn bò thả bò ăn cỏ. Một vị trong nhóm sáu tỳ-kheo lấy hòn đá đập vào sừng bò. Đá văng trúng người chăn bò. Người ấy chết. Vị ấy nghi. Đức Phật hỏi: “Ngươi làm với ý nghĩ thế nào?”

Vị ấy thưa: “Không có tâm sát.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng đánh súc sanh không thể biến hóa thì mắc tội đột-kiết-la.”

23. Có tỳ-kheo ở trong núi Kỳ-xà-quật cạy đá rơi, trúng người đi đường chết; nghi. Đức Phật hỏi:

“Ngươi làm với ý nghĩ thế nào?”

Vị kia thưa: “Con không có ý nghĩ giết người.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được cạy đá. Nếu có nhân duyên cần lấy đá thì nên bảo người đi tránh xa nơi đó.”

24. Có tỳ-kheo muốn xả giới, làm nghề hạ tiện.¹ Vị ấy nghĩ: “Ta đã từng xuất gia trong Phật pháp thì không thể lại làm ác sự như vậy.” Nghĩ như vậy xong, vị ấy liền lên trên đỉnh núi Ma-đầu tự gieo

¹ Hạ nghiệp 下業; nghề nghiệp thấp hèn, thường chỉ nghề giết chó của Chiên-đà-la. Skt. *nīca-karma*.

mình xuống để tự tử. Nhưng rơi trúng người đốn tre. Tỳ-kheo sống, người kia chết. Tỳ-kheo nghi, đức Phật nói:

“Người kia chết, (tỳ-kheo) không phạm. Nhưng phương tiện muốn tự sát, phạm thân-lan-giá.”

25. Có tỳ-kheo muốn thôi tu, làm nghề hạ tiện. Nhưng nghĩ: “Ta đã từng xuất gia trong Phật pháp thì không thể lại làm ác sự như vậy.” Vị kia liền leo lên đỉnh núi Ba-la-ha-na, tự gieo mình xuống để chết, nhưng rơi trúng trên người chặt trúc. Người kia chết, tỳ-kheo sống. Vị tỳ-kheo nghi, đức Phật nói:

“Người kia chết, (tỳ-kheo) không phạm. Nhưng phương tiện muốn tự sát mắc tội thân-lan-giá.”

26. Có tỳ-kheo bung nước tô-tỳ-la đi cách bãi tha ma không xa. [Theo phép nước, trị người có tội, lấy cọc nhọn xiên người rồi đem vát.]¹ Một người bị bêu trên cọc nhọn, nói, “Cho tôi uống nước.” Tỳ-kheo cho uống. Rồi người ấy liền chết. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi: “Người cho uống với ý tưởng thế nào?”

Tỳ-kheo thưa:

“Không có tâm sát.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm.”

27. Có tỳ-kheo bung nước đi cách bãi tha ma không xa. Một người bị bêu trên cọc nhọn nói, “Cho tôi uống nước.” Tỳ-kheo cho uống. Rồi người ấy chết. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật nói:

“Không phạm.”

28. Có tỳ-kheo điên cuồng giết người, sau khi tỉnh lại thì biết, bèn nghi. Đức Phật nói:

“Không phạm. Nếu tâm thác loạn, bị thống khổ bức bách, tất cả đều không phạm.”

¹ Đoạn trong ngoặc, có trong TNM, nhưng không có trong Đê bản.

IV. ĐẠI VỌNG NGŨ

1. Ưu-ba-ly thỉnh vấn

1. Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay bạch đức Thế Tôn:

“Kính bạch Đại đức, tỳ-kheo ở bên sông Bà-câu, sự thật mình không có, nhưng vì miếng ăn, [983b] trước mặt bạch y tự khen mình, nói là được pháp thượng nhân. Như vậy có phạm hay không?”

Đức Phật dạy:

“Ban đầu chưa chế giới, không phạm.”

2. Có tỳ-kheo tăng thượng mạn, tự bảo là đã đắc đạo, sau đó tinh cần không biếng nhác, chứng tăng thượng thắng pháp. Vị ấy nghĩ: “Đức Thế Tôn vì các tỳ-kheo chế giới, nếu tỳ-kheo nào không tự tri kiến mà tự xưng là đắc pháp thượng nhân, nói rằng: ‘Tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy.’ Sau thời gian khác, hoặc có người hỏi, hoặc không có người hỏi, vì mong cầu sự thanh tịnh, cho nên nói: ‘Tôi thật sự không biết, không thấy mà tự nói là biết là thấy.’ Tỳ-kheo nói hư vọng, phạm ba-la-di, không được sống chung. Tôi do tăng thượng mạn, tự bảo là đã đắc đạo. Sau đó, tinh tấn không biếng nhác, đặng tăng thượng thắng pháp. Ta nên làm thế nào?”

Vị ấy, liền đem nhân duyên này trình bày đầy đủ với các tỳ-kheo đồng tâm ý, nói:

“Lành thay, Trưởng lão vì tôi bạch đức Thế Tôn. Tùy theo lời dạy của đức Thế Tôn, tôi sẽ y theo đó mà thực hành.”

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi đem nhân duyên này bạch lên đức Phật một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp tỳ-kheo Tăng, tùy thuận nói pháp, dùng vô số phương tiện khen ngợi trang nghiêm hạnh đầu-đà là điều khó làm, thiếu dục tri túc, ưa xuất ly, và bảo các tỳ-kheo: “Nếu là tăng thượng mạn thì không phạm.”

Các tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Đại Đức, nếu đối trước loài súc sanh không thể biến hóa, tự xưng là đắc pháp thượng nhân thì phạm hay không?” Đức Phật dạy: “Phạm đột-kiết-la.”

“Bạch Đại Đức, người tưởng là người, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm ba-la-di.”

“Người mà nghi, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm thâm-lan-giá.”

“Người mà khởi ý tưởng chẳng phải người, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Phạm thâm-lan-giá.”

“Chẳng phải người mà tưởng là người, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Thâm-lan-giá.”

“Chẳng phải người mà nghi, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Thâm-lan-giá.”

“Bạch Đại Đức, nếu trước người nam mà khởi ý tưởng là nữ, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

“Trước người nữ mà tưởng là nam, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Ba-la-di.”

“Nếu đối với trước người nữ này mà khởi ý tưởng là người nữ kia, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Nếu nói rõ ràng thì phạm ba-la-di. Nói không rõ ràng phạm thâm-lan-giá.”

“Đối trước người nam này mà khởi ý tưởng người nam kia, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Nếu nói rõ ràng thì phạm ba-la-di. Nói không rõ ràng phạm thâm-lan-giá.”

Nếu bằng ấn tín, hoặc sai người, hay viết thư, ra dấu hiệu khiến cho họ biết rõ ràng thì phạm ba-la-di; không rõ ràng phạm thâm-lan-giá.

“Kính bạch Đại Đức, nếu đối trước trời rỗng, a-tu-la, càn-thát-bà, dạ-xoa, nga quý, súc sanh có thể biến hóa được, tự xưng đắc pháp thượng nhân, phạm hay không?”

[983c] Đức Phật dạy: “Nói rõ ràng thì phạm thâm-lan-giá; không rõ ràng phạm đột-kiết-la.”

Bằng ấn tín, sai sứ, viết thư, ra dấu hiệu khiến cho họ biết rõ ràng thì phạm thâm-lan-giá; không rõ ràng phạm đột-kiết-la.

2. Tự xưng

1. Có tỳ-kheo trước người khác tự xưng là đắc pháp thượng nhân, rồi nghi. Đức Phật dạy: “Nếu nói rõ ràng thì phạm ba-la-di. Không rõ ràng, phạm thâm-lan-giá.”

Muốn nói với người này, lại nói với người kia, tất cả đều phạm ba-la-di.

2. Có số đông tỳ-kheo du hành tại nước Câu-tát-la. Khi ấy, có bà-la-môn tin Phật, giỏi xem tướng. Ông gặp các tỳ-kheo, nói:

“Đại đức A-la-hán đến.”

Tỳ-kheo hỏi: “Ông nói gì?”

Đáp: “Đại đức xứng đáng nhận y phục, thuốc men, những gì cần thiết.”

“Có lý đó.”

Tỳ-kheo nói rồi nghi. Đức Phật dạy:

“Không phạm.”

3. Có tỳ-kheo tự nói chứng đắc căn, lực, giác ý, thiền định, giải thoát, tam muội, chánh thọ. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy:

“Phạm ba-la-di.”

4. Có tỳ-kheo giảng cho người về căn lực, giác ý, thiền định, giải thoát tam muội, chánh thọ. Nhưng không tự nói là đã đạt được. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy:

“Không phạm.”

3. Tự ám chỉ

1. Bấy giờ, tỳ-kheo có đàn-việt. Tỳ-kheo nói rằng:
 “Người thường nói pháp cho thí chủ đây là vị A-la-hán.”
 Đàn-việt liền hỏi: “Đại đức vừa nói gì?”
 Tỳ-kheo im lặng, rồi nghỉ. Đức Phật dạy:
 “Nói không rõ ràng, phạm thâm-lan-giá.”
2. Bấy giờ, tỳ-kheo có đàn-việt. Tỳ-kheo nói rằng:
 “Người thường đến nhà thí chủ đây là A-la-hán.”
 Đàn-việt liền hỏi: “Đại đức vừa nói gì?”
 Tỳ-kheo không trả lời, rồi nghỉ. Đức Phật dạy:
 “Nói không rõ ràng phạm thâm-lan-giá.”
3. Tỳ-kheo có đàn-việt. Tỳ-kheo nói:
 “Người thường đến ngồi chỗ ngồi đây là A-la-hán.”
 Đàn-việt liền hỏi: “Đại đức vừa nói gì?”
 Tỳ-kheo im lặng; rồi nghỉ. Đức Phật dạy:
 “Nói không rõ ràng, phạm thâm-lan-giá.”
4. Tỳ-kheo có đàn-việt. Tỳ-kheo nói người:
 “Thường nhận thức ăn của người là A-la-hán.”
 Đàn-việt liền hỏi: “Đại đức vừa nói gì?”
 Vị kia im lặng, rồi nghỉ. Đức Phật dạy:
 “Nói không rõ ràng phạm thâm-lan-giá.”

4. Tự hiện tướng

1. Bấy giờ, đàn-việt nói với tỳ-kheo mà mình thường cúng dường rằng: “Nếu Đại đức là A-la-hán thì cởi tăng-già-lê ra.”
 Tỳ-kheo liền cởi y, ra dấu hiệu mà không nói; nhưng rồi nghỉ. Đức Phật dạy:
 “Phạm thâm-lan-giá.”

2. Đàn-việt nói với tỳ-kheo mà mình thường cúng dường rằng:

“Nếu Đại đức là A-la-hán thì [984a1] có thể ngồi trên giường đây.”

Vị kia liền ngồi, ra dấu hiệu mà không nói; nhưng rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Phạm thân-lan-giá.”

3. Đàn-việt nói với tỳ-kheo mà mình thường cúng dường rằng:

“Nếu Đại đức là A-la-hán thì đứng dậy.”

Vị kia liền đứng dậy, ra dấu hiệu mà không nói; nhưng rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Phạm thân-lan-giá.”

4. Đàn-việt nói với tỳ-kheo mà mình thường cúng dường rằng:

“Nếu Đại đức là A-la-hán, thì lên trên tầng gác.”

Tỳ-kheo đi lên, ra dấu hiệu mà không nói. Nhưng rồi nghỉ. Phật nói: “Phạm thân-lan-giá.”

5. Đàn-việt nói với tỳ-kheo mà mình thường cúng dường rằng:

“Nếu Đại đức là A-la-hán thì có thể bước xuống.”

Tỳ-kheo liền bước xuống, ra dấu hiệu mà không nói rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Phạm thân-lan-giá.”

6. Tỳ-kheo có đàn-việt. Tỳ-kheo nói:

“Người thường nói pháp cho thí chủ đây là Thanh văn đệ tử Phật.”

Đàn-việt hỏi: “Đại đức nói gì?”

Vị kia im lặng, rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Nói không rõ ràng, phạm thân-lan-giá.” Thường vào nhà đàn-việt, nhận chỗ ngồi, nhận thức ăn, cũng như vậy.

7. Có đàn-việt nói với tỳ-kheo mà mình thường cúng dường rằng:

“Nếu Đại đức là Thanh văn đệ tử Phật thì cởi tăng-già-lê.”

Vị kia liền cởi, ra dấu hiệu mà không nói nhưng rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Phạm thân-lan-giá.”

Khoác tăng-già-lê, ngồi, đứng dậy, leo lên nhà gác, leo xuống cũng như vậy.

5. Mục-liên tự thuyết

1. Bấy giờ, tôn giả Mục-liên nói với các tỳ-kheo, về nghiệp báo nhân duyên, đạt được thần túc. Các tỳ-kheo nói với tôn giả:

“Tôn giả nói có nghiệp báo, nhân duyên, đạt được thần túc. Việc không thể có. Đối xứng đạt được pháp thượng nhân, phạm ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”¹

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Có nghiệp báo, nhân duyên, và có thể đạt được thần túc như vậy. Mục-liên không phạm.”

2. Mục-liên bảo các tỳ-kheo là có nghiệp báo, nhân duyên, đạt được thiên nhĩ, biết túc mạng, biết được tâm của kẻ khác, thiên nhãn. Các tỳ-kheo nói với Mục-liên:

“Tôn giả nói có nghiệp báo nhân duyên đạt được thiên nhĩ, cho đến thiên nhãn, là điều không thể có. Đối xứng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Có nghiệp báo, nhân duyên, có thể đạt được thiên nhĩ, cho đến đạt được thiên nhãn. Mục-liên không phạm.”

3. Mục-liên bảo các tỳ-kheo rằng: “

Này các Trưởng lão, có chúng sanh như vậy, từ hư không bay qua. Tôi nghe tiếng xúc chạm nhau của xương cốt nó.”

Các tỳ-kheo nói với Mục-liên: “Đại đức, thầy nói có chúng sanh như vậy từ hư không bay qua, nghe tiếng xương cốt nó xúc chạm nhau. Đó là điều không thể có. Đối xứng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

Các tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật dạy: “Có chúng sanh như vậy. Mục-liên không phạm.”

¹ Xem *Tạp A-hàm*, Tương ưng Mục-kiền-liên, các kinh 508-534.

4. Mục-liên nói với [984b] các tỳ-kheo:

“Tôi thấy có chúng sanh toàn lông trong người của nó đều bằng kim, khi rút ra, khi đâm vào, nhận lấy vô lượng khổ. Nó kêu lớn tiếng vừa khóc vừa la.”

Các tỳ-kheo nói với Mục-liên:

“Tôn giả nói có chúng sanh như vậy. Đó là điều không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Trước đây Ta cũng thấy chúng sanh như vậy, mà Ta không nói. Tại sao vậy? Vì sợ mọi người không tin. Người không tin sẽ chịu khổ lâu dài. Chúng sanh ở trong thành Vương-xá này ưa nói hai lưỡi, đấu tranh. Ác nghiệp nhân duyên này phải đọa vào trong địa ngục trải qua trăm ngàn vạn năm, thọ các khổ não. Đây là nhân duyên tội còn sót lại, nên thọ lấy hình trạng như vậy. Do đó Mục-liên không phạm.”

5. Mục-liên bảo các tỳ-kheo:

“Tôi thấy có chúng sanh lặn hụp trong hầm xí, chịu đại khổ thống, rên khóc kêu la.”

Các tỳ-kheo nói với Mục-liên:

“Tôn giả tự nói thấy có chúng sanh lặn hụp trong hầm cầu, chịu đại khổ thống kêu la rên khóc như vậy. Đó là điều không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Trước đây, Ta cũng thấy chúng sanh như vậy mà không nói. Tại sao vậy? Vì sợ mọi người không tin. Người không tin phải chịu khổ lâu dài. Chúng sanh ở trong nước Ba-la-nại này, thời đức Phật Ca-diếp, làm bà-la-môn, khi ấy thỉnh Phật và Tăng thọ thực, rồi dùng cái máng đựng đầy phần, sai người đến bạch: “Đến giờ.” Khi Phật và Tăng đến, bà-la-môn thưa: “Chư Đại đức, các Ngài có thể

dùng thức ăn này theo ý muốn của mình, và tùy ý mang đi.” Do ác nghiệp nhân duyên này mà đọa trong nê-lê, thọ khổ trăm ngàn vạn năm. Vì tội ác nhân duyên còn sót lại, phải lặn trong hầm cầu tiêu. Cho nên Mục-liên không phạm.”

6. Mục-liên bảo các tỳ-kheo:

“Tôi thấy có chúng sanh ngồi trên giường bằng sắt. Lửa từ giường sắt tuôn ra đốt cháy cả thân, y bát tọa cụ, ống đựng kim cũng đều bị đốt cháy.”

Các tỳ-kheo nói với Mục-liên: “Tôn giả nói thấy chúng sanh như vậy, thọ khổ như vậy, là điều không thể có. Đối xứng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Trước đây Ta cũng thấy chúng sanh như vậy mà không nói. Tại sao vậy? Vì sợ mọi người không tin. Người không tin phải thọ khổ lâu dài. Chúng sanh ở nước Ba-la-nại này, trong quá khứ, thời đức Phật Ca-diếp, đã làm tỳ-kheo ác. Do nhân duyên này đọa vào địa ngục trăm ngàn vạn năm [984c] thọ các khổ thống. Vì ác nghiệp nhân duyên còn sót lại nên thọ thân như vậy. Do đó Mục-liên không phạm.”

Tỳ-kheo-ni ác, thức-xoa-ma-na ác, sa-di, sa-di-ni thọ khổ cũng như vậy.

7. Mục-liên bảo các tỳ-kheo:

“Tôi thấy có chúng sanh, thân hình của nó bị chín nhừ, các con ruồi bao quanh rúc rĩa, đau khổ kêu la”

Các tỳ-kheo nói với Mục-liên:

“Tôn giả nói thấy có chúng sanh như vậy, thọ khổ như vậy, là điều không thể có. Đối xứng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy: “Trước đây Ta cũng thấy chúng sanh như vậy mà không nói. Tại sao vậy? Vì sợ mọi người không tin. Người không tin thọ khổ lâu dài. Chúng sanh này

là đệ nhất phu nhân của vua Ca-lăng-già, vì tâm tật đó, nên lấy dầu và nước sôi rót vào đầu của đệ nhị phu nhân đang ngủ. Do nghiệp báo nhân duyên này phải đọa vào địa ngục trăm ngàn vạn năm chịu các sự đau khổ. Vì nghiệp báo nhân duyên còn dư nên thọ thân này như vậy. Do đó Mục-liên không phạm.”

8. Mục-liên bảo các tỳ-kheo:

“Tôi thấy cung điện thành quách của A-tu-la ở dưới đáy biển mà nước treo bên trên, không vào trong cung thành của họ.”

Các tỳ-kheo nói với Mục-liên:

“Tôn giả tự nói là thấy cung thành của A-tu-la ở dưới đáy biển, bốn bên và trên đều không có nước vào, là điều không thể có. Đối xứng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Có sự việc như vậy. Cung thành của a-tu-la, bốn phía và trên có bốn loại gió để giữ nước lại:¹ trụ phong, trì phong, bất diệt phong, lao hệ phong. Cho nên Mục-liên không phạm.”

9. Mục-liên bảo các tỳ-kheo:

“Tôi thấy có chúng sanh như vậy: Không xương, không da, không thịt, không máu, không có bất tịnh cũng không có nhọc mệt, và người nữ mà không sanh sản.”

Các tỳ-kheo nói với Mục-liên:

“Tôn giả tự nói có chúng sanh như vậy, cho đến có người nữ mà không sanh sản, là điều không thể có. Đối xứng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Có chúng sanh như vậy, Mục-liên không phạm.”

¹ Bốn thứ gió: trụ phong 住風, trì phong 持風, bất diệt phong 不滅風, lao hệ phong 牢繫風. Xem *Trường A-hàm 20* (tr.130a25): trụ phong 住, trì phong 持, bất động phong 不動, kiên cố phong 堅固.

10. Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bảy giờ, đại Mục-liên bảo các tỳ-kheo:

“Các Trưởng lão, tôi nhập định không huệ,¹ nghe có tiếng nước khi voi chúa Y-la-bà-ni² đi xuống ao Nan-đà.”³

Các tỳ-kheo nói với Đại đức Mục-liên rằng:

“Đại đức nói nhập định không huệ, nghe tiếng có nước khi voi chúa Y-la-bà-ni đi xuống ao Nan-đà. Đại đức [985a] nhập định không huệ mà nghe âm thanh là điều không thể có. Đối xứng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Có loại định như vậy nhưng mà không thanh tịnh. Mục-liên không phạm.”

11. Mục-liên bảo các tỳ-kheo:

“Tôi nhập định không huệ, nghe tiếng nước khua động của tám mươi bốn ngàn con voi vào trong ao Mạn-đà-diên.”

Các tỳ-kheo nói với Mục-liên:

“Đại đức tự nói nhập định không huệ mà nghe tiếng khua động của nước do các con voi kia vào trong ao Mạn-đà-diên.”⁴

“Đại đức, vào định không huệ mà còn nghe âm thanh là điều không thể có. Đối xứng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

¹ Đây chỉ không vô biên xứ định. Định thuộc thế gian, hữu lậu. Cf. Vin.iii. 108: Nghe đàn voi đang qua sông khi nhập bất động tam muội (*āneñjaṃ samādhim*).

² Y-la-bà-ni tượng vương 伊羅婆尼象王. Pāli: erāvaṇa (Skt. *airāvaṇa*), con voi sáu ngà của Thiên đế Thích. Xem, *Trường A-hàm 20*, kinh số 30: Thế ký (tr.132a19): Y-la-bát Long vương 伊羅鉢龍王.

³ Nan-đà trì 難陀池. Pāli: Nandapokkharanī, ao sen trong vườn Nanda trên trời Đao-lợi (Tāvātimsa). Xem *Trường A-hàm 20*, kinh số 30: Thế ký (tr.132a11): Đại hỷ trì 大喜池.

⁴ Mạn-đà-diên 曼陀延. Pāli: Mandākinī, một trong bảy hồ lớn trên Himālaya. Cf. A.iv. 101.

Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy: “Có loại định như vậy, nhưng không thanh tịnh. Mục-liên không phạm.”

12. Mục-liên bảo các tỳ-kheo:

“Tôi nhập định không huệ, nghe tiếng nước khua động của voi chúa nọ vào trong ao Tô.”

Các tỳ-kheo nói với Mục-liên rằng:

“Tự nói, nhập định không tuệ mà nghe tiếng khua động của nước do voi chúa nọ vào trong ao Tô. Làm sao nhập vào định không huệ nào mà còn nghe âm thanh? Điều này không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

“Có loại định như vậy, nhưng chẳng phải là thanh tịnh. Mục-liên không phạm.”

Thức không huệ xứ, vô sở huệ không xứ¹ cũng như vậy.

13. Bấy giờ, Mục-liên bảo các tỳ-kheo:

“Các Trưởng lão, phương bắc có ao tên là A-nậu-đạt.² Nước trong ao thanh tịnh không có cấu uế. Trong ao có hoa phân-đà-lợi,³ lớn như bánh xe, gốc của nó như cái trục xe. Bể nó, thì có một loại nước màu trắng tiết ra như sữa, vị của nó như mật.”

Các tỳ-kheo nói: “Tôn giả tự nói phương bắc có cái ao như vậy, đó là điều không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Phương bắc có cái ao như Mục-liên đã nói. Mục-liên không phạm.”

¹ Tức thức vô biên xứ định, và vô sở hữu xứ định.

² A-nậu-đạt 阿耨達. Pāli: Anotatta. Xem Phần III. ch. I. Thọ giới, mục Uất-tì-la Ca-diếp.

³ Phân-đà-lợi 分陀利. Pāli: *punḍarīka*, hoa sen trắng.

14. Mục-liên bảo các tỳ-kheo:

“Phương bắc có ao tên là A-nậu-đạt. Cách ao ấy không xa, lại có một ao tên là Mạn-đà-diên,¹ ngang dọc năm mươi do-tuần. Nước trong ao thanh tịnh, không có cầu uest. Trong ao có bông sen sắc vàng, lớn như bánh xe.”

Các tỳ-kheo nói với Mục-liên: “Nhu lời thầy nói có cái ao như vậy, đó là điều không thể có.”

Đại Mục-liên bèn dùng sức thần lực đi đến nơi đó, hái một bông sen đem về chùa để trong phòng, rồi gọi các tỳ-kheo đến nói:

“Phương bắc có ao tên là A-nậu-đạt, cách ao đó không xa có ao tên là Mạn-đà-diên, trong ao [985b] có hoa sen sắc vàng, lớn như bánh xe.” Các tỳ-kheo nói với Mục-liên:

“Không có điều đó. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

Bấy giờ, Mục-liên trở về trong phòng lấy hoa sen đem ra chỉ cho các tỳ-kheo và nói: “Các Trưởng lão, hoa sen này là thật chẳng?”

Các tỳ-kheo lại nói:

“Tôn giả là A-la-hán có sức thần thông, có thể biến hóa ra chứ chẳng phải là chân thật. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Mục-liên nói đúng sự thật. Không phạm.”

15. Mục-liên bảo các tỳ-kheo:

“Phương bắc có ao tên là A-nậu-đạt. Nước từ trong ao ấy chảy đến đây; trào vọt ra ở đây.”²

¹ Xem cht. 35 trước.

² A-nậu-đạt được xem là phát nguyên của bốn sông lớn: Hằng hà, Tín độ, Đồ-đa, Phược-xô. Xem *Câu-xá 11*.

Các tỳ-kheo nói với Mục-liên: “Tôn giả nói phương bắc có ao tên là A-nậu-đạt. Nước từ trong ao ấy chảy đến đây; trào vọt ra ở đây. Đức Thế Tôn đã dạy như vậy: “Dựa vào gốc để biết.” Nước trong ao kia trong mà mát, mà nước này nóng và bắn đục. Sự việc này không phù hợp. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Mục-liên nói đúng vì nước này chảy qua tiểu địa ngục rồi mới tuôn ra nơi thành Vương-xá, cho nên mới nóng và bắn. Mục-liên không phạm.”

16. Mục-liên bảo các tỳ-kheo:

“Ở chỗ xuất xứ của dòng nước này, bên dưới đó có ao nước trong mát. Nước từ đó chảy đến đây.”

Các tỳ-kheo nói với Mục-liên: “Mục-liên nói như vậy. Nhưng Thế Tôn dạy: “Dựa vào gốc để biết.” Nước này nóng sôi, mà nước bên dưới lại trong mát. Điều này không phù hợp. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Này các tỳ-kheo, như Mục-liên nói. Chỗ xuất xứ của dòng nước sôi này, bên dưới có ao nước trong mát, không có bắn đục. Nước từ đó chảy qua tiểu địa ngục rồi tuôn ra nơi thành Vương-xá, cho nên nóng sôi, có bắn đục. Mục-liên không phạm.”

17. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, và vua A-xà-thế nước Ma-kiệt, đánh nhau ở biên giới giữa hai nước. Vua Ba-tư-nặc phá vỡ quân của vua A-xà-thế. Lúc ấy, Mục-liên bảo các tỳ-kheo:

“Vua Ba-tư-nặc, và vua A-xà-thế đánh nhau ở biên giới giữa hai nước. Vua Ba-tư-nặc đã thắng.”

Sau đó, vua A-xà-thế cất quân đánh lại. Vua A-xà-thế thắng.¹

¹ Xem *Tap A-hàm*, Tương ưng Câu-tát-la, kinh 1236: trận đầu A-xà-thế thắng. Trận thứ hai, Ba-tư-nặc thắng, bắt sống A-xà-thế, dẫn đến Phật. Đoạn kể trên ngược với kinh. Cf. Pāli, S. 3. 14: Saṅgāma.

Bấy giờ, thành Vương-xá công bố cho quốc nội được biết, vua A-xà-thế phá quân của vua Ba-tư-nặc. Các tỳ-kheo nói với Mục-liên:

“Thầy nói, vua Ba-tư-nặc cùng vua A-xà-thế đánh nhau, vua Ba-tư-nặc phá quân của A-xà-thế. [985c] Nhưng nay trong nước Ma-kiệt công bố vua A-xà-thế phá quân của vua Ba-tư-nặc. Mục-liên, đối xung đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Có sự việc như vậy. Vua Ba-tư-nặc phá quân vua A-xà-thế. Vua A-xà-thế, sau đó lại cất quân phá quân của vua Ba-tư-nặc trở lại. Mục-liên thấy việc trước mà không thấy việc sau cho nên Mục-liên không phạm.”

Vua A Xà Thế cùng Tỳ-xá-ly đánh nhau cũng như vậy.

18. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Mục-liên:

“Thôi, đủ rồi, ông đừng nói nữa. Tại sao vậy? Các tỳ-kheo không tin lời ông. Đừng khiến cho các tỳ-kheo không tin mà phải mắc nhiều tội.”

Đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

“Các người nên tin tỳ-kheo A-la-hán có đại thần lực này. Chớ có nghi ngờ mà không tin, để rồi phải chịu khổ lâu dài.”

19. Trong số đó có tỳ-kheo tên là Nghiêm Hảo,¹ bảo các tỳ-kheo:

“Các Trưởng lão, tôi nhớ sự việc của năm trăm kiếp.”

Các tỳ-kheo nói:

“Đức Thế Tôn chưa từng tự nói là nhớ sự việc của năm trăm kiếp, mà thầy tự nói như vậy. Đối xung đạt được pháp thượng nhân, mắc tội ba-la-di, chẳng phải tỳ-kheo.”

¹ Nghiêm Hảo 嚴好. Vin. iii. 109: Sobhita. Được Phật công nhận là có thể nhớ nhiều tiền kiếp (*pubbenivāsānussata*).

Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Tỳ-kheo Nghiêm Hảo nhớ sự việc của một đời sống.¹ Ta còn nhớ sự việc của vô số đời sống khác nhau, cho đến việc thọ hình tướng mạo, những gì đã nói năng thảy đều nhớ hết.”

Đức Phật dạy: “Tỳ-kheo Nghiêm Hảo không phạm.”

B. TĂNG-GIÀ-BÀ-THI-SA

I. LỘNG ÂM

1. Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chầm đất chấp tay, bạch Phật: “Bạch Đại Đức, Ca-lưu-đà-di cố ý lộng âm xuất bất tịnh, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Ban đầu chưa chế giới, không phạm.”

2. Có tỳ-kheo ngủ với tâm tán loạn, trong mộng xuất bất tịnh, biết rõ. Vị kia nghĩ: “Đức Thế Tôn vì các tỳ-kheo chế giới, ‘Cố ý lộng âm xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.’ Ta ngủ với tâm tán loạn, trong mộng xuất bất tịnh, tự nhớ biết rõ, vậy ta có phạm không?” Không biết nên thế nào, vị ấy đem nhân duyên này thưa với các tỳ-kheo: “Lành thay, Trưởng lão, vì tôi bạch với đức Phật. Nếu đức Phật dạy thế nào thì tôi phụng hành thế ấy.”

Các tỳ-kheo đến chỗ đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp tỳ-kheo Tăng và bảo các tỳ-kheo rằng:

“Ngủ với tâm tán loạn có năm điều tai hại: 1. Mộng thấy việc ác. 2. Chư thiên không hộ vệ. 3. Tâm không nhớ pháp. [986a1] 4. Không buộc tư tưởng nơi ánh sáng. 5. Trong mộng bị xuất tịnh. Ngủ với tâm tán loạn có năm điều tai hại như vậy.

¹ Chỉ nhớ được đời sống của một người (trải qua nhiều kiếp). Cf. *ibid.*, *sā ca kho ekāyeva jāti*.

“Ngủ trụ tâm có năm điều công đức: 1. Không thấy ác mộng. 2. Chư thiên hộ vệ. 3. Tâm tư vui nơi pháp. 4. Buộc tư tưởng nơi ánh sáng. 5. Không xuất bất tịnh. Ngủ trụ tâm có năm điều công đức như vậy. “Trong mộng xuất bất tịnh, không phạm.”

3. Có tỳ-kheo, trong mộng hồi tưởng rồi lộng âm xuất bất tịnh. Vị kia nghi. Đức Phật dạy: Không phạm.

Có tỳ-kheo hồi tưởng tà vạy, xuất bất tịnh. Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nếu thấy sắc đẹp, không xúc chạm mà xuất bất tịnh thì không phạm.”

Có tỳ-kheo hồi tưởng, rồi lộng âm xuất bất tịnh, vị kia nghi. Đức Phật dạy: Phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Có tỳ-kheo hồi tưởng, lộng âm mà không xuất, nghi. Phật dạy: Phạm thấu-lan-giá.

4. Có người nữ nắm phía trước tỳ-kheo. Tỳ-kheo động thân, xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy: Phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Có người nữ nắm phía trước tỳ-kheo, không động thân mà xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy: Phạm đột-kiết-la.

Nắm sau tỳ-kheo có ba trường hợp, cũng như vậy.

5. Có người nữ cầm chân tỳ-kheo kính lễ. Vị ấy động thân, xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy: Phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Có người nữ cầm chân tỳ-kheo kính lễ, không động thân, mà xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy: Phạm đột-kiết-la.

Có người nữ kính lễ sát chân Nan-đà. Nan-đà đa dục, xuất bất tịnh, rơi trên đầu người nữ. Người nữ hổ thẹn. Nan-đà cũng xấu hổ. Các tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: “Cho phép Nan-đà sắm chiếc y để ngăn thân.”

6. Có tỳ-kheo khi đi, nam căn chạm vào niết-bàn-tăng, xuất bất tịnh. Đức Phật dạy: Không phạm.

Nếu khi đại tiểu tiện xuất bất tịnh, không phạm. Nếu tắm rửa trong nước lạnh, nước nóng, bị xuất bất tịnh, không phạm.

7. Có tỳ-kheo đem nam căn để ngược nước, tưởng tượng, thân động xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy: Phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Có tỳ-kheo dùng nam căn để xuôi nước, tưởng tượng, thân động xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy: Tăng-già-bà-thi-sa.

Có tỳ-kheo dùng nước rưới nam căn, tưởng tượng, động thân xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy: Tăng-già-bà-thi-sa.

Có tỳ-kheo dùng nam căn để ngược gió, tưởng tượng, động thân xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy: Tăng-già-bà-thi-sa.

Trường hợp để xuôi gió, dùng miệng thổi nam căn, tưởng tượng, động thân xuất bất tịnh, tưởng tượng không động thân, xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy:

“Tất cả các trường hợp trên đều phạm tăng-già-bà-thi-sa.”

Có bà mẹ nắm con là tỳ-kheo. **[986b]** Tỳ-kheo thân không động, xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy: Phạm đột-kiết-la.

Người chị nắm tỳ-kheo, vợ cũ, người tình cũ, dâm nữ nắm tỳ-kheo cũng như vậy.

8. Có tỳ-kheo tưởng tượng rời vọc kẽ giữa của xương, xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy: Thâu-lan-giá.

Có tỳ-kheo tắm trong nhà tắm, dùng thuốc bột mịn hoặc bùn xoa chà nơi thân, xúc chạm nhằm, xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy: Không phạm.

Khi kêu lớn tiếng, hoặc khi dụng sức để làm việc, xuất bất tịnh, không phạm.

Có tỳ-kheo tưởng tượng, vọc ở khoảng giữa đường đại tiểu tiện, xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy:

“Nếu tưởng là đạo hoặc nghi, phạm thâu-lan-giá. Nếu tưởng phi đạo mà không nghi, phạm tăng-già-bà-thi-sa.”

Cũng vậy, nơi bấp vế, eo bàn chân, eo đầu gối, bên nách, kẽ vú, nơi nách, lỗ mũi, lỗ tai, nơi mụn ghẻ, nơi kẽ giường dây, giường cây, hoặc nơi nệm lớn, nệm nhỏ, nơi gối, nơi đất, nơi bùn, nơi gạch,

trong miệng bình, tất cả những trường hợp như vậy, nếu tướng là đạo hoặc nghi, đều phạm thân-lan-giá; nếu tướng là phi đạo, không nghi, phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo vì mục đích khoái lạc, nên tướng tượng và vọc âm, xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy: Tăng-già-bà-thi-sa.

Vì mục đích khoái lạc, vì để thử nghiệm, vì phúc đức, vì thờ tự, vì thiện đạo, vì bố thí, vì lấy giống, vì vui đùa, vì sức lực, vì nhan sắc, nên thâm định mà làm, tất cả đều phạm tăng-già-bà-thi-sa.¹

II. XÚC NỮ

1. Thế Tôn ở nước Xá-vệ. Bấy giờ Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chầm đất, chấp tay, bạch Phật rằng: “Kính bạch Đại Đức, Ca-lu-đà-di cùng người nữ, hai thân xúc chạm nhau, phạm hay không?”

Đức Phật dạy:

“Ban đầu chưa chế giới, không phạm.”

Thưa: “Bạch Đại Đức, nếu cùng đàn ông, thân xúc chạm nhau, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: **[986c]** Phạm đột-kiết-la.

Thưa: “Bạch Đại Đức, nếu cùng huynh môn, thân xúc chạm nhau phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm thân-lan-giá.

Thưa: “Bạch Đại Đức, nếu cùng người hai căn, thân xúc chạm nhau, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Thân-lan-giá.

Thưa: “Bạch Đại Đức, nếu cùng súc sanh không thể biến hóa, thân xúc chạm nhau, phạm hay không?”

¹ Bản Hán, hết quyển 56.

Đức Phật dạy: Đột-kiết-la.

Thưa: “Nữ loài người, tưởng là nữ loài người, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Tăng-già-bà-thi-sa.

Thưa: “Nữ loài người, mà nghi, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Thâu-lan-giá.

Thưa: “Nữ loài người, tưởng nữ loài phi nhân, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Thâu-lan-giá.

Thưa: “Nữ loài phi nhân, tưởng là nữ loài người, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Thâu-lan-giá.

Thưa: “Nữ loài phi nhân, nghi, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Thâu-lan-giá.

Thưa: “Bạch Đại Đức, nếu khởi tưởng là người nữ, nhưng xúc chạm thân người nam, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Thâu-lan-giá.

Thưa: “Nếu khởi tưởng là người nam nhưng xúc chạm người nữ, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Thâu-lan-giá.

Thưa: “Xúc chạm thân người nữ này nhưng khởi ý tưởng là thân người nữ khác, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Tăng-già-bà-thi-sa.

Thưa: “Xúc chạm thân người nam này, nhưng khởi ý tưởng là thân người nam khác, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Đột-kiết-la.

Thưa: “Cùng thiên nữ, long nữ, a-tu-la nữ, dạ-xoa nữ, nga quỷ nữ, súc sanh cái có thể biến hóa, thân xúc chạm nhau, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Thâu-lan-giá.

2. Có người nữ nắm chân tỳ-kheo kính lễ. Khi cảm giác được xúc chạm, vị ấy cảm thọ lạc, động thân; sinh nghi. Đức Phật dạy: Tăng-già-bà-thi-sa.

Có người nữ nắm chân tỳ-kheo kính lễ. Khi cảm giác được xúc chạm, vị ấy cảm thọ lạc, không động thân; sinh nghi. Đức Phật dạy: Phạm đột-kiết-la. Có người nữ nắm chân tỳ-kheo kính lễ. Khi cảm giác được xúc chạm, vị ấy cảm thọ lạc, động ngón chân cái; sinh nghi. Đức Phật dạy: Tăng-già-bà-thi-sa.

Có người nữ giỡn, nắm tỳ-kheo. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi tỳ-kheo:

“Khi biết được xúc chạm, người có cảm giác thọ lạc không?”

Vị kia thưa: Không.

Đức Phật dạy: Không phạm.

Tỳ-kheo giỡn, nắm tay người nữ; cũng như vậy.

3. Có tỳ-kheo nắm đuôi con bò cái lội qua sông. Lội qua rồi mới biết là con bò cái. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật nói:

“Không phạm. Nhưng không được nắm đuôi con bò cái để lội qua sông.”

Có tỳ-kheo vì dục tâm nắm chéo y người nữ, rồi nghi. Đức Phật dạy: Phạm thâm-lan-giá.

Có tỳ-kheo vì dục tâm nên nắm lấy đồ trang sức phần trên thân người nữ, rồi nghi. Đức Phật dạy: Thâm-lan-giá.

4. Có tỳ-kheo vì tâm dục sờ đốt xương cùng của người nữ rồi nghi. Đức Phật dạy: Phạm tăng-già-bà-thi-sa.

5. Có người mẹ nắm tỳ-kheo. Tỳ-kheo khi cảm giác được xúc chạm thì cảm thọ lạc, không động thân; nghi. Đức Phật dạy: Phạm đột-kiết-la.

Chị, vợ cũ, dâm nữ; cũng như vậy.

6. Có tỳ-kheo vì dục[987a1] tâm nắm tóc người nữ, rồi nghi. Đức Phật dạy: Phạm tăng-già-bà-thi-sa.

7. Có người đàn bà chưa chồng bị nước trôi. Tỳ-kheo thấy, khởi từ tâm liền vớt lên, rồi nghi, đức Phật hỏi tỳ-kheo:

“Khi biết được xúc chạm, người có cảm giác thọ lạc không?”

Tỳ-kheo thưa: Không.

Đức Phật dạy: Không phạm.

Có người nữ ma-hương¹ bị nước trôi, tỳ-kheo thấy khởi từ tâm liền vớt lên, rồi nghi, đức Phật hỏi tỳ-kheo:

“Khi biết được xúc chạm, người có cảm giác thọ lạc không?”

Tỳ-kheo thưa: Không.

Đức Phật dạy: Không phạm.

Có tỳ-kheo xúc chạm thân người nữ chết mà chưa rã, rồi nghi. Đức Phật dạy: Phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu xúc chạm với thân mà đa phần chưa hư hoại, cũng phạm tăng-già-bà-thi-sa. Nếu xúc chạm với thân hư hoại phần nửa, phạm đầu-lan-giá. Nếu xúc chạm với thân phần nhiều bị hư hoại, hoặc tất cả đều hư hoại, đều phạm đầu-lan-giá.

8. Có người nữ dựa vào giường. Tỳ-kheo vì dục tâm động vào giường, rồi nghi. Đức Phật dạy: Phạm đầu-lan-giá.

Có tỳ-kheo vì dục tâm nắm tay người nữ, rồi nghi. Đức Phật dạy: Phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Có tỳ-kheo vì dục tâm nắm chân người nữ, rồi nghi. Đức Phật dạy: Phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Có người nữ nắm tay tỳ-kheo. Tỳ-kheo khi cảm giác được xúc chạm, có cảm thọ lạc, bèn động thân, rồi nghi. Đức Phật hỏi tỳ-kheo: “Khi biết được xúc chạm, người có cảm giác thọ lạc không?”

Đáp: Có.

¹ Ma hương nữ nhân 磨香女人. Có lẽ phiên âm từ một dạng hỗn chủng giữa *vañjihā* (Pāli) và *vandhyā* (Skt.): thạch nữ, người đàn bà không sinh đẻ.

Đức Phật dạy: Phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Người nữ nắm chân tỳ-kheo cũng như vậy.

Có tỳ-kheo vì giỡn nắm tay người nữ, rồi nghỉ, đức Phật hỏi tỳ-kheo:

“Khi biết được xúc chạm, người có cảm giác thọ lạc không?”

Vị kia thưa: Không.

Đức Phật dạy: Không phạm.

Nắm chân cũng như vậy.

Có người nữ vì giỡn, nắm tay tỳ-kheo, tỳ-kheo nghỉ, đức Phật hỏi tỳ-kheo:

“Khi biết được xúc chạm, người có cảm giác thọ lạc không?”

Vị kia thưa: Không.

Đức Phật dạy: Không phạm.

Nắm chân cũng như vậy.

Có tỳ-kheo vì dục tâm nắm chéo y người nữ kéo. Tỳ-kheo nghỉ.

Đức Phật dạy: Phạm thâm-lan-giá.

Có tỳ-kheo vì dục tâm cùng người nữ đập dũ y, rồi nghỉ. Đức Phật dạy: Phạm thâm-lan-giá.

Có tỳ-kheo vì dục tâm nắm khoen tai của người nữ, rồi nghỉ. Đức Phật dạy: Phạm thâm-lan-giá.

Nắm tràng hoa, nắm vòng xuyên, tất cả đều phạm thâm-lan-giá.

9. Có tỳ-kheo đi chung với người nữ trong mưa. Bùn trơn, người nữ bị trượt chân té xuống đất. Tỳ-kheo cũng trượt chân té xuống đất, nằm lên trên người nữ, rồi nghỉ, đức Phật hỏi:

“Khi đụng chạm nhau, người có thọ lạc không?”

Tỳ-kheo trả lời: Không.

Đức Phật dạy: Không phạm.

Tỳ-kheo té xuống, người nữ té chông lên trên cũng vậy.

Có tỳ-kheo đi chung với người nữ trong mưa. Cả hai đều trượt chân, cùng té, [987b] chạm nhau và cùng lăn, rồi tách ra. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi:

“Khi đụng chạm nhau, người có thọ lạc không?”

Vị kia thưa: Không.

Đức Phật dạy: Không phạm.

10. Có tỳ-kheo, tay đụng chạm vào khoảng giữa đường đại tiện và tiểu tiện của người nữ, rồi nghi. Đức Phật dạy: Phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu đụng chạm giữa đùi, vào háng, vào khuỷu chân, bên hông, giữa hai vú, lỗ tai, lỗ mũi, vào mụn nhọt, tất cả đều phạm tăng-già-bà-thi-sa.

11. Có tỳ-kheo ôm sa-di nhỏ, vuốt ve, hôn; rồi nghi, đức Phật bảo:

“Người làm như vậy với ý nghĩ thế nào?”

Vị kia thưa:

“Vì thương mến nó, chứ không có tâm dục.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được làm như vậy.”

12. Có tỳ-kheo cùng tỳ-kheo-ni, hai thân xúc chạm nhau; rồi nghi.

Đức Phật dạy: Phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Thức-xoa-ma-na, sa-di-ni; cũng như vậy.

13. Có tỳ-kheo bung nước tô-tỳ-la đi trên đường. Vợ cũ gọi, bảo cùng làm bất tịnh hạnh, rồi đưa nữ căn ra cho thấy. Vị kia liền dùng nước tô-tỳ-la rưới trên đó và nói: “Đồ thối thì cho dính đồ thối.”

Tỳ-kheo nghi. đức Phật hỏi:

“Người với tâm như thế nào khi làm như vậy?”

Tỳ-kheo thưa:

“Vì làm nhục tâm ý nó chứ không có dục tâm.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng không được làm như vậy.”

Bung nước đi trên đường, cũng như vậy.

Có dân nữ rửa tỳ-kheo bảo làm bất tịnh hạnh. Dân nữ khoe nữ căn cho tỳ-kheo thấy. Tỳ-kheo lấy hòn đá đập vào nữ căn của người kia, rồi nghỉ. Đức Phật hỏi:

“Người nghĩ thế nào khi đập như vậy?”

Vị kia thưa:

“Vì làm nhục tâm ý của nó chứ không có dục tâm.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng đánh người nữ phạm đột-kiết-la”

14. Có người nữ dựa vào cây, tỳ-kheo vì dục tâm động cây, nghỉ.

Đức Phật dạy: Phạm thấu-lan-giá.

Giường dây, giường ngói, giường xí,¹ ván, đá, bình phong, thang, tất cả đều phạm thấu-lan-giá.

Có người nữ đi trên xe. Tỳ-kheo vì dục tâm, động xe, rồi nghỉ. Đức Phật dạy: Phạm thấu-lan-giá.

Xe kéo, thuyền, cũng như vậy.

Có người nữ nắm sau lưng tỳ-kheo. Tỳ-kheo quay lại nhìn, thấy là người nữ, có cảm thọ lạc khi biết được xúc chạm, rồi nghỉ. Đức Phật dạy: Phạm tăng-giá-bà-thi-sa.

III. THÔ ÁC NGŨ

1. Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chầm đất chấp tay, bạch Phật: “Bạch Đại đức, Ca-lưu-đà-di nói lời thô ác với người nữ, phạm hay không?”

¹ Xí sàng 企床; không hiểu loại giường gì (giường kiếng chân?)

Đức Phật dạy: “Ban đầu chưa chế giới, không phạm.”

Hỏi: “Kính bạch Đại đức, nếu nói lời thô ác với người nam, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm độn-kiết-la.

Hỏi: “Nếu nói lời thô ác với huỳnh môn, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm thâm-lan-giá.

Hỏi: “Nếu nói lời thô ác với người hai căn, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm [987c] thâm-lan-giá.

Hỏi: “Nếu nói lời thô ác với súc sanh có thể biến hóa được, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm độn-kiết-la.

Hỏi: “Kính bạch Đại đức, nữ loài người, tưởng là nữ loài người, nói lời thô ác, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Hỏi: “Nữ loài người mà nghi, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm thâm-lan-giá.

Hỏi: “Nữ loài người tưởng nữ loài phi nhân, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm thâm-lan-giá.

Hỏi: “Nữ loài phi nhân, tưởng là nữ loài người, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm thâm-lan-giá.

Thưa: “Nữ loài phi nhân mà nghi, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm thâm-lan-giá.

Thưa: “Kính bạch Đại đức, tưởng là người nữ, nói lời thô ác với người nam, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm thâm-lan-giá.

Hỏi: “Bạch Đại đức, tưởng là người nam, nói lời thô ác với người nữ, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm thâm-lan-giá.

Thưa: “Bạch Đại đức, nếu khởi ý tưởng là người nữ này mà nói lời thô ác với người nữ kia, rồi nghi.”

Đức Phật dạy:

“Nếu nói rõ ràng, phạm tăng-già-bà-thi-sa. Nói không rõ ràng phạm thân-lan-giá.”

Ấn tín, thơ tín, ra dấu, người kia biết rõ ràng, phạm tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng, phạm thân-lan-giá.

Hỏi: “Bạch Đại đức, nếu khởi ý tưởng là người nam này, nói lời thô ác với người nam kia, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm đột-kiết-la.

Hỏi: “Bạch Đại đức, nếu cùng thiên nữ, long nữ, a-tu-la nữ, dạ xoa nữ, ngã quý nữ, súc sanh cái có thể biến hóa được nói lời thô ác, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Nói rõ ràng phạm thân-lan-giá, không rõ ràng phạm đột-kiết-la.”

Ấn tín, thơ tín, ra dấu người ấy biết rõ ràng phạm thân-lan-giá; không rõ ràng, phạm đột-kiết-la.

2. Bây giờ, có tỳ-kheo nói thô ác đối với người nữ, rồi nghi. Đức Phật dạy: “Nói rõ ràng phạm tăng-già-bà-thi-sa, không rõ ràng phạm thân-lan-giá.”

Muốn nói với người này, nhưng nhằm với người kia, tất cả đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Có dâm nữ bảo tỳ-kheo cùng làm bất tịnh hạnh. Dâm nữ khoe nữ căn cho thấy. Tỳ-kheo nói: “Mong cho nữ căn của người bị vỡ, bị thúi, bị rã, bị cháy, bị rụng mất, để cho con lừa làm chuyện như vậy như vậy.”

Tỳ-kheo nói như vậy rồi nghi, đức Phật hỏi:

“Người nói như vậy với ý nghĩ thế nào?”

Tỳ-kheo thưa: “Chỉ muốn làm nhục tâm ý nó, chứ không có tâm dục.”

Đức Phật dạy:

“Không phạm. Nhưng dùng ác ngôn, phạm độn-kiết-la.”

3. Ca-luru-đà-di là người có tánh ưa nói tục. Phật nói:

“Tánh ưa nói tục, phạm độn-kiết-la.”

Nhóm sáu tỳ-kheo, có tánh ưa nói tục. Phật nói: Độn-kiết-la.

4. Bấy giờ, có tỳ-kheo khát thực, sáng sớm khoác y, bung bát đến nhà bạch y, nói với vợ đàn-việt rằng:

“Có thể được hay không?”

Vợ đàn-việt liền hỏi lại:

“Đại đức vừa nói gì, có thể được hay không?”

Tỳ-kheo im lặng; rồi nghỉ. Đức Phật dạy:

“Nói không rõ ràng phạm thâm-lan-giá.”

Có tỳ-kheo khát thực, sáng sớm khoác y, [988a1] bung bát đến nhà bạch y nói với vợ đàn-việt rằng:

“Cho tôi đi!”

Vợ cư sĩ liền hỏi lại: “Đại đức nói cho cái gì?”

Tỳ-kheo im lặng, rồi nghỉ. Đức Phật dạy:

“Nói không rõ ràng phạm thâm-lan-giá.”

Hoặc nói, “Sẽ cho tôi không?” Hoặc nói, “Hãy xem.” Hoặc nói, “Giống cái gì?” Nói không rõ ràng, tất cả đều phạm thâm-lan-giá.

5. Tỳ-kheo có đàn-việt. Đàn-việt nói với vợ rằng:

“Tỳ-kheo ấy cần gì thì cho.”

Người vợ trả lời: “Được.”

Đàn-việt ấy liền đến chỗ tỳ-kheo nói:

“Tôi đã bảo vợ tôi, tỳ-kheo ấy cần gì thì cho. Đại đức cần gì thì cứ đến lấy.”

Tỳ-kheo nói: “Được.”

Sau đó, tỳ-kheo khoác y, bung bát đến nhà đàn-việt, trải chỗ ngồi an tọa. Vợ đàn-việt nói với tỳ-kheo:

“Chồng tôi bảo tôi rằng, tỳ-kheo cần gì thì cho. Nay Đại đức có cần gì thì cứ nói.”

Tỳ-kheo nói: “Cô không thể cho hết cho tôi đâu.”¹

Vợ đàn-việt thưa:

“Thưa Đại đức, cho hết, là cho cái gì mà không thể?”

Tỳ-kheo im lặng, rồi nghỉ. Đức Phật dạy:

“Nói không rõ ràng, phạm thâu-lan-giá.”

Tỳ-kheo có đàn-việt. Đàn-việt bảo vợ:

“Tỳ-kheo ấy cần gì thì cứ cho.”

Đàn-việt liền đến chỗ tỳ-kheo nói: “Con đã bảo vợ con, Đại đức cần gì thì cứ cho. Vậy Đại đức cần gì thì cứ đến lấy.”

Tỳ-kheo nói: “Tốt.”

Sau đó, tỳ-kheo khoác y, bung bát đến nhà đàn-việt trải chỗ ngồi an tọa. Vợ đàn-việt thưa:

“Chồng con đã bảo, tỳ-kheo ấy cần gì thì cho. Bây giờ Đại đức cần gì, thì cứ nói.”

Tỳ-kheo nói: “Cô có thể cho hết, trừ việc ấy thì không thể cho.”

Vợ đàn-việt biết ý của tỳ-kheo liền nói:

“Cho hết được. Việc ấy cũng cho được.”

Tỳ-kheo nghỉ. Đức Phật dạy: Phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo có đàn-việt. Đàn-việt nói với vợ:

“Hết thấy cái gì tỳ-kheo ấy cần cứ cho hết.”

Đàn-việt đến chỗ tỳ-kheo thưa:

¹ Đoạn này được kể lại trong điều 4 “Sách cúng dường” ở sau.

“Con đã bảo vợ con, hết thầy cái gì tỳ-kheo ấy cần cứ cho hết. Vậy Đại đức cần gì cứ đến lấy.”

Tỳ-kheo nói: “Được.”

Sau đó, tỳ-kheo khoác y, bung bát đến nhà kia, trải chỗ ngồi an tọa. Vợ đàn-việt thưa:

“Chồng con đã dặn: Hết thầy cái gì tỳ-kheo ấy cần cứ cho hết. Giờ Đại đức cần gì thì cứ nói.”

Tỳ-kheo nói: “Cô không nên cho hết.”

Vợ đàn-việt hỏi:

“Đại đức, cái gì [988b] mà nói là không nên cho hết?”

Tỳ-kheo im lặng, rồi nghỉ. Đức Phật dạy:

“Nói không rõ ràng, phạm thâm-lan-giá.”

(Vế kế tiếp hoàn toàn đồng với vế này, thay bằng câu nói: Cô hết thầy nên cho, trừ việc này không được cho. Cô kia nói: Việc này cũng có thể cho, tỳ-kheo nghỉ. Đức Phật dạy: tăng-già-bà-thi-sa).¹

Có tỳ-kheo khát thực, sáng sớm khoác y, bung bát đến nhà bạch y, nam căn khởi, nói với vợ đàn-việt rằng:

“Này nữ.”²

Vị kia hỏi: “Đại đức, này nữ cái gì?”

Tỳ-kheo im lặng, rồi nghỉ. Đức Phật dạy:

“Nói không rõ ràng, phạm thâm-lan-giá.”

6. Tỳ-kheo có thức-xoa-ma-na là đàn-việt. Cô thường phạm giới, đối trước tỳ-kheo sám hối. Tỳ-kheo nói:

“Ngươi không hổ thẹn, phạm bất tịnh hạnh.”

¹ Trong ngoặc, phụ chú trong bản Hán.

² Hán: tăng ích 增益. Có lẽ Pāli: *vuddhi*, hay Skt. *vṛddhi*, sự phát triển, sự khuếch đại, mà Hán thường dịch là tăng ích hay tăng trưởng.

Tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi:

“Ngươi nói với tâm ý thế nào?”

Vị kia thưa:

“Vì giáo thọ chứ không có dục tâm.”

Đức Phật dạy: Không phạm.

7. Tỳ-kheo có đồng nữ là đàn-việt, thường phạm giới, nói cho tỳ-kheo biết. Tỳ-kheo nói:

“Ngươi không hổ thẹn, phạm người trì giới.”

Tỳ-kheo nghi. Phật hỏi:

“Ngươi nói với tâm ý thế nào?”

Vị kia thưa:

“Vì giáo thọ, chứ không có dục tâm.”

Đức Phật dạy: Không phạm.

8. Có tỳ-kheo sáng sớm khoác y, bung bát đến nhà bạch y. Nơi đây, có người nữ đang quậy sữa,¹ để hớ hênh. Tỳ-kheo thấy rồi nói:

“Cô quậy sữa?”

Cô gái hỏi lại:

“Thưa Đại đức, đúng vậy, tôi đang quậy sữa.”

Tỳ-kheo im lặng, rồi nghi. Đức Phật dạy:

“Nói không rõ ràng, phạm thâm-lan-giá.”

Có tỳ-kheo khát thực, sáng sớm khoác y, bung bát đến nhà bạch y, bấy giờ, có người đàn bà quàng áo đỏ, để lộ hình. Tỳ-kheo thấy, bèn nói:

“Cô quàng áo đỏ?”²

¹ Hán: tiêu tô 消酥. Skt. *dadhiṃ mathati*, quậy hay trộn sữa đông làm thức uống.

² Vin.iii. 130, *lohitaṃ kho te, bhagini*, “Này chị, cái của chị đỏ.”

Cô ấy trả lời: “Thưa Đại đức, tôi quàng áo đỏ.”

Tỳ-kheo im lặng, rồi nghi. Phật dạy: Phạm thân-lan-giá.

9. Thế Tôn ở tại Ba-la-nại. Có dâm nữ là đàn-việt của tỳ-kheo, nói với tỳ-kheo:

“Thưa Đại đức, nếu cần chuyện ấy, cứ nói.”

Tỳ-kheo im lặng. Dâm nữ nói:

“Thưa Đại đức, bây giờ Đại đức cần cái gì? Sao im lặng?”

Vị kia nghi. Đức Phật dạy: Không phạm.

10. Thế Tôn ở nước Xá-vệ. Có người nữ ngoại đạo,¹ tướng mạo xinh đẹp. Tỳ-kheo thấy phải lòng người ấy.

Thời gian sau, người nữ này đang đi cách Kỳ-hoàn không xa. Tỳ-kheo nói:

“Cô làm nhiều.”²

Người nữ nói:

“Thật vậy, làm nhiều.”³

Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy: Tăng-già-bà-thi-sa.⁴

¹ Ngoại đạo nữ nhân 外道女人; Pāli (Vin. iii. 131): *paribbajikā*, nữ xuất gia (ngoại đạo), nữ du sỹ.

² Đa tác 多作. Từ này tương đương với nhiều từ Pāli. Hoặc *bahukata*, được làm nhiều, hay tu tập nhiều. Hoặc *bahukicca*, công việc nhiều, bận rộn... Cf. Vin.iii. 131, *kacci bhagini maggo samsīdati*, Nghĩa thông thường: “Này chị, con đường tận cùng rồi.” Nhưng tỳ-kheo nói ngụ ý. Sớ giải: *maggo... aṅgajātamaggam sandhāyāha*, đạo, nói ngụ ý sinh dục đạo. Do đó, *samsīdati* cũng ngụ ý (con đường) “thụng xuống”.

³ Pāli, dẫn trên, *āma bhikkhu paṭipajjissati*, vâng, tỳ-kheo, ông sẽ đi theo. Cô này không hiểu ngụ ý, nên đáp thực tình.

⁴ Theo kết luận này thì cô kia hiểu ngụ ý dâm dục của tỳ-kheo. Nhưng, Pāli, *ibid.*, *āpti thullaccayassa*, phạm thân-lan-giá, vì người nghe không hiểu ngụ ý.

IV. SÁCH CÚNG DƯỜNG

1. Thế Tôn ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, [988c] đầu gối bên hữu chấm đất, bạch đức Thế Tôn:

“Kính bạch Đại đức, Ca-lu-đà-di đối trước người nữ, tự khen ngợi thân mình, phạm hay không?”

Đức Phật dạy:

“Ban đầu chưa chế giới, không phạm.”

Hỏi: “Bạch Đại đức, nếu đối trước đàn ông, tự khen ngợi thân mình; phạm hay không?”

Đức Phật dạy:

Phạm đột-kiết-la.

Hỏi: “Bạch Đại đức, đối trước huynh môn, tự khen ngợi thân mình, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm thâm-lan-giá.

Hỏi: “Bạch Đại đức, đối trước người hai căn, tự khen thân mình, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm thâm-lan-giá.

Hỏi: “Nếu đối với súc sanh không thể biến hóa, tự khen thân mình, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm đột-kiết-la.

Thưa: “Nữ loài người tưởng là nữ loài người, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm tăng-già-bà-thi-sa.

Thưa: “Nữ loài người mà nghi, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm thâm-lan-giá.

Thưa: “Nữ loài người tưởng nữ phi nhân, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm thâm-lan-giá.

Thưa: “Nữ phi nhân tưởng nữ loài người phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Thân-lan-giá.

Thưa: “Nữ phi nhân, nghi, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Thân-lan-giá.

Thưa: “Bạch Đại đức, nếu khởi ý tưởng là nữ, nhưng đối trước người nam, tự khen ngợi thân mình, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm thân-lan-giá.

Thưa: “Bạch Đại đức, nếu khởi ý tưởng người nữ này, nhưng đối trước người nữ kia, tự khen ngợi thân mình, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Nói rõ ràng, phạm tăng-già-bà-thi-sa. Nói không rõ ràng phạm thân-lan-giá.”

Ấn tín, thư tín, hiện tướng rõ ràng thì phạm tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm thân-lan-giá.

Hỏi: “Bạch Đại đức, nếu đối trước người nam này, khởi ý tưởng là người nam kia, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm đột-kiết-la.

Thưa: “Bạch Đại đức, nếu đối trước thiên nữ, long nữ, a-tu-la-nữ, dạ-xoa nữ, ngã qui nữ, súc sanh cái có thể biến hóa, tự khen ngợi thân mình, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Nói rõ ràng, phạm thân-lan-giá, không rõ ràng thì phạm đột-kiết-la.”

Ấn tín, thư tín, hiện tướng khiến cho biết rõ ràng phạm thân-lan-giá, không rõ ràng, đột-kiết-la.

2. Tỳ-kheo có đàn-việt. Đàn-việt nói với vợ:

“Nếu tỳ-kheo ấy nói cần thứ gì, thì tùy theo đó mình nên cúng dường.”

Người vợ nói: “Được.”

Nói với vợ xong, đàn-việt đến chỗ tỳ-kheo nói:

“Con đã bảo vợ con, tỳ-kheo ấy nếu cần thứ gì thì tùy theo yêu cầu mình nên cúng dường. Đại đức cần gì thì cứ đến lấy.”

Tỳ-kheo nói: “Được.”

Sau đó, vào buổi sáng, tỳ-kheo khoác y, bưng bát, đến nhà kia, an tọa nơi chỗ ngồi. Vợ đàn-việt nói:

“Chồng của con đã bảo con, tỳ-kheo [989a1] cần chi thì tùy theo yêu cầu con nên cúng dường. Vậy nay Đại đức cần gì cứ nói.”

Tỳ-kheo nói: “Cô không thể cúng dường tất cả đâu.”¹

Vợ đàn-việt hỏi: “Đại đức, không thể cúng dường tất cả, là sao?”

Tỳ-kheo im lặng, rồi nghi. Đức Phật dạy:

“Nói không rõ ràng, phạm thâu-lan-giá.”

(Trong đây bốn vế, đồng với bốn vế trong giới nói lời thô ác. Kia nói thô ác, đây nói cúng dường chỉ khác nhau như thế. Cho nên ở đây chỉ nói một vế chứ không nói hết, vì sợ phiền vậy).²

Bấy giờ, có tỳ-kheo đến nhà người nữ kia là đàn-việt, nói:

“Chị, sự việc này là đệ nhất tối thượng, với thân từ, khẩu từ, ý từ mà cúng dường tỳ-kheo trì giới thực hành thiện pháp.”

Vị kia nghi. Đức Phật dạy: Không phạm.

V. MÔI GIỚI

1. Thế Tôn ở thành Xá-vệ. Bấy giờ, Ưu-Ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu đầu gối bên hữu chầm đất, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Đại đức, tỳ-kheo Ca-la làm mai mối, đến người nam khen người nữ, đến người nữ khen người nam, để làm thành việc vợ chồng, hoặc làm thành việc tư thông, phạm hay không?”

Đức Phật dạy:

“Ban đầu chưa chế giới, không phạm.”

¹ Đoạn này cũng được kê trong điều ba trước.

² Đoạn trong ngoặc, phụ chú của bản Hán.

Thưa: “Nhận lời bên này đến nói bên kia, đem lời bên kia trở về nói bên này, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Tăng-già-bà-thi-sa.

Thưa: “Nếu nhận lời bên này đến nói bên kia; nhưng không đem lời bên kia trở lại nói bên này, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Thâu-lan-giá.

Nếu nghe rồi đến bên kia nói, không đem trở lại nói bên này, phạm thâu-lan-giá.

Nếu không nhận lời, nhưng đến bên kia nói, đem lời bên kia trở lại, thâu-lan-giá.

Nếu nhận lời, không đến bên kia nói, không đem lời bên kia trở về, đột-kiết-la.

Nếu nghe, không đến bên kia nói, không đem lời bên kia trở về, đột-kiết-la.

Nếu không nhận lời, đến bên kia nói, không đem lời bên kia trở về, đột-kiết-la.

2. Tỳ-kheo có nhà đàn-việt. Vợ đàn-việt qua đời chưa bao lâu, tỳ-kheo đến thăm. Đàn-việt có hai đứa con. Tỳ-kheo nói:

“Sao ông không lấy người vợ khác?”

Đàn-việt nói: “Sợ hai con phải bị khổ. Nếu được cô đồng nữ kia đồng ý thì tôi sẽ lấy.”

Tỳ-kheo liền đến chỗ cô gái nói:

“Tôi nghe cư sĩ kia nói, nếu được cô gái kia đồng ý, thì sẽ lấy làm vợ.”

Đồng nữ nói: “Ông ấy chịu tôi làm vợ, tôi cũng chịu ông ấy làm chồng.”

Tỳ-kheo liền trở lại chỗ đàn-việt nói:

“Tôi nghe người nữ kia nói, ông ấy cần tôi làm vợ thì tôi cũng cần ông ấy làm chồng.”

Tỳ-kheo không đem lời ấy nói trở lại, rồi nghi. Đức Phật dạy:

“Nếu nghe mà đến người kia nói, không đem lời bên kia trở lại, phạm *thâu-lan-giá*.”

Người nữ *ma-hương*¹ cũng như vậy.

3. Có cư sĩ đến [989b] trong Tăng-già-lam nói với các tỳ-kheo rằng: “Đại đức vì tôi nói giùm.”

Các tỳ-kheo hỏi: “Cư sĩ muốn nói gì?”

Cư sĩ nói: “Nói với cư sĩ ấy giùm tôi, gả con gái làm vợ tôi.”

Tỳ-kheo nói với cư sĩ: “Chúng tôi sẽ nói giùm cho ông.”

Các tỳ-kheo liền sai một tỳ-kheo bằng pháp bạch nhị yết-ma, khiến đến chỗ cư sĩ kia nói với cư sĩ:

“Tôi truyền đạt lời chúng Tăng muốn nói với ông.”

Người kia nói: “Thưa Đại đức, Tăng cần dạy tôi điều gì?”

Tỳ-kheo nói:

“Chúng Tăng nói, ông nên gả con gái của ông làm vợ cư sĩ kia.”

Người kia nói: “Thưa Đại đức, tôi xin vâng lời Tăng dạy.”

Tỳ-kheo kia trở về trong Tăng-già-lam bạch Tăng. Tăng liền báo cho cư sĩ kia biết. Tỳ-kheo nghi, đức Phật dạy:

“Tất cả phạm *tăng-già-bà-thi-sa*.”

Có đàn-việt đến trong Tăng-già-lam nói với các tỳ-kheo:

“Đại đức Tăng nói giùm tôi.”

Tỳ-kheo hỏi cư sĩ:

“Muốn nói điều gì?”

Đàn-việt nói: “Nói với cư sĩ kia cho con gái của ông làm vợ tôi.”

Tỳ-kheo nói: “Tôi sẽ nói giùm cho.”

¹ Ma-hương nữ nhân, xem cht. 45 trước.

Các tỳ-kheo liền sai một tỳ-kheo bằng pháp bạch nhị yết-ma, khiến đến cư sĩ kia nói:

“Này cư sĩ, tôi chuyển lời của chúng Tăng đến ông.”

Cư sĩ kia nói: “Đại đức Tăng cần dạy tôi điều gì?”

Tỳ-kheo nói: “Chúng Tăng nói ông cho con gái của ông làm vợ cư sĩ kia.”

Người kia nói: “Thưa Đại đức, tôi sẽ vâng lời dạy của Tăng.”

Tỳ-kheo sứ giả kia nghĩ: Nay ta, nếu trở về bạch chúng Tăng thì ân ấy không thuộc về ta. Tỳ-kheo ấy liền tự đến báo với cư sĩ kia, rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Chúng Tăng phạm thâm-lan-giá. Tỳ-kheo sứ giả phạm tăng-già-bà-thi-sa.”

Có đàn-việt đến chỗ tỳ-kheo thường cúng dường nói:

“Thầy nói với cư sĩ ấy giùm tôi, cho con gái ông làm vợ tôi.”

Tỳ-kheo nói với cư sĩ: “Tôi sẽ nói cho ông.”

Tỳ-kheo liền đến chỗ cư sĩ kia nói:

“Ông nên cho con gái ông làm vợ cư sĩ kia.”

Cư sĩ kia nói: “Con gái của tôi đã hứa cho người khác rồi.”

Hoặc nói người khác đã chuẩn bị dẫn đi, hoặc nói chết, hoặc nói giặc cướp đi, hoặc nói không. Tỳ-kheo trở lại chỗ cư sĩ nói như vậy, tất cả đều phạm thâm-lan-giá.

Có đàn-việt nói với tỳ-kheo thường cúng dường rằng: “Thầy đến nói với cư sĩ kia giùm tôi, hãy cho con gái của cư sĩ ấy, làm vợ tôi.”

Tỳ-kheo nói: “Tôi sẽ nói cho ông.”

Tỳ-kheo liền đến chỗ cư sĩ kia nói:

“Ông nên cho con gái làm vợ cư sĩ kia.”

Cư sĩ nói: “Con gái của tôi [989c] bị bệnh hủi.”

Hoặc nói bệnh ung thư, hoặc nói bệnh hủi trắng, hoặc nói bệnh can tiêu, hoặc nói bị cuồng, hoặc nói bị bệnh trĩ, hoặc nói bị bệnh ra

máu, hoặc nói bị bệnh thường nóng dưới chân. Tỳ-kheo trở lại chỗ cư sĩ nói như vậy, rồi nghỉ, đức Phật dạy:

“Tất cả đều phạm tăng-già-bà-thi-sa.”

4. Có cư sĩ cãi nhau với vợ, đuổi vợ đi. Vợ đến chỗ tỳ-kheo thường cúng dường nói:

“Thưa Đại đức, chồng con với con cãi nhau, rồi đuổi con đi. Nay con muốn sám hối.”

Tỳ-kheo liền vì sự hòa hợp, khiến cho người vợ sám hối; rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Vì sự sám hối nên không phạm.”

Có người vợ cãi nhau với chồng rồi bỏ đi, đến chỗ tỳ-kheo thường cúng dường nói:

“Tôi cãi nhau với chồng rồi bỏ đi, nay muốn sám hối.”

Tỳ-kheo liền vì sự hòa hợp đến khiến sám hối, rồi nghỉ. Đức Phật dạy: “Vì sự sám hối nên không phạm.”

Có người vợ cãi lộn với chồng, nói:

“Nếu ông không cần tôi làm vợ thì cứ nói không cần.”

Người chồng nói: “Tôi không cần bà làm vợ.” Rồi đuổi vợ đi.

Người vợ đến chỗ tỳ-kheo thường cúng dường nói:

“Tôi cãi nhau với chồng. Tôi nói với chồng tôi rằng: Nếu không cần tôi làm vợ thì cứ nói không cần, người chồng nói không cần và đuổi tôi đi. Nay tôi muốn sám hối.”

Tỳ-kheo liền vì sự hòa hợp, khiến sám hối, rồi nghỉ. Đức Phật dạy:

“Vì sự sám hối nên không phạm.”

Có cư sĩ lấy dâm nữ làm vợ. Người khách trước thường lui tới cô, nay gặp lại, nói: “Tôi muốn cùng cô làm việc như vậy như vậy. Nhưng những người khác nói bây giờ cô không làm như vậy nữa, mà làm vợ của cư sĩ kia rồi.”

Người đó cưỡng bức hành dâm. Người chồng biết liền đuổi đi. Cô đến chỗ tỳ-kheo thường cúng dường nói:

“Thưa Đại đức, tôi là vợ của cư sĩ kia xưa nay chưa từng phạm đến người đàn ông nào khác. Chỉ có gã giặc cướp này cưỡng bức phạm đến tôi. Nay tôi muốn sám hối chồng tôi.”

Tỳ-kheo liền vì sự hòa hợp, khiến sám hối, rồi nghi. Đức Phật dạy: “Không phạm.”

5. Có cư sĩ cung cấp mọi nhu cầu cho một dâm nữ, rồi đến vị tỳ-kheo thường cúng dường, nói:

“Nói với dâm nữ ấy giùm tôi, đợi tôi tại chỗ đó.”

Tỳ-kheo nhận lời rồi đến chỗ dâm nữ nói:

“Cư sĩ kia nói với cô, chờ ông ta tại chỗ đó.”

Tỳ-kheo nói rồi nghi. Đức Phật dạy: “Trước vì hòa hợp, không phạm. Ở đây, như làm sứ giả cho bạch y, phạm đột-kiết-la.”

6. Có cư sĩ giám hộ [990a1] cô gái kia, rồi không rước về làm vợ, cũng không cho người khác cưới. Cô kia nói với tỳ-kheo thường cúng dường rằng:

“Thưa Đại đức, vì tôi nói với cư sĩ kia rằng, cha mẹ tôi muốn đoạt¹ tôi lại để gả cho người khác. Nếu ông ấy không rước tôi thì buông tôi ra².” Tỳ-kheo nhận lời, đến chỗ cư sĩ nói:

“Cô gái kia nói, cha mẹ cô muốn đoạt cô lại để gả cho người khác. Ông nên rước cô ấy về, bằng không buông cô ta ra.”

Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy:

“(Hai bên) đã có lời giao ước trước rồi,³ thì không phạm. Nhưng nếu làm sứ giả cho bạch y, mắc tội đột-kiết-la.”

¹ Theo phong tục, đã trao tín vật hứa hôn, cô gái không thuộc quyền cha mẹ, mà thuộc quyền giám hộ của người đã trao tín vật. Vì vậy, nói là đoạt, tức cha mẹ cướp con gái lại. Xem *Pháp uẩn 1* (tr. 456), quyền giám hộ, và quyền cướp đoạt đối với người nữ.

² Trả quyền giám hộ lại cho cha mẹ cô.

³ Vì cô gái đã hứa hôn rồi.

Có cư sĩ giám hộ cô gái, rồi không rước về làm vợ, cũng không cho người khác cưới. Cha mẹ của đồng nữ nói:

“Không biết nhờ ai nói với cư sĩ kia, hãy rước con gái này đi, hoặc để cho người khác cưới.”

Tỳ-kheo mà gia đình kia thường cúng dường đang mắc bệnh cuồng, liền nói:

“Tôi sẽ làm điều đó cho.”

Tỳ-kheo liền đến chỗ cư sĩ kia, nắm đầu cư sĩ nói:

“Ông phải rước cô gái kia về; bằng không, phải buông người ta ra.”

Sau đó, tỳ-kheo hết cuồng, nghi. Đức Phật dạy:

“Điên cuồng tâm loạn, thống não bức bách, tất cả đều không phạm.”

VI. VÔ CĂN BA-LA-ĐI¹

1. Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chầm đất, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Đại đức, Đạp-bà-ma-la Tử thanh tịnh mà tỳ-kheo Từ Địa dùng vô căn hủy báng, như vậy phạm hay không?”

Đức Phật dạy: “Ban đầu chưa chế giới, không phạm.”

Thưa: “Bạch Đại đức, nếu dùng vô căn pháp hủy báng tỳ-kheo thanh tịnh, phạm hay không?”

Đức Phật dạy: Phạm tăng-già-bà-thi-sa.

2. Có tỳ-kheo cùng người nữ ngồi dưới gốc cây. Tỳ-kheo khác nói:

“Thầy phạm dâm với người nữ.”

Vị kia trả lời: “Tôi không phạm. Tôi chỉ cùng ngồi dưới gốc cây thôi.”

¹ Các điều 6 & 7. được lướt qua.

Vị hủy báng kia nghi. Đức Phật dạy:

“Vì lời nói chân thật, chứ không cố ý hủy báng thì không phạm.”

3. Có tỳ-kheo về nhà cộng thông cùng vợ cũ. Có tỳ-kheo nọ tướng mạo giống như tỳ-kheo này, nên các tỳ-kheo khác nói với tỳ-kheo giống rằng: “Người phạm vợ cũ.”

Vị đó nói: “Tôi không phạm, vị kia phạm. Tỳ-kheo kia giống tôi.”

Vị ấy nghi. Đức Phật dạy: “Vì lời nói thật, chứ không vì hủy báng, không phạm.”

4. Có dâm nữ là đàn-việt của tỳ-kheo nọ. Tỳ-kheo khác nói:

“Người phạm dâm nữ.”

Vị kia nói: “Người ấy là đàn-việt của tôi. Tôi không phạm dâm với người ấy.”

Vị hủy báng nghi. Đức Phật dạy: “Vì thật ngữ, chứ không vì hủy báng thì không phạm.”

Nếu đối với vợ, đồng nữ, huynh môn, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di-ni cũng như vậy.

5. Có tỳ-kheo **[990b]** ôm sa-di nhỏ, vuốt ve và hôn. Tỳ-kheo khác nói: “Người phạm với sa-di.”

Vị kia nói: “Tôi không phạm. Chỉ vuốt ve và hôn thôi.”

Vị kia nghi, đức Phật nói:

“Vì thật ngữ chứ không vì hủy báng, không phạm.”

6. Có tỳ-kheo lấy dây lưng của tỳ-kheo khác. Vị kia nói:

“Người lấy trộm dây lưng của tôi.”

Vị kia nói: “Tôi không lấy trộm, tôi lấy với ý thân tình.”

Vị kia nghi. Đức Phật dạy:

“Vì thật ngữ chứ không vì hủy báng nên không phạm.”

7. Có tỳ-kheo dùng vô căn tăng-già-bà-thi-sa hủy báng người khác, rồi nghi, đức Phật dạy: “Phạm ba-dật-đề.”

CHƯƠNG VI

TỠ-NI TẶNG NHẶT¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại tinh xá Kỳ-hoàn, trong vườn của Cấp Cô Độc Thực, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

“Các người nên lắng nghe, khéo suy nghĩ! Nếu tỳ-kheo nào dùng văn cú tương tự² để ngăn trở Pháp và Tỳ-ni, thì tỳ-kheo này sẽ khiến cho nhiều người không được lợi ích, tạo ra các nghiệp khổ, để tiêu diệt chánh pháp. Tỳ-kheo nào tùy thuận văn cú, không trái Pháp và Tỳ-ni, thì tỳ-kheo này làm lợi ích nhiều người, không khiến tạo ra các khổ nghiệp, và chánh pháp được tồn tại lâu dài.

“Này các tỳ-kheo, các người cần phải tùy thuận văn cú, đừng thêm bớt trái với Pháp và Tỳ-ni. Hãy học tập như vậy.”

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín lạc và thọ trì.

Đức Phật dạy :

“Nếu tỳ-kheo nào, phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, thì tỳ-kheo này sẽ khiến nhiều người không được lợi ích, chỉ tạo ra các nghiệp khổ để tiêu diệt chánh pháp thôi. Tỳ-kheo nào, phi pháp nói là phi pháp, pháp nói là pháp, thì tỳ-kheo này sẽ lợi ích nhiều người,

¹ Tham chiếu Pāli, Luật tạng, *Parivāra* (Phụ tùy): Ekuttarikanaya (Tặng nhất pháp), Vin.v. 113ff. *Thập tụng luật 48* (tr.346att).

² Tham chiếu *Thập tụng 48* (tr.353a8): “Có tỳ-kheo, nhiều tri thức, có thể lược; những gì được nói mọi người đều tin dùng. Tỳ-kheo ấy ở trong pháp tỳ-ni mà Như Lai hiển hiện phát sinh tư tưởng lệch lạc; ở trong văn tự mà chế tác văn cú tương tự, làm ngăn che pháp, che lấp pháp, không tùy thuận pháp, nói điều không trọn nghĩa. Tỳ-kheo đó là người biên bĩ, hạ tiện, không ích gì cho đời, không có sở hành của nam tử.”

tạo ra các thiện nghiệp, khiến chánh pháp tồn tại lâu dài. Vậy, các Thầy nên tùy theo lời dạy này: phi pháp nên nói là phi pháp, pháp nói là pháp. Hãy học tập như vậy.”

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín lạc và thọ trì.

Bấy giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Nếu tỳ-kheo nào, phi tỳ-ni nói là tỳ-ni, tỳ-ni nói là phi tỳ-ni, thì sẽ khiến nhiều người không được lợi ích, và chỉ làm các nghiệp khổ để diệt chánh pháp. Tỳ-kheo nào, phi tỳ-ni nói là phi tỳ-ni, tỳ-ni nói là tỳ-ni, thì sẽ lợi ích được nhiều người, không tạo ra các khổ nghiệp, khiến chánh pháp tồn tại lâu dài.

“Vậy, các người nên tùy theo lời dạy này: phi tỳ-ni nói là phi tỳ-ni, tỳ-ni nói là tỳ-ni. Hãy [990c] học như vậy.”

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín lạc và thọ trì.

Đức Phật bảo các tỳ-kheo tiếp:

“Nếu tỳ-kheo nào, phi chế lại chế, đã chế lại đoạn, thì những việc làm như vậy dần dần khiến cho giới bị hủy hoại,¹ khiến nhiều người không được lợi ích, tạo ra các nghiệp khổ, khiến diệt chánh pháp. Nếu tỳ-kheo nào, phi chế không chế, đã chế không đoạn, thì như vậy lần lần khiến cho giới thành tựu, lợi ích nhiều người, không tạo ra các nghiệp khổ, khiến chánh pháp tồn tại lâu dài. Vậy, các người phi chế không được chế, đã chế không được đoạn, nên tùy theo giới luật đã chế mà học.”

Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín lạc và thọ trì.

Bấy giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Nhu Lai ra đời, vì thấy những lỗi lầm, nên bằng một nghĩa mà vì các Thanh văn kiết giới, nhiếp

¹ *Thập tụng 48* (tr.353a5): “Nhu Lai xuất thế, hiện pháp tỳ-ni không thuyết một lúc mà được thuyết dần dần. Nhu Lai xuất thế, hiện pháp tỳ-ni không bị phá một lần, mà bị phá dần.”

thủ Tăng. Do một nghĩa này nên Như Lai vì các Thanh văn mà kiết giới.”

Phật nói như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì. Cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi đoạn đều nói như vậy.

Đức Phật bảo các tỳ-kheo tiếp: “Như Lai ra đời, bằng một nghĩa, vì các tỳ-kheo chế yết-ma ha trách, nhiếp thủ Tăng. Do một nghĩa này nên Như Lai ra đời, vì các tỳ-kheo chế yết-ma ha trách.”

Phật nói như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì. Cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi đoạn đều nói như vậy.

Cũng vậy, yết-ma tấn, yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, yết-ma tác bất kiến tội cử, yết-ma không sám hối, yết-ma không bỏ ác kiến. Kiểm xét pháp luật chế định, chế thọ y chỉ, chế phạm phạt, chế cử tội, chế ức niệm, chế cầu thỉnh, chế tự ngôn, chế ngăn a-nậu-bà-đà,¹ chế ngăn thuyết giới, chế ngăn tự tứ, chế giới, chế thuyết giới, chế bố-tát, chế yết-ma bố-tát, chế tự tứ, chế yết-ma tự tứ, chế bạch, bạch yết-ma, chế bạch nhị yết-ma, chế bạch tứ yết-ma, chế phú tàng, cho bản nhật trị, cho ma-na-đỏa, cho xuất tội, chế bốn ba-la-di, chế mười ba tăng-già-bà-thi-sa, hai bất định, ba mươi ni-tát-kỳ, chín mươi ba-dật-đề, bốn ba-la-đề đề-xá-ni, thức-xoa-ca-la-ni, bảy diệt tránh.”

Mỗi một đoạn đều như yết-ma quở trách.

I. MỘT PHÁP

[991a] Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

1. Nói một lời liền thành xả giới. Nói như vậy: “Tôi xả Phật.” Nói một lời như vậy, liền thành xả giới.”

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin lạc thọ trì.

¹ A-nậu-bà-đà 阿菟婆陀. Pāli: *anuvāda*, phi nạn, buộc tội. Trong bốn tránh sự, Hán dịch là giáo giới (tránh sự), Pāli: *anuvādādhikaraṇa*.

2. Nói, “Tôi xả Pháp,” “Tôi xả Tăng,” “Tôi xả Hòa thượng,” “Tôi xả đồng Hòa thượng, xả A-xà-lê, xả đồng A-xà-lê, xả các tỳ-kheo tịnh hạnh, xả giới, xả Tỳ-ni, xả học sự; tôi là bạch y; hãy nhớ cho tôi là người giữ vườn; hãy nhớ cho tôi là tru-bà-tắc; hãy nhớ cho tôi là sa-di; hãy nhớ cho tôi là ngoại đạo, là đệ tử ngoại đạo; hãy nhớ cho tôi chẳng phải là Sa-môn Thích tử¹.”

Mỗi mỗi trường hợp cũng đều như trên.

II. HAI PHÁP

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

1. Có hai loại phạm: một là khinh; hai là trọng.² Đó là hai loại phạm.

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín lạc thọ trì.

2. Lại có hai sự: một là khinh mà hữu dư,³ hai là khinh mà được tác yết-ma.

3. Lại có hai sự: ba-la-di, tăng-già bà-thi-sa.

4. Lại có hai sự: ba-la-di, thân-lan-giá.

5. Lại có hai sự: ba-la-di, ba-dật-đề.

6. Lại có hai sự: ba-la-di, ba-la-đề-đề-xá-ni.

7. Lại có hai sự: ba-la-di, đột-kiết-la.

¹ Nguyên Hán: Sa-môn Thích tử pháp; dư chữ pháp. Tham chiếu *Thập tụng* 48 (T23n1435, tr.352c03).

² Pāli, Vin. v. 115, liệt kê khinh tội (*lahukā āpatti*), trọng tội (*garukā āpatti*) vào mục một pháp (*ekakavāro*). Số giải: Khinh tội, tội thuộc 5 thiên được thanh tịnh bằng xử trị nhẹ. Trọng tội, là tăng-già-bà-thi-sa được thanh tịnh bằng xử trị nặng. *Thập tụng* liệt cặp khinh-trọng vào mục hai pháp.

³ Pāli: *sāvasesā āpatti*, hữu dư tội; Số giải (Vin. vii. 1319): trừ các ba-la-di ra, còn lại là tội hữu dư. Tội này cũng được liệt trong pháp một. Bản Hán nói, hữu dư khinh tội, trừ tăng-già-bà-thi-sa, chỉ các tội còn lại.

8. Lại có hai sự: ba-la-di, ác thuyết.

9. Tăng-già bà-thi-sa, cho đến ác thuyết cũng như vậy.¹ Thâu-lan-giá, cho đến ác thuyết cũng như vậy. Ba-dật-đề, cho đến ác thuyết cũng như vậy.

Ba-la-đề đề-xá-ni, cho đến ác thuyết cũng như vậy. Đột-kiết-la, ác thuyết cũng như vậy.

Đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

10. Có hai sự thấy mà người xuất gia không nên hành: phi pháp thấy là pháp, pháp thấy là phi pháp.²

11. Lại có hai sự thấy: tỳ-ni nói là phi tỳ-ni, phi tỳ-ni nói là tỳ-ni.

12. Lại có hai kiến giải: phi phạm thấy là phạm, phạm thấy là phi phạm.³

13. Lại có hai sự thấy: khinh thấy là trọng, trọng thấy là khinh.

14. Lại có hai sự thấy: hữu dư thấy là vô dư, vô dư thấy là hữu dư.⁴

15. Lại có hai sự thấy: thô ác thấy là phi thô ác, phi thô ác thấy là thô ác.⁵

16. Lại có hai sự thấy: cữ pháp⁶ thấy là phi cữ pháp, phi cữ pháp thấy là cữ pháp.

¹ Mỗi hạng mục gồm hai sự, cú pháp như mẫu trên.

² *Thập tụng*, có hai sự thấy phi pháp, và có hai sự thấy (như) pháp.

³ Pāli: *āpatti* (tội) và *anāpatti* (phi/vô tội).

⁴ *Thập tụng*, hai loại phạm: hữu tàn và vô tàn. Pāli: *sāvasesā, anavasesā*. Số giải: trừ ba-la-di, còn lại là hữu dư (tàn). Vô dư (tàn) là ba-la-di.

⁵ Thô ác và phi thô ác, Pāli: *duṭṭhulla, aduṭṭhulla*, cùng với ác cặp kê trên trong Pāli được tách thành pháp riêng và liệt kê vào mục một pháp. Số giải: *duṭṭhullā*, thô ác tội, gồm hai tụ (ba-la-di và tăng-già-bà-thi-sa); *aduṭṭhullā*, phi thô ác, là các tội dư tàn (ba-dật-đề các thứ).

⁶ Cữ pháp, có lẽ Pāli: *pubbāpatti*, tiền tội; Số giải: tội tối sơ vi phạm (*paṭhamam āpannāpatti*), trái với *aparāpatti*, hậu tội, tội vi phạm sau khi hành biệt trụ (*pārivāsikādīhi pacchā āpannāpatti*).

17. Lại có hai sự thấy: chế thấy là phi chế, phi chế thấy là chế.¹
18. Lại có hai sự thấy: thuyết thấy là phi thuyết, phi thuyết thấy là thuyết.²
19. Lại có hai sự thấy: rượu thấy là chẳng phải rượu, chẳng phải rượu thấy là rượu.
20. Lại có hai sự thấy: ẩm thấy phi ẩm, phi ẩm thấy là ẩm.³
- [991b]** 21. Lại có hai sự thấy: thực thấy phi thực, phi thực thấy là thực.⁴
22. Lại có hai sự thấy: thời thấy phi thời, phi thời thấy là thời.¹

¹ Chế 制, hay quy định. Pāli: *paññatti*. Pāli liệt kê: *paññatti*, chế; *anupaññatti*: tùy chế; *anuppannapaññatti*: bất tùy phạm chế (quy định không căn cứ theo vi phạm đã xảy ra); *sabbatthapaññatti*: biến xứ chế (quy định cho tất cả mọi trường hợp), *padesapaññatti*: nhất phần chế (quy định có giới hạn); *sādhāraṇapaññatti*, cộng thông chế (quy định chung cho cả hai bộ); *asādhāraṇapaññatti*: bất cộng thông chế (quy định riêng cho mỗi bộ); *ekatopaññatti*: nhất bộ chế; *ubhatopaññatti*: lưỡng bộ chế.

² Thuyết và phi thuyết; Pāli: *desanā* và *adesanā*. Trong Kinh, khi nói “thuyết”, chỉ cho những điều được Phật thuyết (dhamma-desanā). Trong Luật, nói “thuyết” chỉ sự thuyết tội, tức sám hối tội. Pāli: *desanāgāminī-āpatti*, tội cần được thuyết, chỉ các tội nhẹ, trừ ba-la-di và tăng-già-bà-thi-sa.

³ Ẩm, hay ẩm liệu, Pāli: *pāna*, chỉ các thứ được quy định dùng như là thức uống. Phật quy định tám thứ nước trái cây được dùng như ẩm liệu. Xem Phần III, chương VII “Thuốc” mục 5: “Nay có tám thứ nước mà xưa kia Tiên nhân vô dục thường uống. Đó là: nước lê, nước diêm-phù, nước táo chua, nước mía, nước quả thị, nước xá-lâu-già, nước bà-lâu-su và nước nho.” Pāli (Vin.i. 246): *ambapāna*, nước quả xoài; *jambupāna*, nước quả hồng đào; *cocapāna*, nước dứa; *mocapāna*, nước chuối; *madhūkapāna*, mật; *muddikapāna*, nước nho; *sālūkapāna*, nước ngô sen; *phārusa-kapāna*, không rõ.

⁴ Thực 食, gồm năm loại thực phẩm chính gọi là chánh thực: phạn, khúu, can phạn, ngư, nhục 飯糗乾飯魚及肉. Pāli: *odana* (cơm chín), *kummāsa* (bánh bột, hay cháo chua), *sattu* (bánh khô), *maccha* (cá), *maṃsa* (thịt). Cf. *Cān bān* (tr.821b24), 5 loại thực phẩm bồ-thiền-ni 蒲繕尼食: cơm, đậu mạch, lương khô, thịt, bánh 飯麥豆飯糗肉餅.

23. Lại có hai sự thấy: tịnh thấy không tịnh, không tịnh thấy là tịnh.²
24. Lại có hai sự thấy: trọng thấy phi trọng, phi trọng thấy là trọng.
25. Lại có hai kiến giải: nạn thấy phi nạn, phi nạn thấy là nạn.³
26. Lại có hai sự thấy: không có trùng thấy là có trùng, có trùng thấy là không trùng.
27. Lại có hai sự thấy: phá thấy là không phá, không phá thấy là phá.⁴
28. Lại có hai sự thấy: chủng thấy là phi chủng, phi chủng thấy là chủng.⁵
29. Lại có hai sự thấy: nghĩa đã giải¹ thấy là nghĩa chưa giải, nghĩa chưa giải thấy là nghĩa đã giải.

¹ Thời, ngôn ngữ của Luật, chỉ thời gian cho phép sử dụng. Thời y (Pāli: *kāla-cīvara*), y mà tỳ-kheo nhận được trong tháng hậu ca-đề, hay trong thời gian y ca-thi-na chưa xả. Thời thực, thời gian được phép ăn các loại chánh thực từ mặt trời mọc, cho đến giữa trưa. Thời dục, chỉ các loại chánh thực được dùng như thuốc. Trái lại là các thứ phi thời. Mỗi thứ được dùng theo quy định riêng. Phi thời hành, tỳ-kheo vào xóm từ sau giữa trưa cho đến sáng hôm sau.

² Tịnh 淨, theo nghĩa kinh, là sự thanh tịnh; Pāli: *suddhi* hay *visuddhi*. Tịnh dùng trong nghĩa Luật, chỉ sự hay vật được dùng đúng cách. Pāli: có hai hạng người như *kappa*.

³ Nạn, chỉ các tai họa bất ngờ. Tám nạn sự được phép thuyết giới tóm lược: vua, giặc cướp, lửa, nước, bệnh, nhân, phi nhân, ác trùng. Ngoài ra, các trường hợp khác còn thêm mạng nạn và phạm hạnh nạn. Pāli: *rājantarāyo* (vương nạn), *corantarāyo* (tặc nạn), *agyantarāyo* (nạn lửa), *udakantarāyo* (nạn nước), *manuss-antarāyo* (nạn loài người), *amanussantarāyo* (nạn loài phi nhân), *vāḷantarāyo* (nạn mãnh thú), *sarīsapantarāyo* (nạn rắn độc), *jīvantarāyo* (nguy hiểm sinh mạng), *brahmacariyantarāyo* (nguy hiểm phạm hạnh).

⁴ Phá. Có hai nghĩa: vỡ đôi, chỉ sự phá Tăng (Pāli: *saṅghabheda*); và huỷ hoại, chỉ phá giới (*sīlavipatti*), phá kiến (*dīṭṭhivipatti*), phá oai nghi (Pāli: *ācāravipatti*) và phá chánh mạng (Pāli: *ājīvavipatti*.)

⁵ Chủng 種. Chưa rõ dùng theo nghĩa nào.

30. Lại có hai sự thấy: khả thân thấy phi thân, phi thân thấy là khả thân.²
31. Lại có hai sự thấy: sợ thấy là không sợ, không sợ thấy là sợ.³
32. Lại có hai sự thấy: đạo thấy là phi đạo, phi đạo thấy là đạo.⁴
33. Lại có hai sự thấy: khả hành thấy phi hành, phi hành thấy là khả hành.
34. Lại có hai sự thấy: xuất ly thấy không xuất ly, không xuất ly thấy là xuất ly.
35. Lại có hai sự thấy: khí (vật bỏ) thấy là không khí, không khí thấy là khí.⁵
36. Lại có hai sự thấy: thấy thế gian thường, thấy thế gian vô thường.
37. Lại có hai sự thấy: thấy thế giới có biên tế, thấy thế giới không biên tế.
38. Lại có hai sự thấy: thân tức là mạng, thân khác mạng khác.
39. Lại có hai sự thấy: Như Lai có diệt độ, Như Lai không diệt độ.⁶
40. Lại có hai sự thấy: Như Lai vừa có vừa không diệt độ, Như Lai chẳng phải có chẳng phải không diệt độ.¹

¹ Dĩ giải nghĩa 已解義, hay nói liễu nghĩa, chỉ điều đã được thuyết minh ý nghĩa rất rõ. Pāli: *nūtattha*.

² Thân 親, khả thân 可親, chỉ những chỗ đáng thân cận, không đáng thân cận.

³ Bối 怖; sợ hãi, chỉ những chỗ mất an ninh, thường có bọn cướp ẩn núp. Tỳ-kheo không được lai vãng chỗ đó. Pāli: *bhaya*, hay *sappaṭibhaya*.

⁴ Đạo 道 (Pāli: *magga*), theo nghĩa Kinh, chỉ chánh đạo, con đường tu tập. Phi đạo 非道 (Pāli: *amagga*) chỉ tà đạo. Trong Luật, đạo, chỉ hai đường đại và tiểu tiện (Pāli: *passāvamagga*, tiểu tiện đạo; *vaccamagga*, đại tiện đạo). Phi đạo, những chỗ khác.

⁵ *Thập tụng*, có hai loại khí (xả): khí (xả) do tự mình làm; khí (xả) do Tăng hoà hiệp như pháp tác pháp. Tức một loại không cần Tăng yết-ma, và một loại do Tăng yết-ma.

⁶ Pāli: *hoti tathāgato param maraṇaṃ*, Như Lai tồn tại sau khi chết?

Trong Phật pháp có hai sự thấy như vậy, người xuất gia không được hành, nếu hành thì sẽ như pháp trị.

Phật nói như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín lạc và thọ trì. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

41. Có hai loại tỳ-ni: hữu phạm tỳ-ni,² hữu tránh tỳ-ni.³

42. Lại có hai loại tỳ-ni: phạm tỳ-ni, kết sử tỳ-ni.⁴

43. Lại có hai loại tỳ-ni: tỳ-kheo tỳ-ni, tỳ-kheo-ni tỳ-ni.

44. Lại có hai loại tỳ-ni: phương tỳ-ni, biến tỳ-ni.⁵

Đây là hai loại tỳ-ni.

Phật nói như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín lạc và thọ trì. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

45. Có hai hạng người sống không an lạc: một là ưa sân, hai là ôm lòng oán.⁶

¹ Từ hai pháp: thế gian thường và vô thường, nêu 14 vấn đề không được Phật trả lời, gọi là 14 vô ký vấn. Xem *Trung A-hàm 60* (kinh 221. Tiền dụ, tr.84a21), Pāli, M. 63. Cūla-Māluṅkya).

² So sánh Pāli: *sāvajjapaññatti*, hữu tội (=phạm chế). Sớ giải: *sāvajjapaññattī lokavajjā*, hữu tội chế, chỉ các tội (quy định) theo thế gian. Tức những điều luật Phật chế tùy theo quan điểm đạo đức của thế gian.

³ Hữu tránh tỳ-ni, chỉ những điều luật được quy định do các tranh chấp khởi lên giữa các tỳ-kheo.

⁴ Tham chiếu *Thập tụng*: tham dục tỳ-ni, sự điều phục tham dục; sân nhuế tỳ-ni, sự điều phục sân nhuế.

⁵ Phương tỳ-ni 方毘尼, chỉ địa phương tức bộ phận; đây chỉ sự điều phục một phần. Biến tỳ-ni 遍毘尼, điều phục phổ biến hay toàn diện. So sánh Pāli dẫn trên: *paḍesapaññatti*, nhất phần chế, và *sabbatthapaññatti*: biến xứ chế. *Thập tụng*: biến tỳ-ni và bất biến tỳ-ni.

⁶ Sân và bất hỷ (bất mãn) là hai yếu tố thường khiến tỳ-kheo phạm tội. Xem tăng-già-bà-thi-sa 8 & 9, của tỳ-kheo, và các ba-dật-đề của tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni. Pāli: *doso appatīto*.

46. Lại có hai pháp: một là cấp tánh, hai là khó xả.
 47. Lại có hai pháp: một là xan, hai là tật đố.
 48. Lại có hai pháp: một là khi trá, hai là siểm khúc.
 49. Lại có hai pháp: một là tự cao, hai là ưa tranh cãi.
 50. Lại có hai pháp: một là ưa trang sức, hai là phóng dật.
 51. Lại có hai pháp: một là mạn, hai là tăng thượng mạn.
 52. Lại [991c] có hai pháp: một là tham, hai là nhuế.
 53. Lại có hai pháp: một là khen mình, hai là chê người.
 54. Lại có hai pháp: một là tà kiến, hai là biên kiến.
 55. Lại có hai pháp: một là khó dạy, hai là không nhận giáo huấn.¹
 Hai hạng người như vậy sống không an lạc.

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

56. Tỳ-kheo hữu học, tâm chưa đạt đến vô học, thường cầu tu tập tăng tấn thắng pháp, có hai pháp được nhiều lợi ích, khiến đắc điều chưa đắc, nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng.

Hai pháp đó là: khéo (biết) phạm,² khéo hay trừ phạm. Người học như vậy, tâm chưa đạt đến vô học, thường cầu tu tập tăng tấn thắng pháp, có hai pháp được nhiều lợi ích, khiến đắc điều chưa đắc, nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng. Cho nên các người hãy siêng năng tu tập học pháp như vậy. Phật nói như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín lạc và thọ trì.

57. Đức Phật bảo các tỳ-kheo: Có tỳ-kheo tâm chưa đạt đến vô học, thường cầu tu tập tăng tấn thắng pháp, có hai pháp được nhiều lợi ích, khiến đắc điều chưa đắc, nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng.

¹ Xem tỳ-kheo, tăng-già-bà-thi-sa 13: Xiển-nặc “ác tánh bất thọ nhân ngữ,” ngoan cố, khó dạy bảo, không nhận lời chỉ dạy.

² Hán: thiện phạm 善犯. *Thập tụng*: có hai thiện, biết phạm và biết hối lỗi.

Hai pháp đó là: nơi những gì đáng nhàm chán thì sanh nhàm chán; nhàm chán rồi chánh ức niệm đoạn trừ. Người học như vậy tâm chưa đạt đến vô học, thường cầu tu tập tăng tấn thắng pháp, có hai pháp được nhiều lợi ích, khiến đắc điều chưa đắc, nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng. Cho nên các người, đối với cái đáng nhàm chán thì sanh nhàm chán; nhàm chán rồi chánh ức niệm đoạn trừ.

Đức Phật nói kệ:

*Người sáng, tâm nhàm chán ,
Nơi những gì đáng chán.
Vô úy không sợ sệt,
Người hay đoạn, đắc thánh.
Tỳ-kheo chánh niệm đoạn,
Đặng vô thượng chánh đạo.
Không hề có thối chuyển,
Được trụ nơi Niết-bàn.*

Phật nói như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín lạc và thọ trì.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

58. Phá giới đọa trong hai đường: địa ngục và súc sanh; trì giới sanh hai đường: nhân và thiên.

59. Tạo ác nghiệp trong chỗ khuất kín, sanh đọa trong hai đường địa ngục và súc sanh. Tạo thiện nghiệp trong chỗ khuất kín, đặng sanh nơi hai đường thiên và nhân.¹

60. Tà kiến sanh hai đường địa ngục [992a1] và súc sanh. Chánh kiến sanh hai đường thiên và nhân.

61. Thánh đệ tử Phật tôn quý giữa trời người, có hai pháp không được giải thoát: một là phạm giới, hai là không thấy phạm.¹

¹ *Thập tụng*: người vô trí phú tàng có hai quả, địa ngục và nga quý. Người trí không phú tàng có hai quả, người và trời.

62. Có hai pháp tự mình được giải thoát: một là không phạm, hai là thấy phạm.

63. Có hai pháp không được giải thoát: một là phạm mà không thấy tội, hai là thấy phạm mà không như pháp sám hối.

64. Có hai pháp tự mình được giải thoát: một là thấy phạm tội, hai là phạm mà có thể như pháp sám hối.

65. Có hai pháp không được giải thoát: một là thấy tội mà không như pháp sám hối, hai là như pháp sám hối mà người kia không nhận.

66. Có hai pháp tự mình được giải thoát: một là thấy tội mà có thể như pháp sám hối, hai là như pháp sám hối mà người kia có thể như pháp thọ.

67. Trói buộc, không trói buộc cũng như vậy.

68. Có hai thứ thanh tịnh: một là không phạm, hai là sám hối.²

Phật nói như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín ưa và thọ trì.

Đức Phật dạy các tỳ-kheo tiếp:

69. Có hai loại người hủy báng Như Lai: một là không tín lạc lại oán ghét, hai là tín lạc nhưng không hiểu thọ trì.

“Cho nên, nay Ta bảo các người, để cho biết ý nghĩa này: hủy báng Như Lai thì mắc đại trọng tội. Nếu hủy báng tất cả chư thiên và người trong đời, hoặc Ma, Phạm vương, sa-môn, bà-la-môn, tội đó còn nhẹ. Hủy báng Như Lai, tội kia rất nặng.”

Phật nói như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín ưa và thọ trì.

¹ *Thập tụng*: “Phật nói, không tín thọ những điều Ta dạy, phú tạng. Những ai phú tạng, không thể thoát ly sanh lão bệnh tử khổ. Tín thọ những điều Ta dạy, không phú tạng. Những ai không phú tạng, được thoát ly sanh lão bệnh tử khổ.”

² *Thập tụng*: có hai thứ thanh tịnh, giới thanh tịnh và kiến thanh tịnh.

70. Lại có hai loại¹ hủy báng Như Lai: một là phi pháp nói là pháp, hai là pháp nói phi pháp.
71. Có hai loại không hủy báng Như Lai: một là phi pháp nói phi pháp, hai là pháp nói pháp.
72. Có hai loại hủy báng Như Lai: một là phi tỳ-ni nói tỳ-ni, hai là tỳ-ni nói phi tỳ-ni.
73. Có hai loại không hủy báng Như Lai: một là phi tỳ-ni nói là phi tỳ-ni, hai là tỳ-ni nói tỳ-ni.
74. Có hai loại hủy báng Như Lai: một là phi chế nói là chế, hai đã chế mà đoạn.
75. Có hai loại không hủy báng Như Lai: một là phi chế nói phi chế, hai là chế mà không đoạn.
76. Có hai pháp² hủy báng Như Lai: một là phi pháp nói pháp, hai là pháp nói phi pháp.
77. Có hai pháp không hủy báng Như Lai: một là phi pháp nói phi pháp, hai là pháp nói pháp.
78. Cho đến thuyết nói phi thuyết cũng như vậy.
79. Hai xứ, hai sự, hai kiến cũng như vậy.
80. Lại có hai pháp không thọ nhận thiện giáo của Như Lai cũng như vậy.
81. Lại có hai pháp trái nghịch Như Lai cũng như vậy.
82. Lại có hai pháp kiên trì và tranh thuyết cùng Như Lai **[992b]** cũng như vậy.
83. Lại có hai pháp không phụng thờ Như Lai cũng như vậy.
84. Lại có hai pháp không gặp Như Lai cũng như vậy.

¹ Chỉ hai hạng người.

² Ở trước, 2 & 3, chỉ hai hạng người. Đây chỉ hai pháp.

85. Lại có hai pháp thô lỗ, không có từ tâm đối với Như Lai cũng như vậy.

Phật nói như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín lạc và thọ trì.

Bấy giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

86. “Có hai chúng, một là chúng pháp ngữ, hai là chúng phi pháp ngữ.

Thế nào là chúng phi pháp ngữ? Trong chúng không dẫn Pháp Tỳ-ni, không đem lời Phật dạy để nói. Sống với nhau mà không dạy điều nên dạy. Sống với nhau mà không chấm dứt điều nên chấm dứt. Đó gọi là phi pháp ngữ chúng.

Thế nào gọi là chúng pháp ngữ? Trong chúng dùng Pháp Tỳ-ni, nói theo lời Phật dạy, dạy nhau điều nên dạy, chấm dứt điều nên chấm dứt. Đó gọi là pháp ngữ chúng.

Trong hai chúng này, chúng pháp ngữ được Ta khen ngợi là tôn quý.”

Phật nói như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín lạc và thọ trì.

87. Lại có hai chúng, chúng như pháp và chúng không như pháp.

Thế nào là chúng không như pháp? Trong chúng, người phi pháp có thể lực, người như pháp không có thể lực; người phi pháp có bạn bè, người như pháp không có bạn bè. Yết-ma phi pháp, không tác yết-ma như pháp; tác yết-ma phi tỳ-ni, không tác yết-ma như tỳ-ni; phụng hành phi pháp, không hành như pháp. Đó gọi là phi pháp chúng.

Thế nào là chúng như pháp? Trong chúng, người như pháp có thể lực, người phi pháp không có thể lực; người như pháp có bạn bè, người không như pháp không có bạn bè. Tác yết-ma như pháp, không tác yết-ma phi pháp; tác yết-ma như tỳ-ni, không tác yết-ma phi tỳ-ni; phụng hành như pháp, diệt trừ phi pháp. Đó gọi là chúng như pháp.

Trong hai chúng này, chúng như pháp được Ta khen ngợi là tôn quý.

Phật nói như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín lạc và thọ trì.

88. Có hai chúng; chúng bằng nhau, chúng không bằng nhau¹ cũng như vậy.

Bấy giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

89. “Nếu pháp luật của nước, quyền lực của vua yếu thì bọn giặc xí thành. Bấy giờ, pháp vương² ra vào không được an lạc. Các tiểu vương của những nước ven biên cương không thuận theo giáo lệnh. Nhân dân ở trong nước cũng không ra vào an lạc, sanh nghiệp bị phế bỏ, ưu khổ, tổn giảm, không được lợi ích. Cũng vậy, tỳ-kheo phi pháp có thể lực thì tỳ-kheo như pháp không có thể lực. Tỳ-kheo như pháp không được an lạc, hoặc ở trong chúng, hoặc ở chỗ trống vắng, cũng không được nói. Khi ấy yết-ma phi pháp được thực hiện; [992c] yết-ma như pháp không được thực hiện; tác yết-ma phi Tỳ-ni, mà không tác yết-ma như tỳ-ni, phi pháp được hành, mà như pháp không được thi hành. Chúng không cần hành tinh tấn để đắc điều chưa đắc, nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng. Như vậy, khiến cho chư thiên, nhân dân không được lợi ích, thọ khổ lâu dài.”

Phật nói như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín lạc và thọ trì.

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

90. “Nếu pháp luật của nước, quyền lực của vua mạnh thì sức giặc yếu. Hoặc tất cả đều đến quy phục, hoặc chúng chạy trốn. Bấy giờ, vị pháp vương ra vào an lạc, không có buồn lo. Tiểu vương các

¹ Đẳng chúng và bất đẳng chúng.

² Pháp vương, chỉ vị vua cai trị bằng luật pháp, đạo đức, không dùng vũ lực trấn áp.

nước ven biên thuận tùng giáo lệnh. Nhân dân trong nước cũng được an lạc, sinh nghiệp tự do, không có các ưu khổ, được nhiều lợi ích, không có tổn giảm. Cũng vậy, tỳ-kheo như pháp đặng thế lực, tỳ-kheo phi pháp không thế lực. Tỳ-kheo phi pháp đến chỗ tỳ-kheo như pháp phải tùy thuận theo giáo lệnh, không dám trái nghịch, hoặc sẽ bỏ trốn, không làm các điều ác. Khi ấy, tỳ-kheo như pháp an ổn đặng vui. Nếu ở trong chúng hoặc ở chỗ trống vắng đều được nói. Tác yết-ma như pháp, không tác yết-ma phi pháp; tác yết-ma như tỳ-ni, không tác yết-ma phi tỳ-ni, như pháp được phụng hành, phi pháp không được áp dụng. Siêng năng tinh tấn tu hành, để đắc điều chưa đắc, nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng, khiến cho chư thiên nhân dân được đại lợi ích.”

Phật nói như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín lạc và thọ trì.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói với các tỳ-kheo:

91. “Thưa các Trưởng lão, khi có việc đấu tranh mà tỳ-kheo cử tội người và tỳ-kheo có tội không tự quán sát; nên biết, tránh sự này lại tăng trưởng, không được diệt trừ như pháp, như Tỳ-ni, khiến các tỳ-kheo không được an lạc. Nếu tỳ-kheo cùng tranh cãi, tỳ-kheo cử tội người và tỳ-kheo có tội, mỗi người đều tự quán sát lỗi lầm, thì việc tranh cãi này không tăng trưởng sâu rộng mà được như pháp, như tỳ-ni trừ diệt, các tỳ-kheo được sống an lạc.

“Này các tỳ-kheo, thế nào là tự quán sát lỗi lầm? Tỳ-kheo có tội nghĩ: ‘Ta đã phạm việc như vậy. Vị kia thấy ta phạm điều sai quấy. Nếu ta không phạm thì vị kia không thấy được ta phạm điều sai quấy. Vì ta phạm cho nên vị kia thấy ta phạm. Nay ta nên tự hối lỗi, khiến vị kia không dùng ác ngữ để quả trách ta. Nếu ta làm như vậy, khiến thiện pháp tăng trưởng.’ Đó gọi là tỳ-kheo có thể tự quán sát lỗi của mình.

“Thế nào [993a1] là tỳ-kheo cử tội người, tự quán sát lỗi kia? Vị kia nghĩ: ‘Tỳ-kheo kia phạm điều sai quấy, khiến ta thấy được. Nếu tỳ-kheo kia không phạm điều sai quấy thì ta không thấy. Do tỳ-

kheo kia phạm điều sai quấy, khiến ta thấy được; nếu vị ấy có thể chí thành sám hối thì không khiến cho ta phải dùng ác ngôn. Như vậy khiến cho thiện pháp tăng trưởng.’ Tỳ-kheo cử tội người tự quán sát lỗi kia là vậy.

“Nếu tỳ-kheo có tránh sự, tỳ-kheo cử tội người và tỳ-kheo có tội, có thể tự quán sát lỗi kia như vậy, thì lỗi lầm này không tăng trưởng, được chấm dứt như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy, các tỳ-kheo được sống an lạc.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói như vậy. Các tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tín lạc thọ trì.

Bấy giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

92. Có hai loại si:¹ một là phạm tội, hai là phạm mà không thấy.² Đó là hai loại si.

93. Lại có hai loại trí: một là không phạm tội, hai là phạm tội nhưng thấy. Đó là hai loại trí.

94. Lại có hai loại si: một là phạm tội mà không thấy, hai là thấy phạm tội mà không như pháp sám hối. Đó là hai loại si.

95. Lại có hai loại trí: một là thấy phạm tội, hai là thấy tội mà có thể như pháp sám hối. Đó là hai loại trí.

96. Lại có hai loại si: một là thấy tội không như pháp sám hối, hai là như pháp sám hối mà vị kia không thọ nhận.

97. Lại có hai loại trí: một là thấy tội sám hối như pháp, hai là sám hối như pháp được vị kia thọ nhận. Đó là hai loại trí.

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tín lạc thọ trì.

Bấy giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

¹ Pāli: *dve puggalā bālā*, có hai loại người ngu.

² “Không thấy” được hiểu là “không tự mình thừa nhận.” Trong trường hợp ngoan cố, Tăng tác yết-ma xả trí (yết-ma bất kiến tội cử, xem cht. 41, Phần III, chương XI).

98. Vì các tỳ-kheo có lỗi lầm nên đức Thế Tôn chế pháp đoạn tránh với hai nghĩa¹: một là người khó điều phục khiến được điều phục; hai là người biết hổ thẹn được an lạc.

Vì hai nghĩa này nên đức Thế Tôn vì các tỳ-kheo chế pháp đoạn tránh. Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tín lạc thọ trì. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

99. Tỳ-kheo cử tội người, muốn cử tội người nên tu hai pháp: một là chân thật, hai là không sân. Nên tu hai pháp như vậy.

100. Tỳ-kheo bị cử cũng nên tu hai pháp như vậy: một chân thật, hai không sân.

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tín lạc thọ trì. Bây giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

101. “Tỳ-kheo có hai pháp làm cho chánh pháp tiêu diệt nhanh chóng: phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; cho đến thuyết, phi thuyết² cũng vậy.”³

[993b] Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

102. Lại có hai pháp không thể sanh thiện pháp: *từ* pháp và phi pháp, *cho đến* thuyết và phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

103. Lại có hai pháp tỳ-kheo tự phá hoại, được liệt vào hạng phạm tội, bị người có trí chê trách, thọ nhiều tội báo: *từ* pháp và phi pháp, *cho đến* thuyết và phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

104. Lại có hai pháp tỳ-kheo đọa vào địa ngục như tên bắn: *từ* pháp

¹ Đoạn tránh pháp 斷諍法, tức các pháp diệt tránh.

² Thuyết và bất thuyết 說不說, tức thuyết và phi thuyết: những điều được Phật nói, và những điều không phải do Phật nói.

³ *Thập tụng*: hai pháp khiến pháp tiêu diệt, biến mất, chìm mất: tỳ-kheo nghi pháp, nghi tỳ-ni. Lại có hai pháp khác: tỳ-kheo dạy người phi pháp, phi tỳ-ni.

và phi pháp, *cho đến* thuyết và phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy. Bảy giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

105. Có hai pháp khiến chánh pháp tồn tại lâu dài: phi pháp nói phi pháp, pháp nói là pháp, *cho đến* thuyết, phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

106. Lại có hai pháp, tỳ-kheo có thể sanh các pháp thiện: phi pháp nói phi pháp, pháp nói là pháp, *cho đến* thuyết, phi thuyết cũng như vậy. Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

107. Lại có hai pháp, tỳ-kheo không tự phá hoại, không phạm tội, không bị người trí quở trách, thọ phước vô lượng: phi pháp nói phi pháp, pháp nói là pháp, *cho đến* thuyết, phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

108. Lại có hai pháp, tỳ-kheo tự mình đặng sanh thiên nhanh như tên bắn: phi pháp nói phi pháp, pháp nói là pháp, *cho đến* thuyết, phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

109. Tỳ-kheo có hai pháp đáng bị cử tội: phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp *cho đến* nói, không nói cũng như vậy.

Đáng bị tác ức niệm, tác tự ngôn, tác ngăn a-nậu-bà-đà, ngăn thuyết giới, ngăn tự tứ cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

110. Lại có hai pháp tỳ-kheo bị cử tội như pháp¹: phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, *cho đến* thuyết, phi thuyết cũng như vậy. Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

Tác ức niệm, tác tự ngôn, tác ngăn a-nậu-bà-đà, ngăn thuyết giới, ngăn tự tứ cũng như vậy.

¹ Đề bản: như pháp cử 如法舉. TNM: bất như pháp ung cử 不如法應舉.

111. Lại có hai pháp tỳ-kheo đáng bị trao cho yết-ma ha trách: phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, *cho đến* thuyết và phi thuyết cũng như vậy. Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

Yết-ma tần¹, yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến [993c] nhà bạch y, yết-ma cử cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai kiến cũng như vậy.

112. Có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: không hổ thẹn với điều đáng hổ thẹn, hổ thẹn với điều không đáng hổ thẹn. Có hai pháp này thì tăng trưởng hữu lậu.²

113. Có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: hổ thẹn với điều đáng hổ thẹn, không hổ thẹn với điều không đáng hổ thẹn.

114. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: bất tịnh thấy là tịnh, tịnh thấy là bất tịnh.³ Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

115. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: không tịnh thấy là không tịnh, tịnh thấy là tịnh. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

116. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: không phạm thấy là phạm, phạm thấy là không phạm. Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

117. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: không phạm thấy không phạm, phạm thấy là phạm. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

¹ Tần yết-ma 擯羯磨; yết-ma khu xuất, đuổi khỏi trú xứ hiện tại. Xem tỳ-kheo, tăng-già-bà-thi-sa 12 (ô tha gia).

² Tham chiếu Pāli: có hai loại người tăng trưởng các lậu, 1. không nghi hỏi điều đáng nghi hỏi (*na kukkucāyitabbaṃ kukkucāyati*), 2. nghi hỏi điều không đáng nghi hỏi.

³ Tịnh, đây có nghĩa là “hợp thức”, tức đúng theo điều luật đã quy định. Tham chiếu Pāli: *akappiye kappasaññī*, nơi điều không hợp thức (tịnh) cho là thức.

118. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: nặng thấy là nhẹ, nhẹ thấy là nặng. Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

119. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: nhẹ thấy là nhẹ, nặng thấy là nặng. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

120. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: vô dư thấy là hữu dư, hữu dư thấy là vô dư. Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

121. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: vô dư thấy là vô dư, hữu dư thấy là hữu dư. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

122. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: phi pháp thấy là pháp, pháp thấy là phi pháp. Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

123. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: phi pháp thấy là phi pháp, pháp thấy là pháp. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

124. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: phi chế lại chế,¹ đã chế lại đoạn. Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

125. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: phi chế không chế, đã chế thì không đoạn. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

126. Có hai lời thành xả giới: ‘Tôi xả Phật, xả Pháp,’ cho đến ‘Tôi không phải là sa-môn Thích tử,’ như trên.²

127. Đức Như Lai ra đời, thấy các lỗi làm nên vì các tỳ-kheo chế giới với hai nghĩa: một là nhiếp thủ Tăng, hai là khiến cho Tăng hoan hỷ.³

¹ Quy định điều mà Phật đã không quy định.

² Xem mục một pháp: một lời thành xả giới.

³ Hai trong 10 mục đích Phật quy định giới (mười cú nghĩa). Xem Phần I, chương I, Ba-la-di 1; Việt, quyển 1, tr. 26.

128. Lại có hai pháp: một là khiến người không tin sẽ tin, hai là khiến người đã tin thì tin tăng trưởng.

129. Lại có hai pháp: một là người khó điều phục được điều phục, hai là tỳ-kheo biết tâm quý được sống an lạc.

130. Lại có hai pháp: một là khiến chánh [994a1] pháp tồn tại lâu dài, hai là nhiếp thủ tỳ-ni.

131. Lại có hai pháp: một là đoạn trừ oán đời hiện tại, hai là đoạn oán đời vị lai.

132. Lại có hai pháp: một là diệt hữu lậu hiện tại, hai là diệt hữu lậu vị lai.

133. Lại có hai pháp: một là đoạn khùng bố hiện tại, hai là trừ khùng bố vị lai.

134. Lại có hai pháp: một là đoạn trọng tội hiện tại, hai là đoạn trọng tội vị lai.

135. Lại có hai pháp: một là đoạn bất thiện pháp hiện tại, hai là đoạn bất thiện pháp vị lai. Vì hai nghĩa này, đức Thế Tôn vì các tỳ-kheo chế giới.

136. Lại có hai pháp, vì hai pháp nên đức Thế Tôn chế yết-ma ha trách:¹ một là nhiếp thủ đối với Tăng, hai là khiến cho Tăng hoan hỷ, cho đến đoạn bất tịnh pháp hiện tại, bất thiện pháp vị lai cũng như trên.

Như vậy mỗi một câu cho đến bảy diệt tránh, như pháp yết-ma ha trách.

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tín lạc thọ trì.²

¹ *Thập tụng*: Có hai sự, Phật quy định các yết-ma khô thiết (yết-ma y chỉ, yết-ma khu xuất, yết-ma hạ ý... ma-na-đóa, bản nhật trị, xuất tội), 1. khiến kẻ xấu không đắc lực; 2. người thanh tịnh đắc lực. Đoạn sau, có hai sự, như trên, 1. khiến đời này thanh tịnh trì giới; 2. đời sau an lạc phạm hạnh lâu dài.

² Bản Hán, hết quyển 57.

III. BA PHÁP

1. Bấy giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

Có ba yết-ma nhiếp tất cả yết-ma. Ba yết-ma ấy là: bạch yết-ma,¹ bạch nhị yết-ma, bạch tứ yết-ma. Đó là ba pháp yết-ma nhiếp tất cả các yết-ma.

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tín lạc thọ trì.

2. Bấy giờ, đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá, bảo các tỳ-kheo:

Có ba trường hợp trao ức niệm tỳ-ni phi pháp. Ba phi pháp ấy là:

a. Hoặc có tỳ-kheo phạm trọng tội, hoặc ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thâm-lan-giá. Các tỳ-kheo nói là phạm ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thâm-lan-giá, và hỏi: “Người có nhớ phạm ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thâm-lan-giá không?” Vị kia nói: “Căn bản không thấy.² Nay các Trưởng lão, tôi không nhớ có phạm ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, [994b] thâm-lan-giá. Đừng nạn vấn tôi mãi.” Các tỳ-kheo cứ nạn vấn không thôi, nên vị đó đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Nếu Tăng cho vị đó ức niệm tỳ-ni, thì đó là trao ức niệm tỳ-ni phi pháp.

b. Hoặc có tỳ-kheo phạm trọng tội, hoặc ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thâm-lan-giá. Các tỳ-kheo nói là phạm ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thâm-lan-giá, bèn hỏi: “Người có nhớ phạm ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thâm-lan-giá không?” Vị kia nói: “Căn bản không thấy. Thưa các Trưởng lão, tôi không nhớ có phạm trọng tội như vậy. Tôi phạm tiểu tội. Tôi sẽ sám hối thanh tịnh. Các Trưởng lão đừng nạn vấn tôi mãi.” Vì các tỳ-kheo cứ nạn vấn không thôi, nên vị đó đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho ức niệm tỳ-ni, thì đó là trao ức niệm tỳ-ni phi pháp.

c. Hoặc có tỳ-kheo phạm trọng tội, hoặc ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thâm-lan-giá. Các tỳ-kheo hỏi: “Người có nhớ phạm,

¹ Cũng nói là “đơn bạch yết-ma.”

² Đề bản: bất kiến 不見. Các bản khác: bất hiện.

trọng tội ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá không?” Vị đó nói: “Căn bản không thấy. Thưa các Trưởng lão, tôi không nhớ có phạm trọng tội ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá. Tôi phạm tiểu tội, đã sám hối thanh tịnh. Các Trưởng lão đừng cật vấn tôi.” Vì các tỳ-kheo cật vấn không thôi, nên vị kia đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho ức niệm tỳ-ni thì là phi pháp.

Đó là ba loại trao ức niệm tỳ-ni phi pháp.

3. Có ba trường hợp trao ức niệm tỳ-ni như pháp:

a. Nếu tỳ-kheo không phạm trọng tội, hoặc ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá. Các tỳ-kheo khác nói là phạm trọng tội ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thân-lan-giá, bèn hỏi: “Ngươi nhớ phạm trọng tội, hoặc ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá như vậy không?” Vị kia không nhớ có phạm nên nói: “Thưa Trưởng lão, tôi không nhớ phạm trọng tội, hoặc ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá như vậy. Các Trưởng lão đừng cật vấn tôi.” Vì các tỳ-kheo cứ cật vấn không thôi, cho nên vị kia cố nhớ lại kỹ, rồi đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho ức niệm tỳ-ni thì đó là trao ức niệm tỳ-ni như pháp.

b. Nếu tỳ-kheo không phạm trọng tội, hoặc ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá. Các tỳ-kheo khác nói là phạm trọng tội, hoặc ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá, bèn hỏi: “Ngươi phạm ba-la-di, [994c] tăng-già-bà-thi-sa, thân-lan-giá, có nhớ không?” Vị kia không nhớ có phạm, nên nói: “Trưởng lão, tôi không nhớ phạm trọng tội, ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá như vậy. Tôi phạm tiểu tội, sẽ như pháp sám hối thanh tịnh. Các Trưởng lão đừng cật vấn tôi.” Vì các tỳ-kheo cứ cật vấn mãi không thôi, nên vị kia cố nhớ lại kỹ, rồi đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho ức niệm tỳ-ni thì đó là trao ức niệm tỳ-ni như pháp.

c. Hoặc tỳ-kheo không phạm trọng tội, hoặc ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá. Các tỳ-kheo khác nói là phạm trọng

tội, hoặc ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá, bèn hỏi: “Người phạm trọng tội, ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá như vậy, có nhớ không?” Vị kia không nhớ có phạm nên nói: “Thưa Trưởng lão, tôi không nhớ phạm trọng tội, ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, thân-lan-giá như vậy. Tôi phạm tiêu tội, đã sám hối thanh tịnh. Các tỳ-kheo đừng cất vấn tôi.” Vì các tỳ-kheo cứ cất vấn mãi không thôi, nên vị kia cố nhớ lại kỹ rồi đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho ức niệm tỳ-ni, thì đó là trao ức niệm tỳ-ni như pháp. Đó là ba trường hợp trao ức niệm tỳ-ni như pháp.

4. Lại có ba trường hợp trao cho bắt si tỳ-ni phi pháp:

a. Nếu tỳ-kheo không si cuồng mà dối làm si cuồng, nhiều lần làm bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp sa-môn. Các tỳ-kheo khác nói: “Người phạm trọng tội, hoặc ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá.” Vị kia nói: “Tôi điên cuồng tâm loạn, nhiều lần phạm bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp sa-môn. Đó chẳng phải là việc tôi cố ý làm, mà là do si cuồng. Các Trưởng lão đừng nên cất vấn tôi.” Vì các tỳ-kheo cứ vấn cất vấn không thôi, nên vị kia đến giữa Tăng xin bắt si tỳ-ni. Nếu Tăng cho bắt si tỳ-ni, tức là cho bắt si tỳ-ni phi pháp.

b. Nếu tỳ-kheo không si cuồng mà dối làm si cuồng, nhiều lần làm bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp sa-môn. Các tỳ-kheo khác nói là phạm trọng tội, ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay Thân-lan-giá, bèn hỏi: “Người nhớ phạm trọng tội, ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá không?” Vị kia nói: “Trước đây, tôi si cuồng tâm loạn, nhiều lần phạm bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải do tôi cố ý làm, mà là vì si cuồng nên làm như vậy. Như người nhớ việc trong mộng, tôi cũng như vậy. Các Trưởng lão đừng nên cất vấn tôi.” Vì các tỳ-kheo vẫn cứ cất vấn không thôi, **[995a1]** nên vị kia đến trong Tăng xin bắt si tỳ-ni. Nếu Tăng cho bắt si tỳ-ni, tức là cho bắt si tỳ-ni phi pháp.

c. Nếu tỳ-kheo không si cuồng mà dối làm si cuồng, nhiều lần làm bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp sa-môn. Các tỳ-kheo khác nói là phạm trọng tội, ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá,

bèn hỏi: “Người nhớ phạm trọng tội, ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá không?” Vị kia nói: “Trước đây, tôi si cuồng nên làm như vậy. Như người từ trên núi cao rơi xuống, chỉ nắm được một ít cỏ cây mà thôi. Các Trưởng lão đừng nên cật vấn tôi.” Vì các Trưởng lão vẫn cố cật vấn không thôi, nên vị kia đến giữa Tăng xin bắt si tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho pháp bắt si tỳ-ni, tức là trao bắt si tỳ-ni phi pháp.

Đó là ba trường hợp trao bắt si tỳ-ni phi pháp.

5. Lại có ba trường hợp trao bắt si tỳ-ni như pháp:

a. Nếu tỳ-kheo si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp sa-môn. Sau đó, vị kia trở lại bình phục. Các tỳ-kheo khác nói: “Người phạm trọng tội, ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá như vậy, có nhớ hay không?” Vị kia nói: “Trước đây tôi si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp sa-môn; chẳng phải do tôi cố làm, mà vì cuồng si. Các Trưởng lão đừng gạn hỏi tôi.” Vì các tỳ-kheo cứ gạn hỏi mãi không thôi, nên vị kia khi si cuồng chấm dứt, đến trước Tăng xin bắt si tỳ-ni. Nếu Tăng cho bắt si tỳ-ni, tức là trao bắt si tỳ-ni như pháp.

b. Nếu tỳ-kheo si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp sa-môn. Sau đó, vị kia trở lại bình phục. Các tỳ-kheo khác nói: “Người phạm trọng tội, ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá như vậy, có nhớ hay không?” Vị kia nói: “Trước đây tôi si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp sa-môn; chẳng phải do tôi cố làm, mà vì cuồng si. Như người nhớ lại việc làm trong mộng. Các Trưởng lão đừng nên gạn hỏi tôi.” Vì các tỳ-kheo vẫn cứ gạn hỏi không thôi, nên vị kia sau khi si cuồng chấm dứt, đến trước Tăng xin bắt si tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho bắt si tỳ-ni, tức là trao bắt si tỳ-ni như pháp.

c. Nếu tỳ-kheo si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp sa-môn. Sau đó, vị kia trở lại bình phục. Các tỳ-kheo khác nói: “Người phạm trọng tội, ba-la-di, hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hay thân-lan-giá như vậy, có nhớ hay không?” Vị kia nói: “Trước đây

tôi si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp sa-môn; chẳng phải do tôi cố làm, mà vì cuồng si. Tôi nhớ như người từ trên núi cao rơi xuống chỉ nắm được một ít cỏ cây mà thôi. Các Trưởng lão đừng cật vấn tôi.” Vì các tỳ-kheo [995b] cứ cật vấn mãi không thôi, nên vị kia, sau khi cuồng si dứt, đến trước Tăng xin bắt si tỳ-ni. Nếu Tăng cho bắt si tỳ-ni, tức là trao cho bắt si tỳ-ni như pháp. Đó là ba trường hợp trao bắt si tỳ-ni như pháp.

6. Có ba loại điều phục pháp:¹ ha trách, tấn xuất, y chỉ. Đó là ba pháp điều phục.

7. Có ba pháp diệt tránh: dùng lời của nhiều người, tội xứ sở, cỏ che đất. Đó là ba pháp diệt tránh.

8. Lại có ba pháp, nên gọi tỳ-kheo đến hiện tiền rồi tác bạch, sau đó mới tác ba yết-ma. Ta nói pháp như vậy, đắc xứ sở, yết-ma thành tựu. Nếu tỳ-kheo ưa đấu tranh, Tăng nên trao cho ba loại yết-ma: hoặc yết-ma ha trách, hoặc yết-ma y chỉ, hoặc yết-ma tấn. Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tín lạc thọ trì.

9. Bây giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo, có ba pháp không được cho thọ đại giới: một là phá giới, hai là phá kiến, ba là phá oai nghi.² Người có ba pháp như vậy không được cho thọ đại giới.

10. Có ba pháp nên cho thọ đại giới: Không phá giới, không phá kiến, không phá oai nghi. Người có ba pháp như vậy nên cho thọ đại giới.

11. Tỳ-kheo có ba pháp, Tăng nên trao cho pháp yết-ma ha trách: phá giới, phá kiến, phá oai nghi. Phạm vào ba pháp như vậy Tăng nên trao cho pháp yết-ma quả trách. Hoặc yết-ma tấn, hay yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, yết-ma cử, cũng như vậy.

¹ Ba biện pháp chế ngự tỳ-kheo phạm luật.

² Tương đương với ba trong số 13 già nạn không được thọ cụ túc, theo thứ tự: phạm biên tội, pháp nội ngoại đạo, tặc trụ.

12. Người bị cử có ba pháp, không được cho giải yết-ma: Nên thấy¹ mà không thấy, nên sám mà không sám, nên xả mà không xả.² Vi phạm vào ba pháp như vậy, không được vì họ giải yết-ma.
13. Người bị cử³ có ba pháp nên vì họ giải yết-ma: Nên thấy thì thấy, nên sám thì sám, nên xả thì xả. Làm được ba pháp như vậy, nên vì họ giải yết-ma.
14. Người bị cử có ba pháp, không được giải yết-ma: Nên thấy mà không thấy, nên sám mà không sám, nên tin mà không tin. Ai có ba pháp như vậy, không được cho giải yết-ma.
15. Người bị cử có ba pháp nên cho giải yết-ma: Nên thấy thì thấy, nên sám thì sám, nên tin thì tin. Ai có ba pháp như vậy, nên cho giải yết-ma.
16. Tỳ-kheo có ba pháp nên trao cho pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y:⁴ Trước người bạch y mà chê trách Phật, Pháp, Tăng. Ai có ba pháp như vậy, nên trao cho pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y.
17. Khi trao cho tỳ-kheo [995c] pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y nên bằng ba pháp để cân nhắc: xứng lượng tỳ-kheo, xứng lượng bạch y, xứng lượng sự việc.
18. Lại có ba pháp: xứng lượng tỳ-kheo, xứng lượng bạch y, xứng lượng yết-ma.
19. Lại có ba pháp: xứng lượng tỳ-kheo, xứng lượng bạch y, xứng lượng tội phạm.
20. Lại có ba pháp: có thật hay không thật, có làm hay không làm, đáng trao cho pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, hay không đáng trao cho pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y.

¹ Tức thấy tội, hay nhận tội.

² Kiên trì ác kiến không xả. Ch.XI, Phần III. Xem tỳ-kheo, ba-dật-đề 68, 69.

³ Bị Tăng xả trí.

⁴ Yết-ma hạ ý.

Đó là ba việc cần nhắc để trao cho tỳ-kheo yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y.

21. Lại có ba pháp tác yết-ma ha trách phi pháp, phi tỳ-ni, yết-ma không thành, không đắc xứ sở. Ba pháp ấy là, không tác cử, không tác ức niệm, không tác tự ngôn.

22. Lại có ba pháp: không phạm, tội phạm không thể sám, hoặc tội đã sám rồi.

23. Lại có ba pháp: không tác cử, phi pháp, biệt chúng.

24. Lại có ba pháp: không tác ức niệm, phi pháp, biệt chúng .

25. Lại có ba pháp: không tác tự ngôn, phi pháp, biệt chúng.

26. Lại có ba pháp: không phạm, phi pháp, biệt chúng.

27. Lại có ba pháp: tội phạm không thể sám hối, phi pháp, biệt chúng.

28. Lại có ba pháp: tội phạm đã sám hối, phi pháp, biệt chúng.

29. Lại có ba pháp: không hiện tiền, phi pháp, biệt chúng. Có ba pháp như vậy, tác yết-ma quở trách phi pháp, phi tỳ-ni, không thành, không đắc xứ sở.

30. Có ba pháp tác yết-ma ha trách như pháp, như tỳ-ni thành tựu, đắc xứ sở (đúng cách) (*ngược lại với câu trên, để khỏi phiền nên không chép ra*).¹

31. Có ba sự lộng âm xuất tinh tăng-già-bà-thi-sa: hồi tưởng, lộng, xuất bất tịnh. Làm ba sự như vậy phạm tăng-già-bà-thi-sa.

32. Lại có ba sự: hồi tưởng, lộng, muốn xuất bất tịnh màu xanh, hoặc xuất bất tịnh màu xanh, tăng-già-bà-thi-sa.

33. Nếu hồi tưởng, lộng, muốn xuất bất tịnh màu xanh, cho đến xuất bất tịnh màu vàng, hoặc đỏ, hoặc trắng, hoặc đen, hoặc màu sữa, hoặc bất tịnh màu sữa,² tăng-già-bà-thi-sa.

¹ Phụ chú trong nguyên bản.

² Lạc tương.

34. Nếu hồi tưởng, lộng, cho đến muốn xuất bất tịnh màu sữa, hoặc xuất, tăng-già-bà-thi-sa.
35. Nếu hồi tưởng, lộng, muốn xuất bất tịnh màu sữa, cho đến xuất bất tịnh màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, tăng-già-bà-thi-sa.
36. Cũng vậy, vì khoái lạc, vì làm thuốc, vì thử nghiệm, vì phước đức, vì tế trời, vì thiện đạo, vì bố thí, vì lấy giống, vì vọc chơi, vì buông tuồng, vì thử sức, vì [996a1] nhan sắc, vì khinh mạn; tất cả đều phạm tăng-già-bà-thi-sa.
37. Đối với nội sắc cũng như vậy. Đối với ngoại sắc cũng như vậy. Đối với nội ngoại sắc cũng như vậy. Đối với nước, với gió, với hư không cũng như vậy.
38. Có ba hạng người phạm: không điên cuồng, không thác loạn, không thống não. Đó là ba hạng người phạm.
39. Có ba hạng người không phạm: điên cuồng, thác loạn, thống não. Đó là ba hạng người không phạm.
40. Có ba loại chúng sanh mà hành dâm với, phạm ba-la-di: nhân, phi nhân, súc sanh. Đó là ba loại chúng sanh hành dâm phạm ba-la-di.
41. Lại có ba loại: phụ nữ, đồng nữ, hai căn.
42. Lại có ba loại: phụ nữ, đồng nữ, huỳnh môn.
43. Lại có ba loại: phụ nữ, đồng nữ, nam tử.
44. Lại có ba: nam tử, hai căn, huỳnh môn.
45. Lại có ba loại phụ nữ mà hành dâm với, phạm ba-la-di: phụ nữ loài người, phụ nữ loài phi nhân, súc sanh cái.
46. Đồng nữ cũng như vậy. Hai căn cũng như vậy. Huỳnh môn cũng như vậy. Với đàn ông cũng như vậy.
47. Với phụ nữ loài người, hành dâm tại ba chỗ: đại tiện, tiểu tiện và miêng, phạm ba-la-di.
48. Phụ nữ phi nhân, phụ nữ súc sanh; đồng nữ loài người, đồng nữ phi nhân; súc sanh cái, người hai căn, phi nhân hai căn, súc sanh

hai căn cũng như vậy.

49. Có ba loại trộm phạm ba-la-di: tự mình lấy, hiện tiền chỉ bảo lấy, sai phái người đi lấy.

50. Lại có ba: không nghĩ tưởng của mình mà lấy, không lấy tạm, chẳng phải thân tình mà lấy.

51. Lại có ba: của người, ý tưởng là của người, dời khỏi chỗ cũ.

52. Có ba loại đoạn mạng phạm ba-la-di: người có ý tưởng là người, hoặc dùng thân, hay dùng miệng để đoạn mạng. Đó là ba loại đoạn mạng phạm ba-la-di.

53. Có ba loại đoạn mạng người không phạm ba-la-di: người mà tưởng là phi nhân, hoặc dùng thân, hay dùng miệng để đoạn mạng. Đó là ba loại đoạn mạng người mà không phạm ba-la-di.

54. Có ba loại tự xưng đắc pháp thượng nhân phạm ba-la-di: không đắc nói đắc, không nhập nói nhập, không chứng nói chứng. Đó là ba loại.

55. Lại có ba loại: phạm do thân, phạm do miệng, phạm do cả thân và miệng.¹ Đó là ba loại (Trong ba điều phạm này lại có bốn về khác tên: về thứ nhất nói, ba loại tướng.² Về hai, nói ba loại chú. Về ba, nói ba phi oai nghi.³ Về bốn, nói ba tà mạng⁴)⁵

56. Lại có ba: Tham, nhuế, si. Đó là ba.

¹ Tham chiếu Pāli: do ba hành tướng phạm tội (*tīhākārehi āpattiṃ āpajjati*): phạm bởi thân, phạm bởi miệng, phạm bởi thân và miệng.

² Đề bản: tướng 相. Các bản khác: kiến (đọc là hiện) tướng 見相. Pāli: *ākāra*, hành tướng, hay dấu hiệu. Xem cht. 68 trên.

³ Oai nghi, ở đây, Pāli: *ācāra*, hành vi hay cử chỉ. Ba phi oai nghi, Pāli: ba phi hành, phi hành nơi thân (*kāyikena anācārena*); Số giải: vi phạm học xử đối với thân, phi hành nơi miệng, phi hành nơi thân và miệng.

⁴ Ba tà mạng. Tham chiếu Pāli: tà mạng qua thân (*kāyikena micchājivena*), qua miệng, qua thân và miệng.

⁵ Phụ chú trong bản Hán.

57. Lại có ba: Thân dục, khẩu dục, thân khẩu dục. Đó là ba.¹
58. Lại có ba: Thân nhuế, khẩu nhuế, thân khẩu nhuế. Đó là ba.
59. Lại có ba: Thân si, khẩu si, thân khẩu si. Đó là [996b] ba.
60. Lại có ba: Thân dục hại, khẩu dục hại, thân khẩu dục hại.² Đó là ba. Nhuế si cũng như vậy.
61. Có ba hạng người phạm: một là Tăng, hai là số đông người, ba là một người.³
62. Có ba hạng người sám hối: Tăng, số đông người, một người.
63. Có ba hạng người nên thọ sám hối: Tăng, số đông người, một người.
64. Có ba hạng người phạm ni-tát-kỳ: Tăng, số đông người, một người.
- Phạm ni-tát-kỳ nên đối trước ba hạng người xả: Tăng, số đông người, một người.
65. Có ba hạng người thọ ni-tát-kỳ: Tăng, số đông người, một người.
66. Có ba loại im lặng: biết mà im lặng, không biết mà im lặng, si mà im lặng.
67. Có ba loại trụ: giới trụ, kiến trụ, yết-ma trụ.
68. Lại có ba: giới trụ, kiến trụ, oai nghi trụ.

¹ Tham chiếu Pāli: cần thi hành yết-ma đối với tỳ-kheo có đủ 3 chi: buông trôi theo dục lạc nơi thân (*kāyikena davena samannāgatassa hoti*, Số giải, như chơi câu, cờ bạc, nơi miệng, nơi miệng và thân).

² Vi phạm điều Phật chế do bởi tham dục nơi thân, nơi miệng, nơi thân và miệng. Tham chiếu Pāli: ba vi hại, vi hại qua thân (*kāyikena upaghātikena*; Số giải, không học học xứ Phật chế nơi thân), vi hại qua miệng, qua thân và miệng.

³ Tham chiếu Pāli: có tội Tăng-già phạm (*atthāpatti saṅgho āpajjati*), biệt chúng (*gaṇa*) không phạm, cá nhân (*puggala*) không phạm. Có tội biệt chúng phạm, Tăng không phạm, cá nhân không phạm. Có tội cá nhân phạm, Tăng không phạm, biệt chúng không phạm.

69. Lại có ba: giới trụ, kiến trụ, mạng trụ.
70. Lại có ba hạng người tranh chấp: hoặc Tăng, hoặc số đông người, hoặc một người.
71. Có ba hạng người khơi dậy tranh chấp: hoặc Tăng, hoặc số đông người, hoặc một người.
72. Có ba hạng người xả tranh chấp: Tăng, số đông người, hoặc một người.
73. Nên đối trước ba hạng người để xả: hoặc Tăng, hoặc số đông người, hay một người.
74. Có ba hạng người diệt tranh chấp: Tăng, số đông người, hay một người.
75. Có ba hạng người nên diệt tranh chấp: Tăng, số đông người, một người.
76. Có ba hạng người được diệt tranh chấp: Tăng, số đông người, hay một người.
77. Tỳ-kheo có ba thứ chánh ngữ nên nói với tỳ-kheo: phá giới, phá kiến, phá oai nghi.
78. Cử tội tỳ-kheo khác nên dùng ba sự: nghe, thấy, nghi.
79. Có ba loại che giấu: che giấu phá giới, che giấu phá kiến, che giấu phá oai nghi.
80. Có ba loại sám hối: phá giới, phá kiến, phá oai nghi.
81. Có ba loại yết-ma phóng dật:¹ Yết-ma phá giới, yết-ma phá kiến, yết-ma phá oai nghi.
82. Có ba học: tăng giới học, tăng tâm học, tăng huệ học. Đó là ba học.
83. Lại có ba học: oai nghi học, tịnh hạnh học, ba-la-đề-mộc-xoa học. Đó là ba học.

¹ Phóng dật yết-ma 放逸羯磨.

84. Bấy giờ, có số đông tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, bạch đức Thế Tôn:

“Đại đức là chủ của Pháp, nói về học. Vậy thế nào là học?”

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Học nơi giới, nên gọi là học.”

“Thế nào là học giới? Tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, cho nên gọi là học. Khi vị kia [996c] có tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học; bấy giờ vị ấy được điều phục, dứt sạch tham dục, sân nhuế, ngu si. Vị kia khi đã dứt sạch hết tham dục, sân si rồi không tạo bất thiện, không gần các ác. Đó gọi là học.”

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tín lạc thọ trì.

85. Đức Phật hỏi các tỳ-kheo:

“Các người học những gì? Thế nào học?”

Các tỳ-kheo bạch Phật:

“Đại đức là căn bản của Pháp, là chủ pháp, như điều đức Thế Tôn vừa dạy chúng con thọ trì, cho nên gọi là học.”

86. Lại có ba học: tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học. Học ba môn học này sẽ đạt được quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Cho nên cần phải tinh tấn học ba môn học này.

87. Bấy giờ Tôn giả A-nan ở trong Kê viên, thành Ba-la-lê Tử.¹ Khi ấy, có Không tước quan bà-la-môn² đến chỗ Tôn giả thăm hỏi rồi, ngồi qua một bên, bạch Tôn giả rằng:

¹ Ba-la-lê Tử thành Kê viên 波羅梨子城雞園. Xem *Trung A-hàm* 60 (tr.802a13): Ba-la-lợi Tử thành, Kê viên 波羅利子城雞園 *Tạp A-hàm* 24 (tr.175b12): Ba-liên-phát áp Kê lâm tinh xá 巴連弗邑雞林精舍. Pāli: Pāṭaliputta, Kukkuṭārāma.

² Không tước quan bà-la-môn 孔雀冠婆羅門, người bà-la-môn đội mũ chim công.

“Sa-môn Cù-đàm tại sao vì các tỳ-kheo chế tăng giới học, tăng tịnh hạnh học, tăng ba-la-đề-mộc-xoa học?”

Tôn giả trả lời:

“Nhằm mục đích điều phục tham dục, sân nhuế, ngu si, khiến cho tận diệt, nên đức Thế Tôn vì các tỳ-kheo chế giới.”

Vị kia lại hỏi:

“Nếu tỳ-kheo đắc lậu tận của A-la-hán, vị kia học cái gì?”

Tôn giả A-nan trả lời:

“Tham dục, sân nhuế, ngu si hết, không tạo bất thiện, không gần các ác, việc cần đã làm xong, gọi là vô học.”

Bà-la-môn hỏi:

“Như điều vừa nói, được gọi là vô học phải không?”

A-nan trả lời:

“Chính như vậy.”

Tôn giả A-nan nói như vậy. Không tước quan bà-la-môn nghe rồi hoan hỷ tin lạc thọ trì.

88. Đức Thế Tôn ở trong thôn Băng-già-di,¹ nước Ma-kiệt, vì các tỳ-kheo dùng vô số phương tiện nói giới pháp. Bấy giờ, có tỳ-kheo cự trú thuộc họ Ca-diếp² xuất gia. Tỳ-kheo này nghe đức Thế Tôn nói pháp, không sanh tâm tin lạc, ưu sầu không vui, nói:

“Đức Thế Tôn cứ khùng bỏ chúng ta.”³

¹ Băng-già-di 崩伽彌. Tham chiếu Tạp A-hàm 30 (tr.213a05): Băng-già-xà, Băng-già-kỳ lâm 崩伽閻崩伽耆林. Pāli (A. i. 136): Paṅkadhā (bản Miên: Saṅkavā), một thị trấn ở Kosala.

² Tạp A-hàm, dẫn trên: tôn giả Ca-diếp thị 尊者迦葉氏.

³ Tạp A-hàm, dẫn trên, tôn giả này nói: “Vị Sa-môn Cù-đàm này tán thán giới này quá đáng” 此沙門極讚歎是戒. Pāli (dẫn trên): *adhisallikhatevāyaṃ samaṇo*, “ngài Sa-môn này quá cực kỳ nghiêm khắc.”

Khi đức Thế Tôn di chuyển đến thành Vương-xá không lâu, tỳ-kheo họ Ca-diếp kia tâm tự hối hận, nói: “Ta đặng điều bất thiện, thiệt hại. Đức Thế Tôn đã vì các tỳ-kheo dùng vô số phương tiện nói giới, mà ta không sanh tâm tín lạc, sâu ưu không vui, lại nói: ‘Thế Tôn cứ khùng bỏ chúng ta.’ Nay ta cần phải đối trước đức Thế Tôn chí thành sám hối.”

Vị tỳ-kheo kia liền khoác y, bung bát đi qua thành Vương-xá, đến chỗ đức Thế Tôn, [997a1] đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên trên bạch lên đức Thế Tôn một cách đầy đủ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đầu mặt kính lễ sát chân, chí thành hối quá:

“Kính bạch Đại Đức, con ngu si, vô trí, bất thiện. Đức Thế Tôn đã vì các tỳ-kheo dùng vô số phương tiện nói giới pháp mà con sanh lòng không tín lạc, ôm sự ưu não, nói: ‘Thế Tôn cứ khùng bỏ chúng ta mãi.’ Cúi xin Đại Đức nhận sự hối quá của con!”

Phật bảo tỳ-kheo:

“Ngươi tự sám hối sự ngu si, vô trí, bất thiện của mình. Ta đã vì các tỳ-kheo nói giới. Ngươi tự mình không tín lạc, ôm lòng ưu sầu, nói: ‘Đức Thế Tôn cứ khùng bỏ chúng ta mãi.’ Ở trong giáo pháp của Ta, ai có thể chí thành như pháp sám hối thì được tăng ích. Ngươi sám hối thì nên sanh tâm yểm ly. Tỳ-kheo, ngươi chí thành như pháp sám hối. Ta vì ngươi thọ nhận.”

Bấy giờ, tỳ-kheo Ca-diếp kia kính lễ sát chân Phật rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật bảo tỳ-kheo:

“Nếu Thượng tọa đã không học giới cũng không khen ngợi giới; mà nếu có tỳ-kheo khác ưa học giới, khen ngợi giới, Thượng tọa lại cũng không tùy thời khuyến khích, khen ngợi. Tỳ-kheo Ca-diếp, Ta không khen ngợi hạng Thượng tọa như vậy. Tại sao? Nếu Ta khen ngợi, khiến các tỳ-kheo sẽ thân cận Thượng tọa ấy. Nếu có ai thân cận, khiến người khác học tập pháp (của vị) đó; thì người học tập theo pháp đó sẽ thọ khổ lâu dài. Vì thế cho nên, này tỳ-kheo Ca-diếp, Ta thấy lỗi lầm của Thượng tọa như vậy nên không khen

ngôi. Hàng trung hạ tọa cũng như vậy. (Đây là hàng Thượng, Trung, Hạ tọa không như pháp. Kế tiếp theo có hàng Thượng, Trung, Hạ tọa như pháp, ngược lại vẫn trên, sợ phiền nên không chép ra).¹

Đức Phật dạy như vậy. Tỳ-kheo Ca-diếp hoan hỷ, tín lạc thọ trì.

89. Bấy giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Thí như có con lừa cùng đi với bầy bò, tự nói: ‘Ta cũng là bò. Ta cũng là bò.’ Nhưng lông của lừa thì không giống bò, chân của lừa không giống bò, tiếng kêu không giống bò. Cùng đi với bò, tự nói là bò, cũng như vậy. Có người ngu đi theo tỳ-kheo như pháp, tự nói ta là tỳ-kheo. Người ngu này không có tăng giới, tăng tâm, tăng huệ như thiện tỳ-kheo, cùng đi với chúng Tăng, tự nói là tỳ-kheo. Do đó, các người cần phải siêng năng tu tập tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ.”

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tín lạc thọ trì.

90. Đức Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có tỳ-kheo người Bạt-xà đến chỗ đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên bạch đức Thế Tôn rằng:

“Giới được thuyết [997b] trong mỗi nửa tháng nhiều quá, con không thể học hết số giới nhiều như vậy.”

Đức Phật dạy rằng:

“Người học ba giới: tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ thôi. Người học ba giới như vậy sẽ đạt đến chỗ mà tham dục, sân nhuế, ngu si diệt tận, không tạo bất thiện, không gần các ác.”

Tỳ-kheo thưa:

“Bạch Đại Đức, con nguyện hoan hỷ thọ trì.”

¹ Phụ chú trong nguyên bản Hán.

Tỳ-kheo người Bạt-xà sau nghe đức Thế Tôn lược dạy rồi, một mình ở tại chỗ khuất, tinh cần không phóng dật. Đầu đêm, cuối đêm chuyên ý cảnh tỉnh, tư duy mục đích xuất gia. Tu tập không lâu, đắc vô thượng tịnh hạnh, ngay hiện tại mà tự biết tự chứng đắc, “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần đã làm xong, không thọ sanh trở lại.” Tỳ-kheo người Bạt-xà tự biết chứng A-la-hán.

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tín lạc thọ trì.

91. Bấy giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Có ba học: tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học.

“Thế nào là tăng giới học?¹

“Có tỳ-kheo tôn trọng giới, lấy giới làm chủ; không đặt trọng nơi định, không lấy định làm chủ; không trọng nơi tuệ, không lấy tuệ làm chủ. Tỳ-kheo ấy ở nơi giới có phạm nhẹ liền sám hối. Tại sao vậy? Trong đây, không phải như đồ dùng đã vỡ, đá đã vỡ. Nếu là giới nặng, tỳ-kheo ấy phải kiên trì, khéo trụ nơi giới, nên thân cận hành trì, không hành (với giới) bị sút mẻ, không hành (giới) nhiễm ô, thường tu tập như vậy. Vị kia đoạn năm hạ kết sử,² sanh lên cõi trên mà Niết-bàn ở đó,³ không trở lại nơi đây.⁴

“Nếu tỳ-kheo trọng giới, lấy giới làm chủ; trọng nơi định, lấy định làm chủ; không trọng tuệ, không lấy tuệ làm chủ, như trên.

“Nếu tỳ-kheo trọng giới lấy giới làm chủ, trọng định lấy định làm chủ, trọng tuệ lấy tuệ làm chủ. Vị kia lậu diệt tận, đắc vô lậu, tâm

¹ Tăng giới, tức tăng thượng giới. Pāli: *adhisīla*.

² Hạ ngũ sử 下五使. Năm thuận hạ phần kết (Pāli: *pañca orambhgiya saṃyojana*), 5 kết sử dẫn tái sinh Dục giới: thân kiến (*sakkāyadiṭṭhi*), giới thủ kiến (*sīlabbata-parāmāso*), nghi (*vichicchā*), tham dục (*kāmachando*), sân nhuê (*vyāpādo*).

³ Thánh giả A-na-hàm sau khi từ Dục giới chết sanh lên một trong năm tầng Tịnh cư thiên, và nhập Niết-bàn tại đó.

⁴ Không tái sinh Dục giới, Bất hoàn.

giải thoát, tuệ giải thoát. Ngay trong hiện tại, tự thân chứng ngộ, tự biết, ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Người hành trọn đủ, thì thành tựu trọn đủ.² Người hành không trọn đủ, thì thành tựu không trọn đủ.³ Ta nói, giới này không phải luống không.”

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tin lạc thọ trì.

92. Lại có ba học: tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ học.

Thế nào là tăng giới học? Có tỳ-kheo hành trì giới trọn đủ, hành trì định một ít, hành trì tuệ một ít. Vị kia đoạn năm hạ kết sử, sanh lên kia mà nhập Niết-bàn, không sanh trở lại cõi này.

Nếu không thể đến chỗ như vậy, thì có thể ba kết là tham dục, sân nhuế, si thành mỏng,⁴ đặc quả Tu-đà-hàm, [997c] sanh trở lại thế gian này, liền tận cùng biên tế của khổ.

Nếu không thể đến chỗ như vậy thì có thể đoạn ba kết⁵ đặng quả Tu-đà-hoàn, không đọa ác đạo, quyết định đạt đến đạo,⁶ bảy lần

¹ Nguyên Hán: bất phục hoàn thử 不復還此; định cú đề nói về vị A-na-hàm không tái sanh Dục giới. Nhưng trong đoạn này, đây là tuyên bố của vị đã chứng A-la-hán, nên có thể bản Hán đã chép sai. Thường nói là “bất thọ hậu hữu” sau đời này, không còn đời nào nữa.

² Chỉ tỳ-kheo hành đủ cả ba học, thành tựu cũng trọn đủ là đặc cứu cánh trí, thành A-la-hán.

³ Không hành đủ ba học, chứng đặc cao nhất là A-na-hàm, không thể đặc quả A-la-hán.

⁴ Dịch sát theo Hán: 能薄三結。貪欲瞋恚愚癡。Chính xác, nên hiểu: ba kết (thân kiến, giới cầm thủ và nghi) đã đoạn tận; tham dục, sân nhuế, ngu si vơi mỏng. Xem *Trường A-hàm* 5 (tr.34a27): 三結盡, 薄婬怒癡, 一來世間而般涅槃. Tham chiếu Pāli, Mahālisuttam, D. i. 156: *tiṇṇaṃ saṃyojanānaṃ parikkhayaṃ rāga-dosamohānaṃ tanuttā sakadāgāmi hoti.*

⁵ Ba kết 三結, Pāli: *tīṇi saṃyojanāni*: thân kiến (*sakkāyadiṭṭhi*), giới thủ kiến (*sīlabbataparāmāso*), nghi (*vichikcchā*).

⁶ Đạo, đây chỉ bồ-đề hay chánh giác; tức chánh trí của vị A-la-hán.

sanh thiên thượng, bảy lần sanh trong loài người,¹ liền tận cùng biên tế khổ. Nếu tỳ-kheo hành trì giới đầy đủ, hành trì định đầy đủ, hành trì tuệ một ít thì cũng như trên.

Nếu tỳ-kheo hành trì giới đầy đủ, hành trì định đầy đủ, hành trì tuệ đầy đủ thì cũng như trên.

93. Lại có ba học: tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học.

Thế nào là tăng giới học? Tỳ-kheo thọ trì đầy đủ ba-la-đề-mộc-xoa giới, thành tựu oai nghi, e sợ với cả khinh giới, xem nặng như kim cương, bình đẳng học tập các giới. Đó gọi là tăng giới học.

Thế nào là tăng tâm học? Tỳ-kheo xả dục ác,² cho đến nhập được đệ tứ thiên. Đó là tăng tâm học.

Thế nào là tăng tuệ học? Tỳ-kheo như thật biết Khổ đế, biết Tập, Diệt, Đạo. Đó gọi là tăng tuệ học.

94. Lại có ba học: tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ học.

Tăng giới, tăng tâm như trên.

Tăng tuệ học là tỳ-kheo biết bên trong có tham dục, như thật biết. Bên trong không có tham dục, như thật biết. Nếu chưa sanh tham dục, như thật biết. Nếu chưa sanh tham dục, sau đó sanh, như thật biết. Nếu đã sanh tham dục, có thể đoạn, như thật biết. Nếu tham dục chưa sanh, không khiến sanh, như thật biết.

Sân nhuế, thù miên, trạo hối, nghi³ cũng như vậy.

¹ Nguyên văn Hán: thất sanh thiên thượng, thất sanh nhân trung 七生天上七生人中; cộng tất cả, Tu-đa-hoàn có đến 14 lần tái sinh. Đoạn này Hán dịch hoàn toàn sai. Thánh giả Tu-đa-hoàn tái sinh kể cả thiên thượng, nhân gian, cộng lại không quá bảy lần; lần thứ bảy, nhập Niết-bàn, không có tái sinh lần thứ tám. Trong kinh thường thí dụ “Tu-đa hoàn tái sinh lần thứ tám” (đệ bát hữu) để chỉ cho sự việc không bao giờ xảy ra. Xem *Trường A-hàm 5* (dẫn trên): 斷三結得須陀洹不墮惡道極七往返必得涅槃.

² Tức ly dục, ly pháp ác bất thiện... là những yếu tố để đắc sơ thiên.

³ Gồm 5 triền cái.

Tỳ-kheo kia nghĩ: Ta ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt có tham dục, sân nhuế, như thật biết; không tham dục, sân nhuế, như thật biết; ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt mà tham dục, sân nhuế chưa sanh sẽ không sanh, như thật biết; ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt mà tham dục, sân nhuế chưa sanh sẽ sanh, như thật biết; ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt mà tham dục, sân nhuế đã sanh được đoạn diệt, như thật biết; ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt mà tham dục, sân nhuế đã đoạn, sau không sanh lại, như thật biết. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng như vậy.

Lại nữa, tỳ-kheo bên trong có niệm giác ý,¹ như thật biết; trong không có niệm giác ý, như thật biết; niệm giác ý chưa sanh sẽ không sanh, như thật biết; niệm giác ý chưa sanh sẽ sanh, như thật biết; niệm giác ý đã sanh được tu tập đầy đủ, như thật biết; niệm giác ý chưa sanh, phương tiện khiến sanh, như thật biết. Cũng vậy, pháp giác ý, tinh tấn giác ý, ý giác ý, định giác ý, hỷ giác ý, hộ giác ý² cũng như vậy.

95. Lại có ba tụ: trì giới tụ, định tụ, tuệ tụ.

96. Tỳ-ni có [998a1] ba trả lời: thấy như vậy, nghe như vậy, nhãn khả như vậy.³

97. Tỳ-kheo có ba điều diệt chánh pháp: phi chế lại chế, chế lại đoạn, không theo điều đã chế mà làm.

98. Tỳ-kheo lại có ba pháp không diệt chánh pháp: (*ngược lại câu trên*).

99. Có ba trường hợp vọng ngữ trọn vẹn: biết trước mà muốn nói

¹ Giác ý, đây chỉ 7 giác chi (Pāli: *bojjhaṅga*): niệm (Pāli: *sati*), pháp hay trạch pháp (*dhamma-vicaya*), tinh tấn (*virīya*), hỷ (*pīti*), khinh an (*passaddhi*), định (*samādhi*), xả (*upekkha*).

² Bảy giác ý: niệm, pháp, tinh tấn, ý, định, hỷ, hộ 念法精進猗定喜護. Giữ nguyên dịch ngữ của bản Hán, mặc dù không chính xác. Xem cht. 96 trên.

³ Tham chiếu Pāli, có ba pháp tỳ-kheo không được đáp trả tỳ-ni (*na vinayo vasajjitabbo*): không biết hồ thẹn, ngu si và hành hại (*alajji, bālo, apakatatto*).

dối, khi đang nói dối biết là nói dối, nói dối rồi biết là nói dối.

100. Lại có ba trường hợp thật ngữ trọn vẹn (*ngược lại nghĩa trên*).

101. Lại có ba loại sứ giả: một là đấng (phần) sứ, hai là tăng (phần) sứ, ba là giảm (phần) sứ.

Thế nào gọi là đấng (phần) sứ? Người sứ có thể thọ giáo, mà không thêm không bớt, tùy theo sự nghe mà nói lại, đó gọi là đấng (phần) sứ.

Thế nào gọi là tăng (phần) sứ? Người sứ thọ giáo rồi, vì muốn tăng thêm ích lợi nên nói thêm, đó gọi là tăng (phần) sứ.

Thế nào gọi là giảm (phần) sứ? Người sứ thọ giáo rồi, không nói lại đầy đủ, đó gọi là giảm (phần) sứ.

102. Lại có ba hạng con: Con bằng (cha mẹ), con hơn (cha mẹ), con không bằng (cha mẹ).

Thế nào gọi là con bằng? Cha mẹ có tín, giới, thí, huệ. Con cũng có tín, giới, thí, huệ. Đó gọi là con bằng. Thế nào là con hơn? Cha mẹ không có tín, giới, thí, huệ, mà con có tín, giới, thí, huệ. Đó gọi là con hơn. Thế nào gọi là con không bằng? Cha mẹ có tín, giới, thí, huệ, mà con không có tín, giới, thí, huệ. Đó gọi là con không bằng. Phật nói kệ:

*Con bằng và con hơn,
Nên cầu con như vậy,
Đừng cầu con không bằng,
Tại gia không lợi ích,
Con kia thường như pháp,
Thiện hành ưu-bà-tắc,
Thành tựu tín trì giới,
Bố thí không xan lẫn
Như trăng không mây che.
Tại gia cũng như vậy.¹*

¹ Xem *Tạp A-hàm 31*, kinh số 874 (tr.220c19).

103. Lại có ba bệnh: Hoặc có bệnh, dù được thức ăn tùy ý hay không được; dù được thuốc tùy bệnh hay không được; dù được người nuôi bệnh giỏi tùy ý, hay không được; dù thể người bệnh cũng chết, không thể khỏi bệnh mà được lành. Hoặc có bệnh nhân như vậy.

Hoặc có bệnh nhân, dù được thức ăn tùy ý hay không được; dù được thuốc tùy bệnh hay không được; dù được người nuôi bệnh giỏi tùy ý, hay không được; mà bệnh nhân này không chết, khỏi bệnh được lành. Hoặc có bệnh nhân như vậy,

Hoặc có bệnh nhân nếu không được thức ăn tùy ý, không được thuốc tùy bệnh, không được người nuôi bệnh giỏi tùy ý, bệnh nhân này sẽ chết, không thể khỏi bệnh được lành. Nếu được thức ăn tùy ý, được thuốc tùy bệnh, được người nuôi bệnh giỏi, **[998b]** thì người bệnh này không chết, khỏi bệnh được lành. Hoặc có bệnh nhân như vậy.

Trong số đó, đối với bệnh nhân nếu không được thức ăn tùy ý, không được thuốc tùy bệnh, không được người nuôi bệnh giỏi tùy ý, bệnh nhân này sẽ chết, không thể khỏi bệnh được lành; hoặc nếu được thức ăn tùy ý, được thuốc tùy bệnh, được người nuôi bệnh giỏi, thì người bệnh này không chết, khỏi bệnh được lành; Ta vì hạng người bệnh này, cho phép người bệnh ăn thức ăn tùy ý, thuốc tùy bệnh, người nuôi bệnh tốt. Vì nhân duyên người bệnh này nên đối với những bệnh nhân khác cũng nên cho người chăm nuôi cung dưỡng.

104. Có ba loại si:¹ một là phạm tội, hai là không thấy tội, ba là thấy tội không như pháp sám hối. Đó là ba loại si.

105. Có ba loại trí tuệ:² một là không phạm tội, hai là phạm tội có thể thấy, ba là thấy tội có thể sám hối.

¹ Chỉ ba loại người ngu. Xem mục hai pháp, số 14 trước.

² Chỉ ba loại người trí. Xem mục hai pháp, số 14 trước.

106. Có ba loại si: một là phạm tội mà không thấy, hai là thấy phạm tội mà không sám hối, ba là sám hối mà không như pháp, nên vị kia¹ không chấp nhận.

107. Có ba loại trí tuệ: (*Ngược nghĩa với câu trên*).

108. Có ba loại an cư: tiền an cư, trung an cư, hậu an cư.

109. Đối với pháp luật của Thánh thì ca hát như khóc, múa nhảy như cuồng, cười đùa như con nít.²

110. Có ba loại bất tịnh nhục không được ăn: thấy, nghe, nghi vì mình mà làm.

111. Có ba loại tịnh nhục có thể ăn: không thấy, không nghe, nghi không vì mình mà làm.

112. Có ba ngày bố-tát: ngày mười bốn, ngày mười lăm, ngày mồng một.³

113. Có ba hạng người bố-tát: Tăng, số đông người, hoặc một người.⁴

114. Có ba hạng người tác pháp bố-tát: Tăng, số đông người hoặc một người.⁵

115. Có ba hạng người cần tác pháp bố-tát: Tăng, số đông người, hoặc một người.⁶

116. Hoặc biết mà làm, hoặc không biết mà làm, hoặc thấy mà làm.

¹ Người thọ sám, hoặc Tăng.

² *Thập tụng* 49 (tr.356a8) có ba pháp: trong tỳ-ni mà ca pháp như khóc; trong tỳ-ni mà cười giống pháp như cuồng; trong tỳ-ni mà vung tay múa, pháp như trẻ con.

³ Tính theo mỗi nửa tháng. Nửa tháng kia tương đương: ngày 29, 10 và 16. Tham chiếu Pāli: có ba loại bố-tát: ngày 14, ngày 15 và Tăng hoà hiệp (ngày bắt thường tùy theo Tăng yết-ma).

⁴ Pāli, ba loại bố-tát: Tăng-già bố tát (*saṅghe uposatho*), biệt chúng bố-tát (*gaṇe uposatho*), cá nhân bố-tát (*puggale uposatho*). Đây chỉ trừ xứ bố-tát.

⁵ Đây chỉ pháp thức bố-tát.

⁶ Đây chỉ túc số bố-tát.

117. Hoặc biết mà làm, hoặc không biết mà làm, hoặc si mà làm.
118. Hoặc thân, hoặc miệng, hoặc thân khẩu đầy đủ.
119. Có ba thứ nên bình đoán là phạm tội: một là tựa của giới,¹ hai là chế, ba là trùng chế.
120. Có ba pháp bình đoán là không phạm: tựa của giới,² chế, trùng chế.
121. Có ba thứ tịnh. Có ba thứ bất tịnh. Có ba thứ cho phép. Có ba thứ không cho phép cũng như vậy.
122. Có ba không cung kính: Phật, Pháp, Tăng.³
123. Lại có ba không cung kính: Phật, Pháp, Giới.
124. Lại có ba không cung kính: Phật, Pháp, Định.
125. Lại có ba không cung kính: Phật, Pháp, Cha Mẹ.
126. Có ba không cung kính: Phật, Pháp, thiện pháp.
127. Cung kính có ba. Ba mục (*tức ngược lại các mục trên*).
128. Lại có ba bị cử:⁴ Một là không thấy, hai là không sám hối, ba là ác kiến không bỏ.
129. Có ba pháp Tăng nên tác [998c] phú bát:⁵ trước tỳ-kheo mà hủy báng Phật, Pháp, Tăng.
130. Lại có ba niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.
131. Lại có ba niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Giới.

¹ Tức nhân duyên Phật chế giới. Đây nói về các giai đoạn Phật quy định một học xứ.

² Tức nhân duyên Phật chế giới.

³ Tham chiếu Pāli, Vin.v. 92, sáu không cung kính (*cha agāravā*: bất kính, đồng nghĩa không xem trọng): không kính Phật, không kính Pháp, không kính Tăng, không kính học xứ (giới), không kính sự không phóng dật, không kính sự hòa thuận. Cf. Saṅgītu, D. iii. 243.

⁴ Bị Tăng tác yết-ma xả trí.

⁵ Xem Phần IV, Ch.II, mục 27 “úp bát.”

132. Lại có ba niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Thí.

133. Lại có ba niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Thiên.¹

134. Lại có ba thành tựu: trì giới thành tựu, định thành tựu, tuệ thành tựu.

135. Lại có ba: giới thành tựu, định thành tựu, giải thoát thành tựu.

136. Lại có ba: giới thành tựu, định thành tựu, kiến giải thoát huệ thành tựu.

137. Lại có ba hạ tiện pháp: đao tiện, y tiện, sắc tiện.²

138. Lại có ba hoại sắc: xanh, đen, mộc lan.

139. Lại có ba pháp gọi là trì luật: trì giới ba-la-đề-mộc-xoa đầy đủ, đa văn, tụng hai bộ giới thông suốt không nghi.

140. Lại có ba: trì giới ba-la-đề-mộc-xoa đầy đủ, đa văn, quảng tụng tỳ-ni thông suốt không nghi.

141. Lại có ba: trì giới ba-la-đề-mộc-xoa đầy đủ, đa văn, trụ trong tỳ-ni không động.

142. Lại có ba: trì giới ba-la-đề-mộc-xoa đầy đủ, đa văn, thiện xảo phương tiện có khả năng diệt tránh sự.

143. Lại có ba biện:³ biện tỳ-kheo, biện không phóng dật, biện thanh tịnh hành.

144. Lại có ba ngày tự tứ: ngày mười bốn, ngày mười lăm, mồng một.⁴

145. Lại có ba hạng người tự tứ: Tăng, số đông người, một người.

¹ Sáu niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên. Xem *Trường A-hàm 2* (tr.12a14).

² Đao 刀, chỉ đao kiếm; y 衣, chỉ y phục; sắc 色, màu sắc. Chưa rõ ý nghĩa của những từ này.

³ Biện 辯; thường hiểu là thành biện, phạm sự cần làm. Nhưng không rõ nghĩa chính xác trong hạng mục này.

⁴ Như hạn kỳ bố-tát.

146. Lại có ba hạng người tác pháp tự tứ: Tăng, số đông người, một người.

147. Lại có ba hạng người cần tác pháp tự tứ: Tăng, số đông người, một người.¹

148. Lại có ba hạng: biết, không biết, thấy.

149. Lại có ba hạng: biết, không biết, si.

150. Lại có ba hạng: thân, miệng, cả thân và miệng.

151. Lại có ba hạng: thấy, nghe, nghi.

152. Lại có ba lời xả giới: xả Phật, xả Pháp, xả Tăng.²

153. Cũng cú pháp như vậy, mỗi cặp ba làm thành một hạng mục, cho đến 154. “chẳng phải sa-môn Thích tử.”

155. Lại có ba thứ nghĩa,³ nên đức Như Lai ra đời vì các tỳ-kheo chế giới. Từ “nhiếp thủ đối với Tăng,... *cho đến* khiến chánh pháp tồn tại lâu dài.” Mỗi ba trong 10 cú nghĩa sắp thành một hạng mục.⁴

156. Có ba thứ nghĩa, nên đức Như Lai ra đời, vì các tỳ-kheo chế yết-ma ha trách, từ nhiếp thủ đối với Tăng, ba lần ba làm thành câu, cho đến khiến chánh pháp tồn tại lâu dài cũng như vậy. Từ ha trách cho đến bảy diệt tránh cũng như vậy.

IV. BÓN PHÁP

1. Bảy giờ, đức Thế Tôn ở tại Địa thành, nước Bà-xà, bảo các tỳ-kheo: “Ta nói bốn loại quảng thuyết, các người hãy khéo nghe kỹ. Ta sẽ nói cho các người nghe.”

Các tỳ-kheo [999a1] thưa:

“Bạch Đại Đức, chúng con nguyện ưa muốn nghe.”

¹ Như các pháp bố-tát.

² Xem các hạng mục trên: một lời xả giới, hai lời xả giới.

³ Nghĩa, đây được hiểu là mục đích.

⁴ Xen mục “Hai pháp” hạng mục 127. Xem Phần I. chương I, Ba-la-di 1.

Bốn thứ ấy là:

a. Nếu có tỳ-kheo nào nói như vậy: “Thưa các Trưởng lão, tôi ở tại thôn đó, tại thành đó, nghe từ đức Phật và ghi nhớ, ‘Đây là pháp. Đây là tỳ-ni. Đây là lời Phật dạy.’”

Khi nghe tỳ-kheo kia nói như vậy không được sanh hiềm nghi liền, cũng không được chê trách, mà nên thâm định văn cú rồi tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, kiểm xét pháp luật. Nếu sau khi nghe tỳ-kheo kia nói, rồi tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, kiểm xét pháp luật, mà lời nói ấy không cùng với Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật tương ưng, trái ngược với pháp, thì nên nói với tỳ-kheo kia: “Những gì thầy nói chẳng phải như lời Phật dạy. Hoặc là Trưởng lão không thấu triệt được lời Phật dạy. Tại sao vậy? Tôi đã tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì những lời đó không cùng Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật tương ưng, trái ngược với pháp. Trưởng lão đừng nên tụng tập, cũng chớ nên dạy tỳ-kheo khác, mà nên xả bỏ.”

Nếu sau khi nghe tỳ-kheo kia nói, rồi tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, tỳ-ni, pháp luật, mà lời nói đó tương ưng với Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì nên nói với tỳ-kheo kia rằng: “Thưa Trưởng lão, những lời ngài nói đúng với lời Phật dạy, Ngài đã thấu triệt được lời Phật dạy. Tại sao vậy? Tôi đã tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì những lời ấy tương ưng, không trái ngược. Trưởng lão nên thiện trì tụng tập và dạy tỳ-kheo khác, đừng khiến cho vong thất.” Đây là quảng thuyết thứ nhất.

b. Nếu có tỳ-kheo nào nói như vậy: “Thưa Trưởng lão, tôi ở tại thôn đó, thành đó, trong Tăng hòa hiệp, trước Thượng tọa, được nghe, ‘Đây là pháp. Đây là tỳ-ni. Đây là lời Phật dạy.’” Khi nghe tỳ-kheo kia nói như vậy không được sanh hiềm nghi liền, cũng không được chê trách, mà nên thâm định văn cú, rồi tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, kiểm xét pháp luật. Nếu sau khi nghe tỳ-kheo kia nói, rồi tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, kiểm xét pháp luật, mà lời nói ấy không cùng với Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật tương ưng, trái ngược với pháp, thì nên nói với tỳ-kheo kia:

“Những gì thầy nói chẳng phải như lời Phật dạy. Chúng Tăng và Thượng tọa kia không thấu triệt được lời Phật, Trưởng lão cũng như vậy. Tại sao? Tôi đã tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì những lời đó không cùng Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật tương ưng, trái ngược với pháp. Trưởng lão đừng nên tụng tập, cũng chớ nên dạy tỳ-kheo khác, mà nên xả bỏ.”

Nếu sau khi nghe tỳ-kheo kia nói, rồi tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, mà lời nói đó tương ưng với Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì nên nói với tỳ-kheo kia rằng:

“Thưa Trưởng lão, những lời ngài nói đúng với lời Phật dạy. Chúng Tăng và Thượng tọa kia cũng như Trưởng lão đã thấu triệt lời đức Phật dạy. [999b]Tại sao vậy? Tôi đã tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì những lời ấy tương ưng, không trái ngược. Trưởng lão nên thiện tri tụng tập và dạy tỳ-kheo khác, đừng khiến cho vong thất.”

Đây là điều quảng thuyết thứ hai.

(Tiếp theo, trường hợp thứ ba, “...nghe từ số đông tỳ-kheo biết Pháp, Tỳ-ni, Ma-di ...” cũng như vậy. Trường hợp thứ tư, “...nghe từ một tỳ-kheo biết Pháp, Tỳ-ni, Ma-di,...” cũng như vậy).¹

Đó là bốn quảng thuyết.

Phật thuyết như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, tín lạc hoan hỷ thọ trì.

2. Bấy giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

Tăng có bốn hạng người đoán sự:² Hoặc có người ít nghe, không biết hồ thẹn. Hoặc có người nghe nhiều, không biết hồ thẹn. Hoặc có người ít nghe, biết hồ thẹn. Hoặc có người nghe nhiều, biết hồ thẹn.

¹ Phụ chú trong nguyên bản.

² *Thập tụng 49* (tr.357b13). Xem Phần III, Chương XVI, đoạn 3, mục 3.

a. Trong đây, tỳ-kheo đoán sự ít nghe, không biết hổ thẹn, nếu có bàn luận đoán sự ở giữa Tăng, Tăng nên nghiêm khắc quở trách, khiến cho hạng người không biết hổ thẹn đó, sau này không như vậy nữa.

b. Nếu người đoán sự nghe nhiều mà không có hổ thẹn kia có bàn luận đoán sự ở giữa Tăng, Tăng nên nghiêm khắc quở trách, khiến cho người không biết hổ thẹn đó sau này không như vậy nữa.

c. Trong đây, tỳ-kheo đoán sự có hổ thẹn mà ít nghe kia, nếu có bàn luận đoán sự ở giữa Tăng, Tăng không nên nghiêm khắc quở trách mà nên yểm trợ khai thị, khiến cho vị biết hổ thẹn đó về sau có dự bàn luận đoán sự ở giữa Tăng.

d. Nếu tỳ-kheo đoán sự nghe nhiều có hổ thẹn, có bàn luận đoán sự của họ ở giữa Tăng, Tăng không nên chê trách, mà sau khi nghe những gì vị đó nói rồi nên khen: “Thiện tai!” Khiến cho vị có hổ thẹn đó sau này dự bàn luận đoán sự ở giữa Tăng.

3. Lại có bốn hạng tỳ-kheo đoán sự: Hoặc không hổ thẹn và không thuộc kinh văn. Hoặc không hổ thẹn mà thuộc kinh văn. Hoặc có hổ thẹn mà không thuộc kinh văn. Hoặc có hổ thẹn lại thuộc kinh văn.

a. Hạng người không hổ thẹn lại không thuộc kinh văn có ba điều mất mát: Vị kia mất mát do không biết hổ thẹn; mất mát do đáng bị chê trách; mất mát do không thuộc kinh văn. Đó là ba điều mất mát của người đoán sự.

b. Người không hổ thẹn mà thuộc kinh văn có hai điều mất mát: mất mát do không biết hổ thẹn; mất mát do đáng bị chê trách. Vị kia không mất mát do không thuộc kinh văn. Đó là hai điều mất mát của người đoán sự.

c. Người có hổ thẹn mà không thuộc kinh văn có một điều mất mát: Vị kia mất mát do không thuộc kinh văn; không mất mát do không biết hổ thẹn; không mất mát do đáng bị chê trách. Đó là một điều mất mát của người đoán sự.

d. Người có hổ thẹn lại thuộc kinh văn, không có điều mất mát. Vị kia không mất mát do biết hổ thẹn; không mất mát do không có điều gì đáng bị chê trách; không mất mát vì thuộc kinh văn. Đây là tỳ-kheo đoán sự tối thắng đệ nhất không mất mát.

4. Phá giới, với bốn trường hợp cũng như vậy. Phá kiến, với bốn trường hợp cũng như vậy. Phá chánh mạng, với bốn trường hợp cũng như vậy. Phá oai nghi [999c] với bốn trường hợp cũng vậy (Trong đây, tại Kì-Liên có bốn tỳ-kheo chia vật bốn phần như trong “Kiền-độ phòng xá”¹ không khác, nên không chép ra).

5. Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Đại Đức, phá Tăng, cho đến mức nào gọi là phá Tăng? Ai phá hòa hợp Tăng?”

Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

“Nếu có tỳ-kheo nào, phạm mà nói không phạm; không phạm mà phạm; nhẹ mà nói nặng; nặng mà nói nhẹ. Nếu tỳ-kheo nào đối với bốn việc này, tìm cầu bạn bè, hoặc khiến người tìm; ở trong giới mà biệt bộ bố-tát, yết-ma thuyết giới. Cho đến mức ấy, Tăng được gọi là phá (vỡ). Đó gọi là Tăng hòa hợp bị vỡ.”

Ưu-ba-ly lại hỏi:

“Thế nào là hòa hợp Tăng? Tăng vỡ rồi, ai làm cho hòa hợp?”

Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

“Nếu có tỳ-kheo nào, phạm nói là phạm; không phạm nói là không phạm; nhẹ nói là nhẹ; nặng nói là nặng. Tỳ-kheo kia đối với bốn việc này không tìm cầu bạn bè, không sai người tìm cầu, không biệt bộ yết-ma, bố-tát, thuyết giới. Như vậy gọi là Tăng hòa hợp. Đó gọi là Tăng vỡ rồi trở lại hòa hợp.”

¹ Xem phần IV, chương I.

6. Đức Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Khi ấy các tỳ-kheo ở Xá-vệ tranh chấp lẫn nhau. A-ni-lâu-đà¹ có đệ tử tên là Bà-di,² một mình nói giữa Tăng, một mình tranh cãi. A-ni-lâu-đà ở trong chúng không nói một lời nào để dạy dỗ, quở trách.

Bấy giờ, A-nan đến chỗ đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà vẫn cố hỏi:

“Này A-nan, tránh sự đã dứt chưa?”

A-nan thưa:

“Tránh sự đâu có thể dứt được! Đệ tử của A-ni-lâu-đà ở trong chúng một mình nói, một mình tranh cãi mà A-ni-lâu-đà ở trong chúng không nói một lời nào để giáo giới, khiến trách.”

Đức Phật bảo A-nan:

“A-ni-lâu-đà có khi nào diệt được tránh sự này. Tránh sự này há không phải do Xá-lợi-phất, Mục-liên diệt?”

Bấy giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Ác tỳ-kheo có bốn pháp khi thấy Tăng bị vỡ thì hoan hỷ. Bốn pháp đó là gì?

a. Ác tỳ-kheo ấy có ác pháp phá giới. Ác tỳ-kheo kia khởi lên nghĩ như vậy: ‘Ta có ác pháp phá giới. Nếu tỳ-kheo khác biết, tập chúng hòa hợp tác pháp diệt tận ta, ta có tỳ-kheo khác trợ bạn.’ Đó là pháp thứ nhất, ác tỳ-kheo thấy Tăng bị vỡ thì hoan hỷ.

b. Lại nữa, ác tỳ-kheo sống tà mạng, nghĩ rằng: ‘Ta sống tà mạng. Nếu tỳ-kheo khác biết, tập chúng hòa hợp tác pháp diệt tận ta, ta có tỳ-kheo khác trợ [1000a1] bạn.’ Đó là pháp thứ hai, ác tỳ-kheo thấy Tăng bị vỡ thì hoan hỷ.

¹ A-ni-lâu-đà 阿尼樓陀. Pāli: Anuddha. Xem cht. sau.

² Bà-di 婆夷. Pāli, A. ii. 239: Bāhiya, đệ tử, hoặc người đồng trú xứ (*saddhivihārika*) với Anuruddha. Truyện xảy ra khi Phật trú tại Kosambī (Kiều-thường-di), trong tinh xá Ghositārāma. Xem Phần III, Chương IX “Câu-thiền-di”. Cf. Vin.i. Kosambaka-kkhandhaka.

c. Lại nữa, ác tỳ-kheo luôn luôn cầu lợi dưỡng cung kính, nghĩ rằng:

‘Ta cầu lợi dưỡng cung kính. Nếu tỳ-kheo khác biết, tập chúng hòa hợp Tăng diệt tận, thì ta có tỳ-kheo khác trợ bạn.’ Đây là pháp thứ ba, ác tỳ-kheo thấy Tăng bị vỡ thì hoan hỷ.

d. Lại nữa, ác tỳ-kheo tà kiến, biên kiến, nghĩ rằng: ‘Ta tà kiến, biên kiến. Nếu tỳ-kheo khác biết, tập chúng hòa hợp tác pháp diệt tận ta, ta có tỳ-kheo khác trợ bạn.’ Đó là pháp thứ tư, ác tỳ-kheo thấy Tăng bị vỡ thì hoan hỷ.

7. Có bốn thứ tác pháp: trước tác phi pháp, sau tác phi pháp; trước tác phi pháp, sau tác như pháp; trước tác như pháp, sau tác phi pháp; trước tác như pháp, sau tác như pháp.

a. Thế nào là trước tác phi pháp sau tác phi pháp? Trước sự việc được khơi dậy một cách phi pháp; vị ấy cần được giáo giới, khiển trách, nhưng không được giáo giới khiển trách, mà an trú; đáng bị diệt tận nhưng không bị diệt tận, mà an trú. Đó là trước tác phi pháp, sau tác phi pháp.

b. Thế nào là trước tác phi pháp, sau tác như pháp? Nếu có người tác sự phi pháp, trước sự việc được khơi dậy một cách phi pháp; vị ấy cần được giáo giới, khiển trách, thì đã được giáo giới khiển trách, mà an trú; đáng bị diệt tận thì đã bị diệt tận, mà an trú. Đó là, trước tác phi pháp, sau tác như pháp.

c. Thế nào là trước tác pháp, sau tác phi pháp? Nếu tỳ-kheo khơi dậy việc một cách như pháp, cần được giáo giới, khiển trách nhưng đã không được giáo giới, khiển trách, mà an trú; đáng bị diệt tận nhưng không bị diệt tận, mà an trú. Đó là, trước tác như pháp, sau tác phi pháp.

d. Thế nào là trước tác như pháp, sau tác như pháp? Nếu tỳ-kheo, trước sự việc được như pháp khơi dậy, cần được giáo giới, khiển trách thì đã được giáo giới khiển trách; đáng bị diệt tận thì đã bị diệt tận, rồi sau mới an trú. Đó là trước tác như pháp, sau tác như pháp.

8. Có bốn thứ cúng dường: một là ẩm thực, hai là y dược, ba là y phục, bốn là cho các thứ cần dùng.

9. Lại có bốn thứ lợi pháp: cầu xin phi pháp và cho phi pháp; cầu xin phi pháp và cho như pháp; cầu xin như pháp và cho phi pháp; cầu xin như pháp và cho như pháp.

a. Thế nào là cầu xin phi pháp và cho phi pháp? Hoặc có tỳ-kheo quanh quẩn lai vãng, không hành theo pháp sa-môn, thuyết phi pháp để tìm cầu lợi dưỡng một cách bất tịnh. Vị kia cầu lợi dưỡng một cách bất tịnh như vậy, và được cho với sự thiên vị:

‘Lấy cái này. Chớ lấy cái này. Lấy chùng đó. Chớ lấy chùng đó. Mang cái đó đến đây. Chớ mang cái đó đến đây. Mang chùng ấy đến. Chớ mang chùng ấy đến. Cho người này. Đừng cho người kia. Cho chùng ấy. Chớ cho chùng ấy. Người kia nên được cho. Người kia không nên được cho.’

Đó là tìm cầu lợi dưỡng phi pháp và **[1000b]** cho phi pháp.

b. Thế nào là cầu xin phi pháp và cho như pháp? Hoặc có tỳ-kheo quanh quẩn lai vãng, không hành theo pháp sa-môn, thuyết phi pháp để tìm cầu lợi dưỡng một cách bất tịnh. Nhưng không được cho với sự thiên vị như trên. Đó là cầu xin phi pháp và cho như pháp.

c. Thế nào là cầu xin như pháp và cho phi pháp? Hoặc có tỳ-kheo quanh quẩn lai vãng, hành theo pháp sa-môn, không thuyết phi pháp để tìm cầu lợi dưỡng một cách bất tịnh. Nhưng được cho với sự thiên vị như trên. Đó là cầu xin như pháp và cho phi pháp.

d. Thế nào là cầu xin như pháp và cho như pháp? Hoặc có tỳ-kheo quanh quẩn lai vãng, hành theo pháp sa-môn, không thuyết phi pháp để tìm cầu lợi dưỡng một cách bất tịnh. Nhưng không được cho với sự thiên vị như trên. Đó là cầu xin như pháp và cho như pháp.

10. Có bốn pháp không được truyền trao đại giới cho người: không biết tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, không rộng tụng hai

bộ giới. Có bốn pháp như vậy thì không được truyền thọ đại giới cho người. Có bốn pháp nên cho người thọ đại giới: (*Ngược lại với câu trên*).

11. Lại có bốn pháp không được truyền thọ đại giới cho người: không biết tăng giới học, không biết tăng tâm học, tăng tuệ học, không quảng tụng tỳ-ni. Có bốn pháp như vậy không được truyền thọ đại giới cho người.

12. Lại có bốn pháp nên truyền thọ đại giới cho người (*Ngược lại với câu trên*).

13. Lại có bốn pháp không được truyền thọ đại giới cho người: không biết tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, tuy tụng tỳ-ni mà không thể quyết liễu. Có bốn pháp như vậy không được truyền thọ đại giới cho người.

14. Lại có bốn pháp nên truyền thọ đại giới cho người : (*Ngược lại câu trên*).

15. Lại có bốn pháp không được truyền thọ đại giới cho người: không thọ trì hai trăm năm mươi giới; không đa văn; nếu đệ tử có ác kiến không thể giáo hóa để đệ tử bỏ ác kiến, tu tập thiện kiến; không đủ mười tuổi (hạ). Có bốn pháp như vậy không được truyền thọ đại giới cho người.

16. Lại có bốn pháp nên truyền thọ đại giới cho người (*Ngược lại câu trên*).

17. Có bốn pháp gọi là trì luật: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng.

18. Lại có bốn pháp: biết phạm, biết không phạm, biết hữu dư, biết vô dư.¹

19. Lại có bốn pháp: biết phạm, biết không phạm, biết thô ác, biết không thô ác.²

¹ Xem cht. 11, mục “hai pháp” hạng mục 14.

² Xem cht. 12, mục “hai pháp” hạng mục 15.

20. Lại có bốn pháp: biết tội có thể sám, biết tội không thể sám, biết sám hối thanh tịnh, biết sám hối không thanh tịnh.

21. Lại có bốn tránh sự: ngôn tránh, mịch tránh, phạm tránh, sự tránh.

22. Có bốn sự sợ hãi phạm tội:¹

a. Có người đàn ông như vậy: tóc rũ, mặc áo đen, cầm con dao, [1000c] đến giữa đám đông, nói như vậy: ‘Tôi đã tạo ra tội cực đại trọng ác, bị chém đầu, tùy theo sự vui lòng của mọi người tôi sẽ làm.’ Bấy giờ, mọi người liền bắt trời, đánh tiếng trống hung dữ, để báo hiệu sự chết, xướng lệnh dọc theo đường đi, dẫn ra khỏi cửa phía hữu, đến pháp trường để giết. Người trí thấy vậy, nói như sau: ‘Người này đã tạo tội ác cực trọng tử hình. Nay ta nên tự cảnh tỉnh và dạy người khác đừng tạo ra tội trọng ác tử hình như vậy.’ Cũng vậy, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni đối với pháp ba-la-di sanh tâm sợ sệt, tâm niệm rằng, ‘Nếu chưa phạm ba-la-di thì trọn đời không phạm. Nếu lỡ phạm thì hoàn toàn không có tâm che giấu, như pháp sám hối.’ Đây là sự sợ hãi phạm tội thứ nhất.

b. Có người đàn ông như vậy: tóc rũ, mặc áo đen, cầm gậy, đến giữa đám đông, nói như vậy: ‘Tôi làm điều ác bất thiện. Tùy theo sự vui lòng của mọi người tôi sẽ làm.’ Bấy giờ, đám đông người nọ liền đoạt lấy con dao, đánh và đuổi ra khỏi cửa phía hữu. Có người trí thấy bèn nói như vậy: ‘Đây là người làm tội ác. Nay ta nên tự cảnh tỉnh và dạy người khác đừng làm tội ác như vậy.’ Cũng vậy, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni đối với pháp tăng tàn sanh tâm sợ sệt, tâm niệm rằng, ‘Nếu chưa phạm tăng tàn thì trọn đời không phạm. Nếu lỡ phạm thì hoàn toàn không có tâm che giấu, như pháp sám hối.’ Đây là sự sợ hãi phạm tội thứ hai.

c. Có người đàn ông như vậy: tóc rũ, mặc áo đen, cầm con dao, đến giữa đám đông, nói như vậy: ‘Tôi đã tạo tội ác. Tùy theo sự vui

¹ *Thập tụng* 49 (tr.356c24): “Thế gian có bốn hạng người, thấy sự phạm tội thì sinh sợ hãi.”

lòng của mọi người tôi sẽ làm.’ Bấy giờ, mọi người liền đoạt lấy cây gậy, rồi đuổi ra khỏi cửa hữu. Người trí thấy vậy, nói như sau: ‘Người này đã tạo tội ác. Nay ta nên tự cảnh tỉnh và dạy người khác đừng tạo ra tội như vậy.’ Cũng vậy, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni đối với pháp ba-dật-đề sanh tâm sợ sệt, tâm niệm rằng, ‘Nếu chưa phạm ba-dật-đề thì trọn đời không phạm. Nếu lỡ phạm thì hoàn toàn không có tâm che giấu, như pháp sám hối.’ Đây là sự sợ hãi phạm tội thứ ba.

d. Có người đàn ông như vậy: tóc rũ, mặc áo đen, đến giữa đám đông, nói như vậy: ‘Tôi đã làm điều ác bất thiện. Tùy theo sự vui lòng của mọi người tôi sẽ làm.’ Bấy giờ, mọi người liền khiển trách, rồi đuổi ra khỏi cửa phía hữu. Người trí thấy vậy, nói như sau: ‘Người này đã tạo tội ác. Nay ta nên tự cảnh tỉnh và dạy người khác đừng tạo ra tội như vậy.’ Cũng vậy, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni đối với pháp ba-đề-đề-xá-ni sanh tâm sợ sệt, tâm niệm rằng, ‘Nếu chưa phạm ba-đề-đề-xá-ni thì trọn đời không phạm. Nếu lỡ phạm thì hoàn toàn không có tâm che giấu, như pháp sám hối.’ Đây là sự sợ hãi phạm tội thứ tư.

23. Có **[1001a1]** bốn hạng người phạm:

a. Nếu tỳ-kheo phạm tội, tỳ-kheo khác nói: ‘Thầy phạm tội, thấy không?’ Vị kia nói: ‘Không thấy.’ Tỳ-kheo lại nói: ‘Này Trưởng lão, nếu thấy tội nên sám hối.’¹ Đây là người phạm thứ nhất.

b. Nếu tỳ-kheo phạm tội, tỳ-kheo khác nói: ‘Này Trưởng lão, thầy phạm tội, có thấy không? Vị kia nói: ‘Không thấy.’ Tỳ-kheo lại nói: ‘Này Trưởng lão, nếu thấy tội nên sám hối giữa Tăng.’² Đây là người phạm thứ hai.

c. Nếu tỳ-kheo phạm tội, tỳ-kheo khác nói: ‘Trưởng lão phạm tội, có thấy không?’ Vị kia nói: ‘Không thấy.’ Tỳ-kheo lại nói: ‘Trưởng

¹ Sám các tội ba-dật-đề

² Sám các tội đầu-lan-giá.

lão thấy tội hãy ở giữa Tăng này mà sám hối.’¹ Đây là phạm nhân thứ ba.

d. Nếu tỳ-kheo phạm tội, tỳ-kheo khác nói: ‘Này Trưởng lão, thầy phạm tội, thấy không?’ Vị kia nói: ‘Không thấy.’ Bấy giờ, Tăng nên hoàn toàn xả bỏ² và nói: ‘Tùy ý thầy hãy đi. Muốn đi đâu, tùy ý. Nhưng chỗ thầy đến, ở đó thầy cũng sẽ bị cử tội. Các vị kia đối với thầy sẽ bị tác cử, tác ức niệm, tác tự ngôn, ngăn a-nậu-bà-đà, ngăn thuyết giới, ngăn tự tứ.’ Như ông thầy luyện ngựa. Con ngựa dữ khó huấn luyện, liền gộp luôn cả yên cương mà đánh đuổi ngựa đi. Tỳ-kheo này cũng như vậy, tất cả đều xả bỏ. Đây là phạm nhân thứ tư.

24. Đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá, trong núi Kỳ-xà-quật. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chắm đất, chấp tay bạch Phật rằng:

“Vị Trưởng lão đối trước vị tỳ-kheo niên thiếu sám hối, bên trong có bao nhiêu pháp cần sám hối?”

Đức Phật dạy:

“Bên trong có bốn pháp nên sám hối: để trống vai bên hữu, cởi bỏ dép, quỳ gối chấp tay, nói tên tội phạm: ‘Tôi phạm tội như vậy. Nay đối trước Trưởng lão sám hối.’ Vị kia nên nói: ‘Thầy nên cải hối, sanh tâm yếm ly.’ Đáp rằng: ‘Xin vâng!’ Tỳ-kheo Thượng tọa đối với tỳ-kheo hạ tọa có bốn pháp như vậy nên sám hối.

Có bốn ba-la-đề-đề-xá-ni, nói như trên.

Có bốn ba-la-di nói như trên.

25. Có bốn yết-ma: phi pháp biệt chúng yết-ma, như pháp biệt chúng yết-ma, phi pháp hòa hợp chúng yết-ma, và như pháp hòa hợp yết-ma. Đó là bốn yết-ma. Ở đây, phi pháp biệt chúng yết-ma, không được làm. Phi pháp hòa hợp yết-ma, không được làm. Pháp

¹ Sám các tội tăng-già-bà-thi-sa.

² Tăng tác yết-ma xả trí, vì ngoan cố không nhận tội.

biệt chúng yết-ma không được làm. Pháp hòa hợp yết-ma, nên làm. Đó là điều Ta cho phép.

Phi pháp biệt chúng yết-ma, yết-ma không thành. Phi pháp hòa hợp yết ma, yết-ma **[1001b]** không thành. Pháp biệt chúng yết-ma, yết-ma không thành. Pháp hòa hợp yết-ma, yết-ma thành tựu.

Phi pháp biệt chúng yết-ma, không đúng cách. Phi pháp hòa hợp yết-ma, không đúng cách. Pháp biệt chúng yết-ma, không đúng cách. Pháp hòa hợp yết-ma, đúng cách.

26. Có bốn cách bố-tát: ba lời bố-tát, thanh tịnh bố-tát, thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa bố-tát, tỳ-tứ bố-tát.

27. Có bốn vọng ngữ: vọng ngữ ba-la-di, vọng ngữ tăng tàn, vọng ngữ ba-dật-đề, vọng ngữ tỳ-ni a-tỳ-bà-la.¹

28. Có bốn chúng: tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

29. Lại có bốn chúng: sát-lợi, bà-la-môn, cư sĩ, sa-môn.

30. Lại có bốn chúng: Tứ thiên vương, Đạo lợi thiên, Ma, Phạm.

31. Lại có bốn chúng: ái, nhuế, bố, si.

32. Lại có bốn chúng: không ái, không nhuế, không bố, không si.

33. Có bốn hạng người bình đoán sự có trí tuệ: Có người thân không hiện ác mà miệng hiện. Có người miệng không hiện ác mà thân hiện. Có người thân miệng hiện ác. Có người thân khẩu không hiện ác.

a. Thế nào là thân không hiện ác mà khẩu hiện? Hoặc có người thân không hiện ác, mà miệng nói chỉ thị khiến phải cộng đồng kiến giải.² Đó là thân không hiện ác mà khẩu hiện.

b. Thế nào là miệng không hiện ác mà thân hiện? Có người thân hiện ác, mà miệng không chỉ thọ, không bắt cùng đồng kiến giải.

¹ Tỳ-ni a-tỳ-bà-la 毘尼阿毘婆羅. Không rõ. Theo đoạn mạch, đây chỉ vọng ngữ thuộc tội ác thuyết.

² Áp chế bằng miệng mà không áp chế bằng thân, khi quyết đoán tránh sự.

Đó là miệng không hiện ác mà thân hiện.

c. Thế nào là thân không hiện ác, khẩu không hiện ác? Có người thân không hiện, miệng không chỉ thọ, không bắt cùng đồng kiến giải. Đó là thân miệng không hiện ác.

d. Thế nào là thân miệng hiện ác? Có người thân hiện ác, miệng nói chỉ thọ, bắt ép cùng đồng kiến giải. Đó là thân hiện ác, khẩu hiện ác. Đó là bốn hạng người bình đoán sự có trí.

34. Tỳ-kheo có bốn pháp tự tổn hại, có phạm, bị người có trí quả trách, mắc nhiều tội. Bốn pháp đó là gì? Có ái (thiên vị), có nhuế (thù hận), có bố (sợ hãi), có si (bất minh). Tỳ-kheo có bốn pháp như vậy, tự tổn hại, bị người có trí quả trách, mắc nhiều tội.

35. Tỳ-kheo có bốn pháp không tự tổn hại: (*Ngược lại hạng mục trên*).

36. Có bốn pháp hướng đến phi đạo: có ái, có nhuế, có bố, có si.

37. Có bốn pháp không hướng đến phi đạo: (*Ngược lại câu trên*).

38. Có bốn pháp không được sai làm người chia cháo. Chưa sai thì không được sai. Đã sai thì không được chia: có ái, có nhuế, có bố, có si.

39. Có bốn [1001c] pháp nên sai làm người chia cháo: (*ngược lại câu trên*).

Chia tiểu thực, chia thức ăn khu-xà-ni, hoặc sai phó hội, trải ngoại cụ, chia y tắm mưa, chia y nhận được.

Sai tỳ-kheo làm sứ, cho đến sai sa-di làm sứ cũng vậy.

40. Có bốn pháp đọa vào địa ngục như tên bắn (*tức là sai các tri sự như trên*).¹

41. Có bốn phi pháp ngăn thuyết giới, ngăn vô căn: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng.

¹ Xem mục “hai pháp.”

42. Có bốn như pháp ngăn thuyết giới, ngăn hữu căn: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng. Đó là bốn như pháp ngăn thuyết giới.

43. Có bốn thanh tịnh: trì giới thanh tịnh, kiến thanh tịnh, oai nghi thanh tịnh, chánh mạng thanh tịnh. Đó là bốn thanh tịnh.

44. Có bốn pháp y chỉ: y phần tảo, khát thực, nghỉ dưới gốc cây, thuốc hủ lạn. Đó là bốn pháp y chỉ.

45. Có bốn pháp tổn giảm: hoặc có trí có thể nhẫn, hoặc có trí có thể thân cận, hoặc có trí có thể giải, hoặc có trí có thể đoạn. Đó là bốn thứ tổn pháp.¹

46. Đức Thế Tôn ở tại Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn biết mà vẫn hỏi tôn giả A-nan: “Trong khi mất mùa, lúa gạo khan hiếm, Ta từ miễn vì các tỳ-kheo nên cho phóng xả bốn việc: ngủ chung với thức ăn trong nội giới, nấu trong nội giới, tự mình nấu, tự nhận thức ăn.² Nay các tỳ-kheo vẫn cứ tiếp tục như vậy hay sao?”

A-nan bạch Phật: “Các tỳ-kheo vẫn tiếp tục.”

Đức Phật dạy: “A-nan, không được ăn như vậy. Nếu ăn, sẽ như pháp trị.”

47. Đức Phật bảo tôn giả A-nan: “Do khi lúa gạo khan hiếm, Ta thương các tỳ-kheo nên cho phép: sáng sớm thọ tiểu thực,³ từ người kia mang đến, như trái hồ đào v.v...⁴ và thức ăn có thể ăn trong nước.⁵ Những thứ như vậy vẫn tiếp tục ăn hay sao?”

¹ Bản Hán, hết quyển 58.

² Tỳ-kheo có thể tự lượm trái cây mà ăn, không cần người trao; nói rộng ba-dật-đề 39. Xem Phần III, Ch. VII. Thuốc, mục 9. Tám sự cho phép

³ Sáng đã tiểu thực, sau đó không cần làm pháp dư thực vẫn có thể ăn thêm. Xem Phần III, Ch. VII. Thuốc, mục 9. Tám sự cho phép.

⁴ Sau khi đã ăn, được ăn thêm các thứ trái cây mà người khác mang về, không cần làm pháp dư thực. Xem Phần III, Chương VII. Thuốc, mục 6. Tịnh địa.

⁵ Các thứ mọc dưới nước như củ sen, v.v..., có thể ăn thêm mà không cần làm pháp dư thực. Xem Phần III, Chương VII. Thuốc, mục 6. Tịnh địa.

Tôn giả A-nan trả lời: “Vâng!”

Đức Phật dạy: “Không được ăn. Nếu ăn, sẽ như pháp trị.”

48. Có bốn pháp tác yết-ma ha trách, phi pháp phi tỳ-ni yết-ma không thành, không đúng cách. Bốn pháp đó là gì? [1002a1] Vô căn phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng. Đó là bốn pháp.

49. Có bốn pháp tác yết-ma quở trách như pháp như tỳ-ni yết-ma thành tựu, đúng cách (*ngược nghĩa với câu trên*).

50. Có bốn đại tặc.¹ Những gì là bốn?

a. Hoặc có đại tặc sanh ý nghĩ như vậy: ‘Nếu có được trăm người, ngàn người để phá thành ấp đó.’ Một thời gian sau, tên giặc ấy có được trăm người, ngàn người phá thành ấp đó. Cũng vậy, ác tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Ở chỗ nào mà ta sẽ được một trăm nhân chúng, một ngàn nhân chúng để du hành tại thành ấp nào đó.’ Vào thời gian khác vị kia có được một trăm nhân chúng, một ngàn nhân chúng du hành nơi thành ấp kia. Đó là đại tặc thứ nhất.

b. Lại nữa, có đại tặc chẳng phải tịnh hạnh tự nói là tịnh hạnh. Đó là hạng đại tặc thứ hai.

c. Lại nữa, có đại tặc vì miệng bụng, nên tuy không chân thật, chẳng phải mình có, mà dối giữa đại chúng cố ý vọng ngữ, tự xưng được pháp thượng nhân. Đó là hạng đại tặc thứ ba.

d. Lại có đại tặc sử dụng bông trái, rau lá của Tăng để tự nuôi sống. Đó là đại tặc thứ tư.

51. Có bốn tín pháp:

Nếu tỳ-kheo ở nơi thành quách, thôn xóm, làm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp sa-môn. Trong đây, nên tùy thuận giáo thọ cư sĩ khiến cho họ tin. Tỳ-kheo kia nói với tỳ-kheo này rằng: “Thầy ở

¹ *Thập tụng 49* (tr.356b20): thế gian có ba đại tặc. 1. Thủ lãnh cướp, cầm đầu 100 cho đến 500 lâu la, cướp bóc làng xóm. 2. Tỳ-kheo lấy vật tứ phương Tăng đi bán để nuôi sống. 3. Tỳ-kheo trống rỗng mà tự xưng đắc pháp thượng nhân.

nơi thành ấp, thôn xóm đó làm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp sa-môn. Thầy nên trở lại giáo hóa cư sĩ kia. Nếu thầy không thể tùy thuận giáo hóa cư sĩ khiến cho họ tin thì thầy không thể cư trú tại đây. Nếu thầy có thể tùy thuận giáo hóa cư sĩ thì cho phép thầy ở tại đây. Nếu không thể tùy thuận giáo hóa cư sĩ khiến cho họ tin thì các tỳ-kheo không cùng thầy đồng yết-ma, thuyết giới, tụng, chung đồng một chỗ ngồi, tiêu thực đại thực không theo thứ tự mà ngồi, cũng không đón tiếp, chấp tay lễ bái chào hỏi. Nếu thầy có thể tùy thuận giáo hóa cư sĩ kia khiến cho họ tin thì các tỳ-kheo sẽ cùng thầy đồng yết-ma, *cho đến lễ bái chào hỏi.*” Đó là bốn tín pháp. Nếu là cư sĩ hay con cư sĩ cũng như vậy.

52. Có bốn phi Thánh pháp: cái không thấy nói thấy, cái không nghe nói nghe, cái không xúc nói xúc, cái không biết nói biết.¹ Đó là bốn phi Thánh pháp.

53. Có bốn Thánh pháp (*ngược lại nghĩa câu trên*).

54. Có bốn phi Thánh pháp: cái thấy nói không thấy, cái nghe nói không nghe, cái xúc nói không xúc, cái biết nói không biết. Đó là bốn phi Thánh pháp.

55. Có bốn Thánh pháp: (*ngược lại nghĩa câu trên*).

56. Có bốn lời xả giới: “Xả Phật, xả Pháp, [1002b] xả Tăng, xả Hòa thượng.” Đó là bốn lời xả giới.

Cũng vậy, “xả Phật, xả Pháp, xả Tăng,” làm phần đầu, rồi thêm, cho đến “phi sa-môn Thích tử.”² Mỗi cụm bốn lời như vậy.

57. Vì bốn nghĩa lợi¹ nên đức Như Lai ra đời vì các tỳ-kheo chế giới: nhiếp thủ đối với Tăng, *cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.* Mỗi cụm gồm bốn nghĩa như vậy.²

¹ Kiến 見, văn 聞, xúc 觸, tri 知. Trường A-hàm 8 (kinh Chúng tập, tr.50b27), bốn phi Thánh ngữ, và Thánh ngữ: kiến, văn, giác 覺, tri. Pāli, Vin. v. 124: *cattāro anariyavohārā, aditthe ditthavādītā, assute sutavādītā, amute mutavādītā, aviññe viññātavādītā.*

² Chi tiết, xem mục “một pháp” các hạng mục 1, 2.

58. Có bốn nghĩa lợi nên đức Như Lai ra đời vì các tỳ-kheo chế yết-ma ha trách; nhiếp thủ đối với Tăng, *cho đến* chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi cụm gồm bốn nghĩa như vậy.³

Cho đến bảy diệt tránh cũng như vậy.

V. NĂM PHÁP

Bấy giờ, đức Thế Tôn ở thành Vương-xá, bảo các tỳ-kheo:

1. “Có năm pháp không được trao đại giới cho người:⁴ không giới, không định, không tuệ, không giải thoát tuệ, không tri kiến giải thoát. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.
2. Lại có năm pháp nên trao đại giới cho người: (*Ngược lại nghĩa câu trên*).
3. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: tự mình không giới, không định, không tuệ, không giải thoát tuệ, không kiến giải thoát tuệ,⁵ cũng không thể dạy người khiến an trụ giới-định-tuệ, cho đến kiến giải thoát tuệ. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.
4. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (*ngược lại nghĩa câu trên*).
5. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không tín, không tâm, không quý, giải đãi, quên nhiều. Có năm pháp như vậy, không được trao đại giới cho người.
6. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (*Ngược lại nghĩa câu trên*).

¹ Bốn mục đích.

² Chi tiết, xem mục “hai pháp” hạng mục 127.

³ Chi tiết, xem mục “hai pháp” hạng mục 127.

⁴ Không đủ tư cách làm Hoà thượng. Xem Phần III, Chương I “Thọ giới.” đoạn 8.

⁵ Giải thoát tri kiến.

7. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ học, không biết bạch, không biết yết-ma. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

8. Có năm pháp nên trao đại giới cho người (*tức ngược với nghĩa câu trên*).

9. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết oai nghi giới, không biết tăng tịnh hạnh,¹ không biết Ba-la-đề-mộc-xoa giới, không biết bạch, không biết yết-ma. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

10. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (*ngược lại nghĩa câu trên*).

11. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết phạm, không biết phạm rồi sám hối, không biết phạm rồi sám hối thanh tịnh, không biết bạch, không biết yết-ma. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

12. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (*ngược lại nghĩa câu trên*).

13. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết có nạn pháp, không biết không nạn pháp, [1002c] không biết bạch, không biết yết-ma, không đủ mười tuổi (hạ). Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

14. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (*ngược lại nghĩa câu trên*).

15. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thể dạy người tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, không thể làm người nuôi bệnh,² cũng không thể nhờ người nuôi bệnh đến khi

¹ Tăng tịnh hạnh, hay tăng thượng phạm hạnh. Đọc đúng là “căn bản phạm hạnh.” Hán đọc *ādi-brahmacariya*, thành *adhi-brahmacariya*.

² Không thể chăm sóc đệ tử bệnh. Xem Phần III, Ch. I, dẫn trước.

lành hoặc đến khi qua đời, hoặc không đủ mười tuổi (hạ). Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

16. Lại có năm pháp nên trao đại giới cho người: (*ngược nghĩa lại câu trên*).

17. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thể dạy đệ tử tăng oai nghi giới, tăng tịnh hạnh, tăng Ba-la-đề-mộc-xoa giới, nếu đệ tử có ác kiến không thể phương tiện dạy khiến cho bỏ ác kiến trụ thiện kiến, hoặc không đủ mười tuổi (hạ). Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

18. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (*ngược lại nghĩa câu trên*).

19. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết phạm, không biết không phạm, không biết nhẹ, không biết nặng, không rộng tụng hai bộ tỳ-ni. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

20. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (*ngược lại nghĩa trên*).

21. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, không đủ mười tuổi. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới.

22. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (*ngược lại nghĩa câu trên*).

23. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, không thể dạy đệ tử Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, nếu đệ tử có ác kiến không thể dạy khiến xả ác kiến trụ thiện kiến. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

24. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (*ngược lại nghĩa câu trên*).

25. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thể dạy đệ tử Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, nếu đệ tử có ác kiến không thể dạy

khiến xả ác kiến trụ thiện kiến, nếu đệ tử không an lạc ở trú xứ này, không thể dời đến trú xứ khác an lạc, nếu đệ tử có sanh tâm nghi hối mà không thể khai giải đúng Phật Pháp. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

26. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: *(ngược lại nghĩa câu trên)*.

27. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: Không thể dạy đệ tử Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, nếu **[1003a1]** đệ tử có ác kiến không thể dạy khiến xả ác kiến trụ thiện kiến, nếu đệ tử không an lạc ở trú xứ này, không thể dời đến trú xứ khác an lạc, không đủ mười tuổi. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

28. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: *(ngược lại nghĩa câu trên)*.

29. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết Ba-la-đề-mộc-xoa giới, cũng không thể thuyết giới, không biết bố-tát, không biết yết-ma bố-tát, không đủ mười tuổi. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

30. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: *(ngược lại câu trên)*.

31. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không khéo biết phạm, không khéo biết sám hối phạm, không khéo nhập định, không khéo xuất định, không đủ mười tuổi. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

32. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: *(ngược lại lại câu trên)*.

33. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết phạm, không biết không phạm, không biết nhẹ, không biết nặng, không đủ mười tuổi. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

34. Lại có năm pháp nên trao đại giới cho người: *(ngược lại câu trên)*.

35. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử tăng giới học, không thể chăm sóc bệnh, không thể nhờ người chăm sóc bệnh đến khi lành hay qua đời, không rộng tụng hai bộ tỳ-ni. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

36. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: *(ngược lại câu trên)*.

37. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử tăng giới học, nếu đệ tử có ác kiến không thể dạy đệ tử xả bỏ ác kiến khiến trụ thiện kiến, không khéo tụng tỳ-ni. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

38. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: *(ngược lại câu trên)*.

39. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử tăng giới học, nếu đệ tử không an lạc ở trú xứ này, không thể di chuyển đến trú xứ khác an lạc, không kiên trụ tỳ-ni. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

40. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: *(trái với nghĩa câu trên)*.

41. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, **[1003b]** không đa văn, không thể dạy đệ tử tăng giới học; đệ tử có nghi, không thể như Phật pháp giải thích, không thể quyết đoán tránh sự. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

42. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: *(ngược với câu trên)*.

Cũng vậy, tăng tâm, tăng tuệ, tăng oai nghi học, tăng tịnh hạnh học, tăng Ba-la-đề-mộc-xoa học *(cũng từng mỗi cụm gồm năm như trên)*.

Nếu tỳ-kheo nào tự điều phục, không sợ hãi, có khả năng nói năng; tự mình có những việc này, thì cũng có thể dạy đệ tử. Người như vậy nên trao đại giới cho người, nên cho người y chỉ, nên nuôi sa-

đi, nên nhận Tăng sai giáo thọ tỳ-kheo-ni; nếu đã sai thì nên giáo thọ.

43. Có năm hạng người không được thọ đại giới: tự nói phạm biên tội, phạm tỳ-kheo-ni, hoặc tác tâm thọ giới, phá nội ngoại đạo, huỳnh môn.¹ Người có năm pháp như vậy không được cho thọ đại giới.

44. Lại có năm hạng người không được cho thọ đại giới: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu.² Có năm pháp như vậy không được cho thọ đại giới.

45. Có năm hạng huỳnh môn: sanh huỳnh môn, hình tàn huỳnh môn, thạch huỳnh môn, biển huỳnh môn, bán nguyệt hình môn. Đó là năm hạng huỳnh môn.³

46. Có năm hạng bệnh nhân không được cho thọ đại giới: hủi, ung thư, hủi trắng, can tiêu, điên cuồng. Năm hạng người có bệnh như vậy không được cho thọ đại giới.

47. Có năm hạng người thanh tịnh, không có nạn sự nên cho thọ đại giới: đàn ông,⁴ không mắc nợ, chẳng phải tội tứ, đủ hai mươi tuổi, cha mẹ cho phép. Năm hạng người thanh tịnh không có nạn sự như vậy nên cho thọ đại giới.

48. Có năm pháp (cách) cho người y chỉ: hoặc nói, “Được.” Hoặc nói, “Chấp thuận.” Hoặc nói, “Phải.” Hoặc nói, “Người hãy khéo tự tu hành.” Hoặc nói, “Người chớ buông lung.” Đó là năm cách nói cho pháp y chỉ.

¹ Năm trong số 13 già nạn. Xem Phần III, Chương I “Thọ giới.”

² Năm trong số 13 già nạn. Xem Phần III, dẫn trước.

³ Sanh, hình tàn, thạch, biển, bán nguyệt 生形殘妒變半月. Xem giải thích nơi Phần III, chương I “Thọ giới.” Các thuật ngữ khác ở đây: sanh, kiên, đồ, biển, bán nguyệt.

⁴ Trọng phu 丈夫, dịch từ Skt. (Pāli): *nara*: nghĩa đen là “đàn ông” (không phải là *đàn bà*) chẳng liên hệ gì đến nghĩa đại trọng phu hay tiểu trọng phu mà các bản dịch Việt thường nhầm lẫn tai hại.

49. Có năm cách nói khi cho người y chỉ: Hoặc nói, “Lành thay.” Hoặc nói, “Tốt.” Hoặc nói, “Hãy đứng dậy.” Hoặc nói, “Hãy đi.” Hoặc nói, “Ta cho người y chỉ.” Đó là năm cách nói khi cho người y chỉ.

50. Có năm pháp không được sống không y chỉ: không giới, không định, không tuệ, không giải thoát tuệ, không kiến giải thoát tuệ. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

51. Có năm pháp có thể sống không y chỉ: (*ngược lại với năm câu trên*).

52. Lại có năm pháp không nên sống không y chỉ: không giới lại không thể tự siêng tu học giới, không định, không tuệ, không giải thoát tuệ, không kiến giải thoát tuệ, lại không thể tự siêng tu giới-định-tuệ, [1003c] giải thoát tuệ, kiến giải thoát tuệ. Có năm pháp như vậy không nên sống không y chỉ.

53. Có năm pháp có thể sống không y chỉ: (*ngược lại câu trên*).

55. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không thọ trì đủ 250 giới, không đa văn, không thể tự học Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, nếu tâm sanh ác kiến không thể khai giải khiến tu tập thiện kiến. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

56. Có năm pháp có thể sống không y chỉ: (*ngược lại câu trên*).

57. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không thọ trì đủ 250 giới, không đa văn, không thể học Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, không đủ 5 tuổi (hạ). Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

58. Có năm pháp nên sống không y chỉ: (*ngược lại câu trên*).

59. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không thể tự học Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, ác kiến sanh không thể xả để trụ thiện kiến, nếu không an lạc sống nơi trú xứ này không thể đi đến chỗ khác an lạc, tâm có sanh nghi hối không thể như pháp khai giải. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

60. Có năm pháp được sống không y chỉ: (*ngược lại câu trên*).

61. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không thể tự

siêng năng tu giới, tăng tâm, tăng tuệ học, có bệnh không thể tự điều dưỡng, cũng không thể khiến người khác nuôi bệnh mình, không đủ 5 tuổi. Đó là năm pháp không được sống không y chỉ.

62. Có năm pháp được sống không y chỉ: *(ngược lại câu trên)*.

63. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không tự siêng năng tu oai nghi giới, không thể tăng tịnh hạnh,¹ tăng Ba-la-đề-mộc-xoa giới, có ác kiến không thể xả để trụ thiện kiến, không đủ 5 tuổi. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

64. Có năm pháp được sống không y chỉ: *(ngược lại câu trên)*.

65. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không biết tránh sự, không biết tránh sự khởi, không biết tránh sự diệt, không biết hướng đến tránh sự diệt,² không đủ 5 tuổi. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

66. Có năm pháp được sống không y chỉ: *(ngược lại câu trên)*.

67. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không biết phạm, không biết sám hối, không khéo vào định, không khéo xuất định, không [1004a1] đủ 5 tuổi. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

68. Có năm pháp được sống không y chỉ: *(ngược lại câu trên)*.

69. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không biết phạm, không biết không phạm, không biết nhẹ, không biết nặng, không rộng tụng hai bộ tỳ-ni. Có năm pháp như vậy không được không y chỉ mà trụ.

70. Có năm pháp được sống không y chỉ: *(ngược lại câu trên)*.

¹ Xem cht. 149 trước.

² Tham chiếu Pāli, Vin. v. 130, người trì luật có đủ 5 điều để được gọi là ngu si; không biết tránh sự (*adhikaraṇa*), không biết gốc rễ của tránh sự (*adhikaraṇasa mūla*), không biết sự tập khởi của tránh sự, không biết sự dập tắt tránh sự (*adhikaraṇa-nirodha*), không biết con đường dẫn đến sự dập tắt tránh sự (*adhikaraṇanirodhagāmini*).

71. Lại có năm pháp mất y chi: hoặc bị đuổi ra,¹ hoặc bỏ đi,² hoặc thôi tu, hoặc thôi không cho y chi,³ hoặc đến trên giới trường. Có năm pháp như vậy mất y chi.

72. Lại có năm pháp mất y chi: hoặc chết, hoặc bỏ đi, hoặc thôi tu, hoặc thôi không cho y chi, hoặc 5 tuổi hay quá 5 tuổi (hạ). Có năm pháp như vậy mất y chi.

73. Lại có năm pháp mất y chi: hoặc chết, hoặc đi, hoặc thôi tu, hoặc không cho y chi, hoặc gặp Hòa thượng cũ. Có năm pháp như vậy mất y chi.

74. Lại có năm pháp mất y chi: hoặc chết, hoặc đi, hoặc thôi tu, hoặc thôi không cho y chi, hoặc Hoà thượng A-xà-lê qua đời. Có năm pháp như vậy mất y chi.

75. Lại có năm pháp mất y chi: hoặc chết, hoặc đi, hoặc thôi tu, hoặc không cho y chi, hoặc Hòa thượng A-xà-lê thôi tu. Có năm pháp như vậy mất y chi.

76. Lại có năm pháp mất y chi: hoặc chết, hoặc đi, hoặc thôi tu, hoặc thôi không cho y chi, hoặc trở lại theo Hòa thượng cũ. Có năm pháp như vậy mất y chi.

77. Có năm pháp phải xua đuổi đệ tử: hoặc Hòa thượng nói với đệ tử rằng: “Nay tôi đuổi ông đi”, “Ông không được vào phòng tôi”, “Ông không được giúp việc cho tôi”, “Ông đừng đến chỗ tôi”, “Tôi không nói với ông.” Đây là năm pháp Hòa thượng xua đuổi đệ tử.

78. A-xà-lê có năm pháp xua đuổi đệ tử:⁴ “Nay tôi đuổi ông đi”, “Ông không được vào phòng tôi”, “Ông không được giúp việc cho tôi”, “Ông đừng đến chỗ tôi”, “Tôi không nói với ông.” Đây là năm pháp A-xà-lê xua đuổi đệ tử.

¹ Bị đuổi ra ngoài trú xứ.

² Ra khỏi đồng trú xứ với thầy y chi có ý định không trở lại.

³ Thầy y chi dứt y chi.

⁴ Dứt y chi.

79. Đệ tử có năm pháp bị Hòa thượng A-xà-lê xua đuổi: không tâm, không quý, không thể dạy bảo, chẳng phải oai nghi, không cung kính. Đệ tử có năm pháp như vậy bị Hòa thượng A-xà-lê xua đuổi.

80. Lại có năm pháp: không tâm, không quý, không thể dạy bảo, gần ác tri thức, thường đến nhà dâm nữ.¹ Có năm pháp như vậy bị Hòa thượng A-xà-lê xua đuổi. (*cũng như vậy, ưa đến nhà phụ nữ,² nhà phụ nữ chưa chồng, [1004b] nhà huỳnh môn, chỗ tỳ-kheo-ni, chỗ thức-xoa-ma-na, chỗ sa-di-ni, chỗ người bắt rùa trạnh.³ Mỗi bốn sự như mục trên, thêm một trong các sự này, thành mỗi cụm năm pháp*).

81. Có năm cách dữ dục: Nói, “Tôi gọi dục nơi thầy”, “Nhờ vì tôi thuyết dục”, ra dấu bằng thân, miệng nói, ra dấu bằng thân cùng miệng nói. Đó là năm thứ dữ dục.

82. Có năm trường hợp mất dục: tỳ-kheo nhận dục qua đời, hoặc thôi tu, hoặc nhập chúng ngoại đạo, hoặc nhập Tăng bộ khác,⁴ hoặc đến trên giới trường sau khi tướng bình minh đã xuất hiện.⁵ Đó là năm thứ mất dữ dục.

83. Có năm thứ gọi thanh tịnh và gọi tự tứ (*cũng như trên, nếu mất cũng như trên*).

84. Đức Như Lai ra đời thấy những sai lầm của các tỳ-kheo nên vì năm lợi nghĩa mà chế pháp ngoại cụ: không khiến gió thổi, nước mưa thấm ướt, nắng xém, bụi đất, không khiến chim quạ làm bẩn. Đó là năm.

¹ *Thập tụng luật 49* (tr.359b17), “Phật nói, tỳ-kheo có năm chỗ không nên lai vãng: phụ nữ chưa chồng, đàn bà goá, phụ nữ có chồng, dâm nữ, tỳ-kheo-ni.” Lại có 5 chỗ: nhà giặc cướp, nhà chiêm-đà-la (thịt chó), nhà đồ tể, nhà dâm nữ, nhà bán rượu.

² Đã có chồng.

³ Chỉ chung những người làm chài lưới.

⁴ Người nhận dục bỗng biến đổi giới tính.

⁵ Vì đã qua ngày khác.

85. Hòa thượng có năm phi pháp thì đệ tử nên sám hối rồi bỏ đi. Nên thưa với Hòa thượng: “Con có như pháp hay không, Hòa thượng không biết. Con không như pháp, Hòa thượng cũng không biết. Con phạm giới mà Hòa thượng bỏ bê, không dạy, không quở trách. Phạm cũng không biết. Phạm mà sám hối cũng không biết.” Hòa thượng có năm pháp như vậy, đệ tử nên sám hối mà xin đi.

86. Tỳ-ni có năm sự¹ trả lời: tựa, chế, trùng chế, tu-đa-la, tùy thuận tu-đa-la.² Đó là năm.

87. Lại có năm pháp gọi là trì luật: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, rộng tụng hai bộ giới. Đó là năm.

88. Lại có năm pháp: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, rộng tụng tỳ-ni. Đó là năm.

89. Lại có năm pháp: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, an trụ tỳ-ni mà không động. Đó là năm.

90. Lại có năm pháp: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, tránh sự khởi khéo hay diệt trừ. Đó là năm.

91. Có năm hạng trì luật: tụng thuộc tựa giới, bốn sự, mười ba sự, hai bất định, rộng tụng ba mươi sự. Đó là hạng trì luật thứ nhất. Nếu tụng thuộc tựa giới, bốn sự, mười ba sự, hai bất định, rộng tụng ba mươi sự, rộng tụng chín mươi sự. Là hạng trì luật thứ hai. Nếu rộng tụng giới tỳ-ni là hạng trì luật thứ ba. Nếu rộng tụng hai bộ giới tỳ-ni là hạng trì luật thứ tư. Nếu tụng toàn bộ tỳ-ni là hạng trì luật thứ năm. Ở đây xuân, thu, và đông nên y theo bốn hạng trì luật đầu, nếu không y vào đó để sống thì phạm đột-kiết-la. Hạ an cư nên y vào hạng trì luật thứ năm. Không y vào đó để sống thì phạm ba-dật-đề.

¹⁵³ Sự, chỉ cơ sở (để trả lời trong vấn đáp nghĩa tỳ-ni).

² Tham chiếu Pāli, Vin. v. 130, trì luật ngu si với 5 pháp: không biết nhân duyên (*nidānam*, nguyên nhân Phật chế giới Hán dịch là *tự* 序), không biết chế (*paññittim*), không biết tùy chế (*anupaññattim*, quy định phụ; Hán dịch là *trùng chế* 重制), không biết ngữ pháp thích đáng (*anusandhivacanam*).

92. Người trì luật có năm công đức: giới phẩm kiên cố, khéo thắng các oán địch, [1004c] giữa đại chúng quyết đoán không sợ, có nghi hỏi có thể khai giải, khéo trì tỳ-ni khiến chánh pháp tồn tại lâu dài. Đó là năm.

93. Có năm thứ tâm giặc: tâm hắc ám, tâm tà vạy, tâm khúc lệ, tâm bất thiện, tâm thường muốn lấy trộm vật của người. Đó là năm.

94. Lại có năm hạng giặc: cương quyết mà lấy, đe dọa lấy, gởi vật lấy, thấy bèn lấy, ý thác lấy.¹ Đó là năm.

95. Lại có năm hạng: đồng nghiệp với người tội, chỉ dẫn người làm giặc cướp, dò xét chỗ để tài vật cho cướp, giữ vật cho giặc cướp, canh chừng cho giặc cướp. Đó là năm.

96. Lại có năm loại phạm:² ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, đột-kiết-la. Đó là năm. Cũng gọi là năm loại chế giới, cũng gọi là năm tụ phạm.³

97. Nếu không biết, không thấy năm loại phạm này, Ta nói người đó ngu si: ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, đột-kiết-la. Đó là năm loại phạm. Năm loại chế giới cũng như vậy. Năm tụ phạm cũng như vậy.

98. Nếu không biết, không thấy năm phạm, ba-la-di, tăng-già-bà-thi-sa, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, đột-kiết-la, Tăng nên trao cho

¹ Hán: quyết định thủ 決定取, khùng khiếp thủ 恐怯取, ký vật thủ 寄物取 (lấy bằng cách gởi nơi vật khác, tức lấy bằng cách che giấu), kiến tiện thủ 見便取 (có lẽ như Pāli: *pasayha*, áp chế, được đọc là *pasaya*: thấy), ý thác thủ 倚託取 (có lẽ chỉ sự rút thăm). Tham chiếu Pāli (Vin. v. 129), năm sự tước đoạt (*pañca avahārā*): đoạt bằng cách trộm lấy (*theyya-*), bằng cưỡng bức (*pasayha-*), bằng mưu mô (*parikappa-*), bằng cất giấu (*paṭicchanna-*), bằng rút thăm (*kusa-*). Xem *Thập tụng 50* (tr.363b19), năm hình thức lấy vật của người khác: kiếp thủ 劫取, đạo thủ 盜取, trá thủ 詐取, để mạn thủ 誑謾取 (bịp mà lấy), pháp thủ 法取 (lấy hợp pháp).

² Pāli (Vin.v. 128, 91): *pañca āpattiyo*.

³ Năm tụ phạm, hay năm tụ tội, hay năm thiên tội, đồng nghĩa. Pāli: *pañca āpattikkhandā*. Vin. v. 91.

pháp yết-ma quở trách. Năm loại chế giới cũng như vậy. Năm phạm tội cũng như vậy.

99. Lại có năm loại phạm: hoặc có phạm tội tâm niệm sám hối,¹ hoặc có phạm tiểu tội đến người khác sám hối,² hoặc có phạm trung tội đến người khác sám hối,³ hoặc có phạm không thể sám hối.⁴

100. Có năm pháp, Tăng nên trao cho yết-ma ha trách: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc hủy báng Phật và Pháp. Đó là năm.

101. Lại có năm pháp: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hủy báng Phật và Tăng. Đó là năm.

102. Lại có năm: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hủy báng Pháp và Tăng. Đó là năm pháp nên trao cho yết-ma ha trách. Yết-ma tẫn, yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, yết-ma cử⁵ cũng như vậy.

103. Có năm pháp tác yết-ma ha trách phi pháp, phi tỳ-ni, yết-ma không thành, không đúng cách. Năm pháp là: không tác cử, không tác ức niệm, không tác tự ngôn, phi pháp, biệt chúng. Đó là năm.

104. Lại có năm pháp: không phạm, phạm không thể sám, phạm đã sám, phi pháp, biệt chúng. Đó là năm pháp yết-ma không thành, không đúng cách.

105. Lại có [1005a1] năm pháp yết-ma như pháp thành tựu, đúng cách: (*ngược lại câu trên*).

106. Người bị yết-ma ha trách có năm việc không được làm (*như trong Kiền-độ ha trách⁶ đã nói*).

¹ Chỉ các tội đột-kiết-la và ác thuyết.

² Các tội ba-dật-đề, và ba-la-đề-đề-xá-ni.

³ Thâu-lan-giá và tăng-già-bà-thi-sa.

⁴ Phạm ba-la-di.

⁵ Yết-ma xá trí.

⁶ Trong bản Hán, Phần III, Ch.XI.

107. Người bị cử có năm pháp không được cho giải yết-ma: mạ báng tỳ-kheo; phương tiện làm cho tỳ-kheo khác tổn giảm, mất lợi ích; (làm cho tỳ-kheo khác) mất chỗ ở; trong nội giới hay ngoại giới nhận thiện tỳ-kheo lễ bái cúng dường; ở chỗ không có tỳ-kheo. Tỳ-kheo có năm pháp như vậy không được cho giải yết-ma bị cử.

108. Lại có năm pháp nên cho giải yết-ma bị cử. (*ngược với câu trên*).

109. Nếu tỳ-kheo bị yết-ma cử tội vì không thấy tội nên bằng năm sự mà tự quán sát: “Nếu ta không thấy tội thì các tỳ-kheo không cùng ta yết-ma, thuyết giới, tụng tứ, đồng phòng ngủ; không cùng đồng một chỗ ngồi; tiểu thực đại thực, không tùy theo thứ tự lớn nhỏ; không chấp tay lễ bái cung kính hỏi chào.” Đây là người bị yết-ma bất kiến tội cử, dùng năm việc này để quán sát.

Yết-ma không sám hối, yết-ma cử ác kiến không xả, cũng như vậy. Tác yết-ma cử bất kiến tội đối với người khác cũng phải bằng vào năm việc này để quán sát.

Yết-ma không sám hối, cử không xả ác kiến, cũng như vậy.

110. Tỳ-kheo có năm pháp, Tăng không nên tác yết-ma ngăn cho không đến nhà bạch y: không hiếu với cha, với mẹ; không kính sa-môn; bà-la-môn; không khéo nhận lời nói.¹ Có năm pháp như vậy không được tác yết-ma ngăn không đến nhà bạch y.

111. Có năm pháp nên tác yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y: (*ngược lại câu trên*).

112. Lại có năm pháp nên cho tác yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y: ưa mạ báng bạch y; phương tiện làm cho bạch y tổn giảm, mất lợi ích; làm cho (bạch y) không có chỗ ở; gây mâu thuẫn giữa bạch y.² Đó là năm pháp.

¹ Xem Phần III, Chương XI “Khiển trách.”

² Xem Phần III, Chương XI.

113. Lại có năm pháp, trước mặt bạch y mà hủy báng Phật, Pháp, Tăng, mạ bạch y, làm nghiệp thấp hèn, hoặc dối gạt bạch y. Đó là năm pháp.
114. Tỳ-kheo có năm pháp khiến cho bạch y không tin: (*như trường hợp “gây mâu thuẫn giữa bạch y” trên*).
115. Tỳ-kheo lại có năm pháp khiến bạch y không tin (*như trường hợp “dối gạt bạch y trên”*).
116. Đối với bạch y có năm pháp, Tăng nên tác yết-ma úp bát: bắt hiếu với cha, với mẹ, không kính sa-môn, bà-la-môn, không kính thờ tỳ-kheo. Đó là năm.
117. Với bạch y có năm pháp, Tăng không nên cho tác yết-ma úp bát: (*ngược với câu trên*).
118. Có năm pháp, Tăng nên cho tác úp bát: mạ báng tỳ-kheo, làm tỳ-kheo tổn giảm, làm mất lợi ích, [1005b] làm cho không có trú xứ, gây đấu loạn tỳ-kheo. Đó là năm.
119. Lại có năm pháp: đối trước tỳ-kheo mà hủy báng Phật, Pháp, Tăng, dùng vô căn bất tịnh hạnh vu khống tỳ-kheo, phạm tỳ-kheo-ni. Đó là năm.
120. Có năm trường hợp chê bai mà phạm ba-dật-đề: không vì nghĩa, không vì pháp, không vì tỳ-ni, không vì giáo thọ, không vì thân hậu. Có năm trường hợp chê bai như vậy phạm ba-dật-đề.
121. Lại có năm pháp chê bai không phạm ba-dật-đề. (*ngược với câu trên*).
122. Nếu tỳ-kheo nào không được Tăng sai mà, bằng năm sự, kể tội tỳ-kheo khác với người chưa thọ đại giới, phạm ba-dật-đề. Năm sự đó là: nói tên tuổi, dòng họ, tướng mạo, y phục, phòng xá. Đó là năm sự.
123. Có năm đối tượng hành dâm phạm ba-la-di: phụ nữ, đồng nữ, hai căn, huỳnh môn, nam tử. Đó là năm.
124. Có năm trường hợp ăn trộm phạm ba-la-di: tự mình lấy, chỉ thị lấy, sai phái đi lấy, trọng vật, đòi khỏi vị trí. Đó là năm.

125. Lại có năm việc: với ý tưởng vật không phải sở hữu của mình, không tạm lấy, không do thân tình mà lấy, trọng vật, dời khỏi chỗ cũ. Đó là năm.

126. Lại có năm: của người, có ý tưởng là của người, trọng vật, với tâm trộm, dời khỏi chỗ cũ. Đó là năm.

127. Người chết có năm điều bất hảo: 1. bất tịnh, 2. hôi thối, 3. ghê sợ, 4. khiến người ghê sợ nên ác quỷ được cơ hội, 5. trú xứ cho ác thú, phi nhân. Đó là năm.

Người phạm giới có năm sự thiệt hại: có thân, khẩu, ý nghiệp bất tịnh. Như sự bất tịnh của tử thi kia, Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có thân, khẩu, ý nghiệp bất tịnh, tiếng xấu đồn khắp. Như tử thi kia, hôi thối từ đó tiết ra, Ta nói người này cũng như vậy.

Người kia có thân, khẩu, ý nghiệp bất tịnh, các thiện tỳ-kheo sợ tránh. Như tử thi kia khiến người ghê sợ, Ta nói người này cũng như vậy. Có thân khẩu ý nghiệp bất tịnh, khiến các thiện tỳ-kheo thấy sanh ác tâm nói:

“Sao ta lại thấy người ác như vậy?”

Như người thấy tử thi sanh ghê sợ, khiến cho ác quỷ có cơ hội. Ta thấy người này cũng như vậy. Có thân khẩu ý nghiệp bất tịnh ở chung cùng người bất tịnh. Như chỗ tử thi kia có ác thú, phi nhân cùng ở, Ta thấy người kia cũng như vậy.

Đó là năm điều mất mát của người phạm giới như tử thi kia.

128. Người không nhẫn nhục có năm thiệt hại: 1. Không nhẫn nổi sự hung dữ. 2. Sau sanh hối hận. **[1005c]** 3. Nhiều người không ưa, 4. Tiếng xấu đồn khắp, 5. Chết đọa ác đọa. Đó là năm.

129. Người hay nhẫn nhục có năm công đức: (*ngược lại câu trên*).

130. Sười lửa có năm điều mất mát: 1. Khiến cho người không nhan sắc, 2. Không có sức khỏe, 3. Khiến cho con mắt mờ, 4. Khiến nhiều người tập hợp làm ồn, 5. Nói nhiều việc đời. Đó là năm.

131. Thường tới lui nhà bạch y, tỳ-kheo có năm điều mất mát:

1. Không dẫn tỳ-kheo bèn vào thôn xóm.¹ 2. Ngồi trong chỗ nam nữ có dục ý.² 3. Ngồi một mình.³ 4. Ngồi chỗ khuất, chỗ kín.⁴ 5. Không có trí nam tử mà nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời.⁵ Đó là năm.

132. Lại có năm: 1. Thường gặp nữ nhân, 2. Đã gặp nhau thì gần gũi nhau, 3. Chuyển thành thân tình, 4. Đã thân tình rồi dục ý sanh, 5. Đã có dục ý, hoặc phạm tử tội, hay gần tử tội. Đó là năm.

133. Ngủ với tâm tán loạn có năm điều thiệt hại: thấy ác mộng, chư thiên không vệ hộ, tâm không nghĩ đến pháp, không buộc ý nơi ánh sáng, xuất bất tịnh. Đó là năm.

134. Ngủ với tâm không tán loạn có năm công đức. (*ngược câu trên*)

135. Uống rượu có năm điều mất mát: không nhan sắc, cơ thể không sức lực, mắt mờ, ưa hiện tướng sân, mất của cải. Đó là năm.

136. Lại có năm việc: sanh thân bệnh, ưa đấu tranh, tiếng xấu đồn khắp, trí tuệ kém dần, chết đọa ác đạo. Đó là năm.

137. Phá giới có năm điều mất mát: tự hại, bị người trí quở trách, có tiếng xấu đồn khắp, khi gần chết hối hận, chết đọa ác đạo. Đó là năm.

138. Trì giới có năm công đức: (*ngược với câu trên*).

139. Lại có năm việc: vật mà trước chưa được thì không được; đã được thì không giữ nổi; hoặc ở tại giữa bất cứ đám đông nào, hoặc chúng sát-lợi, chúng bà-la-môn, chúng cư sĩ, chúng tỳ-kheo, trong đó đều có sự hổ thẹn; trong phạm vi vô số do-tuần sa-môn bà-la-môn xưng nói cái ác kia; người ác phá giới chết đọa đường dữ. Đó là năm.

¹ Ba-dật-đề 42.

² Ba-dật-đề 43.

³ Với người nữ. Ba-dật-đề 45.

⁴ Với người nữ. Ba-dật-đề 44.

⁵ Xem, tỳ-kheo, ba-dật-đề 9.

140. Trì giới có năm công đức: (*ngược với câu trên*).

141. Không xia răng có năm điều thiệt hại: miệng hôi thối, không khéo phân biệt mùi vị, nhiệt ẩm không tiêu, không dẫn thực, mắt không sáng. Đó là năm.

142. Xỉa răng có năm điều tốt. (*trái với câu trên*).

143. Ăn cháo có năm điều tốt: trừ đói, giải khát, tiêu thức ăn qua đêm, đại tiểu tiện thông lợi, trừ phong. Đó là năm.

144. Kinh hành có năm điều tốt: có thể đi xa, có thể tư duy, ít bệnh, tiêu thực, đắc định và an trú lâu.

145. Có năm thức ăn: cơm, cơm khô, bách bột, [1006a1] thịt và cá.¹

146. Có năm thứ muối: muối xanh, muối đen, muối tỳ-trà, muối lam-bà, muối chi-đô-tỳ.² Đó là năm.

147. Lại có năm thứ muối: muối đất, muối tro, muối đỏ, muối đá, muối biển. Đó là năm.

148. Thức ăn khu-xà-ni, có năm trường hợp không được ăn: phi thời, bất tịnh, không cho, không thọ, không tác pháp dư thực. Đó là năm.

Có năm việc nên ăn (*ngược với câu trên*).

149. Có năm thứ thọ thực: thân trao thân thọ, y trao y thọ, khuỷu tay trao khuỷu tay thọ, đồ trao đồ thọ, khi có nhân duyên để dưới đất thọ. Đó là năm.

150. Lại có năm: thân trao thân thọ, hoặc thân trao vật thọ, hoặc vật trao thân thọ, hoặc vật trao vật thọ, hoặc từ xa quăng rơi vào trong tay. Đó là năm.

¹ Xem Phần III, Chương VII “Thuốc”.

² Xem Phần III, Chương VII “Thuốc”.

151. Có năm thứ quả được tác tịnh:¹ tác tịnh bởi lửa, tác tịnh bởi dao, tác tịnh bởi mụn nhọt, tác tịnh bởi chim cắn, tác tịnh bởi loại hột tria không mọc. Đó là năm.

152. Lại có năm: bóc ít vỏ, bóc hết vỏ, ung thối, bị đập vỡ, bứt. Đó là năm.

153. Có năm thứ mỡ: mỡ gấu, mỡ cá, mỡ lừa, mỡ chó, mỡ cá sấu.² Đó là năm.

154. Có năm thứ da không được dùng: da sư tử, da cọp, da báo, da rái cá, da chồn mèo. Đó là năm.

155. Lại có năm thứ da: da người, da độc trùng, da chó, da cầm văn trùng, da cáo đồng. Đó là năm.

156. Có năm loại da không được chứa: da voi, da ngựa, da lạc đà, da bò, da lừa. Đó là năm.

157. Lại có năm: da linh dương, da dê trắng, da hươu, da báo, da y-sư. Đó là năm.

158. Có năm loại thịt không được ăn: thịt voi, thịt ngựa, thịt người, thịt báo, thịt thú độc trùng. Đó là năm.

159. Lại có năm: thịt sư tử, thịt cọp, thịt báo, thịt gấu, thịt bò. Đó là năm.

160. Có năm cách thuyết giới: Nói bài tựa rồi, nên bạch Tăng: “Ngoài ra, như Tăng thường nghe.” Hoặc nói bài tựa, nói bốn ba-la-di rồi nên bạch Tăng: “Ngoài ra, như Tăng thường nghe.” Hoặc nói bài tựa, nói bốn ba-la-di, nói mười ba tăng tàn rồi nên bạch Tăng: “Ngoài ra, như Tăng thường nghe.” Hoặc nói bài tựa, bốn ba-la-di, tăng tàn, hai bất định rồi nên bạch Tăng: “Ngoài ra, như Tăng thường nghe.” Hay là tụng đầy đủ. Đó là năm.

¹ Năm loại tịnh quả: hỏa tịnh, đao tịnh, sang tịnh, điều tịnh, bất nhiệm chủng tịnh. 五種淨果火淨刀淨瘡淨鳥淨不任種淨. Xem Phần III, Chương VII “Thuốc”.

² Nguyên Hán: thất-thù-ma-la.

166. Lại có năm: Nói bài tựa, bốn ba-la-di rồi nên bạch Tăng: “Ngoài ra, như Tăng thường nghe.” Nói bài tựa, bốn ba-la-di, tăng tàn rồi nên bạch Tăng: “Ngoài ra, như Tăng thường nghe.” Nói [1006b] bài tựa, bốn ba-la-di, tăng tàn, hai bất định rồi bạch Tăng: “Ngoài ra, như Tăng thường nghe.” Nói bài tựa, bốn ba-la-di, tăng tàn, hai bất định, ba mươi ni-tát-kỳ ba-dật-đề rồi bạch Tăng: “Ngoài ra, như Tăng thường nghe.” Hay nói đầy đủ. Đó là năm.

161. Lại có năm: Nói bài tựa, bốn ba-la-di, tăng tàn rồi bạch Tăng: “Ngoài ra như Tăng thường nghe.” Cũng vậy, mỗi mỗi đều bạch Tăng, cho đến ba-dật-đề. Hay nói đầy đủ. Đó là năm.

162. Có năm pháp không được sai làm người chia cháo, nếu đã sai không được chia. (*Như trong Kiến-độ Phòng xá¹ đã nói*).

163. Do năm nhân duyên thọ công đức y: được chứa trường y, lia y ngủ, ăn biệt chúng, lần lượt ăn, không dẫn được vào thôn. Có năm nhân duyên này thọ công đức y.

164. Thọ công đức y rồi được năm việc (*ngược với câu trên*).²

165. Có năm nhân duyên gọi tăng-già-lê: mất an ninh, nguy cơ mất an ninh, trời mưa, nghi sẽ mưa, kinh dinh may tăng-già-lê hoặc giặt nhuộm hoặc cắt dẫu kỹ. Đó là năm nhân duyên để gọi Tăng-già-lê.

166. Có năm nhân duyên gọi y tắm mưa: nhận thọ thực ngoài giới, lội nước, bệnh, ăn no rồi, kinh dinh may y tắm mưa, hoặc giặt nhuộm hoặc cắt dẫu kỹ. Do năm nhân duyên này gọi y tắm mưa.

167. Hạ an cư rồi nên làm năm việc: tự tứ, giải giới, kết giới lại, thọ y công đức, chia ngoại cụ. Đó là năm.

168. Tỳ-kheo có năm pháp không được coi là thân hậu: ưa đấu tranh, nhiều tác nghiệp,³ tranh chấp với tỳ-kheo hơn mình giữa đại

¹ Bản Hán, Phần iv, Ch. I, đoạn 18.

² Có thể có nhầm lẫn trong bản Hán. Nên hiểu, “Không thọ công đức y không được năm sự.”

³ Tức bận rộn nhiều chuyện đời.

chúng, ưa đi du hành không chắm dứt, không vì người nói pháp chỉ cho người biết việc thiện việc ác. Đó là năm.

169. Có năm pháp nên làm cho thân tình: (*ngược với câu trên*).

170. Có năm pháp nên sai giáo thọ tỳ-kheo-ni: thọ trì đầy đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, đa văn và khéo sử dụng ngôn ngữ,¹ luận nói rõ ràng khiến người nghe hiểu được, không phạm trọng tội khi theo Phật xuất gia, hai mươi tuổi hay hơn. Đó là năm.²

171. Có năm pháp khiến chánh pháp chóng diệt:

a. Có tỳ-kheo không lắng nghe thọ tụng, ưa quên nhàm, vẫn không đầy đủ mà đem dạy người khác, vẫn đã không đầy đủ mà nghĩa lại thiếu. Đó là điều thứ nhất làm cho chánh pháp mau tiêu diệt.

b. Lại nữa, có tỳ-kheo là bậc thắng nhân thượng tọa ở trong Tăng, cả nước tôn sùng, [1006c] mà phân nhiều không trì giới, chỉ tu các pháp bất thiện, phóng xả giới hành, không siêng năng tinh tấn để đắc điều chưa sở đắc, nhập điều chưa sở nhập, chứng điều chưa được chứng. Tỳ-kheo-niên thiếu hậu sanh bất chước tập theo hạnh đó, phá giới nhiều, tu pháp bất thiện, phóng xả giới hành, không siêng năng tinh tấn để đắc điều chưa sở đắc, nhập điều chưa sở nhập, chứng điều chưa được chứng. Đó là điều thứ hai làm cho chánh pháp mau tiêu diệt.

c. Lại nữa, có tỳ-kheo đa văn trì Pháp, trì Luật, trì Ma-di, nhưng không đem sự hiểu biết của mình dạy cho tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, bèn qua đời. Vị kia đã qua đời khiến chánh pháp đoạn diệt. Đó là điều thứ ba khiến chánh pháp mau tiêu diệt.

d. Lại nữa, có tỳ-kheo khó có thể giáo thọ, không công nhận lời hay, không thể nhẫn nhục, các thiện tỳ-kheo liền xả trí. Đó là điều thứ bốn khiến chánh pháp mau tiêu diệt.

¹ Đề bản: dư 2 chữ *từ tâm*.

² Xem sáu pháp, hạng mục 2.

e. Lại nữa, có tỳ-kheo ưa đấu tranh, mạ lị nhau, hơn thua với nhau, tuôn ra lời như đao kiếm, xoi bói tốt xấu nhau. Đó là điều thứ năm khiến chánh pháp chóng tiêu diệt.

172. Lại có năm pháp khiến chánh pháp tồn tại lâu dài.

173. Tỳ-kheo có năm pháp không được làm bạn đồng hành: ưa đi trước quá xa; ưa đi sau xa; ưa nhại theo lời nói của đoán nhân; không phân biệt thiện, ác ngữ; thiện ngữ không khen, khen ác ngữ; được của lợi như pháp không thọ đúng thời. Có năm pháp như vậy không được làm bạn cùng đi.

174. Có năm pháp làm bạn cùng đi (*ngược lại câu trên*).

175. Tỳ-kheo có năm pháp tự tổn giảm: có phạm bị người trí quở trách mắc tội vô lượng; nhiễm ô đối với người không khiến cho thanh tịnh; vì người kia tác phạm, không tác vô phạm; thọ nhận tự ngôn của vị kia mà không tri như tự ngôn pháp; không biết được lời nói xa gần có tổn giảm. Đó là năm.

176. Lại có năm pháp không tự tổn giảm (*ngược với câu trên*).

177. Lại có năm pháp tự tổn giảm: không hiểu điều đã được nói; cũng không khéo ghi nhớ nhận biết; lời nói vị kia nên nạn vẫn lại không nạn vẫn; người kia nạn vẫn đến thì không thể hiểu; không thọ trì đủ Ba-la-đê-mộc-xoa giới. Đó là năm.

178. Lại có năm pháp không tự tổn giảm (*ngược với câu trên*).

179. Lại có năm pháp tự tổn giảm: ưa sân nhuế; không phóng xả; tăng thêm lời nói của người; chịu lời nói bất thiện, xa lìa lời nói thiện. Đó là năm.

186. Lại có năm pháp không tự tổn giảm (*ngược với câu trên*).

180. Người bệnh có năm pháp khó chăm nuôi, có năm pháp dễ chăm nuôi, có năm pháp nên thọ y của người bệnh (*nghĩa trong [1007a1] “Kiền-độ Y”¹ đã nói*).

¹ Bản Hán, Phần III, Chương VI, đoạn 11 “Di vật của tỳ-kheo.”

181. Tỳ-kheo có năm pháp người đời nghi hoặc, cho đến A-la-hán: tỳ-kheo thường đến nhà dâm nữ, nhà phụ nữ, nhà đàn bà chưa chồng, nhà huỳnh môn, nhà tỳ-kheo-ni, đó là năm.

182. Tỳ-kheo có năm pháp làm cho bạch y không ưa gặp: ưa gần bạch y, ưa giận bạch y, cưỡng bức đến nhà bạch y, ưa cùng bạch y nói lên, ưa xin xỏ. Đó là năm điều mà bạch y không ưa gặp.

183. Có năm pháp bạch y ưa gặp (*ngược với câu trên*).

184. Đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch Phật:

“Tỳ-kheo niên thiếu đôi trước tỳ-kheo Thượng tọa sám hối, có bao nhiêu pháp?”¹

Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

Có năm pháp: trống vai bên hữu, cởi bỏ dép, kính lễ sát chân, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay nói tên và chủng tánh tội như sau: “Tôi tỳ-kheo tên là... phạm tội như vậy như vậy, đến Trưởng lão sám hối.” Thượng tọa nên trả lời: “Tự trách tâm thầy, sanh yếm ly.” Vị kia trả lời: “Xin vâng.” Tỳ-kheo niên thiếu ở trước Thượng tọa sám hối nên dùng năm pháp này.

185. Ưu-ba-ly lại hỏi:

“Tỳ-kheo khách niên thiếu kính lễ tỳ-kheo cụ Thượng tọa nên dùng bao nhiêu pháp?”

Đức Phật bảo:

Tỳ-kheo khách niên thiếu nên dùng năm pháp kính lễ tỳ-kheo cụ Thượng tọa: để trống vai bên hữu, cởi bỏ dép, đầu gối bên hữu chấm đất, nắm hai chân Thượng tọa, nói: “Đại đức, tôi hòa nam.” Đó là năm pháp. Cụ tỳ-kheo niên thiếu kính lễ tỳ-kheo Thượng tọa khách cũng như vậy.

¹ Xem thêm mục “Bốn pháp”, hạng mục 23.

186. Có năm hạng người không được kính lễ: tự nói phạm biên tội, phạm tỳ-kheo-ni, tặc tâm thọ giới, phá nhị đạo, huỳnh môn. Đó là năm.

187. Lại có năm pháp: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu.¹ Đó là năm.

188. Lại có năm cử chỉ oai nghi không được kính lễ: đại tiện, tiểu tiện, ở trần, khi cạo tóc, hoặc khi nói pháp. Đó là năm.

189. Lại có năm: xia răng, súc miệng, ăn, uống, ăn trái cây. Đó là năm.

190. Thượng tọa, thứ tọa có năm pháp không lợi ích đối với tỳ-kheo đấu tranh: không thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, không đa văn, không rộng tụng hai bộ giới, không thể vấn đáp, không thể như pháp quở trách và tác diệt tận khiến được hoan hỷ, không khéo hay diệt đấu tranh sự. Đó là năm.

[1007b] 191. Lại có năm pháp Thượng tọa hoặc thứ tọa đối với tỳ-kheo đấu tranh có lợi ích (*ngược với câu trên*).

192. Có năm pháp gọi là đại tặc, suốt đời tạo tội nặng, nhưng không bị trói cột câu thúc. Năm pháp là: Nếu ở chỗ vô định, có bạn tốt. Hoặc có nhiều đao gậy. Hoặc giàu to, của tiền nhiều, người kia nghĩ: “Nếu có bắt ta, ta sẽ cho họ nhiều của cải.” Hoặc có đại nhân thân tình; dựa thế vua, hoặc đại thần; người ấy nghĩ: “Nếu có bắt ta, vua và đại thần sẽ giúp ta.” Hoặc đến phương xa làm giặc rồi trở về. Đó là năm. Cũng vậy, tỳ-kheo phá giới có năm pháp suốt đời tạo ra nhiều tội, không sớm bị người cử tội: Hoặc trụ chỗ vô định, có bạn đảng. Hoặc đa văn. Hoặc nghe có thể nhớ giữ; có đa văn như vậy, lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối, đều thiện, có văn có nghĩa, nói đầy đủ tịnh hạnh; ở trong pháp như vậy có thể nhớ giữ, có thể thiện tâm tư duy thâm nhập chánh kiến. Hoặc có thể đặng y phục, ẩm thực, ngọc cụ, thuốc men; tỳ-kheo ấy nghĩ:

¹ Xem đoạn trước. Trước kia, được kể là 5 già nạn. Ở đây được kể là không nên lễ bái người như vậy.

“Nếu có cử tội ta, ta sẽ cho vật dụng.” Hoặc có đại nhân là chỗ thân tình, Thượng tọa hay thứ tọa; tỳ-kheo ấy nghĩ: “Nếu có cử tội ta, thượng tọa thứ tọa sẽ giúp ta.” Hoặc trụ nơi hoang vắng mà đến đại gia cầu xin lợi dưỡng. Đó là năm pháp, mà Tỳ-kheo phá giới suốt đời tạo ra nhiều tội lỗi, nhưng không sớm bị người cử tội.

193. Có năm sự ngăn thuyết giới phi pháp: ngăn bằng ba-la-di vô căn, tăng-già-bà-thi-sa vô căn, ba-dật-đề vô căn, ba-la-đề-đề-xá-ni vô căn, đột-kiết-la vô căn. Đó là năm.

194. Có năm như pháp ngăn thuyết giới (*ngược với câu trên*).

195. Có năm sự rút thăm phi pháp: không rõ đoán sự mà nhận thẻ, không đồng ý mà nhận thẻ, không có thiện tỳ-kheo mà nhận thẻ, phi pháp biệt chúng nhận thẻ. Đó là năm.

196. Có năm như pháp rút thăm (*ngược với câu trên*).

197. Có năm sự im lặng phi pháp, có năm sự im lặng như pháp, có năm sự hòa hợp như pháp (*như trong “Kiền-độ linh tinh” đã nói*).¹

Có năm pháp xả khí (*như trong “Kiền-độ Câu-thiêm-di” nói*).²

198. Bấy giờ đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

“Các người chớ nên lúc nào cũng cử tội tỳ-kheo khác. Tại sao vậy? Người cử tội tỳ-kheo khác, thân oai nghi không thanh tịnh mà cử tội người thì khiến người ấy nói rằng: ‘Thưa Trưởng lão, trước tiên nên tự làm cho bản thân thanh tịnh đã.’ Ưu-ba-ly, nếu Tỳ-kheo thân oai nghi thanh tịnh mà cử tội người thì không khiến [1007c] người ấy nói như vậy.”

Lời nói không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh cũng như vậy.

“Lại nữa, Ưu-ba-ly, nếu kẻ ít nghe, không biết Tu-đa-la mà cử tội người khác, thì khiến người ấy nói rằng: “Thưa Trưởng lão, việc này thế nào? Điều này có nghĩa gì?” Người cử tội không thể phân

¹ Bản Hán, phần IV, kiền-độ hai “Tập kiền-độ.” Bản Việt, Phần IV, Chương II “Tập sự.”

² Bản Hán, Phần III, kiền-độ sáu. Bản Việt, Phần III, Chương IX “Câu-thiêm-di”.

biệt để trả lời thì khiến vị kia liền nói: “Thưa Trưởng lão, trước hết nên tụng Tu-đa-la đã, sau đó sẽ biết.” Ưu-ba-ly, nếu tỳ-kheo đa văn tụng Tu-đa-la thì không khiến người ấy nói như vậy.”

“Lại nữa, Ưu-ba-ly, tỳ-kheo ít nghe, không tụng tỳ-ni mà cử tội vị kia, thì khiến người ấy nói rằng: “Thưa Trưởng lão, đây là nói về cái gì? Nhân đâu mà phát khởi?” Nếu không thể nói chỗ phát khởi, thì khiến vị kia liền nói: “Thưa Trưởng lão, trước hết nên tụng tập tỳ-ni.” Ưu-ba-ly, nếu tỳ-kheo đa văn, tụng tập tỳ-ni mà cử tội người, không khiến người ấy nói như vậy.”

“Ưu-ba-ly, tỳ-kheo có năm pháp như vậy, nên đứng thời như pháp cử tội vị kia.”

Khi ấy Ưu-ba-ly tín lạc hoan hỷ thọ trì.

199. Đức Thế Tôn ở trong rừng Nhuy-la, nước Ca-lăng-già. Bấy giờ Trưởng lão Ba-ma-na đến chỗ đức Thế Tôn đầu mặt đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, bạch đức Thế Tôn:

“Kính bạch Đại Đức, do nhân duyên gì sau khi đức Như Lai diệt độ, chánh pháp nhanh chóng diệt, không tồn tại lâu dài? Lại do nhân duyên gì chánh pháp không diệt mà được tồn tại lâu dài?”

Đức Phật bảo Ba-ma-na:

“Sau khi Như Lai diệt độ, tỳ-kheo không tôn kính Phật, Pháp, Tăng và giới định. Do nhân duyên này mà chánh pháp nhanh chóng diệt độ, không tồn tại lâu dài. Ba-ma-na, sau khi Như Lai diệt độ, nếu có tỳ-kheo tôn kính Phật, Pháp, Tăng và giới định, thì do nhân duyên này chánh pháp không diệt, đặng tồn tại lâu dài.”

Đức Thế Tôn ở trong vườn của vua, nước Kim-tỳ-la. Bấy giờ Trưởng lão Kim-tỳ-la đến chỗ đức Thế Tôn, đầu mặt đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên, bạch đức Thế Tôn:

“Do nhân duyên gì sau khi Như Lai diệt độ chánh pháp nhanh chóng diệt, không tồn tại lâu dài? (*hỏi đáp đều như trước không khác*).

200. Bấy giờ, có tỳ-kheo nọ đến chỗ đức Phật đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Đại đức, vì nhân duyên gì chánh pháp nhanh chóng diệt mà không tồn tại lâu dài?”

Đức Phật bảo tỳ-kheo:

“Nếu tỳ-kheo xuất gia trong pháp luật, không chí tâm vì người nói pháp; cũng không chí tâm nghe pháp nhớ giữ; giả sử có kiên trì mà không thể tư duy nghĩa thú; vị kia không biết nghĩa, không thể như pháp tu hành; không thể tự lợi, cũng không lợi người.”

[1008a1] Đức Phật bảo tỳ-kheo:

“Vì những nhân duyên như vậy khiến cho chánh pháp nhanh chóng diệt, mà không tồn tại lâu dài.”

“Bạch Đại Đức, lại nữa, do nhân duyên gì khiến chánh pháp tồn tại lâu dài, mà không nhanh chóng tiêu diệt? *(ngược với câu trên)*.”

201. Khi ấy, có tỳ-kheo khác đến chỗ đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, thưa:

“Lành thay, Đại Đức, xin vì con lược nói pháp. Con sẽ ở riêng một chỗ, siêng năng tinh tấn tu hành, không phóng dật.”

Đức Phật bảo tỳ-kheo:

“Nếu người biết thế pháp không thể xuất ly, hoặc biết có ái không thể vượt qua, hoặc biết có dục không được vô dục, hoặc biết có kết không thể vô kết, hoặc biết thân cận sanh tử không được không thân cận. Người tỳ-kheo quyết định nên biết, đây là phi pháp phi tỳ-ni, phi lời Phật dạy.

“Này tỳ-kheo, người biết pháp này là xuất ly, chẳng phải thế pháp, là vượt qua chẳng phải pháp ái, là ly dục chẳng phải có dục, là vô kết chẳng phải có kết, là không thân cận sanh tử chẳng phải thân cận.

“Này tỳ-kheo, người nên quyết định biết pháp này là pháp, là tỳ-ni, là lời Phật dạy.”

Tỳ-kheo kia nghe đức Thế Tôn lược nói lời giáo thọ, liền ở riêng một chỗ khuất, siêng năng tinh tấn, không phóng dật. Đầu đêm, cuối đêm tinh ý tư duy nhất tâm tu tập đạo phẩm, do tín tâm ưa xuất gia hành đạo, không bao lâu, hiện thể chứng đắc A-la-hán, “sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Tỳ-kheo kia tự biết đắc A-la-hán.

Đức Phật nói pháp như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, tín lạc hoan hỷ thọ trì.

202. Bấy giờ, có tỳ-kheo nọ đến chỗ đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Lành thay, Đại đức, vì con lược nói pháp. Con sẽ ở một mình nơi chỗ khuất, siêng năng tinh tấn tu tập, không phóng dật.”

Đức Phật bảo tỳ-kheo:

“Nếu người biết có pháp khiến nhiều dục, không khiến ít dục, khiến vô yếm không tri túc, khiến khó bảo hộ, không dễ bảo hộ, khiến khó nuôi dưỡng, không dễ nuôi dưỡng, khiến ngu si không trí tuệ. Nay tỳ-kheo, người nên biết pháp như vậy là phi pháp, phi tỳ-ni, chẳng phải là lời dạy của đức Phật.

“Nếu tỳ-kheo biết có pháp khiến thiếu dục không đa dục, khiến tri túc không vô yếm, khiến dễ bảo hộ không khó bảo hộ, khiến dễ nuôi dưỡng không khó nuôi dưỡng, khiến có trí tuệ không ngu si. Nay tỳ-kheo, người nên quyết định và biết pháp này là tỳ-ni, là lời Phật dạy.”

Tỳ-kheo kia sau khi nghe đức Phật lược nói rồi, [1008b] liền ở riêng chỗ khuất tư duy *nư trên đã nói*.¹

203. Bấy giờ, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Những ba-đà-xá, a-nậu ba-đà-xá, tiện-xà-na, a-nậu-tiện-xà-na, ác-xoa-la, a-nậu-ác-xoa-la¹; những thứ nào mà Ta cho phép, các người

¹ Bản Hán, hết quyển 59.

nên làm như vậy.² Những ba-đà-xá, a-nậu ba-đà-xá, tiện-xà-na, a-nậu-tiện-xà-na, ác-xoa-la, a-nậu-ác-xoa-la nào mà Ta không cho phép, thì các người không được tùy thuận, nên chê trách. Hãy làm như vậy. Những ba-đà-xá, a-nậu ba-đà-xá, tiện-xà-na, a-nậu-tiện-xà-na, ác-xoa-la, a-nậu-ác-xoa-la nào mà Ta ngăn cản, thì các người không nên làm. Những ba-đà-xá, a-nậu ba-đà-xá, tiện-xà-na, a-nậu-tiện-xà-na, ác-xoa-la, a-nậu-ác-xoa-la nào mà Ta không ngăn cản, các người nên tùy thuận, không nên chê trách.

204. Bấy giờ, Xá-lợi-phất cùng với năm trăm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng với năm trăm tỳ-kheo-ni; A-nan-phân-đề³ cùng với năm trăm ưu-bà-tắc; Tỳ-xá-khur Mầu⁴ cùng với năm trăm ưu-bà-di, như trong *kiền-độ Câu-thiểm-di*⁵ đã nói.

Bấy giờ đức Phật bảo các tỳ-kheo:

205. Tỳ-kheo đến trong Tăng, trước hết phải có năm pháp: nên đến với từ tâm, nên tự ti xem mình như cái khăn lau bụi, nên khéo léo biết việc ngồi việc đứng, nếu thấy Thượng tọa thì không được ngồi yên, nếu thấy hạ tọa thì không được đứng dậy. Tỳ-kheo đến trong Tăng không được bàn nói chuyện của thế tục, nên tự nói pháp, hay

¹ Các thành phần của ngôn ngữ: ba-đà-xá 波陀舍 (Skt., Pāli: *pada*, cú, câu hay mệnh đề), a-nậu-ba-đà-xá 阿菟波陀舍 (Skt., Pāli: *anupada*, tùy cú), tiện-xà-na 便闍那 (Skt. *vyāñjana*: vãn, từ ngữ), a-nậu-tiện-xà-na 阿菟便闍那 (Skt., Pāli: *anuvyañjana*: tùy vãn), ác-xoa-la 惡叉羅 (Skt. *akṣara*, Pāli: *akkhara*, tự, tự mẩu, âm tiết), a-nậu-ác-xoa-la 阿菟惡叉羅 (Skt. *anu-akṣara*, tùy tự).

² Câu này có thể hiểu như sau: “Những âm vận, từ ngữ, cú pháp nào mà Ta chấp thuận, các người hãy theo đó mà làm.” Điều này liên hệ việc chuyển thể kinh Phật sang ngôn ngữ Sanskrit chuẩn của Vệ-đà mà Phật không cho phép. Xem Phần IV, Chương II “Tập sự”, đoạn 17, cht. 72.

³ A-nan-phân-đề 阿難分坻; phiên âm của Skt. (Pāli) Anāthapiṇḍika, dịch là Cấp Cô Độc. Các đoạn trên kia phiên âm là A-nan-bân-đề 阿難邠坻, dịch là Cấp Cô Độc Thực.

⁴ Tỳ-xá-khur Mầu, trên kia cũng nói là Tỳ-xá-khur Vô-la-di Mầu. Pāli: Visākhā-Magāra-Matā.

⁵ Xem Phần III, Chương IX “Câu-thiểm-di”, đoạn 5.

thỉnh người nói pháp, nếu thấy trong Tăng có sự việc bất khả, tâm không nhịn yên, thì nên im lặng. Tại sao vậy? Sợ Tăng phân hóa. Tỳ-kheo trước hết phải có năm pháp này, sau đó mới đến trong Tăng.

206. Năm Xá-lợi-phất, có năm pháp này tỳ-kheo ở trong Tăng không [1008c] được nói. Lại có năm pháp ở trong Tăng nên nói. Ở đây có sáu pháp¹ như trên đã nói trong pháp tự tổn giảm.

207. Có năm pháp để cử tội người khác: thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, đa văn, khéo léo việc nói năng, có ức niệm, có trí tuệ. Đó là năm.

Có năm pháp nên cử tội người khác: có tâm từ bi, vì muốn lợi ích, khiến tăng trưởng, khiến sám hối, thanh tịnh. Có năm pháp như vậy nên cử tội người.

Muốn cử tội người nên có năm pháp, như đã nói ở trên trong “Kiền-độ Ngã.”²

208. Có năm cử tội phi pháp: phi thời chứ không phải đúng thời, không thật chứ không phải như thật, gây tổn giảm chứ không lợi ích, thô lỗ chứ không nhu hòa, sân nhuế chứ không từ tâm. Đó là năm.

209. Có năm cử tội như pháp: (*ngược với câu trên*).

Bất thiện, thiện; phi tỳ-ni, tỳ-ni; thế gian, xuất thế gian; tổn giảm, lợi ích; cũng nói như vậy.

Có năm câu, không có câu thứ ba: thời cùng phi thời, câu này không có câu thứ ba. Thật cùng không thật, câu này không có câu thứ ba. Tổn giảm với có lợi ích, câu này không có câu thứ ba. Thô lỗ với nhu hòa, câu này không có câu thứ ba. Sân nhuế với từ tâm, câu này không có câu thứ ba. Đó là năm câu không có câu thứ ba.

¹ Gồm sáu hạng mục cho 5 pháp “nên nói” và “không nên nói.” Như các hạng mục 180-185 trên.

² Phần III, Chương XIV “Già yết-ma.”

210. Nói năm lời xả giới: “Tôi xả Phật, xả Pháp, xả Tăng, xả Hòa Thượng, xả đồng Hòa Thượng.” Cứ mỗi năm lời như vậy làm thành một hạng mục, cho đến “...phi sa-môn Thích tử.”¹

211. Đức Như Lai ra đời thấy có sự lỗi lầm nên vì năm nghĩa lợi mà chế giới cho các tỳ-kheo: nhiếp thủ đối với Tăng, khiến Tăng hoan hỷ, khiến Tăng an lạc, khiến kẻ không tin thì tin, kẻ tin rồi tăng trưởng.² Đó là năm. *Cho đến* chánh pháp tồn tại lâu dài cũng như vậy.

212. Đức Như Lai ra đời thấy các tỳ-kheo có sự lỗi lầm nên vì năm nghĩa lợi mà chế yết-ma ha trách cho các tỳ-kheo: nhiếp thủ đối với Tăng, khiến Tăng hoan hỷ, khiến Tăng an vui, khiến kẻ không tin thì tin, kẻ tin rồi Tăng trưởng. Đó là năm. *Cho đến* chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi năm pháp làm thành một hạng mục cũng như vậy. *Cho đến* bảy diệt tránh cũng như vậy.³

VI. SÁU PHÁP

1. Có sáu phi pháp ngăn nói giới, ngăn phá giới vô căn, tác hay bất tác,⁴ phá kiến; phá oai nghi cũng như vậy. Đó là sáu.

Có sáu như pháp ngăn thuyết giới (*ngược với câu trên*).

2. Có sáu pháp nên sai giáo thọ tỳ-kheo-ni: thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, đa văn, rộng tụng hai bộ giới tỳ-ni, có khả năng về ngôn ngữ, luận biện nghĩa cú rõ ràng, không phạm trọng tội khi theo Phật xuất gia, [1009a1] hai mươi hay hơn hai mươi hạ. Đó là sáu pháp nên sai giáo thọ tỳ-kheo-ni.⁵

¹ Xem các hạng mục, “Một pháp”, hạng mục 1 & 2; “Hai pháp”, hạng mục 126; “Ba pháp”, hạng mục 153; “Bốn pháp”, hạng mục 56.

² Xem trên, “Hai pháp”, hạng mục 136; “Ba pháp”, hạng mục 156; “Bốn pháp”, hạng mục 57.

³ Chi tiết, xem “Bốn pháp”, hạng mục 58.

⁴ Xem Phần III, Ch. XIV “Già yết-ma” đoạn 2 (Thuyết giới).

⁵ Xem 5 pháp, hạng mục 176.

3. Tỳ-kheo đặt nghi vấn cho tỳ-kheo bằng sáu pháp: hoặc vì tính tuổi đời, hoặc vì tính tuổi hạ, hoặc vì tính thọ đại giới, hoặc vì yết-ma, hoặc phạm, hoặc vì pháp. Đó là sáu.
4. Có sáu chỗ phát sanh sự phạm:¹ hoặc có phạm do thân khởi chẳng phải tâm hay miệng, hoặc có phạm khởi nơi miệng không do thân hay tâm, hoặc có phạm từ thân và miệng khởi không do tâm, hoặc có phạm từ thân và tâm khởi chẳng phải do miệng, hoặc có phạm khởi từ miệng và tâm chẳng phải do thân, hoặc có phạm từ thân, miệng và tâm khởi. Đó là sáu.
5. Có sáu gốc rễ của đấu tranh, như trong A-hàm² đã nói.
6. Có sáu trường hợp ăn trộm phạm ba-la-di: tự mình lấy, hoặc chỉ thị lấy, sai phái người đi lấy, trọng vật, với tâm trộm, đời khởi chỗ cũ.³ Đó là sáu.
7. Lại có sáu (trường hợp khác): với tướng chẳng phải của mình, ý tưởng không tạm lấy, ý tưởng chẳng phải thân tình, trọng vật, với tâm trộm, đời khởi chỗ cũ. Đó là sáu.

VII. BẢY PHÁP

1. Có bảy phi pháp ngăn thuyết giới: ngăn bằng ba-la-di vô căn, cho đến ác thuyết vô căn.⁴ Đó là bảy.
2. Có bảy tự phạm:⁵ ba-la-di cho đến ác thuyết. Đó là bảy.

¹ Pāli, Vin. v. 92, 133: *cha āpattisamuttānā*, sáu tội đặng khởi.

² Xem *Trường A-hàm 8* (tr.51c26): lục tránh bản. Xem thêm, *Trung A-hàm 52* (tr.753c9). *Thập tụng 50* (tr.367a07), lục tránh bản 六諍本: 1. sân hận bất ngữ, 2. ác tánh dục hại, 3. tham tật, 4. siểm khúc, 5. vô tâm quý, 6. ác dục tà kiến. Tham chiếu Pāli, Saṅgi, D. iii. 246: *cha vivādamulāni*.

³ Xem mục “Năm pháp”, hạng mục 129.

⁴ Ngăn bằng bảy thiên tội. Xem Phần III. Ch. XIV “Già yết-ma”, đoạn 2 “Già thuyết giới.”

⁵ Bảy thiên tội, hay bảy tự tội. Pāli: *sattāpattikkhandhā*. Xem mục “Năm pháp”, hạng mục 93.

3. Có bảy loại tinh: sắc đỏ, cho đến sắc nước sữa.¹ Đó là bảy.
 4. Có bảy diệt tránh, như trên, trong văn giới đã nói.²
 5. Có bảy pháp gọi là trì luật: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, biết hữu dư, biết vô dư, rộng tụng hai bộ tỳ-ni. Đó là bảy.
 6. Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như trước. Pháp thứ bảy: rộng tụng tỳ-ni. Đó là bảy.
 7. Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như trước. Pháp thứ bảy: trụ tỳ-ni không lay không động. Đó là bảy.
 8. Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như trước. Pháp thứ bảy: khéo hay diệt tránh sự. Đó là bảy.
 9. Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như trước. Pháp thứ bảy: tự nhớ biết các đời sống trước, với đủ các hình thức khác nhau.³ Đó là bảy.
- Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như trước. Pháp thứ bảy: bằng thiên nhãn thấy chúng sanh chết đây sanh kia. Đó là bảy.
- Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như trước. Pháp thứ bảy: lậu tận, thành vô lậu, tâm giải thoát, huệ giải thoát, hiện đời này được quả chứng, “sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, quyết không còn tái sanh nữa.” Đó là bảy.
10. Không cung kính có bảy: không kính Phật, Pháp, Tăng, giới, định, phụ mẫu và **[1009b]** thiện pháp. Đó là bảy.
 11. Cung kính có bảy (*ngược với câu trên*).
 12. Xả giới có bảy lời: “Tôi xả Phật, Pháp, Tăng, xả Hòa thượng, xả đồng Hòa thượng, xả A-xà-lê, xả đồng A-xà-lê.” Đó là bảy. *Cho*

¹ Xem phần i, tăng-già-bà-thi-sa 1.

² Phần I, ch. VIII. Bảy diệt tránh. Phần III. Ch. XVI. Diệt tránh.

³ Đề bản: sử 使. Các bản khác: canh 更. Tham chiếu Pāli, Vin. v. 135: thành tựu bảy pháp được gọi là tỳ-kheo trì luật (nhiều tỳ bảy như Hán): biết tội, không tội... nhớ nhiều đời quá khứ khác nhau (*anekavihitaṃ pubbenivāsanṃ anussarati*).

đến “...phi sa-môn Thích tử” cũng như vậy.¹

13. Do bẫy nghĩa mà đức Như Lai ra đời vì các tỳ-kheo chế giới: nhiếp thủ đối với Tăng, khiến Tăng hoan hỷ, khiến Tăng an vui, khiến kẻ không tin thì tin, kẻ đã tin tăng trưởng, điều phục kẻ khó điều phục, người tâm quý được yên vui. Đó là bẫy.

Cũng vậy: mỗi bẫy pháp làm thành một hạng mục, cho đến “chánh pháp tồn tại lâu dài” cũng như vậy.²

14. Do bẫy nghĩa mà đức Như Lai ra đời vì các tỳ-kheo chế yết-ma ha trách: từ “nhiếp thủ đối với Tăng,” cứ mỗi bẫy pháp làm thành hạng mục, cho đến “chánh pháp tồn tại lâu dài” cũng như vậy.³ Cho đến bẫy diệt tránh cũng như vậy, cũng như yết-ma ha trách làm thành hạng mục.

VIII. TÁM PHÁP

1. Có tám sự ngăn thuyết giới một cách phi pháp; ngăn bằng phá giới vô căn, tác hay bất tác; phá kiến vô căn, tác hay bất tác; phá oai nghi vô căn, tác hay bất tác, phá chánh mạng vô căn, tác hay bất tác.⁴ Đó là tám.

2. Có tám như pháp ngăn thuyết giới (*ngược với câu trên*).

3. Có tám pháp nên sai giáo thọ tỳ-kheo-ni: thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới; đa văn; tụng hai bộ giới tỳ-ni; có khả năng ngôn ngữ luận; biện nghĩa câu chữ rõ ràng, từ đại tánh xuất gia như sát-lợi, bà-la-môn, cư sĩ; hình mạo đoan chánh; không phạm trọng tội khi theo Phật xuất gia; hai mươi hay hơn hai mươi hạ.⁵ Đó là tám.

¹ Xem mục “Năm pháp”, hạng mục 217.

² Xem trên, “Hai pháp”, hạng mục 136; “Ba pháp”, hạng mục 156; “Bốn pháp”, hạng mục 57; “Năm pháp”, hạng mục 218.

³ Xem hạng mục 13 trên.

⁴ Xem mục “Sáu pháp”, hạng mục 1.

⁵ Xem sáu pháp, hạng mục 2.

4. Có tám pháp không thể vượt qua,¹ như trong “Kiền-độ Tỳ-kheo-ni” đã nói.

5. Bạch y có tám pháp nên tác pháp úp bát:² mạ báng tỳ-kheo, làm cho (tỳ-kheo) thiệt hại, không làm cho lợi ích, làm cho (tỳ-kheo) không có trú xứ, làm cho tỳ-kheo đấu loạn nhau, trước tỳ-kheo mà hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Đó là tám.

6. Tỳ-kheo có tám pháp khiến bạch y không tin: mạ báng bạch y, gây thiệt hại (cho bạch y), làm mất lợi ích (của bạch y), làm cho (bạch y) không có chỗ ở, làm cho bạch y đấu loạn nhau, trước bạch y mà hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Đó là tám. Tỳ-kheo có tám pháp như vậy nên trao cho pháp yết-ma ngăn không đến nhà bạch y, như trên đã nói.

7. Có tám pháp nên sai làm bạn người sai phái:³ có khả năng nghe, có khả năng nói, tự mình hiểu rõ, khiến người hiểu rõ, có khả năng ghi nhận, có khả năng ghi nhớ không mất, biết tốt xấu, nói ý nghĩa lý thú. Đó là tám.

8. Bấy giờ đức Thế Tôn ở bên ao Già-già tại thành Chiêm-bà. Ngày mười lăm có trăng, vào thời thuyết giới, Thế Tôn ngồi chỗ đất trống cùng chúng Tăng đông đủ xoay quanh bốn bên. [1009c] Khi ấy, có tỳ-kheo bằng kiến, văn, nghi mà cử tội tỳ-kheo kia. Khi bị cử tội, tỳ-kheo kia liền dùng dư ngữ (nói quanh) để trả lời.⁴ Do đó có sự sân hận nổi lên. Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Nên thẩm định hỏi người kia. Người kia ở trong Phật pháp chẳng có ích gì,⁵ không tăng trưởng gì. Giống như người nông phu làm ruộng lúa, cỏ dại mọc lẫn với lúa. Lúa và cỏ dại giống nhau không khác, nhưng nó làm hại lúa. Cho đến khi trở bông, kết hạt, mới biết

¹ Tức “Tám kinh pháp.”

² Xem Phần IV, Chương II “Tập sự”, đoạn 27 “Úp bát.”

³ Sứ giả truyền đạt quyết định của Tăng đến các đối tượng liên hệ.

⁴ Xem, tỳ-kheo, ba-dật-đề 12.

⁵ Đề bản: vô sở nhiệm 無所任. Các bản khác: vô sở trụ.

nó không phải là lúa. Biết nó không phải là lúa rồi, phải nhanh chóng nhổ trừ tận gốc. Tại sao vậy? Vì sợ nó làm hại lúa. Tỳ-kheo cũng như vậy. Có ác tỳ-kheo tới lui, đứng ngồi, nhiếp trì y bát như thiện tỳ-kheo không khác, chừng nào mà chưa bị phát hiện tội. Khi tội đã phát hiện rồi, mới biết loại cỏ dại, khác với tỳ-kheo. Đã biết là khác rồi, nên hoà hiệp chúng mà diệt tận nó đi. Tại sao vậy? Sợ nó làm phương hại thiện tỳ-kheo.

“Thí như người nông phu sậy thóc, đón chiều gió mà rê đi thóc lép, giữ lại thóc tốt. Tại sao vậy? Vì sợ nó làm xấu lúa tốt. Cũng vậy, ác tỳ-kheo tới lui, đứng ngồi, nhiếp trì y bát như thiện tỳ-kheo không khác, chừng nào mà chưa bị phát hiện tội. Khi tội đã phát hiện rồi, mới biết là loại thóc lép, cỏ rác, trong tỳ-kheo. Biết rồi, nên hoà hiệp chúng mà diệt tận nó đi.

“Giống như có người cần cây để làm lan can giếng. Người ấy ra khỏi thành, cầm búa vào rừng, gõ khắp hết các loại cây. Cây nào có ruột chắc thật thì âm thanh chắc thật. Cây nào bọng ruột thì âm thanh rỗng như tiếng ghè vỡ. Nhưng cây rỗng ruột ấy có gốc, thân, nhánh lá giống như cây chắc ruột không khác. Chỉ khi nào gõ vào mới biết bên trong rỗng rỗng. Biết nó rỗng ruột rồi, thì chặt bỏ nhánh lá, róc bỏ những chỗ thô kệch, sau đó mới đeo chuốt làm cho trơn nhẵn cả trong lẫn ngoài, đem dùng rào giếng. Cũng vậy, ác tỳ-kheo tới lui, đứng ngồi, nhiếp trì y bát như thiện tỳ-kheo không khác, chừng nào mà chưa bị phát hiện tội. Khi tội đã phát hiện rồi, mới biết là loại thóc lép, cỏ rác, cây rỗng ruột giữa các tỳ-kheo. Đã biết là khác rồi, nên hoà hiệp chúng mà diệt tận nó đi. Tại sao vậy? Sợ nó làm phương hại thiện tỳ-kheo.”

Đức Phật nói kệ:

*Sống chung, biết tánh hạnh,
Ganh tị, ưa sân hận.
Giữa chúng, nói lời hay,
Chỗ khuất làm phi pháp.
Phương tiện bày vọng ngữ,
Kẻ sáng hay giác tri.*

[1010a1] *Cỏ dại nên trừ bỏ;
 Cho đến cây bông ruột.
 Tự nói là sa-môn
 Hư vọng nên diệt tận.
 Đã tác diệt tận rồi,
 Đuổi người ác, phi pháp;
 Người thanh tịnh sống chung
 Nên biết là sáng chói.
 Hòa hợp cùng diệt tận
 Hòa hợp dứt gốc khổ.*

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín lạc thọ trì.

9. Bây giờ đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Nay Ta nói cho các người về tám thứ ngựa dữ và tám hạng người dữ.¹ Các người lắng nghe! Những gì là tám? Hoặc có ngựa dữ, khi tra dầm dùi roi muốn khiến cho nó chạy tới, nó lại gác đầu dậm chân không chịu đi. Hoặc có thứ ngựa dữ khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó lại dựa vào hai bên cây gọng mà không bước tới. Hoặc có thứ ngựa dữ khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó lại lộn nhào ngã xuống đất làm cho đầu gối bị thương, lại gãy gọng xe. Hoặc có thứ ngựa dữ, khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó lại bước lui chứ không đi tới. Lại có thứ ngựa dữ, khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó lại chạy ra ngoài đường làm cho hỏng bánh xe, gãy trục. Lại có loại ngựa dữ, khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó không sợ người cầm cương, cũng không sợ roi, mà cố nhai cái hàm sắt, chạy lung tung không có cách nào ngăn chặn. Lại có loại ngựa dữ khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó lại dựng hai chân trước lên, đứng như người, phun nước bọt ra. Hoặc có loại ngựa dữ khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó lại ngòai hay nằm xuống. Đó là tám thứ ngựa dữ.

¹ Xem *Tạp A-hàm* 33 (tr.235a6). Pāli, A. viii. 14. *Assakhaluṅka*.

“Tám hạng người ác là những gì? Hoặc có tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia lại nói: “Tôi không nhớ, tôi không nhớ.” Cũng như con ngựa dữ khi tra dầm dùi roi muốn nói đi tới mà lại gặc dậm chân không đi. Ta nói người này cũng như vậy.

“Hoặc có tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia không nói phạm, không nói không phạm, mà ngồi trơ im lặng. Cũng như con ngựa dữ kia khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó lại dựa hai bên gọng xe không chạy tới. Ta nói người này cũng như vậy.

“Hoặc có tỳ-kheo bằng kiến văn nghi cử tội vị kia. Vị kia nói như sau: “Trưởng lão cũng phạm tội thì làm sao cử tội người khác?” Cũng như con ngựa dữ kia, khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới mà lại lộn nhào ngã xuống đất, làm cho đầu gối bị thương lại gãy gọng xe. **[1010b]** Ta nói người này cũng như vậy.

“Hoặc có tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia lại nói: “Trưởng lão si mê, cần phải được dạy, lại muốn dạy tôi.” Cũng như con ngựa dữ kia khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới mà lại đi lui. Ta nói người này cũng như vậy.

“Hoặc có tỳ-kheo dùng kiến văn nghi cử tội vị kia, vị kia lại nói lảng chuyện khác để trả lời nên sanh ra sân nhuế. Cũng như con ngựa dữ kia khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới mà lại chạy ra ngoài đường làm cho gãy trục, hư bánh xe. Ta nói người này cũng như vậy.

“Hoặc có tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia không sợ chúng Tăng cũng không sợ phạm, không nhận sự cử tội, bèn lấy tọa cụ để trên vai rồi ra đi, không thể quả trách hay ngăn cấm được. Như con ngựa dữ kia, khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới mà nó không sợ người cầm cương, cũng không sợ roi, cắn cái hàm sắt vụt chạy không thể cầm ngăn được. Ta nói người này cũng như vậy.

“Hoặc có tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia

lật ngược y uất-đa-la-tăng, giữa chúng Tăng đưa tay lên nói: “Các thầy muốn dạy tôi sao?” Cũng như con ngựa dữ kia khi tra dầm dùm roi muốn nó chạy tới, nó lại đứng hai chân trước lên như người, phun nước bọt ra. Ta nói người này cũng như vậy.

“Hoặc có tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia nói: “Trường lão không cho tôi y bát, ngọa cụ, thuốc men, thì sao lại dạy tôi?” Nói xong liền xả giới, chọn con đường dưới,¹ đến chỗ các tỳ-kheo nói: “Đại đức, tôi đã thôi tu, ngài vừa ý lắm phải không?” Cũng như con ngựa dữ kia, khi tra dầm dùm roi muốn nó chạy tới, nó lại ngồi hay nằm xuống. Ta nói người này cũng lại như vậy. Đó là tám hạng người ác.

“Ta đã nói về tám thứ ngựa dữ và tám loại người dữ rồi, như điều Thế Tôn cần làm vì từ mãn đối với các đệ tử, Ta đã nói đầy đủ cả rồi. Nay các người hãy đến trụ nơi trống vắng, dưới gốc cây, tu tập thiền định, đừng phóng dật để rồi sau này phải hối hận. Đây là lời răn dạy của Ta.”

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tín lạc thọ trì.

10. Bấy giờ, đức Thế tôn ở tại nước Câu-tát-la, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi tỳ-kheo, du hành trong nhân gian. Giữa đường thấy có một đám lửa cháy lớn. Thấy vậy, đức Phật đến bên đường, dưới một gốc cây, trải chỗ ngồi ngồi, nói với các tỳ-kheo:²

[1010c] “Các người thấy đám lửa lớn đang cháy kia không? Nếu người nào ôm lấy ngọn lửa kia tức thì sẽ bị đốt cháy tiêu hết da thịt, xương cốt. Lại có người ôm lấy sát-lợi nữ, bà-la-môn nữ, tỳ-xá nữ, thủ-đa-la nữ, vuốt ve và hôn. Hai việc làm trên, việc nào là tốt lành hơn?”

¹ Thủ u hạ đạo 取於下道. Nghĩa là trở lại đời sống thế tục. Hán dịch sát nghĩa đen, cf. Pāli: *hīnāya avattati*.

² Tham chiếu Pāli, A. iv. 128: *Aggikkhandhopama*. Xem *Trung A-hàm 1*, kinh số 5 Mộc tích dụ.

Các tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Đại Đức, nếu ôm lấy sát-lợi nữ, v.v.. vuốt ve và hôn; việc này tốt lành hơn. Vì sao vậy? Vì nếu ôm lấy lửa tức thì sẽ bị cháy tiêu hết da thịt, gân cốt, bị đại kịch khổ không thể chịu nổi!”

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Nay Ta nói với các người, thà là ôm lấy lửa kia để rồi bị cháy hết da thịt, gân cốt thì việc này vẫn là điều tốt hơn. Tại sao vậy? Vì không do nhân này mà đọa ác đạo. Còn nếu chẳng phải sa-môn mà tự nói là sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, tự nói là tịnh hạnh, phá giới làm điều ác, hoàn toàn không trì giới, oai nghi, tà kiến, nơi chỗ khuất kín làm điều tội lỗi. Bên trong trống rỗng, hư nát, bên ngoài hiện ra là hoàn thiện. Vì ăn đồ ăn của tín thí mà không tiêu được nên phải đọa vào ba đường ác, thọ khổ lâu dài. Cho nên các người cần phải trì tịnh giới mới ăn của người tín thí; dùng các thứ cần thiết như y phục, ngọa cụ, thuốc men, mới có thể khiến cho tín thí được đại quả báo, và mục đích của người xuất gia làm sa-môn cũng được thành tựu.

“Này các tỳ-kheo, các người cầm cây kích đốt nóng đâm vào chân, hay là nhận sự lễ bái dưới chân của thiện nam tử, thiện nữ nhân có tâm tín mộ? Hai việc như vậy, việc nào là tốt lành hơn?”

Các tỳ-kheo bạch Phật:

“Nên nhận sự lễ bái dưới chân của thiện nam tử, thiện nữ nhân có tâm tín mộ. Tại sao vậy? Vì dùng cây kích đốt nóng chích vào chân phải chịu sự đại kịch khổ!”

Đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Nay Ta bảo các người, thà dùng cây kích nóng đâm vào chân còn hơn. Tại sao vậy? Vì không do nhân này mà đọa vào ba đường ác. Nếu chẳng phải sa-môn mà tự nói là sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, tự nói là tịnh hạnh, phá giới làm điều ác, hoàn toàn không trì giới, oai nghi, tà kiến, nơi chỗ khuất kín làm điều tội lỗi. Bên trong trống rỗng, hư nát, bên ngoài hiện ra là hoàn thiện. Vì ăn đồ ăn của tín thí mà không tiêu được nên phải đọa vào ba đường ác, thọ khổ lâu dài.

Cho nên các người cần phải trì tịnh giới mới ăn của người tín thí; dùng các thứ cần thiết như y phục, đồ ăn, thuốc men, mới có thể khiến cho tín thí được đại quả báo, và mục đích của người xuất gia làm sa-môn cũng được thành tựu.

“Này các tỳ-kheo, nên tự cầm búa nóng chém vào thân vào đầu mình, hay là nhận bàn tay của thiện nam tử, thiện nữ nhân có tâm tín mộ vuốt ve thân thể? [1011a1] Hai việc này, việc nào là tốt lành hơn?”

Các tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Đại Đức, nên nhận bàn tay của thiện nam tử, thiện nữ nhân có tâm tín mộ vuốt ve thân thể. Tại sao vậy? Vì cầm búa nóng chém vào thân, vào đầu phải thọ đại kịch khổ!”

“Này các tỳ-kheo, nay Ta bảo các người nên cầm búa nóng chém vào thân vào đầu, việc này mới là tốt hơn. Tại sao vậy? Vì không do nhân duyên này mà đọa vào ba đường ác. *Còn lại, vẫn cứ như trên đã nói.*

“Này các tỳ-kheo, các người nên lấy sắt nóng làm y để đốt cháy hết thân này, hay là nhận mặc các loại y tốt của thiện nam tử, thiện nữ nhân tín mộ? Hai việc này, việc nào là tốt lành hơn?”

Các tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Đại Đức, nên nhận các loại y tốt. Tại sao vậy? Vì loại y bằng sắt nóng kia đốt cháy thân hình, phải chịu đại kịch khổ!”

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Nay Ta bảo các người là nên nhận lấy y bằng sắt nóng kia để đốt cháy thân hình. Tại sao vậy? Vì không do nhân duyên ấy mà đọa vào ba đường ác.” *Còn lại, vẫn cứ như trên đã nói.*

“Này các tỳ-kheo, nên nuốt hoàn sắt nóng cháy cả ngũ tạng rồi tuôn tháo ra ngoài, hay là nhận thức ăn cúng dường của kẻ thiện nam tử, thiện nữ nhân tín mộ? Hai việc này, việc nào là tốt hơn?”

Các tỳ-kheo thưa: “Nên nhận thức ăn cúng dường kia. Tại sao vậy? Nuốt hoàn sắt nóng kia phải chịu đại kịch khổ!” Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Nay Ta bảo các nguoi, thà là nuốt hoàn sắt nóng. Tại sao vậy? Vì không do nhân duyên này mà không đọa vào ba đường ác.” *Còn lại, vẫn cứ như trên đã nói.*

Nhận các thứ cháo cũng như vậy.

“Này các tỳ-kheo, nên nằm trên giường sắt nóng để tự đốt cháy hết thân hình, hay là nhận các loại giường tốt, ngọa cụ tốt của thiện nam tử, thiện nữ nhân tín mộ để ngồi nằm? Hai việc này, điều nào là tốt lành hơn?”

Các tỳ-kheo bạch Phật:

“Nên nhận các thứ giường, ngọa cụ tốt kia. Tại sao vậy? Vì ngồi nằm trên giường sắt nóng tự đốt cháy thân hình thọ đại khổ thống!”

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Nay Ta bảo các nguoi, thà nhận giường, tọa cụ bằng sắt nóng kia để tự đốt cháy thân hình. Tại sao vậy? Vì không do nhân duyên này mà đọa vào ba đường ác.” *Còn lại, vẫn cứ như trên đã nói.*

“Này các tỳ-kheo, nên ở trong nhà bằng sắt nóng để thân hình bị đốt cháy, hay là nhận phòng nhà của thiện nam tử, thiện nữ nhân tín mộ để ngủ nghỉ? Hai việc này, điều nào là tốt lành hơn?”

Các tỳ-kheo bạch Phật:

“Nên nhận phòng nhà kia để nghỉ ngơi. Tại sao vậy? Vì ở trong phòng nhà bằng sắt nóng sẽ bị thiêu đốt thân hình thọ đại kịch khổ!”

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Thà ở trong nhà sắt nóng kia để tự đốt cháy thân hình **[1011b]** tan rã. Tại sao vậy? Vì không do nhân duyên này mà đọa vào ba đường ác.” *Ngoài ra như trên đã nói.*

Khi đức Thế Tôn nói những lời này, có sáu mươi vị tỳ-kheo máu tuôn ra từ lỗ chân lông nơi mặt; sáu mươi vị tỳ-kheo xả giới thối tu; sáu mươi vị tỳ-kheo đắc vô lậu tâm giải thoát; số đông tỳ-kheo viễn trần ly cấu, đắc con mắt pháp thanh tịnh.

IX. CHÍN PHÁP

1. Nhà bạch y có chín pháp, chưa làm đàn-việt thì không được làm. Đến nhà đó, (tỳ-kheo) không được ngồi. Chín pháp gì? Thấy tỳ-kheo không hoan hỷ đứng dậy; không hoan hỷ tác lễ; không hoan hỷ mời tỳ-kheo ngồi; không hoan hỷ khi tỳ-kheo ngồi; giả sử (tỳ-kheo) có nói điều gì, người ấy cũng không tin thọ; nếu có y phục ẩm thực, và những thứ mà (tỳ-kheo) cần dùng, thì khinh mạn tỳ-kheo nên không cho; hoặc có nhiều mà cho ít; hoặc có thứ tinh tế mà cho thứ thô xấu; hoặc cho mà không có lòng cung kính. Đó là nhà bạch y có chín pháp thì không được đến.

2. Lại có chín pháp chưa làm đàn-việt thì nên làm đàn-việt, đã làm thì (tỳ-kheo) nên đến và ngồi (*ngược nghĩa câu trên*).

3. Có chín sự ngăn thuyết giới không như pháp: dẫn bằng chứng sự phá giới vô căn mà ngăn vì tác, ngăn vì bất tác, hay ngăn vì vừa tác vừa bất tác; phá kiến, phá oai nghi cũng như vậy.¹ Đó là chín.

4. Có chín như pháp ngăn thuyết giới (*ngược nghĩa câu trên*).

5. Có chín lời xả giới: “Tôi xả Phật, xả Pháp, xả Tăng, xả Hòa thượng, xả đồng Hòa thượng, xả A-xà-lê, xả đồng A-xà-lê, xả các phạm hạnh, xả giới.” Đó là chín. Cũng vậy, mỗi mỗi chín lời làm thành một hạng mục, *cho đến* “... phi sa-môn Thích tử” cũng như vậy.²

6. Đức Như Lai ra đời thấy có sự lầm lỗi nên vì chín nghĩa mà chế giới cho các tỳ-kheo: nhiếp thủ đối với Tăng, *cho đến* đoạn hữu lậu vị lai.³ Đó là chín.

Đức Như Lai ra đời, thấy có sự lỗi lầm nên vì chín lợi nghĩa mà chế

¹ Xem Phần III, Chương xiv, đoạn 2 “Già yết-ma.” Về ý nghĩa tác và bất tác, xem các cht. 7, 8, 9 cũng trong đoạn dẫn trên.

² Xem mục “Năm pháp”, hạng mục 217.

³ Xem trên, “Hai pháp”, hạng mục 136; “Ba pháp”, hạng mục 156; “Bốn pháp”, hạng mục 57; “Năm pháp”, hạng mục 218.

yết-ma ha trách cho các tỳ-kheo: từ nhiếp thủ đối với Tăng, *cho đến* đoạn hữu lậu vị lai. Đó là chín.

Cho đến bảy diệt tránh cũng như vậy.

X. MƯỜI PHÁP

1. Có mười thứ y: y câu-xa, y kiếp-bối, y khâm-bạt-la, y sô-ma, y xoa-ma, y xá-nậu, y gai bố, y sí-di-la, y câu-giá-la, y sai-la-ba-ni.¹ Đó là mười thứ y nên nhuộm làm màu y ca-sa để thọ trì.

2. Có mười thứ y phần tảo:² y bò nhoi, y chuột gặm, y bị cháy, y nguyệt thủy, y sản phụ,³ y thần miếu, y gò mả, y nguyện, y thọ vương chức,⁴ y vãng hoàn. Đó là mười loại y.

3. Có mười sự ngăn thuyết giới phi pháp: không phải ba-la-di; không được kể vào trong ba-la-di;⁵ chẳng phải [1011c] xả giới; không được kể vào trong xả giới; tùy thuận yêu cầu như pháp của Tăng;⁶ không trái nghịch yêu cầu như pháp của Tăng;⁷ không được kể vào trong sự trái nghịch yêu cầu như pháp của Tăng; phá giới không được thấy, nghe; nghi phá kiến không được thấy, nghe, nghi; phá oai nghi không được thấy, nghe, nghi.⁸ Đó là mười.

¹ Xem Phần I, tỳ-kheo, ni-tát-kỳ 1. Phiên âm ở đây có vài chỗ khác với phiên trong đoạn dẫn trên. Xem thêm, Phần III, Chương VI “Y”.

² Xem Phần III, Chương VI “Y”.

³ Trong bản: sơ sản y 初産衣. Có bản chép: sơ hư 初虛. Trên kia, Phần III, Ch. VII. Y, mục phần tảo, nói là “y sản phụ.”

⁴ Trong bản Hán: lập vương y 立王衣. Trên kia, Phần III, Ch. VII. Y, mục phần tảo, nói là “y thọ vương chức.”

⁵ *Thập tụng* 33: Tỳ-kheo phạm ba-la-di, nhưng chưa được Tăng nêu tội. Nghĩa là, chưa bị buộc tội là phạm ba-la-di.

⁶ *Thập tụng* 33: tùy thuận Tăng sự như pháp.

⁷ *Thập tụng* 33: không khinh Tăng, tức không chống đối các quyết định như pháp của Tăng.

⁸ Xem Phần III, Chương XIV, đoạn 2, và xem giải thích ở đoạn 3 về 10 như pháp.

4. Có mười như pháp ngăn thuyết giới (*trái với câu trên*).

5. Lại có mười sự ngăn thuyết giới phi pháp: không phạm biên tội, không được kể vào biên tội, không phạm tỳ-kheo-ni, không được kể vào phạm tỳ-kheo-ni, không tặc tâm thọ giới, không được kể vào tặc tâm thọ giới, không phá nội ngoại đạo, không được kể vào phá nội ngoại đạo, chẳng phải huỳnh môn, không được kể vào huỳnh môn.¹ Đó là mười.

6. Có mười pháp ngăn thuyết giới (*ngược với câu trên*).

7. Có mười pháp nên sai giáo thọ tỳ-kheo-ni: thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới; đa văn; rộng tụng hai bộ giới tỳ-ni; có khả năng về ngôn ngữ; biện thuyết rõ ràng; từ đại tánh xuất gia như sát-lợi, bà-la-môn, cư sĩ; hình mạo đoan chánh; tỳ-kheo-ni cung kính; đủ khả năng vì tỳ-kheo-ni nói pháp khiến được hoan hỷ; không theo Phật xuất gia mặc áo ca sa mà phạm trọng tội; hai mươi hay hơn hai mươi hạ. Đó là mười.

8. Bảy giờ, đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

“Các người không được lúc nào cũng cử tội các tỳ-kheo khác. Tại sao? Nếu thân oai nghi không thanh tịnh mà cử tội tỳ-kheo khác thì khiến người ấy nói rằng: “Thưa Trưởng lão, trước phải tự mình tịnh thân oai nghi đã.” Nay Ưu-ba-ly, nếu tỳ-kheo thân oai nghi thanh tịnh thì lời nói kia không phát sanh. Lời nói không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh, không đa văn, không rộng tụng hai bộ tỳ-ni cũng như vậy (*như trong “năm pháp” đã nói*).²

9. Lại nữa Ưu-ba-ly, nếu muốn cử tội tỳ-kheo khác thì nên tu tập năm pháp: đúng thời không được phi thời, chân thật không được không chân thật, lợi ích không được tổn giảm, dịu dàng không được thô lỗ, từ tâm không được sân nhuế. Nay Ưu-ba-ly, cử tội tỳ-kheo khác phải có mười pháp này, sau đó mới cử.

¹ 10 trong 13 già nạn. Không được nhận là tỳ-kheo, mặc dù có thọ giới.

² Xem “Năm pháp” hạng mục 205.

10. Có mười sự nhận thẻ phi pháp:¹ không hiểu rõ vấn đề mà nhận thẻ, không cùng với người như pháp mà nhận thẻ, muốn khiến cho người phi pháp nhiều mà nhận thẻ, biết có nhiều người phi pháp mà nhận thẻ, muốn khiến Tăng bị phá mà nhận thẻ, biết Tăng muốn phá mà nhận thẻ, do tiểu tội mà nhận thẻ, không như sự thấy biết mà nhận thẻ, phi pháp nhận thẻ, biết chúng nhận thẻ. Đó là mười.

11. Có mười sự nhận thẻ như pháp (*ngược với câu trên*).

12. Đức Như Lai ra đời, thấy có sự lầm lỗi, [1012a1] vì mười nghĩa mà chế giới cho các tỳ-kheo: từ nhiếp thủ đối với Tăng, *cho đến* chánh pháp tồn tại lâu dài.² Đó là mười.

13. Có mười hạng người không được lễ bái: tự nói phạm biên tội, phạm tỳ-kheo-ni, thọ giới với tâm giặc, phá nội ngoại đạo, huỳnh môn, giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, với tâm ác làm thân Phật ra máu. Đó là mười.

14. Tỳ-kheo có mười thứ oai nghi không được lễ bái: khi đại hành, khi tiểu hành,³ khi khỏa thân, khi cạo tóc, khi nói pháp, khi xĩa răng, khi súc miệng, khi uống, khi ăn, lúc ăn trái cây. Đó là mười.

15. Uống rượu có mười điều thiệt hại: sắc diện xấu, kém sức khỏe, mắt không sáng, ưa nổi sân, mất của, thêm bệnh, gây đấu tranh, tiếng xấu đồn khắp, không trí tuệ, chết đọa vào địa ngục. Đó là mười.

16. Người xuất gia vào cung vua, đến chỗ của thể nữ, có mười điều tai hại:

Nếu vua đang cùng phu nhân hòa hợp. Khi tỳ-kheo vào cung đến chỗ thể nữ, phu nhân thấy tỳ-kheo bèn cười, tỳ-kheo thấy phu nhân cũng cười. Vua sẽ nghĩ: “Tỳ-kheo hoặc đã làm việc như vậy, hoặc sẽ làm việc như vậy.”

¹ Xem Phần III, Chương XVI, mục 3. 2(ii.c).

² Xem Phần I, Ch. I. Ba-la-di 1.

³ Đại hành, tiểu hành: đại tiện, tiểu tiện.

Đó là tai hại thứ nhất khi người xuất gia vào trong cung vua đến chỗ của thể nữ.

Lại nữa, vua khi say cùng phu nhân hòa hợp, rồi không nhớ; sau phu nhân có thai, vua nghĩ: “Tỳ-kheo tới lui trong cung. Đây là việc làm của tỳ-kheo.” Đó là điều tai hại thứ hai.

Lại nữa, thái tử của vua muốn làm phản giết vua. Vua nghĩ: “Tỳ-kheo tới lui trong cung nội, làm quân sư cho việc này. Đây là tỳ-kheo xúi dục.” Đó là điều tai hại thứ ba.

Lại nữa, điều mật của vua trong cung bị lộ ra ngoài. Vua nghĩ: “Tỳ-kheo này tới lui trong cung nội. Đây là do tỳ-kheo này truyền đạt.” Đó là điều tai hại thứ tư.

Lại nữa, vua mất bảo vật hay tợ bảo vật, nghĩ: “Tỳ-kheo này tới lui trong cung nội của ta. Tỳ-kheo này lấy đi.” Đó là điều tai hại thứ năm.

Lại nữa, hoặc vua cất nhắc kẻ thấp kém lên địa vị cao, người không bằng lòng sẽ nói: “Tỳ-kheo này vào trong cung. Đây là việc làm của tỳ-kheo.” Đó là điều tai hại thứ sáu.

Lại nữa, vua hạ chức người ở địa vị cao, người không bằng lòng sẽ nói: “Tỳ-kheo này vào trong cung. Đây là việc làm của tỳ-kheo.” Đó là điều tai hại thứ bảy.

Lại nữa, hoặc vô sự nhân duyên phi thời mà vua tập hợp bốn bộ binh; người không bằng lòng sẽ nói: “Tỳ-kheo này vào trong cung. Đây là việc làm của tỳ-kheo.” Đó là điều tai hại thứ tám.

Lại nữa, hoặc vua tập hợp binh nửa đường rồi trở lại, người không bằng lòng **[1012b]** sẽ nói: “Tỳ-kheo này vào trong cung. Đây là việc làm của tỳ-kheo.” Đó là điều tai hại thứ chín.

Lại nữa, vua đang ở trong chỗ thể nữ, cho xuất voi ngựa tốt, nữ nhân xinh đẹp. (Tỳ-kheo) thấy tâm sanh ái trước, chẳng phải pháp của tỳ-kheo. Đó là điều tai hại thứ mười.

17. Có mười pháp không được trao đại giới cho người: Không thể dạy đệ tử tăng giới, tăng tâm, tăng huệ học, tăng oai nghi, tăng tịnh

hạnh, tăng Ba-la-đề-mộc-xoa học, không thể dạy xả ác kiến, đệ tử không an lạc nơi trú xứ này mà không thể dời đến trú xứ khác an lạc, nếu có nghi hối phát sanh không thể như pháp như tỳ-ni để khai giải quyết đoán, không đủ mười hạ. Đó là mười.

18. Có mười pháp nên trao đại giới cho người (*ngược nghĩa với câu trên*).

19. Có mười pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử A-tỳ-đàm và Tỳ-ni, không thể dạy xả ác kiến trụ thiện kiến, không biết Ba-la-đề-mộc-xoa, không biết thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa, không biết bố-tát, không biết yết-ma bố-tát, không đủ mười hạ. Đó là mười.

20. Có mười pháp nên trao đại giới cho người (*ngược với câu trên*).

21. Có mười pháp không được sai đoán sự ở trú xứ khác: không thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, không đa văn, không rộng tụng hai bộ giới, không thiện xảo ngôn ngữ khiến người khai giải, không thể vấn đáp dạy dỗ quở trách như pháp diệt tận khiến được hoan hỷ, có tránh sự khởi mà không khéo léo diệt, không biết Ba-la-đề-mộc-xoa, không biết thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa, không biết bố-tát, không biết yết-ma bố-tát. Đó là mười.

22. Có mười pháp không được sai đoán sự ở trú xứ khác: sáu câu như trên; không giải đoán rõ việc đấu tranh, không biết tránh sự khởi, không biết tránh sự diệt, không biết hướng đến chỗ diệt tránh sự. Đó là mười.

23. Có mười pháp nên sai đoán sự ở trú xứ khác: (*ngược câu trên*).

24. Có mười pháp không được sai đoán sự ở trú xứ khác: sáu câu đầu như trên; có ái, có nhuê, có bố, có si. Đó là mười.

25. Có mười pháp nên sai đoán sự riêng ở trú xứ khác (*ngược với câu trên*).

26. Bảy giờ, A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chầm đất, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Đại Đức, vì nhân duyên gì khiến Tăng chưa có tránh sự mà khỏi tránh sự; có tránh sự lại không trừ diệt được?”

Đức Phật bảo A-nan: “Cử tội tỳ-kheo khác, không phạm nói phạm, [1012c] phạm nói không phạm, nhẹ nói nặng, nặng nói nhẹ, phi pháp nói pháp, pháp nói phi pháp, phi tỳ-ni nói tỳ-ni, là tỳ-ni nói phi tỳ-ni, phi chế lại chế, chế lại đoạn. Do những nhân duyên này khiến Tăng chưa sanh tránh sự lại sanh tránh sự, đã có tránh sự thì không trừ diệt được.”

A-nan lại hỏi Phật: “Bạch Đại đức, do nhân duyên gì khiến Tăng chưa có tránh sự không sanh tránh sự, đã có tránh sự thì được trừ diệt?”

Đức Phật trả lời cho A-nan: *(ngược với câu trên)*.

27. Phật bảo A-nan tiếp:

“Có mười loại gốc rễ của tranh cãi, cần nên biết, khéo dùng phương tiện để trừ diệt. Mười loại là gì? *(ngược với câu trên)*.

28. Bảy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch Phật:

“Kính bạch Đại Đức, nói là Tăng vỡ, cho đến mức nào được gọi là Tăng vỡ? Ai phá vỡ hòa hợp Tăng?”

Đức Phật trả lời: mười sự như trên. Do mười sự này mà tìm cầu bè đảng, hoặc sai người tìm cầu, rồi thuyết giới bố-tát yết-ma biệt bộ. Cho đến mức đó, được gọi là Tăng vỡ. Đó gọi là phá vỡ hòa hợp Tăng.

Ưu-ba-ly hỏi về hòa hợp Tăng *(ngược với câu trên)*.

XI. MƯỜI MỘT PHÁP VÀ TRÊN

1. Có mười một lời xả giới: “Tôi xả Phật, xả Pháp, xả Tăng, xả Hòa thượng, xả đồng Hòa thượng, xả A-xà-lê, xả đồng A-xà-lê, xả tịnh hạnh tỳ-kheo, xả Ba-la-đề-mộc-xoa, xả tỳ-ni, xả học sự.” Đó là mười một. Cũng vậy, cứ mỗi mỗi mười lời làm thành một hạng mục, cho đến “... phi sa-mônThích tử” cũng như vậy.

2. Bấy giờ đức Thế Tôn ở trong rừng thành Bất-thì,¹ bảo các tỳ-kheo rằng:

“Tỳ-kheo ở bất cứ chỗ nào cũng không được đấu tranh, mạ lị nhau, tuôn ra lời như đao kiếm, bươi móc việc tốt việc xấu. Khi nhớ đến còn không vui hưởng là sống với nó.

“Các người quyết định nên biết ba pháp nhanh chóng dập tắt, nên biết ba pháp tăng trưởng. Ba pháp gì? Niệm xuất ly, niệm không sân nhuế, niệm không tật đố. Ba sự này nhanh chóng dập tắt. Ba pháp làm cho tăng trưởng là gì? Niệm tham dục, niệm sân nhuế, niệm tật đố. Ba pháp này làm tăng trưởng. Vì vậy, bất cứ ở chỗ nào nếu đấu tranh, mạ lị lẫn nhau, miệng tuôn ra lời như đao kiếm, bươi móc xấu tốt nhau, khi nhớ đến còn không vui hưởng là sống với nó; cho nên các người quyết định nên biết ba pháp tổn giảm, và ba pháp tăng trưởng này.

Nếu tỳ-kheo ở bất cứ chỗ nào mà không cùng đấu tranh nhau. *(ngược nghĩa với câu trên)*.

3. Trường hợp nếu có đấu tranh, hai bên đều không nhẫn nhịn, lòng ôm lấy sự cấu ứ, ghét nhau, hại nhau, tăng trưởng [1013a1] sân hận, không khéo điều phục, không nhận lời dạy bảo nhau, cùng mất sự cung kính, thì nên biết tránh sự này càng lúc càng trở thành kiên cố, không thể như pháp, như luật, như lời Phật dạy để chấm dứt được.

Nếu tỳ-kheo đấu tranh nhau, hai bên đều có thể nhẫn nhịn, lòng không ôm cấu ứ, không ghét nhau, hại nhau, không tăng trưởng sân nhuế, khéo điều phục, nghe lời dạy bảo của nhau, không mất sự cung kính, thì tránh sự này không kiên cố, sẽ được như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà chấm dứt.

Nếu tỳ-kheo cùng tranh cãi nhau, mà hai bên đều không nhẫn nhịn, lòng ôm cấu ứ, ghét nhau, hại nhau, tăng trưởng sân nhuế, không

¹ Bất-thì thành lâm 不尸城林.

khéo điều phục, không nhận sự dạy bảo của nhau, cùng mất sự cung kính; trường hợp này, khi tránh sự khởi lên nếu không dùng một pháp nào trong bảy diệt tránh để chấm dứt, thì nên biết tránh sự này càng lúc càng trở thành kiên cố, không được như pháp, như luật, như lời Phật dạy để chấm dứt.

Nếu tránh sự như pháp được chấm dứt... (*ngược với câu trên*).

Nếu tỳ-kheo cùng đấu tranh nhau mà không cho thương, trung, hạ tọa bình nghị thì không nhập, không tương ưng với Tu-đa-la,¹ Tỳ-ni, pháp luật. Nếu khi tránh sự khởi lên mà không dùng một trong bảy pháp diệt tránh để chấm dứt, thì tránh sự này sẽ đưa đến tăng trưởng kiên cố, không được như pháp, như luật, như lời Phật dạy để chấm dứt.

Nếu tránh sự như pháp diệt... (*ngược với nghĩa trên*).

Nếu không cùng với vị tri Luật, tri Pháp, tri Ma-di, cùng bình nghị tránh sự, thì tránh sự tăng trưởng cũng như câu trên đã nói.

Nếu tránh sự như pháp chấm dứt... (*thì cũng như câu trên*).

4. Bảy giờ, đức Thế Tôn bảo Ưu-ba-ly:

“Các người chớ nên lúc nào cũng cử tội tỳ-kheo khác. Tại sao vậy? Nếu cử tội người khác mà thân không thanh tịnh, khẩu không thanh tịnh thì người khác liền nói: ‘Thưa Trưởng lão, trước hết tự mình phải tịnh thân, khẩu, oai nghi đã.’ Nay Ưu-ba-ly, nếu tỳ-kheo thân, khẩu thanh tịnh thì người kia không thể nói gì được.

“Lại nữa, nay Ưu-ba-ly, muốn cử tội tỳ-kheo khác, mà mạng không thanh tịnh, ít nghe, không tụng Tu-đa-la, thì khi cử tội, người kia liền nói: ‘Thưa Trưởng lão, trước hết phải tự thanh tịnh mạng của mình, tụng Tu-đa-la đã.’ Nay Ưu-ba-ly, nếu cử tội người khác mà tự mình mạng thanh tịnh, nghe nhiều, tụng Tu-đa-la, thì người kia không thể nói gì được.

¹ Trong bản, tu-đồ-lộ 修妒路.

“Này Ưu-ba-ly, nếu cử tội tỳ-kheo khác mà mình không đa văn, không biết tỳ-ni, biện thuyết không rõ ràng, được ví dụ như con dê trắng, nếu cử tội người thì người kia sẽ nói: ‘Trưởng lão phải học tỳ-ni, học cách nói trước đã.’ Này Ưu-ba-ly, cử tội tỳ-kheo khác mà mình đa văn, tụng tỳ-ni, **[1013b]** nói năng biện thuyết rõ ràng thì người kia không nói gì được. Này Ưu-ba-ly, bởi vậy cho nên tỳ-kheo nên biết như vậy.

5. Nếu tỳ-kheo nên biết như vậy: người mà có yêu, có kính ta, thì ta nên cử tội. Hoặc không yêu ta nhưng mà kính ta, thì ta nên cử. Hay không kính, nhưng yêu, ta nên cử. Nếu không yêu, không kính, nhưng ta có thể khiến người ấy bỏ ác trở về thiện được thì nên cử. Nếu người ấy mà không yêu, không kính ta, và ta cũng không thể khiến cho bỏ ác hành thiện, nhưng có tỳ-kheo mà người ấy coi trọng, tôn kính tin tưởng, có thể khiến cho bỏ ác hành thiện, thì nên cử. Nếu không yêu, không kính, không thể khiến cho bỏ ác hành thiện, lại không có tỳ-kheo mà người ấy coi trọng, tôn kính tin tưởng, không thể khiến cho bỏ ác hành thiện. Thì này Ưu-ba-ly, Tăng nên xả trí liên, đuổi đi, và nói: “Dù Trưởng lão muốn đi đến nơi nào, nơi đó cũng sẽ đối với thầy mà tác cử, tác ức niệm, tác tự ngôn, ngăn a-nậu-bà-đà, ngăn thuyết giới, ngăn tự tứ. Thí như ông thầy dạy ngựa, con ngựa dữ khó dạy, ông liền gộp cả yên cương mà đuổi nó đi; tỳ-kheo này cũng lại như vậy. Người như vậy không được đến họ cầu thỉnh. Đây tức là thỉnh.

Đức Phật dạy như vậy. Ưu-ba-ly sau khi nghe, hoan hỷ, tín lạc thọ trì.

6. Ưu-ba-ly bạch Phật: “Bạch Đại Đức, bằng bao nhiêu pháp để khơi dậy sự cho tỳ-kheo?”

Đức Phật dạy: “Sự của tỳ-kheo được khơi dậy bằng ba pháp: phá giới, phá kiến, phá oai nghi.”

Ưu-ba-ly lại hỏi: “Sự được khởi lên bằng ba sự này, lại phải bằng bao nhiêu pháp để tác cử?”

Đức Phật dạy: “Nên bằng ba pháp kiến, văn, nghi để cử.”

Ưu-ba-ly lại hỏi: “Bằng ba sự khởi sự; bằng ba pháp để tác cử, bên trong (người tác cử) phải có bao nhiêu pháp, sau đó mới cử?”

Đức Phật dạy: “Bên trong người ấy phải có năm pháp mới nên tác cử. (như trước đã nói, “đúng thời chứ không được phi thời”¹).

7. Đức Thế Tôn ở bên ao nước, tại nước Bạt-xà, bảo các tỳ-kheo:

“Các người nói Ta vì y phục, ẩm thực, thuốc men chữa bệnh, giường nằm, ngọa cụ mà nói pháp phải không?”

Các tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Đại Đức, chúng con không dám sanh ý nghĩ như vậy. Chúng con không dám nói đức Thế Tôn vì y phục, cho đến ngọa cụ mà nói pháp.”

Đức Phật dạy: “Nếu không nghĩ như vậy, thì nghĩ thế nào?”

Các tỳ-kheo thưa: “Chúng con có nghĩ rằng đức Thế Tôn rủ lòng từ đối với chúng sanh nên nói pháp.”

Đức Phật dạy: “Các người nếu thật sự có ý nghĩ như vậy thì đối với pháp mà Ta đã giác ngộ chứng tri [1013c] là, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn thân túc, bốn thiền, năm căn, năm lực, bảy giác ý, tám chánh đạo, các người nên hoan hỷ hòa hợp tu học. Nếu đã hoan hỷ hòa hợp tu học thì nếu có tỳ-kheo nào phạm giới, các người không được vội vã cử tội mà nên tự quán sát: ‘Mong sao không gây phiền não cho chính mình, cũng không khiến hại người. Người phạm tội kia phải chăng không ưa sân hận, không ngậm kết oán hiềm, không khó giác ngộ, tự mình có thể trừ tội, có thể bỏ pháp bất thiện, trụ nơi thiện pháp?’ Quán sát như vậy rồi, cần phải cân nhắc, đăn đo, nếu thấy có thể gây phiền não cho mình song sẽ không hại người; người phạm kia có tội lại không ưa sân nhuế, không khó tỉnh ngộ, sớm có thể trừ tội, có thể bỏ pháp bất thiện, trụ thiện pháp. Tỳ-kheo kia nên nghĩ rằng: ‘Tuy ta bị một ít phiền não, nhưng đối với vị kia không có hại, chỉ có ái, có lợi ích, có thể khiến

¹ Xem mục “Năm pháp”, hạng mục 213; “Mười pháp”, hạng mục 9.

cho vị ấy bỏ pháp bất thiện, mà trụ nơi thiện pháp.’ Thế thì nên cử tội.

“Tỳ-kheo nghĩ như vậy: ‘Ta cử tội người khác, sẽ tự chuốc lấy phiền não cho chính mình, nhưng không hại người kia. Vị kia có tội, ưa sân nhuế, nhưng dễ được giải ngộ, có thể nhanh chóng xả tội.’ *Còn lại, như trên đã nói.*

“Tỳ-kheo lại nghĩ: ‘Nếu cử tội người khác, ta sẽ tự chuốc lấy phiền não hại. Vị có tội kia ưa sân nhuế, khó có thể giải ngộ, không sớm xả tội. Nếu ta cử tội, tác pháp ức niệm, mà vị ấy sẽ dùng những lời quanh co khác để trả lời ta, rồi lại sanh sân nhuế, thì người như vậy nên xả trí, không cần phải cử tội thêm nữa.’

“Tỳ-kheo hòa hợp, hoan hỷ như vậy, mà có những lời tranh cãi trong A-tỳ-đàm, thì nên nói: ‘Thưa các Trưởng lão, văn và nghĩa của những điều được nói đều tương ưng, ta không nên tranh cãi nhau.’ Có tỳ-kheo khác nào, mà lời nói được mọi người tin dùng, cũng nên nói: ‘Thưa các Trưởng lão, văn và nghĩa của những điều được nói đều tương ưng, ta không nên tranh cãi nhau.’ Lại còn có tỳ-kheo khác nữa, mà lời nói được mọi người tin dùng, thì cũng nên nói như vậy.

“Lại nói như sau: ‘Thưa Trưởng lão, văn cú những gì đã được nói tuy khác nhau nhưng nghĩa thì đồng. Đây chỉ là việc nhỏ. Ta đừng tranh cãi nhau nữa.’ Nếu có ai được nhiều người tin, mà lời nói được tin dùng, thì cũng nên nói như vậy. Lại còn người khác được nhiều người tin, mà lời nói được tin dùng, thì cũng nên nói như vậy.

“Lại nói như vậy: ‘Thưa Trưởng lão, văn của những gì được nói thì đồng, nhưng nghĩa thì khác,’ cũng như vậy.

“Lại nói như vậy: ‘Thưa Trưởng lão, văn và nghĩa của những gì đã được nói đều khác. Ta đừng tranh cãi nhau nữa.’ Nếu có ai được nhiều người tin, mà lời nói được tin dùng, thì cũng nên nói như vậy. Lại còn người khác được nhiều người tin, mà lời nói được tin dùng, thì cũng nên nói như vậy.

“Nếu nói lời nói như vậy, mà chúng Tăng hòa hợp, [1014a] có tránh sự khởi, nên cùng hoà hiệp tập hợp lại. Sau khi tập hợp rồi, nên tác pháp quán sát như vậy: ‘Nếu chúng ta tranh chấp nhau, đối với pháp sa-môn có gây lưu nạn hay không? Thầy nghĩ thế nào?’ Tỳ-kheo nào thấy được chánh lý thì nên nói lời này: ‘Pháp đấu tranh đối với sa-môn tức là lưu nạn.’ Lại hỏi: ‘Hoặc giả có ai thấy đây là điều đáng quở trách hay không?’ Vị kia nói: ‘Theo ý tôi, đối với pháp sa-môn mà gây lưu nạn tức là đáng quở trách.’ Lại hỏi: ‘Nếu đối với pháp sa-môn các lưu nạn là pháp đáng quở trách, nhưng có thể tiến đến thiện căn, đắc quả sa-môn hay không?’ Có tỳ-kheo thấy chánh lý nói: ‘Theo ý tôi, điều đáng quở trách thì không thể tiến đến thiện căn, không thể đắc sa-môn quả.’ Nếu làm như vậy mà tránh sự được chầm dứt thì nên nói với tỳ-kheo kia rằng: ‘Thầy vì chúng tôi mà chầm dứt tránh sự này.’ Tỳ-kheo kia nên trả lời: ‘Tôi không biết được tâm của người khác. Duy chỉ tin tưởng nơi đức Phật mà thôi. Đức Thế Tôn có lúc vì tôi nói pháp tối thắng thượng diệu, chỉ bày thiện ác. Cứ như pháp mà tôi nghe từ đức Thế Tôn như vậy, nay nói lại cho thầy.’ Nếu tỳ-kheo kia nghe rồi liền xả bỏ tránh sự. Khi tỳ-kheo này nói lời như vậy, đã không tự đề cao mình cũng không hạ thấp người. Như vậy, các tỳ-kheo khác không có chỗ nào để quở trách được.”

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo sau nghe, hoan hỷ, tín lạc thọ trì.

8. Có mười ba hạng người, chưa thọ đại giới thì không được cho thọ, nếu đã thọ thì nên diệt tận:¹ tự nói phạm biên tội, phạm tỳ-kheo-ni, tặc tâm thọ giới, phá nội ngoại đạo, huỳnh môn, giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, với ác tâm làm thân Phật ra máu, phi nhân, súc sanh, hai căn. Đó là mười ba hạng người nếu chưa thọ đại giới thì không được cho thọ; đã thọ đại giới thì nên diệt tận.

9. Bấy giờ đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

¹ Đây nói đủ 13 già nạn. Xem Phần III, Chương I “Thọ giới.”

“Các người không được lúc nào cũng cử tội tỳ-kheo khác. Tại sao vậy? Nếu tỳ-kheo muốn cử tội tỳ-kheo khác mà thân không thanh tịnh thì vị kia sẽ nói: ‘Thưa Trưởng lão, trước hết tự mình nên tịnh thân đã.’ Nếu cử tội tỳ-kheo khác mà thân mình được thanh tịnh thì vị kia sẽ không nói được gì.”

Cũng vậy, miệng không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh, không đa văn, không tụng Tỳ-ni, không quán Tu-đa-la, biện thuyết không rõ ràng, dụ như con dê trắng, đối với thiện tỳ-kheo thân nghiệp không từ hoà, cũng như vậy.

10. “Lại nữa, Ưu-ba-ly, nếu tỳ-kheo muốn xuất tội của người, không khiến cho có tội; có phạm thì cử, không phạm thì không cử; căn cứ theo tự ngôn của tỳ-kheo đó, cho yết-ma tự ngôn, khéo hay nói năng rõ ràng có lợi ích **[1014b]**.”

“Lại nữa, này Ưu-ba-ly, tỳ-kheo cử tội người khác nên có năm pháp: đúng thời không phi thời... *(như năm pháp trên đã nói)*.

11. “Này Ưu-ba-ly, nếu tỳ-kheo nào có mười bảy pháp này thì nên cử tội tỳ-kheo khác.

12. Có hai mươi hai pháp không được trao đại giới cho người: không biết pháp, không biết phi pháp, cho đến không biết thuyết, không biết phi thuyết, không biết tội có thể sám hối, không biết tội không thể sám hối, không biết sám hối, không biết sám hối thanh tịnh. Có hai mươi hai pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

Có hai mươi hai pháp nên trao đại giới cho người *(ngược với câu trên)*.

13. Bây giờ đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Do hai mươi hai hành tướng để biết người bình đoán sự: thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, đa văn, khéo giải A-tỳ-đàm, Tỳ-ni, không cùng người tranh cãi, cũng không kiên trụ nơi việc này, người đáng quả trách thì quả trách rồi sau đó mới an trú, người nên dạy dỗ thì dạy dỗ rồi sau đó mới an trú, nên diệt tận thì diệt tận rồi sau đó mới

an trú, không ái, không nhuế, không bố, không si, không nhận thức ăn của bộ này, cũng không nhận thức ăn của bộ kia, không nhận y bát, tọa cụ, ống đựng kim của bộ này cũng không nhận y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của bộ kia, không cung cấp bộ này, cũng không cung cấp bộ kia, không cùng với bộ này vào xóm, cũng không cùng với bộ kia vào xóm, không cùng kỳ hẹn cũng không đến nơi kia, đến sau thì ngồi sau. Có hai mươi hai hành tướng này thì biết đó là người bình đoán sự.”

Đức Phật dạy như vậy. Các tỳ-kheo sau nghe, hoan hỷ, phụng hành.

LUẬT TỬ PHẦN

PHẦN THỨ TƯ

(hết)

LUẬT TỨ PHẦN

Dịch xong ngày 04 tháng 02 năm 1992 (Nhâm thân)

Sao xong ngày 08 tháng 03 năm 1992 (Nhâm thân)

Tỳ-kheo Thích Đồng Minh

Tỳ-kheo Thích Đức Thắng

Duyệt lại lần thứ hai, hiệu chỉnh & chú thích, PL. 2546

Quảng Hương Già-lam, ngày 15 tháng Giêng, năm Quý mùi

Thị ngạn am

Tỳ-kheo Thích Nguyên Chứng

Duyệt lại lần thứ ba, PL. 2549

Quảng Hương Già-lam, ngày 13, tháng Giêng, Bính Tuất

Thị ngạn am

Tỳ-kheo Thích Nguyên Chứng

MỤC LỤC

Chương I. Phòng xá.....	7
1. Ca-lan-đà Trúc viên	7
2. Tinh xá.....	8
3. Giường nằm.....	11
4. Chăn màn.....	13
5. Sảnh đường.....	15
6. Cấp Cô Độc.....	17
7. Thứ bậc Tăng trong già-lam.....	23
8. Trú trì.....	27
9. Phòng ốc.....	28
10. Tường rào chùa.....	30
11. Nhà tắm.....	33
12. Dùng nước.....	34
13. Đất trồng.....	35
14. Lò sưởi.....	36
15. Thọ nhận phi pháp.....	38
16. Tứ phương Tăng vật.....	40
17. Tỳ-kheo tri sự.....	42
18. Chia cháo.....	46
Chương II. Tạp sự.....	49
1. Bát.....	49
2. Dao.....	49
3. Râu-tóc-móng.....	50
4. Trang sức.....	53
5. Thần biến thị đạo.....	54
6. Thiên bức luân.....	71
7. Các loại bát cấm.....	77
8. Xông bát - Nung bát.....	82
9. Trì bát.....	83

10. Tịnh quả.....	87
11. Câu-chấp.....	88
12. Khâu y.....	88
13. Vá bát.....	90
14. Lấy lửa.....	91
15. Lọc nước.....	91
16. Ăn ngủ chung.....	92
17. Chuyển thể Phật ngôn.....	95
18. Sinh nghi.....	96
19. Dù - gậy - quạt - phát trần.....	98
20. Chỗ ngồi.....	101
21. Tội.....	102
22. Khuân vác.....	102
23. Tháp Thanh văn.....	103
24. Cạo tóc.....	106
25. Tháp Phật.....	107
26. Nhà tắm.....	114
27. Úp bát.....	114
28. Yết-ma trì gậy.....	120
29. Mặc nhiên.....	122
30. Chúc lành - Thề thốt.....	122
31. Dây nịt.....	123
32. Gồm.....	124
33. Chú thuật.....	125
34. Răng-lưỡi-tai.....	125
35. Nuôi cầm thú.....	127
36. Ưu-đà-diên.....	128
Chương III. ngũ bách kết tập.....	151
I. Duyên khởi.....	151
II. A-nan.....	155
III. Tập tạng.....	157
IV. Tập luật tạng.....	161

V. Tập kinh tạng.....	164
VI. Phú-lâu-na.....	166
Chương IV. Thất bách kết tập.....	169
I. Duyên khởi.....	169
II. Li-bà-đa.....	173
III. Vận động.....	178
IV. Các thượng tọa.....	180
V. Tập tăng.....	182
VI. Bình nghị.....	183
Chương V. Điều bộ.....	187
A. Ba-la-di.....	187
I. Bất tịnh hạnh.....	187
1. Ưu-ba-ly thỉnh vấn.....	187
2. Cộng súc sanh.....	189
3. Dữ học giới.....	190
4. Phi đạo.....	193
5. Cường dâm.....	193
II. Bất dữ thủ.....	205
1. Ưu-ba-ly thỉnh vấn.....	205
2. Vật gia dụng.....	207
3. Y phục.....	208
4. Trốn thuế.....	210
5. Trộm có tổ chức.....	210
6. Sở hữu tụ lạc.....	211
7. Trộm kinh.....	211
8. Đồng lõa.....	211
9. Trộm nhàm.....	212
10. Di chuyển vật.....	214
11. Nguồn nước.....	216
12. Chiếm dụng.....	217

13. Hoa quả.....	218
14. Xe - thuyền	219
15. Vật từ thú vật	220
16. Giải phóng súc vật.....	221
17. Vật dụng của tỳ-kheo	222
18. Phần của người khác	224
19. Cầm nhầm.....	225
20. Vật vô chủ.....	227
21. Mượn tiếng lầy.....	230
22. Bắt cóc trẻ.....	231
23. Nhận di chúc	232
III. Đoạn nhân mạng.....	234
1. Ưu-ba-ly thỉnh hỏi.....	234
2. Khuyến khích chết	235
3. Phương tiện giết.....	235
4. Phá thai.....	238
5. Cho bệnh chết sớm.....	240
6. Sai bảo giết	242
7. Ngộ sát và cố sát	243
IV. Đại vọng ngữ.....	251
1. Ưu-ba-ly thỉnh vấn.....	251
2. Tự xưng	253
3. Tự ám chỉ.....	254
4. Tự hiện tướng	254
5. Mục-liên tự thuyết.....	256
B. Tăng-già-bà-thi-sa	265
I. Lộng âm.....	265
II. Xúc nữ.....	268
III. Thô ác ngữ	274
IV. Sách cúng dường	282
V. Môi giới.....	284
VI. Vô căn ba-la-di.....	290

Chương VI. Tỳ-ni tăng nhất.....	293
I. Một pháp.....	295
II. Hai pháp	296
III. Ba pháp	315
IV. Bốn pháp.....	339
V. Năm pháp	356
VI. Sáu pháp.....	386
VII. Bảy pháp.....	387
VIII. Tám pháp.....	389
IX. Chín pháp.....	398
X. Mười pháp.....	399
XI. Mười một pháp và trên	404